THƯ VIỆN
150-158
NHƯNG
2016
20103912

THỊ BỪNG - NGUYỄN THỊ VÂN HƯƠNG
(Sưu tầm và biên soạn)

# Những điều kì diệu về tâm lí con người

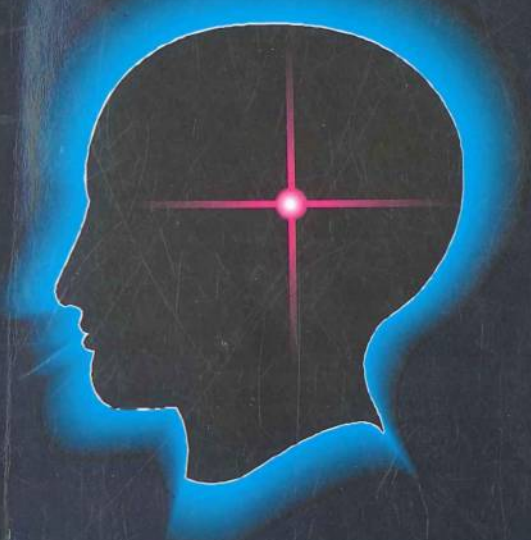

Những điều kì diệu
20103912

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

LÊ THỊ BỪNG – NGUYỄN THỊ VÂN HƯƠNG
(Sưu tầm và biên soạn)

# NHỮNG ĐIỀU KÌ DIỆU VỀ TÂM LÍ CON NGƯỜI

*(In lần thứ ba)*

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

UNIVERSITY OF EDUCATION PUBLISHING HOUSE

NHỮNG ĐIỀU KÌ DIỆU VỀ TÂM LÍ CON NGƯỜI

Lê Thị Bừng - Nguyễn Thị Vân Hương (Sưu tầm và biên soạn)

Bản quyền xuất bản thuộc về Nhà xuất bản Đại học Sư phạm.
Mọi hình thức sao chép toàn bộ hay một phần hoặc các hình thức phát hành
mà không có sự cho phép trước bằng văn bản
của Nhà xuất bản Đại học Sư phạm đều là vi phạm pháp luật.

*Chúng tôi luôn mong muốn nhận được những ý kiến đóng góp của quý vị độc giả để sách ngày càng hoàn thiện hơn. Mọi góp ý về sách, liên hệ về bản thảo và dịch vụ bản quyền xin vui lòng gửi về địa chỉ email: kehoach@nxbdhsp.edu.vn*

Mã số sách tiêu chuẩn quốc tế: ISBN 978-604-54-2287-8

*Chương VII. Ngôn ngữ* ..... *171*
I. Khái niệm, phân loại, chức năng của ngôn ngữ ..... 172
II. Ngôn ngữ làm cho tâm lí người khác xa về chất so với tâm lí động vật ..... 174
*Chương VIII. Trí nhớ và biểu tượng* ..... *181*
I. Những vấn đề chung về trí nhớ và biểu tượng ..... 181
II. Trí nhớ và những điều kì diệu của nó ..... 184

**PHẦN III. CÁC THUỘC TÍNH TÂM LÍ CÁ NHÂN** ..... **205**
*Chương IX. Xúc cảm và tình cảm* ..... *205*
I. Tình cảm là gì? ..... 205
II. Sự biểu hiện xúc cảm – Tình cảm con người trong hoạt động thực tiễn ..... 207
*Chương X. Hành động ý chí* ..... *214*
I. Khái niệm ý chí ..... 214
II. Sự biểu hiện kì diệu ý chí, nghị lực của con người trong cuộc sống ..... 216
*Chương XI. Năng lực* ..... *241*
I. Khái niệm chung về năng lực ..... 241
II. Năng lực thể hiện trong hoạt động và bằng hoạt động kì diệu của con người ..... 247
III. Thiên tài xuất hiện rất sớm ..... 280
IV. Những điều bí ẩn về thần đồng ..... 296
V. Để có thần đồng phải nuôi dạy như thế nào? ..... 301
*Chương XII. Tính cách* ..... *316*
I. Khái quát chung về tính cách ..... 316
II. Một số tính cách của con người được biểu hiện trong thực tiễn ..... 317
*Chương XIII. Khí chất* ..... *323*
I. Khái quát chung về khí chất ..... 323
II. Sự biểu hiện khí chất ra bên ngoài của một số người ..... 324
III. Những điều kì diệu về khí chất con người ..... 325

**KẾT LUẬN** ..... **330**

# LỜI NÓI ĐẦU

*Trên thế gian này có muôn vàn kì diệu*
*Nhưng kì diệu nhất vẫn là con người.*
Khuyết danh

Nửa sau thế kỉ XX loài người đã đạt được biết bao thành tựu khoa học vô cùng kì diệu và cũng đặt ra biết bao vấn đề mới mẻ cần nghiên cứu. Con người cũng đặt lại nhiều vấn đề phải nghiên cứu với tầm cao mới: nguồn gốc của vũ trụ; nguồn gốc của Trái Đất; nguồn gốc của sự sống; nguồn gốc của con người... đặc biệt là vấn đề bản chất con người – "một vấn đề cơ bản vĩnh cửu".

Trong xu thế ấy có nhiều công trình nghiên cứu, nhiều ý tưởng mới, nhiều thành tựu mới trong nghiên cứu về con người, nâng khoa học về con người lên một tầm cao mới, các tổ chức nghiên cứu về con người và các cơ quan ngôn luận của khoa học này được tăng lên rõ rệt. Kết thúc thế kỉ XX bước vào thế kỉ XXI, đặc biệt nổi lên vấn đề con người và tâm lí, nhân cách, trí tuệ, tiềm năng, nguồn lực con người. Tất cả các nước đều đặt vấn đề con người thành vấn đề trung tâm chiến lược phát triển kinh tế – xã hội trong các thập kỉ của thiên niên kỉ mới. Nhiều nơi coi chiến lược con người là linh hồn của chiến lược kinh tế – xã hội. Nhiều sách nhấn mạnh vai trò của khoa học về con người và tâm lí học phát triển cùng với thuyết tương đối và cơ học lượng tử. Vào đầu thế kỉ XVII người ta nói có thân thể khoẻ mạnh, thì mới có tâm hồn lành mạnh. Đầu thế kỉ XXI người ta lại nói: Tâm lí có thanh nhân, thể lực mới khoẻ mạnh. Có lẽ không có gì mâu thuẫn trong hai câu nói này mà tinh thần chung đúng là có mối tương quan biện chứng giữa sinh thể và chức năng thân thể – thân, tổ chức (cấu trúc) cơ thể và chức năng, thân thể, não bộ – sinh lí – tâm lí. Nói tóm lại, vấn đề tâm – thân vẫn là một vấn đề trung tâm của tâm lí học nói chung. Tổng hợp lực của tâm, trí lực, thể lực mới thành sức mạnh nội sinh của mỗi người. Khát vọng lí tưởng, đạo đức cùng với tay nghề hợp thành chất lượng nguồn lực con người.

Khap Man[1] đã đưa ra 6 nội dung trong tương lai của ngành giáo dục như sau:

1. Tiếp cận và sử dụng tin học bao gồm cả thư viện và sách tham khảo, các bộ nhớ của máy tính, các tài liệu liên quan đến kinh doanh và cơ cấu chính phủ.

2. Bồi dưỡng tư duy mạch lạc, bao gồm phân biệt được ngữ nghĩa học, lôgic học, số học, soạn thảo trên máy tính, phương pháp dự đoán, tính sáng tạo trong tư duy.

3. Bồi dưỡng những kĩ năng thông đạt hiệu quả, bao gồm: diễn thuyết trước đông người, ngữ pháp, tu từ, hội hoạ, nhiếp ảnh, quay phim, vẽ đồ án...

4. Tìm hiểu con người và môi trường sống, gồm các môn: Vật lí, Hoá trị, Hoá học, Thiên văn học, Địa chất và Địa lí học, Tiến hoá luận dân số...

5. Tìm hiểu con người và xã hội, gồm: luận tiến hoá của nhân loại, sinh lí học, ngôn ngữ học, văn hoá, nhân loại học, tâm lí học xã hội, chủng tộc học, pháp luật, hình thái biến đổi ngành nghề, vấn đề tồn tại và tiếp diễn của loài người.

6. Năng lực cá nhân: gồm ma lực sinh lí và sự cân bằng sinh lí, huấn luyện mưu sinh và tự vệ, an toàn, dinh dưỡng vệ sinh, giới tính, tiêu dùng và tài sản của cá nhân, phương thức học tập tối ưu và sách lược, nghệ thuật nhớ, động cơ tự học...

Những tiến bộ của khoa học nói lên sự phát triển nhận thức, năng lực, tài năng, ý chí, nghị lực, tình cảm... của con người ngày càng cao. Nhân loại đã bước sang thời kì công nghiệp lần thứ III với sự sáng tạo diệu kì của nó. Mỗi khoa học nghiên cứu một sự kì diệu khác nhau của con người. Tâm lí học là khoa học về các hiện tượng tâm lí, tinh thần xảy ra trong đầu óc con người, gắn liền với mọi hoạt động, hành động của con người. Đó là sự phản ánh hiện thực khách quan vào não người. Tâm lí người mang tính chủ thể, mang bản chất xã hội – lịch sử. Các hiện tượng tâm lí đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong đời sống của con người, trong quan hệ giữa con người với con người và xã hội loài người. Có người đã khái quát rằng: Tâm lí học là vũ khí lợi hại của nhà ngoại giao, là cẩm nang trong giao tiếp, là chiếc chìa khoá để mở cõi lòng người chân thật, là sợi dây ràng buộc bởi người mình yêu.

---

[1] Khap Man. *Dự báo thế kỉ XXI*. Nxb Thống kê 1998. tr.693.

Tâm lí con người, theo cách phân loại phổ biến trong các tài liệu tâm lí học bao gồm:

* *Các quá trình tâm lí:* là những hiện tượng tâm lí diễn ra trong thời gian tương đối ngắn, có mở đầu, diễn biến, kết thúc tương đối rõ ràng. Người ta thường phân biệt ba quá trình tâm lí:

– Các quá trình nhận thức: cảm giác, tri giác, trí nhớ, tư duy, tưởng tượng.

– Các quá trình cảm xúc: biểu thị sự vui mừng hay tức giận, dễ chịu, khó chịu, nhiệt tình hay lạnh nhạt...

– Quá trình hành động ý chí.

* *Các trạng thái tâm lí:* là những hiện tượng tâm lí diễn ra trong thời gian tương đối dài, việc mở đầu và kết thúc tương đối rõ ràng, như: chú ý, tâm trạng.

* *Các thuộc tính tâm lí*: là những hiện tượng tâm lí tương đối ổn định, khó hình thành và khó mất đi, tạo thành những nét riêng biệt của nhân cách. Người ta thường nói tới bốn nhóm thuộc tính tâm lí: xu hướng, tính cách, khí chất, năng lực.

Mỗi hiện tượng tâm lí ở con người là một sự kì diệu. Chính sự kì diệu đó thể hiện vai trò, chức năng của võ não, của hệ thần kinh, các giác quan của con người. Nó nói lên tài năng, trí tuệ, sự sáng tạo, sự hoàn hảo của tâm lí con người mà không loài vật thông minh nào có được. Chính con người với khả năng tâm lí của mình đã sáng tạo ra các công trình trong nghệ thuật hội hoạ, điêu khắc, âm nhạc..., trong việc chinh phục, cải tạo thiên nhiên, xã hội, cải tạo chính bản thân mình ngày một hoàn thiện, tốt đẹp hơn. Vì vậy, Secxpia nhà viết kịch nổi tiếng thế giới đã khái quát "Con người là một công trình tuyệt mĩ biết bao; lí trí của con người mới cao quý làm sao; năng khiếu của con người mới vô tận làm sao; hình dung và ý vị của con người mới đẹp đẽ làm sao; trong hành động giống như thiên thần, về trí tuệ ngang tài thượng đế – thật là một vẻ đẹp của thế giới kiểu mẫu của muôn loài".

Xuất phát từ vai trò và tầm quan trọng của các hiện tượng tâm lí con người, chúng tôi đã cố gắng sưu tầm, hệ thống những công trình (bài viết) của nhiều tác giả trong và ngoài nước đã đăng tải trên các sách, báo, tạp chí và dẫn chứng cụ thể hoá các hiện tượng tâm lí người nhằm giúp cho cán bộ và sinh viên các trường cao đẳng, đại học, các nhà tâm lí – giáo dục và những ai quan tâm đến những điều

kì diệu trong tâm lí con người hiểu rõ hơn sức mạnh tâm lí của con người. Trên cơ sở đó có thêm niềm tin vào cuộc sống xã hội và bản thân, nỗ lực vươn lên trong cuộc sống.

Tâm lí con người rất đa dạng, phong phú, rất kì diệu song cũng vô cùng bí ẩn và phức tạp. Do vậy, tập sách này khó có thể tập hợp được đầy đủ những điều kì diệu trong tâm lí con người. Chúng tôi mong nhận được góp ý, bổ sung của độc giả rộng rãi để cuốn sách ngày càng đầy đủ hơn.

**Các tác giả**

# PHẦN I

# NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

## Chương I. BỘ NÃO CON NGƯỜI VẪN CÒN LÀ MỘT BÍ ẨN

### I. CON ĐƯỜNG CỦA HÌNH ẢNH VÀ CẢM XÚC ĐI VÀO NÃO BỘ

Vào một ngày xuân đẹp trời, bạn dạo chơi trên con đường quê có hoa hồng nở rộ, chim hót líu lo và ánh mặt trời làm đôi má bạn ấm áp. Bỗng đâu bạn nghe tiếng chó sủa, thế là mọi chú ý của bạn đều hướng về con vật để cảnh giác đề phòng nó có thể tấn công bạn bất cứ lúc nào.

Thế thì bằng con đường nào những thông tin về xúc giác, thính giác, thị giác và phản ứng đề phòng lại cùng một lúc được thông tin, ghi nhận, phản hồi nhanh chóng như vậy.

Qua nhiều năm nghiên cứu, các nhà khoa học cho biết, não bộ thu nhận hình ảnh từ ngoại cảnh bằng cách phân mảnh hình ảnh và thông tin thành những phần rất nhỏ. Mỗi chuỗi thông tin được phân tích theo những con đường khác nhau. Khi mắt nhìn thấy hoa hồng, toàn bộ hình ảnh của hoa hồng trực tiếp được chuyển vào não, tế bào thần kinh tại võng mạc tức thì phân nhỏ hình ảnh thành những phần riêng biệt như hình dáng, kết cấu, màu sắc. Khi tai nghe tiếng chim hót, những tế bào thần kinh thính giác thu nhận từng tần số riêng, trong khi đó những tế bào thần kinh khác tính toán phương hướng và cường độ âm thanh. Khi nắng ấm chạm vào da mặt bạn, tế bào thần kinh ở da thu nhận độ ấm của ánh sáng rồi truyền về các kênh khác nhau trên vỏ não. Tế bào thần kinh từ mắt, tai, da thu nhận và gửi thông tin về các trung khu thần kinh tương ứng tại vỏ não. Một loạt hoạt động của hàng triệu tế bào thần kinh đưa hình ảnh, thông tin, âm thanh, độ ấm của ánh sáng vào các vùng khác nhau trên võ não.

## II. SAU KHI ĐƯỢC PHÂN MẢNH, CÁC PHẦN NHỎ HÌNH ẢNH SẼ ĐƯỢC LIÊN KẾT LẠI NHƯ THẾ NÀO?

Đi tìm câu trả lời cho câu hỏi này không phải là chuyện đơn giản, theo các nhà khoa học, trong não bộ của con người không có một "màn hình" thu nhận trực tiếp các hình ảnh và thông tin từ ngoại cảnh. Những dữ liệu thông tin nhập vào não bộ phải qua quá trình phân tích, phân nhỏ dữ liệu thu nhập và tái liên kết tại não và phản hồi phản ứng của não đối với những thông tin đó.

Các khoa học gia cũng cho rằng, những dữ liệu thông tin được các tế bào tiến hành xử lí theo cùng một nhịp điệu riêng biệt tại các khoảng cách cũng riêng biệt. Trong quá trình kết nối các thông tin đã bị "chẻ nhỏ" khi đưa vào não bộ, tại não các thông tin được mã hoá, sau đó lại được giải mã chính xác nhờ vào các nơron điều chỉnh chính xác. Các nhóm nơron này được phân bổ khắp vỏ não, chuyên mã hoá các dữ liệu thông tin và đảm nhận việc nối các dữ liệu khác nhau của các mức tổ chức khác nhau. Giống như hệ thống các đèn giao thông, các nơron thần kinh hoạt động nhẹ nhàng và liên kết chặt chẽ trong các hoạt động kiểm soát dòng nhận thức. Khi các nơron này bị tổn thương thì xảy ra hiện tượng động kinh. Theo Tiến sĩ Buzsaki nhà thần kinh học Đại học Rutgersunive Rsititai Neward, New Jersey, động kinh là một "cơn bão" của các hoạt động điện không liên kết trong não.

## III. LÍ THUYẾT MỚI CỦA TIẾN SĨ R. LINAS

Theo TS Roollo Linas – Giáo sư thần kinh học tại Đại học New York, trong lúc dạo bước trên con đường ngập nắng ấm thì quang cảnh bên ngoài được thu vào trí óc con người với một nhịp điệu đều đặn 40 vòng/giây và được dựng lại trong trí óc các dữ liệu đã thu nhận được.

Khi chó sủa gây cho con người một mối đe doạ thì nhịp 40 vòng/giây bị gián đoạn đột ngột, rồi lập tức điều chỉnh để phù hợp với yếu tố thông tin mới.

Nếu như lí thuyết của Linas đúng thì nó sẽ phần nào giải thích được bản chất của ý thức và những giấc mơ của con người. Não là một cơ quan có chức năng tạo ra hình ảnh. Khi ngủ, những hình ảnh đó là những giấc mơ, còn trong lúc tỉnh táo những hình ảnh đó được điều chỉnh lại đúng theo ghi nhận của các giác quan và thể hiện những hình ảnh của thế giới bên ngoài. Theo TS. Linas, cuộc sống trong khi thức của con người là một giấc mơ được dắt dẫn bằng giác quan. Ông còn làm thí nghiệm để đo các nhịp điệu của não ở các cấp khác nhau và thu nhận dữ liệu khi quan sát các nơron biến đổi trong vỏ não lúc bị tổn thương và gây ra những cơn hôn mê triền miên.

Lí thuyết của ông được nhiều ủng hộ từ các đồng nghiệp. Thông qua các thí nghiệm họ đã cắm các điện cực vào những vùng liên kết bên trong khu thần kinh với vỏ não của mèo tại vùng kiểm soát hoạt động thị giác và vùng tương ứng tại vỏ não. TS. Stenaoe cho rằng: các tế bào thần kinh trong cả hai vùng trên cùng dao động với nhịp 40 vòng/giây trong từng khoảng thời gian ngắn. Nhịp điệu này xuất hiện rồi biến mất và rất khó dò tìm được. Lí thuyết này của Linas cũng còn là đề tài tranh cãi giữa các nhà thần kinh học. Bởi vì người ta thừa nhận rằng, đi tìm bí mật của 200 vùng thần kinh trên võ não vẫn chỉ là những bước khởi đầu và chỉ có một số vùng được khám phá chi tiết.

**Bí mật về bộ não của nhà bác học Anhxtanh**

Anbe Anhxtanh cha đẻ của thuyết tương đối, là một nhà bác học thiên tài. Vậy liệu bộ não của ông có gì khác với người bình thường? Theo các nhà nghiên cứu, những người đã tách bộ não của ông ra khỏi hộp sọ sau khi ông chết, xét về mặt tổng thể bộ não của ông không có gì đặc biệt. Không nặng hay nhẹ hơn so với của người bình thường. Tuy nhiên, theo một phân tích mới của các nhà khoa học Canada thì não của Anhxtanh có một số điểm đặc biệt, phần não kiểm soát chức năng toán học và suy luận về không gian của ông to hơn bình thường và có thể sự liên kết giữa các tế bào với nhau ở đây tốt hơn, khiến chúng có thể hoạt động một cách hiệu quả hơn. Bên cạnh đó, việc trường Đại học Master tại Hailimintou (Mĩ) có được bộ não của Anhxtanh cũng không kém phần thú vị. Vào năm 1955, khi Anhxtanh mất (ở tuổi 76), bác sĩ tiến hành việc khám nghiệm tử thi tại bệnh viện Prinsetou (Mĩ), giáo sư Thomas Harvey đã tách bộ não của ông ra và cho ngâm nó vào trong chất Fomanđêhuýt. Ông Harvey không phải là bác sĩ thuộc lĩnh vực thần kinh và việc cất giữ này của ông đã gây ra sự bất bình trong giới khoa học. Năm 1996, ông Harvey đã trao lại hầu hết những dữ liệu nghiên cứu của mình và bộ não của các nhà bác học cho Giáo sư Witelson – nhà thần kinh học, để tiến hành những nghiên cứu mang tính so sánh về cấu tạo và chức năng của bộ não. Kết quả cho thấy, tuy kích cỡ của bộ não là bình thường nhưng vùng được gọi là thuỳ đỉnh dưới của não nhà bác học to hơn 15% so với những người bình thường. Theo như giáo sư Witelson thì chính khu vực này quyết định quan trọng đến sự nhận thức về không gian, ý tưởng về toán học và hình ảnh của chuyển động.

Các nhà nghiên cứu còn phát hiện ra rằng, những đường rãnh trong não của nhà bác học cũng nhỏ hơn bình thường.

# Chương II.
# NHỮNG KHẢ NĂNG KÌ DIỆU CỦA BỘ NÃO

## I. NÃO VÀ TÂM LÍ

Tâm lí như là thuộc tính của não, không thể hiểu và nghiên cứu được nếu không phân tích hoạt động sinh lí phức tạp của bộ óc. Tâm lí học khoa học, khi mô tả và nghiên cứu những hiện tượng tâm lí như sự phản ánh hiện thực bởi bộ óc, chỉ có thể coi là đã được thực hiện xong nhiệm vụ của mình nếu nó đẩy được việc nghiên cứu đến những quá trình thần kinh, những quá trình phản ánh, hành động phản ánh và củng cố các dấu vết.

Bộ óc con người là hiện tượng phức tạp nhất của sự sống hữu cơ trên Trái đất. Để hình dung tính đồ sộ của một bộ óc như một bộ máy tự nhiên, ta chỉ cần nêu lên vài con số. Bộ óc con người gồm 14 – 15 tỉ nơron. Nếu thực hiện những sự kết hợp giữa số lượng những lối vào (những nơron cảm giác) với số lượng những lối ra (những nơron vận động) khác nhau thì sẽ có con số lớn nhất trong những con số có ý nghĩa khoa học: $2^{106} \times 10$. Sự đồ sộ của những lối vào, lối ra ấy trở nên rõ ràng, nếu so sánh nó với số lượng những điện tử và Protêin trong vũ trụ: $1,5 \times 136^{2562}$. Từ đó ta có thể hiểu được những khó khăn mà khoa học gặp phải khi có ý định thâm nhập vào các cơ chế hoạt động của bộ óc. Bộ óc là những màng lưới phức tạp nhất của những nơron (những tế bào thần kinh) có quan hệ với nhau. Bất cứ nơron nào cũng có vài nghìn sự tiếp xúc với những nơron bên cạnh và qua những nơron ấy về lí thuyết có sự tiếp xúc với bất cứ nơron nào trong hệ thần kinh. Thân của tế bào thần kinh khác nhau về hình thức, còn bản thân các nơron thì thực hiện những chức năng khác nhau. Muốn hiểu cấu trúc cung phản xạ cần phân biệt ba loại nơron:

– Nơron thụ cảm (cảm giác).

– Nơron phân tích.

– Nơron li tâm (vận động).

Chúng tạo nên con đường mà theo đó những xung động thần kinh đi từ một cơ quan thụ cảm đến một cơ quan thi hành.

– Sự xung động này sinh ra do kích thích cơ quan thụ cảm đi vào hệ thần kinh trung ương theo những nơi thần kinh đến, những sợi thần kinh này tạo thành những mấu nơron thụ cảm. Sau đó nó di chuyển tới những nơron phân tích

và những khớp thần kinh – là nơi truyền sự kích thích đến những nơron li tâm, và theo những sợi thần kinh li tâm (những mấu nơron động cơ) mà đến cơ quan thi hành.

Ngày nay, bản chất và tốc độ lan truyền của xung động thần kinh được phát hiện khá chi tiết.

Người ta đã xác định được rằng, một dây thần kinh chết không dẫn một xung động thần kinh đi qua, và tốc độ truyền dòng điện hay dây dẫn nhanh hơn nhiều so với tốc độ truyền xung động thần kinh. Điều đó chứng tỏ rằng, xung động thần kinh về bản chất không phải là dòng điện. Theo những quan điểm hiện đại, xung động thần kinh là một kích thích điện hoá, trong sợi thần kinh một tác nhân kích thích có khả năng gây nên một kích thích làm chuyển dịch trạng thái cân bằng kali và natri của sợi thần kinh và dung dịch mô tấm nó. Do đó, mà làm thay đổi hiệu điện thế. Kích thích được gây ra ở một bộ phận của sợi thần kinh sẽ gây nên một kích thích ở bộ phận lân cận và cứ như thế cho đến khi xung động truyền đến đoạn cuối của dây dẫn. Như vậy sự truyền tiếp của xung động giống như sự chảy của dây Bicfo (một loại dây dẫn lửa), nhiệt năng thoát ra khi một bộ phận dây bị cháy tạo điều kiện để bộ phận khác cháy theo và cứ như thế cháy mãi. Có thể viết về tốc độ lan truyền của dây thần kinh như sau: xung động lan truyền nhanh theo những sợi có độ dày ắt chậm hơn – theo những sợi nóng. Tốc độ lan truyền có thể thay đổi từ 1m/giây đến 100m/giây, tức là từ tốc độ của một người đi bộ đến tốc độ của một chiếc xe hơi chạy đua.

Diễn biến của một xung động thần kinh ở tầng dưới của hệ thần kinh được truyền từ một nơron cảm giác sang một nơron vận động và bèn đi tới cơ quan thi hành. Điểm ấy được nêu lên vào đầu thế kỉ XIX khi I.P. Páplốp, và nhiều học trò của ông, V.M. Bêkhachêrốp, A.D. Khtômxki và những người kế tục đã nghiên cứu các cơ chế cơ bản của hoạt động não bộ.

I.P. Páplốp đã chứng minh bằng thí nghiệm rằng, bộ óc làm việc theo nguyên lí của những phản xạ có điều kiện, không phải theo những phản xạ theo dây dẫn đơn giản mà là theo nguyên lí của những phản xạ khép kín phức tạp. Bằng phương pháp phản xạ có điều kiện, I.P. Páplốp đã theo dõi diễn biến của một xung động thần kinh trong hệ thần kinh và nghiên cứu sự lan toả và tập trung của các quá trình thần kinh, sự thiết lập mối quan hệ giữa các ổ kích thích. Ông đã phát hiện hệ thống các cơ chế sinh lí điều khiển hành vi của một cơ thể động vật.

I.P. Páplốp là người phát hiện các cơ chế sinh lí phân biệt hoạt động của bộ óc con người với hoạt động của bộ óc động vật. Cơ chế đó là hệ thống tín hiệu

ngôn ngữ hay hệ thống tín hiệu thứ hai. Ngôn ngữ được xem như thoát khỏi hiện thực và trở thành tín hiệu của các tín hiệu. Ngôn ngữ nói lên dự định và ước đoán tương lai. Các công trình nghiên cứu đã chứng minh rằng, kích thích bằng ngôn ngữ tạo nên những cơ cấu kích thích kéo dài, duy trì trương lực của vỏ não. Nhờ ngôn ngữ mà có hành vi mục đích của con người. Những tín hiệu ngôn ngữ chiếm các khu vực "ngôn ngữ" cao cấp của vỏ não.

Một số nhà khoa học đã cho rằng các hạt nhân nắp các cầu não, tiểu não đều bị thu hút vào việc phát ra tiếng nói. Có thể nói rằng, có sự lệ thuộc phức tạp nhất giữa tất cả các bộ phận của bộ óc trong việc thực hiện chức năng ngôn ngữ – chức năng phức tạp nhất của bộ óc con người. Luận điểm đó cho phép hiểu được rằng, không phải chỉ có khu vực cao cấp (mà ở động vật không có) là những "khu vực người" trong bộ óc con người. Trong những chức năng sinh lí của nó, bộ óc được cải tạo rất nhiều dưới ảnh hưởng của hệ thống ngôn ngữ.

Có thể nêu ra một loạt đặc điểm về hoạt động thần kinh cao cấp của con người so với động vật.

– *Thứ nhất:* Những phản xạ có điều kiện ở con người hình thành nhanh hơn ở động vật. Có thể có sự hình thành một phản xạ "ngay lập tức" từ một lần mà không có sự kết hợp lặp lại của một tác nhân kích thích có điều kiện với một tác nhân kích thích không điều kiện.

– *Thứ hai*: Bộ óc chúng ta có thể xác lập không phải chỉ thuộc loại thứ nhất, thứ hai, thứ ba mà có những phản xạ thuộc những loại rất cao.

– *Thứ ba:* Con người tạo ra những hệ thống bên ngoài của mình về khen thưởng và trừng phạt khi xử lí những phản xạ có điều kiện.

– *Thứ tư*: Con người nắm được trình tự vận động phức tạp hơn động vật. Cần nhớ rằng, hiện tượng khuyếch tán là có lựa chọn, nhờ đó một sự phân biệt về lời nói được tạo ra trong hệ thống tín hiệu thứ hai truyền vào hệ thống tín hiệu thứ nhất đóng vai trò tác nhân điều tiết hành động. Kinh nghiệm hành động dựa vào hoạt động của hệ thống tín hiệu thứ nhất được truyền vào hệ thống tín hiệu thứ hai biến thành ngôn ngữ, được khái quát hoá và bắt đầu có tác dụng điều tiết các cơ chế của hệ thống tín hiệu thứ nhất.

Việc so sánh về những đặc điểm của hoạt động thần kinh ở con người và ở động vật, không đặt ra nhiệm vụ nêu lên một danh mục đầy đủ về những đặc điểm của hoạt động phản xạ có điều kiện của bộ óc con người. Sự thống nhất của hoạt động thần kinh cấp cao và cấp thấp có ý nghĩa to lớn đối với tâm lí học. Hoạt động thần kinh cấp cao bảo đảm sự điều tiết những quan hệ của cơ thể với

bên ngoài, còn hoạt động thần kinh cấp thấp thống nhất và điều tiết công việc của các cơ quan bên trong. Việc nghiên cứu con người như một cá nhân không thể làm được đến nơi đến chốn nếu không tính đến những đặc điểm của con người, như một cá thể sinh học, sự trưởng thành về sinh học và những thay đổi về lứa tuổi của các hệ thống thực vật (tim mạch, sinh dục, nội tiết...), những thay đổi về bệnh lí của chúng đều tác động đến công việc của vỏ não, và cùng với những tác nhân kích thích chủ yếu của môi trường bên ngoài mà quyết định hành vi.

Tiến bộ khoa học kĩ thuật mở ra những khả năng thâm nhập to lớn của các nhà khoa học vào cơ chế hoạt động của bộ óc. Điều đó cho phép nghiên cứu được những thay đổi hoá học trong một tế bào thần kinh riêng biệt, khi có một xung động thần kinh đi qua nó. Việc phân tích những thay đổi hoá học của bộ óc khi có những tác nhân kích thích đã gắn liền với những ý niệm về cơ sở sinh lí của quá trình tâm lí. Ngày nay người ta đã xác định được rằng, việc duy trì dấu vết của một sự tác động, vai trò chỉ đạo thuộc về các axit ri-bô-nu-clê-ô-tít (ARN). Những kích thích tác động vào nơron được duy trì dưới hình thức những thay đổi về cơ cấu của các phân tử ARN.

Người ta đã tìm được những kết quả quan trọng khi nghiên cứu bộ óc bằng phương pháp dẫn các dòng điện sinh học, cũng như bằng phương pháp kích thích điện những tế bào thần kinh riêng lẻ hoặc những nhóm tế bào ấy bằng các điện cực. Việc áp dụng phương pháp cổ điển bằng phản xạ nước bọt hoặc các phương pháp kích thích gây hiệu quả chỉ cho phép gián tiếp suy đoán về động học của quá trình xảy ra trong hệ thần kinh. Sự kích thích bộ óc bằng những tác nhân kích thích điện do Frits và Ghitxic thực hiện vào cuối thế kỉ XIX đã được phát triển có kết quả nhờ kết hợp chặt chẽ với những phương pháp phản xạ có điều kiện. Nhờ các dòng điện sinh học của bộ óc và kích thích bằng điện các khu vực của nó, người ta có thể theo dõi được tỉ mỉ các quá trình thần kinh, các cơ chế chuyển các xung động thần kinh từ một cung phản xạ này sang một cung phản xạ khác và xác định được sự tương quan giữa những chỉ số sinh lí với hành vi của những người được thí nghiệm.

Việc áp dụng phương pháp điều khiển học vào nghiên cứu bộ óc và sơ đồ mô hình hoá bộ óc có một ý nghĩa to lớn. Dưới ánh sáng của điều khiển học, khi thử mô hình hoá bộ óc, người ta thấy vai trò của sự điều tiết các hành động và coi hành động phản xạ như một vùng kín. Những dự đoán về cơ chế khép kín của một phản xạ đã được nêu ra từ lâu, nhưng việc hiểu chúng đầy đủ, đặc biệt là việc nghiên cứu nó một cách tường minh, chỉ có thể được khi áp dụng

phương pháp điều khiển học. Việc đối chiếu tỉ mỉ bộ óc với mắt kính có tác dụng rất lớn không những đối với các nhà kĩ thuật mà cả với những nhà sinh lí học, trước họ đã mở ra những chân trời mới trong việc phân tích những thực tế hiện có.

Cách nhìn con người như một hệ thống tự điều tiết phức tạp nhất cho phép hiểu được một hành vi được quyết định bởi hệ thống những tổng hợp dẫn vào (hoặc bởi một cơ quan tiếp nhận hành động). Hệ thống dẫn vào bao hàm thông tin về những nhu cầu của cơ thể cũng như những tín hiệu từ môi trường bên ngoài đến cơ thể: "Những tổng hợp dẫn vào là cơ sở của các chương trình hoặc của những nhiệm vụ vận động", dẫn đến những hành động tương ứng. Kết quả của những hành động ấy được đối chiếu với chương trình ban đầu. Trong trường hợp nếu như hiệu quả hành động phù hợp với chương trình ấy thì hành động chấm dứt, còn nếu không có sự ăn khớp kết quả hành động của chương trình ban đầu – thì hành động tiếp tục. Đó là hệ thống điều tiết vòng tròn về hành vi của cơ thể.[1]

## II. NHỮNG SỰ KIỆN LÍ THÚ VỀ BỘ ÓC

***1. Bộ óc***, cũng như cơ bắp, càng tập luyện nhiều nó càng phát triển. Bộ óc của người đàn ông lớn tuổi trung bình nặng 1.424 gam, đến tuổi già bộ óc giảm bớt, trọng lượng giảm xuống chỉ còn 1.395 gam. Bộ óc phụ nữ tương đối lớn – 1.565 gam. Trọng lượng kỉ lục của bộ óc đàn ông – 2.049 gam. Bộ óc của Ivan Xecgôevich Tuốcghenhep nặng 2.012 gam. Những khủng long Stegozaurus đạt được chiều dài 9 mét có bộ óc cỡ bằng quả bồ đào, nặng chỉ có 70 gam.

2. ***Sự phát triển mạnh mẽ nhất*** của bộ óc xảy ra ở tuổi từ 2 đến 11.

3. ***Năm 12 tuổi*** nhà toán học Đức Karl Witte đã trở thành người có học vị tiến sĩ về triết học thuộc Trường ĐHTH Hessen.

4. ***Con người càng có học vấn*** thì khả năng mắc bệnh óc càng ít. Hoạt tính trí óc kích thích sự sản xuất mô bổ sung bù lại mô bị bệnh.

5. Thực hiện những hoạt động không quen thuộc là một cách tốt nhất để phát triển bộ óc. Sự giao thiệp với những người vượt bạn về trí tuệ cũng là cách tác động mạnh tới sự phát triển.

6. Những tín hiệu trong hệ thống thần kinh của con người đạt được tốc độ 288km/giờ. Đến tuổi già tốc độ giảm xuống 15%.

---

[1] A. Rluria, *Các thuỳ và sự điều tiết các quá trình tâm lí,* Trường ĐHTH Mátxcơva 1966, tr. 13.

7. Người có óc lớn nhất trên thế giới là các nữ tu sĩ ở Mancato, bang Minesota. Trong những lời di chúc của mình sau khi chết các nữ tu sĩ đã dâng hiến cho khoa học khoảng 700 bộ óc.

8. Mức phát triển trí tuệ cao nhất IQ (tính theo công thức: con số phù hợp với mức tuổi trí tuệ chia cho con số chỉ tuổi thực, nhân với 100) thuộc về Marilin Mach Wos Savant bang Missouri. Lúc chị mười tuổi đã có chỉ số IQ hai mươi ba tuổi. Chị đã qua được các thử nghiệm (test) rất phức tạp để gia nhập Hội Mega, ở đó chỉ có khoảng ba chục người có chỉ số IQ cao mà trong một triệu người chỉ gặp một người. Chị cũng lập kỉ lục trong cuộc thử nghiệm này: chị được 46 điểm trên 48.

9. Chỉ số IQ trung bình cao nhất trên thế giới là người Nhật: 111.(10% người Nhật có IQ cao hơn 130).

10. Vào năm 1981, Willem Klein đã bộc lộ năng khiếu toán học chưa từng có. Trong 1 phút 28,8 giây anh đã khai căn nhẩm một con số gồm một trăm chữ số. Vào năm 1980 cô Chocuntala Devi của Ấn Độ cũng đã tỏ rõ năng khiếu khác thường như vậy. Trong 28 giây cô đã nhân nhẩm hai con số, mỗi số gồm mười ba chữ số, được máy tính điện tử của Trường Cao đẳng Hoàng gia ở London chọn hú họa: 7 686 369 774 870 × 2 495 099 745 779. Lời giải đúng của cô là: 18 947 668 177 995 426 773 730.

11. Trí nhớ kì lạ được bộc lộ ở Bhandant Wispxara. Tháng 5/1974 ở Rangun Birma (Miến Điện) anh đã đọc thuộc lòng 16.000 trang văn bản tôn pháp của Phật giáo. Còn ở Trung Quốc, Gu Yanlin ở tuổi hai mươi sáu của mình đã thuộc lòng 15.000 số điện thoại ở Harbin.

12. Trí nhớ siêu nhiếp ảnh thuộc về Kreiton Carvello. Anh có khả năng từ một cái nhìn ghi nhớ trình tự của các quân bài ngay lập tức trong sáu cỗ bài riêng biệt (312 quân). Anh đã biểu diễn điều đó ở các câu lạc bộ New – Marx, Cleveland nước Anh, ngày 21/3/1985.

13. Mĩ chiếm vị trí hàng đầu trên thế giới về con số thầy thuốc tâm thần.

14. George Campbell làm việc ở ban quốc tế BBC biết 54 thứ tiếng.

15. William Michel Berki của Ôxtrâylia ngày 10/11/1986 đã ăn hết 1,16kg óc cừu.

**Mọc thêm não người...**

*Thật không thể tin: Não người có thể mọc thêm giống như đuôi chuột chẳng may bị đứt! Đến nay người ta mới làm được điều kì diệu đó trong các phòng thí nghiệm nhưng chỉ vài ba năm nữa, rất có thể các tế bào thần kinh, nhờ một số*

*biện pháp đặc biệt, cũng có thể phát triển, như ví dụ – tế bào gan.* Đó là bộ phận độc nhất trong cơ thể người có khả năng tự điều chỉnh. Chỉ cần tác động một chút đến nó – do tác động của rượu, những độc tố...

Từ sách giáo khoa chuyên ngành giải phẫu học chúng ta được biết rằng các tế bào thuộc hệ thần kinh trung ương chỉ phát triển trong thời kì bào thai. Khi đã chào đời, chúng ta buộc phải chấp nhận bộ não mà tạo hóa đã trao. Cứ mỗi giây, trong não bộ bào thai đang phát triển xuất hiện 4 ngàn tế bào thần kinh mới. Điều kì lạ trong thế giới tự nhiên.

Sau 9 tháng, trong bộ não thai nhi đã có tới 100 tỉ tế bào thần kinh, nhưng không thể có, dù một tế bào nhiều hơn! Từ lúc khai sinh, con người thu thập thông tin, kinh nghiệm... trong bộ não loài người, vì thế hình thành những mối liên hệ ngày càng phức tạp giữa các tế bào thần kinh, nhưng không có gì phát triển thêm.

Nếu như những kết quả nghiên cứu của TS. Steven Goldman thuộc Đại học Tổng hợp Cornell Niu Oóc được xác minh, thì lại thêm một học thuyết y học bị sụp đổ. TS. Goldman khẳng định rằng, ông đã phát hiện ra những tế bào thần kinh tiếp tục phát triển, sau giai đoạn đã trưởng thành. Đến nay vẫn chưa ai chứng kiến hiện tượng kì lạ như thế trên "bộ não sống". Nhà nghiên cứu mới phân tích độc nhất một phần bộ não tách ra từ bệnh nhân mắc chứng động kinh. Nếu sự thật đúng như thế, thì trong não người khỏe mạnh hẳn tiềm ẩn yếu tố kìm hãm khả năng phát triển tiếp tục của não.

Với công trình nghiên cứu trên, các nhà thần kinh học Mĩ hi vọng rằng, rồi mai đây, họ sẽ chế tạo được một dạng "lò sinh học", nơi nuôi cấy tế bào não phục vụ nhu cầu cấy ghép cho các bệnh nhân chấn thương sọ não, bệnh nhân Alzheimer hoặc Palkinson.

**Những khả năng kì diệu của bộ não**

Hiện nay khoa học hiện đại đã quan tâm nghiên cứu toàn bộ bộ não của chúng ta. Tuy nhiên, do những hạn chế nhất định, chúng ta chưa biết được thật nhiều về bộ não của chính mình và sẽ còn phải tiếp tục nghiên cứu lâu dài những đặc tính của nó. Mặc dù đã biết khá nhiều về tổ chức các chuyển động, một số nguyên tắc chung về tổ chức suy nghĩ và chức năng của bộ não với tư cách cơ quan chỉ huy mọi hoạt động bên trong của cơ thể, nhưng cho đến nay con người vẫn chưa biết, chưa có khả năng nhận biết được suy nghĩ của con người dựa trên cơ sở những dữ liệu khoa học khách quan. Bằng những thiết bị khoa học và cách thử nghiệm khác nhau, con người có thể ghi nhận được hoạt động trong não.

Tuy nhiên, chúng ta lại "mù tịt" trong cách làm ngược lại là tìm cách nhận biết suy nghĩ của con người khi dùng các thiết bị nào đó đối với bộ não.

Mặc dù cho tới nay con người đã thành công trong các lĩnh vực ghép nhiều cơ quan nội tạng như tim, thận, gan..., nhưng khả năng ghép não của người này cho người khác vẫn là vấn đề chưa biết đến bao giờ mới được giải quyết. Đây là kĩ thuật vô cùng phức tạp và hiện chúng ta mới chỉ thực hiện được phương pháp ghép não bào thai nhằm điều trị chứng rối loạn hóa sinh của bộ não mà thôi. Vấn đề oái ăm là ở chỗ, có vô số các dây thần kinh chạy tới và chạy đi từ bộ não. Ai có thể tưởng tượng được khả năng cắt đứt tất cả các mối liên hệ này của não với cơ thể và sau đó lại khôi phục lại chúng một cách chính xác tuyệt đối? Giả thử chúng ta có thể "khâu" lại chính xác từng dây thần kinh bị cắt đứt trước đó, thì công việc này cũng chiếm của chúng ta một vài tháng, vì thế về mặt lí thuyết có thể thực hiện được việc ghép não, nhưng trong thực tế đây là công việc không thể làm nổi.

Giấc mơ không có liên quan gì tới tương lai của con người, vì vậy không nên ngộ nhận về vấn đề này. Thế nhưng bản thân bà N. Bekhơtereva Giám đốc Viện nghiên cứu về não (LB Nga) thừa nhận có một lần chính bà đã mơ một giấc mơ có tính tiên tri như thể chúng ta vẫn thường gọi là "báo mộng" vậy. Bà kể rằng, một hôm trong lúc ngủ trưa bỗng nhiên bà mơ thấy một nhân viên bưu điện tới đưa cho bà một bức điện thông báo bà cụ thân sinh ra bà đã mất. Thế là bà vội vàng về chịu tang mẹ và bắt gặp toàn những người lạ mặt rồi chào hỏi họ, gọi tên họ... bà rất kinh ngạc và choáng tỉnh sau giấc mơ dữ. Sự thực thì bà vừa nhận được một thư của cụ bà cho biết cụ khỏe mạnh và đang nghỉ mát ở phương Nam. Tuy vậy bà vẫn nói với chồng về điềm dữ trong mơ. Chồng bà không tin vào những điều được coi là mê tín dị đoan, nói với bà: "Chẳng lẽ một chuyên gia về não như em mà cũng tin vào giấc mơ ư?". Trước lí lẽ của chồng, bà nửa tin nửa ngờ nhưng cũng đồng ý không đi tới chỗ bà mẹ nghỉ mát.

Thế nhưng 10 ngày sau sự việc đã xảy ra đúng như bà N. Bekhơtereva từng mơ. Hơn nữa sự kiện thực và trong giấc mơ lại trùng nhau tới từng chi tiết rất nhỏ. Vì công tác ở viện nghiên cứu lừng danh ở Mátxcơva từ lâu nên hầu như bà không hề nhớ tới từ "Xenkhốt" (uỷ ban chính quyền địa phương ở nông thôn). Trong giấc mơ bà phải đi tìm uỷ ban này và trong thực tế diễn ra đúng như vậy. Bà thừa nhận đây không phải là trường hợp duy nhất. Có rất nhiều người đã có những giấc mơ tiên tri như trường hợp nhà bác học Nga vĩ đại Menđêlêép đã tìm ra "Bảng tuần hoàn các nguyên tố hoá học" trong khi mơ cũng là một ví dụ về vấn đề này.

Theo bà N. Bekhơtereva, bộ não có sức làm việc phi thường và không bao giờ bị mỏi mệt. Có điều khi người ta cảm thấy váng đầu, chóng mặt là vì một số yếu tố tác động tới sức khoẻ của chúng ta mà thôi. Ví dụ, nếu chúng ta làm việc lâu trong phòng ngột ngạt thì bộ não không được cung cấp đủ ôxy nên chúng ta cảm thấy chóng mệt. Cũng có thể bạn thấy mệt mỏi do ngồi lâu không đúng tư thế ảnh hưởng xấu tới sự lưu thông máu trong bộ não. Trong những tình huống này chúng ta cảm thấy "đầu óc nặng nề" và dường như bộ não "không thể làm việc" được nữa. Sự thực không phải như vậy, não không mệt mà chẳng qua đó chỉ là trạng thái nảy sinh từ ảnh hưởng của nhiều yếu tố tác động qua lại với bộ não. Tuy nhiên, để phát huy được năng lực làm việc to lớn của bộ não mà không sợ nó bị quá tải, chúng ta cần phải được làm việc trong những điều kiện tốt về nhiệt độ, ánh sáng và không khí...

Nhiều người cho rằng khả năng trí tuệ cũng được di truyền từ cha mẹ cho con cái như những đặc điểm về hình thể, mắt mũi, màu tóc... Thực ra trong cuộc sống ít khi thấy cả thế hệ cha mẹ lẫn thế hệ con cái đều có những năng lực trí tuệ kiệt suất. Ví như Đuyma bố và Đuyma con, cha con dòng họ Straus, Đunaépxki đều nổi danh là những nhạc công tài ba. Tuy nhiên phải thấy rằng những cá nhân cùng huyết thống ấy cũng có người hơn, kẻ kém về tài năng. Không thể khẳng định chắc chắn rằng hễ người bố tài năng thì con ông ta cũng phải là người có tài.

Con người nên sống chủ yếu dựa vào "trái tim" hay "khối óc"?. Điều này hoàn toàn phụ thuộc vào mỗi cá nhân. Có những người giải quyết rất tốt các vấn đề đặt ra trong cuộc sống của họ hoàn toàn dựa vào trực giác. Trong khi đó, những người khác lại tuyệt đối dựa vào lí trí và các quyết định của họ cũng tỏ ra đúng đắn. Như vậy cả hai phương pháp này đều được áp dụng và có quyền cùng tồn tại. Có điều phương pháp đầu thường hay bị công kích, còn phương pháp thứ hai ít bị chê bai hơn. Bà N. Bekhơtereva thừa nhận bà thuộc loại người giải quyết các vấn đề dựa trên trực giác. Thực tế cho thấy một khi cảm nhận được vấn đề nào bà có thể thành công trong khoa học, thì điều đó được khẳng định đúng như thế trong thực tế.

**Nỗi gian truân của cái tôi sinh học hay sự kì diệu của cơ thể con người**

"Phóng sự" của André Giordau, Giáo sư Trường Đại học Geneve về một nơi rất gần gũi nhưng lại hầu như xa lạ: cơ thể chúng ta.

Khoảng 100 cơ quan, 800 mô khác nhau, 60.000 tỉ tế bào (bằng 10.000 lần dân số thế giới), 100 triệu tế bào được sinh ra hoặc chết đi, mỗi phút; trên 1 kg thức ăn và cũng bằng đó nước uống được đưa vào cơ thể mỗi ngày. Cơ thể chúng ta làm thế nào để tránh được sự lộn xộn đó?

A. Tất cả đều được tổ chức điều phối. Tất cả đều thông tin với nhau, những tế bào ở cuối ngón tay, đầu ngón chân gửi những thông tin được gan hoặc má giải mã.

B. Thường xuyên, mỗi tế bào của cơ thể đều nhận được hàng vạn thông tin khác nhau trong một giây.

C. Đầu tiên là những thông tin của những tế bào kề cận. Tất cả "nói chuyện phiếm" rất nhiều trong khi "làm việc" và liên tục phối hợp với nhau, từ đó hiệu quả rất cao.

D. Để hoàn chỉnh sự điều phối đó, cơ thể chúng ta đã chuyên môn hoá 1% các tế bào. Ba loại cơ chế tập hợp chúng lại: hệ thống thần kinh, mạng lưới Hormone (còn gọi là nội tiết) và tổ hợp miễn dịch.

E. Những nơron được truyền "vật chứng" (luồng thần kinh) như trong một cuộc chạy tiếp sức. Một thông tin được truyền từ chân lên đầu trong khoảng 2% giây, với tốc độ trung bình là 320km/giờ.

F. Mạng lưới nội tiết gồm 12 tuyến chính và rất nhiều tuyến phụ, sản ra 48 hormone mà đến nay ta biết được. Người ta có thể so sánh nó với bưu điện và mỗi hormone là một bưu kiện trong khi hệ thống thần kinh là hệ thống điều khiển từ xa!

Chúng được di chuyển theo máu với một tốc độ rõ ràng và chậm hơn (100m/giờ) mỗi hormone thông báo cho nhiều mô.

G. Tổ hợp miễn dịch không tự giới hạn trong việc phát hiện sự xâm nhập các vật thể lạ (vi khuẩn, virut...) mà còn thường trực quan sát tình trạng "quân lính" của mình. Khoảng 100 tỉ bạch cầu (bạch huyết bào, đại thực bào...) tham chiến ngay khi có dấu hiệu nhỏ nhất về sự suy yếu của một tế bào.

H. Di chuyển khắp cơ thể, luồn lách cả ở giữa hai tế bào, những cách kiểm tra của chúng rất phong phú. Chúng gần giống như hoạt động của các đơn vị biệt kích.

Ba hệ thống đó không hoạt động riêng rẽ mà có sự phối hợp lẫn nhau. Khi "tinh thần tốt" chẳng hạn, não tiết ra ngoài những thứ khác: những Cytokine, những phân tử kích thích những phản ứng miễn dịch.

**Những vùng toán học trên vỏ não**

Khi sinh ra, tất cả mọi người đều có thiên hướng trong việc sử dụng con số. Ngày nay, người ta biết được ý thích toán học chạy qua những vùng nào của não? Nhưng cơ chế tự nhiên này chỉ được phát triển nhờ môi trường.

Năng khiếu toán học ư? "Tất cả chúng ta đều có", Stanilas Dehaene, nhà sư phạm, 31 tuổi, chuyên thu thập những vấn đề hóc búa, bản thân ông cũng rất giỏi về toán học đã nói như vậy. Từ thuở mới bước vào tuổi thanh niên, ông không ngừng bị kích thích bởi chức năng của bộ não, một cơ quan kép kì lạ với hai bán cầu có chức năng và sự phân cấp rất khác nhau. Nó là trung khu của những suy nghĩ thầm kín nhất, những giấc mơ, những cảm xúc, những động tác từ đơn giản đến phức tạp nhất.

Nhà khoa học trẻ, nay là chuyên viên nghiên cứu tại Học viện Nghiên cứu khoa học quốc gia Pháp, Stanilas nói, bộ não là một trạng thái những điều bí ẩn nhất, hiện vẫn chưa được giải đáp mặc dù ngày nay chúng ta đã có những tiến bộ vượt bậc khi nghiên cứu chúng.

Stanilas đã nghiên cứu những đề tài như: Toán học đến với con người như thế nào? Bộ não đã xoay xở với những con số ra sao? Những nếp của vỏ não, nơi nào ẩn náu những khu trung tâm khiến cho con người đếm được và tạo ra ý nghĩa của những con số, những phép tính, những khái niệm... Đến nay, sau 10 năm nghiên cứu, ông cho ra đời một tác phẩm khá hấp dẫn, phát hành ngày 17/1/1997, nói về công trình nghiên cứu của ông và của nhiều khoa học gia khác. Trong đó, người ta viết những kiến thức sơ đẳng đầu tiên về số học đã đến với chúng ta từ xa xưa. Chúng đã được hình thành trong cấu trúc sinh học của bộ não chúng ta, cùng với sự tiến hoá. Không hoạt động như máy điện toán. "Toán học không phải là một mặt thuần tuý văn hoá trong hoạt động của con người. Không chỉ có những loài rất gần gũi với chúng ta và cả những trẻ em rất nhỏ tuổi, đã có những khả năng mà tôi gọi là tiền toán học, độc lập với ngôn ngữ".

Do đó, mọi người khi sinh ra đều được "trang bị" một ý thức sơ đẳng về số học, một loại "năng khiếu" toán học? "Đúng vậy" ông trả lời. Một năng khiếu mà ta phải phát triển, vun trồng, làm cho phong phú lên trong thời kì đi học. Dần dần, trong những năm đầu của cuộc sống, sẽ hình thành một ngôn ngữ các con số.

Em nhỏ phát hiện ra tên gọi của các số (một, hai...), em học cách xếp loại những đại lượng mà em có trực giác từ khi ra đời. Rồi từ 2 đến 4 tuổi, rất tự nhiên, em có thể đếm các đồ vật trên ngón tay nhưng với những sự khác nhau về văn hoá: Một em bé người Trung Hoa, Nhật Bản có thể đếm tới 45, nhiều hơn các em châu Âu, do cách đọc các chữ số đơn giản hơn, lôgic hơn. Ví dụ: 12 (10 : 2) ở Anh là tweive, Pháp là donze (tại sao không gọi ten + two? Và dix + deuz?). Liệu có phải vì thế mà người Trung Quốc và Nhật Bản giỏi trong môn Toán không?

– Có thể không. Dehaene trả lời. Hệ thống giáo dục cũng giữ một vai trò, nhưng cách đọc số từ số lượng (ở Âu châu) quả tình là điều bất lợi.

Khoảng 6 tuổi, các em vào trường và các em phải học cách nhân, chia. Toán học trở thành một sản phẩm hoàn toàn có tính văn hoá mà sự tiến hoá không chuẩn bị cho chúng ta.

– Đầu tiên, ông nói, các phép tính số học là những thuật toán rất mới, sinh học con người chưa có thời gian để thích nghi! Sau đó là bộ nhớ có một cấu trúc liên tưởng, nó hoạt động lần lần như một nút thắt được cởi dần ra.

Ở nhà trường, mỗi em nhỏ phải có những cố gắng đặc biệt để tạo ra trong não, những biểu hiện thực hành, cụ thể về những phân số, phép chia... và những đối tượng số học khác. Những công trình nghiên cứu trong các cặp song sinh gợi ra cho chúng ta thấy có thể có một nền tảng di truyền, một thiên hướng quan trọng ít hay nhiều hơn về toán học, nhưng chiều hướng đó được phóng đại hoặc thu nhỏ tuỳ theo hệ thống giáo dục (tác động rất lớn) những hiệu hữu văn hoá hoặc của môi trường. Thời gian, sự chú ý toán học và sự đam mê sẽ quyết định hơn là một cái vốn bẩm sinh, ai sẽ là một tên ngu dốt hoặc một nhà tính toán thần đồng.

Muốn phát hiện đâu là nơi ẩn náu những trung tâm về số học, các nhà khoa học đã chú ý thăm dò, dựa vào các trắc nghiệm của một số bệnh nhân mắc phải một số tổn thương. Với những máy móc thăm dò các nơron, họ theo dõi hoạt động của bộ não. Ngày nay, dựa vào hình ảnh của máy siêu âm từ tính loại mới, một loại kính hiển vi chính xác soi bộ não đang hoạt động, họ đo được hoạt động tổng thể của các nơron tới độ chính xác cao. Người ta phát hiện ra những gì? Đầu tiên là mỗi bán cầu đều biết nhận dạng rất tốt những con số, những sự bình đẳng của chúng trước số học chỉ ngừng lại tại đó. Bán cầu phải không có khả năng đọc những con số hoặc làm những phép tính nhẩm, đó là độc quyền của bán cầu trái. Sau đó, với một phép nhân đơn giản, hàng chục vùng não thông với nhau đi vào hoạt động. Vùng thị giác, trong vỏ não vùng chẩm – thái dương trái chỉ phản ứng với hình dạng của những con số. Một bộ phận khác nằm ở giữa vỏ não, vách dưới trái cung cấp ý nghĩa cho những con số và tự bạn biết phải tính ra sao?

Người ta giả định là còn nhiều hệ thống đi vào hoạt động như bộ nhớ số học tạo ra kết quả rồi bộ phận ngôn ngữ phát kết quả bằng âm thanh.

Nhưng bộ não rất tinh tế đến mức một số bệnh nhân có thể làm các phép tính chính xác trên giấy nhưng không bao giờ đọc nên nổi. Như ông H có thể viết đúng $5 \times 2 = 10$ nhưng khi ta hỏi bằng miệng thì ông ta trả lời lung tung.

– Nó chứng tỏ, Stanilas giải thích, là ông ta nhớ kĩ bản cửu chương trong khi đó lại mất đi khả năng phát âm chúng.

Mò mẫm, từng bước, các nhà nghiên cứu hoạ ra những tuyến đường đi vô cùng phức tạp của toán học trong bộ não chúng ta. Ngày nay, họ đã được thuyết phục là quá khứ đã để lại cho chúng ta những khả năng cơ bản bẩm sinh, kèm theo những chu trình tự tinh luyện, chuyên môn hoá, tự cải thiện tuỳ sự rèn luyện. Do đó, ta phải biết cách tận dụng những món quà của thiên nhiên như thế nào?

– Cũng phải để cho trẻ em đếm trên ngón tay, không bắt các em học thuộc lòng máy móc các bản cửu chương, cũng không nên cấm sử dụng máy tính. Ông nói tiếp. Nhưng phải tạo cho các em sự ham mê có thể dẫn dắt các em vượt qua ranh giới của một học sinh nghiêm túc đến cửa ngõ của thiên tài.

**Thuỳ não và toán học**

Những người không thể làm phép tính trong đầu có thể đưa ra một lời biện hộ mới – đổ lỗi cho thùy não trước bên trái. Một thí nghiệm do Pháp – Mĩ hợp tác tiến hành đã khẳng định rằng con người sử dụng các vùng khác nhau của bộ não cho những suy nghĩ tính toán khác nhau.

Các nhà khoa học Stanislas Dehaene thuộc Học viện Nghiên cứu khoa học Quốc gia Pháp, Inserm nghiên cứu y dược học ở Paris và Elizabeth Spelke thuộc Học viện Công nghệ Massachusetts của Mĩ đã công bố kết quả nghiên cứu khoa học trên Tạp chí Science rằng, việc tính toán chính xác phụ thuộc vào thùy não trái phía trước, phần não điều khiển ngôn ngữ. Ước tính về số lượng – nhóm nào lớn hơn, dòng nào dài hơn được giải quyết ở những thùy não trên bên trái và bên phải, khu vực được biết đến chuyên điều khiển các ngón tay.

Sự phát hiện này nhấn mạnh sự khác biệt mà nhữmg nhà toán học thường xuyên gặp: con người có thể học toán tốt nhưng chỉ ở mức trung bình với một phép cộng đơn giản. Nó cũng hỗ trợ một điều gì đó mà Anbe Anhxtanh đã từng nói: "Từ ngữ hay ngôn ngữ khi được viết xuống hay nói ra dường như đều không đóng bất cứ vai trò gì trong bộ máy suy nghĩ của tôi".

Để thử xem ngôn ngữ có đóng vai trò gì trong toán học hay không, các nhà nghiên cứu đã cần đến những người tình nguyện nói trôi chảy tiếng Nga và tiếng Anh. Một nhóm được dạy toán bằng tiếng Nga, nhóm khác bằng tiếng Anh. Những người học toán bằng một ngôn ngữ nhưng lại bị kiểm tra bằng thứ ngôn ngữ khác phải mất thêm một giây để giải quyết bất kì vấn đề gì để phép tính được chính xác. Song nếu bạn được hỏi những câu hỏi về những phép toán xấp xỉ – chẳng hạn là 53 + 68 gần bằng 120 hay 150 – thì không cần thời gian trì hoãn. Các nhà nghiên cứu cũng có những kết quả tương tự khi thực hiện phép

toán phức tạp. Ví dụ, khi những người tình nguyện được yêu cầu làm với những cơ số khác hoặc với lôgarít.

Hoạt động điện từ trong não bộ được vạch ra: những tính toán chính xác là do thùy não trước bên trái, phần não bộ được biết đến có liên quan tới việc đưa ra các tổ hợp từ, còn những vấn đề ước định lại liên quan tới những thuỳ trên bên trái và phải.

**Tiếng nói bên trong não của những người điếc là có thật hay không?**

Lẽ nào những người bị bệnh điếc lại có tiếng nói khác tồn tại bên trong não?

Không chỉ những người học nói – bất kì một bệnh nhân điếc nào cũng có thể nghe thấy âm thanh phát ra trong não của mình. Bộ não có những chức năng vô cùng đặc biệt, dường như nó có thể nói với chính mình, không cứ gì phải bắt buộc bằng tiếng Anh, tiếng Pháp hay một số ngôn ngữ riêng tư và đôi lúc không thể giải thích được.

Đối với những người mới bắt đầu, các bác sĩ có thể khẳng định rằng bạn có thể suy nghĩ, tưởng tượng và nhớ mà hoàn toàn không cần đến bất kì hệ thống nào. Bạn đã từng lái xe ô tô, trong khi hàng nghìn thứ bỗng dưng ùa đến trong đầu cùng một lúc? Giáo sư nghiên cứu thần kinh sinh học Grag Hickok, thuộc Trường Đại học Tổng hợp Califonia đã đặt câu hỏi cho các sinh viên của mình. Bạn không thể cùng một lúc nghĩ được tất cả những thứ đó bằng tiếng Anh. Và chắc chắn có một lúc nào đó bạn đã từng nói: thế nào nhỉ, tôi không biết phải diễn đạt nó thế nào? Thế nhưng nếu những điều đó lần lượt đến trong đầu và bạn có thời gian để phân tích từng thứ một thì chắc chắn diễn đạt thành lời những điều đó không phải khó.

Thực ra ngôn ngữ ra hiệu có rất nhiều ưu điểm như tất cả các hình thức ngôn ngữ khác. Các nghiên cứu của giáo sư Hickok cho thấy rằng mặc dù phải sử dụng một số bộ phận cơ thể để diễn đạt, ngôn ngữ ra hiệu hoạt động độc lập, nghĩa là nó không chịu sự điều khiển của vùng não chi phối ngôn ngữ nói. Những người ra hiệu không dùng sự truyền đạt bằng hành động như các ngôn ngữ khác – họ hoàn toàn sử dụng hình thức ngôn ngữ đầy đủ và độc lập.

Vấn đề đặt ra bây giờ là tiếng nói bên trong của người điếc khi thể hiện với ngôn ngữ ra hiệu hay bất kì mọi thứ tiếng nào khác có phức tạp và rắc rối hay không. Hầu hết các bệnh nhân điếc bẩm sinh Mĩ hiện nay đều học đọc và viết tiếng Anh, thêm vào đó là một vài ngôn ngữ ra hiệu khác khá phong phú. Một số người học nghe bằng cách đọc môi người khác. Một số lại học cách ra hiệu để diễn đạt suy nghĩ của mình.

Điều ngạc nhiên là tôi đưa câu hỏi này lên Internet, tôi nhận được nhiều câu trả lời và có thể rút ra kết luận rằng, những người bị điếc bẩm sinh lại có thể nói bằng ngôn ngữ nói.

*Tại sao?*

Tôi đã gửi thư cho giáo sư Peter Hauser, Khoa Tâm lí – Trường Đại học Gallaudet. Trước đó hình như chưa có ai khai phá đề tài này, nhưng giáo sư Hauser, cũng là một bệnh nhân điếc đã đưa ra những kết luận mà chính bản thân tôi cũng không ngờ tới. Điều thú vị và đáng ngạc nhiên nhất là theo ông, những người bị điếc bẩm sinh có thể đọc tốt thì rõ ràng họ đã tạo ra âm thanh trong não mình khi học đọc. Câu trả lời của tôi về vấn đề này là – Giáo sư Hauser viết, bộ não có khả năng đặc biệt làm tăng những miêu tả âm vị học, cho dù bản thân nó không nhận được âm thanh. Sự miêu tả này có thể khác nhau rất nhiều tùy thuộc vào từng cá nhân và từng môi trường. Những người bị bệnh điếc thì có ảo giác âm thanh, có những người bị mù thì có thị giác ảo. Tôi đã làm một buổi kiểm tra với các sinh viên của mình tuần trước về giấc mơ hằng ngày của họ. Một số người cho biết họ thường ra hiệu trong khi mơ và đôi khi cũng mơ thấy mình nói cho dù trên thực tế họ không thể nói được. Và họ cũng không bao giờ nhận được thông điệp bằng ngôn ngữ nói hay ngôn ngữ ra hiệu từ những người khác khi mơ. Có lẽ những thông điệp đó được chuyển qua tri giác ngoại cảm (ESP).

**24 giờ vàng ngọc của bộ não người**

Trong cơ thể con người, não là bộ máy chỉ huy tối cao, chi phối mọi hành vi, tình cảm, cách ứng xử... Tuy nhiên, việc tìm hiểu chức năng, nhiệm vụ của từng khu vực trong bộ não chưa mang lại những kết quả thoả đáng. Gần đây, bằng những kĩ thuật khảo sát và chụp ảnh hiện đại nhất, các nhà khoa học đã có thể xác định bước đầu vị trí của những điểm hoạt động trên não, mỗi điểm có liên quan đến một lĩnh vực của ý thức.

Với hơn 500 tỉ nơron (tế bào thuộc hệ thần kinh), một triệu tỉ đoạn nối giữa các tế bào thần kinh, khoảng 40 chất trung gian thần kinh... bộ não của con người vẫn luôn là một mảnh đất bao la cần khai phá. Ngày nay, theo Denis le Bihan, Giám đốc Viện nghiên cứu thuộc uỷ ban Năng lượng nguyên tử (CEA) – Pháp, các nhà khoa học đã gần đạt đến thành công trong việc thiết lập một bản đồ toàn diện về não, theo cách các nhà di truyền học lập bản đồ về bộ gen đơn bội của chúng ta.

Phải nhìn nhận rằng từ mấy năm qua, các ngành khoa học về hệ thần kinh đã hoạt động sôi nổi. Không có tuần lễ nào trôi đi mà không có một cuộc nghiên

cứu mới về vai trò của não trong hành vi hoặc tư tưởng của chúng ta. Nhờ đó, con người có thể khảo sát bộ não của mình trong từng hoạt động hay cảm xúc như ngủ, nằm mơ, cười vui, sợ hãi... và bản đồ não ngày càng được hoàn chỉnh hơn. Chẳng hạn như nếu vào năm 1909, nhà khoa học Korbinian Brodmann cho rằng, có hai khu vực ở vỏ não liên quan đến sự cử động, thì nay, các nhà thần kinh học xác định có đến 5 khu vực như thế. Cơ chế tác động đến hành vi và tư tưởng của chúng ta vẫn chưa tiết lộ hết những bí ẩn của nó.

**Bộ não với giấc ngủ và mơ**

Lúc ấy là vừa hơn nửa đêm. Trong một tư thế hoàn toàn thoải mái, bạn đang chìm vào giấc ngủ say. Để đạt đến điều này, về mặt sinh lí, bạn đã trải qua 4 giai đoạn: giai đoạn một thiu thiu ngủ, tiếp theo là một giấc ngủ chập chờn, rồi đến giai đoạn hai: giấc ngủ chậm, trong đó sóng điện do các nơron phát ra với một nhịp điệu rất chậm và hoạt động của hệ thống cấu trúc dưới vỏ não rất yếu ớt. Từ đó, bạn bước vào giai đoạn của giấc ngủ nghịch thường (sommeil paradoxal), được các nhà nghiên cứu đánh giá là còn quan trọng hơn cả lúc thức tỉnh! Chính những giấc mơ mà theo nhà phân tâm học Sigmund Freud là "con đường triệt để dẫn đến vô thức" đã hiện ra trong giấc ngủ nghịch thường của chúng ta. Nói rõ hơn, trong giai đoạn gọi là "những cử động nhanh của mắt", hoạt động của não thay đổi rất nhiều. Những hình ảnh chụp theo kĩ thuật TEP (chụp tia X lớp bằng phát xạ positon) cho thấy phần vỏ não chi phối các cảm giác bị kích thích đúng vào lúc có các cử động mắt. Sự kích thích này giải thích về sự hiện diện của những hình ảnh sống động và đầy màu sắc trong giấc mơ của chúng ta.

Một thông tin khác là những cơn ác mộng thường kích thích hoạt động của các hạch amiđan (amygdale), là trung tâm của cảm xúc và thái độ. Khi chúng ta nằm mơ, những vùng thường được kích thích nhiều nhất là những vị trí nối liền thân não với phần vỏ não chi phối thính giác, những vùng thị giác kết hợp với một phần của vùng vận động. Nhưng ban đêm không chỉ dành cho những giấc mơ. Thời kì mắt cử động nhanh cũng giữ một vị trí đặc biệt trong tiến trình ghi nhớ. Trong giấc ngủ, chúng ta không cần nỗ lực vẫn có thể lưu trữ những kỉ niệm cá nhân. Đến nay, ngủ và mơ vẫn còn làm cho nhiều nhà khoa học mất ngủ vì chúng.

**Bộ não và cơn khát**

Đồng hồ reo lúc 8 giờ sáng. Đêm qua trời nóng bức. Bạn trở dậy trong cơn khát và uống liền một cốc nước to. Bằng động tác đơn giản này, bạn đã tái tạo một kinh nghiệm nguyên thuỷ về sự tiến hóa của ý thức con người. Qua việc

quan sát hoạt động của bộ não một người đang ở trong cơn khát, một nhóm nhà khoa học thuộc Trường Đại học Texas (Mĩ) đã tìm lời giải đáp cho các câu hỏi: Tại sao việc uống nước chế ngự cơn khát chỉ trong vòng vài phút, trong khi cơ thể trải qua một thời gian dài hơn nhiều mới lâm vào tình trạng thiếu nước. Làm thế nào mà cảm giác khát nước và những nhu cầu thiết yếu khác như ăn, hít thở có thể đánh thức ý thức của chúng ta? Để thử nghiệm, người ta tiêm một liều nước có pha muối vào cơ thể 10 người tình nguyện. Khi nhu cầu thoả mãn cơn khát hiện ra, cả mười bộ não biểu lộ một cơ cấu phức tạp những vùng bị tác động và những vùng bị ngưng trệ, chủ yếu là những vùng sâu như tiểu não chẳng hạn.

Cuộc nghiên cứu của các nhà khoa học Mĩ chứng tỏ rằng, trái với lí thuyết thông thường cơn khát có vẻ như liên kết với những cơ chế phức tạp của não. Việc nắm bắt được những cơ chế này có thể giúp chống lại sự suy yếu của cảm giác khát vốn là một hiện tượng quen thuộc nhưng chưa được giải thích ở những người có tuổi. Những hậu quả của tình trạng này có thể rất nguy hiểm, nhất là khi đối tượng đang trải qua căn bệnh Alzeihmer (gây ra sự sa sút về trí tuệ). Nói một cách lí thuyết, nhu cầu thoả mãn những khát khao sơ đẳng đã đẩy nhanh sự xuất hiện của ý thức, nó giúp sự chọn lựa những đáp án phù hợp với một tình thế hơn là dành sự ưu đãi cho những phản xạ giản đơn.

**Bộ não và nụ cười**

Nếu chúng ta không cười vì cùng một việc như nhau thì bộ não chúng ta lại "cười" ở cùng một vị trí. Đó là thuỳ trán bên trái, ngay phía trước khu ngôn ngữ. Vị trí này có diện tích khoảng $2cm^2$, được nhà phẫu thuật thần kinh Ytzhak Fried thuộc Trường Đại học Los Angeles (Mĩ) phát hiện một cách tình cờ: để tìm ra nguyên nhân chứng động kinh của một thiếu nữ, ông ta kích thích bằng điện 85 điểm khác nhau trên não bệnh nhân, trong đó có một điểm mỗi khi đụng đến là bệnh nhân cười rũ rượi. Như vậy, trong não người có một điểm làm phát sinh ra... sự cười.

**Bộ não với sự kinh tởm và sợ hãi**

Trong bộ phim đang chiếu trên màn ảnh, người la nhìn thấy hai nam diễn viên vừa ngã lên xác của một giáo sư đã bị tùng xẻo một cách dã man. Trong lúc John phô bày một bộ mặt kinh tởm trước cảnh tượng ghê rợn đó thì Cynthta run lên vì sợ hãi, gương mặt anh nhăn nhúm với nỗi lo là tên sát nhân vẫn còn lảng vảng đâu đó. Bạn ngồi trên chiếc ghế bành trong rạp chiếu phim, bộ não phản ứng theo hai cách khác nhau, tùy theo cảm xúc của mỗi diễn viên trong phim.

Điều này được ghi nhận trong một cuộc nghiên cứu do các nhà khoa học Anh tiến hành. Họ đưa cho các đối tượng thử nghiệm xem những tấm ảnh chụp các gương mặt với nhiều cách biểu lộ khác nhau: sung sướng, sợ hãi, chán nản hoặc đơn giản là không biểu lộ một cảm xúc nào. Trước hai cảm xúc sợ hãi và kinh tởm, não không cho thấy có cùng một hoạt động của hệ thần kinh.

Khác với sự sợ hãi, sự kinh tởm không tạo ra những luồng cảm xúc ở hạch amiđan mà trái lại, nó tác động đến một vùng có vai trò nhận biết những thức ăn nguy hiểm như thịt ôi chẳng hạn. Sự ham thích và hình ảnh kinh tởm là nguyên nhân của những đáp ứng giống nhau. Trong giai đoạn đầu tiên của lịch sử con người, chúng cần cần thiết cho sự sống còn của nòi giống cho nên cả hai loại hành vi này có liên hệ với nhau. Và sự kinh tởm phải chăng là yếu tố căn bản của đời sống xã hội?

**Bộ não và âm nhạc**

Âm nhạc làm phát sinh những tình cảm rất đặc biệt. Nó có thể làm cho bạn uốn éo thân hình theo điệu nhạc hay lắc lư cái đầu theo mỗi dòng cảm xúc. Bộ não của chúng ta cũng thế. Nhà nghiên cứu Arme Blood và các đồng nghiệp ở Viện Thần kinh – Trường Đại học Mcgill (Montréal Canada) khám phá ra rằng, những vùng trong não chịu sự tác động của âm nhạc rất khác so với quá trình cảm xúc và nhận thức đã biết. Họ cho 10 người tình nguyện không rành về âm nhạc nghe 6 khúc biến tấu của cùng một đoạn nhạc và sau mỗi lần như thế, khúc biến tấu trở nên nhàm tai hơn. Bằng kĩ thuật chụp ảnh, người là ghi nhận những vùng chịu sự tác động của âm nhạc nằm phần lớn ở bán cầu não phải, phần giàu cảm xúc nhất và chiếm một vị rí riêng biệt trong vùng dành cho sự thể hiện các cảm xúc.

**Bộ não và sự đọc sách**

Ngày làm việc đã kết thúc. Trước khi đi ngủ, bạn giở cuốn sách gối đầu giường ra và đọc mấy dòng. Đọc sách là một trong những hoạt động tinh thần được các nhà nghiên cứu khảo sát kĩ nhất. Nhờ những hình ảnh chụp bằng kĩ thuật TEP, người ta biết rằng, một số rối loạn trong hệ thần kinh có thể dẫn đến chứng loạn đọc (dyslexie). Đó là trường hợp có một mối liên kết lỏng lẻo giữa hai vùng ngôn ngữ chính trong não gọi là vùng Wemicke và vùng Broca. Ngay phía trên vùng Welnicke, có một khu vực hợp nhất thị giác, khả năng xác định vẻ không gian và ngôn ngữ. Nếu khu vực này bị tổn thương thì sẽ xảy ra một hậu quả kì lạ: đối tượng không đọc được trong im lặng. Anh ta có thể hiểu được lời nói và viết một cách tương đối bình thường. Nhưng nếu anh ta muốn đọc lại trong im lặng những gì mình vừa viết ra, anh ta không hiểu một chút gì cả.

Đây là một trong những thách thức cho các nhà khoa học cần tìm hiểu mối tương quan giữa bộ não và ngôn ngữ.

**"Chồi mới" ở đại não**

Nói đến sự già yếu của cơ thể con người, tự nhiên người ta nghĩ ngay đến sự chậm chạp và thoái hóa của đại não, song không ít các nhà khoa học luôn cho rằng đại não già yếu có thể sẽ chết đi những tế bào, mỗi ngày có tới 1 đến 5 vạn tế bào chết đi. Có nghĩa là từ lúc thanh niên tới lúc già yếu cả khối não sẽ teo đi 10%. Số tế bào đại não giảm đi, khiến cho tuổi tác càng cao càng hay quên, đầu óc cũng trở nên chậm chạp và đần độn.

Thế nhưng, hiện nay ngày càng có nhiều nhà khoa học không muốn tiếp nhận quan điểm bi quan này. Giáo sư Robert Terli Khoa Thần kinh học – Trường Đại học California (Mĩ) đã nhìn nhận đại não già cỗi với cách nhìn mới. Bằng kĩ thuật đặc biệt, ông phát hiện có rất nhiều tế bào đại não, trên thực tế không chết, mà nó chỉ teo đi. Trong quá trình teo đi, các tế bào thần kinh sẽ mất đi mối liên hệ tương hỗ nào đó. Các nhân viên nghiên cứu Trường Đại học Cambridge (Anh) và Rochester Mĩ còn phát hiện trên thực tế một số tế bào não bị tổn thương hoặc già cỗi còn có thể "nảy chồi" mới những chỗ sần sùi như mạng nhện mà người ta quen gọi là "mắt cây". Những "mắt tế bào thần kinh" này không ngừng lớn lên, thậm chí người ta đến 90 tuổi vẫn còn nảy "chồi" mới. Qua nghiên cứu, các nhà khoa học cho rằng, các mắt tế bào thần kinh là thể hiện vật chất được gọi là "tuổi cao trí thức mỏng".

Gần đây, các nhà khoa học nghiên cứu thấy những hóa chất não được coi là yếu tố sinh trưởng của thần kinh có vai trò thúc đẩy "mắt" tế bào thần kinh phát triển. Đại não người có tới mấy chục, thậm chí mấy trăm loại hóa chất như thế. Trong tương lai không xa, các yếu tố sinh trưởng của thần kinh có thể dùng để điều trị bệnh Pakingson và chứng đần độn.

Nhiều nhà khoa học qua thí nghiệm và phân tích đã rút ra kết luận, sự thoái hoá đại não ở người già trước đây bị người ta thổi phồng lên. Gado – nhà chính trị cổ La Mã đến 80 tuổi mới học tiếng Hi Lạp. Goethe tuổi gần 80 mới viết tác phẩm nổi tiếng "Faust". George Pense khi sinh nhật 100 tuổi còn có những dự kiến trong tương lai. Những điều đó chứng minh rằng tế bào não của những người làm nên sự nghiệp lúc tuổi già đang "nảy chồi mới" với đặc điểm chung là: Họ không chịu ngồi yên mà già, không chịu bỏ lòng ham muốn tăng thêm tri thức, tiến thủ vươn lên; gian khổ rèn luyện học tập. Vì rằng có được sự suy nghĩ và ham muốn ấy, đã khiến cho đại não của họ không trở nên đần độn, hơn thế nữa còn làm nên sự huy hoàng trong sự nghiệp.

## III. NHỮNG BÍ ẨN LINH CẢM CON NGƯỜI

"Tôi chỉ có linh cảm rằng, đó là một vụ mua bán tốt" – ông Ree Krok nói, vào năm 1960, ông bỏ 2,7 triệu đôla để mua một hãng sản xuất bánh kẹp thịt nhỏ, và cùng với hãng là nhãn hiệu hàng hoá McDonald. Khi ấy đã có biết bao nhiêu người thuyết phục ông đừng dại dột như vậy! Ngày nay hãng bánh kẹp thịt ấy mỗi năm đem về 26 tỉ đôla doanh thu.

"Giác quan thứ sáu", hay linh cảm bắt đầu hoạt động khi mà các tính toán và suy luận lôgic đã không thể giúp gì được bạn nữa. Đó là tiếng nói bên trong, tiếng nói quyết định đối với rất nhiều thiên tài, cho dù đó là các cầu thủ bóng đá, các hoạ sĩ hay các nhà kinh doanh.

Lượng kiến thức trên trái đất cứ sau 7 năm lại tăng lên gấp đôi. Có nghĩa là sang thế kỉ XXI, cứ một phút con người lại sáng chế ra một công thức hóa học mới. Cứ 3 phút lại có 1 quy luật vật lí mới được khám phá, và 5 phút có 1 thành tựu y học mới ra đời. Để thông qua quyết định lượng thông tin cần thiết thường là không đủ, hoặc quá lớn đến mức không thể xử lí kịp thời. Vì thế tại một số trường đại học, chẳng hạn như Đại học Kinh doanh Đan Mạch, việc phát triển khả năng linh cảm đã được đưa vào chương trình giảng dạy. Bởi vì ai cũng có "giác quan thứ sáu" chỉ có điều không phải ai cũng biết sử dụng nó.

Giác quan thứ sáu không thể học mà có, song nó có thể tạo ra môi trường thuận lợi để nó xuất hiện. Ở đây, suy nghĩ tổng hợp, khả năng lắng nghe các cảm giác của mình, kí ức của mình và thậm chí cả giấc mơ của mình đóng một vai trò rất quan trọng. Cơ thể thường có phản ứng trước lí trí. Người ta kể rằng, họa sĩ vĩ đại Mikenlangiơ đã rùng mình khi nhìn thấy bức tượng David ẩn giấu trong tảng đá hoa cương. Cho nên, không thể coi thường những tín hiệu của cơ thể.

Giác quan thứ sáu của bạn có phát triển hay không? Sau đây là 12 dấu hiệu của khả năng độc đáo này. Mời bạn hãy thử tự mình đánh giá.

1. Bạn có thể đánh giá đúng sự vật "từ cái nhìn đầu tiên", không cần xem xét tỉ mỉ.

2. Bạn đặt trứng lên bếp và luộc đúng 3 phút mà không cần xem đồng hồ.

3. Bạn nhìn thấy toàn bộ khu rừng chứ không phải từng cây riêng rẽ.

4. Nhìn những đám mây, bạn thấy những hình thù nhất định.

5. Trong một thời gian ngắn, bạn có thể ghi nhớ cả bức tranh và sau đó nhớ ra từng chi tiết.

6. Bạn thành công nhờ những ý đồ đột ngột xuất hiện.

7. Bạn có thể đoán trước cái gì sẽ xảy đến.

8. Bạn có thể xác định đúng thời điểm để ra đòn.

9. Bạn có tài năng hình sự và có thể dựng lại tình huống vụ án.

10. Bạn nhìn một cái gì đó lần đầu, mặc dù vậy vẫn có cảm giác rằng bạn đã nhìn thấy nó một khi nào đó.

11. Linh cảm thường giúp bạn ra quyết định đúng.

12. Bạn thường dễ dàng đoán ra ý nghĩa của các biểu tượng.

**Nhiều phát minh nổi tiếng chỉ do sự tình cờ**

Khi đề cập tới các phát minh khoa học, người ta tưởng tượng ngay tới các nhà bác học chăm chú trước các ống thí nghiệm và bình thuỷ tinh. Họ thức khuya dậy sớm vất vả, khó nhọc nghiên cứu và có thể kêu ầm lên như Archimede: "Eureka"! (tìm thấy rồi!).

Sự thật thường khác hẳn. Nhiều phát minh được khám phá do một sự tình cờ, một tai nạn hoặc vì khinh thường không thèm chú ý đến.

Ông Louis Daguerre phát minh ra loại máy chụp ảnh cổ lỗ sĩ, có tên là Daguerréotipe (tiền thân của máy ảnh hiện nay) trong một lần hết sức tình cờ. Một hôm, Daguerre để lộn một tâm kính ảnh chụp thiếu ánh sáng trong một căn phòng chứa đầy những đồ vật cồng kềnh, tình cờ trong đó có một đĩa thuỷ ngân mà ông không biết. Thuỷ ngân bốc hơi và trở thành thể phản ứng (réactif). Thế là trên tấm kính ảnh mà Daguerre tưởng là vô dụng ấy đã xuất hiện một hình ảnh. Nhà phát minh tình cờ ấy ngạc nhiên vô cùng. Sau đó, ông tìm cách sửa cho đúng phương pháp để có thể tung máy ảnh ra thị trường. Vào thời đó người ta phải "phơi" tấm kính ảnh nhiều giờ mới có kết quả.

– Hiện nay, bất kì chiếc xe hơi tối tân nào cũng được trang bị bằng kính không vỡ. Ít ai ngờ rằng phát minh này thật ra chỉ ra đời từ một sự vụng về của ông Edouard Benedictus, người Pháp.

Một hôm, ông sơ ý đánh rơi cái chai xuống đất. Khi bực mình cúi xuống đất để nhặt các mảnh vụn, ông rất kinh ngạc vì thấy chiếc chai không vỡ mà chỉ rạn nứt, khác hẳn thường lệ. Xem xét kĩ càng, Benedictus nhận thấy chai này trước đây đựng chất Collodion. Chất này chỉ còn bám trên chai một lớp mỏng nhưng vẫn đủ sức để giữ cho các mảnh thuỷ tinh vụn không bị rời ra. Nhờ kinh nghiệm ấy, ông chế tạo được một loại "bánh mì kẹp thịt", nghĩa là một miếng nitrocellulose nằm giữa hai tấm kính. Thế là loại kính không vỡ ra đời.

– Trong nhiều năm ròng rã, Charles Goodyear kiên nhẫn nghiên cứu về chất cao su, nhưng vẫn không có kết quả.

Không nản chí, nhà phát minh vẫn cố công tìm tòi, hi vọng sẽ cống hiến cho nhân loại những sáng chế mới mẻ. Một hôm, khi trộn cao su với lưu huỳnh và đặt hỗn hợp lên bếp lò, ông sơ ý làm cái chảo nghiêng đi; hai chất nói trên bị bắn tung toé trên bếp nóng bỏng. Sau khi quan sát kĩ, Goodyear đã tìm cách cải thiện một phương pháp gọi là Vulcanisation (do chữ Vulcain là tên vị Thần lửa) pha chế lưu huỳnh và cao su cho cứng thêm.

**Tấm "Bản đồ não giúp phát hiện những thiên tài"**

*Tại sao một kẻ chăm chỉ và miệt mài hết ngày này qua ngày khác với nhạc cụ của mình như Salieri lại chỉ có thể sáng tác những tác phẩm thường thường bậc trung, còn thiên tài Mozart lại chỉ cần tuỳ hứng dựa trên những tiết tấu của một nhạc công lang thang cũng có thể tạo nên những kiệt tác? Tại sao có nhiều người thành công ở lĩnh vực hoạt động không hề phù hợp với ngành mà họ đã học? Những con người tài năng có phải bao giờ cũng là "đầu to" và mắt... sáng?*

Nhà khoa học Xécgây Xaveliốp, trưởng phòng thí nghiệm hệ thần kinh của con người ở Viện Nghiên cứu Hình thái học (chuyên nghiên cứu về cấu tạo cơ thể con người) của Nga, đã giải thích được hiện tượng này. Theo ông, bí quyết không phải ở trọng lượng bộ não mà chính là ở các "vùng não" điều khiển các hoạt động riêng rẽ của con người.

Từ lâu, người ta đây biết rằng trọng lượng bộ não không quyết định năng lực cũng như tính thông minh của mỗi cá nhân. Ví dụ như não của nhà văn nổi tiếng người Pháp Anatole France chỉ nặng 1.017 gam trong khi nhà văn Nga nổi tiếng Ivan Tuôcghênhép lại có bộ não nặng gần gấp đôi – 2.010 gam. Các nhà khoa học đã trải qua một thời gian rất dài mới phát hiện thấy mối liên hệ giữa từng khu vực trong não bộ đối với hàng loạt năng khiếu khác nhau của con người. Những thông tin khoa học được cóp nhặt dần dần từng ít một bởi không phải lúc nào cũng có thể nghiên cứu não của những nhân vật xuất sắc. Và cuối cùng thì nhà khoa học Xécgây Xaveliốp đã trở thành tác giả của tấm "bản đồ" đầu tiên trên thế giới, miêu tả toàn bộ ngóc ngách của bộ não con người.

Trên tấm "bản đồ" này, bộ não chia thành nhiều khu vực, có chức năng điều khiển mỗi loại hình hoạt động nhất định, được đánh số theo thứ 1, 2, 3, 4... Cách đây vài chục năm đã có những phát hiện đầu tiên về một hiện tượng là, ở những họa sĩ, vùng não số 17 của họ (là vùng có chức năng điều khiển những hoạt động liên quan đến thị lực) to hơn và đặc biệt phát triển so với ở những người khác. Hiện tượng này được nhà hình thái học Xô viết Dmitry Zvorykin, các nhà khoa học của Đức và sau này là cả Xavieliốp nghiên cứu.

Theo kết luận rút ra từ các công trình nghiên cứu, ngoài chi tiết là vùng não số 17 rộng và phát triển hơn bình thường, ở các họa sĩ còn có một số thành phần khác ở não, giúp họ có những đôi tay chính xác và luôn biết cách phối hợp hình ảnh. Nhưng quan trọng nhất vẫn là vùng não số 17. Cơ cấu của vùng não này càng phong phú thì tài năng của họ càng độc đáo. Nhà khoa học Xaveliốp giải thích: Giả sử vùng não liên quan tới thị lực của bạn lớn gấp ba của tôi thì dù cố gắng đến mấy tôi cũng không thể nào vẽ giỏi hơn bạn. Hiện tượng này chính xác tựa như đối với một chiếc máy tính có khả năng lưu giữ tối đa 200 Mbyte thì không thể nhét nổi vào đó một lượng thông tin chiếm hết 600 Mbyte.

Quy luật tồn tại ở bộ não của những họa sĩ cũng có thể áp dụng đối với lĩnh vực âm nhạc. Thú vị là, ở não của những nhà hùng biện, khác với những nhạc công, vùng não phía gáy lại kém phát triển. Trong mấy năm gần đây, nhà khoa học Xaveliốp đã dùng những thiết bị đặc biệt cho phép nghiên cứu chi tiết cơ cấu bên trong của não và đã kiểm nghiệm thành công quy luật này ở nhiều người đang sống.

Điều đáng quan tâm là sau khi phát hiện quy luật này, cần phải làm gì để tiếp tục công việc nghiên cứu và ứng dụng thành quả của nó vào những mục đích có ích cho cả nhân loại. Nhà khoa học Xaveliốp cho rằng, chỉ trong tương lai không xa sẽ có thể dự báo "đo" vùng não ở trẻ em một cách chính xác và hướng dẫn cho chúng trong việc chọn lựa nghề nghiệp tương lai. Phương pháp và công nghệ phục vụ cho việc này đã sẵn sàng nhưng vấn đề chính là cần kinh phí. Theo đánh giá của nhà khoa học Xaveliốp, số tiền cần thiết là khoảng 40 triệu USD. Hiện nay, đích thân Xécgây Xaveliốp đã có thể dự báo về khả năng của từng người chính xác tới 80%, trong đó những lĩnh vực liên quan tới vùng não điều khiển chức năng nghe nhìn là được nghiên cứu kĩ hơn cả.

Nhà khoa học Xaveliốp cho rằng ông và các đồng nghiệp Nga đã đi trước các chuyên gia trong nước khác, tính bằng thời gian là khoảng 15 năm. Và để hiểu rõ mối lợi của việc đó, theo ông có thể lấy ngay quân đội làm ví dụ. Việc cắt giảm quân đội chỉ còn "gọn nhẹ" gấp 5 so với hiện nay có thể thực hiện thành công trong vài năm nếu biết cách tuyển chọn vào đó những cá nhân có năng khiếu đặc biệt về quân sự. Kĩ thuật quân sự trên toàn thế giới hiện nay khiến vai trò của cá nhân mỗi sĩ quan trở nên đặc biệt quan trọng và nếu nghiên cứu chính xác thì có thể dễ dàng phát hiện đâu là những phi công giỏi, còn đâu là những tay thiện xạ.

Theo Xaveliốp, công nghệ của ông thể hiện, cố gắng đưa con người trở lại với tự nhiên, sửa chữa những sai lầm của xã hội đã khiến nhiều tài năng bị

thui chột. Mỗi người cần phải tuân theo những gì mà anh ta được tạo hoá ban cho. Vấn đề là anh ta không biết anh ta được thiên phú những gì. Thông thường trong 10 người thì có thể tới 9 người đã chọn sai ngành nghề và đành an ủi là "tại số".

Theo quan điểm của các chuyên gia trong lĩnh vực hình thái học, khuôn hình và những nếp nhăn của bộ não di truyền từ cha mẹ đến con cái và thường thì dân tộc nào cũng có "những chỉ số" hình thái học của não, không biến đổi. Sự pha trộn dòng máu giữa các sắc tộc khác nhau (ở quy mô lớn) tạo nên những thế hệ có nhiều tài năng và cũng là những "đối tượng" độc đáo cho công việc nghiên cứu khoa học. Tuy nhiên, sự pha trộn này đồng thời cũng tạo nên không ít những cá nhân "dị dạng". Ví dụ như ở Mĩ, sự pha tạp dòng máu lớn tới mức trên đất nước này hoàn toàn không có chuẩn mực nào hết.

Thuỵ Điển là nước có chính sách nhận trẻ em châu Phi làm con nuôi với mục đích biến dân tộc mình thành một dân tộc có nhiều người lỗi lạc. Tuy nhiên, những dấu hiệu thể hiện tài năng do kết quả của việc pha trộn dòng máu cũng chỉ xuất hiện ít nhất là sau 40 năm. Nhưng pha trộn dòng máu không phải là con đường duy nhất để làm tăng số người xuất chúng. Theo ông Xaveliốp, một "thái cực" khác trong quá trình thay đổi não bộ cũng sẽ đem lại những kết quả tương tự như việc pha trộn dòng máu. Ví dụ như ở Thuỵ Sĩ hoặc ở Anh, nơi có rất nhiều người được sinh ra từ những cuộc hôn nhân giữa những người họ hàng gần. Bằng cách này, số người tài năng cũng có thể tăng lên. Minh chứng là Thuỵ Sĩ có nhiều phát minh nhất thế giới tính theo đầu người. Nhưng như vậy, sức khoẻ của cả dân tộc sẽ bị giảm sút.

**Linh cảm giác quan hay là quy luật**

Có lẽ không ai trong chúng ta không có ít nhất một lần được linh tính mách bảo. Ở một số người khả năng linh cảm rất lớn và chuẩn xác. Bằng cảm tính họ có thể đoán trước được sự việc, đặc biệt là những gì liên quan tới số phận hay tính mạng của bản thân. Đó là những điểm báo đột nhiên nảy ra trong đầu chỉ cho ta phải hành động ra sao trong từng hoàn cảnh cụ thể. Nhiều lúc linh tính hoàn toàn trái với lôgic tư duy nhưng lại thích hợp và đúng nhất. Linh cảm đó là giác quan thứ 6 đang được các nhà khoa học nghiên cứu.

Đã từ lâu, nhiều bậc thánh nhân, các nhà tiên tri đã phải đau đầu vì cái thế giới cảm tính rất đời thường nhưng cực kì bí ẩn. Không hiểu cái tín hiệu mà ta cảm nhận được bằng cái gọi là giác quan thứ 6 là lời mách bảo của một sức mạnh siêu nhiên nào đó hay là thuộc tính tự nhiên của con người? Rõ ràng linh

tính không phải là kết quả của quá trình tư duy, nằm ngoài phạm trù lôgic. Sự vô lí về lôgic mà linh tính mách bảo trong nhiều trường hợp dường như lại hợp lí và là cứu cánh duy nhất.

Quan niệm thông thường cho rằng, khả năng linh cảm ở phụ nữ cao hơn nam giới. Phụ nữ giải quyết nhiều vấn đề xuất phát từ cảm tính. Ngược lại, người đàn ông bao giờ cũng đi từ lôgic của vấn đề. Song, rất nhiều phát minh nổi tiếng của các nhà bác học nam giới lại bắt đầu từ cảm tính. Nhà soạn nhạc vĩ đại Môda khẳmg định rằng, mỗi tác phẩm âm nhạc của ông là sự kết tinh của nguồn cảm hứng, tư duy sáng tạo và do linh tính mách bảo. Isắc Niutơn đã phải công nhận chính linh tính đưa ông tới những phát minh vĩ đại. Chứng minh những định lí chợt nảy ra trong đầu chỉ là bước kiểm nghiệm sự chính xác của linh tính.

Nhà vật lí vĩ đại Anhxtanh cho biết hầu như trước mỗi phát minh mới ông đều nằm mơ thấy nó. Lí thuyết tương đối chợt nảy ra trong đầu nhà bác học khi ông soi gương và nhìn thấy mình bị lộn ngược trong không khí. Máy ảnh chụp lấy ngay của Lenđơ ra đời cũng rất tình cờ từ một câu hỏi thơ ngây của đứa trẻ "chẳng nhẽ không thể có ảnh ngay hả bố?". Từ một người bình thường Etvin Lenđơ đã trở thành triệu phú do đã phát minh được máy ảnh không phim.

Không chỉ các nhà khoa học mà nhiều các chính trị gia cũng có khả năng linh cảm trước vấn đề. Một vài người trở nên nổi tiếng cũng vì cái giác quan thứ 6. Cựu Thủ tướng Anh Sócsin một lần thoát chết trong trận oanh tạc của không quân Đức là do linh tính mách bảo. Vừa chuẩn bị rời trận địa tên lửa thì máy bay oanh tạc của Đức ập đến. Người tài xế vội vàng mở cửa xe chờ thủ tướng ngồi vào rồi rồ máy. Không hiểu sao Sócsin không chịu vào xe mà vòng ra phía sau. Đúng lúc ấy một quả bom rơi ngay cạnh cửa xe nổ làm thành vũng lớn ngay cạnh chỗ mà Sócsin vừa đứng. "Dường như có một sức mạnh nội tâm đã mách tôi phải rời ngay chỗ đứng", Sócsin đã nói về trường hợp thoát chết của mình như vậy.

Khả năng linh cảm không phải ở ai cũng giống ai. Có thể ở người này thường xuyên xuất hiện và có độ chuẩn xác cao, ở người kia hầu như ít khi có linh tính báo trước. Để biết được linh tính của mình ở mức độ nào, bạn tự kiểm tra theo số biểu mẫu sau:

1) Khi nghĩ về một người, đột nhiên người đó xuất hiện hay gọi điện cho bạn.

a. Thường xuyên xảy ra như vậy; b. Đôi khi; c. Chưa khi nào.

2) Giấc mơ của bạn thường xuyên trở thành hiện thực?

a. Ít nhất trong đời đã có một giấc mơ đúng như là thực tế.

b. Mặc dù chưa nhưng tôi tin rằng giấc mơ cho ta nhiều thông tin quan trọng.

c. Đối với tôi, giấc mơ chỉ là giấc mơ, không hơn không kém.

3) Ai đó (cái gì đó, tự nhiên gây cho bạn một cảm giác lo lắng vô cớ và nghiệm lại đúng như vậy?)

a. Trường hợp đó thường xuyên có. b. Hạn hữu mới có được như vậy

c. Chưa có lần nào.

4) Đã khi nào bạn nhìn thấy hiện tượng siêu nhiên chưa?

a. Đã thấy.

b. Có thể đã nhìn thấy cái gì đó tương tự nhưng không chắc đó là hiện tượng siêu nhiên hay chỉ là cảm giác bị lừa.

c. Chưa bao giờ thấy.

5) Khả năng đánh giá con người của bạn từ cái nhìn ban đầu?

a. Thường sai khi đánh giá con người ngay từ cái nhìn ban đầu;

b. Có lúc đúng có lúc sai;

c. Thường thì ấn tượng ban đầu đánh lừa tôi.

6) Bạn biết được chính xác cần phải giải quyết ra sao với từng trường hợp cụ thể xảy ra trong cuộc sống hàng ngày?

a. Đúng; b. Đôi khi không biết; c. Thường xuyên không biết.

7) Các biểu hiện tâm lí của bạn rõ đến nỗi người xung quanh cũng biết và đôi khi trở thành cái để mọi người đùa tếu?

a. Thường xuyên; b. Ít khi; c. Không khi nào như vậy.

8) Bạn có thể biết trước những gì viết trong thư gửi cho mình từ một người nào đó?

a. Đúng; b. Đôi khi biết; c. Mình không có thói quen nghĩ trước.

I– Nếu điểm a nhiều hơn nghĩa là bạn là người có khả năng linh cảm lớn. Bề ngoài và trong cách cư xử của bạn có cái gì đó hơi khác người một chút nhưng đó là biểu hiện giác quan thứ sáu ở những người bình thường khác không có. Khả năng cảm nhận sự việc và tiên đoán trước vấn đề là cái vốn quý nhất của bạn.

II– Nếu nhiều b hơn nghĩa là bạn thuộc dạng người trung bình về linh cảm. Nhiều người coi đây là mẫu người lí tưởng nhất. Cảm tính và tư duy lôgic cân bằng khiến cho bạn trở thành người luôn sáng suốt.

III– Nếu chủ yếu là c, có nghĩa là bạn là con người luôn sống bằng lí trí. Thường thì các quyết định của bạn là đúng đắn vì cuộc sống bao giờ cũng tuân theo luật nhân quả. Song đôi khi bạn lại kém hơn người khác ở chỗ cảm nhận trước sự việc thông qua giác quan thứ 6.

## IV. NHỮNG HIỆN TƯỢNG CỦA VÔ THỨC

### Khi giấc ngủ là một cơn ác mộng

Cơn ác mộng, cho dù của đứa bé, cũng đừng coi thường. Ở người lớn thì chúng ta đã biết tai hoạ nhồi máu có liên quan đến những vấn đề hô hấp về đêm. Ngày nay, người ta còn ngờ vực đến cả cơn ác mộng nữa.

Gặp cơn ác stress, người ngủ lúc đó có tình trạng dễ lên cơn nhồi máu. Thường gần sáng, người bệnh tim hay lên cơn. Đã có những trường hợp người ngủ phạm tội giết người: một người nằm mơ thấy bị hai người lính Nhật tấn công, anh ta đã bóp chết vợ mình. Do kết luận của bác sĩ khoa thần kinh: nguyên nhân là nỗi khiếp sợ lúc nửa đêm nên anh ta không phải chịu trách nhiệm và được tha bổng.

### Bí ẩn của thế giới vô thức

1/3 cuộc đời, tức khoảng 25 năm, con người chìm đắm trong thế giới vô thức, tạm mất đi khả năng kiểm soát thể xác và tinh thần. Lúc này con người rơi vào tình huống không thể nào hiểu nổi hoặc không thể nào diễn đạt được những cảm xúc của mình. Ngay từ thời cổ xưa, các nhà bác học đã từng thức thâu đêm theo dõi giấc ngủ để khám phá bí ẩn của quá trình này. Mỗi người một cách giải thích. Hippocratcs cho rằng giấc ngủ sẽ tới khi máu và nhiệt thu vào trung tâm cơ thể. Aristote khẳng định rằng thức ăn là thủ phạm làm cơ thể mệt mỏi và buộc người ta phải ngủ. Ông khẳng định rằng thịt cừu non rán, pho mát làm từ sữa dê và nho tươi có khả năng sản sinh ra những luồng hơi nóng, nhiễm vào động mạch rồi bốc lên đầu làm não lu mờ. Sau đó lại nguội đi rồi trở về tim, lấy lại nhiệt lượng, quay ngược lên não. Cứ như vậy giấc ngủ kéo dài tới khi thức ăn được tiêu hoá hết. Theo Alexander Von Humboldt, người ta ngủ chỉ đơn giản là thiếu ôxy.

Giấc ngủ khởi đầu bằng hiện tượng chuyển động chậm của mắt, đồng tử co lại, ý thức trở nên mờ nhạt rồi xuất hiện những ý nghĩ hoang tưởng. Năm phút sau là giai đoạn ngủ nông: mắt nhắm và dừng lại mọi sự hoạt động của giác quan, thân nhiệt giảm đi, huyết áp hạ xuống, nhịp thở và nhịp tim chậm đi, các cơ quan được thư giãn. Lúc này hàm lượng hocmon coctison tức hocmon chống stress giảm tối thiểu, hàm lượng hocmon sinh trưởng trong máu tăng lên. Lúc này người ta ngáy do nhóm cơ cổ họng thư giãn khiến gốc lưỡi tụt về phía sau làm tắc đường thở qua mũi, làm người ta thở bằng mồm, do đó thở làm rung thanh quản. Có khi ngừng thở một vài giây và với hàng trăm lần có thể lên đến vài phút.

Trong giai đoạn ngủ sâu, những người mộng du có thể bắt đầu hành động, gây ra tai nạn, cho đến nay nguyên nhân của mộng du vẫn chưa được khám phá.

Ngủ sâu cũng có thể chuyển sang ngủ nông chừng vài phút là lúc nhịp thở không đều, nhịp tim dao động, tròng mắt đưa qua đưa lại trong khi mi mắt vẫn khép kín. Người ta gọi lúc này là giai đoạn mắt chuyển động nhanh.

**Sự kì diệu của giấc mộng ban ngày**

*Hãy tung đôi cánh của trí tưởng tượng bay lên những tầng trời đẹp đẽ. Nó sẽ khơi nguồn sáng tạo và mang lại cho bạn những năng lượng không ngờ tới.*

Làn nước xanh ngắt, lăn tăn sóng, những tia nắng ve vuốt trên da, ngụm nước ngọt đến vô cùng khi ta thoải mái nằm trên võng, đu đưa dưới những gốc dừa. Cảm giác nghỉ mát nổi dậy trong tôi, một giấc mơ mới đẹp làm sao! Một giấc mơ giữa ban ngày – bởi vì trong khi tôi cùng dòng suy nghĩ bay tới những hòn đảo nhiệt đới xa xôi thì thân thể tôi đang ngồi trong phòng đợi của nha sĩ, má sưng vù, chờ tới lượt nhổ răng. Nhưng nỗi sợ hãi chiếc máy khoan đã như được thổi tan đi bởi chuyến du lịch kì ảo.

"Những giấc mơ ban ngày là các nhân viên sáng tạo của chúng ta, chúng giúp chúng ta làm đẹp cuộc sống hàng ngày – chúng an ủi, khích lệ chúng ta", nhà tâm lí học chuyên nghiên cứu giấc mơ Klausbernd Vollmar khẳng định. Sau cả một thời gian dài bị chê cười khinh thị là phương cách trốn trách hiện thực kém dũng cảm, hôm nay, những chuyến ngao du trong tưởng tượng được biết tới như những yếu tố giúp con người điều khiển tình cảm của mình.

Chưa hết, các nhà nghiên cứu người Mĩ còn phát hiện ra rằng: những ai hằng ngày tự dành cho mình những khoảng thời gian nghỉ ngơi ngắn ngủi, thậm chí có thể nâng chỉ số thông minh lên tới 5 điểm! Một hiệu ứng logic, bởi vì theo Klausbernd Vollmar, "khả năng suy nghĩ sẽ trở nên linh động hơn qua những bức tranh nội tại. Trong bộ não của chúng ta, qua những giấc mơ ban ngày, các hướng nhìn sẽ được thay đổi, những bài toán được kiểm tra rà soát lại và tìm ra lời giải". Ở đây, người ta phải biết phân biệt giữa một bên là trí tưởng tượng đột hứng, được các nhà khoa học gọi là Absênc (sự vắng mặt), có thể bằng những "tia chớp thần kinh" dẫn chúng ta đến những lời giải bất ngờ và bên kia là những giấc mơ ban ngày được chúng ta gọi tới một cách có ý thức. Với trí tưởng tượng có hướng dẫn này, chúng ta có thể làm việc sáng tạo hơn và tăng lòng tự tin của mình. Sau đây là một số những kĩ thuật tâm lí quan trọng nhất giúp người ta rèn luyện:

*Cú ngao du nội tại theo đơn đặt hàng*

Bạn phải đứng vào một hàng dài dằng dặc trước quầy trả tiền trong siêu thị ư? "Thay vì bực bội không cần thiết, hãy đơn giản mơ tới một thảm cỏ xanh mềm mại", nhà tâm lí học giới thiệu: Hãy chặn ngang cuộc đối thoại nội tại đầy cáu kỉnh và tận dụng thời gian chờ đợi một cách sáng tạo! Hãy để cho tâm hồn mình bồng bềnh trôi trong trí tưởng tượng, trong bức tranh kì ảo – dù là khi xếp hàng hoặc khi ngồi trên tàu điện, chiến thuật này hoạt động tốt mọi lúc và mọi nơi. Một phép tâm lí nho nhỏ: bạn hãy nhắm mắt lại, đếm ngược từ 3 trở về 0. Ở mỗi con số, người ta tự đặt mình lên một chuyến phiêu lưu ảo, cho tới khi chúng ta đạt được mục đích riêng của mình – và ví dụ đến số 0, ta sẽ đứng trong một thảo nguyên tràn đầy hoa đang toả hương thơm. Qua kĩ thuật từng bước này, người ta dịu dàng đưa cảm giác của mình ra khỏi những bực bội và căng thẳng. Bởi vì não bộ con người không thể đột ngột chuyển vào một trạng thái tình cảm mới. Những ai dùng trí tưởng tượng đưa mình dần sang trạng thái nghỉ ngơi, chỉ sau một thời gian ngắn thôi, đã nạp thêm cho mình năng lượng và một sự cân bằng nội tại mới.

*Những kịch bản với kết thúc có hậu*

Với phương pháp này, bạn chuyển trí tưởng tượng của mình về hướng tự tin, bởi vì nó giúp bạn vượt qua những nỗi sợ hãi. Điểm xuất phát bao giờ cũng là một giấc mơ trong đêm, được chúng ta mơ tiếp vào ban ngày – dĩ nhiên với kết thúc có hậu. "Kĩ thuật này đặc biệt hữu hiệu sau những cơn ác mộng hoặc trong những tình huống căng thẳng, ví dụ như trước các kì thi", Klausbernd Vollmar nói. Trải qua một cách có ý thức tất cả những nỗi sợ hãi của mình trong trạng thái tỉnh táo là cách đối đầu tốt nhất với chúng và chiến thắng chúng! Ví dụ như ai trong giấc mơ thường bị truy đuổi, giờ hãy dũng cảm quay đầu lại với kẻ tấn công mình và đuổi hắn đi. Kĩ thuật kịch bản có hậu tốt nhất là một cơn lên đồng nhẹ: nhắm mắt lại (những ai nhiều kinh nghiệm có thể mở mắt) và tự nói với mình, nhỏ nhẹ nhưng tập trung: "Tôi đang rất bình tĩnh và nghỉ ngơi thoải mái" – cho tới khi bạn cảm thấy mình đang nghỉ ngơi thực sự. Sau đó, bạn gọi lại giấc mơ trong đêm, và biên soạn lại nó một cách có ý thức theo kịch bản của chính mình. Hiệu ứng: những sợ hãi nằm trong tiềm thức sẽ tan biến vì chúng ta đã nắm lấy vai trò đạo diễn.

*Kịch bản cho tương lai – giấc mơ tiên tri*

Đây là hình thái sáng tạo nhất của những giấc mơ được điều khiển một cách có ý thức. Ở đây, mỗi người đều có thể "mơ mộng" cuộc đời của bản thân mình, dần dần từng bước một. Kĩ thuật bạn vẽ trong đầu mình một dạng phim truyền hình

nhiều tập, nơi chính bạn đóng vai chính, đối đầu với những mong ước cũng như những mục đích của mình – và đạt tới chúng! "Đối tượng ở đây có thể là mối quan hệ vợ chồng hoặc là một mục đích trong công việc", Klausbernd Vollmar nói. Bạn hãy nhắm mắt lại 5 phút, và thở một vài lần thật sâu. Hoàn toàn thả lỏng, bạn hãy thử tưởng tượng: mối quan hệ của ta trong một tuần, một tháng hoặc một năm nữa sẽ ra sao? Ta muốn đạt được điều gì trong công việc? Hãy dẫn vào đây những mong ước thay đổi cụ thể, và hãy tạo ra những tình huống, có hiệu ứng nhất định. Dần dần, bạn cũng có thể đề cập tới cả các vấn đề khó khăn hơn, chỉ có như vậy người ta mới có thể thực hiện những lí tưởng của mình. Hơn nữa, những giấc mơ cần phải được luôn luôn thay đổi cho phù hợp với thực tế, nếu không, từ những tưởng tượng sẽ dần trở thành ảo vọng.

**Tia chớp tinh thần**

Bên cạnh những giấc mơ ban ngày tương đối dài, còn có cả những cú ngao du chớp nhoáng, kéo dài chỉ một phần giây. Nó cũng có thể dài hơn chút ít đối với những người có năng khiếu tưởng tượng. Thường thì chúng ta hầu như không nhận biết được sự tồn tại của những thời gian trôi bồng bềnh của dòng suy nghĩ kiểu đó, được các nhà nghiên cứu gọi là Absênc. Một con người bình thường có khoảng 250 Absênc mỗi ngày. Những đợt "tắt công tắc" mini đóng một vai trò rất quan trọng đối với nhịp độ làm việc của não bộ; nguyên nhân ở đây là những "tia chớp nơron thần kinh, tạm thời tắt thật nhanh trạng thái tập trung có chủ định của não bộ, các nơron được "chớp mắt" một chút. Đối với những thiên tài như đại thi hào Goêth, nhạc sĩ Beethoven, nhà vật lí học Einstein, đây là thời điểm "tia chớp thánh thần" xuất hiện vì những đợt nghỉ ngắn nạp năng lượng đó kích thích những sáng tạo.

**Mộng du căn bệnh bí hiểm và lạ lùng**

Với sự khéo léo, lanh lợi không khác gì mèo, chàng thanh niên thoăn thoắt trèo lên cây cao, leo lên các nóc nhà. Không cảm giác chóng mặt và sợ hãi. Nhưng sau khi tỉnh lại, anh chẳng nhớ gì hết...

Những cuộc phiêu lưu ban đêm như thế không phải bao giờ cũng kết thúc tốt đẹp, nhất là khi người trong cuộc nhầm cửa sổ với cửa ra vào...

Mộng du (Lunatizm) là hội chứng thường gặp trong 2 – 3% dân số, mà nạn nhân chủ yếu là trẻ em và thanh niên (đến 20 tuổi). Điều kì lạ nữa là, trong số ấy, tỉ lệ phái đẹp dường như không đáng kể...

Khoa học hiện đại, đến nay vẫn chưa giải thích được nguyên nhân hội chứng mộng du. Và cũng chưa có ai tìm ra phương thuốc khả dĩ điều trị nó. Nhiều giả

thuyết cho rằng, hiện tượng rối loạn chức năng làm việc của bộ não là thủ phạm của hội chứng (tức ngủ chỉ là trạng thái tâm lí còn cơ thể thì vẫn tỉnh).

Đã nhiều năm người ta cho rằng, mộng du là biểu hiện của trạng thái con người chịu ảnh hưởng quá mạnh của giấc ngủ mê. Song, kết qủa những công trình nghiên cứu mới nhất lại không khẳng định giả thuyết đó.

Biểu đồ ghi lại hoạt động của bộ não trong thời gian ngủ của bệnh nhân mộng du cho thấy rằng, các cơn mộng du không xuất hiện trong giấc ngủ bình thường, bởi nếu có, hệ thần kinh trung ương không đủ khả năng điều khiển hoạt động của hệ cơ bắp. Trái lại, nó chỉ xảy ra trong giấc ngủ dài – sâu, khi cơ thể một phần nào đó đã thức dậy. Khi đó, tình trạng mê ngủ cũng ít xảy ra. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng: Các cuộc "phiêu lưu" kì lạ của người mộng du chỉ xuất hiện trong thời gian ngủ ở pha Alfa (theo biểu đồ), lúc vỏ não trong trạng thái nửa tỉnh nửa mơ. Bởi lẽ trí nhớ không ghi lại dấu vết những sự kiện xảy ra trong thời điểm ấy, nên sau đó, người mộng du chẳng có khái niệm gì.

**Do sức mạnh của Mặt Trăng**

Hiện tượng mộng du đã thu hút sự quan tâm của giới khoa học từ nhiều thế kỉ. Đã có thời người ta tin rằng, nó có liên quan trực tiếp đến chu kì hoạt động của Mặt Trăng (bằng chứng: những ngày trăng đầy thường là thời điểm người mộng du hay hoạt động nhất). Về nguyên tắc, ngày nay giới khoa học không nhất trí với quan điểm đó.

Tuy vậy, giáo sư thần học Mĩ, ông Franko Brocon khẳng định rằng, không thể loại trừ hoàn toàn ảnh hưởng của Mặt Trăng. Có thời giới khoa học xôn xao chung quanh thí nghiệm với đàn cá chuồn. Ngay trong điều kiện che mất ánh trăng và chuyển cá đến địa điểm cách xa nơi cư trú của nó hàng trăm km, cá chuồn vẫn duy trì phản ứng thường nhật trước ảnh hưởng của Mặt Trăng – chúng bay xa hơn, trong những ngày trăng tròn.

Thí nghiệm tương tự cũng được thực hiện với chuột bạch. Suốt hai năm nghiên cứu, chuột bạch bao giờ cũng hoạt động mạnh nhất vào bốn ngày sau rằm và hai ngày đầu tháng.

**Sự tiến hoá của giấc ngủ**

Cách đây khoảng 130.000 năm người tiền sử đã sáng chế ra chiếc giường bằng loài tảo giạt (varech) phơi khô và da thú. Họ ngủ thành từng nhóm để giữ độ ấm cho thân thể, đồng thời để tự vệ trước kẻ thù và những loài thú hoang dã. Trải qua hàng ngàn năm, giấc ngủ dần trở thành một hoạt động của cặp vợ chồng hay người độc thân. Như Pascal Dibie chứng minh trong cuốn

*Ethnologie de la chambre à coucher* (Khảo cứu dân tộc học về phòng ngủ), chiếc giường vợ chồng xuất hiện ở người La Mã, và phòng ngủ trẻ em phổ biến vào thời trung cổ.

Người Nhật Bản, vốn sợ bóng tối, tiếp tục ngủ chung cho đến thế kỉ XX, lúc đó ánh điện đã khiến họ yên tâm ngủ một mình trong nhà. Còn bây giờ? Tại các nước phương Tây, phòng ngủ dành cho các hoạt động khác hơn giấc ngủ và tình yêu: người ta gọi điện thoại, xem TV, bấm nút trên máy vi tính... Có cả tỉ lí do chính đáng để người ta ngủ ít đi so với tổ tiên!

Tại sao giấc ngủ của con người phát triển trong quá trình tiến hoá trong khi giấc ngủ của loài vật đặt chúng vào tình trạng dễ bị tổn thương do sự tấn công của kẻ thù? Theo Irene Toble ở Viện Dược học – Đại học Zurich (Thuỵ Sĩ), giấc ngủ khi thì được coi như một tập tính do bản năng, khi thì được đánh giá như một cách biểu hiện quá trình phục hồi". Nhưng tại sao phải là bản năng này, mà không là những cách ngơi nghỉ khác? Một điều xác thực: giấc ngủ là một quy luật, hầu như phổ biến. Nhưng chỉ có virus và vi khuẩn do quá đỗi "nguyên thuỷ" là thoát khỏi quy luật này và, do một nguyên nhân bí ẩn, cá nhám góc (squale) cũng không có giấc ngủ.

Tuy nhiên, nếu hầu hết mọi loài thú đều ngủ, thì duy chỉ có loài chim và động vật có vú là biết đến giấc ngủ nghịch, tức là giấc ngủ có mơ. Theo Michel Jouvet, giáo sư ở Trường Đại học Lyon 1 (Pháp), một trong các chuyên gia thế giới về giấc ngủ, thì điều đó có thể do con cái của chúng ra đời với một hệ thần kinh chưa hoàn chỉnh. Giấc ngủ nghịch cho phép chúng hoàn thiện sự phát triển của mình thông qua một sự "tái lập chương trình gen", tức là sự phục hoạt những nối kết não nằm trong các tập tính di truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. Lí thuyết này của giáo sư Jouvet chưa được kiểm tra; nhưng tầm quan trọng của giấc ngủ nghịch ở em bé (50 đến 70% thời gian được dùng để ngủ, so với 25% ở người lớn) đã xác định vai trò của giấc mơ trong quá trình phát triển của não.

Một giả thuyết đáng quan tâm khác: giấc ngủ – hay đúng hơn là sự tự vệ cần thiết trong khi ngủ – là một trong những nguồn gốc của xã hội loài người. "Từ thời đồ đá cũ, cách đây hàng mấy chục ngàn năm, nhu cầu cảnh giác kéo theo sự hình thành các nhóm người", nhà tâm lí học và phân tâm học Catherine Muller giải thích. "Họ phải thay phiên nhau đến tuần phòng. Đó cũng là lí do khiến con người nuôi chó trong nhà".

Tính chất nghiệt ngã của cuộc sống thời tiền sử cũng giải thích được các nhịp điệu giấc ngủ hiện nay của chúng ta. "Vào thời đồ đá mới, khoảng 4000 năm trước Công nguyên, con người hầu như luôn ngủ vào buổi trưa và giữa đêm",

giáo sư Christian Guilleminault ở Trung tâm nghiên cứu giấc ngủ thuộc Trường Đại học Stanford (Mĩ), xác định. Đúng như thị dân ngày nay! Ngược lại, lúc hoàng hôn và lúc rạng đông, giấc ngủ là một hoạt động có nguy cơ cao, do thú vật hay kẻ thù tấn công.

Dù sao chúng ta cũng ngủ ít hơn tổ tiên của chúng ta. Vào thời Trung cổ, "nửa đêm" có nghĩa là khoảng thời gian từ 8 giờ tối đến 4 giờ sáng. Ngày nay, theo một nghiên cứu về cách dùng thời gian của người Pháp, do Ghislaine Grimler ở INSEE (Viện Thống kê và Nghiên cứu kinh tế) thực hiện, hầu như không ai đi ngủ lúc 10 giờ, gần 10% người Pháp hãy còn thức dậy lúc 4 giờ sáng, nguyên nhân là đời sống thành thị có đầy đủ tiện nghi như điện, TV. Đến 1 giờ sáng còn hơn 1 triệu người Pháp ngồi dán mắt vào TV! Như thế, chẳng có gì đáng ngạc nhiên khi ta nghe các bác sĩ thông báo rằng ngày càng có nhiều người mất ngủ, nhất là giới trẻ. Tóm lại, trong tương lai con người sẽ ngủ ít vào ban đêm, nhưng giấc ngủ sẽ diễn ra vào ban ngày!

**Có chăng những phương thuốc để làm chủ thời gian ngủ?**

Người ta vẫn có thể thức suốt 3 – 4 ngày liên tục mà không có tác dụng phụ độc hại. Thật là một viễn cảnh đáng ao ước cho một số người trong chúng ta! Đây là hiệu qủa của "viên thuốc chống ngủ" được thương mại hoá từ vài tháng nay ở Pháp.

Loại Modafinil này tác động lên não bằng cách gián tiếp tăng tiềm lực một số chu trình neuron nằm trong hoạt động duy trì sự tỉnh thức. Nhưng loại thuốc này chỉ dùng để chăm sóc các bệnh nhân mắc chứng ngủ nhiều (hipersomnie). Trong cuộc chiến tranh vùng Vịnh, một số quân nhân Pháp nhận được một dược phẩm có đặc tính giống như Modafinil, nhưng tên gọi của nó còn được giữ bí mật. Tuy nhiên, theo ý kiến của bác sĩ Jean Louis Valatx, thì "tốt nhất nên sắp xếp thời khoá biểu làm việc, còn hơn là sử dụng một viên thuốc chống ngủ".

**Góp nhặt kinh nghiệm một cách vô thức**

Đó là phát minh thật hấp dẫn – tiến sĩ Robert Desimore, nhà sinh lí học thần kinh thuộc Intional Institute of Mental Health ở Oasinhtơn khẳng định trên tạp chí chuyên ngành "New Scientist" số 2072. Từ nghiên cứu của GS Damasio có thể rút ra rằng, linh tính không có gì khác là sự góp nhặt kinh nghiệm một cách vô thức. Những "bài học" này tự tìm đến bộ phận nhỏ bé trên vỏ não, ở đó chúng được ghi lại, và sau đó một khi thân chủ rơi vào tình huống tương tự, chúng sẽ được làm sống lại và trợ giúp thân chủ lựa chọn quyết định thích hợp. Tất cả những điều đó diễn ra bên ngoài ý thức chúng ta. Thậm chí chúng ta

không hề biết rằng, trong cuộc sống có biết bao thành đạt, chúng ta gặt hái được nhờ linh cảm. Ví dụ điển hình của kết luận như thế là những người ít học, không được đào tạo "đến nơi đến chốn" song vẫn thành đạt trong sự nghiệp – như thiên hạ vẫn đánh giá là nhờ "gặp may" hoặc "có đầu óc làm ăn". Theo TS. Robert Desimore – chính là do vai trò của linh tính. Ông nói tiếp: Tạo hoá vốn trang bị cho con người cơ chế cho phép né tránh mọi rủi ro. Với một số cá nhân, cơ chế này hoạt động tốt hơn, với người khác – tồi hơn.

Theo ông, nhiều lỗi lầm, mà chúng ta mắc phải là hậu quả của sự cẩu thả thái quá – Buộc phải chọn quyết định quan trọng, nhiều lúc chúng ta không ý thức được điều đó, hậu quả, vô tình đã chôn vùi mất vai trò của linh tính. Thỉnh thoảng, càng đắn đo lâu, chúng ta càng cách xa dần giải pháp thích hợp – TS. Desimore nói tiếp – Thực tế, nhiều ý tưởng vĩ đại là hiệu quả giây phút gọi là "xuất thần", dường như chỉ xuất hiện bất chợt bên ngoài ý thức của thân chủ. Thực chất, đó là kết quả những kinh nghiệp được gom nhặt qua thời gian dài trên vỏ não. Linh tính đó vốn vô giá, nhất thiết không thể lãng phí.

**Cớ sao linh tính ít khi thất sủng**

*Trước khi quyết định vấn đề hệ trọng, sẽ tốt hơn nếu nghe lời mách bảo của linh tính – các nhà sinh học thần kinh Mĩ khuyên. Tuy nhiên, "cẩm nang" này chủ yếu chỉ đúng trong lĩnh vực mà chúng ta đã từng trải.*

Khi nào thì bán cổ phiếu? Nên chơi con bài gì? Sẽ chuyển sang công ti mới hay ở lại với xí nghiệp? Đội mũ hay mang áo mưa? Rơi vào những tình trạng như thế, người ta tự bảo: "Phải đắn đo giây lát". Sau đó, thường vẫn nuối tiếc sự lựa chọn của mình. Sự cẩn thận không phải bao giờ cũng có lợi. Linh cảm thường mách bảo những quyết định hợp lí hơn – GS tâm lí học Antonio Damasio thuộc Universiti of lova College of Medicine khẳng định.

Đã 6 năm, GS Damasio bắt đầu nghiên cứu những bệnh nhân bị tổn thương phần giữa vỏ não, trước trán. Bề ngoài những người này không khác gì người bình thường – kết quả trắc nghiệm chỉ số thông minh rất tốt, không nhiều trong số họ có học vị cao, biết thành thạo ngoại ngữ. Thế nhưng thường gặp nhiều khó khăn so với đồng nghiệp trong đời sống nghiệp vụ và không biết quản lí đồng tiền.

Phải chăng nguyên nhân của hiện tượng ẩn mình trong sự thiếu hụt linh cảm? Có thể địa bàn nhỏ xíu trên vỏ não đối diện vị trí trên mũi là "cái mắt thứ 3", nơi sản sinh ra linh tính đã bị mù loà? – Damasio đặt câu hỏi. Để khảo cứu, ông và cộng sự đã quyết định thực hiện một loạt thí nghiệm để tìm ra câu trả lời.

Với nhóm hai – "xấu", "tốt" đều chẳng gây ra phản ứng gì.

Cơ thể khoẻ mạnh "cảnh báo" thân thủ trước các con bài "xấu" rất lâu trước khi thân chủ ý thức được sự tồn tại của chúng. Những bệnh nhân tổn thương một phần vỏ não thì khác hẳn – dường như họ chẳng lưu tâm gì đến những con bài "xấu" và đến cùng vẫn phản ứng đồng đều với mọi lá bài – GS Damasio tổng kết.

**Xin hãy để linh tính lên tiếng**

Làm thế nào để trở thành "nhà nữ quản trị xuất sắc nhất trong năm"? Bạn phải thành công. Nhưng, làm thế nào để thành công? Đối với Brigitte Kroll Thaller, người đã nhận được danh hiệu này của nước Đức vào năm 1994, mọi sự đều đã rõ ràng. Vị giám đốc phòng quản trị sản phẩm chiến lược của một nhà máy sản xuất ôtô hùng mạnh nói: "Bạn cũng có lúc phải biết quyết định trực giác, biết tin cậy vào linh tính của mình".

Trực giác trong công việc? Cho tới thời gian gần đây thôi, chắc các nhà quản trị thượng hạng đã giơ hai tay, mỉm cười hoặc nhấn chìm khái niệm đó bằng lời nhận xét: "đặc trưng đàn bà". Cuộc chiến đấu trong thương trường là thế giới của đàn ông. Ở đó, người ta chỉ kể tới những dữ kiện: những bảng kế toán, phân tích thị trường, những con số thống kê.

Song hôm nay thì khác: phái yếu đã tấn công vào những mặt bằng giám đốc, từ từ nhưng chắc chắn. Cả trực giác, sự thông minh của tình cảm, cũng đã đạt tới những hành lang thượng đẳng.

Những ai muốn lập nên thành tích xuất sắc – dù là trong thể thao, chính trường hay kinh tế – phải biết suy nghĩ theo trực giác và biết quyết định theo cảm tính. Lí thuyết đó được rao giảng không chỉ bởi những nhà huấn luyện quản trị nổi tiếng như Peter Drucker (Mĩ) mà còn được chứng minh bởi các nhà khoa học với dữ liệu chuẩn xác.

Nhà nghiên cứu người Canada, Henry Mintzberg đã nghiên cứu những điểm khác biệt giữa nhóm đàn ông thành công và ít thành đạt hơn. Kết quả đáng ghi nhận: những người thành công thường quyết định dưới ảnh hưởng của thước đo tình cảm. Cả hai giáo sư Stanford James Collins và Jerry Porras, sau một cuộc khảo cứu tại những cơ sở kinh tế lớn, cũng đi tới kết luận rằng, dự cảm và trực giác của những người lãnh đạo đóng một vai trò rất quan trọng cho thành công của hãng.

Trong một xã hội mà mỗi cá nhân đều bị ngập chìm trong quá nhiều thông tin, nhà quản trị nào biết đi theo những chỉ dẫn đến từ tiềm thức sẽ có lợi thế hơn,

thay vì chỉ biết tin tưởng vào những con số. Khả năng có một trực giác mạnh mẽ và chuẩn xác có vẻ như đang đóng vai trò quyết định ở đây.

Song trong khi những thiên tài như Isắc Nuitơn hoặc Anbe Anhxtanh thẳng thắn tán dương linh cảm khoa học của mình, các nhà quản trị ngày hôm nay tỏ ra rất cẩn thận, khi đề cập đến chất lượng quản trị "thứ yếu" này. Mới đây, các nhà nghiên cứu của Đại học Texas tại El Paso hỏi 70 nhà quản trị Mĩ rằng linh cảm có tác động đến những quyết định của họ không, thì nhận được 69 câu trả lời "có" – song đa số là với lời kèm thêm, rằng dĩ nhiên, người ta không đời nào thú nhận điều đó trước các bạn đồng nghiệp. Cả những người dám công nhận linh cảm của mình cũng khó khăn không kém khi tìm cách miêu tả yếu tố này. Chẳng hạn, cô Juliane Freifrau von Friesen: "Chắc chắn, đó không chỉ là một cảm giác. Đúng hơn, đó là một phương thức xử lí nặng theo cảm giác, phần nhiều được luyện nên qua những kinh nghiệm sống".

Vị nữ giám đốc của Weag (Berlin) này rất tự hào vì dự cảm đúng đắn của mình. Từ những ngày đầu, Juliane Freifrau von Friesen đã áp dụng phương pháp "quản trị bằng linh tính". Dù luôn luôn thu thập mọi dữ liệu, song đồng thời, chị cũng biết lắng nghe tiếng nói bên trong: "Tôi là một người giàu tình cảm – tại sao tôi lại phải chối bỏ điều đó trong công việc"? Hôm nay, chỉ những khi phải đối đầu với những đại diện sắt đá của trường phái "hiện thực", vị giám đốc mới mở cái kho dữ liệu của mình và "hoá phép" ra những lập luận khách quan, nhằm làm cho người đối diện dễ dàng đồng ý với mình hơn.

Sự thực thì nhà nữ quản trị, một luật gia có bằng cấp, nhiều năm trời là giám đốc phòng pháp luật của một cơ sở kinh tế lớn, không thể nhớ lại một quyết định nào mà không có sự tham gia của tiềm thức. Ví dụ khi chị nhận một ai đó vào làm việc theo những "lập luận khách quan" của các phòng chuyên môn, bỏ qua dự cảm của riêng mình ("có cái gì đó không ổn"), thì chẳng bao lâu sau, chị sẽ phải xem lại tập hồ sơ đó – trong tư cách một "nhân viên có vấn đề". Trực giác, theo khẳng định của chị, đang đóng một vai trò quan trọng trong tất cả những bộ phận của nền kinh tế.

Monika Langner, trưởng phòng nhân sự một trung tâm phát triển kĩ thuật của một hãng sản xuất lớn, cũng hoàn toàn đồng ý. Chị cũng có rất nhiều quyết định từ tiếng thì thầm mách bảo của tiềm thức: "Dĩ nhiên, không có các sự kiện và con số thì không thể sống được trong thương trường", Monika Langner nhấn mạnh, "song đến bước cuối cùng, bao giờ trực giác cũng giúp ta quyết định". Trực giác, chị nói, là tổng hợp của kiến thức, kinh nghiệm và tình cảm.

Chỉ tính đa cảm mà thôi, người ta sẽ chẳng đi được bao xa. Khi muốn tin vào "giác quan thứ sáu" của mình, phụ nữ cần có một bề dày kiến thức và dữ liệu. Chỉ có thế, họ mới có khả năng đánh giá đúng những tín hiệu từ bên trong. Suy cho cùng thì ngành quản trị đâu có khác gì hệ thống giao thông: rất nhiều tai nạn xảy ra, vì người lái xe đã xử sự đúng đắn theo dự cảm – và càng thu thập được nhiều kinh nghiệm hơn họ càng có khả năng phản ứng nhanh hơn.

Những phụ nữ thường xốc nổi một cách thích thú và có ý thức trong cuộc sống riêng tư, lại hay có xu hướng đè nén trực giác trong công việc. "Phải sau một thời gian rất dài, tôi mới dám tự tin mình", tiến sĩ Renate Hauser, nhà tư vấn cho các quản trị gia, kể lại. Dĩ nhiên, ngay những ngày đầu, những dự cảm mơ hồ song chắc chắn đó đã có mặt. Nhưng do không tìm được những bằng chứng rõ ràng, đôi khi chị hành động như những bạn đồng nghiệp nam giới: chia tay với linh cảm và tiếc thay, cũng là một khối lượng không nhỏ những sáng kiến thật hay.

Cả nhà tạo mẫu Gabriele Woelfel xứ Munich cũng đã tưởng mình phải chối bỏ trực giác trong công việc. Chị đã phải thất bại cùng cơ sở sản xuất đầu tiên của mình, rồi mới học được rằng, cần phải nghe theo những tiếng nói bên trong ngay cả khi ra những quyết định thương mại. Từ ngày Gabriele Woelfel đối đầu một cách trực tiếp và thấu đáo hơn với những khó khăn của mình, dưới sự giúp đỡ của một nhà tư vấn, chị đã nhìn rõ nguyên nhân những thất bại đã qua.

"Trực giác là một khả năng mà ai cũng có", Alexandra Fuzinski, chủ nhân của Viện liên lạc và những môi trường mới tại Koeln, khẳng định – "Chỉ có điều, rất nhiều người không tìm được nối vào trong đó".

Nhằm nâng cao khả năng trực giác, huấn luyện viên quản trị – tiến sĩ Hannes Boventer vùng Koenigsdorf lại cùng những học sinh của ông tập ngồi thiền tại Mallorca. Ông giải thích: "Sẽ không có câu trả lời, nếu người ta không hỏi". Để chắp cánh cho những cảm hứng, người huấn luyện viên này sử dụng những bài tập khí công đặc biệt của châu Á. Cho tới nay, theo Boventer, chủ yếu là các đại diện của phái yếu đã thành công trong chuyến phiêu lưu tìm "con mắt nội tâm".

Tuỳ theo từng tính cách và yêu cầu, bạn cũng có thể giúp tiềm thức lên tiếng: một cuộc đi dạo thật lâu, những phút mộng mơ ngay bên bàn làm việc; cuộc nói chuyện với cô bạn thân nhất, nơi mục đích chủ yếu không phải là lời khuyên nhủ của cô ấy, mà chính bạn – trong khi trao đổi – sẽ tự tìm lấy lời giải của vấn đề. Dưới mọi hình thức, trong mọi hoàn cảnh, yếu tố quyết định nhất là

luyện tập cho được cách "hỏi vào trong". Có nghĩa là: tìm đến sự yên tĩnh, thanh thản, dừng dòng suy nghĩ thực tế trong một thời gian ngắn.

Hannes Boventer vì vậy, khuyên các thân chủ của ông giữ lại tất cả những sáng kiến tưởng chừng như bất chợt, thoáng qua, vì "những sáng kiến bất chợt của ngày nay thường sẽ là lời giải cho những vấn đề của ngày mai".

**Giải mã những giấc mơ**

"Giấc mơ, có thể là điều báo trước một hiện thực" – đó là lời của nhà tâm lí học, Henri Prémont của Bỉ. Nếu trong mơ bạn gặp:

*1. Vực thẳm:* Nếu bạn mơ thấy mình đang đứng bên bờ vực thẳm, bạn cảm thấy mình bị tê liệt, không thể cử động được. Giấc mơ đó liên quan đến vấn đề sức khoẻ của bạn đang đi xuống. Và nếu trong giấc mơ bạn thấy mình rơi xuống vực, nó phản ánh sự ức chế, nỗi hoảng sợ trong cơ thể bạn và cũng là điều báo trước một nguy hiểm sắp tới với bạn.

*2. Cây cối:* Biểu hiện sức sống mãnh liệt tiềm ẩn trong con người.

*3. Vũ khí:* Kiếm, gươm, tên lửa, hay một loại vũ khí nào đó điều là những biểu hiện xung năng của tình dục. Ở người phụ nữ, giấc mơ đó biểu hiện sợ hãi bị cưỡng hiếp và bị người khác đè bẹp.

*4. Tiền bạc:* Biểu hiện tình yêu ở người đàn ông, và hầu hết là những biểu hiện ham muốn tình dục ở người phụ nữ. Nếu trong mơ bạn kiếm được nhiều tiền, có nghĩa là bạn có cơ may trong tình yêu, còn ngược lại, bạn đánh mất tiền có nghĩa là bạn sẽ gặp phải những sự không may mắn nhất thời. Về mặt xã hội, nếu bạn nhìn thấy nhiều tiền bạc trong mơ, bạn hãy chú ý tới những chi phí đột xuất.

*5. Sương núi, hay bóng tối mờ mịt:* Phản ánh một thời kì thay đổi sắp tới trong cuộc sống hàng ngày của bạn, từ cách cư xử đến những thay đổi khác.

*6. Kẻ trộm:* Trong mơ, bạn thấy mình bị mất cắp, có nghĩa là bạn sắp phải đương đầu với những thử thách mới trong cuộc sống và phải có lòng dũng cảm để vượt qua mọi khó khăn. Đối với phụ nữ, giấc mơ này là biểu hiện mơ ước tình dục và đôi khi cảm thấy ham muốn bị rối loạn.

*7. Công viên, bách thú:* Có nghĩa là tình cảm bất lực, bạn đã bị mắc bẫy mặc dù bạn có thể cố gắng đến mấy đi nữa.

*8. Đám cưới:* Nếu bạn còn trẻ, điều đó thật bình thường; tuy nhiên, bạn sẽ không tổ chức lễ cưới của bạn trong những tháng tới. Nếu bạn là người đã có gia đình, giấc mơ này biểu hiện xung đột trong cuộc sống vợ chồng bạn, bạn không tin tưởng vào người bạn đời và luôn cảm thấy ghen tức.

*9. Nghĩa trang:* Biểu hiện những xung đột của cuộc sống mà không giải quyết được, sự rối loạn về tinh thần. Trong các quan hệ bạn bè, xã hội, cẩn thận không bạn sẽ là nạn nhân của sự vu khống hoặc bị miệng tiếng. Giấc mơ đó cũng phản ánh sức khoẻ của bạn có những vấn đề nghiêm trọng.

*10. Thảm hoạ:* Biểu hiện nỗi hoảng loạn trong cơ thể và những sự lẫn lộn về cảm xúc.

*11. Lửa:* Đừng hoảng hốt, nếu giấc mơ là những đám cháy lớn là dấu hiệu của may mắn và nếu bạn nhìn thấy ngôi nhà bạn bốc lửa, đó là lời hứa của một cuộc sống gia đình hạnh phúc.

*12. Tầng hầm:* ẩm thấp và u tối, chắc chắn điều đó muốn nói rằng bạn rất tin tưởng vào chính bạn. Hãy giữ cho mình khỏi bị mất cắp những vật quý giá nhất hay tiền bạc.

*13. Nước:* Nếu là nước sạch, biểu hiện sự phồn vinh thịnh vượng. Nếu là bùn lầy, thể hiện nỗi sợ hãi trước một căn bệnh. Nếu là một cơn lũ lụt, biểu hiện những khó khăn trước khi đạt đến thành công. Trong mơ, bạn đang đùa rỡn với nước, nghĩa là bạn đang mong muốn được yêu thương. Bạn nhảy xuống nước, nghĩa là thời cơ sẽ đến với bạn. Cuối cùng, nếu trong mơ bạn chìm nghỉm dưới nước biểu hiện sự sợ hãi hoảng loạn.

*14. Máu:* Bạn nhìn thấy máu, không nghi ngờ gì, chắc chắn bạn đang hoảng sợ một người thân thiết của bạn.

**Bạn có muốn điều khiển giấc mơ**

*Thất bại vì mối tình nồng thắm mà mình cố công cố sức theo đuổi không thành, bạn muốn tìm một cảm giác chiến thắng, ngọt ngào trong giấc mơ. Nhưng ngay cả giấc mơ được hôn lên đôi môi của tình yêu ấy bạn cũng không đạt được... Nhưng bây giờ bằng biện pháp điều chỉnh tâm lí và bằng cả máy điều khiển giấc mơ, bạn không những có thể thực hiện được trong mơ những gì ngoài đời mình không làm được mà còn tránh không phải gặp những giấc mơ nặng nhọc, khủng khiếp!*

**Giấc mơ đến từ đâu?**

Các bác sĩ, các nhà tâm lí học hiện đại có thể trả lời ngay rằng, con người nằm mơ là do mệt nhọc hay do không thoả mãn nhu cầu của bản năng cũng như của tinh thần trong đời sống thực. Tuy nhiên, đấy cũng chỉ là ước đoán của khoa học, vì con người có nhiều điều (như tình yêu chẳng hạn) khiến khoa học không thể lí giải nổi, mà giấc mơ là một trong những điều ấy vì bản chất các giấc mơ vốn bí ẩn! Mỗi dân tộc có một câu trả lời hoàn toàn khác nhau và do đó sinh ra

những vị thần giấc ngủ khác nhau. Có rất nhiều sự tích về các vị thần giấc ngủ này nhưng đều có chung một điều là những giấc mơ "đi đến" giấc ngủ của con người từ "bên ngoài". Như vậy, hẳn là có một nơi nào đó bí ẩn liên quan chặt chẽ với số mệnh con người đến mức có thể tạo ra những giấc mơ cho con người. Niềm tin vào những giấc mơ "bên ngoài" như vậy tạo ra những tín ngưỡng nguyên thuỷ của nhân loại ở khắp mọi nơi trên thế giới. Ngay bây giờ, sống với thời đại khoa học siêu hiện đại thì ý nghĩ về những giấc mơ từ "bên ngoài" ấy vẫn ám ảnh tâm hồn con người. Nếu vậy thì nơi "bí ẩn" đó ở đâu? Những ai phủ nhận điều này thì hãy trả lời cho câu hỏi về nguồn gốc các giấc mơ!

Trước khi trả lời câu hỏi này, chúng ta phải phân biệt rõ ràng thế nào gọi là một giấc mơ. Đây tưởng là câu hỏi rất đơn giản nhưng hầu hết chúng ta đều nhầm lẫn. Trong giấc ngủ, con người có thể gặp hai kiểu "mơ": Kiểu thứ nhất là thấy mình lặp lại một việc gì đó trong quá khứ, một hành động nào đó trong ngày, hay thực hiện một công việc mà mình đã dự định ngay từ trước... Kiểu "mơ" này không được gọi là giấc mơ vì đó chỉ là công việc "đứt đoạn" của trí nhớ với những gì đã diễn ra thực sự (hay những điều đã dự định). Kiểu thứ hai là con người "mơ" thấy những gì lạ lùng mà họ chưa từng trải qua hay chưa từng nghĩ tới trong đời. Thậm chí có những giấc mơ mà hình ảnh của chúng hoàn toàn không thể tìm thấy trong thiên nhiên. Đây mới chính là các giấc mơ thực sự.

Các bác sĩ tâm lí do lẫn lộn hai loại "mơ" này nên đã rút ra những kết luận như vậy. Kết luận đó nếu có chút cơ sở nào thì chỉ có thể phù hợp với kiểu "mơ" thứ nhất. Con người mệt mỏi tinh thần lẫn thể xác thì thường nằm mơ về những gì đã trải qua (ví dụ những người yếu đuối thường mơ về thời ấu thơ), những người quá chú tâm hay làm bất thành một công việc nào đó thì "mơ" về công việc đó. Do trí óc vẫn làm việc trong những giấc mơ kiểu này nên con người khi tỉnh dậy rất nhớ những gì đã diễn ra trong giấc ngủ.

Nhưng còn sự xuất hiện những giấc mơ thực sự thì không như vậy. Khi tỉnh dậy, con người hoàn toàn không nhớ một chút nào hết về những gì mình đã trải qua trong giấc ngủ. Họ biết được mình đã có giấc mơ qua cảm giác mơ hồ lâng lâng. Kiểu mơ này xuất hiện khi con người ngủ và "tới" một "cuộc sống" hoàn toàn khác tất cả những gì trong hiện thực. Sự khác biệt mạnh đến nỗi lí trí của họ không phân biệt nổi các hình tượng và cảm giác mà chỉ có linh cảm của con người mới cảm nhận được thôi.

Như vậy, các giấc mơ thuộc về "linh cảm" và do đó thuộc về cõi tâm hồn sâu kín nhất của tâm hồn con người. Những giấc mơ chắc chắn không đến từ 'bên ngoài" nhưng cũng không đến từ những gì thường nhật quen thuộc với con

người. Chúng ta phải lưu ý rằng, con người luôn luôn phát triển không đồng đều các "chất người" của mình. Đa số mọi người đều phát triển mạnh các hành động, suy nghĩ, thói quen của cuộc sống thường nhật mà quên đi phải phát triển *Tâm thức* – nền tảng duy nhất của tâm hồn con người. Đa số cho rằng, đã là *Tâm thức* thì là mù mờ rồi, cần gì phải vận động, phát triển nữa. Chính vì vậy bản chất bí ẩn mà con người lãng quên, hay ngần ngại không "đụng" tới ngay trong chính tâm hồn mình, những giấc mơ tiếp tục "đi tới" cố báo cho con người biết điều đó.

***Giấc mơ và muôn sự dối lừa***

Hiện nay, có vô số sách đoán mộng, đoán mơ bày bán công khai ở các các hiệu sách. Đi ở góc phố nào cũng bắt gặp trẻ bán dạo rao bán "sách mơ". Những quyển sách đó chỉ dẫn cả một loạt các "biểu tượng" để đoán giấc mơ; nếu mơ thấy lửa, nước... thì sẽ gặp gì, mơ thấy người quen cũ thì sẽ gặp gì, thậm chí mơ thấy mình bị chó cắn thì sẽ gặp may! Những người nghiện đề đóm thì mua giấc mơ về để đoán số... Thế cho nên chúng ta gặp đầy rẫy những cảnh huống bi hài khi cha mẹ bắt con cái uống rượu để nằm mơ đề, gia đình tan nát chỉ vì chồng mơ thấy vợ ngoại tình..., học sinh lười biếng thì mơ thấy đỗ đại học nên an tâm không cần học nữa... Trong lịch sử nhân loại, nhiều ông vua đã nằm mơ rồi thức dậy giết oan cận thần của mình hay xua cả một đạo quân vào nơi tử địa chỉ vì mấy ông thầy bói "xúi" rằng, giấc mơ như vậy hẳn chỉ có thể là báo hiệu khúc khải hoàn. Tất cả những giấc mơ sinh ra những cảnh huống trên đều xuất phát từ kiểu mơ thứ nhất và đa số do ham muốn bản năng không được thỏa mãn. Như vậy không có một sự "báo trước" nào từ những giấc mơ kiểu này. Chúng chỉ là những "đoạn âm bản" dở dang của hiện thực nên ngay cả những "lí lẽ" thông thường nhất cũng bị bóp méo sai lầm. Con người bằng lí trí tỉnh táo đã không thể giải quyết được việc ấy trong đời sống thực thì thử hỏi làm sao có thể tìm được câu trả lời trong giấc mơ. Nếu những giấc mơ kiểu này có một giá trị thực sự nào đó thì chỉ ở chỗ chúng báo cho con người sự thất bại (hay dang dở) của con người trong đời sống thực.

Còn những giấc mơ thực sự thì lại báo hiệu cho con người biết con người đang lãng quên cái "chất người" bí ẩn nào đó trong chính tâm hồn mình. Điều này hiển nhiên không "dự báo" những công việc trong đời sống thường nhật mà nó chỉ "hối thúc" tâm hồn con người phát triển tất cả những gì ảo vọng hay áp đặt vào bất kể loại giấc mơ nào cũng đều đưa con người đến sai lầm cay đắng.

***Khoa học hay tâm lí sẽ điều khiển giấc mơ***

Nếu hỏi các nhà tâm lí câu này thì họ ngay lập tức sẽ "phỉ nhổ" chiếc máy tạo giấc mơ và coi các nhà khoa học đó là những kẻ điên rồ. Tuy nhiên, các nhà

tâm lí không nhận ra một điều rằng, những chiếc máy "tạo giấc mơ" được chế tạo dựa trên đúng "nguyên lí" mà họ tôn thờ. Nhiều bệnh nhân đã tìm đến các nhà tâm lí để nhờ họ giúp thoát khỏi những giấc mơ kinh hoàng ám ảnh mình. Một người bệnh luôn bị ám ảnh về người tình cũ của mình. Cô nằm ngủ với chồng nhưng luôn mơ thấy người tình cũ trở về ân ái với mình. Để chữa giấc mơ này, nhà tâm lí cho cô tập thể dục nhằm giúp cô có một sức khỏe tốt và ngày nào cũng khuyến khích cô kể hết những kỉ niệm về người tình cũ, thậm chí cả việc họ làm tình với nhau như thế nào. Quả vậy, sau khi "trút bỏ" hết những kí ức cho bác sĩ tâm lí, cô trở lại bình thường và có thể nằm bên cạnh chồng "yên ổn" không bị những giấc mơ xưa giày vò nữa.

Các nhà tâm lí cho rằng, người bệnh đã "sống" không hết những việc đã trải qua, hoặc thất bại với những gì đã trải qua, hay quá ham muốn với những gì mình không có được thì đều sinh ra những giấc mơ ám ảnh. Để xua đi những giấc mơ ám ảnh ấy, con người cần trực tiếp "đối mặt" với những giấc mơ ấy, nghĩa là liên tục nói về nó, nhìn nhận nó theo nhiều chiều khác nhau cho đến khi "vấn đề" bỗng trở nên "nhạt đi" và nỗi ám ảnh tự trôi qua.

Các nhà tâm lí còn có cách khiến người bệnh tham gia nhiều vào các công việc tập thể hay những cuộc dạo chơi gần gũi với thiên nhiên. Cách này chỉ khiến cho người bệnh không bị giấc mơ hành hạ một thời gian. Nhưng sau đó họ bị giấc mơ ám ảnh lại vì cách chữa này chỉ là cách chữa cực đoan, bắt người bệnh "chạy trốn" nỗi ám ảnh của mình.

Các nhà khoa cũng dựa trên sự phân bố của hệ thống thần kinh để tạo ra máy "điều khiển" giấc mơ. Họ đặt máy rung với tần số cực mạnh để kích thích một bộ phận nào đó trong hệ thần kinh nhằm giúp con người "mơ" một giấc mơ theo "chủ đề" có sẵn như về tình yêu hay danh vọng, tiền bạc... Ví dụ nếu muốn một giấc mơ, về công danh rực rỡ, máy sẽ đặt lệch, gần bán cầu não trái, nơi kích thích trí tưởng tượng... Còn nếu thích những giấc mộng du dương thì máy sẽ đặt gần tim! Tuy nhiên, không hiểu công dụng thực sự của những chiếc máy này như thế nào nhưng chúng cũng tạo ra một điều mà chúng ta hiểu được. Nếu như chiếc máy này thành công, thì kết quả của nó có thể lí giải như sau: Khi người nào đó nằm ngủ và tin rằng (hoặc hơi hơi tin cũng được) chiếc máy bên cạnh mình sẽ đưa mình tới một giấc mơ về công danh hay tình yêu, ngay lập tức, tâm lí học sẽ chiến thắng. Người đó sẽ có một giấc mơ nào đó về chính những gì mình mong ước từ trước!

Nhưng bạn thấy không, nếu máy tạo giấc mơ có tác dụng thì nó cũng chỉ "lấn át" những giấc mơ ám ảnh bằng một giấc mơ khác. Con người vẫn không

thoát khỏi nỗi ám ảnh của mình. Ở Nga trước đây có một vụ án mạng bí ẩn không tìm nổi thủ phạm cho đến khi người vợ tự ra thú nhận là mình đã tự tay giết chồng. Chị ta phạm tội và đêm đêm nằm mơ những giấc mộng kinh hoàng về máu. Để xua đi những giấc mơ ấy, chị tìm đến một nhà tâm lí đại tài. Ông ta cũng bày cho chị tất cả mọi biện pháp từ tập thể dục, tham gia văn nghệ, với nhiều người tổ chức đi thăm thiên nhiên, kể hết mọi chuyện cho ông nhưng rốt cục, giấc mơ đầy máu ấy vẫn hành hạ chị từng đêm. Chị đắm mình vào rượu, vào âm nhạc, làm tất cả những việc nặng nhọc nhất để mong qua sự mệt mỏi của cơ thể, giấc ngủ thiếp đi sẽ không còn mộng mị. Nhưng giấc mơ ấy vẫn ám ảnh không nguôi. Chị không làm cách nào chạy trốn được tội ác của mình và cuối cùng phải ra đầu thú.

***Hãy tự nhận biết giấc mơ***

Giấc mơ là một phần không thể thiếu được của đời sống con người. Có đều chúng ta hiểu quá ít về "quy luật" của chúng và lạm dụng quá nhiều các hình ảnh trong mơ. Để có thể có một cuộc sống vui vẻ, nhẹ nhàng, không bị những giấc mơ sợ hãi ám ảnh, chúng ta có thể tự trở thành nhà tâm lí của chính mình. Hãy tự nhận biết rằng cuộc sống trôi qua một lần và không bao giờ có thể lấy lại được. Chính vậy, nếu như chúng ta sống trung trực với chính bản thân mình trong từng giây khắc sống một thì chúng ta không còn gì phải lo lắng, tiếc nuối, ân hận. Vì nếu sống chân thật hết mình, chúng ta sẽ hiểu ra điều gì thuộc về chúng ta đã thuộc về chúng ta, còn điều gì không thuộc về chúng ta thì mãi mãi không thuộc về chúng ta. Như vậy, con người sẽ không còn những giấc mơ nặng nhọc ám ảnh từ cuộc sống thường nhật nữa. Nếu có, thì đó chỉ là những giấc mơ thực sự bày tỏ cảm giác hưng phấn mơ hồ, báo cho con người cần phải nỗ lực hơn nữa trong chính tâm hồn của mình.

# Chương III. Ý THỨC VÀ VÔ THỨC

## I. Ý THỨC LÀ HÌNH THỨC PHÁT TRIỂN CAO CỦA TÂM LÍ NGƯỜI

### 1. Ý thức là gì?

Từ ý thức có thể được dùng với nghĩa rộng hoặc nghĩa hẹp, theo nghĩa rộng ý thức thường được dùng đồng nghĩa với tinh thần, tư tưởng... (ý thức tổ chức, ý thức kỉ luật...). Theo nghĩa hẹp, khái niệm ý thức được dùng để chỉ một cấp độ đặc biệt trong tâm lí con người. Vì vậy trong tâm lí học người ta quan niệm rằng, ý thức là hình thức phản ánh tâm lí cao nhất chỉ riêng con người mới có, phản ánh bằng ngôn ngữ, là khả năng con người hiểu được các tri thức (hiểu biết) mà con người đã tiếp thu được (tri thức về tri thức, phản ánh của phản ánh).

### 2. Các thuộc tính cơ bản của ý thức

a. Ý thức thể hiện năng lực nhận thức cao nhất của con người về thế giới

– Nhận biết cái bản chất, nhận thức khái quát bằng ngôn ngữ.

– Dự kiến trước kế hoạch hành vi, kết quả của nó làm cho hành vi mang tính có chủ định.

b. Ý thức thể hiện thái độ của con người đối với thế giới.

– Ý thức không chỉ nhận thức sâu sắc về thế giới mà còn thể hiện thái độ đối với nó. Mác và Ăngghen đã viết: "Ý thức tồn tại đối với tôi là tồn tại một thái độ nào đó đối với sự vật này hay sự vật khác, động vật không biết tỏ thái độ" đối với sự vật nào đó.

c. Ý thức thể hiện năng lực điều khiển, điều chỉnh hành vi con người trên cơ sở nhận thức khái quát và tỏ thái độ đối với thế giới. Ý thức điều khiển, điều chỉnh hành vi con người đạt đến mục đích đã đề ra, vì thế ý thức có khả năng sáng tạo.

d. Khả năng tự ý thức.

Con người không chỉ ý thức về thế giới mà ở mức độ cao hơn con người có khả năng tự ý thức. Có nghĩa là, có khả năng tự nhận thức về bản thân mình, tự xác định thái độ đối với bản thân, tự điều khiển, điều chỉnh, tự hoàn thiện bản thân mình.

### 3. Vô thức là gì?

Vô thức là hiện tượng tâm lí ở tầng bậc chưa ý thức, nơi mà ý thức không thực hiện chức năng của mình. Vô thức bao gồm nhiều hiện tượng tâm lí khác nhau của tầng không (chưa) ý thức.

– Vô thức ở tầng bản năng (bản năng dinh dưỡng, tự vệ, sinh dục...) tiềm tàng ở tầng sâu, dưới ý thức, mang tính bẩm sinh, di truyền.

– Vô thức còn bao gồm cả những hiện tượng tâm lí dưới ngưỡng ý thức (dưới ý thức hay tiềm thức). Ví dụ: Có lúc ta cảm thấy băn khoăn mơ màng về một cái gì đó mà ta chưa ý thức ra.

*Đêm nay gió mát trăng thanh*
*Tôi buồn chẳng hiểu vì sao tôi buồn.*

Hoặc: *Nhớ ai ra ngẩn vào ngơ*
*Nhớ ai, ai nhớ, bây giờ nhớ ai?*

– Hiện tượng tâm thế: hiện tượng tâm lí dưới ý thức, hướng tâm lí sẵn sàng chờ đón, tiếp nhận một điều gì đó, ảnh hưởng đến tính linh hoạt và tính ổn định của hoạt động. Ví dụ: Tâm thế vào phòng thi, tâm thế đến cơ quan nhận việc...

– Có những loại hiện tượng tâm lí vốn là có ý thức nhưng do lặp đi lặp lại nhiều lần chuyển thành dưới ý thức. Chẳng hạn, một số kĩ xảo, thói quen ở con người do được luyện tập đã thành thục, trở thành "tiềm thức", một dạng tiềm tàng sâu lắng của ý thức. Tiềm thức thường trực chỉ đạo hành động, lời nói, cử chỉ, suy nghĩ... của một người tới mức không cần ý thức tham gia.

## II. HIỂU RÕ VỀ Ý THỨC – GIẤC MƠ CỦA KHOA HỌC

*Ý thức không phải là lương tâm cũng không phải chỉ là các nội dung của tư tưởng mà còn là một hiện tượng sinh học giúp chúng ta khảo sát các nội dung của tư tưởng: các tình cảm, các ý tưởng và kiến thức của mỗi người. Giấc mơ tìm hiểu ý thức sắp trở thành hiện thực như một số nhà khoa học khẳng định.*

Giấc mơ làm rõ các phương tiện mà não sử dụng để phát sinh ra tư tưởng có vẻ sắp trở thành hiện thực hơn bao giờ hết. Với sự giúp đỡ của các kĩ thuật mới để vẽ bản đồ nghiệp vụ não (như kĩ thuật chụp ảnh cộng hưởng từ (MRI) và positron emission tomographi (PET) giúp phô bày hình ảnh não đang làm việc) và các kĩ thuật tâm lí mới để dò tìm quan hệ giữa hành vi và tư tưởng, chúng ta đang dần dần khám phá ra các bí mật sinh lí, thần kinh nằm phía sau khả năng đáng kinh ngạc của não để học và nhớ, để sử dụng và hiểu ngôn ngữ, để trải qua hạnh phúc và nỗi đau, niềm vui và nỗi buồn. Từng bước một, con người đang

khám phá các bí mật làm nền tảng cho sinh lí học về ghi nhớ, nhận thức và giải quyết vấn đề, thậm chí khám phá ra cả các nền tảng sinh học của hành vi xã hội. Vậy thì không có lẽ nào chúng ta lại không biết được cơ chế hoạt động của ý thức (consiousness)? Câu trả lời tuỳ thuộc vào người bạn hỏi. Đối với một số nhà khoa học (và cả dân thường), ý thức luôn là điều bí ẩn. Ý thức là một rào cản phức tạp và hầu như không thể đột phá được. Đối với số khác, bí ẩn của ý thức lại là điều có thể giải quyết được và thời gian để giải quyết nó là ngay lúc này. Tuy nhiên, định nghĩa về cái gì tạo nên bí mật của ý thức cũng rất phong phú. Trong các nhà khoa học thần kinh không bao giờ tranh luận nhiều về tính khả thi hoặc thời gian cần có để tìm hiểu về cơ chế thần kinh của ngôn ngữ, nhận thức và hồi ức, thì việc nghiên cứu ý thức lại rất khác nhau.

Trừ một ít ngoại lệ, ý thức được xem là "tài sản" phức tạp nhất mà con người có và rất khó định nghĩa, tìm hiểu. Ý thức vừa là thực thể phổ biến nhất, vừa rắc rối nhất. Mọi người có thể đồng ý về sự hiện diện của ý thức nhưng lại không nhất trí về ý nghĩa của ý thức. Đối với một số người, ý thức và tư tưởng là một và giống nhau. Theo họ, sự bất khả hiểu biết về ý thức là do nó là tài sản riêng của từng người. Khoa học làm sao có thể nghiên cứu được một hiện tượng nội tâm mà mỗi cá nhân mỗi khác? Vì ý thức mỗi người mỗi khác nên có không ít người mạnh miệng tuyên bố nó là bí ẩn siêu việt của khoa học và không bao giờ chúng ta có thể giải thích được. Một số người còn đề nghị chỉ nên nghiên cứu sự biểu hiện bên ngoài của ý thức để khám phá ra các công việc bên trong của nó. Số khác nữa xem ý thức là một ảo tưởng, một bí ẩn lạ lùng của tư tưởng.

Tại sao con người lại tỏ ra bối rối khi định nghĩa ý thức? Một nguyên nhân nằm ngay ở hai tuyến ý thức. Từ điển định nghĩa ý thức như "nhận biết về sự tồn tại riêng, cảm xúc riêng, tư tưởng riêng, bối cảnh riêng của một người" hoặc "các nội dung của tư tưởng" hoặc "bộ sưu tập các ý nghĩ của một người vào một thời gian nhất định",... Vậy thì người ta định đề cập đến cái gì khi nói đến ý thức? Tất cả những định nghĩa trên cho thấy tự thân từ "ý thức" (conciousness) đã phát sinh ra các rắc rối.

Muốn nói chuyện về ý thức phải hiểu rõ ta đang thảo luận về hiện tượng nào. Phân biệt rõ ràng về hiện tượng ta đang thảo luận là điều rất quan trọng. Ý thức không phải là lương tâm (conscience) cũng không chỉ đơn thuần là "các nội dung của tư tưởng", mà ý thức là một hiện tượng sinh học cho phép chúng ta khảo sát các nội dung của tư tưởng như tình cảm, ý tưởng và kiến thức. Tự thân ý thức không chỉ là tình cảm cũng không đơn thuần là ý tưởng và kiến thức tích luỹ

mà ý thức là một nghi thức đưa các tình cảm, ý tưởng và kiến thức vào mọi việc, một khả năng chỉ có ở con người.

Nhiều người quan tâm đến ý thức đã quên mất sự phân biệt cần thiết này. Chính vì không thể phân biệt chính xác được các dạng của ý thức mà nhà toán học Anh Roger Penrose mới đưa ra một quan điểm thù địch với ý thức. Theo Penrose thì ý thức chỉ là tư tưởng đơn thuần và đơn giản. Sự hạn chế về ý thức vật lí của con người đã dẫn đến sự hạn chế hiểu biết về hoá học và sinh học mà hậu quả là chúng ta không đủ khả năng giải thích tư tưởng.

Phe phản bác lại Penrose, lại cho rằng, sự hiểu biết nhiều hơn về vật lí không nhất thiết sẽ hiểu nhiều hơn về cơ chế thần kinh đằng sau ý thức. Vì hai phe nói về những sự việc khác nhau: Penrose nói về tư tưởng như một toàn thể còn phe chống ông nói về các khía cạnh đặc biệt của ý thức nên cả hai đều đúng. Phe chống cho rằng việc hiểu rõ bộ máy thần kinh của ý thức là không thể làm được. Nhưng chỉ mở rộng sự hiểu biết về sinh lí thần kinh từ các phân tử đến các mạch thần kinh cũng chưa chắc chắn đã dẫn tới sự mô tả chính xác về mặt vật lí một hiện tượng tinh thần. Có lí do tốt để chúng ta tin rằng ý thức không chỉ gây ra bởi các trạng thái sinh lí thần kinh mà nó chính là các trạng thái này. Như Francis Crick, người đồng khám phá ra cấu trúc phân tử AND vào năm 1953 nói: "Bạn, niềm vui và nỗi buồn của bạn, kí ức và tham vọng của bạn, ý chí tự do và ý thức về cái tôi của bạn trên thực tế chỉ là tác phong của một sự tập trung khổng lồ các tế bào thần kinh và các phân tử kết hợp với nó".

Tiến sĩ Atonio R. Damasio viết như sau: "Trong nghiên cứu riêng của tôi về ý thức, tôi đã tìm thấy sự khác biệt giữa ý thức quan yếu (essential consciousness) hay nhận thức và ý thức bao trùm (extended consiousness) hay ý thức mở rộng. Cả hai đều là nội dung của tư tưởng nhưng nhận thức (awardness) căn bản hơn ý thức và cái sau tuỳ thuộc vào cái trước. Cả nhận thức và ý thức đều đến tự động. Ý chí cá nhân đều không thể ngăn cản hay buộc chúng xảy ra. Nhận thức cho phép một thể sống hiểu được là các nội dung ý tưởng của nó là của riêng nó và nó có thể hành động trên các ý tưởng này. Hiển nhiên mọi người đều có sự nhận thức và nhiều con vật cũng có. Còn ý thức bao trùm chứa một phạm trù ý tưởng rộng hơn, không chỉ nói về hiện tại của thể sống mà còn về quá khứ và tương lai. Tuy nhiên, ý thức bao trùm cũng thực hiện các nhiệm vụ tương tự nhận thức nhưng quy mô thì lớn hơn nhiều.

## III. TÂM LÍ HỌC – THUỐC BỔ VÀ NGUYÊN NHÂN GÂY BỆNH

Theo giáo sư Richard Lazarugs thuộc Trường Đại học Berkelli (Mĩ), những phiền toái vụn vặt là thủ phạm dẫn đến cái chết "gặm nhấm, từ từ". Ví dụ điển hình

của những phiền toái vụn vặt mà GS Lazarus dẫn giải là những cú điện thoại đổ vào thời điểm khi chúng ta bận bù đầu; ông khách không mời "đổ bê tông" lúc chúng ta chuẩn bị ra khỏi phòng làm việc...; tình cảm tiêu cực – hậu quả của sự li dị; sợ sệt khi vào phòng thi khi ta chưa chuẩn bị bài chu đáo... Những phiền toái vụn vặt này có thể gây ra hàng trăm cú Stress nhỏ thường nhật.

Những nghiên cứu được thực hiện bởi 20 cảnh sát ở Floriđa (Mĩ) chỉ ra rằng, có rất nhiều vụ việc. Song việc truy bắt tội phạm thường ít mệt mỏi hơn và dễ chịu hơn so với công việc đơn điệu, nhẹ nhàng nhưng không thích thú. Theo GS Janis, mức lo âu vừa phải giúp bệnh nhân kế hoạch hoá phản ứng của cơ thể, hay chế Stress và tạo ra một dạng đề kháng "cảm xúc" lo âu thái quá dẫn đến những phản ứng sinh lí phức tạp, không thể kiểm soát, có hại cho sức khoẻ. Ngược lại, nếu hoàn toàn thờ ơ, không có cảm giác lo âu, cơ thể sẽ đối đầu với hậu quả tồi tệ hơn. Thế mới biết bản chất "đỏng đảnh" của tâm lí con người.

Theo nhà tâm lí học Arithuoc Stone ở Niu oóc nếu bạn ngồi bàn giấy liền từ 3 đến 5 ngày sẽ là nạn nhân của những phiền toái "vụn vặt". Bạn dễ bị viêm đường hô hấp, thủ phạm thường là mâu thuẫn giữa các thành viên trong gia đình, đồng nghiệp, bạn bè, cơ quan, xí nghiệp... Và những vấn đề cá nhân, tiến sĩ Senice Kuecolt Glaser nhà tâm lí học thuộc Trường Đại học Tổng hợp bang Olio xác định được rằng, sau mỗi vụ cãi vã trong gia đình, khả năng đề kháng của cơ thể của từng người đều suy giảm đáng kể. Còn Stress thì bất cứ lúc nào cũng có thể tạo nên những "lỗ hổng" trong hệ thống đồng hoá của sinh viên. Hoạt động căng thẳng của các doanh nghiệp khi thực hiện những phi vụ làm ăn lớn là thủ phạm đặc biệt nguy hiểm đối với bệnh tim.

Những nghiên cứu cũng khẳng định rằng, hành vi "mốt hậu" gây tổn thương cho sức khoẻ lớn hơn việc để bùng nổ phản ứng bột phát. Không hiếm những kỉ niệm đau buồn để lại dấu vết suốt cuộc đời. Chẳng hạn, một nữ bệnh nhân hen suyễn đã xuất hiện hiện tượng suy sụp dung lượng lá phổi tức thì, khi nhìn lại tấm ảnh chụp đám tang người cha.

Các nhà sinh lí học và tâm lí học Trung Quốc đã khái quát rằng:

Cáu hại gan

Giận hại phổi

Vui vẻ lợi dạ dày

Hoặc: Lòng vui người béo.

Lênin cũng nhận xét: Vui vẻ là liều thuốc sống.

## 1. Tâm lí học và cuộc sống

Các nhà tâm lí học đánh giá rằng, ít nhất có 50% bệnh nhân gõ cửa bác sĩ cảm thấy dấu hiệu bệnh tật chủ yếu vì hậu quả rối loạn cảm xúc. Tình cảm giữ vai trò quan trọng trong một số bệnh đường tiêu hoá, béo phì và hen suyễn. Trong thời gian điều trị bệnh lao phổi, việc duy trì không khí bình an có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Bất cứ tình huống nào cũng hạn chế khả năng lâm bệnh, thậm chí còn khiến bệnh tình trầm trọng hơn. Trạng thái tâm lí người bệnh cũng đóng vai trò quan trọng đối với bệnh tiểu đường.

Không có gì lạ khi nhóm tác giả cuốn sách "*Tâm lí học về cuộc sống*" phỏng đoán rằng, không ít trường hợp hậu quả điều trị của thuốc chỉ chiếm 50%, còn 50% là vai trò của trạng thái tâm lí. Hiện nay người thầy thuốc giỏi không chỉ quan tâm đến cả nhân người bệnh mà cả điều kiện tình cảm xã hội của họ.

Yếu tố tâm lí có thể tác động đến quá trình phát triển của bệnh tật. Kết quả một công trình nghiên cứu khẳng định rằng, những nữ điện thoại viên chịu tác động tâm lí gấp 12 lần so với những người khác là nạn nhân của các bệnh đường hô hấp. Họ hay bị ốm đau nhất bởi hàng ngày phải gánh chịu quá nhiều sức ép tâm lí và thể lực. Ví dụ, Stress và vi rút là những nhân tố dường như không gây nên rối loạn một cách riêng lẻ. Tuy nhiên, khám phá đáng ngạc nhiên hơn là mối nghi ngờ rằng, những vết thương tình cảm thời thơ ấu có thể là một trong những thủ phạm gây bệnh ung thư hoặc bệnh máu trắng. TS Lleshau viết trên Tạp chí: "Annais of the New York a Candemy of Schences", trong 450 bệnh nhân ung thư) mà ông nghiên cứu có tới 72% (so với 10% bệnh nhân không ung thư) là nạn nhân của những nỗi đau tình cảm thời thơ ấu.

Ôn hoà là vũ khí tự vệ tốt nhất dẫu có né tránh bạn cũng không thể loại trừ mọi tình huống "phiền toái vụn vặt" cho nên khả năng ứng phó hữu hiệu với Stress vẫn là phương pháp tự vệ – ôn hoà. Trong mọi trường hợp cần phải duy trì thái độ bình tĩnh, ôn hoà. Giống như áp lực thái quá đổ lên đầu người ốm nặng để anh ta huy động tất cả sức mạnh để chiến thắng bệnh tật có thể gây hậu quả trái với mong muốn. Trạng thái hoảng loạn khi gặp nguy hiểm cũng có tác hại như thế. TS Irving Janis chứng minh trong cuốn sách "Psychological Stress": Sự sợ hãi thái quá có thể gây tác hại đối với sức khoẻ lớn hơn tác hại của chính bệnh tật. Tất cả đều cho thấy rằng, trạng thái "lo âu vừa phải" đúng lúc có tác dụng huy động cơ thể đối đầu có hiệu quả với mọi thách thức. Ví dụ với người bệnh trước ca phẫu thuật.

## 2. Nghề ngoại cảm quân sự qua tiết lộ của một chuyên gia

Ngay từ thuở nhỏ, Leonidovich đã rất say mê những câu chuyện viễn tưởng, phiêu lưu mạo hiểm và nhất là những câu chuyện về vật thể bay không xác định (UFO). Leonidovich phát hiện ra khả năng đặc biệt của mình sau khi đọc một tờ quảng cáo về môn võ karate, trong đó giới thiệu về một chàng trai có thể dùng lòng bàn tay trần để đóng đinh vào gỗ. Cậu đã quyết định thử làm theo điều này. Suốt một thời gian dài, Leonidovich đã cố tập luyện cách dùng tay để đóng được đinh vào bảng nhưng tất nhiên là không được. Cho đến một lần, khi tập trung nghĩ về một vấn đề hoàn toàn khác, cậu bỗng thấy trước mắt mình mọi vật dường như đang được chiếu qua một thấu kính. Thế giới xung quanh bỗng như đang hiện ra đằng sau một lớp bong bóng xà phòng. Leonidovich chỉ cần từ từ ấn nhẹ tay, thế là cây đinh cắm ngập vào bảng như vào một tảng bơ vậy! Sau đó mọi ảo ảnh bỗng dưng biến mất. Mọi cố gắng nhằm lặp lại kì tích trên của cậu đều không thành. Nhưng từ thời điểm đó, Leonidovich bắt đầu hiểu được tiềm năng rất lớn về sức mạnh và tâm lí ẩn náu trong mỗi con người. Những khả năng kì lạ bắt đầu xuất hiện với Leonidovich. Ví như cậu thường dễ dàng giúp người thân tìm lại những món đồ đã mất hay để quên đâu đó, đặc biệt là tiền bạc. Cậu bé cũng gây ra nhiều rắc rối ở trường. Có lần do không thể giải được một bài tập, Leonidovich chỉ đơn giản nhìn thẳng vào cô giáo của mình đang chấm bài trên lớp. Cái nhìn của cậu đã khiến cho cô giáo không thể tập trung làm việc được, và bà đã phải hét lên đầy giận dữ: "Rekhlov, đừng có nhìn vào tôi. Đứng dậy, ra khỏi lớp ngay!".

Phục vụ trong quân đội một thời gian, Leonidovich thi vào Khoa Du hành vũ trụ của Học viện Không quân Gagarin và học tập theo chuyên ngành. Thông tin năng lượng vũ trụ trong suốt 3 năm. Ông tốt nghiệp Học viện với tấm bằng chuyên ngành quân sự về "thao tác viên năng lượng vũ trụ". Chuyên ngành đặc biệt này không thuộc về bất cứ một binh chủng nào, và do vậy nó luôn nằm dưới sự chỉ đạo của Tổng cục Tình báo quân đội.

Theo Leonidovich, lịch sử ngành "ngoại cảm quân sự" Xô viết được bắt đầu từ thời Stalin với chuyên gia nổi tiếng Volf Messing. Messing chính là người đã dự đoán thành công thời điểm khởi đầu và kết thúc của Chiến tranh thế giới thứ II. Trước năm 1994, ngành Ngoại cảm quân sự mới chỉ giới hạn ở mức độ không chính thức với một số cá nhân có khả năng đặc biệt. Đến năm 1994, nhóm học viên ngoại cảm chính thức đầu tiên (trong đó có Leonidovich) mới chính thức được tập trung. Các học viên được lựa chọn hết sức kĩ càng và được huấn luyện theo chương trình đào tạo của Viện Thần giao cách cảm Munich (một học viện

đào tạo ngoại cảm có từ thời Hitler với cái tên Viện Y học phóng xạ). Thực chất của chương trình là nhằm phát triển khả năng nhận thức siêu nhạy của con người bằng cách tự tập trung tinh thần và thư giãn qua phương pháp thiền.

Tất nhiên là ngoài các kĩ năng về thiền, học viên còn được nghiên cứu một số môn quan trọng khác như tâm lí học, triết học, tôn giáo và cả đào tạo về thể chất: như kĩ thuật cận chiến Kadachnikov, bắn theo cảm giác (khi bị bịt mắt, phóng dao...). Còn trong các giờ thực hành, giáo viên thường giấu trong phòng một vật nào đó. Các học viên sau đó sẽ tự bước vào một trạng thái xuất thần (dạng như tự thôi miên), qua đó sẽ cố xác định được hình dạng, màu sắc, công dụng cũng như vị trí của vật đang được giấu. Còn có những buổi thực tập mà học viên được cho lên máy bay, mỗi người được cấp một bản đồ để tự mình vạch đường đi của máy bay, sau đó sẽ so sánh với đường bay trên thực tế. Học viên còn tham gia một khóa bổ túc 30 ngày tại trung tâm của chuyên gia Aleksei Kadochnikov tại Krasnodar. Đây là một chuyên gia xuất sắc trong lĩnh vực tác chiến, đặc biệt là khả năng tác động lên đối phương bằng năng lượng.

Yêu cầu phức tạp và quan trọng nhất là khả năng thiền. Theo Leonidovich, khi đã đạt được một mức độ khổ luyện nhất định, con người sẽ thoát khỏi những mong muốn thấp hèn để đạt được một mức độ phát triển tinh thần cao hơn. Con người sẽ nhận biết được những câu trả lời cho các vấn đề đang và chưa tồn tại, do tất cả các câu trả lời được xuất hiện trước cả câu hỏi. Đó chính là thực chất của khả năng tiên tri. Sau khi tốt nghiệp khóa đào tạo đặc biệt này, Leonidovich đã tham gia vào rất nhiều cuộc thử nghiệm nhằm tìm kiếm, điều hành nhận thức của đối tượng ở khoảng cách xa, hỗ trợ sức khỏe cho các nguyên thủ quốc gia hay dự đoán và tác động lên tiến trình của các sự kiện. Leonidovich còn nhận được một khoản tiền thưởng cho chiến công tìm kiếm chiếc máy bay hành khách vào năm 1995. Khi đó, chiếc TU–154 sau khi cất cánh từ sân bay Nam Sakhalin đã bị mất tích sau 20 phút. Các lực lượng của Bộ Tĩnh trạng khẩn cấp đã tìm kiếm nó trong suốt 11 ngày mà không có kết quả. Leonidovich được cung cấp một cuộn băng ghi lại những cuộc trao đổi cuối cùng của đội bay với trung tâm dưới mặt đất cùng một bản đồ vùng bờ.

## 3. Sự tiên tri kì diệu của con người

### *Nhà tiên tri và viên đá màu nhiệm*

Từ thời xa xưa, thạch anh đã được coi là một thứ đá màu nhiệm. Và không phải chỉ vì loại khoáng chất đó mà người ta gọi là băng tinh, mất khả năng tan thành nước, trong suốt như là pha lê mà còn vì nó, khác với thuỷ tinh, có một

đặc tính đáng chú ý: nó bao giờ cũng mát lạnh khi ta cầm lên tay. Bởi vậy từ thời xa xưa, để kiểm tra xem là đồ thật hay đồ giả, thợ kim hoàn thường áp nó vào má xem có lạnh không.

Ngoài ra, các nhà trường sinh học còn cho rằng thạch anh là một thứ đá trực cảm và cực nhạy, có khả năng làm cho con người giao tiếp với vũ trụ, với thế giới siêu nhiên. Những viên đá thạch anh tuyệt đẹp cho phép nhìn thấy cái vô hình, biết được cái chưa biết, thực hiện cuộc du hành lí thú vào quá khứ và lương lai...

Vào những năm 40 của thế kỉ XX ở Mĩ đã xuất hiện một nhà văn nữ tiên tri nổi tiếng tên là Jane Dickson (nguyên họ là Pinkert). Ngay từ lúc mới 5 tuổi, Jane đã biểu diễn cho người thân xem khả năng tiên đoán siêu phàm của mình: em đã tiên đoán những sự kiện tương lai, các món quà mà khách đem đến, cái chết của người thân thích... Năm lên 8 tuổi, cô bé đã nhận được một món quà có tính chất định đoạt toàn bộ số phận sau này của em. Sự kiện đáng nhớ này xảy ra trong ngôi nhà của một bà thầy bói người Digan nổi tiếng mà mẹ cô dẫn cô đến để "tư vấn". Công việc đầu tiên của bà Digan là xem bàn tay của cô bé: "Cô con gái của bà sẽ trở thành một nhà tiên tri vĩ đại". Sau đó bà ta đưa cho cô bé viên đá thạch anh: "Cháu nhìn thấy gì trong viên đá này?". Jane chăm chú nhìn vào giữa viên đá và bắt đầu miêu tả một địa điểm chưa hề quen biết: một dải bờ hoang dã lởm chởm đá, sóng biển nhấp nhô... "Đấy là quê hương của ta. Ta tặng cháu viên đá này", bà thầy bói Digan nói. Viên đá thạch anh đã lọt vào đúng địa chỉ cần thiết. Ít lâu sau Jane đã học được cách tiếp cận với những nguồn thông tin mà những người khác không hiểu nổi: Lúc đầu, những lời tiên đoán chính xác của cô chỉ giúp những người thân thích, nhưng vào những năm 40, khi cô lấy chồng và chuyển đến Washington thì các cán bộ cao cấp trong chính quyền lần lượt đến chỗ cô. Họ đặc biệt quan tâm đến những diễn biến sắp tới trên các mặt trận của cuộc Đại chiến thế giới lần thứ hai.

Chí ít, Jane đã hai lần tư vấn cho Tổng thống Mĩ Roosevelt. Trong cuộc gặp lần thứ nhất vào tháng 11/1944, Roosevelt (bị liệt hai chân, phải ngồi trong xe đẩy) hỏi: "Xin cô hãy nói thẳng cho tôi biết liệu tôi còn sống được bao lâu nữa để kết thúc công việc đã bắt đầu". Jane không thể né tránh câu trả lời: "Nửa năm nữa, thưa ngài Tổng thống, mà có thể thậm chí còn ít hơn". Sau cuộc gặp đó được năm tháng, ngày 12/4/1945, đúng như điều Jane tiên đoán, Roosevelt đã từ trần.

Cuối năm 1956 Jane đã tiên đoán rằng sau chừng 7 năm nữa người kế nhiệm đương kim Thủ tướng Ấn Độ Jawaharad Nehru (1889 – 1964) sẽ là một người mà tên tuổi họ sẽ được bắt đầu bằng chữ "S". Lần này viên đá thạch anh cũng

bộc lộ khả năng màu nhiệm của nó: tháng 6/1964 sau khi Nehru qua đời, Lai Bahadur Shatn đã trở thành Thủ tướng Ấn Độ.

Jane Dickson cũng có thể thông báo về số phận của một số người. Chẳng hạn bà đã tiên đoán một cách chính xác tương lai của người nghệ sĩ điện ảnh nổi tiếng Ronald Reagan mà sau này trở thành vị Tổng thống thứ 40 của Hoa Kì (1981 – 1989). Năm 1964, Dickson đã dự báo rằng người Nga sẽ là người đầu tiên đưa tàu vũ trụ lên mặt trăng, rằng trước năm 2000 bức tường Berlin sẽ bị phá đổ, còn ở La Mã sẽ có vụ ám sát Đức giáo hoàng.

Đặc biệt, Jane Dickson nhìn thấy rất rõ những tấn thảm kịch trong tương lai. Chẳng hạn bà đã báo trước trận động đất năm 1964 ở Aliasca, đã tiên đoán cái chết của J.F. Dales, cái chết của nữ minh tinh Marilin Monroe, của thủ lĩnh da đen Martin Luther Kinh, của thượng nghị sĩ Robert Kenedy. Bà cũng khuyên can nữ nghệ sĩ Lombard không nên đi máy bay, nhưng Lombard đã coi thường lời cảnh báo tận tình và đã bỏ mạng trong một tai nạn phi cơ.

Danh tiếng trên quy mô thế giới đã đến với Jane Dickson sau vụ John Kenedy bị ám sát (1917 – 1963). Sự kiện bi thảm này đã được bà tiên đoán ngay từ năm 1956, khi mà không ai ngờ rằng 5 năm sau vị chính khách ít người biết đến đó sẽ trở thành Tổng thống Mĩ. Song Jane Dickson không chỉ miêu tả cho một nhà báo Mĩ thấy ngoại hình của vị Tổng thống Hoa Kì tương lai (mái tóc dày màu hạt dẻ và đôi mắt xanh) mà còn nói rằng kẻ giết ông ta là một người có cái tên bắt đầu bằng chữ "O" hoặc chữ "Q".

Tháng 12/1966, Jane đã làm cho thế giới sửng sốt bằng một lời tiên tri mới: Bà đã báo cho vợ của người phụ trách bộ phận điều khiển các chuyến bay vũ trụ có người lái biết rằng cái chết đang đe doạ các nhà du hành vũ trụ chuẩn bị bay lên mặt trăng. Bà đã cho biết những gì mình nhìn thấy như sau: "Trên sàn quả tên lửa có một cái gì đó rất lạ – nó mỏng trông giống như lá kim loại, nếu có một dụng cụ nào rơi vào nó hoặc có ai đó lấy gót giày giẫm lên thì ắt sẽ xảy ra tai hoạ. Ở phía dưới sàn tôi nhìn thấy một cuộn dây điện rối tung. Cái chết đang đe doạ các nhà du hành vũ trụ. Tôi cảm thấy rằng linh hồn của họ đang lìa khỏi xác nóng hổi trong những cuộn khói...".

Hỡi ôi, và cả lần này lời tiên đoán cũng rất chính xác. Một tháng sau, ngày 27/1/1967 trong khi tập luyện trong con tàu vũ trụ "Apollon–1", ba nhà du hành vũ trụ Mĩ đã bị thiêu sống. Đó là Virgil Prisom, Edward Wait và Roger Chaffi. Sự cố chập mạch của dây điện ở bên dưới ghế ngồi của Chaffi trong môi trường chứa ôxy nguyên chất lập tức bùng lên thành một ngọn lửa hung hãn. Lời nói

cuối cùng mà các nhân viên điều hành vô tuyến điện nghe được là tiếng kêu hấp hối của Roger Chaffi, một thành viên trẻ nhất của phi hành đoàn: Chúng tôi đang bị thiêu sống! Hãy đưa chúng tôi ra khỏi đây!. Sau 14 giây, một đám khói bao trùm lên buồng điều khiển của con tàu "Apollon" bị nổ tung vì cháy.

Jane Dickson đã nhiều lần nói rằng sự tiên đoán đến với bà bằng những con đường khác nhau. Đôi khi đó là do tiếp xúc với một đồ vật mà một người nào đó chạm vào. Đôi khi là do nguồn tin "từ trên cao". Nhưng đặc biệt Jane rất coi trọng việc nhìn vào viên đá thạch anh của mình. Bà cho rằng bằng cách khác thì khó mà có được một "bức tranh" chi tiết. Jane Dickson mất ngày 25/1/1997 và đã mang theo sang thế giới bên kia sự bí ẩn đối với các nhà khoa học.

**Cuộc đời của nữ tiên tri nổi tiếng nước Pháp**

*Ngày 5/3/1772, một cô bé ra đời tại một thị trấn nhỏ Alanson, gần Thủ đô Pari. Bà đỡ bật khóc vì đứa trẻ mới sinh ra đã có bộ tóc dài đen nhánh và miệng đầy răng. Maria lớn dần với vẻ ngoài xấu xí: một bên vai bé hơn vai kia, đôi chân gầy khẳng khiu, què quặt và hai mắt lồi. Thế nhưng cuộc đời của cô bé đặc biệt đó lại cứ như một huyền thoại với vô vàn những câu chuyện có thật nhưng thật khó tin trong thế giới hiện đại – nhà tiên tri đoán việc như thần.*

***Dao sắc không gọt được chuôi...***

Lần tiên đoán đầu tiên của Maria Adelaida Lenorman được đưa ra lúc cô bé lên 6 tuổi, cô bé tiên đoán rằng không lâu nữa tu viện trưởng nơi cô đang học sẽ rời bỏ vị trí này để lấy chồng, bà sẽ lấy một người đàn ông giàu có. Lúc đó ai cũng cười bò vì lời nói nhố nhăng của cô bé về vị tu sĩ đáng kính. Thế nhưng một tháng sau, sự việc xảy ra đúng như vậy. Đó là bước khởi nghiệp đầu tiên của Maria Adelaida Lenorman với nghề nghiệp được cho là kì lạ, mang đầy sắc màu huyền bí thời bấy giờ.

Kể cả khi đứng trên đỉnh cao vinh quang của sự nghiệp, Maria Lenorman vẫn biết rằng những vị khách hàng cấp cao cũng không thể bảo vệ được cuộc sống của bà. Nhưng bà biết mình sẽ sống sót được qua lửa thiêu, nước ngập và chết dưới tay của những người không quen biết. Căn phòng xem bói của bà bị đốt cháy. Sau đó, chiếc thuyền trở nhà tiên tri quay vòng tròn và bị chìm ở sông Sena. Maria thoát chết một cách kì diệu: chiếc áo trong của bà bị vướng vào sống neo và nổi lềnh bềnh trên mặt sông. Mấy tiếng trôi qua người phụ nữ kiệt sức gần như chết ngạt vì nước thì lại được công nhân trên bến phà vớt lên. Tuy nhiên, năm 1843, bà bị một số thanh niên lạ mặt bóp cổ đến chết trong một cuộc bạo loạn.

Trong suốt cuộc đời Maria có viết nhật kí, trong đó bà kể về các vị khách của mình và những lời tiên đoán của bà đối với tương lai của họ. Những cuốn nhật kí này đã trở thành một tư liệu lịch sử.

*Những lời tiên tri của định mệnh*

Một hôm, có hai phụ nữ tìm nhà tiên tri. Một người tên là Teraza muốn biết liệu cô có lấy được người đàn ông giàu có nào không. Maria Lenorman tiên đoán bà này sẽ được làm công chúa và có một mảnh tình mãnh liệt. "Bà ta lừa phỉnh tôi đấy" – Tereza nói với người bạn đi cùng một cách bực mình. Sau khi nghe nói vậy, bạn của Tereza là Josephine quyết định ra về và không nhờ người đàn bà này xem số phận cho mình nữa. Bỗng cô nghe thấy Maria nói: "Tốt hơn là cô nên ở lại. Sắp tới tương lai nước Pháp sẽ nằm trong tay cô". Josephine (goá phụ đã có hai con) quá bất ngờ về tình tiết này, cô cố nán lại để nghe lời tiên đoán. "Chẳng bao lâu nữa cô sẽ gặp được người đàn ông cô dành chọn tình yêu. Người đàn ông này sẽ làm cho cô nổi tiếng nhưng cuối cùng lại phụ bạc cô", nhà tiên tri nói đủ nghe. Josephine nghi ngờ khi nghe những lời thì thầm của nhà tiên tri. Bà ta cầm tay cô và lấy một cây kim bằng vàng châm vào ngón tay út: "Tôi sẽ cho cô thấy một điều mà chưa ai được thấy. Cô cần phải nhớ ơn tôi và bảo vệ tôi khi cô có quyền hành trong tay". Một giọt máu từ ngón tay út của cô rơi xuống chiếc bát đựng đầy mấy loại nước. Máu bắt đầu tạo thành các hình thù khác nhau. Đầu tiên đó là hoa violet và tulip (loại hoa yêu thích của Josephine), sau đó là cành tử đinh hương và vương miện. "Cô sẽ trở thành hoàng hậu", nhà tiên tri thì thầm.

Hai người phụ nữ ra về trong tình trạng gần như mơ ngủ. Khi ra đến cửa, Josephine nhìn thấy một người đàn ông ăn mặc bảnh bao ngồi trong góc tối của phòng khách. "Đây, thưa đức vua" – nhà tiên tri đón chào người lạ mặt – "Ông sắp kết hôn, chẳng lâu nữa ông sẽ gặp người vợ tương lai của ông. Ông sẽ có 6 chức vụ cao, sẽ trở thành hoàng đế. Ông sẽ trở nên nổi tiếng và có một cuộc sống xa xỉ cho đến 40 tuổi. Nhưng đến lúc 40 tuổi, ông sẽ quên mất người vợ mà thượng đế ban tặng cho ông và ông sẽ bỏ bà ấy. Đó là điểm khởi đầu cho quãng thời gian bi thảm cuối đời ông. Ông sẽ phải chịu khổ ải cho đến chết. Tất cả bè bạn và người thân của ông sẽ quay lưng lại ông". "Quỷ tha ma bắt", sĩ quan pháo binh Napoleon Bounaparte điên tiết nói. "Làm sao tôi lại đi tin bọn tiên tri có thể giúp được gì đó chứ!"

## 4. Sự kì diệu của hiệu ứng tâm lí

S. Freud đã từng chia hoạt động tâm lí con người thành hai phần: "có ý thức", lại đưa ví dụ nổi tiếng: Tâm lí con người giống như một tảng băng,

phần có ý thức mà người ta có thể phân biệt được giống như khối băng nổi ở trên mặt nước, còn phần vô ý thức – chiếm phần lớn hoạt động tâm lí lại chìm dưới mặt nước và rất khó nắm bắt. Thế nhưng, những kết quả nghiên cứu về tâm lí học những năm gần đây lại cho thấy: cách phân chia tâm lí thành hai phần như trên của S. Freud chỉ có tính tương đối. Trong rất nhiều hiện tượng tâm lí, chỉ cần chú ý hơn một chút, chúng ta sẽ phát hiện được một số quy luật nằm "phía dưới mặt nước". Càng hiểu biết sâu hơn về những quy luật đó, chúng ta càng dễ dàng tìm được những giải pháp thích hợp khi giải quyết công việc, trong sinh hoạt hàng ngày, cũng như trong vấn đề giáo dục con cái. Thậm chí trong không ít trường hợp sự hiểu biết đó còn giúp chúng ta tìm được "những con đường tắt" – dẫn ta tới mục tiêu nhanh hơn.

*Vợ tôi có cô bạn cũ, rất thông thạo các vấn đề "tề gia nội trợ". Một hôm, hai người rủ nhau đi mua sắm quần áo. Trong một cửa hàng, cô bạn nhìn thấy một chiếc áo jaket rất đẹp, mặc thử vào thấy rất hợp khổ người, bèn quyết định hỏi giá để mua. Chủ hàng phát giá 500 nghìn chẵn! Cảm thấy giá như vậy quá cao, cô bạn kêu đắt và bắt đầu mặc cả. Chưa kịp mở miệng, chủ hàng đã phủ đầu: "Chị xem, "mốt" này năm nay đang thịnh hành, vải loại tốt, may kĩ như thế này... Tiền nào của ấy thôi chị ạ! Em nói đúng giá đấy, chẳng được lời lãi gì mấy đâu chị ạ... nếu chị thích thì cứ trả giá cho một câu!" Cô bạn nghĩ một lát và phát: "150 nghìn! Thế nào?" Chủ nhà liền nhảy cẫng lên: "Không được! Chị trả như vậy, chẳng hoá ra bọn em ăn cướp được quần áo hay sao?" Cô bạn vẫn chẳng hề hoang mang, cầm chiếc áo trên tay, xem kĩ lại và thao thao một hồi về giá thành chiếc áo: "Loại vải này chỉ khoảng x... đồng một mét, công may cùng lắm là khoảng y... đồng... cộng thêm tiền vận chuyển, thuế má, tiền thuê cửa hàng... đắt lắm cũng không quá 170 nghìn đồng!... Bán hay không, đó là tuỳ cô thôi!" Chủ hàng có phần luống cuống: "Thôi, suốt cả ngày ế hàng, đành bán lỗ vốn cho chị vậy!"*

Lâm vào tình huống tương tự, do không thông thạo về thị trường quần áo, lại sợ mang tiếng là một "kẻ mặt dày", chắc rằng bạn và tôi đều chỉ dám mà cả giảm bớt đi một chút và không đủ "dũng cảm" để đưa ra một giá "siêu thấp" – như cô bạn ở trên! Thế nhưng trên thực tế, một số người bán hàng – có thể vô tình hoặc có thể cố ý, thường rất hay lợi dụng loại "hiệu ứng tâm lí phủ đầu" này, để tác động tâm lí khách hàng: Lúc đầu họ phát ra một giá thật cao, phòng khi trong quá trình mà cả, dù có phải nhượng bộ rất nhiều, vẫn còn bán được hàng với giá cao hơn thực tế!

Thông thường, một yêu cầu quá cao thường hay bị đối phương cự tuyệt, thế nhưng tiếp đó nếu đưa ra một yêu cầu thấp hơn thì khả năng chấp nhận sẽ tương đối lớn. Người ta nói, đó là vì "sĩ diện". Người phương Đông đặc biệt càng hay mắc "bệnh sĩ!". Chính vì vậy, trong sinh hoạt hàng ngày, một số người đã lợi dụng loại "hiệu ứng sĩ diện" này, để khống chế hành vi, lung lạc người khác: Khi muốn nhờ vả người khác làm một việc gì đó, thoạt đầu họ đưa ra những đề nghị khó ai làm được, sau khi hàng loạt các đề nghị thuộc loại "nghi binh" đã bị cự tuyệt, nếu nhận thấy đối phương vẫn còn chút thiện ý, họ sẽ thừa cơ đưa ra cái đề nghị thực sự mong muốn. Thuật công tâm này thường mang lại hiệu quả, bởi lẽ sau khi đã từ chối quá nhiều, vì "sĩ diện", con người ta khó có thể tiếp tục từ chối thêm mãi, và dễ dàng chấp nhận một "đề nghị cuối cùng" mà đối phương đưa ra!

Hiệu ứng tâm lí nói ở trên, tuy cũng thuộc phần "vô ý thức", song vẫn là nằm ở phía trên, tương đối gần tảng băng nổi trên mặt nước. Sau đây chúng ta sẽ nói đến một thứ nằm sâu hơn mặt nước, đó là cái gọi là "hiệu ứng lí do quá độ".

*Một nhà tâm lí học đã tiến hành một thực nghiệm như sau: Tại một khu tập thể, các hộ sống ở đó thường xuyên than phiền về lũ trẻ đùa nghịch và la hét suốt ngày – ảnh hưởng rất nhiều đến sinh hoạt, nghỉ ngơi của những người lớn tuổi. Mặc dù người lớn đã nhiều lần can thiệp, dùng đủ loại biện pháp, như doạ nạt, khuyên giải, động viên... song đều vô hiệu quả. Sau khi tìm hiểu kĩ tình hình, nhà tâm lí học của chúng ta liền gọi tất cả lũ trẻ lại và tuyên bố: em nào la hét càng to, em đó sẽ được thưởng càng nhiều tiền! Sau một buổi, có đứa được 5 nghìn, đứa được 2 nghìn, nhưng cũng có một số đứa chỉ được 5 trăm. Vài ngày tiếp theo, lũ trẻ vẫn tiếp tục thi nhau la hét, cố giành được nhiều tiền. Vô hình trung, tiền dần dần đã trở thành động cơ khiến lũ trẻ la hét. Lại qua vài ngày nữa, tiền thưởng bỗng tự nhiên giảm, lũ trẻ mất hứng, cảm thấy bị đối xử bất công, nhưng vẫn hi vọng là hôm sau nếu cố gắng hét to thêm thì tiền thưởng sẽ lại được nhiều. Hôm sau, lũ trẻ đua nhau gào đến rách cả họng, ai ngờ: tất cả đều không được tiền thưởng! Chúng hết sức bất bình: "Hôm qua còn nhận được một chút, ai ngờ hôm nay một xu cũng chẳng được, không được tiền thì hét làm quái gì cho thêm rát họng!"... Thế là từ đó về sau lũ trẻ mất hết cả hứng thú la hét. Vấn đề tiếng ồn trong khu nhà cũng được giải quyết.*

Hiện nay, phần lớn gia đình chỉ có một hoặc hai con. Là cha mẹ ai chẳng mong muốn con mình học thật giỏi. Có thể, vì quá coi trọng thành tích học tập, một số vị phụ huynh đã thi hành một "chế độ thưởng tiền theo điểm số": điểm càng cao càng được thưởng nhiều tiền. Đối với mỗi loại điểm số, đều có mức

tiền thưởng rõ ràng! Chế độ dùng tiền để động viên như vậy, thời gian đầu thường có hiệu quả, thế nhưng chỉ sau một thời gian là đã mất kiến hiệu! Đúng là đã tốn công tốn của vô ích! Thực ra, trong trường hợp này, những phụ huynh nói trên đã mắc phải một sai lầm về tâm lí học – đã dùng nhầm "hiệu ứng lí do quá độ".

Các kết quả nghiên cứu trong tâm lí học đã chứng minh rằng: "Hứng thú" và "Lòng ham hiểu biết" mới thực sự là "nhu cầu trời cho" ở trong mỗi một con người. Sự học thực ra không phải là quá trình khổ sai. Học tập là một cơ hội tốt giúp trẻ em (và cả người lớn nữa) phát hiện ra những điều mới lạ trong thế giới chung quanh. Nói cách khác: "hiếu kì" mới thực sự là động cơ chân chính, lâu bền trong quá trình học tập. Còn những thứ đại loại như "lời khen", "tiền thưởng", "hình phạt"... chỉ là những "lí do quá độ" – chỉ có tính chất nhất thời! "Thưởng tiền" thoạt đầu có thể mang lại những kết quả rõ ràng, bởi lẽ đó là thứ "mới lạ"; mặt khác, bằng thành tích học tập, trẻ em có thể kiếm được những đồ chơi hoặc món ăn trước đây không có. Thế nhưng, cái hứng thú tạm thời về sự "mới lạ" sẽ mau chóng qua đi. Mặt khác, trong điều kiện mức sống đã được nâng cao, với cơ cấu "mỗi cha mẹ chỉ có 1 hoặc 2 con" như hiện nay, những nhu cầu về vật chất của trẻ em nói chung cũng dễ đáp ứng. Cho nên thứ "biệt dược – tiền thưởng" dễ bị mất đi tính cộng hiệu và điều đó còn có nghĩa là: cùng với nó, trẻ mất luôn hứng thú học tập!

Những ví dụ tương tự như vừa kể ở trên, thực ra có mặt ở khắp nơi, chỉ cần ta chú ý quan sát và chịu khó suy nghĩ, thì sẽ phát hiện được ra những quy luật hữu ích. Để tránh hiểu lầm, xin nói rõ thêm: Loại "vô ý thức" nói ở đây là thuật ngữ trong tâm lí học, chứ không phải là theo nghĩa thông thường. Thường ngày, tất cả những gì không có ý thức, thì ta gọi là "vô ý thức". Trong tâm lí học, ngoài "ý thức" (consciousness), người ta còn nói đến ba quá trình khác: "phi ý thức" (nonconscious processes), "tiềm ý thức" (Subconscious processes) và "vô ý thức" (unconscious processes). Về những khái niệm đó, nếu có dịp ta sẽ cùng tìm hiểu. Còn ở đây, chỉ cần nhớ lại hình ảnh "tảng băng của S. Freud" là đủ!

## 5. Thái độ và vận mệnh

### Khởi phát từ sự đốn ngộ của một nhà tâm lí học trong tù

Trong thời kì Đại chiến thế giới lần thứ 2, ông Franc – nhà tâm lí học Mĩ gốc Do Thái đã từng bị giam trong Trại tập trung của phát xít Đức. Một hôm, trong trạng thái u uất và tuyệt vọng đến cùng cực, trong buồng giam biệt lập, ông bỗng nhiên "đốn ngộ": tự nhiên thấy trong lòng hết sức thanh thản, sảng

khoái và phát hiện ra một điều mới lạ... Về sau, ông đã đặt tên cho hiện tượng đó là "trạng thái tự do tuyệt đối của con người". Thực ra, lúc đó ông mới chỉ cảm nhận được một cách hết sức mơ hồ và chỉ hiểu được rằng: "đó là một thứ tự do mà bọn lính phát xít vĩnh viễn không sao cướp đi được...". Mặc dù các tình huống trên đời, đều phụ thuộc vào rất nhiều nhân tố khách quan. Nói chung, đều chịu sự chi phối, khống chế của những người khác. Tuy nhiên, ý thức của mỗi người dường như lại là thứ độc lập – nó siêu thoát và hầu như là không phụ thuộc vào sự ràng buộc từ bên ngoài về phương diện thân xác. Trong hoàn cảnh bị giam hãm và hành hạ về mọi phương diện, Franc vẫn còn lại một thứ tự do, đó là "khả năng tự lựa chọn thái độ của mình".

Khi bản thân bị lâm vào một hoàn cảnh hết sức ác liệt, mặc dù rất khó khăn, song Franc đã may mắn phát hiện ra "ý thức tự ngã" – thứ thiên phú tiềm tàng trong mỗi con người. Hơn nữa ông còn biết lợi dụng ý thức đặc biệt đó để tự giải thoát. Franc đã phát hiện được một "kho báu" trong thế giới tâm linh ở mỗi con người: "*Trong bất kì hoàn cảnh đặc định nào, con người vẫn còn lại một thứ tự do, đó là cách lựa chọn thái độ của mình*".

Từ những ý tưởng "đốn ngộ" được trong thời gian bị giam giữ trong trại tập trung, sau này Franc đã đưa ra quan điểm về ba loại giá trị, có vai trò quyết định đối với số phận mỗi con người. Thứ nhất là "giá trị kinh nghiệm" – do cảnh ngộ mang lại, thứ hai là "giá trị sáng tạo" – do bản thân mỗi người tạo nên, thứ ba là "giá trị thái độ" – đó cũng là cách thức phản ứng của mỗi người đối với những tình huống ngoài đời. Trong ba loại giá trị kể trên, giá trị thái độ là cảnh giới đặc biệt nhất.

Thật vậy, số phận mỗi con người đều do thái độ của mỗi người quyết định – thành công hay thất bại đều bắt nguồn từ thái độ sống. Sự sai khác giữa người thành công và kẻ thất bại chính là: trong bất kì hoàn cảnh nào, người thành công luôn luôn có thái độ lạc quan, tích cực suy nghĩ vận dụng những kiến thức và kinh nghiệm để tạo lập cuộc đời của mình. Còn người thất bại thì hoàn toàn ngược lại, thái độ của họ rất bi quan: khi gặp phải trắc trở họ thường chỉ liên tưởng đến những thất bại hoặc những thảm cảnh trong quá khứ, thường buông tay cam chịu và đổ lỗi cho số phận hoặc cho người khác. Không ít người vẫn thường cho rằng, số phận của họ phụ thuộc hoàn toàn vào hoàn cảnh, hoàn toàn do người khác định đoạt. Tuy nhiên, thật ra số phận mỗi con người nằm trong chính tay mình. Thành công hay thất bại không phải do nhân tố bên ngoài định đoạt mà phụ thuộc chủ yếu vào thái độ sống. Thái độ của chúng ta có vai trò hết sức quan trọng đối với số mệnh:

* Chúng ta đối đãi với cuộc đời ra sao thì cuộc đời cũng sẽ đáp lại như vậy.

* Chúng ta đối đãi với người khác ra sao thì người ta sẽ đối đãi với chúng ta như vậy.

* Khi bắt đầu thực hiện bất kể việc gì, thái độ của chúng ta đối với việc đó ra sao có vai trò quyết định đối với những kết quả cuối cùng. Thành công hay thất bại chủ yếu phụ thuộc vào thái độ của chúng ta. Và điều đó quan trọng hơn tất cả các nhân tố khác cộng lại.

Ta chẳng nên ngạc nhiên khi thấy có người nói: Hoàn cảnh của mỗi người ra sao; tâm lí, tình cảm, tinh thần như thế nào, hoàn toàn do thái độ của mình quyết định. Nói đúng ra, thái độ lạc quan và tích cực chưa thể đảm bảo trăm phần trăm cho sự thành công. Tuy nhiên, có điều không thể nghi ngờ là: những người có thái độ bi quan và tiêu cực thì sẽ chẳng có thể thành công và hạnh phúc.

***Những bí ẩn quanh chiếc gương soi của bạn***

Ngay từ thế kỉ thứ XVIII nhà bác học người Đức Kari Fon Reygenbakh (1788 – 1869) đã phát hiện thấy ở một số người có ánh mắt rất nguy hiểm đối với người khác. Những ánh mắt của họ có năng lượng cực lớn (năng lượng trong ánh mắt có tên gọi là *od*) và khi phản xạ qua gương có thể gây nguy hiểm cho sức khỏe người khác nếu luồng tia này hướng vào. Chiếc gương không chỉ phản chiếu hiện thực khách quan mà còn phản xạ năng lượng vô hình.

Người ta làm thử một thí nghiệm thì thấy năng lượng cũng có khả năng phản xạ qua gương: Dùng bộ điều khiển tivi từ xa chĩa vào chiếc gương sao cho hướng phản chiếu nhằm vào vô tuyến thì thấy nó vẫn có tác dụng như thường. Điều đó có nghĩa là gương có thể phản xạ năng lượng vô hình mà mắt người không thấy được. Từ thí nghiệm này cho thấy dòng điện sinh học hoặc luồng năng lượng phát ra từ ánh mắt có thể gây nguy hiểm cho những ai bị nó phản chiếu vào qua gương. Ở một số dân tộc có thói quen đeo vào cổ đứa trẻ một chiếc gương bé tí xíu để tránh những ánh mắt độc địa chiếu vào đứa trẻ.

Nhà nghiên cứu nổi tiếng người Pháp chuyên về các hiện tượng dị thường trong thiên nhiên Kamill Flaramion (1842 – 1925) khuyên những người nhút nhát sợ bóng tối hãy thử nhìn vào cái gọi là "bóng ma" qua gương hoặc bất cứ vật gì có độ bóng thì sẽ bớt sợ hơn rất nhiều. Có nhiều người bán tín bán nghi, thế nhưng qua thực tế thì thấy lời khuyên của Flamarion rất hiệu nghiệm. Cũng như vậy, đối với những chiếc gương cổ nổi tiếng là thần bí được sản xuất tại vùng Venezia của Italia. Như có phép màu nhiệm, loại gương này thường gây được tâm trạng phấn chấn đối với người soi. Ban đầu người ta cho rằng sự bí ẩn

chính là ở chất liệu pha lê làm kính được phát minh năm 1516 bởi hai anh em nhà Andrea và Domenico thuộc vùng đảo Murana gần Venezia. Mãi sau này bí ẩn mới được khám phá là những người thợ Italia đã bổ sung thêm một ít mạt vàng vào trong chất phủ gương làm cho sự phản chiếu của gương có sắc màu gam lạnh, chẳng hạn như ánh trăng, không có lợi cho sức khoẻ. Chính vì điều này đã lí giải được bí ẩn lâu nay là tại sao vào thời kì trăng rằm số lượng người bị trầm uất, động kinh, tự tử và các vụ tội phạm tăng lên đáng kể so với mức trung bình.

Nhiều dân tộc trên thế giới vẫn sử dụng gương để chống lại cái gọi là "luồng năng lượng cuốn". Người phương Đông khi làm nhà thường xem hướng, chính là việc xác định vị trí phong thuỷ sao cho phù hợp để tránh luồng năng lượng này lấn át năng lượng của những người sống trong đó làm cơ thể mất cân bằng dẫn tới bệnh tật, đau ốm. Những nhà làm theo kiểu hình ống có hai cửa trước và sau thông nhau tạo thành luồng gió lùa rất dễ bị tấn công bởi "luồng năng lượng cuốn". Vì thế, để khắc phục tình trạng này có thể đặt mảnh gương nhỏ "gương chiếu yêu" trên cửa ra vào hướng ra phía ngoài. Các cụ nói làm như thế để trừ tà ma ác quái. Thực chất là để chống lại những luồng năng lượng cuốn bất lợi cho sức khoẻ. Cũng có thể đặt tấm gương lớn gần cửa ra vào nhằm tránh luồng năng lượng xấu từ ngoài đường rọi vào.

Trong phòng ngủ không nên có gương hoặc cần quay mặt phản chiếu vào tường, vì lúc ngủ cơ thể rất nhạy cảm với những luồng năng lượng bất lợi cho sức khỏe. Việc bố trí đồ gỗ và kê đặt giường, tủ trong phòng ngủ ảnh hưởng trực tiếp tới giấc ngủ. Nếu không có điều kiện kê đặt lại gương nên che mặt phản chiếu bằng một tấm vải.

Đến nay khoa học đã chứng minh được trên Trái Đất có những "nút" năng lượng hoặc những vùng bất lợi cho sức khoẻ con người do cấu tạo của tầng địa chấn phức tạp. Nút hoặc cột năng lượng từ dưới đất hướng lên trên thường có diện tích bằng cuốn sách nhưng có độ đậm đặc rất lớn. Nếu nằm ngay trên nút năng lượng này thì giấc ngủ không sâu, luôn có những cơn mơ khủng khiếp, sức khỏe bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Dân gian thường nói là trong ngôi nhà có ma. Thực ra, ngôi nhà đã dựng đứng trên một nút năng lượng. Có thể khắc phục tình trạng này bằng một tấm gương đặt ở một vị trí thích hợp, chẳng hạn như úp mặt gương xuống đất với tác dụng phản chiếu lượng năng lượng nguy hiểm đi theo một hướng khác.

Ở rất nhiều dân tộc trên thế giới chiếc gương luôn được coi là vật "thiêng" nên cực kì thận trọng khi sử dụng. Chẳng hạn, có một số dân tộc cấm không cho

trẻ nhỏ dưới một tuổi soi gương, vì như vậy trẻ sẽ chậm lớn, lâu mọc răng hoặc nói ngọng... Ở châu Âu mọi người kiêng không soi gương trong lúc tranh tối, tranh sáng hoặc trong ánh sáng nhân tạo. Ở Thuỵ Điển các cô gái kiêng không soi gương dưới ánh sáng nến vì như vậy sẽ mất đi tính duyên dáng. Ở Đức những người phụ nữ có thai mấy tháng cuối trước khi đẻ không được phép soi gương. Dân gian cho rằng trong nhà càng ít gương, ít đồ vật bóng loáng càng tốt cho sức khoẻ.

Một số dân tộc thì cho rằng sở dĩ phụ nữ chóng già hơn nam giới vì soi gương nhiều. Rất có thể là như vậy. Có thể giải thích hiện tượng già đi của con người dưới góc độ trường năng lượng sinh học: năng lượng của chúng ta sau khi phản xạ qua gương giao thoa với chính trường năng lượng của bản thân có tác dụng bảo vệ cơ thể. Vì thế càng nhìn lâu trong gương càng mất nhiều năng lượng, cơ thể càng chóng kiệt sức và tàn tạ.

Ngay từ xa xưa đã có quan niệm cho rằng mặt gương giống như nam châm hút tất cả những chất độc. Điều này đã được nhà bác học thời trung cổ Parasel (1493 – 1541) chứng minh. Trong một bản báo cáo của Viện hàn lâm Pari, xuất bản năm 1793 có đoạn viết: "Khi một người phụ nữ đứng lâu bên một chiếc gương mới thì nó đã hút tất cả mùi của người phụ nữ này toả ra. Các cuộc phân tích tấm gương này cho thấy những chất bám trên mặt gương cực kì độc". Từ đó có thể giải thích tại sao một số dân tộc không cho phép người ốm soi gương. Khi những ông khách lòng dạ không tốt ra khỏi nhà là lập tức chủ nhà lấy giẻ ướt lau gương ngay.

Dân gian khuyên không nên sử dụng gương cũ vì nó ám nhiều năng lượng và chất độc. Một số chiếc gương khi soi người đứng trước gương cảm thấy thần kinh bị ức chế, người buồn bực một cách vô cớ. Có trường hợp sau khi soi gương người chủ có những hành vi bột phát cực kì nguy hiểm. Chẳng hạn như chiếc gương cổ nổi tiếng trong lịch sử với những vụ giết người, đột tử hay tự vẫn có đề dòng chữ "Lui Arpo, 1743". Năm 1997 các nhà buôn đồ cổ Pháp đã đề nghị các phương tiện thông tin đại chúng thông báo cho mọi người biết không nên mua chiếc gương đồ cổ này vì nó rất nguy hiểm đối với người chủ của nó. Theo thống kê, chiếc gương "Lui Arpo 1743" đã gây ra cái chết đối với 38 người chủ đã mua nó. Chiếc gương như có ma hễ cứ rơi vào tay người nào là người đó bị đột tử mà không lí giải được. Sau khi gây ra hai cái chết của hai người chủ cuối cùng năm 1910, chiếc gương đã được cảnh sát Pháp tịch thu và lưu giữ trong kho. Vậy mà cách đây ba năm chiếc gương cổ đã bị kẻ gian đột nhập đánh cắp mất.

Còn rất nhiều điều bí ẩn quanh chiếc gương soi mà cho đến nay khoa học chưa khám phá hết.

## 6. Vân tay, con số vận mệnh

*Mỗi người có một kiểu vân tay đặc trưng, xác suất trùng nhau cực kì hiếm, khoảng một phần vài chục triệu. Vân tay được ví như một bản đồ về cá nhân mỗi người. Các nhà khoa học đang tìm cách xác định mối liên hệ giữa đường vân tay với đặc điểm tâm sinh lí, và điều này có ý nghĩa thực tiễn rất lớn.*

Vân tay được hình thành ở mỗi người từ khi còn nằm trong bụng mẹ và cố định như vậy cho đến lúc cuối đời. Trên thế giới có một môn khoa học chuyên nghiên cứu về vân tay. Nó dựa vào các đặc điểm vân tay để đoán bệnh tật và phán đoán những đặc điểm cá tính mỗi người, giúp các nhà hình sự trong việc điều tra tội phạm... Tất nhiên, khoa học về vân tay không đồng nghĩa với những kiểu bói toán nhảm nhí và một số kẻ lợi dụng để lấy tiền của những người cả tin.

Cha đẻ của môn khoa học vân tay là nhà sinh vật học người Anh Fransis Galton, anh em con chú con bác với nhà khoa học nổi tiếng S. Đácuyn. Năm 1892, Galton đã xuất bản cuốn sách nói về vân tay rất cơ bản. Theo nhà khoa học thì vân tay nói nên rất nhiều điều về cá nhân con người. Đường vân trên các ngón tay mỗi người hình thành từ tháng tuổi thứ 3 khi còn là thai nhi, đồng thời với sự phát triển của hệ thần kinh. Bất kì sự lệch lạc nào trong quá trình phát triển thai nhi đều để lại dấu ấn trên da. Vân tay là một bản đồ sức khoẻ thông qua đó có thể xác định được cá tính và khả năng trí tuệ của mỗi người.

***Ba loại vân tay và tính cách***

Đa phần những người có đường vân tay tròn, còn số người có đường vân tay hình xoắn ốc ít gặp hơn, đặc biệt là đường vân tay hình cung (cầu vồng). Tỉ lệ số người có vân tay hình cung chỉ chiếm 3 – 4 phần ngàn. Theo kết quả điều tra, người có đường vân tay hình cung khó chan hoà trong tập thể; anh ta là người có cá tính mạnh mẽ, thẳng thắn, không ngả theo ý kiến của người này hay người khác và không ngần ngại khi nói lên sự thật. Thất bại không khuất phục được những người như vậy, anh ta lại tiếp tục làm lại từ đầu. Những người có vân tay như vậy rất tỉnh táo, không bị lôi cuốn bởi các đam mê như rượu chè, luôn thích được làm lãnh đạo. Trên cương vị lãnh đạo, những người này thường không thích nói nhiều và ưa hành động. Thế nhưng, nhược điểm của những người này là sức khoẻ kém, tính cách ngang ngạnh.

Những người có đường vân tay hình tròn xoắn ốc không bao giờ thấy thoả mãn với bản thân, luôn tự tìm tòi và khổ sở bởi sự đa nghi của mình. Sự bền bỉ

không cao, dễ nản và có thể đánh mất sự say mê. Trong trường học những người này bị coi là lười biếng, thậm chí không có khả năng, thế nhưng thường xuyên làm các thầy cô ngạc nhiên bởi những cách giải độc đáo trước những bài tập khó.

Số đông mọi người có đường vân tay tròn. Những người có đường vân tay tròn biết cách thích nghi với cuộc sống trong xã hội. Họ là những người thiện chí, mát tính, vị tha và dễ dàng nhân nhượng, sẵn sàng giúp đỡ người khác mà không vụ lợi, nhưng họ cũng không bao giờ dám hi sinh tất cả vì ý tưởng của mình. Họ luôn thoả mãn với vị trí của mình và rất phù hợp với vai trò lãnh đạo.

Các nhà khoa học cũng đã phần nào xác định được mối liên hệ giữa đường vân tay với đặc điểm tâm sinh lí mỗi người, bởi nó gắn chặt với các vùng nhất định trên vỏ não. Người có đường vân tay tròn xoắn tập trung ở bàn tay phải thường nóng nảy và cục tính. Trong khi đó người có những đường vân này nằm ở các ngón tay trái lại có khiếu bẩm sinh về âm nhạc và nghệ thuật.

Nhà đạo diễn điện ảnh tầm cỡ thế giới Sécgây Elzenstein có vân tay tròn trên mười đầu ngón tay như nhiều người khác mà không có gì đặc biệt. Elzenstein nổi tiếng là người có tấm lòng khoan dung vì thế được mọi người hết sức quý mến. Ông đã trải qua bao nhiêu sóng gió cuộc đời mà với người khác thật khó lòng vượt qua được. Nhà đạo diễn đã mất sau cơn đau tim đột ngột. Điều lạ lùng là cái chết của Eizenstein đã được một người đoán trước. Đến nay hiện tượng này vẫn còn là một bí ẩn đối với khoa học.

Còn ba ngón tay phải của nhà thơ Xô viết nổi tiếng Maiacốpxki có đường vân tay tròn xoắn, bên tay trái cũng có một đường vân tay tương tự. Tính khí nhà thơ rất nóng nảy và thất thường, chúng thể hiện rất rõ trong các vần thơ của ông. Bề ngoài nhà thơ trông rất cao bồi và ngang tàng, nhưng thực chất ông rất sợ sự cô đơn. Là người tài năng nhưng lại không biết sử dụng tài năng của mình và không có lập trường kiên định. Maiacốpxki đã kết liễu cuộc đời mình bằng tự sát để giải thoát khỏi những nội tâm bên trong.

Còn tên cuồng sát khét tiếng đã từng gây bao nỗi sợ hãi cho dân chúng Andrây Chicatilo có đường vân tay hết sức đặc biệt. Ngón cái bàn tay phải của y có đường vân tròn, cũng ở ngón này bàn tay trái lại có đường vân xoắn tròn. Trong khi đó đường vân tay của những người bình thường bao giờ cũng giống nhau theo từng cặp ngón ở hai bàn tay.

Sau nhiều cuộc thống kê, các nhà nghiên cứu đã phát hiện ra một điều hết sức thú vị liên quan đến đường vân tay. Những vận động viên với những đường vân vòng cung chỉ thành công trong một vài môn thể thao như chạy tốc độ trên

băng, vân tay tròn xoắn và đường vân tròn đúp thường thấy ở các nhà vô địch môn điền kinh nặng, đấu kiếm và vật tự do. Các nhà nghiên cứu có ý định lập chương trình thống kê để xác định những đặc điểm của mỗi người thông qua "bản đồ" vân tay.

**Con số – Văn hoá – Số mệnh**

Tín ngưỡng và những tập tục mê tín gắn liền với con số có lẽ là một trong những hiện tượng sống động và phổ biến nhất trong văn hoá dân gian thế giới. Nếu như đối với chúng ta, những người đang sống trong thời đại tin học, con số chỉ là phương tiện để đo đếm, tính toán, hoặc khái niệm, còn thời xa xưa, con số là biểu tượng của sức mạnh thần bí, thậm chí chi phối cả số phận con người.

**Pytago và chủ nghĩa thần bí**

Có lẽ ít ai nghĩ rằng, Pytago – nhà toán học vĩ đại thời cổ Hi Lạp, sống vào thế kỉ thứ 6 trước Công nguyên mà chúng ta đều biết từ thời ngồi trên ghế nhà trường qua định lí về 3 cạnh của tam giác vuông, lại cũng là ông tổ của khoa lí số thời cổ đại Hi Lạp. Ông khẳng định: "Con số là khởi đầu của mọi vật, thế giới được xây dựng dựa vào sức mạnh của con số và mọi vật chỉ là những "bản sao" của các con số". Ông tin rằng, con số có sức mạnh thần bí, có khả năng chi phối tất cả, kể cả tính cách và số phận của mỗi con người.

Trong thời cổ đại ở Hi Lạp, bản thân Pytago cũng được tôn vinh như là hiện thân của sức mạnh. Ông không phải là một "thư sinh trói gà không chặt", ngược lại theo tương truyền, ông là con người cao lớn, uy nghi hùng vĩ như thần Apollon. Mỗi khi Pytago xuất hiện giữa đám đông, thì những sinh linh ở quanh ông đều trở nên bé nhỏ, đáng thương và mờ nhạt. Chính ông là người đã đưa danh từ "nhà triết học" vào trong đời sống. Nhà triết học theo ông – đó là một con người "muốn tìm biết và muốn hiểu rõ". Pytago là người đặt nền móng cho luận thuyết về sức mạnh thần bí của các con số; và điều đặc biệt có ý nghĩa là, trong quá trình nghiên cứu những ý tưởng của ông, các nhà khoa học của các thời đại sau đã phát hiện ra rất nhiều quy luật quan trọng trong toán học.

Nicomax – một nhà toán học khác thời Hi Lạp cổ đại, sống vào thế kỉ thứ nhất trước Công nguyên, cũng là một người rất tôn sùng sức mạnh của các con số. Nicomax chính là người đặt nền móng cho "lí thuyết số" một phân khoa rất quan trọng trong toán học hiện đại, đã xây dựng nên các khái niệm toán học về số nguyên tố, về tỉ lệ... Ông lại tin rằng: số 1 là hiện thân của lí trí, tính thiện, sự hài hoà, hạnh phúc và đồng thời cũng là hiện thân của bóng tối và sự hỗn tạp; số 2 là biểu tượng của sự mâu thuẫn và bất bình đẳng; số 3 mới là "con số thực sự", bởi lẽ nó có đầu, giữa và cuối, số 3 mới thực sự là "con số hoàn chỉnh"...

Tại châu Âu, mãi cho tới trung thế kỉ, những người cho rằng "con số chỉ đơn thuần là một phương tiện dùng để tính toán" vẫn còn bị kết tội như những kẻ "phỉ báng chúa trời". Ngay đến cả những nhà toán học nổi tiếng như M. Stiphen (1486 – 1567) một trong số những người đã đặt nền móng cho môn đại số và D. Neper (1550 – 1617) người phát minh ra phép tính logarit cũng đều tin rằng, bên trong mỗi con số đều tiềm tàng những sức mạnh thần bí.

**Số – biến ảo vô cùng tận...**

Trong văn hoá cổ đại phương Đông, con số cũng là thứ vô cùng thần bí và phức tạp, nhiều khi triết lí đứng ngay cạnh sự thần bí, khoa học xen lẫn với mê tín dị đoan... Triết gia thời xưa tin rằng: con số và toán pháp đều bắt nguồn từ Bát quái, Kinh dịch. Cửu chương toán thuật (bộ sách giáo khoa toán học cổ nhất của Trung Hoa) đã viết: Thời xưa Phục Hi sáng tạo ra Bát quái, thông hiểu được cái đức của thần minh, làm sáng tỏ được cái tình của muôn vật, nhờ đó mới làm ra "thuật cứu cửu" (phép tính cửu chương)...

Mỗi con số đều có những nội dung trên nhiều bình diện. Ví dụ số 1 trong toán học được coi là "khởi thuỷ của vạn số" (khởi đầu của mọi con số); trong Dịch học số 1 là "huyền", là "thái dịch", là vũ trụ khi chưa phân chia; y học coi số 1 là "nguyên khí" nguồn năng lượng sống của mọi sinh vật; lí thú nhất là trong Đạo Đức Kinh bộ "thánh kinh" của đạo gia, Lão Tử đã coi con số 1 gắn liền "đạo", ông viết: đạo sinh 1, 1 sinh 2, 2 sinh vạn vật...

Đọc lại những trang sử của nhân loại, có lẽ tất cả chúng ta đều sẽ đi đến cùng kết luận: chẳng có một con số nào, trong các nền văn hoá khác nhau, trên tất cả các vùng đất của thế giới, lại không được con người gán cho những sức mạnh thần bí. Đặc biệt là: cùng một con số – trong cùng một thời đại – ở những nền văn hoá khác nhau lại có thể mang theo những ý nghĩa trái ngược hoặc là giống nhau. Ví dụ, nếu như nhà toán học Hi Lạp cổ đại Nicomax không ưa con số 2 vì nó bị coi là biểu tượng của sự mâu thuẫn, thù địch, thì ở phương Đông với cách nhìn minh triết, biện chứng và bao dung: con số 2 lại là tượng trưng của sự hài hoà. Số 2 là biểu tượng của âm dương thống nhất (trong Nhị nguyên luận). Đó là trời và đất, ngày và đêm, mặt trời và mặt trăng, nam và nữ, chồng và vợ, quân và thần, quân tử và tiểu nhân, con người và ma quỷ, phúc và hoạ, sống và chết... là 2 mặt mâu thuẫn nhưng thống nhất, đối lập mà phải dựa vào nhau để cùng tồn tại, trong tất cả các hiện tượng tự nhiên và xã hội. Và cũng như các con số chẵn khác, số 2 được xem là con số "may mắn", "cát tường": người phương Đông mỗi khi thực hiện một cộng việc hệ trọng thường chọn ngày chẵn và tránh chọn ngày lẻ.

Số 7 cũng là một điển hình và cách nhìn khác nhau giữa Đông và Tây. Trong tiềm thức của người Âu Mĩ, số 7 là con số may mắn, là biểu tượng của sự phồn vinh, ổn định. Ngay cả một số nhà du hành vũ trụ cũng thích sử dụng con số 7 như một tín hiệu của sự tốt lành; các con tàu vũ trụ thường được đặt tên cùng với số 7, như "Sigma – 7", "Avrora – 7", "Freit – 7"... Sự tôn sùng con số 7 có nguồn từ thời cổ đại: ở vavilon thời xa xưa người ta quan sát thấy trên bầu trời có 7 vì sao di động là Mặt trời, Mặt trăng, Hoả tinh, Thuỷ tinh, Mộc tinh, Kim tinh và Thổ tinh. Thời đó người ta tưởng là các tinh tú đó "quay chung quanh trái đất" và trên đó có những vị thần bảo vệ sự sống của con người ở trái đất. Con số 7 đó còn gắn liền với số ngày trong một tuần lễ, các nghi thức tôn giáo thời cổ đại và thời trung cổ...

Còn ở phương Đông, số 7 nói chung chẳng phải là con số tốt lành. Trong phép bói dịch, nếu 3 lần hào gặp phải số 7, thì có nghĩa là kết cục xấu. Y học phương Đông coi số 7 là giai đoạn cuối trong chu kì sinh học ở người phụ nữ. Sách Nội Kinh – bộ kinh điển của Đông y học viết: nữ tử phát dục qua 7 lần 7 thành 49 thì tinh suy huyết kiệt (thời trước phụ nữ 49 tuổi thường hết kinh). Ngay đến thánh Khổng Tử lúc tuổi già cũng đã qua đời đúng 7 ngày sau một cơn ác mộng. Những tập tục mai táng ở phương Đông cũng gắn liền với con số 7: người chết sau 7 ngày sẽ là "ngày kị", sau $7 \times 7 = 49$ ngày mới hết...

Những quan niệm thần bí về các con số thời cổ đại – qua những năm dài lịch sử đã bắt rễ rất sâu trong tiềm thức loài người. Cho đến tận ngày nay dư âm của quan niệm mê tín con số vẫn hiện diện ở khắp mọi nơi. Ví dụ, nếu như thời cổ đại con số 13 bị miệt thị là "con quạ của sự bất hạnh", là "tá của quỉ dữ" và trong Kinh Thánh con số 13 gắn liền với sự kiện chúa Giêsu bị đóng đinh trên thánh giá, và đó là ngày Ađam và Eva trộm ăn trái cấm... thì cho tới ngày nay, không ít người ở các nước Âu Mĩ vẫn cho rằng: 13 là con số gây ra tai hoạ.

**Con số và mệnh số**

Điều đặc biệt là, không ít người lại có "con số chiếu mệnh" riêng của mình. Đại văn hào Nga L. Tolstoi tin rằng, số phận của ông gắn liền với con số 28: Ông sinh ngày 28/8/1828. Cậu con trai Secgây chào đời vào ngày 28. Khi chọn tư liệu để viết tác phẩm nghệ thuật, ông đã chọn tập thơ 28 trang trong số các tác phẩm thi ca Pháp; đặt ngày sinh cho nhân vật Nekhliudov trong tiểu thuyết Phục sinh là ngày 28/4. Bản thân L. Tolstoi đã đi khỏi lasnaia Poliana ngày 28/10... Bismark (1815 – 1898) chính khách Đức nổi tiếng, rất sủng ái con số 3, coi nó như "ngôi sao chiếu mệnh". Phương châm hành động của ông là "sức mạnh

trong liên minh tay ba". Bismark đã phục vụ 3 đế chế dưới thời 3 ông vua khác nhau, đã tham gia 3 cuộc chiến tranh, đã kí 3 hiệp ước hoà bình, đã chiến đấu chống lại 3 đảng phái chính trị, có 3 người con... Còn đối với Napoleon III, "con số chiếu mệnh" của ông là 17. Danh sách những ví dụ tương tự còn có thể kéo thên rất dài, song cuối cùng cũng chỉ đưa chúng ta tới một kết luận: ngay cả những danh nhân văn hoá và các chính khách cũng không thể tránh khỏi sự tín ngưỡng đối với con số.

Từ sự sùng bái các con số, con người còn "phát hiện" những con số đặc biệt hơn, có khả năng chi phối vận mệnh của mỗi con người: đó là con số liên quan đến ngày sinh tháng đẻ. Chính ý tưởng này đã trở thành một mảnh đất màu mỡ, từ đó đã nảy sinh đủ các môn phương thuật: Chiêm tinh ở phương Tây; Tử vi, Bát tự Hà lạc, Mai hoa dịch số ở phương Đông... Cách tính "con số vận mệnh" hết sức đa dạng, có những cách tính rất phức tạp cầu kì như lập ra một lá số tử vi và cũng có cách tính rất đơn giản. Chẳng hạn, người Âu Mĩ có cách tính "con số vận mệnh" đơn giản như sau: Cộng liên tiếp các chữ số trong ngày sinh tháng đẻ, cho tới khi được một con số nằm trong khoảng từ 1 tới 10. Ví dụ, "công dân thứ 6 tỉ" của hành tinh sinh ngày 12/10/1999 sẽ có "con số vận mệnh" như sau: 1 + 2 + 1 + 0 + 1 + 9 + 9 + 9 = 32; 3 + 2 = 5. Tính cách và số mệnh của vị công dân này được phản ảnh bởi con số 5 – một "con số đẹp" theo quan niệm cả Đông và Tây.

Để khỏi lạc đề chúng ta không đi sâu vào chi tiết, song điều cần nói thêm là: Ta chớ nên tưởng lầm rằng, dựa vào ngày sinh tháng đẻ, mỗi đứa trẻ ngay từ khi mới sinh ra đã được tạo hoá ban cho một "hành trình cố định của cuộc đời". Nếu như vậy thì tất cả những ai có cùng ngày sinh sẽ đều là những người hoàn toàn giống nhau. Thực ra, mỗi con người, có thể, chỉ mang theo "một dấu ấn của Vũ trụ theo trục thời gian" một tấm "bản đồ" với những con đường mà người đó có thể lựa chọn. Công việc của người đoán số là dựa vào những thông tin ban đầu đó để tiến hành phân tích về tính cách, năng lực của thân chủ (khách hàng) và chỉ ra những cơ hội có thể lựa chọn. Song chất lượng công việc lại tuỳ thuộc rất nhiều vào kiến thức, kinh nghiệm và trực giác của người đoán số. Hơn nữa tất cả những phương pháp tiên đoán số mệnh từ xưa tới nay đều chưa đáng để ta tin cậy. Trên thực tế câu trả lời của người đoán số cũng có giá trị đích thực, ngoài việc an ủi về phương diện tinh thần hoặc là tạo ra cho thân chủ ít nhiều hi vọng. Tuy nhiên, nếu bạn là người có lí trí sáng suốt và chỉ tin tưởng vào bản thân mình thì "lời phán"của thầy số hoàn toàn vô hại. Bởi lẽ, thêm một lần suy ngẫm về bản thân và phân tích năng lực của mình, cũng chẳng phải là việc vô ích.

*Người phương Tây với con số 3 và 13*

Người phương Tây kiêng con số 3 bắt nguồn từ một cuộc chiến tranh.

Năm 1899, Anh và Hà Lan xảy ra chiến tranh giành thuộc địa ở Nam Phi. Vũ khí thời bấy giờ chủ yếu là súng trường. Các tay súng lúc đó rất oai vệ. Phát hiện mục tiêu là diệt ngay. Ban đêm lính tráng do vì hay hút thuốc nên để lộ mục tiêu. Người chết phần lớn là người châm thuốc thứ 3. Do đấy, họ nghiệm ra rằng: châm điếu thuốc thứ 3 cho bạn bè hoặc cho chính mình là điều không nên.

Dần dần hình thành phong độ "kị số 3" của người phương Tây.

Người phương Tây còn kiêng kị số 13 nữa. Ví dụ: Trong yến tiệc không để người thứ 13 ngồi cùng bàn.

– Không bày 13 món ăn trên cùng một mâm.

– Các biểu hiện hàm chứa số 13 đều loại bỏ như tầng 13 hoặc số buồng thứ 13.

– Người ta không làm gì ở ngày 13 trong tháng...

Trong con mắt người phương Tây kiêng kị số 13 bởi đó là một số không có hậu vận. Theo một truyền thuyết: Số 13 bắt nguồn từ bữa cơm tối cuối cùng giữa Giêsu và các đệ tử. Người ngồi thứ 13 bữa ấy chính là Jiuda. Chính hắn đã lấy trộm 30 đồng bạc và bán đứng Giêsu cho kẻ đương quyền Do Thái giáo và dẫn đường cho kẻ lạ đến bắt Giêsu. Giêsu bị đóng đinh cầu rút trên thánh giá chữ thập. Từ câu chuyện mang tính lịch sử trên, người phương Tây kị con số 13.

*Luật vòng số 7 kì lạ của con người*

Con người sống trong tự nhiên đều có những mối tương thông với nhau và với môi trường xung quanh, và có những hiện tượng kì thú được con người phát hiện. Đó chính là "luật vòng số 7", gần đây được các nhà khoa học phát hiện. Luật này giúp con người chọn được thời gian cho sức khoẻ tốt nhất, quyết định thời điểm uống thuốc, tiêm thuốc, phẫu thuật... Ví dụ, sự khôi phục hậu phẫu cũng hay ở con số 7 ngày, tức là bác sĩ ngoại khoa biết chắc thời điểm cắt chỉ phục hồi sức khoẻ vết mổ là 7 ngày. Trong việc cấy các bộ phận cơ thể, các bác sĩ cũng quan sát các hiện tượng bất thường luôn phát sinh sau khi phẫu thuật 7 ngày, 14 ngày, 21 ngày... Con số 7 cũng gắn liền với tuổi tác con người. Tính tuổi trẻ em là $7 \times 1 = 7$ tuổi, tuổi nhi đồng là $7 \times 2 = 14$ tuổi, tuổi thanh niên là $7 \times 4 = 28$ tuổi, tuổi trung niên là $7 \times 7 = 49$ tuổi, tuổi già là $7 \times 9 = 63$ tuổi, tuổi lai hi là $7 \times 10 = 70$ tuổi...

Hoạt động cuộc sống con người luôn luôn thay đổi, đại bộ phận đều lấy 7 năm làm một chu kì thể hiện yếu – khoẻ, cá biệt mới lấy chu kì 8. Sức khoẻ con

người cứ lấy 7 năm làm một bội số thể hiện giai đoạn tuổi tác và sức sống khoẻ – yếu của con người.

Đặc biệt người có tuổi thì gánh nặng tâm lí và sinh lí rất lớn, rất dễ bị xúc động, lồng ngực hẹp lại, thở dốc hơn, hay lo lắng... Nên tìm hiểu kĩ được luật vòng số 7 này sẽ có lợi cho việc phát hiện sớm và giữ được sức khoẻ, hoạt động tâm sinh lí, có thể thêm trường thọ.

## 7. Một số huyền thoại điển hình

### Một số huyền thoại điển hình

*Nostradamus:* Tên thật của ông là Michael de Nostradame (1503 – 1566). Ông được cho là tiên đoán được nhiều sự kiện tương lai, như cái chết của vua Pháp Henry, đại hoả hoạn London năm 1666, sự xuất hiện của Napoléon hay thậm chí của Hitler.

Toàn bộ dự báo của ông được tập hợp trong bộ *Những lời tiên tri*, trong đó, sáu tập được phát hành lúc ông còn sống, tập đầu tiên ấn hành vào năm 1555. Công trình hoàn chỉnh gồm các khổ thơ tứ tuyệt, được gọi là Các thế kỉ, vì cứ 100 khổ ghép lại thành một phần. Tổng cộng có 10 thế kỉ với 940 khổ thơ. Cần lưu ý là số khổ thơ tăng dần sau mỗi lần xuất bản, thậm chí sau khi Nostradamus đã mất.

*Kaspirovski*: Anatoli Kaspirovski gây ấn tượng mạnh từ những năm 1980 tại Liên Xô nhờ các sô truyền hình. Ông tuyên bố có thể chữa lành nhiều loại bệnh không chỉ cho khán giả xem ông qua tivi. Các buổi trình diễn đó thu hút hàng ngàn người hâm mộ và nhiều người tuyên bố khỏi bệnh chỉ nhờ xem tivi! Ông đắc cử vào Duma Nga năm 1993. Năm 1995, ông đưa ra cách chữa bệnh trĩ hết sức kì lạ: người bệnh chỉ cần áp bộ phận giải phẫu vào màn hình trong lúc ông đang trình diễn!

*Geller:* Sinh năm 1946 tại Israel. Yuri Geller trở thành ngôi sao ngoại cảm và tâm linh sáng chói nhất sau mấy buổi xuất hiện trên truyền hình năm 1974 nhờ khả năng "bẻ cong thìa bằng ý nghĩ". Khả năng đó ghê gớm đến mức, tại nhà khán giả theo dõi chương trình, thìa nĩa và vật dụng kim loại cũng cong!

Geller cũng tuyên bố, ông có khả năng thấu thị như đọc thư trong phong bì kín hay bịt mắt lái xe. Ngoài ra là dùng cảm xạ phát hiện vàng và dầu sâu trong lòng đất. Những người hâm mộ còn gán cho ông khả năng biến kim loại thành vàng, điều khiển đồ vật hiện ra rồi biến mất ở bất cứ nơi nào ông muốn.

*Trạng trình Nguyễn Bỉnh Khiêm:* Trạng trình được xem là người biết việc 500 năm trước và 500 năm sau, khi dự báo chính xác 81 năm Pháp thuộc và

sự kiện giải phóng Thủ đô cuối năm Ngọ (1954), đầu năm Mùi(1955) qua lời sấm: "Cửu cửu càn khôn dĩ định/ Thanh minh thời tiết hoa tàn/ Trực đáo dương đầu mã vĩ/ Hồ binh bát vạn nhập Tràng An" (Luật trời đất đã định: 9 lần 9 là 81, vào tiết minh đầu năm Mùi cuối năm Ngọ, quân Cụ Hồ tám vạn sẽ vào Thủ đô). Ông cũng được ca ngợi khi khuyên Nguyễn Hoàng vào Nam lập nghiệp: "Hoành Sơn nhất đái – Vạn đại dung thân".

**Giải đáp huyền thoại**

*Nostradamus*: để tìm hiểu sự thật, nên biết Nostradamus chỉ viết 353 khổ thơ, còn người đời sau viết thêm 587 khổ thơ khác. Vì thế phần lớn lời tiên tri không phải của Nostradamus. Viết thêm khi sự kiện "cần tiên tri" đã xảy ra thì làm gì mà không chính xác!

Nổi bật nhất là hai khổ thơ tiên đoán về Hitler. Tên của trùm phát xít luận từ "Hister", còn "người Đức" thì luận từ "Gesmain"; trong khi giới nghiên cứu chỉ ra rằng, chúng mang nghĩa hoàn toàn khác dưới thời Nostradamus. Cụ thể hơn, Hister có nghĩa là hạ lưu sông Danube; còn Gesmain là một từ Pháp cổ, có nghĩa "người anh em".

*Kaspirovski:* Mặc cho những tuyên bố ồn ào về trường năng lượng sinh học diệu kì, khả năng của Kaspirovski chủ yếu dựa trên ám thị, tự kỉ ám thị hay thôi miên tập thể. Tất cả đều dựa trên khả năng tự chữa bệnh của cơ thể qua hiệu ứng Mẹ Teresa hay tác dụng placebo. Nói cách khác, chính niềm tin của người bệnh đóng vai trò quyết định. Đó là lí do người nghi ngờ không bao giờ thấy bệnh giảm. Cần lưu ý rằng, các buổi chữa bệnh đó đã bị cấm, vì như một trị liệu bất kì, nó có chỉ định và phản chỉ định rất cụ thể, chứ không thể dùng đại trà như thế được.

*Geller:* Một cách ngắn gọn, Geller bẻ cong thìa hoàn toàn nhờ ảo thuật. Nhà nghiên cứu tâm linh kiêm ảo thuật gia người Mĩ Tames Randi đã bóc trần sự thật khi thực hiện được tất cả các tiết mục của nhà "siêu tâm linh" lừng danh này. Đó là lí do Geller nhiều lần khiếu kiện, khiến một uỷ ban bảo vệ Randi đã được thành lập để quyên góp tiền giúp ông hầu kiện.

*Trạng trình:* Xem trạng trình Nguyễn Bỉnh Khiêm có khả năng thấy trước sự kiện Bác Hồ giải phóng Thủ đô những 500 năm sau là thiếu cơ sở, vì thời ông, "Hồ binh" mang nghĩa hoàn toàn khác. Lời khuyên Nguyễn Hoàng thì mang sắc thái của nhà chiến lược nắm vững các khía cạnh địa lí, chính trị, xã hội... hơn là nhà tiên tri.

**Tại sao huyền thoại?**

Đơn giản là chúng ta muốn tin, vì niềm tin vào sự huyền bí là nhu cầu bản năng của con người. Người nguyên thuỷ xưa nhìn đâu cũng thấy thánh thần và

ma quỷ. Trải hàng triệu năm tiến hoá, cái nhìn đó đã lặn sâu vào vô thức, vào bản chất con người. Nói cách khác, chúng ta tiến hoá để tin các hiện tượng siêu nhiên là có thật.

Năm 1981, hai nhà tâm lí Singer và Benassi tổ chức cho một nhà ảo thuật thực hiện buổi biểu diễn trước các sinh viên tâm lí đại cương. Sau buổi biểu diễn, hơn 2/3 số sinh viên xem đó là ngoại cảm. Và thật khó tin, trong số những sinh viên biết trước đó chỉ là ảo thuật, vẫn có hơn một nửa cho rằng đó chính là bằng chứng của khả năng tâm linh huyền diệu! Điều đó cho thấy, niềm tin vào sự huyền bí đôi khi cũng là nhu cầu của con người.

## 8. Bí mật phép rút đất và trâu, ngựa gỗ của Khổng Minh

Trong tác phẩm *Tam quốc diễn nghĩa*, Khổng Minh đã để lại cho nhân loại nhiều câu đố bí ẩn về khoa học như trâu, ngựa gỗ, phép rút đất... Nếu giải được chúng, khoa học hiện đại sẽ có những bước nhảy vọt ngoài sức tưởng tượng. Tuy nhiên, theo cách nhìn quân sự hiện đại, nhiều khi những "bí kíp" ấy chỉ giống như truyện cổ tích Rùa chạy thi với Thỏ của người Việt.

### Phép "rút đất" dưới cái nhìn khoa học

Trong khoa học kĩ thuật, tạo ra được một chuyển động vĩnh cửu là một công việc dường như không thể. Để một vật chuyển động, nó bắt buộc phải chịu một lực tác động từ bên ngoài. Chính vậy mà vào đầu thế kỉ XX, khi bộ tiểu thuyết lịch sử *Tam quốc diễn nghĩa* được dịch ra tiếng Anh, nó đã tạo ra một chấn động trong làng khoa học thế giới. Các nhà khoa học đọc đi đọc lại những sáng chế của Khổng Minh nhưng không thể hiểu nổi. Nhiều người nghi ngờ bản dịch nên đã cố công học tiếng Hán để nghiên cứu nguyên tắc nhưng vẫn không tìm thấy các bí mật ở trong đó. Những người nản chí thì cho đó là những tưởng tượng của nhà văn. Nhưng có khá nhiều người vẫn còn tin vào khả năng thần kì của nền kĩ thuật Trung Quốc và tin vào nhận định: Tác phẩm Tam quốc diễn nghĩa là một tác phẩm lịch sử có tới bảy phần thực.

Khổng Minh là một nhân vật mưu lược, quyền biến, trung thành và đặc biệt có những khả năng được người dân Trung Quốc tôn sùng như một vị thánh. Trong những trận đánh liên miên từ khi Lưu Bị còn chưa có đất dụng võ cho tới khi thiên hạ (nước Trung Hoa xưa) chia thế chân vạc, Khổng Minh đã thể hiện bản lĩnh của một vị quân sự, một vị tướng hiểu thời, hiểu thế và do vậy, hầu như ông không có đối thủ thực sự trên chiến trường. Cho đến gần cuối đời, Khổng Minh mới gặp một địch thủ thực sự cho dù người này luôn nhận mình kém cỏi so với ông. Đó chính là Tư Mã Ý, người đã đặt nền tảng thống nhất

đất nước Trung Hoa cho con trai mình. Trong cuộc đấu sức, đấu trí với Tư Mã Ý, Khổng Minh đã để lại cho hậu thế hai "bí kíp" lớn nhất về sự sáng chế khoa học. Đó là phép "rút đất" và những con trâu, ngựa gỗ có thể tự động vận chuyển lương thực. Ngày nay, các nhà nghiên cứu đã chứng minh được nền khoa học kĩ thuật phát triển rất cao của người Trung Hoa cổ. Vậy nếu như khôi phục được hai "bí kíp" kia thì đó là một điều thần kì đối với cuộc sống nhân loại.

Trong một trận chiến, để dụ tướng giặc, Khổng Minh ngồi trên xe nhỏ bốn bánh được quân lính đẩy ra giữa trận. Tướng giặc thấy vậy, cáu tiết đuổi theo bắt cho kì được. Khổng Minh truyền quay xe và chạy. Ba phía khác lần lượt xuất hiện một cái xe y như thế với Khổng Minh khăn áo là lượt. (Đó chính là ba viên tướng đóng thế Khổng Minh). Tướng giặc liền nhằm một cỗ xe và đuổi riết. Chiếc xe do người đẩy chỉ chạy chầm chậm nhưng quân giặc với đàn ngựa chiến không sao đuổi được. Càng đuổi, chiếc xe càng chập chờn trước mắt. Đuổi nhanh, xe chạy nhanh, đuổi chậm xe chạy chậm lại. Và tất nhiên, tướng giặc không thể bắt nổi chiếc xe đó. Xét về tốc độ thì một chiếc xe bốn bánh do người đẩy không thể chạy nhanh bằng nước phi của một con ngựa chiến được. Hiển nhiên trong chuyện này phải có một yếu tố "Kĩ thuật" nào đó. Các nhà khoa học nghiên cứu một hồi cũng không thể đưa ra một giả định hay hơn các nhà nghiên cứu quân sự được. Họ cho rằng, cuộc chiến giữa hai bên diễn ra ở vùng núi Kì Sơn rất hiểm trở và rừng rậm um tùm. Khổng Minh lại là một người ưa dùng nghi binh và dùng "tà pháp" đánh vào tâm lí của đối phương nên phép "rút đất" được lí giải như sau: Chiếc xe bốn bánh dùng sức người đẩy chắc chắn không thể sánh với tốc độ của ngựa chiến được nhưng ngựa chiến vẫn không đuổi kịp là vì hai điều: Thứ nhất, chiếc xe không có thực trên cùng một đường chạy; thứ hai, có nhiều chiếc xe giống nhau tham gia vào phép "rút đất" này. Mặc dù người Trung Hoa đã sử dụng gương hay những mặt đồng tạo hình ảnh từ rất sớm nhưng nếu cho rằng Khổng Minh đã dùng gương tạo ra một ảo ảnh trên đường chạy là một điều hoang đường. Bởi vì, nếu Khổng Minh có thể sử dụng kĩ thuật phản chiếu qua gương như vậy thì ông cần gì phải bố trí ba tướng khác đóng giả y hệt mình ở ba góc trận? Loại trừ khả năng này, chúng ta đến với khả năng thứ hai. Khổng Minh là một người đặc biệt nhạy cảm về địa thế chiến trường. Với ông, nếu tận dụng được địa thế thì một dòng suối cũng nhấn chìm được cả đoàn quân. Chúng ta thử hình dung trận địa diễn ra ở những sườn núi, sườn đồi mấp mô. Do đó, tầm mắt của đối phương bị che lấp liên tục. Khổng Minh đã dùng các tướng đóng giả mình và phục sẵn ở lưng chừng các mỏm núi có rừng bao phủ. Câu chuyện diễn ra tựa như chuyện cổ tích lũ rùa tinh khôn chạy thi với thỏ.

Khi tướng giặc chạy lên điểm cao thì nhìn thấy chiếc xe, nhưng khi chạy xuống lòng chảo (dù rất nhỏ) viên tướng đó cũng sẽ mất tầm nhìn trong một thời gian. Đoạn thời gian này đủ để chiếc xe ấy lẩn vào rừng cây và chuyển vào một vị trí định sẵn. Khi tầm nhìn của tướng giặc mở ra, viên tướng đó sẽ lại thấy một chiếc xe khác hệt như thế xuất hiện. Do đã nắm chắc địa thế và lại là người chủ động khiêu khích giặc nên Khổng Minh đủ sức bố trí phép "rút đất" như vậy. Ở đây có một câu hỏi lớn đặt ra là ông đùa giỡn với tướng giặc thế làm gì khi ông có thể tóm gọn kẻ thù trong lúc viên tướng đó sa vào thế trận của ông. Chúng ta nên nhớ rằng, Khổng Minh chỉ có chưa đến mười vạn quân so với vài chục vạn quân Nguỵ. Hơn nữa, trước khi ra Kì Sơn đánh Nguỵ, Khổng Minh phải để lại một số lượng lớn quân để giữ nước. Lực lượng của Khổng Minh chỉ bằng một phần nhỏ của quân địch. Chính vì vậy nên Khổng Minh đã dùng cách này để "hù doạ" quân địch. Có lẽ sự thật về phép "rút đất" từng làm bao nhiêu nhà quân sự, nhà khoa học và độc giả phải đau đầu nằm trong câu chuyện cổ tích của người Việt: Rùa chạy thi với Thỏ.

**Bí mật cấu tạo của trâu, ngựa gỗ**

Trong chiến tranh, lương thực tiếp tế cho các đoàn quân là điều kiện sống còn. Do địa hình vùng núi Kì Sơn rất phức tạp, dốc đá hiểm trở nên việc vận chuyển lương thực vô cùng khó khăn. Tư Mã Ý có lí khi cho rằng chỉ cần không ra đánh, cứ cố thủ quân của Khổng Minh hết lương thực tất phải tự vỡ. Quả nhiên quân Thục gặp những rắc rối về việc vận chuyển lương thực. Do địa hình quá hiểm trở nên những con ngựa kéo xe rất nặng nề và thường xuyên chết cả đàn vì chướng khí. Khổng Minh gọi thợ lấy gỗ và vẽ mẫu để làm trâu, ngựa gỗ. Và thật lạ lùng, những con trâu, ngựa gỗ ấy kéo xe lương thực như không trên những sườn núi cao. Nếu con người hiện đại biết được cách chế tạo trâu, ngựa gỗ thì chúng ta sẽ tiết kiệm được bao nhiêu năng lượng. Tuy nhiên nhiều người cho rằng Khổng Minh đã phù phép để cho các con vật bằng gỗ ấy cử động được. Có một "chứng cứ khoa học" rằng khi Tư Mã Ý thấy vậy liền cho quân bắt lấy một con mang về tháo rời ra: Tư Mã Ý cũng là một nhà kĩ thuật đại tài nên ông bắt chước y như đúc các kích thước của con trâu, ngựa gỗ và tạo ra được cả một bầy dùng để kéo xe. Như vậy cấu tạo đặc biệt của trâu, ngựa gỗ đã tạo ra hành động của chúng. Nhưng chúng ta đều biết những con trâu, ngựa gỗ đó không thể tự tạo ra một bộ máy chuyển động vĩnh cửu để hoạt động được. Yếu tố ngoại lực chắc chắn phải xuất hiện, nhưng nếu đẩy nó như đẩy xe thì tội gì phải chế tạo trâu, ngựa gỗ cho thêm rắc rối. Trâu ngựa gỗ giúp cho quân lính chuyên chở

lương thực rất nhẹ nhàng, do đó nó ưu việt hơn nhiều là phải đẩy một cái xe. Các nhà nghiên cứu quân sự trở lại với địa thế hiểm trở của những ngọn núi Kì Sơn. Để vận chuyển lương thực, những đoàn xe đó tất nhiên phải đi men theo các sườn núi đá. Những con đường mấp mô, gập ghềnh khi lên cao khi xuống thấp. Đây chính là địa thế dành cho trâu, ngựa gỗ. Trong khớp nối ở mỗi ống chân gỗ, người thợ sẽ tiện một đĩa gỗ tròn sao cho cơ thể con trâu có thể trượt về đằng trước hay trượt về đằng sau một khoảng bằng bán kính của đĩa gỗ. Như vậy nếu đứng trên một mặt phẳng thì con trâu hoặc là chúi về phía trước hoặc là trượt về phía sau chứ không thể đứng thẳng được. Tất cả các khớp nối của bốn chân con trâu, con ngựa đều tuân thủ nguyên tắc này. Khi mang các bao lương thực trên lưng, sức nặng ấy sẽ tạo ra một lực đẩy rất mạnh hoặc về phía trước hoặc về phía sau. Trên địa hình mấp mô, gập ghềnh, sau khi trọng lượng lương thực "dúi" phần lưng nó về phía trước, theo con trượt, lưng nó sẽ lại trở lại phía sau theo đà lắc. Nhưng nếu như thế thì chúng vẫn chưa thể đi được, nhất là khi đà dốc chỉ đủ "dúi" nó tới gần đỉnh cao nhất của dốc đá lồi lõm trên đường. Mặc dù vẫn cần một ngoại lực nào đó. Điều này một lần nữa được hé mở qua bộ phận lưỡi của chúng. Khi Tư Mã Ý dùng trâu, ngựa gỗ chuyển lương thực, Khổng Minh đã cho quân của mình bôi mặt giả làm quỷ để dọa quân Ngụy. Để cướp lương thực, quân Thục chỉ cần tháo lưỡi của trâu, ngựa gỗ là chúng không đi được. Như vậy ngoại lực sẽ truyền qua lưỡi và tác động lên các trục tròn qua những thanh sắt "chuyển lực". Bộ khung sắt này nằm kín trong bụng trâu, ngựa gỗ và nó được kéo quay tròn như thể một cái guồng nước. Nó có bốn thanh chính. Khi thanh thứ nhất và thanh thứ hai quay làm cho chân trước và chân sau phía bên kia của con trâu "trượt" về phía trước thì hai thanh còn lại "gạt" hai chân còn lại về phía sau, tạo ra một chuyển động nhịp nhàng. Đặc biệt chuyển động này tận dụng tối đa sự "xuống dốc, lên dốc" của mặt đường gập ghềnh. Như vậy, các khoa học hiện đại kết luận, chắc chắn sợi dây "dắt" trâu, ngựa gỗ sẽ được buộc vào lưng của chúng. Một hoặc hai người lính sẽ "dắt" trâu bằng cách kéo nhẹ vào dây khi đà lăn gần hết, để tiếp tục tạo cho chúng một đà lăn mới.

Trên lí thuyết, các nhà phân tích "giải mã" được cấu tạo của những con trâu, ngựa gỗ. Tuy nhiên, chưa có ai làm thực nghiệm. Điều này có thể vì nhiều lí nhưng lí do lớn nhất là, những con trâu, ngựa gỗ (như trên) nếu có thể chế tạo được thì cũng không mang lại ích lợi cho con người bởi vì hệ thống giao thông hiện nay đã quá hiện đại và rất khó có thể tìm thấy những con đường lồi lõm dù ở cả những miền núi cao.

## IV. NHỮNG ĐIỀU BÍ ẨN CÒN CHƯA LÍ GIẢI

### 1. Bí ẩn của thần giao cách cảm

**Những trường hợp điển hình**

Trong một thí nghiệm kinh điển, nhà nghiên cứu B.D.W. Morley, Viện Victoria, Mĩ, cho kiến vào các bình khác nhau, sao cho chúng không thể liên lạc bằng âm thanh, thị giác, mùi hay rung động (kiểu liên lạc thường thấy ở kiến). Tuy nhiên, dường như chúng vẫn có thể truyền thông tin cho nhau qua "giác quan thứ chín" – theo lời Morley.

Chú khỉ thứ một trăm là câu chuyện rất thú vị về khả năng truyền ý nghĩ. Theo các nhà ngoại cảm học, một chú khỉ trên đảo Koshima, Nhật Bản, biết rửa sạch khoai tây bằng nước biển trước khi ăn và dạy khỉ trong đàn cách giữ vệ sinh như vậy. Ngay lập tức rất nhiều khỉ biết rửa khoai tây, và kiến thức lan truyền tức thời tới khỉ trên các đảo khác.

Những năm 80, nhà khoa học Rupert Sheldrake cùng nhà thơ Nhật Shuntaro Tanikawa thiết kế một thí nghiệm đặc biệt. Tanikawa đưa Sheldrake ba đoạn thơ giống nhau về cấu trúc, vần điệu và độ dài. Một trong số đó là bài thơ dành riêng cho tuổi nhỏ, đã được nhiều thế hệ trẻ em Nhật Bản yêu thích, một là bài thơ mới được sáng tác để làm thí nghiệm, còn lại là đoạn thơ vô nghĩa trong tiếng Nhật. Người tình nguyện không biết tiếng Nhật tại Anh và Mĩ được bố trí cố gắng học ba đoạn thơ trên. Nửa tiếng sau, 62% số người đọc lại được bài dành cho tuổi nhỏ một cách dễ dàng và đầy đủ hơn hai bài sau. Đó là tỉ lệ cao, gần gấp đôi xác suất ngẫu nhiên 33%.

Huyền thoại về thần giao cách cảm còn được lan truyền qua nhiều trường hợp kì lạ khác. Chẳng hạn các nhà khoa học thấy rằng, ở nhiều loại cây, khi lá cây bị sâu cắn, thì qua một cơ chế bí ẩn nào đó, cây tiết ra nhiều chất gây đắng, khiến sâu giảm hẳn cái thú ăn lá cây!

Và có lẽ ấn tượng nhất là thí nghiệm thử khả năng "cảm xúc" của thực vật. Một người được bố trí đập phá một cái cây trước một cái cây khác. Đo đạc cho thấy, khi chứng kiến cảnh tàn sát, hoạt động điện của "nhân chứng" thay đổi dữ dội. Sau đó, người ta bố trí cho một hàng người lần lượt đi qua cái cây này. Đúng như mong đợi, khi "kẻ tàn sát" xuất hiện, hoạt tính điện của cây lại thay đổi dữ dội: cây đã nhận dạng được "kẻ sát nhân"! Nhiều thí nghiệm tương tự đã được tiến hành để đưa tới kết luận, dường như thực vật cũng có cảm xúc và tình cảm.

Bản thân người viết bài này từng được một trí thức đáng kính kể lại rằng, khi đang theo học tại Nga, một bữa kia đột nhiên ông thấy bất an và dường như

nghe thấy lời kêu từ xa vọng lại, báo tin cha ông vừa mất. Mấy năm sau về nước, mẹ ông kể rằng, khi cha ông mất, bà chạy ra sân ngửa mặt lên trời kêu: "Con ơi, bố con chết rồi!". Ông nhớ lại thì đó đúng là lúc ông thấy bất an nơi phương trời.

Ta có thể kể thêm rất nhiều những trường hợp tương tự. Đó là điều dễ hiểu, vì thăm dò của Viện Gallup năm 1978 cho thấy, hơn một nửa dân Mĩ tin ngoại cảm là sự thật. Riêng trong số các giảng viên đại học, 75% số người trong các lĩnh vực giáo dục, nhân văn và nghệ thuật tỏ ra tin ngoại cảm. Tuy ít hơn thế, nhưng số giảng viên khoa học tự nhiên cũng tin không kém gì người dân bình thường. Hơn 20 năm sau, tỉ lệ trên không hề thay đổi. Các nhà tâm lí và xã hội học cho rằng, niềm tin vào sự huyền bí là nhu cầu của con người là có cơ sở lí luận và thực tiễn.

## 2. Một số lí giải thường gặp

Nhiều lí thuyết đã được đề xuất để giải thích các hiện tượng kể trên, chẳng hạn trường sinh học, năng lượng hay thông tin sinh học – một loại trường vật chất hoàn toàn khác các trường vật lí đã biết (chẳng hạn như hấp dẫn hay điện từ). Nhược điểm lớn nhất của những giả thuyết kiểu này là thiếu cơ sở khoa học. Bản chất các trường đó là gì, cường độ ra sao, cơ chế tác động lên các sinh hệ như thế nào, là những vấn đề không hề được giải đáp.

Lí thuyết ý thức tập thể của nhà tâm lí Carl Gustav Jung cũng thường được diễn giải thiên lệch như một cơ chế để truyền ý nghĩ. Theo cách lí giải này thì, mọi bộ não đều liên kết với nhau qua "ý thức cộng đồng", nếu không thì vì sao ngay từ tấm bé, tất cả chúng ta đều sợ rắn?

### Lí giải của khoa học

Cách lí giải ở đây dựa trên quan niệm mới về bản chất vật lí của sự sống, xem mọi quá trình sống là quá trình vật lí, chủ yếu là điện từ. Quan niệm này không mâu thuẫn với quan niệm kinh điển về bản chất hóa học của sự sống, vì hóa học và vật lí là hai mặt của một vấn đề.

Khi chúng ta suy nghĩ, với bản chất điện hoá, các xung động thần kinh có thể phát sóng điện từ xung quanh não, theo đúng định luật cảm ứng điện từ. Chẩn đoán bằng phép đo từ trường của não (từ não đồ) dựa trên thực tế. Hiện nay các hệ sinh học được xem là nguồn phát nhiều loại sóng điện từ, với dải tần trải dài từ vùng quang học tần số cực cao tới vùng tần số cực thấp (nhỏ hơn 1.000Hz). Các tín hiệu điện sinh học đó có nhiều đặc trưng thú vị, mà quan trọng nhất là tính nhỏ yếu về cường độ và tính kết hợp.

Chẳng hạn khả năng phát tín hiệu tại vùng quang học của cơ thể chỉ là 10 – 1.000 photon/giây/$cm^2$. Đó là một cường độ hết sức nhỏ yếu (bóng đèn điện 100W phát một trăm tỉ tỉ photon trong một giây). Đó là lí do chỉ đo được chúng trong khoảng 30 năm qua nhờ các đầu đo đơn photon độ nhạy rất cao (10 – 18w/$cm^2$). Còn kết hợp là một đặc tính vật lí cho phép các sinh hệ có thể trao đổi các tín hiệu rất yếu ớt với nhau trên cái nền can nhiễu rất mạnh (sóng phát thanh, truyền hình, ô nhiễm điện từ).

Thú vị là nhờ một số hiện tượng cộng hưởng (như cộng hưởng Schumann), các tín hiệu kết hợp sinh học đó có thể dễ dàng tách khỏi nhiễu và lan truyền vòng quanh Trái Đất qua ống dẫn sóng giữa tầng điện li và mặt đất, tương tự sóng phát thanh. Thực nghiệm đã đo được các sóng 37,5 và 10m, gần dải đài phát thanh hay dùng. Về nguyên lí, một sinh hệ khác có thể bắt được sóng này ở khoảng cách xa tùy ý. Và để đọc được những tín hiệu nhỏ yếu đó, cơ thể có thể dùng một hiệu ứng lượng tử đặc biệt là ngưng tụ Bose – Einstein (BEC). Đó là sự thống nhất hóa hành vi của các phân tử trong một hệ, giống đội quân đi đều, qua đội quân này có thể phát hiện bất cứ một sai lệch động tác nào, BEC cho phép cơ thể nhận ra những tác động nhỏ nhất của môi trường. Nhờ BEC, một người nặng 70kg có thể đo điện trường 10 – 6 V/m, từ trường 10 – 13 Tesla, ngưỡng năng lượng 10 – 17w/$cm^2$. Muốn ngăn con người khỏi ảnh hưởng của từ trường Trái Đất, cần dùng tấm nhôm dày 15cm! Trong nhiều thí nghiệm người ta dùng buồng cách từ không đủ dày, dẫn tới nhận định không chính xác là ngoại cảm không liên quan tới điện từ trường. Khi đứng xuôi tay, cơ thể người là một lưỡng cực điện phát tín hiệu 30MHz (10m), công suất 1W. Nhờ BEC, một cơ thể nhạy cảm (nhà ngoại cảm) cách nửa vòng Trái Đất có thể nhận tín hiệu này. Chính độ nhạy cảm dị thường đó buộc một số nhà khoa học phải nêu giả thuyết phi lí là "trường sinh học" không hay ít suy giảm theo khoảng cách.

Xin được trở lại với những trường hợp đã nêu ở trên. Trong thí nghiệm Morley, nếu quả thật kiến vẫn liên lạc được với nhau nhiều khả năng là nhờ các kênh điện từ. Chú khỉ thứ một trăm thì đơn giản chỉ là huyền thoại. Thí nghiệm về ba bài thơ Nhật có lẽ không thuộc lĩnh vực ngoại cảm: chúng ta vốn tiến hoá để thích nghe lời mẹ ru hơn tiếng sư tử gầm, nên nếu bài thơ dành cho trẻ em (thường mượt mà em dịu) dễ được nhớ hơn thì cũng không lạ.

Khi bị sâu ăn lá, cây liền phát sóng điện từ (chính hành động ăn lá làm biến đổi cấu trúc sinh học, dẫn tới việc phát tín hiệu điện từ qua các cơ chế vật lí đã biết) giúp các lá khác tiết ra hoá chất ngăn chặn. Đó là điều thật kì diệu, và điều kì diệu này được chọn lọc tự nhiên sắp xếp. Trong thí nghiệm phá cây, khả năng

phát tín hiệu tăng đến hàng ngàn lần. Đó là sự "lóe sáng" cuối cùng trước khi vụt tắt. Do cộng hưởng mà hoạt tính điện của cây bên cạnh cũng biến đổi theo một cách mạnh mẽ. Việc "nhận dạng" người phá cây cũng được giải thích như vậy. Đó chỉ là những hoạt tính thuần tuý vật lí, chứ thực vật thì không có cảm xúc hay tình cảm như nhiều người lầm tưởng khi thuật lại thí nghiệm này.

**Thần giao cảm có thật hay không?**

Câu trả lời là chúng ta chưa biết. Khả năng động thực vật liên lạc qua nhiều kênh thông tin khác nhau thì đã rõ; vấn đề chưa rõ là chúng ta có khả năng đọc ý nghĩ người khác hay không. Cho đến rất gần đây, qua thí nghiệm Ganzfeld, là thí nghiệm được thiết kế đặc biệt để loại trừ can nhiễu và sự rò rỉ thông tin qua các kênh cảm giác (xem ANTGCT số 12), vẫn chưa đủ bằng chứng để nói thần giao cách cảm là sự thật hay chỉ là huyền thoại.

Vì thế tốt nhất thần giao cách cảm nên có thật để cuộc đời thêm phần huyền diệu, nhưng khả năng cần đủ mơ hồ để không ai có thể biết chính xác người khác đang nghĩ gì về mình. Nếu không thì chẳng ai có thể sống yên lành cho được.

## 3. Sự kì bí của phép thôi miên

Thôi miên, hai chữ đó đã tạo nên biết bao những việc làm, những hoạt động kì lạ. Nhưng cũng hai chữ này đã làm bùng lên những cuộc tranh luận không kém phần gay cấn.

Mới đây, Đài Truyền hình TV5 (Đài Truyền hình Pháp) đã phát một chương trình thôi miên để chữa bệnh. Nhà thôi miên nổi tiếng Leonard Hayfick đã chữa khỏi cho một số bệnh nhân bị bệnh tiêu hoá và thần kinh. Phương pháp thôi miên của các trường phái có những điểm tương đồng cơ bản dù về chi tiết nó cũng có những dị biệt. F. Braid là một nhà thôi miên đầu tiên đã thực hiện việc chữa bệnh bằng phương pháp thôi miên. Ông nghiên cứu, thực nghiệm và xác lập phương pháp của mình. Theo phương pháp của F. Braid, cũng như một số nhà thôi miên khác, thì đầu tiên cất lời: "Anh (chị) cảm thấy muốn ngủ, anh thấy mi mắt nặng chĩu, người anh thấy đê mê...". Những ám thị đa dạng như vậy được lặp đi lặp lại nhiều lần bằng một giọng êm dịu sẽ đưa bệnh nhân vào giấc ngủ thôi miên.

Pháp lần đầu tiên ra mắt trung tâm y học tâm thể ở Viện nghiên cứu tâm thần Le Caraibe. Dần dần biện pháp thôi miên được nghiên cứu, áp dụng ở nhiều nước. Ở Hoa Kì, Hội Thôi miên được thành lập, sau đó đã trở thành Hội thôi miên quốc tế, có chi hội ở nhiều nước, phần lớn ở các nước châu Âu như Anh, Thuỵ Điển, Nga, Ba Lan... Qua việc nghiên cứu, áp dụng, người ta có nhiều chứng minh, thôi miên có thể điều trị các loại bệnh loạn tâm thần.

Ahmed 30 tuổi – người Li Bi bị liệt nửa người bên trái, sau khi điều trị ở Li Bi không khỏi, được chuyển đến Ý, Thuỵ Điển, Pháp, Mĩ. Các nhà thôi miên vừa đưa anh vào giấc ngủ sâu vừa ám thị anh cử động chân tay. Sáu ngày sau Ahmed đã cử động được bàn chân. Sau 15 ngày điều trị, anh có thể đi lại, tay chống gậy. Một thời gian ngắn Ahmed đã trở về Li Bi bằng đôi chân của mình chứ không phải bằng đôi cáng.

Bà Vaxiepha, 45 tuổi người Nga, bị mù sau khi gặp tai nạn ô tô. Qua thí nghiệm, bà tỏ ra nhạy cảm với thôi miên. Bà dần nhìn thấy những người xung quanh.

Loại bệnh lớn thứ hai được thôi miên điều trị là đa khoa liệu pháp thôi miên. Qua các nghiên cứu người ta thấy rằng: có thể chữa được loạn thần kinh tim, tăng huyết áp. Với hệ dạ dày, một thôi miên có thể làm thuyên giảm các ổ loét dạ dày, ruột, co thắt thực quản, táo bón, đi ngoài lỏng, viêm trực tràng chảy máu. Thôi miên còn điều trị một số bệnh thuộc hệ tiết niệu, sinh dục, da liễu, răng miệng.

Ta còn thấy tác dụng của thôi miên đối với sản khoa. Phương pháp đẻ không đau hay phương pháp tâm lí dự phòng được áp dụng ở nhiều nước như Nga, Pháp. Đáng chú ý là trên trận địa cai chống nghiện, thôi miên có tác dụng cai nghiện thuốc lá, rượu. Đối với các loại ma tuý như thuốc phiện, hêrôin, cai nghiện bằng liệu pháp tâm lí còn nhiều khó khăn.

Một thông tin mới khiến người ta thấy tác dụng rộng rãi của thôi miên, đó là phương pháp điều tra hình sự nhờ thôi miên. Thường trong các vụ án người làm chứng ít nói ra sự thật vì nhiều lí do, trong đó có vấn đề sợ bị trả thù. Còn đối với tội phạm thì phải đưa y vào một trạng thái khác với con người y lúc bình thường thì mới bắt được y nói ra sự thật. Người bị thôi miên thường nói theo bản năng tự nhiên, ý chí nằm ngoài tầm kiểm soát của bản thân. Trong trạng thái bị thôi miên, tự đối tượng nói ra những điều mắt thấy tai nghe hoặc đã làm mà không ý thức được mình đang làm gì. Phương pháp thôi miên còn được dùng để điều tra một số vụ án giết người, như vụ án sau:

Xác một người địa phương được tìm thấy sau nửa năm mất tích đã thối rữa khó tìm ra dấu vết. Một số nhân chứng cho biết họ nhìn thấy nạn nhân bị một đám thanh niên hành hung nhưng không nhớ nổi nguyên nhân và các chi tiết liên quan đến vụ việc. Các nhà điều tra đã dùng phương pháp thôi miên và các nhân chứng đã nhớ ra một số chi tiết quan trọng là tên của một đối tượng tham gia trong nhóm. Từ đây cơ quan điều tra đã tìm ra thủ phạm.

Theo đánh giá, độ chuẩn xác của phương pháp thôi miên là 70 – 80%. Thôi miên dẫn ta đến những thế giới kì lạ nhưng chính họ lại rất bí ẩn.

## 4. Số học và con người

**Những phép tính đặt ra cho bạn**

1. Tính trung bình cho em bé mới sinh cao 50cm, người lớn trung bình cao 1m70. Vậy con người đã cao thêm bao nhiêu cm?

2. Lúc mới sinh cơ thể em bé có 270 cái xương. Lúc trưởng thành, còn 206 cái xương. Vậy người lớn kém em bé mới sinh bao nhiêu cái xương?

3. Em bé 2 tuổi có 20 răng, người trưởng thành có 32 răng. Vậy đã tăng bao nhiêu răng?

4. Mỗi vòng tuần hoàn của sự lưu thông máu trong cơ thể mất 32 giây. Mỗi ngày đêm máu tuần hoàn bao nhiêu vòng?

5. 70% trọng lượng cơ thể của con người là nước. Nếu trọng lượng của mình là 50kg, bạn thử tính trong người bạn chứa bao nhiêu nước?

6. Mỗi ngày đêm, một người lớn cần 3 lít nước. Vậy người đó dùng hết 1.095 lít nước trong bao lâu?

7. Cột sống của mỗi người có 5 phần: cổ 7 đốt, ngực 12, lưng 5, xương cùng 5, xương cụt 4. Vậy cả cột sống có bao nhiêu đốt xương?

8. Mỗi viên gạch chịu được một lực là 80kg, xương cẳng chân người chịu được một lực lớn hơn thế 30 lần. Thử tính xem xương cẳng chân người chịu được lực là bao nhiêu?

9. Tóc người mỗi tháng dài thêm 12mm, lông chân 3mm. Sau 3 năm, hai con số trên sẽ là bao nhiêu nếu chiều dài của tóc là 3cm và của lông chân là 1cm?

10. Người lớn có 32 răng. Trong đó 1/4 là răng cửa, 1/8 là răng nanh, 1/4 là răng hàm nhỏ, số còn lại là răng hàm lớn. Hỏi mỗi loại có bao nhiêu răng?

11. Người Italia, mỗi giờ nói chuyện thực hiện 80 động tác. Người Pháp nhiều hơn 40 động tác, người Mêhicô nhiều hơn người Pháp 60 động tác. Vậy nếu nói chuyện trong 2 giờ, mỗi người của các quốc tịch trên đã thực hiện bao nhiêu động tác?

12. Lưỡi bò có 30.000 nhú vị giác, lưỡi người có 3.000 nhú. Số nhú vị giác ở bò nhiều hơn ở người bao nhiêu lần?

13. Mỗi $cm^2$ da người trung bình có 150 điểm đau, 15 điểm lạnh, 2 điểm nóng và 24 điểm xúc giác. Vậy trên diện tích da ở bàn tay có kích thước: 5cm × 7cm, có tất cả bao nhiêu điểm đau?

14. Trong máu người, có các phần tử nhỏ nhất làm các nhiệm vụ khác nhau. Một số trong đó được gọi là các bạch cầu có nhiệm vụ tiêu diệt các vi khuẩn

xâm nhập vào cơ thể. Mỗi bạch cầu có thể diệt được 20 vi khuẩn. Vậy mỗi giọt máu chứa 8.000 bạch cầu sẽ diệt được bao nhiêu vi khuẩn?

15. Mỗi lần hít vào thở ra bình thường được 500cm$^3$. Một phút hít thở được 8500cm$^3$. Vậy trong vòng 1 phút, con người thở ra, hít vào bao nhiêu lần?

16. Mạch, tức là số lần tim có bóp trong một phút, ở các loại động vật khac nhau: Voi 25 lần/ phút, ngựa 35, người 75, mèo 130, các loài chim nhỏ 200. Vậy các cặp con số sau có nghĩa gì:

75 – 35; 200 : 25

130 – 75; 75 : 25

## 5. Chiêm tinh học trước những câu hỏi khó trả lời

*Chiêm tinh học đã xuất hiện từ rất lâu. Nó đã ra đời trong giai đoạn con người chưa hiểu biết các định luật chủ yếu của tự nhiên. Các vật thể vũ trụ khi đó được coi như các vị thần, các linh hồn hùng mạnh hay biểu tượng của các sức mạnh huyền bí có ảnh hưởng trực tiếp đến sự sống và cái chết của con người.*

Giáo điều cơ bản của chiêm tinh học đã được đưa ra khá đơn giản: tính cách và số phận của một người có thể được dự đoán theo vị trí của Mặt trời, Mặt trăng và các hành tinh vào thời điểm sinh người đó. Điều tương tự cũng được áp dụng cho các đối tượng kinh tế – xã hội như xí nghiệp, hãng kinh doanh hay cả một quốc gia. Một số nhà chiêm tinh có tham vọng giúp các chủ thể đó đưa ra những quyết định cần thiết trong nhiều vấn đề phức tạp.

Dĩ nhiên, những ai có chút ít hiểu biết về Mặt trời và các hành tinh quay chung quanh nó đều khó lòng tin được những gì mà các nhà chiêm tinh dự đoán. Mặc dù vậy, hàng ngày có rất nhiều người quyết định các giải pháp cá nhân dựa trên cơ sở những lời khuyên bắt nguồn từ chiêm tinh học.

Phương pháp tốt nhất khi suy ngẫm về chiêm tinh học là đưa ra những câu hỏi hoài nghi nhưng vẫn hoàn toàn có thiện chí, giúp hiểu được phần nào những mâu thuẫn nội tại của các điểm cơ sở trong lí thuyết. Sau đây là một số câu hỏi đặt ra cho các nhà chiêm tinh và những người ủng hộ cách dự đoán tương lai theo vị trí các vật thể vũ trị.

– Vì sao đối với chiêm tinh học, thời điểm con người chào đời quan trọng hơn thời điểm thụ thai?

Chiêm tinh học được nhiều người cảm nhận như một khoa học vì các lá số dựa trên một dữ liệu chính xác là thời điểm sinh của một người. Vào giai đoạn mới hình thành chiêm tinh học, thời điểm sinh được coi là thời điểm xuất hiện

một cá nhân mới. Nhưng hiện nay các nhà khoa học cho hay rằng, thời điểm sinh chỉ là đỉnh điểm của một quá trình phát triển thai nhi kéo dài chín tháng trong cơ thể người mẹ. Các quan sát thực nghiệm đã xác nhận: nhiều đặc tính cá nhân được hình thành rất sớm trước khi đứa bé chào đời. Các nhà chiêm tinh hiện đại vẫn tiếp tục coi thời điểm sinh là dữ liệu ban đầu của lá số có lẽ vì điều đó thuận tiện hơn. Người ta có thể biết thời điểm chính xác đến từng giây, nhưng lại rất khó ghi nhận được thời điểm thụ thai của một đứa bé. Nếu quả thật thời điểm sinh đóng vai trò quan trọng đối với tính cách và số phận con người thì trong tương lai khoa học có thể giành quyền năng của "Thượng đế" bằng cách điều khiển các bà mẹ sinh vào thời điểm được coi là tốt đẹp hơn cả!

– Nếu các nhà chiêm tinh có khả năng dự đoán được tương lai thì tại sao họ không sử dụng khả năng của mình để làm giàu bằng kinh doanh?

Một số nhà chiêm tinh cho biết, họ chỉ có thể dự đoán những xu hướng chung chứ không phải các sự kiện cụ thể. Số khác lại nói rằng, họ báo trước được các sự kiện lớn, còn các sự kiện nhỏ (ví dụ trúng xổ số) nằm ngoài lí thuyết dự đoán. Nhưng cả trong điều kiện như vậy, các nhà chiêm tinh cũng có thể nhanh chóng làm giàu được nhờ dự đoán những nét chung nhất chiều hướng tăng hay giảm giá các loại cổ phiếu hoặc bất động sản. Nhiều người còn nhớ, vào tháng 10/1987 không ít sở giao dịch chứng khoán đã bị khủng hoảng nghiêm trọng. Ai đó từ các nhà chiêm tinh đã đưa ra những lời khuyên có hiệu quả cho thân chủ trước khi xảy ra sự cố?

– Vì sao các trường phái chiêm tinh lại đưa ra lí thuyết khác nhau khá nhiều?

Những cuộc tranh cãi đã và đang diễn ra xung quanh các vấn đề nền tảng nhất của chiêm tinh học. Cần thiết phải tính đến sự biến động của trục Trái Đất hay không? Các hành tinh và các vật thể vũ trụ nào cần được đưa vào khi lập lá số? Điều quan trọng hơn cả là các hiện tượng vũ tụ nào có ảnh hưởng trực tiếp lên tính cách và số phận con người?

Nếu đọc các điều dự đoán trong 10 tờ báo hay tham khảo ý kiến của 10 nhà chiêm tinh thì hầu như chắc chắn là sẽ nhận được 10 cách luận giải khác nhau về cùng một vấn đề.

Nếu chiêm tinh học thực sự là một khoa học thì tại sao những người tiên phong trong lĩnh vực đó sau hàng ngàn năm thu thập và luận giải các số liệu không đi đến được một lí thuyết thống nhất? Thông thường thì các lí thuyết khoa học càng ngày càng được kiểm chứng, chính xác hoá và hình thành các ý kiến thống nhất. Ngược lại, các hệ thống tín ngưỡng càng ngày càng có chiều hướng phân tán và tạo thành các giáo phái đối địch nhau.

– Trước khi phát hiện ra 3 hành tinh xa nhất của hệ Mặt trời, nên đánh giá tính đúng đắn của các lá số chiêm tinh như thế nào?

Trong đa phần các lá số chiêm tinh được đưa ra ở các báo chỉ tính đến vị trí Mặt trời trên hoàng đạo vào thời điểm sinh. Nhưng nhiều nhà chiêm tinh "thận trọng" khẳng định rằng, trong lá số cần tính đến sự ảnh hưởng của tất cả các vật thể thuộc hệ Mặt trời, trong đó có các sao Thiên Vương, Hải Vương và Diêm Vương (đã được tìm thấy tương ứng vào các năm 1781, 1846 và 1930).

Nhưng chính uy tín của chiêm tinh học giữa những người ái mộ là ở chỗ, môn "nghệ thuật" đó hàng ngàn năm qua đã cho dự đoán chính xác đối với nhiều số phận con người. Chẳng lẽ trước năm 1781 các sao Thiên Vương, Hải Vương và Diêm Vương không có vai trò đáng kể trong lá số chiêm tinh? Điều gì sẽ xảy ra nếu trong tương lai các nhà thiên văn còn phát hiện được hành tinh thứ 10 của hệ Mặt trời? Vì sao trong các lá số không tính đến sự ảnh hưởng của các vệ tinh quay chung quanh các hành tinh lớn?

Một số nhà khoa học đã quan tâm tìm hiểu chiêm tinh học ở những khía cạnh khác nhau. Họ đã tiến hành khảo nghiệm hiệu quả của các dự đoán đó và đã thu được những kết quả rất đáng lưu ý.

Nhà tâm lí học Bernard Silvermen, Đại học Tổng hợp bang Michigan (Mĩ) đã nghiên cứu ngày sinh của 2.978 cặp vợ chồng và 478 cặp đã li hôn. Đa số các nhà chiêm tinh khẳng định rằng, họ có khả năng xác định được các cặp hôn nhân sống hoà hợp với nhau hay không. Silvermen đã so sánh các điều dự đoán với kết quả thực tế và không tìm thấy một sự trùng hợp nào đáng chú ý. Các cặp được đoán là "hoà hợp" cũng có tỉ lệ li hôn như các cặp được dự đoán là "không hoà hợp".

Nhiều nhà chiêm tinh còn cho biết, vị trí Mặt trời ở phía này phía khác chòm sao vào thời điểm sinh con người có ảnh hưởng mạnh lên việc lựa chọn nghề nghiệp của người đó. Nhà vật lí Jon Mac – Jerni đã tìm hiểu tiểu sử và ngày sinh của gần 6.000 chính trị gia và 17.000 nhà khoa học. Kết quả thống kê không mang lại một dấu hiệu nào đặc biệt. Thời điểm sinh của những người được nghiên cứu thuộc cả hai nhóm phân bố hoàn toàn ngẫu nhiên.

Hai nhà thiên văn Colver và Ienna đã kiểm tra những điều dự đoán về các chính trị gia, các ngôi sao nghệ thuật, các danh nhân khác do những tổ chức và cá nhân nổi tiếng hành nghề chiêm tinh công bố trong thời gian 5 năm. Trong số đó chỉ có gần 10 phần trăm đã sự đoán trên cơ sở theo dõi thường xuyên các loại phương tiện thông tin đại chúng. Dĩ nhiên, với tỉ lệ dự đoán thấp như vậy khó có thể được áp dụng hữu hiệu đưa ra các giải pháp đúng đắn.

Tóm lại, những suy luận lí thuyết và các kiểm nghiệm thực tế đã cho thấy rằng: chiêm tinh học không phải là một cách dự đoán tương lai có hiệu quả như nhiều người vẫn lầm tưởng.

## 6. Lại nói về giấc mơ kì lạ

*Bay lên như chim bằng chính đôi tay trần của mình mà không cần đến những phương tiện kĩ thuật và thoát khỏi sự ràng buộc của thời gian, trở về với quá khứ là hai giấc mơ lớn của nhân loại. Ngay cả bây giờ, khi khoa học, công nghệ đã tiến những bước khổng lồ thì hầu như tất cả chúng ta vẫn còn tin về tính viển vông của chúng... Nhưng, bạn hãy lắng nghe, hai giấc mơ ấy đang đến.*

**Bằng đôi bàn tay: tại sao không?**

Giấc mơ được bay lên bầu trời bằng chính đôi tay trần của mình là giấc mơ lớn nhất, kì diệu nhất của nhân loại từ thuở khai sinh. Và cũng chính vì vậy mà hàng ngàn năm nay nó vẫn được coi như một giấc mơ hết sức viển vông giống như giấc mơ bất tử vậy. Trong các truyền thuyết, thần thoại của mọi dân tộc, các anh hùng phàm trần luôn có thể nhún chân bay vút lên như chim trời. Nhưng định mệnh đã khiến con người phải đi bằng đôi chân trên mặt đất. Thế kỉ XVIII ở Thuỵ Sĩ, có một nhà khoa học điên khùng. Đó là cách mọi người gọi Heyfler. Ông là một nhà khoa học, đồng thời là một triết gia. Từ nhỏ, giấc mơ được bay lên bằng đôi tay mình đã thiêu đốt ông. "Mỗi khi dang tay ra là tôi cảm thấy bầu trời chao đảo". Heyfler nói và cố gắng đọc hết những tài liệu cổ để tìm thấy dấu vết của một cuộc bay lên thực sự bằng đôi tay của con người. Trong thần thoại Hi Lạp, Incare, một nhà khoa học thiên tài bị nhốt vào mê cung không tìm thấy lối thoát. Để thoát khỏi đó chỉ có cách là bay lên đỉnh nóc mê cung. Incare dùng sáp ong và lông chim gắn vào đôi tay mình tạo ra một đôi cánh như chim. Sau nhiều lần đập cánh, cuối cùng Incare cũng thoát khỏi mê cung. Heyfler bỏ công nghiên cứu về Incare và đi đến kết luận là câu chuyện trên hoàn toàn có thực. Để bay lên bằng chính đôi tay mình thì trước hết con người phải học cách bay của chim – tức là cách bay của Incare. Heyfler hì hục tạo cho mình một đôi cánh rộng bằng chất liệu cực nhẹ của thời đó (Với công nghệ khoa học phát triển như ngày nay chúng ta có thể làm được những đôi cánh siêu bền và nhẹ hơn đôi cánh của Heyfler một trăm lần). Để chế tạo một đôi cánh như cánh chim không quá khó vì các nhà khoa học đã nghiên cứu và đưa ra những thông số chính xác về trọng lượng, sự tương ứng đầu cánh và đuôi cánh, tỉ lệ với độ dài thân... Heyfler bắt đầu kì công của mình bằng cách "mặc" đôi cánh vào và tập bay.

Đầu tiên ông đứng trên những mô cao và nhảy xuống dưới. Sau nhiều lần dập mặt, gãy tay... cuối cùng ông cũng "hạ cánh" một cách an toàn. Sự "nhảy dù" an toàn này chúng ta có thể giống như một chiếc dù. Nhưng giữa "nhảy dù" và bay như chim là hai chuyện hoàn toàn khác. Thu hẹp khoảng cách đó cũng là cái đích của nhà khoa học lập dị này. Khi bắt đầu làm thí nghiệm, ông đã hai mươi ba tuổi, giai đoạn chế tạo đôi cánh và nhảy dù lấy đi của ông 5 năm. Heyfler tính toán rằng, nếu công việc tiến triển theo đúng ý ông thì đến năm bảy mươi tuổi, ông sẽ có thể tự do bay như chim trời. Có nghĩa là ông sẽ mất cả cuộc đời. Nhưng có sao khi giấc mơ tuyệt vời đó thành hiện thực. Giai đoạn tiếp theo là giai đoạn "chao liệng". Không cần nói chúng ta cũng biết việc này cực khó, vì chỉ cần tấm dù mất thăng bằng là người đó sẽ bị rơi ngay xuống đất. Đôi cánh của Heyfler được chế tạo hết sức đặc biệt, có những khớp tự động làm bằng kim cương và chất dẻo. Tất cả được điều chỉnh bằng cách vận động của cơ nằm dọc cánh tay chứ không phải các ngón tay. Khi chao liệng, đôi cánh mất thăng bằng và đã ném ông xuống đất rất nhiều lần, nhưng Heyfler không nản, ông tiếp tục công việc vô vọng của mình. Mỗi khi chuẩn bị "chao liệng", các cơ tay làm cho khớp cánh chuyển động và cánh được "bẻ gãy" thành nhiều mảng. Nhờ đó mà ông liên tục lấy được sự cân bằng trên không. Dần dần ông có thể "nhảy dù" và "chao liệng" ở trên không lâu hơn một vài giây. Nhưng Heyfler đã tính nhầm, việc luyện tập "chao liệng" khiến ông mất thêm hai mươi năm vào đó. Ông đang đứng trước công đoạn tiếp theo, một công đoạn đặc biệt khó khăn là phải bay lên như chim bằng đôi cánh chim! Đó là công đoạn "vẫy cánh". Để đưa cả trọng lượng cơ thể lên cao chứ không phải rơi tự do như trước, cần một sức khoẻ phi thường và lòng kiên trì vô biên. Cả hai điều đó ông đều có nhưng thời gian của ông đang cạn dần. Tuổi già đã tước đi nhiều sức lực của ông. Heyfler để lại những dòng nhật kí nói rằng, nếu như ông sống thêm được "một trăm năm" nữa thì ông sẽ hoàn thành giấc mơ này. Theo sức tưởng tượng của Heyfler thì các công đoạn sẽ tiến hành tuần tự như sau: Khi con người luyện tập mất khoảng ba mươi năm thì con người có thể bay được bằng đôi cánh như chim. Sau đó mỗi tháng, hoặc hai tháng, sẽ có "từng chiếc" lông chim gắn trên cánh được rút ra. Con người cứ tiếp tục "luyện bay" cho đến khi rứt hết lông chim ra thì mất khoảng năm mươi năm nữa. Thật là một kế hoạch điên rồ và viển vông, vì đời người lấy đâu ra quỹ thời gian khổng lồ để thực hiện giấc mơ đó. Nhưng ngày nay, bằng công nghệ sinh học và các ngành khoa học khác trợ giúp, đời sống con người đang được dự báo là sẽ kéo dài thêm vài chục năm trong thế kỉ XXI và là một con số không tưởng tuyệt vời trong những thế kỉ tiếp theo.

**Con tàu vượt thời gian**

Trong cuộc sống, con người rất nhiều lần ao ước trở lại với quá khứ ngọt ngào, trở lại với tuổi thơ trong sáng, hay đơn giản chỉ là trở lại ngày hôm qua để tránh cái lỗi lầm mình mắc phải. Nhưng thời gian luôn cuốn chúng ta đi về phía trước và giấc mơ quay lại ngày hôm qua cũng chỉ tồn tại trong những câu chuyện cổ và nó còn viển vông gấp nhiều lần giấc mơ bay lên như chim. Nhưng nhân loại đã chứng kiến nhiều điều kì lạ đã trở thành hiện thực. Như phát hiện ra điện chẳng hạn. Thời gian cứ trôi đi và giấc mơ đó cứ treo lơ lửng trước mũi của các nhà khoa học. Cho đến một ngày tạo hoá ban cho nhân loại một nhà khoa học khổng lồ, người làm đảo lộn tất cả mọi nguyên tắc khoa học cổ kim của nhân loại. Đó là thiên tài Anhxtanh. Và giống những thách thức tuyệt đối của trí tuệ và ước mơ của con người, giấc mơ trở lại quá khứ bám lấy ông. Đó là giấc mơ bất tử. Giấc mơ khiến con người có thể không phải đối mặt với cái chết bằng cách "quay ngược" lại quá khứ để tiếp tục "sống lại" những ngày tháng trôi qua của mình. Chiến thắng cái chết chính là ước muốn lớn nhất của nhân loại và Anhxtanh là biểu tượng cho chính ước muốn ấy. Sau khi nghiên cứu ánh sáng, ông cho rằng, tốc độ của ánh sáng là 300.000km/s. Như vậy, vật nào vượt qua tốc độ ánh sáng thì vật đó sẽ không bị chi phối bởi thời gian trong không gian ba chiều. Vật đó sẽ bước vào chiều thứ tư không gian. Phát hiện này làm dậy lên những trí tưởng tượng rằng nếu chúng ta chế tạo được một con tàu siêu tốc thì chúng ta có thể vượt qua sự chế ngự của thời gian. Đây cũng được coi như một ý tưởng điên rồ nhưng lẽ nào trong tất cả những phát minh kì diệu của nhân loại đã không hoài thai trong những bộ óc điên rồ! Nếu như chúng ta có thể chế tạo được con tàu vượt thời gian như vậy thì giấc mơ trở về quá khứ vẫn còn xa vời. Điều này còn phụ thuộc vào một lí do khác mà tôi sẽ trình bày ở phần sau. Phát hiện của Anhxtanh cứ trôi đi vì hầu hết lí thuyết của ông, các nhà khoa học hậu thế mới làm được rất ít thực nghiệm. Cho đến cuối thế kỉ XX, vấn đề này một lần nữa lại bùng lên. Năm 1993, trong một cuộc thí nghiệm ở Pháp, các nhà khoa học lần đầu tiên tìm được trên máy gia tốc một vận tốc khủng khiếp: Vận tốc đo gấp 4 lần vận tốc ánh sáng. (Cho đến bây giờ, các nhà khoa học đã tìm thấy những vận tốc gấp 14 lần vận tốc ánh sáng). Như vậy, những vận tốc siêu hạng đó còn tồn tại và nhiệm vụ của các nhà khoa học phải tạo được những con tàu từ những vận tốc ấy. Chúng ta phải chờ đợi điều này có thể vài chục năm, cũng có thể một thế kỉ hay vài thế kỉ. Giả thiết rằng chúng ta tạo được con tàu vượt thời gian, con tàu kì diệu đó sẽ đưa chúng ta thoát khỏi không gian ba chiều, lên một chiều không gian mà các nhà thần học gọi là không gian chiều

thứ ba, chúng ta sẽ thoát khỏi sự chế ngự của thời gian. Lúc đó bằng những phương tiện kĩ thuật siêu hiện đại, chúng ta còn lưu lại hình ảnh trong không gian ba chiều (thật là ngộ nghĩnh khi ví dụ điều đó với việc chúng ta nhìn con cá vàng trong cốc thuỷ tinh sáu cạnh. Chúng ta sẽ thấy con cá vàng ở mọi nơi từ một điểm nhìn). Giấc mơ đó đòi hỏi con người sống thực bằng chính hơi thở này, xác thân này trong thời gian của quá khứ. Đó mới chính là cái đích cuối cùng mà tất cả những bộ óc khổng lồ nhất của nhân loại mong đạt đến. Nhưng làm thế nào để sống lại những giây phút quá khứ, vì nếu như con tàu vượt thời gian quay trở lại vị trí nào đó của quá khứ thì vô tình nó lại rơi vào không gian ba chiều và do đó nó lại bị thời gian chế ngự! Nếu không thì đời sống của con ngươu sẽ mãi mãi chỉ là ảo ảnh với chính con người đó. Trí óc tưởng tượng và khả năng suy đoán của các nhà khoa học tạm dừng ở đây. Nhưng các nhà tư tưởng thì không. Họ cho rằng, điều đó có thể giải quyết được khi chúng ta tìm thấy chiều không gian thứ tư ngay chính trong cuộc sống thường nhật của chúng ta. Nhưng bằng cách nào để đạt được điều đó thì họ cũng câm lặng như giấc mơ vậy. Các nhà khoa học lại chìm vào thời gian quên lãng để làm việc. Lẽ nào trong một thế kỉ tới đây, tạo hoá lại không lộ thêm cho chúng ta những bí mật mới về giấc mơ này! Lẽ nào không có thêm những Anhxtanh mới để đẩy trí tưởng tượng của loài người bay thêm một chặng dài mới. Nhưng chắc chắn điều gì con người ngày nay nghĩ ra bằng lí thuyết, ngày mai hậu thế sẽ trả lời. Đó là quy luật vĩnh cửu của đời sống nhân loại. Một nhân loại có thật nhiều sức lực, kiên trì và mơ ước như đời sống chúng ta.

## 7. Đời người qua nét chữ

*Từ thời xa xưa, trong nền văn minh của cả phương Đông lẫn phương Tây, người ta biết đến một khoa học độc đáo – bút tích học (graphologie), tức là căn cứ vào nét viết, chữ kí để đoán định tâm tính và cuộc đời của con người. Khoa học này hiện nay đang được áp dụng trong ngành An ninh của nhiều nước trên thế giới. Dưới đây là cuộc trao đổi giữa ông Vitas Salzhjunas, Cục phó Cục bảo vệ lãnh đạo của nước Cộng hoà Litva, đồng thời là một nhà bút tích học nổi tiếng với phóng viên báo Trud (Lao động) của liên bang Nga*

Để "thí nghiệm", tôi viết mấy dòng chữ không có nghĩa là gì, còn Vitas Salzhjunas, sau khi chăm chú xem kĩ trang viết đó, đã cho tôi biết rõ tôi có trình độ học vấn đến đâu; tôi là một người cởi mở, dễ thích ứng trong xã hội, dễ xúc động, cố chấp, bướng bỉnh ra sao; tôi có khả năng sáng tạo, phân tích, tư duy logic hay không... – Phóng viên báo Lao động nói – Tôi không chỉ thấy khoái

khi nghe nói về mình, nhưng phải thừa nhận rằng tất cả đều đúng. Thậm chí có những cái tôi giấu kín trong lòng. Người tiếp chuyện tôi không thể nào biết được những chi tiết ấy vốn nói lên tính cách của tôi qua cuộc trao đổi ngắn ngủi với ông.

Vitas Salzhjunas còn căn dặn:

– Để phân tích đầy đủ, anh cần phải viết một trang và ngày mai viết một trang. Tâm trạng thay đổi, và các chuyên gia có thể nhận định sâu hơn về những đặc điểm của tính cách.

Hiện nay, Cục bảo vệ lãnh đạo của Litva chỉ nhận người vào làm việc sau khi có sự phân tích tâm lí.

Thì ra, để trở thành vệ sĩ của nhà hoạt động quốc gia Litva là một điều khó hơn nhiều. Nếu như một người nào đó có những nét tính cách tiêu cực thì che giấu chúng không phải là dễ. Trước con mắt của Hội đồng xét tuyển thì những vệ sĩ tương lai của tổng thống hay của thủ tướng cần phải có những phẩm chất gì? Để được vào cơ quan này thì lực lưỡng, nhanh nhẹn, tháo vát và thông minh vẫn chưa đủ.

Những điều mà các ứng cử viên không kể về mình thì được nét chữ của chính họ nói cho biết. Trong số những thử nghiệm có một yêu cầu như sau: ứng cử viên phải biết trả lời một loạt câu hỏi vô thưởng vô phạt. Người đó được phát những tờ giấy trắng không có dòng kẻ, một cây bút và anh ta phải bình tĩnh viết ra tất cả những điều mình cho là cần thiết trên một cái bàn bằng phẳng. Sau đó, văn bản được phân tích về mặt bút tích học tâm lí. Và bằng sự kết hợp với những nghiên cứu khác, các giám định viên có được bức chân dung tâm lí của một anh bạn trẻ. Và họ rút ra được kết luận tương ứng về khả năng nghiệp vụ của anh ta.

Từ những năm 30 của thế kỉ XX ở Liên Xô, các tài liệu về bút tích học tâm lí đã hoàn toàn bị cấm xuất bản. Theo Salzhjunas, có lẽ chính quyền sợ rằng, những người dân bình thường qua nét chữ có thể biết được một số đức tính trong tính cách của những người điều hành đất nước. Mãi đến đầu những năm 90, ở Nga, người ta mới lại nhắc đến môn khoa học này. Ở châu Âu, bút tích học tâm lí có mầm mống ngay từ thế kỉ XVI. Từ đó trở đi, nó được phát triển rất năng động. Cho đến nay, trên lãnh thổ Liên Xô cũ, thậm chí ở Litva, một số chuyên gia không tin vào bút tích học tâm lí. Họ cho rằng, chỉ có thể so sánh được nét chữ – cùng một người viết văn bản hay những người khác viết. Trên thực tế, nét chữ của con người – đó là bức chân dung tự hoạ độc đáo về nhân cách anh ta. Ở mỗi người, nó rất cá biệt tựa như dấu vân tay vậy và cho phép kể về tác giả rất

nhiều điều. Thậm chí người ta biết rằng, bằng nét chữ có thể uốn nắn được con người. Có một thể nghiệm như sau: Người mắc bệnh tâm thần được đề nghị viết bằng phương pháp đặc biệt những con chữ nào đó, những đoạn văn và điều này đôi khi dẫn tới việc phục hồi một số chức năng của não.

*– Tôi nghe đồn rằng, nếu như có người nào đó viết một đoạn văn không phải bằng tay phải quen thuộc mà bằng tay trái thì nét chữ sẽ thay đổi đến mức không thể nào nhận ra được tác giả.*

Tay được điều khiển bởi bộ óc. Nét chữ của người thuận tay phải viết bằng tay trái sẽ trở nên vụng về, nhưng căn cứ vào nét chữ ấy vẫn có thể "đọc" được và biết được rằng, tác giả chỉ là một người mà thôi.

Mới đây ở Chicago có đợt tập huấn do Hiệp hội các nhà bút tích học quốc tế tổ chức. Các học viên được làm quen với những đặc điểm của các nét chữ. Có tới hàng nghìn kiểu nét chữ: nét chữ nghiêng, nét chữ đậm, cách phân bố các mẫu tự, sự liên kết giữa chúng, những đặc điểm của nét chữ gạch dưới chữ kí... Tất cả những gì trước khi anh trình bày đoạn văn trên giấy đều có ý nghĩa. Chỗ để trống ở phía trên và ở bên lề, vị trí chữ kí của anh ta sẽ thấy anh ta thích ứng với xã hội đến mức nào. Vả lại, không nên cấp cho một tờ giấy nhỏ vì nó hạn chế những khả năng và làm sai lệch kết quả.

Có một chi tiết nhỏ như sau: người ta đưa cho người được thử nghiệm một tờ giấy với yêu cầu vẽ một vòng tròn, song không nói vẽ ở đâu và kích thước ra sao. Có người vẽ một vòng tròn nhỏ xíu, có người vẽ một vòng tròn khá lớn. Tác giả của vòng tròn lớn có thể có tính cách cởi mở hơn.

Hoặc người ta yêu cầu vẽ nhiều vòng tròn. Có người phân bố chúng cẩn thận, thành từng hàng – người này thường có tính cố chấp. Có người vẽ lung tung trên mặt giấy, người này có thể có tâm hồn thi sĩ. Song, nhìn chung, việc phân tích con người phức tạp hơn nhiều. Đây chỉ là một vài nét chấm phá mà thôi.

Căn cứ vào nét chữ thậm chí có thể xác định thói ưa bạo lực. Thì ra, tên cuồng loạn có những nét xoắn đặc biệt như trong bộ não vậy. Các chuyên gia Mĩ đã đi đến kết luận rằng, nét xoắn nhất định trong chữ viết cho thấy gần 80% các tác giả như vậy phải vào tù vì những tội lỗi khác nhau. Nét xoắn đó được các giám định viên đặt tên là "cái thọng lọng" của kẻ tội phạm.

Ngay từ năm 1903, trong cuốn sách của nhà kinh điển trứ danh về môn khoa học này là I. Morgenstem xuất bản bằng tiếng Nga ở Saint Peterburg, những đặc điểm của các nét chữ được khảo sát tỉ mỉ. Chẳng hạn, chữ "tôi" được viết ấn nét và có móc dài hắt lên về phía bên phải nói lên tính táo tợn và thói hiếu danh của

tác giả, sự mong muốn gây ấn tượng. Chữ "tôi" mảnh mai, không ấn nét có thể chứng tỏ khả năng gắn bó sâu sắc. Chữ "tôi" có dáng bay bổng với nét bút kiêu hãnh nói lên sự chân tình và nguyện vọng muốn phục vụ mỗi người. Song, tất nhiên, chỉ có thể rút ra kết luận sau khi tổng hợp tất cả những nghiên cứu.

Chẳng hạn nét chữ thanh thoát, mờ nhạt, có chỗ dường như đứt đoạn và run rẩy chứng tỏ tính đa cảm của tư chất. Còn nét chữ của Puskin với những con chữ thẳng tắp, mạnh mẽ, có hình nêm, gắn kết với nhau và chưa hoàn tất, hay xoá bỏ, không bay bướm. Người ta cho rằng, nét chữ này là sự thể hiện tính bất thường trong tình cảm, sự sắc sảo của trí tuệ, sự phong phú của cảm xúc, nhưng đồng thời tính thiếu thực tế trong đời sống hằng ngày, thói hoang phí và tính cách rộng rãi, hào phóng.

Cùng với thời gian, do những hoàn cảnh khác nhau của con người, thái độ đối với cuộc sống có thể thay đổi, và điều đó cũng thể hiện ra trong nét chữ – V. Salzhjunas nhận xét – Hãy quan sát kĩ hai chữ của cựu tổng thống Mĩ Ronald Reagan. Khoảng cách thời gian giữa chúng là vài tuần lễ. Chữ kí ở trên được thực hiện trước vụ ám sát xảy ra vào đầu năm 1981, còn chữ kí sau thực hiện sau khi bị mưu sát hụt – Sự khác biệt quá rõ ràng.

Những thay đổi trong tính cách con người đã bộc lộ đặc biệt rõ rệt qua các chữ kí của Napoléon. Dường như đó là nét bút của những người khác nhau. Chữ kí đầu tiên được thực hiện năm 1793, khi ông còn là một đại uý pháo binh. Chữ kí này, theo ý kiến của các chuyên gia, nói lên tính háo danh và lòng quá tự tin, nhưng không có gì đặc biệt về mặt hình chữ. Chữ kí thứ hai (năm 1805), sau chiến thắng ở Austerlitz. Các giám định viên cho rằng, kiểu dáng li tâm của nó chứng tỏ tính kiên định bất khuất, lòng hiếu thắng, sự ham muốn lập các kế hoạch quy mô và sự vững tin vào việc thực hiện chúng. Chữ kí thứ ba – sau trận đánh ở Matxcơva. Chữ "N" được khuyếch đại cho thấy tính háo danh vô bờ bến, khát vọng tự kỉ trung tâm, thói hách dịch, thái độ quá tự tin. Chữ kí thứ tư được Napoleon hạ bút sau khi tháo chạy khỏi Matxcơva, trông tủn mủn, chẳng có dáng dấp gì cả. Các giám định viên thấy rõ tâm trạng chán chường, sự căng thẳng của tư duy đang tìm lối thoát. Chữ kí thứ năm, sau trận Laisích năm 1813, đường nét gẫy vụn, giật cục, nét bút buông thả, đó là kết quả của sự thất bại tiếp theo. Chữ kí sau cùng được thực hiện trên đảo Saint Hélène. Theo ý kiến của các chuyên gia, đó là chữ kí của con người đột ngột già đi. Nét bút đường đột hạ xuống, thiếu sức nhấn.

*– Ông có sử dụng kiến thức về tâm lí bút tích học của mình trong hình pháp học không?*

– Có lần các nhà hình pháp học nhờ tôi góp ý kiến về vụ tự sát của một người để xem có đúng là anh ta tự nguyện quyên sinh hay không. Sau khi nghiên cứu nét chữ của anh ta, chúng tôi đi đến kết luận rằng, trong cách viết có dấu hiệu của những người mắc bệnh thao cuồng tự sát (suicidomania). Sau đó, giả thuyết về việc người đó tự tử đã được xác nhận.

*– Thế nếu như tôi muốn đánh lừa nhà bút tích tâm lí bằng cách thay đổi nét chữ của mình?*

– Không ăn thua đâu. Tất cả những mưu toan đó, kể cả mưu toan thay đổi nét chữ, đã được biết rõ và được miêu tả. Chẳng hạn, đặc điểm nét chữ của người nghiện rượu là tính chất hỗn loạn. Những người này, nếu như họ biết về chứng bệnh của mình và muốn giấu nó đi, đã cố đánh lừa giám định viên bằng cách ra sức viết nắn nót các con chữ, thì thủ thuật này các chuyên gia cũng không lạ.

# PHẦN II

# HOẠT ĐỘNG NHẬN THỨC

## Chương IV. NHẬN THỨC CẢM TÍNH

*"Từ trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng và từ tư duy trừu tượng đến thực tiễn – đó là con đường biện chứng của sự nhận thức chân lí, của sự nhận thức hiện thực khách quan."*

V.I. Lênin. *Bút kí triết học.* NXB Sự thật –1963

### I. NHẬN THỨC LÀ GÌ?

Nhận thức là một trong ba hiện tượng cơ bản trong đời sống tâm lí của con người. Triết học macxít cho rằng, nhận thức là sự phản ánh hiện thực khách quan vào não người và cho rằng, thế giới khách quan là hoàn toàn có thể nhận thức được. Nhận thức phát triển theo từng giai đoạn, những giai đoạn này liên hệ với nhau và giai đoạn này nhất thiết phải là tiền đề của giai đoạn kia.

Hoạt động nhận thức gồm có:

– Nhận thức cảm tính: cảm giác, tri giác.

– Nhận thức lí tính: tư duy, tưởng tượng.

### II. NHẬN THỨC CẢM TÍNH

#### 1. Những vấn đề chung về cảm giác

"Cảm giác là viên gạch đầu tiên xây dựng nên toàn bộ lâu đài của nhận thức", V.I. Lênin.

Trong sự tiến hoá của thế giới động vật và trong sự hình thành ý thức của đứa trẻ, cảm giác là những hình ảnh tâm lí đầu tiên, trên cơ sở đó những hình thức phản ánh tâm lí cao hơn được hình thành và phát triển.

Sự chuyển biến của năng lượng bên ngoài thành dự kiến trong ý thức được thực hiện trước hết thông qua các cảm giác. Bộ óc như cơ quan của hoạt động phản ánh chỉ có thể hoạt động bình thường khi có những tác nhân kích thích tác động vào các cơ quan cảm giác.

Theo những tài liệu hiện nay, trong những điều kiện của sự cô lập (con người mất khả năng nhận các tín hiệu từ các hệ thống bên ngoài của cảm giác), những rối loạn của chức năng tâm lí sẽ xuất hiện ở con người. Ở con người, cảm giác mang tính chủ thể rõ rệt. Tính chủ thể của cảm giác một mặt do tính nhạy cảm của cảm giác ở mỗi người khác nhau là khác nhau. Mặt khác nó phụ thuộc vào vốn sống, tính tích cực của cá nhân...

Vấn đề tương quan giữa cái ý thức và cái tiềm thức trong tâm lí có một ý nghĩa lớn, liên quan đến vấn đề về mối quan hệ giữa cái sinh lí và cái tâm lí. Trong những công trình của các nhà tâm lí học Xô viết được thực hiện gần đây đã chỉ ra sự tồn tại của những kích thích tiền thụ cảm nằm ngoài những giới hạn của ngưỡng tuyệt đối phía dưới của cảm giác và có ảnh hưởng không chỉ đến hoạt động của hệ thần kinh mà còn ảnh hưởng đến động cơ hành vi của cá nhân. Ở đây, phải nhấn mạnh rằng, toàn bộ hoàn cảnh bên ngoài có ảnh hưởng đến sự hình thành nhân cách chứ không phải chỉ là những kích thích và những điều kiện thuận lợi nhất đã được tạo ra cho việc nhận thức chúng.

Những nghiên cứu về tính nhạy cảm ánh sáng của lớp da "thị giác ở đầu ngón tay" nói lên khả năng tiềm tàng to lớn về tính nhạy cảm cảm giác của con người.

## 2. Tri giác và quan sát

Tri giác là hình ảnh chủ quan về thế giới khách quan, nói lên năng lực phản ánh sự vật và hiện tượng khách quan của mỗi cá nhân. Tri giác là hình ảnh trọn vẹn về những thuộc tính bề ngoài của sự vật hiện tượng, nhưng không phải hình ảnh của tri giác là phép cộng của các hình ảnh của cảm giác.

Cơ sở của tri giác là sự đối chiếu những đối tượng hiện có với những giá trị đã được chuẩn hóa của các tính chất mà chủ thể đã biết.

Kinh nghiệm – biểu tượng của trí nhớ ảnh hưởng rất lớn đến quá trình tri giác của cá nhân. Bất cứ đối tượng mới nào cũng đều được lí giải và xác định trong hệ thống hành vi trí tuệ và tình cảm của cá nhân. Không phải chỉ có tình cảm mà cả hoạt động của tư duy cũng đều gắn với con mắt chúng ta *(Mác và Ăngghen toàn tập*, tập 14, tr.493). Nhờ có sự tham gia của tư duy vào quá trình tri giác nên ngay ở trình độ nhận thức cảm tính đã có suy lí và khái quát hoá ban đầu. Trong nhận thức cảm tính, tri giác mang tính mục đích, có hệ thống, thu hút cá nhân – trở thành sự quan sát.

Năng lực quan sát được hình thành và phát triển trong quá trình giáo dục và hoạt động thực tiễn. Năng lực quan sát giúp cho học sinh độc lập nhận thức

được hiện thực xung quanh, hiểu các hành vi của con người, góp phần giáo dục tính hiếu kì, tính ham hiểu biết và tính tích cực trí tuệ.

– Tri giác là thành phần chính của nhận thức cảm tính. Tri giác là điều kiện quan trọng cho sự định hướng của hành vi, hoạt động con người trong môi trường xung quanh. Quan sát là loại tri giác có chủ định, làm cho tri giác của con người khác xa với tri giác con vật. Trong lịch sử loài người, quan sát như là một bộ phận cấu thành của thao tác lao động, giữ vai trò xác lập sự phù hợp của các sản phẩm lao động đối với hình ảnh lí tưởng của nó. Quan sát được xem là một phương pháp nghiên cứu chính ở những giai đoạn đầu của sự phát triển bất cứ một khoa học nào.

## III. NHỮNG ĐIỀU KÌ DIỆU CỦA CÁC GIÁC QUAN CON NGƯỜI

– Dân da đỏ Campa ở Nêru nhìn mọi vật đều ngược. Nhìn mọi cái bình thường ngược và khi xem tranh họ phải lộn ngược mới nhìn thấy.

– Kaopa Itasen có thể nhìn thấy sao giữa trưa và rất nhạy cảm. Bị nhốt hầm tối từ 2 tuổi – 20 tuổi (cơ thể lớn nhưng trí thông minh chỉ bằng trẻ lên 2), sau đó được làm đại công tước Bađen (Đức). Hansen chính là con vua Đức vào thế kỉ XVII, do dì nghẻ ghen với con bà cả nên sai người nhốt hoàng tử xuống cống ngầm. Hàng ngày có người mang cơm cháo cho ăn. Năm 20 tuổi người ta mới tìm thấy hoàng tử.

**Chúng ta có hơn 5 giác quan**

*Càng tìm hiểu sâu vào di sản nguyên thuỷ của mình, chúng ta càng thấy rằng chúng ta mới chỉ biết rất "nông" về tiềm năng của chúng ta.*

Bên ngoài ranh giới cảm xúc mà năm giác quan của chúng ta đạt tới là một phạm trù bí ẩn mà các nhà khoa học đã chứng thực, nhưng còn chưa hiểu rõ. Trong số những người có những khả năng kì lạ, một bà có khả năng tìm thấy đồ vật bị lạc. Nếu ai đó không may đánh rơi một chiếc nhẫn trên một bãi cát mênh mông, cách nơi bà ta đứng hàng dặm đường, bà ấy có thể chỉ chính xác chỗ rơi cho người bị mất. Được hỏi tại sao biết được như vậy, bà ta trả lời là bà cũng không hiểu tại sao. Là một nhà sinh học, vợ một bác sĩ và là một người rất trung thực, bà công nhận đó là một khả năng bình thường. Bà cho biết thêm rằng chỉ khi nào tâm thần thư thái thì bà mới có khả năng đó, và khi ở nước ngoài, nơi bà không biết người xung quanh đang nói những gì, thì khả năng này của bà còn nhạy bén hơn.

Khoa học đã biết đến nhiều người "tìm thấy đồ vật" như vậy. Phải chăng đó là "giác quan thứ sáu", một di sót của những khả năng của con người mà ngày

nay đại đa số chúng ta không còn nữa vì bị tiêu biến? Những hiện tượng thực tế dường như chỉ theo hướng đó.

Hiện nay, các nhà khoa học đang nêu lên khả năng tồn tại của những "bộ phận thụ cảm" bí ẩn trong cơ thể, là nơi điều hành cái "giác quan thứ sáu" đó. Những công trình nghiên cứu gần đây về cơ cấu của hệ thần kinh và não bộ đã tiến gần đến việc phát hiện những vị trí bí ẩn đó của tâm thần.

Ở những "sinh vật bậc thấp", các giác quan thông thường như thính giác và thị giác thường phát triển nhạy bén hơn so với loài người. Ví dụ, loại chó có thể nghe thấy siêu âm mà loài người không nghe được. Con cú đậu trên cành cây cao vẫn nhìn rõ con chuột rúc trong búi cỏ ngay giữa đêm tối.

Bất cứ một người thích nuôi chó nào cũng có thể kể chuyện con chó bị lạc mà vẫn biết tìm đường về nhà. Bác sĩ R.H. Smythe thuộc trường thú y hoàng gia Anh đã kể lại câu chuyện như sau: Một nhóm lính đã đánh cuộc với ông tại nhà ông ở Cornwall, rằng họ sẽ đem con chó của ông tới doanh trại của họ mà không lúc nào để cho nó tiếp chạm hoặc nhìn thấy mặt đất, rồi đem thả nó ở giữa trại, và họ đoán chắc là con vật không thể nào biết đường về với chủ.

Nhà của bác sĩ Smythe ở trên một con vịnh dài. Con vật đã được đưa qua vịnh. Thế mà chỉ hai ngày sau, nó đã trở về nhà chủ cũ. Như vậy, tính ra nó đã phải bơi nửa dặm qua eo vịnh, rồi chạy liền 27 dặm theo bờ bên này vịnh và sau đó lại chạy thêm 23 dặm theo phương ngược lại ở bờ bên kia vịnh mới về được tới nhà.

Không ai có thể giải thích "bản năng quay về tổ" đó hoạt động như thế nào. Nhưng ngày nay, khoa học đã phát hiện được cơ chế vật lí của một số khả năng cũng bí ẩn không kém, mà nhiều động vật có. Ví dụ, nhà động vật học người Đức Karl Von Frish đã giải đáp được câu hỏi tại sao các con ong có thể bay thẳng một mạch đến chỗ có hoa ở cách xa tổ tới 4 dặm. Theo Frisch, mắt ong có thể dõi theo những tia sáng chỉ chiếu theo một phương cố định.

Tăm tối dưới đáy nước, cá rất ít khi đụng phải nhau. Chúng lảng xa bờ nếu người câu đi đi lại lại hoặc nhả khói thuốc trên đó. Hiện tượng này được giải thích như sau: ở bên sườn của nhiều loại cá có những cơ quan cảm giác rất nhạy, có thể nhận biết những biến đổi rất nhỏ trên mặt nước. Bộ phận đó giúp cá biết rõ những rung động nhỏ xảy ra trên mặt nước.

Theo các nhà sinh học thì bản chất vật lí của con người là nhất quán trong cả đời. Nhân loại về tiềm năng cũng có đủ những giác quan như con vật. Nếu như thiên nhiên có thể đã sử dụng những lực như rada trong giác quan của động vật,

thì rất có thể cũng sử dụng những lực đó trong con người. Chúng ta cũng đã biết rằng khả năng thụ cảm của chúng ta không chỉ giới hạn trong "năm giác quan" như thường nói. Các giác quan đó có năm bộ phận thụ cảm lộ ra ngoài: đó là mắt, tai, mũi, lưỡi và da. Nhưng còn có những loại cảm giác khác có bộ thụ cảm ở bên trong cơ thể. Dưới đây là một vài ví dụ:

Cảm giác về nhiệt được hình thành bởi một hệ thống thần kinh tách biệt, tập trung ở cột sống và toả ra những nhánh chạy dài tới da, chủ yếu là quanh vùng giữa thân.

Cảm giác về sức nặng giúp ta xác định được trọng lượng của vật thể ta cầm trong tay hoặc mang đi.

Cảm giác về trọng lực và cân bằng cho ta biết rõ tư thế của mình. Ở đây, các bộ thụ cảm là hộp xương nhỏ chứa những hạt canxi, một bộ nằm ở sau tai. Các vận động của đầu làm cho các hạt đó rối động, va vào những lông tơ nhạy cảm bên trong những hộp nhỏ đó và báo cho hệ thần kinh biết rõ đầu đang ở tư thế nào.

Cảm giác về sự sát gần báo cho ta biết sự hiện hữu của những vật rắn ở gần ta, mặc dù ta chưa tiếp xúc chúng. Đây là giác quan bí ẩn mà người ta vẫn chưa rõ về bộ thụ cảm của nó. Một ví dụ điển hình về giác quan này là khả năng của người mù cảm nhận được các vật thể ở gần.

Cảm giác về bản thân là cảm giác mà các bộ phận của cơ thể liên quan với nhau như thế nào, gần như hoàn toàn tách biệt với cảm giác về trọng lực. Cảm giác này làm cho người ta nhận thức được đúng đắn về những động tác và vị trí của mình. Mọi phối hợp về hoạt động cơ bắp của cơ thể đều dựa vào những cảm thụ và hiệu báo của giác quan này.

Con người còn có một giác quan bí ẩn hơn nhiều. Đó là giác quan khiến ta có thể cảm thụ được siêu âm – qua da chứ không phải qua tai. Điểm nhạy cảm nhất của giác quan này là phía sau gáy, hai thái dương và ngực.

Chúng ta đều rõ là năm giác quan "thông thường" của chúng ta cũng đều có khả năng phát triển cao độ trong một số trường hợp. Vậy thì không có lí do gì mà hiện tượng này lại không xảy ra ở những giác quan ít được biết hơn. Người ta đã từng kể về một cậu bé mù lái xe đạp rất "thoải mái" bằng cách phát ra những âm thanh rồi dựa vào tiếng vang lại của các âm đó mà lái xe, không hề vấp vào đâu cả. Khả năng này của cậu bé cũng giống như khả năng của những con dơi tránh được va chạm vào những vật cản khi bay trong đêm tối. Khả năng này dường như siêu tự nhiên cho tới khi khoa học phát hiện được khả năng

di động của dơi trong chỗ tối mà không va chạm là nhờ siêu âm và khi người ta phát minh ra được rada. Rất có thể khả năng của bé mù đi xe đạp không vấp váp là do "giác quan về vật gần" của cậu ta phát triển mạnh.

Một vài loại cảm giác tỏ ra có nguồn gốc giác quan. Bác sĩ Alexis Carrel thuộc Viện Y học Rockefeller, người đã được giải Noel y học, đã mô tả một loại cảm giác như là hiện tượng suy diễn từ quan sát tức thời, giống như sự hiểu rõ bệnh tình của bệnh nhân qua cái nhìn thoáng của người thầy thuốc. Và cũng như trường hợp một người chỉ cần thoáng nhìn người khác là nhận định được ngay chân giá trị của người đó.

Còn một loại cảm giác nữa, không cần dựa trên quan sát và lí luận. Dựa vào loại cảm giác này, người ta có thể tiến tới đích mà không hề biết phải làm thế nào để đạt tới đích đó. Đó chính là trường hợp của nhiều phát minh khoa học.

Hiện nay, các nhà khoa học chỉ mới hiểu được cơ chế của một số những cảm thụ của "giác quan thứ sáu". Chúng ta đều biết rằng con người có hai não bộ: một não bộ nhỏ nằm ở bên trong, gọi là đồi não hay Thalamus, tức phần não nguyên thuỷ, thừa hưởng từ các tổ tiên xa xưa, khi còn là động vật. Bọc ngoài thứ lõi nào đó là não mới, một bọc chất xám gọi là võ não gồm trên mười tỉ tế bào thần kinh. Thalamus chỉ nhỏ bằng đầu ngón tay út, là trung tâm tiếp nhận thông tin. Từ phần sâu của não bộ này sẽ nảy sinh những giấc mộng, những hình ảnh, những bản năng, những xúc động. Người ta cho rằng rất có thể Thalamus là cơ sở của sáu giác quan cũ bị lu mờ ở nhân loại văn minh, nhưng chưa mất hẳn. Đôi khi chúng ta có thể loé sáng ở những người còn sống theo lối nguyên thuỷ, ở trẻ em hoặc ở những người trưởng thành đã trải qua những stress lớn.

Khoa học đang cố vén bức màn bí ẩn về quá khứ nguyên thuỷ của loài người. Và một khi chúng ta có thể chắc chắn về sự tồn tại của sáu giác quan thì chúng ta có thể tiến xa trong công cuộc nghiên cứu những tiềm năng của trí tuệ con người.

**Rèn luyện cảm giác như thế nào?**

Rất nhiều người buồn phiền về thị lực và thính lực của mình cứ giảm dần. Song ta chớ lo ngại điều này. Cũng giống như rèn luyện sức khoẻ cho cơ thể khoẻ dần ra. Và do vậy ta cũng có thể rèn luyện cảm giác cho ngày càng thêm nhạy bén.

**Về thị giác:** Mọi cảm giác của ta, có tới 90% là nhờ vào mắt. Bởi vậy, việc rèn luyện của chúng ta cũng phải bắt đầu từ mắt.

Những người làm việc liên tục hàng mấy giờ liền trước máy vi tính thường phàn nàn thị lực kém đi, nhìn mọi thứ đều mờ mờ ảo ảo.

Sự vận động bằng đọc báo có thể đưa "thế giới" trở lại tiêu điểm. Ghim một trang báo lên tường cách chỗ bạn ngồi chừng 2,5 mét. Cứ 15 phút lại đọc trang báo này. Đọc tiêu đề trên báo trước rồi mới nhìn lên màn Computer, làm 5 lần liền như thế. Rèn luyện theo kiểu này, mắt bạn thấy dễ chịu hơn.

Có nhãn lực nhạy bén tức là nhanh chóng có thể nhìn được nhiều thứ hơn, thậm chí "thu vào tầm mắt muôn trùng nước non". Chuyên gia về kính mắt Paulo Pleina trong "Sổ tay rèn luyện với tốc độ khác nhau".

Giữ cho đầu ngay, cố gắng đưa mắt rất nhanh từ phải sang trái. Phải tập trung ánh mắt vào các vật thể mút tầm mắt. Cách rèn luyện này giúp cho việc cải thiện tri giác ngoại vi.

Bước rèn luyện tiếp theo là, trong vòng 10 giây, nhìn lướt được 10 vật thể khác nhau trong phòng (lần này có thể chuyển động đầu). Sau đó phải nói được tên các vật thể này và thứ tự trước sau của chúng. Cách rèn luyện này khiến cho sức chú ý linh hoạt hơn.

**Cảm giác da:** Cơ quan cảm giác lớn nhất của con người là da. Điều này nói rõ vì sao Massage lại có thể làm tăng hiệu quả của tình dục. Điều ta nói ở đây không phải là Massage cơ bắp, mà là sự tiếp xúc âu yếm vợ chồng. Tiêu điểm hội tụ cảm giác là một kĩ xảo suốt hơn 20 năm của giáo sư chuyên gia điều trị về tình dục: khi bạn vuốt ve vợ (hoặc chồng), sẽ tập trung mọi tinh lực lên phần tay bạn động vào, hoặc chú ý tới cảm giác của toàn bộ cơ thể vợ (hoặc chồng) do áp sát vào cơ thể mình. Nếu tay quá lạnh sẽ làm tổn thương tới các đầu dây thần kinh đầu ngón tay. Do vậy về mùa đông, đi ra ngoài phải đeo găng tay. Theo bác sĩ John Wolf chủ nhiệm khoa da bệnh viện Baler thành phố Houston Mĩ, dù cho ngẫu nhiên gặp phải gió lạnh, cũng có thể làm cho huyết dịch mất đi khỏi bề mặt da, làm giảm đi cảm giác khá lâu.

**Thính giác:** Về y học mà nói, ta không thể làm thay đổi thính lực của mình. Nhưng ta có thể cải tiến cách lắng nghe. Bác sĩ Charter C. Killerman, Y viện Tai – Mắt – Họng Manhattan cho rằng, cách tốt nhất là chặn mọi đường tải vào của các cảm giác khác đang cạnh tranh sức chú ý với thính giác. Khi xem ti vi, bạn thử nhắm mắt lại, tập trung sức chú ý vào những âm thanh bạn có thể nghe được. Từ biến hoá của âm điệu, tìm hiểu xem việc gì đang xảy ra. Khi người ta mất đi thị lực, người ta liền tập trung mọi sự chú ý vào cảm giác khác, nhất là thính giác. Cách rèn luyện này chính là xuất phát từ đó.

Nhắm mắt lại sẽ giúp bạn phát triển thính lực giàu tính giám định và thưởng thức. Roger Carterin – nhà bình luận âm nhạc Mĩ, nói: "Mỗi khi nghe đĩa Laser

hoặc băng nhạc, tôi đeo tai nghe vào và lim dim mắt" gọi là rèn luyện, thì – Carterin đề nghị – chọn thử một loại nhạc cụ trong một khúc ca – chẳng hạn như violon xen, rồi chỉ lắng nghe âm điệu loại nhạc cụ đó. Cứ định kì rèn luyện như thế sẽ có thể cảm nhận được những tình tiết trong âm thanh hằng ngày.

**Khứu giác:** khi ta vừa nếm vừa ngửi thì khứu giác càng thêm phong phú. Charter Wisoki, nhân viên nghiên cứu "trung tâm cảm giác hoá học" Filadelfi, nói: "rất nhiều vị mà chúng ta nếm được cũng chính là mùi vị của vật thể". Henry Fremond, kĩ sư pha chế nước hoa công ti Farmonik thành phố New York, đã nói: "kĩ xảo quyết định tất cả".

Đã được suy tôn là có "cái mũi lành nghề", bằng khứu giác nhạy bén đến cao độ của mình, Fremond đã pha chế ra nhiều loại nước hoa rất nổi tiếng.

"Dùng mũi cố sức ngửi cũng không thể cho bạn một mùi vị vừa ý nhất để mà thưởng thức. Chỉ cần ngửi nhẹ vài lần sẽ giúp bạn phân biệt được đặc điểm của mùi thơm".

Khi bạn hít thở, há miệng ra, Fremond nói: bạn sẽ hít cả mùi vị ấy vào miệng, sẽ giúp bạn thừa sức đánh giá mùi vị đó.

**Vị giác:** để giúp cho nhũ dầu – cơ quan cảm thụ vị giác – của mình phân biệt được mùi vị giữa các món ăn trong bữa tiệc, ta chiêu một ngụm nước để rửa đi vị giác của mình. Cách làm này ít ra cũng không khiến cho bạn lẫn lộn giữa vị của món gà quay với món ăn khai vị phi tỏi.

Nếu ăn nghiến ngấu, thì ta không sao tận hưởng được cái thơm, ngon của cao lương mĩ vị; ăn chậm nhai kĩ, ngâm nga mới thưởng thức hết được mùi vị của món ăn.

Và nếu có một lần nào uống rượu, bạn hãy thử xem: chớ có tợp một hớp là nuốt liền. Tốt nhất hãy để cho rượu đọng lại trong miệng một lúc cho ngấm vào đầu lưỡi. Chính William Dwis, cố vấn về nước giải khát khách sạn Valdof Astoria Mânhttan đã chỉ rõ: "Ngay ở phía dưới lưỡi có cơ quan cảm thụ".

*Xin nhớ rằng, khi cảm giác của bạn đã bị "chai nhờn", thiếu nhạy cảm, thì bản thân bạn cũng trở nên chậm chạp, không nhạy bén nữa. Đó chính là những lí do mà kể từ bây giờ bạn hãy chú ý rèn luyện cảm giác toàn diện hơn nữa*

**Người đọc bằng mũi**

Cho đến nay hiện tượng cậu Sereja ở thành phố Xaratốp của Liên bang Nga đọc bằng mũi vẫn là bí ẩn đối với khoa học hiện đại. Rất nhiều nhà bác học thế giới, các nhà làm phim "Thế giới kì lạ", "Thế giới đó đây" đã đến nhà Sereja để xác minh và tìm hiểu về hiện tượng kì lạ này. Nhưng vẫn chưa có ai đưa ra được câu trả lời chính xác giải thích có cơ sở về biệt tài của Sereja.

Theo lời kể lại của bố mẹ Sereja thì họ phát hiện ra khả năng đọc bằng mũi của con trai khi cậu bé mới 5 tuổi. Một lần ông bố muốn dạy con trai thuộc mặt các con tú lơ khơ. Ông cố gắng hết mình, nhưng con trai vẫn không học được là bao. Tức quá ông bố quát lên "Mày không phân biệt được các lá bài bằng mắt thì lấy mũi mà ngửi...". Thật không ngờ vài phút sau cậu bé đã phân biệt tất cả các lá bài bằng mũi thật...

Hiện nay Sereja đã học lớp 11 ở trường Trung học Xaralốp. Cậu vẫn tiếp tục duy trì tài năng hiếm có của mình: dùng mũi để đọc và phân biệt đồ vật. Thật khó có thể kể ra đã có bao nhiêu mùi vị mà Sereja đã ngửi và nhớ được.

Một lần nữ nhà báo Anna Amelkina đã đến chơi nhà Sereja để tìm hiểu tại chỗ biệt tài đọc bảng... mũi của cậu. Đầu tiên chỉ dùng một loại kính đặc biệt khi đeo vào sẽ không nhìn thấy bất kì thứ gì bên ngoài. Sau đó thì Anna cầm một tập tú lơ khơ mới tinh tráo đi tráo lại kĩ rồi đưa một con bài cho Sereja ngửi. Ngay sau đó chị lại tráo tập bài nhiều lần rồi chị đề nghị Sereja tìm con bài vừa lấy ra. Chỉ trong vòng vài giây, cậu bé đã tìm ngay ra con bài cần thiết.

Sau đó Anna lấy trong túi ra một tờ giấy trong tập giấy trắng của mình và viết chữ Gôrốt (thành phố) lên tờ giấy. Chỉ sau vài giây ngửi tờ giấy Sereja đã đọc đúng chữ vừa được Anna viết lên. Khi Anna hỏi Sereja rằng cậu đọc từng vần một hay cả chữ cậu bé trả lời: "nhìn thấy" toàn bộ cả chữ.

Để tiếp tục thử tài Sereja, Anna lấy một tờ giấy trắng khác dùng ngón tay viết lên đó một chữ tên của mình (tất nhiên là không có mực hiện lên). Sau đó chị đưa tờ giấy trắng cho Sereja ngửi. Trước sự ngạc nhiên của nữ nhà báo, của một phóng viên ảnh đi cùng, Sereja sau khoảng 5 giây ngửi tờ giấy trắng đã đọc chính xác chữ "Anna" mà chị nhà báo vừa dùng ngón tay viết lên.

Riêng trong năm nay đã có hai đoàn phóng viên của hãng truyền hình TBS Nhật Bản đến gặp Sereja. Đoàn đầu tiên đến để xác minh xem thực hư thế nào, có đúng là cậu bé có tài đọc bằng mũi không. Đoàn thứ hai đến làm hẳn một bộ phim tài liệu về "siêu nhân Xaratốp". Đó là một phần trong bộ phim nhiều tập về "Các siêu nhân trên thế giới". Vốn là những người cẩn thận, các phóng viên Nhật Bản đã đề nghị bố của Sereja ra khỏi phòng và để cậu ở lại một mình. Sau đó họ dùng bút chì, giấy riêng của mình viết chữ tượng hình (giống chữ Trung Quốc) lên tờ giấy rồi đưa Sereja đọc. Vì không hiểu chữ Nhật nên cậu phải vắt vả lắm mới thể hiện những gạch ngang gạch dọc của chữ Nhật mà cậu vừa ngửi được lên tờ giấy trước sự ngạc nhiên hết chỗ nói của các phóng viên ngoại quốc.

Biệt tài đọc bằng mũi của Sereja nhiều lúc cũng làm cho cậu khó xử. Ví như ở trường học, cô giáo chủ nhiệm không thích cậu học trò của mình vì sợ cậu biết hết các bí mật của cô, của nhà trường. Còn trường đại học cảnh sát quốc gia thì mời cậu cộng tác trong công tác tìm kiếm tội phạm. Họ đã làm hẳn một cuộn phim dài về cậu.

**Người có những giác quan đặc biệt**

Dù bị che cả hai mắt bằng chiếc khăn thít chặt, chàng thanh niên 18 tuổi Sergey Semivolos vẫn có thể kể vanh vách những gì được vẽ trên một tờ giấy khi anh ta ngồi lên đó. Nhiều bộ phận cơ thể của Sergey như tay, chân, mũi, gáy và thậm chí cả... mông dường như đều có "mắt" và biết phân biệt mọi thứ.

Theo các nhà khoa học, dường như gót chân trái của Sergey cũng có chức năng của cơ quan thị giác. Trong một lần "thử nghiệm" trước sự chứng kiến của các nhà khoa học, Sergey bị bịt mắt, phải dùng chân và tay để "nhìn" một bức tranh vẫn phân biệt rõ mọi chi tiết trên đó chính xác tới từng milimét.

Đến bây giờ, Sergey đã có thể đếm tiền chính xác mà chỉ cần dùng... mũi. Dù bị bịt mắt thật chặt, chỉ cần ngửi mùi là anh có thể phân biệt chính xác các quân bài, từ quân 1 đến quân át và kể cả chất: dô, cơ hay bích, nhép. Theo lời kể của bố Sergey, khi anh mới 5 tuổi, trong một lần làm ảo thuật đơn giản bằng những quân bài, bố anh đã nói đùa rằng "hãy ngửi thì biết...!" Và thế là từ đó, ông không bao giờ thắng được cậu con trai khi chơi bài. Đồng thời những thứ khác như kẹo, bánh ông cũng không còn cách nào giấu nổi khỏi cái mũi cực thính của Sergey.

Khi đi học, Sergey có thể ngửi các phiếu câu hỏi thi (vấn đáp) để chọn đúng câu hỏi mà cậu thích nhất. Đến mức mà mỗi khi cậu sinh viên Sergey bước vào phòng thi thì giáo viên chỉ cần hỏi xem anh thích câu hỏi nào (tất nhiên là sau đó anh tự cầm lên đúng phiếu câu hỏi mà không cần nhìn). Có lần, giáo viên đã cố gắng trộn tung đống phiếu câu hỏi thi để thử Sergey nhưng anh vẫn lấy đúng câu hỏi mình thích và giáo viên đành phải trực tiếp đọc luôn một câu hỏi phụ để kiểm tra mức độ chăm chỉ của cậu sinh viên "cá biệt".

Nhưng cũng chính vì cái mũi thính của mình mà Sergey cũng gặp nhiều phiền toái. Khi còn là học sinh, một lần trong giờ thực hành thí nghiệm môn hoá học, cô giáo chưa kịp mở nắp chiếc lọ nhỏ đựng ête thì Sergey đã... bất tỉnh nhân sự mặc dù cậu ngồi ở tận cuối lớp. Mùi khó chịu nhất đối với Sergey là mùi gan, bất kể dù chỉ một chút gan ở trong món thịt băm thì Sergey cũng biết ngay lập tức mà không cần nếm.

Sau khi khả năng đặc biệt của Sergey được nhiều người biết đến, Bộ Nội vụ Nga đã quyết định tiến hành thí nghiệm kiểm tra đối với anh. Nhiệm vụ Sergey được giao là phải phân biệt những đồng tiền thật và những đồng tiền làm giả cực giống (đã được trộn lẫn với nhau). Kết quả cho thấy là Sergey đã chọn chính xác như kết quả của một máy phát hiện tiền giả hiện đại nhất. Thậm chí, máy phát hiện tiền giả phải mất vài phút mới phân biệt được, còn Sergey chỉ cần vài giây. Sau "thí nghiệm" này, Sergey đã được cấp thẻ của nhân viên điều tra hình sự, anh không thuộc biên chế của Bộ Nội vụ nhưng được quyền làm việc theo nghiệp vụ này ở bất cứ nơi nào ở nước Nga. Dù chỉ dùng mũi ngửi, nhân viên điều tra hình sự nghiệp dư Sergey có thể "đánh hơi" thấy các loại ma tuý nếu có ở trong phạm vi 40 mét. Ngoài ra, những "ông chủ" trong giới máu me cờ bạc sẵn sàng trả thù lao cho Sergey 40 nghìn USD nếu anh có thể giúp chúng thành công trong một buổi chiều ở sòng bạc, nhưng anh đã từ chối thẳng thừng.

Để giải đáp mối nghi hoặc của nhiều người, Sergey đã phải rất "vất vả" với những cuộc thử nghiệm khi bị che mắt kĩ lưỡng không chỉ bằng kính đen mà còn kèm theo hai ba chiếc khăn đen bít chặt. Những người Nhật cẩn thận và khó tính còn viết cả chữ tượng hình của họ nhưng Sergey vẫn viết lại chính xác những chữ đó.

Khả năng đặc biệt của Sergey được đưa vào cuốn sách kỉ lục "Divo" của Nga khi cậu mới có 10 tuổi. Năm 1998, "Divo" được xuất bản lần thứ 3 và Sergey Semivolos lại được nhắc tới với câu kết ngắn gọn rằng: "Hiện chưa có sự giải thích khoa học nào đối với hiện tượng kì lạ này".

**Khám phá khoa học về khứu giác**

*Khoa học hiện đại chứng minh rằng mùi vị là dấu hiệu nhận dạng con người và tình yêu. Từ trước đến nay người ta vẫn quan niệm rằng con người thu nhận được 80% lượng thông tin về môi trường xung quanh thông qua thị giác, 8% thông qua thính giác và một phần rất nhỏ thông tin thông qua khứu giác. Ngược lại, các động vật thu nhận được phần lớn thông tin thông qua khứu giác.*

Nếu vô hiệu hoá thính giác của động vật, chúng sẽ mất khả năng định hướng trong không gian, không tìm được thức ăn, không chọn được bạn tình. Con bướm đực thuộc loài Astis Selenne có thể cảm nhận thấy mùi cơ thể của con cái ở cự li từ 1km! Dường như loài người là loài sinh sống trong hai thế giới với môi trường hữu hình. Còn loài vật dựa vào môi trường vô hình của vô vàn mùi vị khác nhau, đa dạng, hoà quyện vào nhau, buộc chúng phải có khứu giác đặc biệt nhạy cảm và tinh tế để xử lí và rút ra những thông tin cần thiết nhằm tồn tại

và phát triển. Ví dụ, mũi của chó có tới 230 triệu tế bào khứu giác, còn mũi của người chỉ có 10 – 11 triệu tế bào, nghĩa là ít hơn 20 lần. Bởi vậy, tuy chó có thị giác khá phát triển nhưng quyết định cuối cùng để hành động phải được "thông qua" ở mũi. Ta đến nhà một người quen có nuôi chó. Thoạt đầu, nhìn thấy ta, con chó có thể sủa gầm lên đe doạ tấn công. Nhưng khi tới gần, chỉ khịt mũi vài ba cái và nhận ra ngay đó là người quen, liền vẫy đuôi làm lành như tỏ ý xin lỗi. Các động vật giao tiếp với nhau qua mùi mà các nhà khoa học gọi là pheromon, bao gồm các lipit, peptit, steroit, nuclotit. Sổ xenxơ để xử lí thông tin được mã hoá qua các phermon thay đổi tuỳ theo mức độ tiến hoá của động vật. Vi khuẩn chỉ có vẻn vẹn 24 tế bào khứu giác. Loài ong có hệ thống xenxơ phức tạp hơn, nhưng vẫn kém so với động vật có vú. Một con ong bị ai đó quấy nhiễu liền phóng vào không trung chất Izomilaxetát. Nhận được mùi vị đó, cả đàn ong ngay lập tức đổ xô ra tấn công kẻ khiêu khích. Động vật có vú hành động thận trọng hơn. Các pheromon không nhất thiết là mệnh lệnh hành động mà là thông tin để suy ngẫm. Trước một thông tin mùi có thể có nhiều phương án hành động và chúng sẽ chọn phương án phù hợp với tình huống cụ thể.

Các nhà khoa học ngày nay đã chứng minh được rõ ràng Pheromon là ngôn ngữ giao tiếp của động vật. Kết luận đó là nỗ lực phối hợp của các nhà hoá học, vật lí, sinh lí học thần kinh cao cấp, hành vi học, các chuyên gia Xemiotic nhận dạng bằng dấu hiệu. Dùng các Pheromon, họ đã tạo ra hoặc đọc được các câu giao tiếp của động vật như "mình với cậu cùng dòng máu", "tớ là giống cái (giống đực)", "tớ cảm thấy sung sướng", "tớ giết cậu"... Điều thú vị là những câu giao tiếp đó rất gần với ngôn ngữ của một số tộc người da đỏ và người Tsuctsi. Hai nhà khoa học Zinkevich và Alâynhikơ tiến hành một thí nghiệm độc đáo. Họ dùng chất Propinonat amoniac hoà trộn với 10 chất khác phun lên cơ thể một con mèo lớn. Hỗn hợp mùi đó giống với thứ ngôn ngữ mùi và giống chuột thường dùng để giao tiếp với nhau. Kết quả thật bất ngờ. Trước mắt đàn chuột, con mèo thí nghiệm được "đánh giá" là một con chuột đồng loại thân hình lớn quá cỡ. Chuột chỉ tỉnh ngộ khi đã nằm giữa hai hàm răng sắc nhọn của mèo! Bằng phương pháp tổng hợp ngôn ngữ mùi, Zinkêvich và Alâynhikov phát hiện thấy vốn ngôn ngữ để tỏ tình của các loài vật chỉ vào khoảng 9 câu: Có lẽ cũng là hợp lí vì tình yêu của loài vật chỉ nhằm mục đích duy nhất là duy trì nòi giống.

Các khám phá gần đây trong lĩnh vực ngôn ngữ mùi của loài vật có ý nghĩa rất lớn về lí luận và thực tiễn. Các nhà khoa học đang nghiên cứu một bộ "Từ điển ngôn ngữ mùi" để xua đuổi các loài vật có hại hoặc thu hút chúng để

đánh bắt. Công nghiệp đánh bắt cá có sử dụng ngôn ngữ mùi đã được thử nghiệm. Người ta sẽ dùng mùi để dụ các đàn cá lớn đến nơi cần thiết để đánh bắt với hiệu quả cao.

Về khứu giác của con người, gần đây các nhà khoa học đã khám phá được những điều mới mẻ, làm thay đổi hẳn quan miện từ trước tới nay vẫn cho rằng con người không giao tiếp với nhau qua ngôn ngữ mùi. Và họ đã chứng minh được rằng ngôn ngữ mùi ở con người có tính toàn thân. Con người nhận biết nhau qua mùi một cách trực cảm, bằng tư duy trừu tượng, trong đó thể hiện cả vẻ đẹp, trí tuệ, sự khôn ngoan, duyên dáng, không thể phân tích được theo lôgíc toán học thông thường. Cách tư duy đó đang được các nhà khoa học sử dụng để phát triển các môn khoa học mới gọi là "Khoa học chất lượng" trong khoa học về trí tuệ nhân tạo.

Phát hiện khoa học mới đầu tiên về khả năng khứu giác của con người do các nhà sinh lí học Mĩ chứng minh được bằng thực nghiệm là: ở lỗ mũi con người có hai cơ quan khứu giác: khứu giác để nhận biết thực phẩm và khứu giác để cảm nhận hương vị toàn thân do con người toả ra để gây sự chú ý và lôi cuốn kẻ khác giới. Các nhà khoa học gọi đây là khứu giác tình yêu. Họ đặt hai ống mao dẫn vào hai khu vực khứu giác trên đây và lần lượt bơm dung dịch chứa mùi thực phẩm và dung dịch chứa chất kích thích tình dục. Một máy điện kí cực nhạy đã ghi lại phản ứng của não. Khu vực khứu giác mùi thực phẩm chỉ phản xạ với thực phẩm và khu vực khứu giác tình yêu chỉ ghi lại các xung động của chất kích thích tình dục. Chính cái hương vị tình yêu do con người toả ra là nguyên nhân sâu xa tạo ra cái mà các nhà thơ vẫn gọi "Tình yêu từ cái nhìn đầu tiên". "Cái nhìn" ở đây chính là "cái nhìn bằng mũi" mà cả hai người yêu nhau đều không ý thức được, không giải thích được. Và họ thường khẳng định "Tình yêu là thứ cảm xúc không thể giải thích được".

Phát hiện khoa học tiếp theo của các nhà giải phẫu học Victoria Gulimova tại Viện hình thái học con người thuộc Viện hàn lâm y học Nga đã tiến thêm một bước quan trọng trong lĩnh vực khứu giác học về con người. Sử dụng kính hiển vi điện tử cực nhạy và phương pháp hóc môn đánh dấu, họ đã chụp ảnh được các tế bào khứu giác tình yêu của con người ở bào thai trong giai đoạn đầu phát triển các bộ phận cơ thể của thai nhi. Khứu giác tình yêu vẫn còn trong suốt thời kì phát triển của con người. Phát hiện này đã bác bỏ giả thuyết trước đây cho rằng khứu giác tình yêu của con người chỉ có ở bào thai trước 5 tháng tuổi và về sau bị thoái hoá và biến mất. Chính nhờ khứu giác tình yêu này còn phát triển và khá nhạy cảm trong suốt cuộc đời mà nàng Juliet đã nhận ra vẻ đẹp

hoà hợp đến mê hoặc của chàng Romeo đeo mặt nạ đến dự đêm hội hoá trang nhân ngày nàng tròn mười sáu. Juliet đã sẵn sàng đi cùng Romeo đến tận cùng thế giới, bỏ mặc người thanh niên không kém đẹp trai, giàu có, có giọng hát mê hồn mà cha mẹ nàng đã hứa đính hôn cho nàng. Thế là điều bí ẩn về mối tình Romeo và Juliet mấy thế kỉ đã được "vật chất hoá" và được giải đáp bằng khứu giác thì tình yêu đặc biệt tinh tế và nhạy cảm biết bao đôi lứa bị cuốn hút và yêu nhau đến mê hoặc mà thoạt trông hình thức bên ngoài không ai có thể giải thích được đã được giải mã. Cái duyên thầm ở mỗi con người có lẽ phần nào ẩn dấu ở những thông điệp vô hình này.

Các nhà khoa học đã chứng minh được tổng quát hơn rằng, mùi vị toàn thân của mỗi con người phụ thuộc vào trạng thái tinh thần của con người đó: yêu, ghét, hờn, giận, bực bội, sung sướng, hạnh phúc. Trạng thái đó đều tác động và ảnh hưởng tới người xung quanh. Tình yêu xuất phát từ những tính cách ích kỉ, vụ lợi, dù được che đậy tinh vi đến đâu, rút cuộc không thể đánh lừa được... cái mũi thính.

**Những điều ít biết về khứu giác người**

Bạn có biết khứu giác của mình có thể phân biệt được bao nhiêu thứ mùi không? Chắc bạn không ngờ: các nhà khoa học cho biết: hơn một vạn loại mùi khác nhau.

Con người sở dĩ ngửi được các mùi là dựa vào quá trình hít thở. Các mùi xung quanh ta đi vào cơ thể qua mũi cùng không khí rồi đi lên não. Mỗi ngày chúng ta trung bình hít thở 23.040 lần, mỗi lần kéo dài 5 giây, trong đó hít vào 2 giây và thở ra 3 giây. Trong cả đời một người chỉ có hai lần hít và thở tách rời nhau, đó là hơi thở hắt ra trước khi từ biệt cõi đời và động tác hít vào khi chào đời.

Người ta không thể kháng cự được mùi vị xung quanh bởi vì không thể khống chế được khứu giác như các khí quan khác: không muốn nhìn thì có thể nhắm mắt, không muốn nghe thì bịt tai, song không hít thở thì sẽ chết. Khứu giác đem lại cho con người ý nghĩa khôn cùng bởi nó có một sức mạnh thần bí. Các nhà khoa học đã chứng minh mùi vị có thể kích thích trí nhớ. Ví dụ, với những loại mùi khác nhau bạn có thể liên tưởng đến một người thân, một miền đất, một dòng sông, thậm chí một giai đoạn trong cuộc đời mình. Đã có một nhà khoa học công bố công trình nghiên cứu về mối quan hệ giữa khứu giác và trí nhớ, trong đó nêu rõ: khi các học sinh học bài nếu cho ngửi mùi thơm thích hợp thì trí nhớ được tăng lên rất nhiều. Khứu giác cũng ảnh hưởng đến sinh lí. Ví dụ, mùi hoa và các vật chất có chứa mùi hoa có thể khiến người ta cảm thấy mình

trẻ trung hơn, có sức sống hơn và ở mức độ nào đó còn giúp tăng cường khả năng tình dục.

Ở đây xin kể lại mọt câu chuyện về Napoléon Bonaparte. Mỗi lần xuất quân đi chinh chiến hay đi công cán ông ta đều dặn vợ mấy ngày trước khi ông về đừng tắm. Nguyên do là ông rất thích mùi hương tự nhiên của cơ thể vợ, chính mùi hương đó đã khiến ông ta mê mẩn, yêu say đắm nàng.

Các nhà nghiên cứu cũng chỉ ra rằng: các cặp yêu nhau sở dĩ thích hôn nhau là vì trong quá trình đó có thể ngửi được mùi vị độc đáo của người mình yêu. Mùi vị đó đã giúp họ hưng phấn, say đắm. Ở một số nước Tây Phi và Ấn Độ, "hôn" (kiss) và "mùi" (smell) đồng nghĩa với nhau.

Điều thú vị nhất là có nơi trên thế giới người ta lại gắn mùi vị với sự tôn trọng trong quan hệ xã giao. Bạn bè khi chia tay nhau, tay người nọ luồn vào nách người kia, mục đích là để mùi vị cơ thể bạn lưu lại trên tay mình, biểu thị sự tôn trọng đối phương. Có nơi ở châu Đại Dương, người ta đón khách quý bằng cách cọ mũi mình vào mũi khách hoặc chun mũi ngửi mùi cơ thể khách.

**Khám phá khoa học về thị giác**

***Màu sắc trong trang trí nội thất***

Sau một ngày căng thẳng đầu óc để giải quyết công việc, trở về căn hộ sạch sẽ, không khí thoáng mát, tường quét vôi màu xanh lơ êm dịu... ta thấy tinh thần thư thái trở lại, sức khoẻ hồi phục.

Trái lại, sau khi giải quyết công việc căng thẳng mà lại trở về căn buồng quét vôi màu đỏ thì thần kinh càng bị kích thích, con người trở nên bực tức khó chịu.

Các kết luận trên đã được nhiều dân tộc trên thế giới công nhận. Tuy chưa có cách đo định lượng, nhưng về định tính thì dù là châu Âu, châu Á hay châu Mĩ cũng đều có sự tương đồng.

Mỗi màu đều có tính chất riêng của nó.

– *Màu đỏ* là màu của nghị lực nhưng cũng có vẻ hung bạo, cho nên chớ lạm dụng màu đỏ vì dễ gây căng thẳng khó chịu.

– *Màu vàng* là màu sáng, thông thái, ấm cúng và vui mừng, đánh thức các khả năng trí tuệ và cảm xúc.

– *Màu xanh lơ* thì tươi mát, trong sáng và mơ mộng, gây sự thanh thản, kích thích thú vui chơi và mộng mơ.

– *Màu xanh lục* chống sầu uất. Màu xanh lục đậm làm thư giãn và xanh lục nhạt (ngả vàng) làm cho tỉnh trí.

– *Màu trắng*: là sự bình thản và trong sáng, làm nổi bật các màu sắc và vật liệu khác để bên.

– *Màu đen* đồng nghĩa với buồn thảm nhưng với đường viền nhỏ thì nó lại tôn các màu sắc khác, làm nổi bật bởi những đường viền.

Màu sắc không chỉ trong thiết kế nhà ở hay phòng làm việc, mà cả trong các trang phục khi giao tiếp, trong sinh hoạt hoặc lao động.

Đối với nhà ở, các phòng quay về hướng Bắc nên có màu sắc ấm áp như màu hồng. Các buồng ở và buồng tắm nên dùng màu trắng hoặc sáng.

Màu sắc trong phòng cũng cần hài hoà với đồ đạc và vật liệu trang trí trong đó. Nên tránh các màu quá tương phản. Nên giới hạn chỉ dùng một hoặc hai màu cơ bản trong một phòng.

***Chuyện lạ chưa có lời giải thích***

*Cô bé có đôi mắt nhìn xuyên tường*

Các báo chí Mĩ vừa đăng một tin khá hấp dẫn. Cô bé Amari Kao 14 tuổi người Mĩ có đôi mắt lộn trắng nhưng có thể nhìn xuyên qua gạch và kim loại. Em bé gái này khoẻ mạnh bình thường như các em gái khác, có điều năm em 10 tuổi bỗng nhiên nhãn cầu màu nâu của em cứ nhạt dần, rồi cuối cùng biến thành màu trắng. Rồi sau đó bất cứ ngày hay đêm, em cũng nhìn rõ mọi vật chung quanh một cách dễ dàng. Đặc biệt hơn nữa là em có thể nhìn xuyên qua thực thể bình thường. Đặt một vật núp sau bức tường gạch dày 30 cm, em có thể nhìn xuyên qua các tấm thép, tấm gỗ, tấm nhựa, tấm giấy bồi và cả đá nữa. Thậm chí em có thể nhìn thâu qua thân thể con người, biết được các cơ quan nội tạng đang hoạt động.

Các bác sĩ và các nhà khoa học đã đưa ra nhiều giả thuyết, tại sao em Amari lại có khả năng kì dị đó. Có người cho rằng bộ não của em bị chấn thương, có người cho rằng vì em uống phải một thứ thuốc hoá học nào đó...

Các nhà khoa học vẫn đang tiếp tục nghiên cứu về em để tìm ra một nguyên nhân xác đáng.

*Thị giác màu*

Hãy tưởng tượng một buổi sáng ngủ dậy bạn nhìn thấy mọi vật xung quanh chỉ còn như trên màn hình ti vi đen trắng, thế giới màu sắc với bạn từ nay chỉ còn là kí ức, bạn sẽ hãi hùng, thất vọng đến mức nào? Không còn thị giác màu thì còn đâu vẻ đẹp của thiên nhiên với non xanh, với ráng chiều đỏ, lá thu vàng...

Màu sắc làm cho thế giới tràn đầy vẻ đẹp cả thiên tạo và nhân tạo. Xét cho cùng, chẳng cứ là người, mà cả côn trùng hay muông thú cũng nhạy cảm trước

màu sắc: chẳng phải màu hoa đã quyến rũ ong bướm đến những nhị hoa, và các con chim trống với bộ lông rực rỡ đã hấp dẫn được bạn tình đó sao? Ở người, màu sắc còn giữ vai trò phong phú và tinh tế hơn nhiều. Người ta không những rung động trước thế giới màu mà còn gắn màu sắc với tình cảm, tư tưởng và trong nhiều trường hợp còn biến chúng thành quy ước và biểu tượng xã hội. Người phương Tây thường liên tưởng lục (green) với ghen tuông, người nhu nhược thì kể là vàng (yellow)... Người phương Đông còn "võ đoán" hơn khi ghi rõ vào lá số tử vi của từng người là hợp với màu này và không hợp với màu kia. Chẳng hạn theo tử vi thì người viết bài này "hợp với các màu đỏ và vàng, không hợp với các màu đen và trắng". Nhiều khái niệm màu đã trở thành quy ước xã hội phổ biến như khi đi đường thấy đèn xanh thì đi, đèn đỏ thì dừng, nhìn trên bản đồ màu xanh là sông là biển, màu lục là rừng và công viên, màu đen là xa lộ. Ý chí chiến đấu cao nhất của con người cũng được gắn với biểu tượng màu sắc khi ta nói "vì màu cờ, sắc áo" cho dù đó là trên chiến trường, hay trên sân đấu thể thao.

Nhưng có thật chúng ta nhìn thấy màu không? Đúng ra mà nói, chúng ta nhìn thấy các ánh sáng màu. Bức xạ mặt trời mà ta thấy như ánh sáng trắng không phải là đơn sắc mà là một tập hợp của nhiều ánh sáng màu. Điều này được thể hiện khi ánh sáng mặt trời chiếu qua một lăng kính sẽ khúc xạ thành một băng màu gồm đủ các màu của cầu vồng theo thứ tự bước sóng tăng dần: tím, chàm, lam, lục, vàng, cam, đỏ mà mắt người nhìn thấy được (phổ khả kiến). Ánh sáng tím có bước sóng ngắn nhất (400mm) và ánh sáng đỏ có bước sóng dài nhất (800mm). Ngắn hơn tia tím mắt người không nhìn thấy là các tia cực tím (còn gọi là tia tử ngoại – UV), tia X và tia gama. Dài hơn tia đỏ mắt người cũng không nhìn thấy là tia hồng ngoại (IR) và sóng vô tuyến.

Như vậy đến đây chúng ta dễ dàng suy ra rằng "màu trắng" thật ra không phải là một màu mà là một tập hợp tất cả các màu của cầu vồng. Cũng vậy "màu đen" không phải là một màu mà là không có màu nào cả (ngược với trắng là đủ các màu), nghĩa là không có loại tia nào được cảm nhận bởi võng mạc mắt, đó là cảm giác trống rỗng của võng mạc. Còn khi một vật có màu này hay màu kia là do chúng ta nhìn thấy ánh sáng màu này hay màu kia, của vật đó phát ra hay phản chiếu ánh sáng phát ra hay phản chiếu từ một vật đến mắt ta tạo ra một ảnh trên võng mạc. Võng mạc có hàng triệu tế bào nhận cảm ánh sáng khác nhau. Các tế bào này hấp thụ ánh sáng chuyển thành tín hiệu điện và truyền lên não qua dây thần kinh thị giác. Não xử lí các tín hiệu điện này và "đọc" chúng thành hình ảnh màu.

Có hai loại tế bào nhận cảm ánh sáng của võng mạc: tế bào que và tế bào nón. Tế bào que rất nhạy cảm với ánh sáng yếu (nhìn trong bóng tối) nhưng không phân biệt được bước sóng, tức không phân biệt được màu. Vì vậy trong bóng đêm hay trong phòng tối chúng ta chỉ nhìn thấy những hình bóng xám. Khi cường độ ánh sáng tăng lên, các tế bào que ngừng hoạt động và các tế bào nón bắt đầu đáp ứng. Ở người bình thường có ba loại tế bào nón: một loại đáp ứng chủ yếu với các tia sáng có bước sóng ngắn (miền xanh), một loại với bước sóng trung (miền lục), một loại với bước sóng dài (miền đỏ).

Không phải ai cũng nhìn được màu đầy đủ. Những người không nhìn được màu hoặc không có khả năng nhìn thấy đủ các màu là những người mù màu. Có nhiều loại và nhiều mức độ mù màu tuỳ thuộc vào các bất thường của các tế bào nón. Trường hợp mù màu hoàn toàn tuy có nhưng rất hiếm. Thường là mất hoạt động của một loại tế bào nón làm mất khả năng nhìn được màu tương ứng (mù màu một phần). Mù màu là bệnh mang tính di truyền và cho đến nay vẫn không chữa được. Trong y học, người ta gọi bệnh mù màu là bệnh Dalton (Daltonism) và chia thành hai nhóm chính:

– Nhóm thị giác hai màu (dichomatic vision): những người này chỉ nhìn thấy hai màu vàng và xanh. Họ bối rối, nhầm lẫn trước các màu đỏ và lục hoặc nhầm lẫn giữa một số màu đỏ hoặc lục với một số màu vàng.

– Nhóm ach – romatic vision: rất ít người bị. Nhìn thế giới như xem ảnh đen trắng.

Các thống kê về bệnh mù màu cho thấy nam giới bị mù màu nhiều hơn (với tỉ lệ mắc 8/100) so với nữ (với tỉ lệ 1/200). Trong thực tế có những người mù màu mà không biết, họ vẫn học được cách gọi màu theo người khác. Những người này có thể gặp nguy hiểm trong cuộc sống hàng ngày, ví dụ như họ nhầm đèn đường đỏ với xanh khi đi đường. Họ có thể mất cơ hội tham gia một số nghề như quân nhân chuyên nghiệp, phi công, lái xe, thiết kế thời trang và một số nghề khác.

Có các thử nghiệm để phát hiện mù màu như A–R–R test, Ishihara test... Việc khám thị giác màu không những cần thiết cho một số nghề nghiệp kể trên mà còn đề phòng bệnh mù màu cho con trai. Nhìn chung, di truyền bệnh mù màu diễn ra như sau: một người đàn ông mù màu kết hôn với một phụ nữ bình thường sinh ra con có thị giác màu bình thường. Tuy nhiên, con gái của họ có mang gene mù màu (của cha truyền cho). Nếu người con gái có cha mù màu lấy

người chồng bình thường thì mỗi con trai của họ sinh ra có nguy cơ mù màu 50 – 50.

Ở nước ta, so với các tật thị giác khác như cận thị, viễn thị, loạn thị... thì bệnh mù màu còn ít được quan tâm tìm hiểu.

**Con mắt: từ bộ máy để nhìn đến biểu tượng thần thánh**

*Đứng đầu các giác quan, con mắt mang lại cho chúng ta những thông tin quan trọng nhất về thế giới bên ngoài. Chính tầm quan trọng đó đã khiến con mắt trở thành một biểu tượng toàn năng.*

Được trang bị một hệ thống thấu kính quang học cực kì hoàn thiện và một màng nhạy cảm với các tia sáng, con mắt chúng ta là một bộ máy tuyệt vời. Nó bắt chước được các tia sáng, chuyển chúng thành thông điệp điện tử rồi đưa vào não. Bằng cách lựa chọn giữa 1,5 triệu thông tin, các tế bào thần kinh của chúng ta dựng nên một hình ảnh rõ ràng của thế giới.

Được phú cho một thị giác tuyệt hảo, đặc biệt cho phép đánh giá rõ ràng các khoảng cách, trước hết con người là một động vật thị giác. Chính vì thế con mắt có một vị trí trung tâm trong các bộ môn nghệ thuật và các truyền thống văn hoá, đồng thời tượng trưng cho sự toàn năng của thần thánh và sự khát khao kiến thức của con người.

Như nhà phân tích tâm học Boris Cyrulnik nhấn mạnh: "Con mắt là một công cụ truyền đạt một cảm xúc to lớn ở mọi sinh vật, đặc biệt là con người". Con người biết học cách sử dụng cái nhìn như là ngôn ngữ, như là phương tiện giao tiếp. Câu chuyện về con mắt là câu chuyện về một cơ quan có nhiều ý nghĩa trong đời sống con người.

*80% thông tin đi qua đôi mắt chúng ta*

Ngược lại với những điều người ta tin tưởng bấy lâu nay, con mắt của trẻ sơ sinh hoạt động ngay lập tức. Nếu biết đọc, trẻ có thể đọc nhan đề một bài báo cách 50 cm! Francois Vital – Durand nhận xét: "Ở trẻ sơ sinh, mọi yếu tố của bộ máy thị giác đều hiện diện. Nhưng không một yếu tố nào đạt đến giai đoạn cuối cùng của quá trình phát triển". Chỉ đến một tuổi, trẻ mới có khả năng nhìn của người lớn.

Khoảng một tuần tuổi, trẻ sơ sinh có thị lực 0,5/10. Tầm nhìn ngang của bé là 40 độ (người lớn có góc nhìn 180 độ). Lúc này trẻ chưa nhận thức được màu sắc và đường biên của một khuôn mặt, mà chỉ nhìn thấy hình dáng lờ mờ.

Khoảng 3 – 4 tháng tuổi, thị lực của bé tăng gấp đôi và đạt đến 1/10. Trường thị giác lúc này đã mở rộng. Bé thấy được các màu sắc rất nhợt nhạt và phân biệt

được đường biên của đồ vật. Bé trông thấy rõ hơn và nhận ra các khuôn mặt, bắt đầu từ khuôn mặt người mẹ.

Khoảng 7 – 8 tháng tuổi, thị lực của bé lại tăng gấp đôi nữa, đạt đến 2/10. Trường thị giác tiếp tục mở rộng: bé nhìn tập trung được vào một khuôn mặt trong môi trường xung quanh bé. Các màu sắc có vẻ sinh động hơn. Bắt đầu từ đây bé nhận rõ được hình nổi.

Khoảng 1 tuổi, thị lực đạt đến 4/10. Trường thị giác đã gần bằng trường thị giác của người lớn. Bé xác định được các chi tiết và đánh giá qua các khoảng cách. Nhưng bé chỉ phân biệt rõ các màu sắc lúc lên 2 tuổi rưỡi.

Con người có cái nhìn hoàn hảo hơn thú vật và bộ não con người đã được tổ chức để có khả năng xử lí ưu tiên các thông tin thị giác. Desmond Morris viết: "Đôi mắt là giác quan trọng yếu nhất của cơ thể con người".

Để giản lược, người ta có thể so sánh con mắt với máy ảnh. Cửa điều sáng sẽ là mống mắt, tức tròng đen (diaphragmeiris – cửa điều sáng con ngươi), thấu kính là thuỷ tinh thể, phim là võng mạc. Tuỳ theo độ co giãn của con ngươi mà tròng đen cho ánh sáng vào nhiều hay ít. Mỗi giây võng mạc nhận được khoảng 500 triệu đơn vị thông tin. Rõ ràng là nhiều hơn khả năng xử lí của chúng ta! Giáo sư Patrick Mac Lood, nhà sinh lí học thần kinh của Trường cao học thực nghiệm, ghi nhận: "Bộ não con người được tổ chức để ưu tiên xử lí các số liệu thông tin thị giác. Thần kinh thị giác có 1,5 triệu dây thần kinh, trong khi chỉ có 200.000 tế bào thần kinh cho xúc giác, 100.000 tế bào thần kinh cho thính giác, 50.000 cho khứu giác và từ 7.000 đến 8.000 cho vị giác. Một yếu tố nổi bật khác nữa là: khu vực thị giác, nghĩa là khu vực thu nhận và chuyển các thông tin do dây thần kinh thị giác truyền đạt, chiếm 30% bề mặt vỏ não, tức là nhiều hơn cả các khu vực khứu giác, vị giác, xúc giác hay thính giác..."

Không còn nghi ngờ gì nữa, con người trước tiên là một động vật thị giác. Thế nhưng con người vẫn thua xa loài chim mồi về thị lực: võng mạc của nhiều loài chim và rùa có khả năng nhận thức màu sắc tốt hơn con người. Về khả năng phân biệt các cử động, con người thua xa loài ếch: nó có thể tóm được những côn trùng đang bay hết sức nhanh!

Tuy nhiên, như đa số chuyên gia nhận định, thị giác con người vẫn hoàn hảo hơn cả. Mắt của chúng ta được phát triển để phân biệt từ xa một con mồi hay một kẻ thù. Ưu thế của thị giác được khẳng định từ mấy ngàn năm qua với sự phát triển của nền văn hoá dựa trên văn tự và TV ở thế kỉ XX.

Con người cũng là động vật duy nhất có khả năng tưởng tượng. Boris Cyrulnik nhấn mạnh: "Ngoài con người ra, không có sinh vật nào có khả năng

tái hiện những cái vô hình mà hoà hợp hành vi của mình với những hình ảnh tưởng tượng đó".

*Con mắt, biểu tượng của thần thánh*

Đã từ lâu, người ta vẫn cho rằng cái nhìn của con người có những năng lực siêu nhiên vì con mắt sinh ra ánh sáng. Từ đó con mắt có một vị trí quan trọng trong nghệ thuật và thần thoại.

*Trước thế kỉ XVII, người ta tin rằng con mắt không phải chỉ phản chiếu ánh sáng, mà còn sinh ra ánh sáng! Chính Léonard de Vinci đã quả quyết rằng cơ quan thị giác của chúng ta phát ra một luồng năng lượng tương tự ngọn lửa mặt trời. Do đó người ta phú cho cái nhìn của con người một số năng lực siêu nhiên.*

Trước tiên, những năng lực này mang tính ác. Theo một tục ngữ ý, chính "con mắt xấu" làm "trống trải những căn nhà và làm đầy những ngôi mộ". Desmond Morris kể: "Suốt trong thời Toà án giáo hội (Inquysition), các quan toà xét xử các vụ bị ma ám buộc các bị can phải đi thụt lùi vào phòng, vì sợ những cái nhìn chết chóc của họ sẽ tàn hại các thành viên của toà án".

Thế nhưng, "ánh sáng bên trong" nép mình ở đáy sọ chúng ta cũng có thể được sử dụng một cách xác thực. Chính vì vậy con mắt được coi như cội nguồn của nhận thức. Ví dụ ở giữa Esquymaux, thầy pháp (chaman) là "người có đôi mắt", tức là người am tường mọi sự. Người ta thường nhận định là con người đã dùng con mắt để chiếm đoạt tri thức chỉ thuộc về thần thánh. Trong cuốn *Sáng thế kỉ*, Adam và Eva bị đuổi khỏi thiên đường vì đã ăn quả táo của cây tri thức. Họ bị đầy ải vì được "mở mắt" về điều thiện và điều ác.

Theo trí tưởng tượng của dân gian, "trái cấm" trước tiên gợi lên bản năng giới tính và đôi mắt là công cụ của khoái cảm và dục tính.

Trong thần thoại Hi Lạp, con trai của thần Apollon và Erymanthe bị mù vì đã nhìn thấy nữ thần Aphrodite tắm, trong khi Actéon bắt gặp Artémis đang tắm nên bị hoá thành hươu, rồi bị đàn chó của mình xé xác. Oedipe đã tự làm cho mình mù mắt khi nhận thức được tội lỗi tày trời của mình: vô tình giết cha và lấy mẹ.

Còn trong thần thoại Ai Cập, thần Horus thường mang hình dáng con chim cắt. Cái nhìn sắc bén của con chim này là nguồn ánh sáng, nguồn sống và tri giác. Một số tôn giáo ở phương Đông và một số nhà thần bí của Thiên chúa giáo thường chỉ con mắt là cánh cửa tri thức. "Con mắt thứ ba", nằm trước trán như con mắt thứ ba của thần Shiva của Ấn Độ, là cơ quan để "nhìn vào nội tâm".

Đối với tín đồ ấn giáo, con mắt thứ ba này là biểu hiện của "con mắt tâm hồn" giúp con người nhìn thấy được Thượng đế. Người ta cũng gặp con mắt tinh

thần này trong nhiều truyền thống. Chẳng hạn như Hội tam điểm vẽ con mắt không có mí mắt trong một hình tam giác. Biểu tượng này thậm chí cũng có trong nghệ thuật của Công giáo.

Ngoài việc biểu thị khát khao kiến thức của con người, cơ quan thị giác cũng tượng trưng cho sức mạnh toàn năng của thần thánh. Desmond Morris viết: "Tổ tiên mê tín của chúng ta luôn tự nguyện rằng, thần thánh có nhiều con mắt để nhìn thấy được mọi sự". Trong Thánh kinh, cái nhìn của Thượng đế dõi theo Cain suốt đời, sau khi anh ta giết chết người em của mình là Abel, thần Horus của Ai Cập có con mắt sắc bén không bỏ sót bất cứ điều gì.

*Ngôn ngữ của đôi mắt*

Người Papous và Esquymaux thể hiện cảm xúc bằng đôi mắt theo một cách thức giống nhau. Nhưng mỗi nền văn hoá đều có ngôn ngữ "ánh mắt" riêng của mình.

Khi quan sát một gương mặt, trước tiên chúng ta nhìn đôi mắt, sau đó đến cái miệng. Theo các nghiên cứu của Paul Ekman, giáo sư tâm lí học Trường đại học California, chúng ta có thể xác định "trong nháy mắt" cảm xúc vui vẻ, ngạc nhiên và buồn phiền với xác suất 90%! Tỉ lệ nhận biết cảm xúc sợ hãi là 70% và sự nóng giận là 50%. Chỉ có một ngoại lệ: không ai nhận định được tình cảm chán ghét qua ánh mắt.

Theo giáo sư Ekman, đôi mắt của người Papous và Esquymaux thể hiện sự giận dữ hay vui vẻ không khác người Pháp.

Trước phản ứng không chủ tâm, kích thước của con ngươi cũng thay đổi. Theo Desmon Morris, khi nhìn thấy một vật gì đó làm chúng ta phải nhăn mặt, con ngươi sẽ co lại bằng đầu đinh ghim! Ngược lại, khi bắt gặp điều gì làm cho mình thích thú, con ngươi sẽ giãn nở. Các nghiên cứu khác cho thấy đôi mắt lúc đó có năng lực thu hút rất mạnh mẽ. Người ta đã chụp chân dung một người đàn bà làm hai tấm, trong đó một tấm được sửa lại với con ngươi nở to, tấm hình này có sức lôi cuốn hơn nhiều đối với tuyệt đại đa số những người được thăm dò ý kiến.

Theo Desmond Morris, ngôn ngữ của đôi mắt bao gồm hàng chục biểu hiện rất phổ thông, mang cùng ý nghĩa dù ở bất cứ nơi đâu trên thế giới. Ví dụ, đôi mắt cúi thấp hầu như luôn luôn là dấu hiệu khiêm tốn hay phục tùng.

*Niềm vui:* cảm xúc dễ nhận biết nhất! Nó thể hiện bằng con người mở rộng và đôi má nhô cao.

*Ngạc nhiên:* với cảm xúc này, đôi mắt luôn giương to, chân mày nhướn lên.

*Giận dữ:* con mắt giương to, bộc lộ sự bất bình, nhưng người ta không thể kéo dài trạng thái này mãi được vì khó giữ cho con mắt vừa mở to, vừa cau mày.

*Sợ hãi:* Một trong những cảm xúc cơ bản của chúng ta lại không dễ xác định. Đặc tính là mí mắt thấy được khá rõ.

Những cảm xúc khác được bộc lộ tùy theo những hoàn cảnh khác nhau. Đôi mắt hướng lên trời có thể biểu thị sự vô tội giả vờ, sự nghi ngờ hay sự cam chịu. Một ví dụ khác: cái nháy mắt, Desmond Morris cho rằng cái nháy mắt mời gọi tình dục đối với người lạ, nhưng giữa bạn bè với nhau, nó là dấu hiệu đồng loã. Cuối cùng, mỗi dân tộc có những biểu hiện tiêu biểu của riêng mình: ví dụ ở người Hi Lạp, nhướn mày và dõi mắt lên trời là tỏ ý "không ưng thuận".

Hơn nữa, một số thủ thuật cho phép chúng ta che giấu một số biểu hiện của đôi mắt (chẳng hạn như khăn che mặt, kính đen), làm nổi bật (bằng cách trang điểm) hay sáng tạo chúng. Chẳng hạn như để lôi cuốn đàn ông, đôi khi phụ nữ dùng đến một chất làm nở con ngươi là belladone (tiếng Ý – bella donna, tức người đàn bà đẹp). Dĩ nhiên cũng có nhiều cách khác nhằm "nói dối" bằng đôi mắt. Hầu như mọi người đều biết đưa mắt nhìn xuống để giả vờ đau buồn, cau mày hay nhướn mày để tỏ vẻ chú ý, giận dữ hay ngạc nhiên. Như vậy chúng ta làm sao biết được đó là biểu hiện của lòng giả trá hay tình yêu.

**Những bí mật của đôi mắt**

***Xem mắt biết... sức khoẻ và bệnh tật***

Người bác sĩ nhìn chăm chú vào mắt bạn... Rồi ông ta kết luận bạn đang bị bệnh gan, rối loạn tuyến giáp trạng hay đau bao tử...

Giờ đây các nhà nhãn khoa đã có đầy đủ cơ sở để khẳng định rằng cấu tạo, những dấu hiệu và màu sắc của tròng mắt phản ánh tình trạng của các bộ phận khác trong cơ thể con người.

Phương pháp "chẩn đoán bệnh qua mắt" vốn được các thầy thuốc Ai Cập cổ đại áp dụng đầu tiên, hiện đang thu hút sự quan tâm của các bác sĩ trên toàn thế giới và các chuyên gia của Hội đồng quốc gia các nhà nhãn khoa nước Anh đi đầu trong việc nghiên cứu và hoàn thiện phương pháp chẩn đoán bệnh này.

Theo các chuyên gia Anh, đôi mắt giống như bảng điều khiển trên máy bay báo hiệu những tình trạng sức khoẻ của các bộ phận trong cơ thể con người. Mắt trái phản ánh phần bên trái của cơ thể; mắt phải phản ánh phần bên phải. Trung tâm mắt gần sát con ngươi cho thấy tình trạng hệ thống tiêu hoá của bạn. Phần dưới của mắt cho biết tình trạng của khung chậu và cơ quan sinh sản; phía trái của mắt cho biết tình trạng các tuyến hoóc môn và phía phải của mắt cho biết

phổi bạn có vấn đề gì không. Sự khác thường trong cơ thể sẽ xuất hiện trong mắt bằng những vằn tia, nốt chấm và sự thay đổi màu sắc. Nếu sự bất thường liên quan đến cả phần trái và phải của cơ thể bạn thì những dấu hiện nhận biết sẽ xuất hiện ở cả hai tròng mắt. Các nhà nhãn khoa cho rằng những đầu dây thần kinh của mắt có mối liên hệ nhạy cảm với hệ thống thần kinh trung ương. Do đó bất cứ xung điện thần kinh ở các bộ phận của cơ thể bị thương hay mắc bệnh sẽ gây ra sự thay đổi về màu sắc ở các vùng khác nhau của con người...

**Biểu hiện tâm hồn và tình yêu...**

Tiến sĩ R. Buck, Trường đại học Connecticut (Mĩ) dựa trên cơ sở nghiên cứu khoa học của mình đã khẳng định "đôi mắt quả là cửa sổ của tâm hồn" và có thể dẫn đến tình yêu. Ông mô tả: "Những cái nhìn lâu không chớp vào mắt nhau có thể cuốn hút hai người xa lạ vào con sóng đầu tiên của biển tình". Và ông cho rằng "điều đó giải thích vì sao nhiều nam nữ diễn viên điện ảnh đóng những cảnh yêu đương mùi mẫn trong phim lại "phải lòng" nhau. Họ đã thực sự rung cảm vượt ra khỏi những cảnh diễn ra trên màn ảnh...". Cùng chia sẻ với ý tưởng này của tiến sĩ R. Buck, bà Sandra Coppedield – một học giả rất nổi tiếng của nước Mĩ đã nhận thấy tâm hồn và tính cách của con người theo sáu "mẫu mắt" sau:

*Những người có đôi mắt gợi cảm:* tất cả đều có đôi mắt to, truyền cảm, biểu lộ sức hấp dẫn tự nhiên của tinh thần và tâm tính hay thay đổi...

Đại diện tiêu biểu: Al Pacino, Tony Danza, Cher

*Những người có đôi mắt nhạy cảm:* đôi mắt của họ cho thấy họ rất dễ bị tổn thương. Đó là những người thường cố xua đuổi những cảm giác khó chịu bằng cách chớp mắt hoặc nhắm nghiền mắt lại...

Đại diện tiêu biểu: công chúa Diana, Meryl Streep, Donald Trump.

*Người có đôi mắt tươi vui:* đó là người có đôi mắt sáng, long lanh, linh hoạt. Họ bộc lộ một cách tự nhiên sức hấp dẫn của tính cách. Họ cũng là người may mắn trong cuộc đời bởi đôi mắt họ luôn ánh lên vẻ tự tin...

Đại diện tiêu biểu: Danh hài Danny De Vito, Julia Robert, Paula Abdul.

*Người có đôi mắt trung thực:* ánh mắt của họ khá khiêm nhường, điềm tĩnh. Đó là những người bạn tuyệt vời, những bạn hàng rất đáng tin cậy.

Đại diện tiêu biểu: Robert Redford, Oprah Wifrey, Fred Sauvage.

*Người có đôi mắt bạo dạn:* là người luôn có cái nhìn "chủ động tấn công". Những bí mật của họ biểu lộ ra là bản tính đòi hỏi cao đối với bản thân và đối với người khác. Họ cũng là người có sức hấp dẫn mạnh mẽ...

Đại diện tiêu biểu: Amold Schwarzenegger, Rod Stewart, Mick Jagger.

*Người có đôi mắt gợi tình:* là người có đôi mắt mơ màng. Họ có khuynh hướng chung thuỷ trong hôn nhân nhưng lại thích phiêu lưu mạo hiểm trong mộng tưởng. Họ là một người tình nồng nhiệt...

Đại diện tiêu biểu: Goldie Hawn, Waren Beatti, Don Johnson.

**Lại nói về bí mật của đôi mắt**

Bằng kính hiển vi điện tử và máy tính điện tử, các nhà khoa học thuộc các trung tâm, bệnh viện nghiên cứu và chữa các bệnh về mặt ở Mátxcơva đã xác định được bằng các chứng khoa học khá lí thú chứng tỏ rằng mắt không chỉ là "cửa sổ của tâm hồn" mà còn là "cửa sổ của sức khoẻ". Họ đã chứng minh được khả năng kì diệu của mắt đồng thời nhìn rõ hai vật thể ở các khoảng cách xa nhau như quyển sách đặt trên bàn và vòm cây ở ngoài cửa sổ trên cùng một hướng nhìn với chất lượng ảnh hoàn toàn giống hệt nhau. Điều đó không một camera kĩ thuật hiện đại nào có thể làm được. Bộ phận kì diệu nhất của mắt là võng mạc. Đó chính là tuyến trước, là cửa ngõ đầu tiên của bộ não con người. Trong đó mã hoá toàn bộ lượng thông tin video đập vào mắt thông qua 130 triệu bộ ăngten nhạy cảm ánh sáng. Để tạo ảnh màu, mắt phải dùng tới khoảng 7 triệu bộ ăngten nhạy cảm ở võng mạc. Các linh kiện bán dẫn nhạy cảm ánh sáng tương tự trong các camera hiện đại cũng chỉ đạt tới con số hàng vạn.

Các nhà khoa học cũng chứng minh được chiều dày của các lớp sắc tố ở tròng mắt và chất meianin hàm chứa trong đó tạo cho mắt các màu sắc khác nhau: màu xanh, màu xám hoặc màu đen. Tròng mắt có màu xanh sẽ cho ánh sáng lọt qua nhiều hơn so với màu xám và màu đen. Đó chính là nguyên nhân tạo cho mắt cư dân xứ hàn đới và ôn đới có màu xanh và cư dân ở vùng nắng nóng có màu đen. Các nhà khoa học giải thích trường hợp ngoại lệ này là do ở các xứ đó quanh năm bao phủ tuyết trắng. Lớp tuyết đó phản xạ 95% ánh nắng mặt trời đổ xuống trái đất. Để không bị loá mắt, tạo hoá đã "ban" cho họ đôi mắt màu đen như cư dân ở xứ nhiệt đới để "tự vệ". Vì thế, các cư dân vùng nhiệt đới chuyển qua sống ở xứ hàn đới hoặc ngược lại thường bị bệnh "rối loạn cơ địa", trước hết do màu sắc của mắt gây ra.

Để thích nghi với ánh sáng, kích thước con ngươi của mắt thay đổi tuỳ theo tuổi. Ở trẻ sơ sinh, con ngươi của mắt còn nhỏ xíu, chính là một kiểu "lỗ châu mai" để bảo vệ võng mạc chống lại tác động thái quá của ánh sáng, cũng có nghĩa là bảo vệ bộ não còn non trẻ. Sau một năm, con ngươi sẽ lớn dần và đạt kích thước lớn nhất ở tuổi dậy thì. Sau tuổi 20, con ngươi nhỏ dần và đến sau 50 tuổi chỉ còn lại khoảng 60%.

Người tinh nhanh nhất là người mắt màu xám. Đa số các vận động viên vô địch bắn súng đều có mắt màu xám. Những chị em thích có đôi mắt cuốn hút phải dùng tới kĩ thuật mĩ phẩm. Người đẹp thường dùng mĩ phẩm thay đổi màu sắc của tròng đen, tạo ra ánh mắt xanh – đen kì ảo với cái nhìn như muốn thu hút tâm can của kẻ khác giới. Họ không hề biết rằng làm thế là trái với tự nhiên, làm thay đổi phổ hấp thụ bức xạ mặt trời, mở rộng cửa "lỗ châu mai" và rút cuộc sẽ mắc nhiều bệnh không riêng gì bệnh ở mắt. Đeo kính màu cũng là cách làm phản khoa học, bởi lẽ nó làm tổn hại sự cân bằng sinh thái đã hình thành hàng triệu năm ở thị giác con người.

Từ xa xưa, các thầy thuốc thời Ai Cập cổ đại đã biết căn cứ vào màu sắc của mắt để chẩn đoán bệnh của người. Họ dùng tấm kẽm hoặc kền có phủ một lớp chất màu xám nhạy quang và ghé sát vào mắt bệnh nhân. Sau đó, họ đem đi xử lí bằng hoá chất để nhận được ảnh màu và căn cứ vào đó đoán bệnh.

Khoa học hiện đại chứng minh được mỗi bộ phận trên cơ thể người ứng với một đoạn xác định trong tròng mắt. Tròng mắt càng sáng, càng trong chứng tỏ một cơ thể khoẻ mạnh. Màu mắt đục chứng tỏ sức khoẻ "có vấn đề". Ví dụ, các vệt sắc tố màu sáng xuất phát từ vành ngoài của tròng mắt chứng tỏ hệ thống ven và bạch huyết làm việc quá căng thẳng, có thể dẫn tới hiện tượng rối loạn. Nhiều thông tin về sức khoẻ hàm chứa trong chuỗi hạt ngọc sắc tố bao quanh con ngươi của mắt. Chuỗi hạt đó bị dị dạng, mỏng mảnh chứng tỏ hệ thống miễn dịch và các quá trình trao đổi chất bị suy giảm. Quan sát võng mạc mắt của trẻ sơ sinh cũng có thể chẩn đoán được một số căn bệnh tiềm ẩn trong cơ thể và có cách phòng từ trước. Con người khi sinh ra có thể đã mắc một số mầm mống bệnh tật. Chúng sẽ phát thành bệnh thực sự khi gặp điều kiện thuận lợi trong cuộc sống như cảm lạnh, cảm cúm... có thể đề phòng và chữa được những bệnh đó trong trứng nước bằng cách quan sát võng mạc của trẻ nhỏ.

**Chuyển động giác quan thứ sáu**

*Cách tốt nhất để bước đi đó là thấy trước cử động, là một thách thức thực sự đối với cơ thể. Để thắng thách thức đó, não của chúng ta phải dự đoán và phỏng theo tình huống. Một êkíp người Pháp tìm cách khám phá những điều bí mật của nghệ thuật phức tạp thấy trước đó.*

Bắt một quả bóng, nhảy lên cao hoặc chỉ đơn giản là đặt một chân trước chân kia... Những hành động hằng ngày đó đối với chúng ta dường như là dễ lắm. Tuy nhiên, đối với mỗi hành động, chúng ta phải hình dung ra những hậu quả của sự chuyển động trước khi thực hiện chuyển động đó. "Não của chúng ta là một máy phỏng sinh học lạ thường với mục đích đi nhanh bằng cách thấy

trước tình huống, Alain Berthoz Giám đốc phòng thí nghiệm giải phẫu tri giác và hành động, ở trường trung học Pháp (Collège de France) giải thích. Một người đi săn một con mồi phải dự đoán được chỗ nó đã chạy tới khi viên đạn trúng nó. Ví dụ khác, trước khi đặt một chân xuống đất, trương lực cơ bắp phải được chuẩn bị cho sự thay đổi. Muốn vậy chúng ta sử dụng mà không biết một giác quan rất đặc biệt, giác quan chuyển động!". Êkíp của Alain Berthoz tìm hiểu những hiện tượng khác nhau cho phép cơ thể vượt qua thách thức cần thiết và thường xuyên cử động!

"Chuyển động là cần thiết để hiểu biết thế giới. Như vậy, não có thể vận hành những yếu tố của môi trường và nhớ nhiều thông tin để sử dụng giữa lúc hành động, nhà nghiên cứu lí giải. Ngoài ra những loài đã vượt qua được sự sàng lọc tự nhiên đều biết quyết định trong vài phần nghìn giây để bắt mồi hoặc chạy trốn thoát con ăn mồi, nhà nghiên cứu giải thích. Khả năng chuyển động, giác quan thứ sáu, do vậy là cơ sở tiến hoá của con người".

Nhưng nói giác quan là nói cơ quan: mũi để ngửi, tai để nghe. "Còn sự chuyển động thì được tạo thành nhờ có sự phối hợp của nhiều bộ thu giác quan. Do vậy nó không phải là một giác quan theo nghĩa cổ điển", nhà nghiên cứu nói vui. Dường như hiển nhiên là chúng ta thường sử dụng mắt để di chuyển, nhưng chúng ta cũng có hai nhóm lớn bộ thu riêng cho chuyển động, ít được biết đến. Những bộ thu thứ nhất nằm trong các khớp và trong các cơ bắp. Đó là những bộ thu nhận cảm bản thể, chúng cho não biết về sự giãn một cơ bắp hoặc về áp lực mà một khớp chịu đựng chẳng hạn. Những bộ thu thứ hai định vị ở tai trong, đó là những bộ thu của hệ tiền đình. Vai trò của chúng là dò tìm vị trí của đầu trong không gian.

"Điều đáng nhớ là trong giác quan chuyển động, chính não của chúng ta có thể tuyển lựa trước và "điều chỉnh" những bộ thu khác nhau đó tuỳ theo hành động đã định. Alain Berthoz nhận xét. Một người chơi quần vợt, một người trượt tuyết, hoặc đơn giản là một người đi bộ họ không sử dụng những tổ hợp thông tin như nhau và những bộ thu sử dụng đến sẽ thay đổi trong khi chuyển động. Do đó tri giác là một quá trình tích cực". Muốn trượt xuống thành công, người trượt tuyết trước hết phải phỏng được việc đó bên trong óc của mình. Cho nên những bộ thu giác quan khác nhau phải chăng sẽ sẵn sàng kiểm tra xem sự phỏng đó có tương ứng với "thực trạng" không. Hiện tượng thấy trước đó cần đến trí nhớ đầu kéo. "Khi tôi đã trượt tuyết, tôi "biết" những cảm giác, do vậy tôi có thể đoán trước việc chuyển động", nhà nghiên cứu nhấn mạnh.

Não hoạt động thường xuyên trên hai phương thức song song. Phương thức thứ nhất phát ra những giả thuyết về tình trạng có thể dự kiến của cơ thể trong khi chuyển động. Hệ thống xạ ảnh này do đó cần đến những "thẻ" bên trong, làm ra từ những kinh nghiệm đã qua thực trạng của cơ thể đang chuyển động nhờ những bộ thu giác quan. Nhưng não mất quá nhiều thời gian để hỏi thường xuyên tất cả những bộ thu. Vậy nó bằng lòng so sánh "thẻ" bên trong của nó. Mọi thứ diễn ra rất nhanh trong vài chục phần trăm giây. Hệ thống xạ ảnh có thể làm việc một mình, chẳng hạn khi chúng ta nằm mơ, lúc này ta phỏng các chuyển động mà không có liên hệ với một thực trạng của cơ thể.

Còn phải biết chúng ta làm như thế nào để tạo dựng được một tri giác liên kết nào đó để tạo dựng được một tri giác liên kết của một thế giới xung quanh. "Chúng ta nhận được những thông tin của các bộ thu khác. Não thiết lập một sự liên kết từ những dữ liệu rất khác nhau: những áp lực, khoảng cách, những sự giãn ra...". Một trong những giải pháp là giả thử rằng, những nhóm nơron nhập cuộc trong việc "nhận biết" một nơi hoặc một vật được khuấy động đúng cùng một lúc. "Hiện tượng này tái lập nhiều chục lần mỗi giây, Alain Berthoz nói tiếp. Người ta nói đến những tính đồng đại. Nếu sự liên kết đó không được thực hiện đúng đắn, cá nhân có thể phải chịu đựng ảo giác, ảo ảnh hoặc cả choáng váng". Các nhà nghiên cứu ở trường trung học Pháp rất quan tâm đến những hiện tượng này. Ví dụ họ định giải thích sự choáng độ cao và chứng sợ khoảng rộng nhờ có những thử nghiệm làm ở phòng thí nghiệm. Trong trường hợp chứng sợ khoảng rộng, cá nhân cảm thấy hoảng sợ khi đứng ở nơi có không gian rộng lớn. Nhiều nhà nghiên cứu cho rằng khả năng rối loạn có nguồn gốc tiền đình ở người bệnh.

Để hiểu rõ giác quan chuyển động, không được coi bộ óc như là một máy điện toán tính rất nhanh những dữ kiện từ những thông tin do những "bộ cảm giác" cung cấp. "Đúng ra, Alain Berthoz kết luận, là phải xem xét vấn đề ngược lại và thừa nhận rằng chính mục đích mà cơ thể theo đuổi sẽ quyết định việc bộ óc sẽ chất vấn như thế nào các bộ thu. Thực ra, tri giác là một sự phỏng của hành động.

Để hiểu rõ thêm, có thể nêu ra nghịch lí của người hầu bàn. Anh ta tiến lại bàn, hai tay bưng một khay đầy chai. Khi anh ta nâng một chai ra thì trọng tải trên tay nhẹ bớt đi một kilôgam, nhưng khay vẫn thăng bằng ổn định trên tay người hầu bàn. Nhưng nếu ta giúp anh bằng cách lấy ra một chai mà không báo trước cho anh ta biết gì cả thì chắc chắn khay sẽ lật đổ. Ví dụ này minh hoạ sự việc là não thấy trước những hậu quả của sự chuyển động trước khi chuyển động

này được thực hiện. Não của chúng ta tuân theo một giác quan thứ sáu: giác quan chuyển động.

**Khám phá khoa học về xúc giác**

***Điều kì lạ về đôi tay***

*Gần 30 mươi năm nay tên tuổi Văn Vượng – một nghệ sĩ mù cả hai mắt từ lúc 4 tuổi nhưng tài năng nghệ thuật của anh đã nhiều người biết đến (kể cả trong nước và ngoài nước).*

*Đôi bàn tay tài hoa ấy không chỉ ở trình độ biểu diễn ghi ta điêu luyện mà còn thể hiện nhiều điều kì lạ.*

Cách đây gần 7 năm tôi đọc bài "Chiếc dây đàn kì lạ", bài báo cũng đã viết về đôi tay Văn Vượng. Trong một gia đình nọ có hai người con: một gái, một trai. Cháu gái 12 tuổi và cháu trai 9 tuổi. Cả hai cháu đều có năng khiếu âm nhạc và đều được gia đình cho học đàn vĩ cầm. Song một điều rất lạ là cứ mỗi lần cháu gái kéo đàn mới một vài nhịp thì dây rê tụt xuống. Ngược lại cháu trai kéo đàn dây sol cũng bị chùng. Gia đình đã đưa hai cháu đi nhiều nơi để tìm cách khắc phục nhưng chẳng ai giải quyết nổi. Cuối cùng gia đình phải xin cho cháu gái chuyển sang học đàn oócgan. Còn cháu trai thì gia đình đưa cháu đến gặp nghệ sĩ Văn Vượng. Hi vọng với tài năng âm nhạc của anh, may ra có thể giúp cháu khắc phục được phần nào "nhược điểm" này.

Vốn là người nhiệt tình, sau khi nghe chuyện lạ, Văn Vượng đã kéo cháu vào lòng và xoa tay vào vai, vào trán, vào đầu cháu như chia sẻ với cháu nỗi băn khoăn day dứt khi cháu có năng khiếu âm nhạc mà không thực hiện được bằng tiếng đàn vĩ cầm.

Ngồi trong vòng tay yêu thương của Văn Vượng cháu như thấy thoải mái hơn. Sau đó cháu kéo đàn. Tiếng đàn của cháu chính xác, chững chạc và hay hơn. Song sự thành công của cháu chỉ được thể hiện trong thời gian gần nghệ sĩ Văn Vượng.

Sau khi đọc chuyện này tôi định tiếp tục tìm hiểu thêm, nhưng vì công việc chuyên môn quá bận nên tôi chưa thực hiện được ý định. Đến nay, sau khi nghe xôn xao chuyện về đôi tay Văn Vượng, tôi đã đến gia đình thăm anh.

Nghe tôi hỏi chuyện, anh rành rọt kể:

"– Sáng chủ nhật (ngày 18/5/1997) tôi nhờ Dũng, là học sinh của tôi đưa tôi về Thành phố Hải Phòng thăm nơi chôn rau cắt rốn. Trên đường trở về Hà Nội, Dũng mời tôi ghé vào thăm quê. Đến nơi, hai chúng tôi tình cờ gặp Vũ Văn Lộc (giảng viên Trường Đại học Sư phạm Hà Nội mà tôi mới quen hơn một năm nay).

Nể lời Lộc, tôi đến thăm gia đình ông chú cậu ta. Đến nơi qua ông chú kể tôi mới biết: gia đình ông có cậu con trai là Vũ Văn Bang bị tâm thần từ khi 20 tuổi, đến nay đã 42 tuổi mà chẳng còn nhớ một điều gì. Gia đình đã cho chạy chữa nhiều nơi nhưng không khỏi.

Nghe gia đình kể chuyện tôi rất ái ngại cho hoàn cảnh của Bang và biếu cậu một gói bích quy. Đồng thời tôi thân mật mời Bang hút thuốc lá.

Sau khi được tôi mời thuốc, Bang đến gần tôi hơn. Tôi hỏi:

– Bang ăn cơm chưa?

– Bang có đói không?

Cùng lúc hỏi chuyện, tôi đưa tay phải đặt lên vai Bang khoảng một phút và tay trái tôi đặt lên đỉnh đầu Bang. Tôi có cảm giác một luồng điện nóng rực chạy từ lồng ngực ra tận bàn tay và đột nhiên Bang nói "Mẹ là Vũ Thị Dịu" và nhắc lại mấy lần câu nói ấy. Sau đó tôi tiếp tục đặt tay lên gáy, tay trái đặt giữa đỉnh đầu Bang, tôi hỏi:

– Bang còn nhớ tên bố không?

Bang trả lời: Vũ... Vũ Văn Nhẫn

Sau đó Bang còn nói tiếp vài câu tưởng vô nghĩa nhưng gia đình cho biết những ý trong câu nói đều đúng với tình tiết trong gia đình như:

– Không thấy thằng nào xuống nhỉ?

– Anh Nghị đến đấy (anh Nghị là con ông bác, anh đã mất).

– Thằng này là thằng Phúc (Phúc là em ruột Bang).

Rất may trong khi tôi hỏi chuyện Bang thì tiện máy ghi âm đã ghi lại được toàn bộ câu chuyện này.

Gần đây, vào một buổi tôi đang dạy nhạc cho học sinh thì em Thanh Hà sinh viên năm thứ ba Đại học Thương mại kêu đau đầu rất khó chịu. Thấy vậy tôi tạm dừng dạy và dùng hai bàn tay đặt vào hai thái dương của em. Sau vài phút, em khỏi và tiếp tục học bình thường".

Giữa lúc tôi đang nói chuyện với Văn Vượng thì Thanh Hà đến. Nghe tiếng Hà, Văn Vượng giới thiệu và tôi đã hỏi chuyện em. Em cho biết: em bị đau đầu từ sau khi thi vào Đại học. Đã ba năm, nhiều lúc đau rất dữ dội, tưởng chừng không học nổi, nhưng sau lần được thầy Vượng quan tâm cứu chữa, em đã khỏi hẳn.

**Cô bé có khả năng nhìn thấu các cơ quan nội tạng trong cơ thể người:**

*Các nhân viên y tế tại Mordovsk (Nga) đã phát hiện được một khả năng kì lạ của cô bé 16 tuổi Natasa Demkinaya. Được mệnh danh là "cô bé có thị lực kép"*,

*Natasa có thể nhìn thấu các cơ quan nội tạng của con người mà không cần sử dụng X–quang hay siêu âm. Với khả năng đặc biệt của mình, Natasa đã không ít lần bác bỏ kết quả chẩn đoán của các bác sĩ mà chưa bao giờ nhầm lẫn. Bằng chứng rõ ràng nhất một loạt cho khả năng kì diệu của cô chính là một loạt các thử nghiệm y học đã được tiến hành tại Bệnh viện Đa khoa nhi số một của Mordovsk.*

"Con gái của tôi lớn lên hoàn toàn như một đứa trẻ bình thường – bà Tatiana Vladimirovna kể với các phóng viên. Có lẽ nó chỉ thông minh hơn những đứa trẻ khác một chút. Nó nói được rất sớm, từ lúc 6 tháng. Lúc một tuổi đã học thuộc lòng được thơ của Puskin và Nekrasov, 3 tuổi tự học thuộc lòng bảng chữ cái. Nó cũng có khả năng chịu lạnh đến khác thường. Nhưng khả năng nhìn thấy các cơ quan nội tạng của người ở Natasa thì chưa hề có trước đây.

Đối với gia đình nhà Demkin, nguồn gốc khả năng kì diệu của cô bé vẫn còn là điều bí ẩn. Rất có thể, khả năng thị giác này mới xuất hiện sau một lần phẫu thuật không thành công Natasa khi đó đã bị mổ để bị cắt ruột thừa. Tuy nhiên, đến thời gian ra viện, cô bé vẫn không thể đứng thẳng người lên được. Kết quả siêu âm cho thấy, các bác sĩ đã để quên những nút gạc trong khoang ruột của cô. Thế là Natasa lại phải lên bàn mổ để mở vết khâu. Khoảng một tháng sau, cô làm cho mẹ hết sức ngạc nhiên về những khám phá của mình. Cô đột nhiên thốt lên: "Trong người mẹ có một cái ống mềm, xếp gấp giống như ở máy hút bụi, hai quả đậu, một quả cà chua giống như quả tim con bò". Khi đó Natasa còn bé và chưa biết đến những từ về y khoa, cô chỉ biết mô tả những bộ phận của con người như ruột, thận và tim theo hình dạng giống như những đồ vật đã biết. Bà Tatiana lúc đầu rất lo sợ, không hiểu con mình nói gì, và đã dẫn con đi khám bác sĩ. Các bác sĩ sau đó cũng không thể giải thích điều gì đang xảy ra với cô bé và quyết định giới thiệu tới một chuyên gia trị liệu tâm lí. Ông này đã kết luận cô bé hoàn toàn bình thường. "Thế cháu nhìn thấy cái gì bên trong người chú?" – Chuyên gia tâm lí trên hỏi lại. Natasa mô tả ngay "Một cái bao nhỏ đựng thức ăn" với một chỗ có vết đốm lớn – chính tại đó, ông bác sĩ có một vết loét dạ dày. Các chuyên gia y tế của Bệnh viện đa khoa Nhi số 1 đã quyết định tiến hành một vài thử nghiệm để xác định chắc chắn được khả năng của cô bé. Natasa ban đầu được cho gặp một nữ bệnh nhân có rất nhiều bệnh khác nhau. Cô bé không gặp mấy khó khăn để có thể kể ra chúng, và kết quả siêu âm sau đó đã chứng minh đúng như vậy. Như vậy, khả năng của cô đã khiến nhiều bác sĩ phải ghen tỵ. Bác sĩ nội tiết Irina Kachan của Bệnh viện đa khoa Nhi số 1 đã phải thừa nhận với phóng viên tờ Tin tức: cô bé có những khả năng rất đặc biệt. Cứ cho là cô bé

không thể chẩn đoán đúng 100%, nhưng tỉ lệ chính xác rất cao. Còn sai số xảy ra chỉ vì cô chưa phải là một chuyên gia y tế nên không thể giải thích được chính xác về căn bệnh, ví dụ như khi tôi có một bệnh nhân có những cơn co thắt mạch máu não, cô bé diễn giải đó là những quả cầu nhỏ màu sáng, cần phải lấy chúng ra là cơn đau sẽ hết. Để có thể trở thành một nhà chuyên nghiệp thực sự, cô bé cần phải có kiến thức và được đào tạo về y tế.

Ngay cả mức độ ở tế bào, Natasa cũng có thể nhìn thấy bất kì một bệnh lí nào ẩn giấu sâu bên trong, nhiều khi việc chụp X–quang và siêu âm cũng không thể phát hiện được. Trong thời gian được thử nghiệm tại bệnh viện, Natasa còn được tìm hiểu nguyên lí làm việc của thiết bị siêu âm. Có vẻ như cô bé đã nhìn thấy phản ứng của các cơ quan nội tạng trước thiết bị này. Theo lời Natasa, khi được chiếu siêu âm, các cơ quan dường như hơi co lại, tương tự như cơ thể phản ứng khi có một bàn tay lạnh đụng vào.

"Cháu dường như có tới hai hệ thống thị giác. Bất cứ lúc nào, cháu có thể chuyển đổi qua lại giữa chúng chỉ trong một phút, mỗi khi cháu muốn xem tình trạng sức khoẻ của một con người, Natasa kể lại với các phóng viên – việc chuyển đổi với cháu chẳng gặp chút khó khăn nào, chỉ việc nghĩ về điều đó. Cháu có thể nhìn thấy toàn bộ bên trong cơ thể con người, các thành phần, vị trí cũng như cách hoạt động của các cơ quan. Còn việc xác định bệnh như thế nào thì giải thích rất phức tạp. Từ các cơ quan bị bệnh, dường như có những xung động nào đó phát ra. Thị lực thứ hai của cháu chỉ hoạt động vào ban ngày và đến đêm lại biến mất". Có điều là bản thân Natasa lại không nhìn thấy được các cơ quan nội tạng của chính mình.

Để có thể hiểu rõ những đặc điểm của cơ thể con người, Natasa đã phải tự đi học tại Trường Đại học Tổng hợp Mortodovsk. Cô bé giải thích: "Nắm được những thuật ngữ y khoa, cháu có thể đưa ra được lời chẩn đoán chính xác. Cháu cần phải biết rõ và hiểu là mình đang nhìn thấy cái gì. Điều này sẽ giúp cháu dễ dàng hơn với những người muốn đến xin tư vấn".

Cần nói là số người đến xin tư vấn về bệnh tật với cô bé ngày càng nhiều hơn. Tin tức về khả năng của cô gần như đã bay khắp trong vùng. Hiện giờ, Natasa trung bình mỗi ngày nhận tới 20 cú điện thoại xin được giúp đỡ. Căn hộ hai phòng của nhà Demkin cũng không thể chứa nổi những người muốn đến xin tư vấn, khiến nhiều khi họ phải xếp hàng dài ngoài cầu thang. Bản thân các bác sĩ cũng thường xuyên tới gặp Natasa để xin lời khuyên. Cô bé đã nhiều lần tranh cãi để bác bỏ những chẩn đoán bệnh của họ.

Do có quá nhiều khách tới thăm, Natasa chỉ ngủ có 4 – 5 tiếng mỗi ngày. Ngoài ra, cô còn phải học và làm bài tập. Thời gian rảnh Natasa dành cho việc đọc sách, chăm sóc cây cối và thú vật trong nhà. "Tôi muốn thi vào Học viện y khoa mang tên Sechenov tại Moskva. Nhưng với học phí 70 ngàn rúp một năm là điều không thể" – Natasa cho biết ước mơ của mình. Cô gái này còn mong muốn các chuyên gia hàng đầu của Nga sẽ chú ý nghiên cứu khả năng đặc biệt của cô, qua đó tạo điều kiện cho cô được học tại một trường Y danh tiếng nhất của Nga.

**Hiện tượng nhìn màu sắc "bằng tay"**

***Người ta biết được hiện tượng sờ thấy màu từ thế kỉ XIX***

Năm 1854, bác sĩ Khơvơnia ở tỉnh Triubốp phát hiện ra một nữ bệnh nhân có thể dùng ngón tay đọc được chữ in, chữ viết "thấy được màu trên giấy màu, vải màu". Khơvơnia có công bố hiện tượng đó trong một tác phẩm của mình. Nhưng hồi đó, không được các nhà bác học để ý tới, ít người bàn cãi, suy nghĩ về hiện tượng này. Hơn 30 năm sau, hồi năm 1930, nhà tâm lí học Sêôngchép trong khi làm thực nghiệm để tìm khả năng cảm hứng (khả năng trả lời những kích thích có ý nghĩa gián tiếp đối với sự sống của cơ thể) của động vật và người cũng thấy lòng bàn tay người có khả năng thu nhận các tia sáng không màu và các tia sáng màu. Lại 30 năm sau, tháng 7/1962 bác sĩ Côngbéc cho các nhà tâm lí học biết chị Rôđa có thể dùng ngón tay phân biệt được chỉ trắng với chỉ đen, vải vàng với vải đỏ... Nhưng chị còn dùng ngón tay để đọc được sách báo, thấy được hình người trong tranh, trong tem... Các nhà tâm lí học thành phố Nhiđơnitaghin cùng với Côngbéc đã làm một số thí nghiệm để tìm hiểu khả năng hiếm có ở bàn tay Rôđa. Sau đó họ đã công bố hiện tượng đó trong một hội nghị khoa học của các nhà tâm lí học vùng Uran. Tin này đã được đăng trên rất nhiều báo chí hàng ngày cho đến các tập san khoa học, văn học nghệ thuật trên thế giới.

Và từ đó đến nay, nhiều nhà tâm lí học, sinh lí học, vật lí học, đã tiến hành nghiên cứu cái gọi là hiện tượng Rôđa. Những công trình này giúp tìm hiểu thêm khả năng toàn diện và sức mạnh kì diệu của bàn tay con người.

*Nhiều người có thể sờ thấy màu:*

Như đã trình bày ở trên, trong vòng 70 năm, đã có 4 nhà khoa học nhận thấy hiện tượng "sờ màu", dùng bàn tay đọc chữ, xem hình vẽ, ảnh chụp của những người khác. Điều đó chứng tỏ, không chỉ có một mình Rôđa có khả năng nói trên. Hiện tượng dùng tay sờ thấy màu sắc không phải là hiếm có, tuy không

phải là hiện tượng phổ biến. Đến cuối năm 1963, nhà tâm lí học Platônlôp cho biết em Bôna 9 tuổi, học sinh lớp 3 trường âm nhạc Khácốp có thể phân biệt được màu sắc bằng ngón tay và có phần giỏi hơn Rôđa. Nhà bác học Nôvômâyxki cũng cho biết, cứ trong 6 sinh viên khoa học học trong trường Đại học Sư phạm Taghin thì có một người khi nhắm mắt có thể dùng tay phân biệt được màu sắc sau một ít phút luyện tập. Ông tiến hành dạy những sinh viên này cách sờ màu như sau: bịt mắt thật kín, ngồi sau miếng bìa cứng. Đưa ra cho người tham gia làm thí nghiệm một mảnh giấy màu đỏ chẳng hạn, và báo cho họ biết đó là màu đỏ. Rồi tiếp tục đưa cho một mảnh giấy màu khác ví dụ màu xanh. Nếu tập đều đặn trong 3 tuần thì có thể phân biệt được từ 5 đến 7 màu của các sợi chỉ. Từ đây chúng ta rút ra kết luận rằng, khả năng sờ thấy màu là kết quả của quá trình luyện tập chứ không phải tự nhiên mà có. Kết luận này cũng phù hợp với trường hợp của Rôđa. Thực vậy hồi năm 1960 đến 1965 Rôđa có chỉ đạo một tổ kịch của các anh em mù chữ – thấy anh em dùng tay mà đọc được, chị cũng nhắm mắt lại hoặc bịt mắt lại và bắt chước tập đọc nhưng chị không tập đọc chữ nổi dùng cho người mù mà đọc sách in dùng cho người sáng. Lúc đầu, chị tập đọc chữ to, sau tập đọc chữ nhỏ. Cuối cùng Rôđa có thể dùng ngón tay để đọc sách.

*Bản chất của hiện tượng sờ màu:*

Một loạt thí nghiệm của Nôvômâyski chứng minh rằng tay ta sờ thấy màu là nhờ thông qua cảm giác sờ và cảm giác vận động. Thí nghiệm tiến hành như sau: bịt kín mắt người tham gia thí nghiệm rồi đưa cho họ một miếng giấy màu và cho họ biết đó là màu gì, bảo họ sờ mảnh giấy đó. Sau đó đưa màu khác, cũng làm như vậy, sau 20 – 30 phút tập như thế người tham gia làm thí nghiệm sờ thấy màu "tự đoán ra giấy đó có màu gì". Theo những người tham gia thí nghiệm cho hay họ "nhận thấy" chúng nhẵn nhụi hay sần sùi do đó phân biệt màu nọ với màu kia, hoặc dựa vào sự gồ ghề, hút hay đẩy ra... Theo những người này thì màu nhóm "nhẵn nhụi trơn tru" là màu tím đẩy ra. Màu da cam thuộc nhóm "sần sùi" gồ ghề, hút vào, còn các màu xanh nước biển và màu nhóm trung gian có sự "nhẵn nhụi".

Nhưng do đâu mà có kết quả nhận xét như vậy? Có phải do thuộc tính cơ học hay hóa học của vật có màu không? Theo Nôvômâyxki thì đó là thuộc tính điện hay ít ra cũng gần như điện của bàn tay và một vật có màu tạo ra cảm giác trên. Dưới tác động của ánh sáng mặt trời ngón tay và mặt vật sơn màu (giấy màu chẳng hạn) bị tích điện, điện ở mặt da ngón tay và ở mặt giấy hút màu do

đó sinh ra cảm giác gồ ghề, sần sùi hay trơn tru nhẵn nhụi, và từ đây nhận biết các màu.

Để chứng minh cho luận điểm của mình Nôvômâyxki làm một số thí nghiệm sau đây: đặt lên mảng kính một mảnh giấy màu rồi đặt lên trên một lá nhôm rất nóng chiếu ánh sáng từ dưới lên. Trong thí nghiệm này có 40 người tham gia, mỗi người làm 10 lần. Họ sờ thấy màu của tờ giấy đặt dưới lá nhôm. Ánh sáng không qua được nhôm mà cảm giác màu vẫn còn. Vậy cảm giác màu không phải là do sóng ánh sáng gây nên mà do một cái gì khác. Tác giả của thí nghiệm này cho rằng đó là do ánh sáng rọi vào màu sinh ra dòng điện do truyền qua lá nhôm lên tay. Kết quả một thí nghiệm khác cũng nói lên rằng sở dĩ tay ta có cảm giác được màu sắc là do dòng điện sinh ra trên mặt có màu tác động lên da mặt ta. Thí nghiệm đó như sau: đặt một lá đồng lên trên giấy màu nối đồng đó với mặt đất bằng một dây kim loại. Rọi ánh sáng từ dưới lên giấy màu qua lá đồng trên tay. Trong trường hợp này không sờ thấy màu, nhưng nếu ta không nối lá đồng đó với mặt đất thì lại sờ thấy màu một cách dễ dàng. Như vậy là trong trường hợp nối lá đồng với mặt đất dòng điện sinh ra trên mặt màu được truyền xuống đất mà không truyền lên tay ta. Do đó không tạo ra cảm giác màu. Còn ở trường hợp sau tay ta cảm thấy màu là nhờ thông qua dòng điện sinh ra ở mặt màu dưới tác động của ánh sáng. Người ta còn cho biết, màu sắc của quần áo, điện trường trong phòng thí nghiệm cũng có ảnh hưởng đến quá trình tay sờ màu.

*Một số kết luận tạm thời:*

1. Màu sắc là một tồn tại khách quan chứ không phải như một số nhà triết học, sinh lí học, tâm lí học duy tâm cho là ý chí, cảm giác, thần kinh của ta tạo ra.

2. Ngón tay và bàn tay con người có khả năng phân biệt màu sắc.

3. Tay ta sờ thấy màu nhưng đó không phải là phản ánh trực tiếp mà là phản ánh gián tiếp.

4. Sở dĩ nói sự phản ánh màu sắc là quá trình phản ánh gián tiếp là vì nó phản ánh màu sắc qua quá trình tích điện xảy ra trên mặt vật có màu.

**Những phép lạ từ đôi bàn tay một em gái**

Từ nước Cộng hoà Xô viết Bêlarut có một em gái kì lạ. Để tránh cuộc phiền hà do những kẻ hiếu kì, mê tín gây ra, người ta tạm giữ kín địa chỉ cụ thể gia đình, chỉ công bố tên em là Inga 13 tuổi và những khả năng hiếm có của em: Inga có đôi tay trắng trẻo, mịn màng, bình thường như những đôi tay thiếu nữ Bạch Nga khác, nhưng ở nhà em không thể tập đàn pianô như ý muốn vì các phím đàn cứ bám chặt lấy ngón tay. Có lần em đi mua cặp bánh rán với giá 3

côpếch. Em đã trả tiền hẳn hoi nhưng về đến nhà vẫn thấy đồng 3 côpếch đó nằm gọn trong lòng bàn tay mình, chuyện này khiến em bứt rứt mãi. Lần khác, ở cửa hàng em đã bị người thu tiền mắng cho một trận vì chỉ có đưa vài côpếch mà mãi vẫn không xong. Kì thực em bị oan, mấy đồng tiền kim loại không hiểu sao lại dính vào tay em như dính vào nam châm. Em rũ tay mà chúng không rơi xuống đất. Có lúc em bước đi và một số vật vô tri tự dưng lại bám gót em như con chó gặp chủ.

Trước mặt phóng viên báo chí tin tức Mátxcơva, Inga đã vui vẻ trình diễn một trò ảo thuật rán trứng cỡ to trong đó đặt một quả tạ 2kg mà không hề có một thứ dây dợ, quang treo nào, đem cân tổng trọng lượng khối kim loại đó là hơn 4kg. Khi em kề sát bàn tay mình vào một nhà báo, nhà báo cảm thấy đôi má mình nóng bừng lên, mặc dù sờ tay Inga thấy tay em không hề ấm hơn tay mình. Bố Inga là một người nghiêm khắc ông cấm em không được dùng biệt tài của mình vào việc gì lọc lừa, khuất tất. Thực lòng bố mẹ em rất lo âu. Có một bác sĩ thần kinh, tên là Lađimiacamcum đang theo dõi Inga một cách thường xuyên. Tuy nhiên, rất cần có một sự khám nghiệm tìm hiểu nghiêm chỉnh của các nhà y học và nhà bác học có uy tín để có thể đi đến những kết luận khoa học về sức mạnh bí ẩn của đôi tay em Inga.

Hiện thời, Inga sinh hoạt bình thường em thích chạy nhảy vui đùa với các bạn gái của mình. Gặp Inga ai cũng nhận ra em là một cô gái đáng yêu, vui vẻ và cởi mở. Nói chung, về mọi phương diện Inga là một cô gái bình thường với đôi tay đang đặt ra vô vàn câu hỏi.

# Chương V. TƯ DUY VÀ NHỮNG PHẨM CHẤT CỦA TRÍ TUỆ

Trong tâm lí học, tư duy thường được định nghĩa, như là sự phản ánh gián tiếp và khái quát của con người về hiện thực trong những mối quan hệ và liên hệ bản chất của nó.

Những phẩm chất của trí tuệ được hiểu là những thuộc tính của cá nhân, quy định một cách vững chắc nhất hoạt động tư duy của nó.

Nếu ở trình độ nhận thức cảm tính, tác động bên ngoài trực tiếp dẫn thẳng tới việc nảy sinh những hình ảnh tương ứng trong ý thức chúng ta, thì quá trình tư duy lại được thực hiện phức tạp hơn nhiều. Sự phản ảnh thế giới xung quanh trong quá trình tư duy được thực hiện qua cả một hệ thống những thao tác tư duy phân tích – tổng hợp, so sánh, trừu tượng hoá – khái quát hoá. Tư duy được thực hiện bằng một hệ thống nhất định những thao tác, đó là cơ sở đầu tiên để xem xét quá trình ấy như sự phản ánh gián tiếp và hiện thực.

– Cơ sở thứ hai của điều này là quá trình và kết quả tư duy bao giờ cũng bắt buộc phải được thực hiện thông qua sự mô tả bằng ngôn ngữ. Tư duy là sự phản ánh gián tiếp về thế giới và vì nhờ có tư duy mà con người không chỉ nhận thức được những cái trực tiếp tri giác bằng các giác quan của chúng ta mà còn phản ánh được những cái bị che đậy khỏi tri giác trực tiếp và chỉ có thể được nhận thức nhờ phân tích, so sánh, khái quát hoá...

Khi phân tích và so sánh những sự quan sát riêng biệt, dựa vào những kết quả của kinh nghiệm đã qua, con người tìm ra cái chung ở những đối tượng riêng biệt trong quá trình tư duy. Sự trừu tượng hoá cho phép con người hệ thống hoá, tổng hợp hoá và do đó con người có thể phản ánh khái quát hiện thực xung quanh. Khả năng nhận thức khái quát được bảo đảm vì con người phản ảnh thế giới xung quanh không chỉ dưới hình thức hình ảnh mà còn dưới hình thức khái niệm. Tính chất gián tiếp và khái quát của tư duy bảo cho con người không chỉ nhận thức được các hiện tượng mà cả bản chất của chúng. Con người có thể xác lập được những mối quan hệ và liên hệ khác nhau, điều đó cho phép tìm ra và phát hiện những quy luật khách quan.

Tư duy con người bao giờ cũng có tính chất định hướng có ý thức. Bởi vì bất cứ hành vi tư duy nào cũng hướng đến giải quyết một nhiệm vụ tư duy nhất định,

là sự trả lời cho một câu hỏi nảy sinh cách này hay cách khác trong ý thức chúng ta. Hiểu biết của con người càng rộng càng sâu bao nhiêu, kinh nghiệm hoạt động trí tuệ càng hoàn thiện bao nhiêu thì con người nhìn ra những vấn đề chưa giải quyết càng nhiều bấy nhiêu; những nhiệm vụ tư duy đòi hỏi phải giải quyết càng hay nảy nở ra trong ý thức của con người bấy nhiêu. Trái lại, sự ngây thơ của trí tuệ, trình độ hiểu biết thấp nói chung là tiêu chuẩn chỉ cho thấy rằng một con người như vậy không thể phát hiện những vấn đề chưa giải quyết.

Việc giải quyết những nhiệm vụ tư duy thường thông qua bốn giai đoạn: nảy sinh vấn đề; lập ra những giả thuyết giải quyết khác nhau có thể có được; tiến hành giải quyết và kiểm tra nó.

Tuỳ theo phong cách hoạt động trí tuệ của con người và việc thông hiểu nội dung, nhiệm vụ, việc giải quyết nhiệm vụ ấy có thể thực hiện bằng những phương pháp khác nhau.

Trong tất cả các giai đoạn con người giải quyết một nhiệm vụ tư duy, các phẩm chất trí tuệ biểu hiện ở việc lựa chọn phương pháp giải quyết. Tính độc lập của trí tuệ quyết định việc tự do lựa chọn các nhiệm vụ và những cách giải quyết chúng. Tính phê phán và tính lựa chọn của trí tuệ bảo đảm cho việc tìm ra các vấn đề cũng như cho tính độc đáo của việc xây dựng và kiểm tra các giả thuyết. Tính đồng thời và sự rộng rãi của trí tuệ bảo đảm cho việc đề cập tới nhiều mặt khác nhau khi giải quyết nhiệm vụ. Tính lôgíc và tính rành mạch bảo đảm cho sự triệt để và chính xác của việc giải quyết; sự sâu sắc của trí tuệ quyết định tầm quan trọng của những nhiệm vụ lựa chọn và sự xác đáng của việc giải quyết chúng.

Nghiên cứu sâu quá trình con người giải quyết nhiệm vụ tư duy là một trong những vấn đề quan trọng nhất của tâm lí học hiện đại nói chung và tâm lí học sư phạm nói riêng.

Dưới góc độ tâm lí học đại cương, vấn đề đó có lợi ích to lớn, vì nó trả lời cho vấn đề khả năng mô hình hoá các chức năng tâm lí khác nhau và cho việc trao lại sau này một vài chức năng ấy cho máy móc. Nghiên cứu theo hướng ấy là tuyệt đối cần thiết của quá trình giải quyết nhiệm vụ tư duy riêng cho con người. Những khác biệt về nguyên tắc ấy nằm ở bản chất xã hội – lịch sử của con người, ở tính chủ động về ủng hộ của nó, ở sự tồn tại một sự thống nhất nhất định của những yếu tố trí tuệ và tình cảm trong hoạt động tư duy của con người, có khả năng đưa ra những cách giải quyết trên cơ sở chương trình không đầy đủ...

Theo quan điểm của tâm lí học sư phạm, vấn đề hình thành hệ thống những hành động trí tuệ trong quá trình giải quyết nhiệm vụ tư duy là vấn đề cấp thiết nhất.

Trong điều kiện phát triển như vũ bão khối lượng tri thức của loài người, tính chất phát triển của việc dạy sẽ ngày càng có ý nghĩa lớn lao. Bởi vì nguyên lí dạy được nhiều trên cái "ít" ngày càng trở thành cần thiết.

Dạy được nhiều trên cái ít chỉ có thể làm được nếu quá trình dạy dỗ không chỉ hướng vào việc bảo đảm nắm vững một hệ thống nhất định những tri thức mà còn được xây dựng sao cho quá trình nắm vững hệ thống tri thức cũng rèn luyện cả những phương pháp, biện pháp nhất định của hoạt động trí tuệ, chỉ có nắm vững được hệ thống những hành động trí tuệ con người mới có khả năng nắm được một cách độc lập những trí thức ngày càng mới.

## I. KHÁI NIỆM, BẢN CHẤT, VAI TRÒ CỦA TƯ DUY

### 1. Khái niệm về tư duy

Tư duy là một quá trình tâm lí phản ánh những thuộc tính bản chất, những mối liên hệ và quan hệ bên trong có tính quy luật của sự vật, hiện tượng trong hiện thực khách quan mà trước đó ta chưa biết.

### 2. Bản chất xã hội của tư duy

Mặc dù tư duy được tiến hành trong bộ óc từng người cụ thể, được hình thành và phát triển trong hoạt động nhận thức tích cực của bản thân mỗi người, nhưng tư duy bao giờ cũng có bản chất xã hội, bản chất này được thể hiện ở các mặt sau:

– Hành động tư duy phải dựa vào kinh nghiệm của các thế hệ trước đã tích luỹ được, tức dựa vào kết quả hoạt động nhận thức mà xã hội loài người đạt được ở trình độ phát triển lịch sử lúc đó.

– Tư duy phải sử dụng ngôn ngữ do các thế hệ trước đã sáng tạo ra, tức dựa vào phương tiện khái quát (nhận thức) hiện thực và giữ gìn các kết quả nhận thức của loài người trước đó.

– Bản chất quá trình tư duy được thúc đẩy do nhu cầu của xã hội, tức ý nghĩ của con người được hướng vào giải quyết các nhiệm vụ nóng hổi nhất của giai đoạn lịch sử lúc đó.

– Tư duy mang tính chất tập thể, tức tư duy phải sử dụng các tài liệu thu được trong các lĩnh vực tri thức liên quan, nếu không sẽ không giải quyết được các nhiệm đã đặt ra.

– Tư duy để giải quyết nhiệm vụ vì vậy nó có tính chung của loài người.

### 3. Vai trò của tư duy

Tư duy có vai trò rất lớn đối với đời sống và đối với hoạt động nhận thức của con người, cụ thể:

– Tư duy mở rộng giới hạn nhận thức, tạo ra khả năng để vượt ra ngoài của kinh nghiệm trực tiếp do cảm giác và tri giác mang lại, để đi sâu vào bản chất của sự vật, hiện tượng, tìm ra những mối quan hệ có tính quy luật giữa chúng với nhau.

– Tư duy không giải quyết những nhiệm vụ trước mắt ngày hôm nay mà còn có khả năng giải quyết cả những nhiệm vụ của ngày mai trong tương lai do chỗ nắm được bản chất và quy luật vận động của tự nhiên, xã hội và con người.

– Tư duy cải tạo lại thông tin của nhận thức cảm tính làm cho chúng có ý nghĩa hơn cho hoạt động của con người. Tư duy vận động những cái đã biết để đề ra giải pháp giải quyết những cái tương tự nhưng chưa biết, do đó làm tiết kiệm công sức của con người. Nhờ tư duy con người hiểu biết sâu sắc và vững chắc về thực tiễn hơn với môi trường và hành động có kết quả hơn.

## II. TƯ DUY VÀ CUỘC SỐNG

**Edốp và người đi đường**

(Dựa trên thực tế để kiểm nghiệm)

Một hôm, Edốp nhà thơ ngụ ngôn lớn, người Hi Lạp, đang ngồi sưởi nắng bên đường cái. Một người khách đi đường trông thấy Edốp liền hỏi:

– Ông làm ơn cho tôi biết từ đây ra tỉnh phải mất bao nhiêu giờ nữa thì tôi mới ra đến tỉnh?

– Ông hãy đi đi, Edốp trả lời:

– Người đi đường liền nói:

– Tôi biết là tôi phải đi, những tôi muốn hỏi ông, phải mất bao nhiêu giờ nữa thì tôi mới ra đến tỉnh.

– Ông hãy đi đi! Edốp lại nói.

Người đi đường nghĩ có lẽ đây là một người điên rồi bỏ đi.

Lúc bấy giờ Edốp mới gọi giật lại và bảo: phải đi một giờ nữa anh mới ra đến tỉnh. Người đi đường lấy làm ngạc nhiên dừng lại và hỏi Edốp.

– Tại sao ông không trả lời tôi ngay khi tôi hỏi?

Lúc bấy giờ Edốp mới ôn tồn nói:

– Này anh bạn! Làm sao tôi có thể trả lời anh được một khi tôi chưa biết anh đi nhanh hay chậm. Mọi sự vật phải dựa trên thực tế kiểm nghiệm anh bạn ạ.

**Sức mạnh của ý nghĩ**

Nhóm các nhà nghiên cứu trường Đại học Tổng hợp Technologie Sydney, đã sáng chế ra một hệ thống có khả năng thu nhận và khuếch đại những tín hiệu điện năng của não. Cuộc thử nghiệm trên dựa trên một trong những nhịp điện não đồ anta tần số trong khoảng 8 – 13 hertz. Tín hiệu được thu lại nhờ những điện cực đất xung quanh đầu với công suất biến đổi trong khoảng 5 – 15microvolts, hệ thống trên có thể khuếch đại lên 150.000 lần để được xem như một máy chuyển mạch. Các nhà khoa học đã thử nghiệm bằng chính "công suất" của não họ để thắp đèn, điều khiển một robot nhỏ, cho tivi hoạt động hay khởi động cho một vòng chạy của những chiếc ôtô điện. Các bộ lọc đặc biệt cho phép tránh được những tín hiệu bị nhiễu do những chuyển động trong đầu. Công trình nghiên cứu trên 120 người tự nguyện cho thấy 95% người không có nhu cầu luyện tập để được não điều khiển từ xa.

**Sự hình thành tri thức**

*Mỗi ngày não thay đổi hàng ngàn tế bào! Não con người trưởng thành dường như có khả năng tự phục chế. Các nhà sinh học thần kinh bắt đầu nghi ngờ học thuyết từng khẳng đinh rằng: Sau khi ra đời, các tế bào thần kinh không còn khả năng tái sinh. Những nghiên cứu mới nhất về não khỉ lại cho thấy rằng, một bộ phận vỏ não liên tục thay đổi. Nhờ phát minh này, trong tương lai không xa, chúng ta có thể điều trị được những bệnh tật xuất hiện vì nguyên nhân chấn thương não?*

Khi con người ra đời, ai cũng được tạo hoá trang bị cho số lượng khổng lồ 15 tỉ nơron, đội quân – như mọi người vẫn nghĩ sẽ dần dần vợi đi, theo thời gian. Người ta cũng nghĩ rằng: "những tế bào chất xám" vĩnh viễn biến mất sau mỗi chấn thương não, dù nhỏ nhất hoặc bị tiêu diệt do nát rượu. Với phát minh trên, bây giờ người ta cho rằng, quan điểm xưa chỉ đúng một phần. Chắc chắn những chất độc hại, nhất là ma tuý, tiêu diệt vô số tế bào não, đội quân, mà cơ thể không có khả năng bổ sung. Thế nhưng trên vỏ não còn có những vùng, ví dụ như khu vực thông báo bằng trí nhớ mang tên Hipokamp, nơi có hàng ngàn tế bào được thay đổi mỗi ngày. Những nghiên cứu của chuyên gia thuộc Trung tâm nghiên cứu thần kinh ở Getinda và Viện Nghiên cứu sinh học ở California thực hiện trên não khỉ sinh sống tự nhiên trong rừng nhiệt đới Braxin, khẳng định như thế. Trước đó, các nhà sinh lí học thần kinh đã nhận ra rằng, những nơron mới có thể xuất hiện trong não một số loài chim và gậm nhấm. Tuy vậy, rất ít khi quan sát được hiện tượng đó, vậy nên họ nghĩ rằng, những thú vật ấy chỉ độc nhất hiện tượng cá biệt khẳng định quy luật. Bây giờ, người ta cho thấy rằng,

tế bào thần kinh cũng có thể thay thế trong não động vật cấp cao, ngay cả con người. Nhất là đã không còn nghi ngờ gì, những tế bào khác thuộc hệ thần kinh trung ương cũng có khả năng tương tự. Tuy vậy, các nhà nghiên cứu vẫn chưa biết sự tự phục hồi vùng Hipokamp phục vụ cho mục đích gì. Ông Fernando Nottebohn thuộc Đại học Tổng hợp Rochefeller cho rằng điều đó cần thiết cho quá trình học tập và ghi nhớ. Tuy vậy, các nhà bác học hi vọng rằng, nếu như khám phá được cơ chế thúc đẩy sự phục hồi tế bào thần kinh, trong tương lai khoa học có thể tái sinh những thành phần khác của bộ não bị tiêu diệt do chấn thương. Tương tự, cũng có thể điều trị một số bệnh trí óc như: Alzheimer (dẫn đến hội chứng teo não) hoặc bệnh Patkinson (gây ra sự thiếu hụt chất tạo ra nơron chuyển giao dopanina). Những dự báo hấp dẫn nhất cho thấy rằng, phát minh trên sẽ có ngày được tận dụng để hoàn thiện khả năng lao động trí óc. Dẫu bây giờ vẫn chưa xác định được cách thức khả dĩ mô tả kĩ thuật như thế, song đã có không ít kết quả quan sát hết sức thú vị, phụ thuộc vào nhu cầu cụ thể, một số động vật thường tự điều chỉnh số lượng nơron thần kinh. Chim vàng anh là một ví dụ, trong chuyến bay dài ngày thay đổi chỗ ở, bao giờ cũng tự "vứt đi" số lượng đáng kể nơron. Sau đó, chúng tái sinh lại. Chim ưng Bắc Mĩ phục hồi não chủ yếu vào mùa đông, giai đoạn tìm kiếm thức ăn khó khăn nhất.

**Stress tiêu huỷ nơron**

Não chuột còn thực hiện thay đổi nơron nhiều hơn. Có thể qua đó phỏng đoán rằng, trong động vật cấp cao hơn (trong đó có con người), quá trình này diễn ra còn mạnh mẽ hơn. Tuy vậy, không bao giờ xảy ra với các vùng vỏ não rộng lớn. Trong những con khỉ thí nghiệm, sự thay đổi chỉ được thực hiện trên phần diện tích từ 0,5 – 1%. Vùng Hipokamp (được gọi là gyrus dentatus). Hơn thế, các nhà khoa học còn quan sát thấy có thể dễ dàng làm rối loạn quá trình thay đổi ấy, thậm chí thông qua một cú stress ngắn. Ngay một giờ sau, lúc con khỉ bị hăm doạ, sự tự phục hồi tế bào não cũng giảm tối thiểu 30% so với trạng thái lúc bình thường.

Những thí nghiệm đó khẳng định rằng, môi trường đóng vai trò ảnh hưởng đáng kể đến sự phát triển của bộ não. Từ trước đó, các bác sĩ tâm thần từng phát hiện ra rằng, với những người thường sống trong tâm trạng stress, cáu gắt căng thẳng... vùng Hipokamp cũng bị hội chứng teo nhỏ.

Hiện nay, các nhà sinh lí học thần kinh tin chắc rằng, não bộ và khả năng trí tuệ có thể được phát triển suốt cuộc đời cả đối với trẻ em cũng như người lớn.

Vỏ não giống như máy móc không ngừng đổi mới, nó phản ứng trước mọi tác động của môi trường. Như khẳng định của Giáo sư Carla Shatz thuộc

Đại học Tổng hợp California ở Berkeley, mỗi cuộc nói chuyện hoặc trò chơi đều có tác dụng làm thay đổi bộ não con người.

Trước đây 10 năm người ta vẫn tưởng rằng gen là yếu tố quyết định tất cả. Bây giờ nổi trội quan điểm cho rằng, cả cuộc sống trong bụng mẹ và ảnh hưởng môi trường tác động suốt cuộc đời một con người, đều có tác dụng ngang bằng đối với sự phát triển của não. Trong giai đoạn đầu của quá trình phát triển, thậm chí không thể xác định tế bào thần kinh nào sẽ thực hiện chức năng nhất định: – tạo ra vỏ não thị giác hay thực hiện chức năng tại vùng não khác, ví dụ, trong hệ thống thần kinh thực vật.

Ảnh hưởng của môi trường còn lớn hơn với các "mạch" – mạng nối giữa các nơron thành phần xuất hiện muộn nhất trong tiến trình hình thành bộ não. Số lượng và sự sắp xếp của những thành phần này thay đổi đến cuối đời một con người. Sự hoạt động cũng tác động tích cực đến các "mạch" này, bởi lẽ nỗ lực cơ bắp sẽ kích thích sự tạo ra những nhân tố chiều cao, làm tăng cường khả năng bảo vệ các tế bào thần kinh. Người ta đã quan sát được ảnh hưởng rõ rệt của những bài tập thường xuyên đối với tình trạng sức khoẻ của những người đã có biểu hiện bệnh Alzeimer. Tất nhiên, những lao động mang tính trí tuệ, ví dụ như đọc sách, báo hay thậm trí... yêu đương lãng mạn – vẫn là hoạt động mang lại hiệu quả tốt nhất. Nỗ lực trí óc dường như kích thích sự xuất hiện những mạng liên kết mới giữa các nơron hoặc hoàn thiện hoạt động của những mạng đã có. Những hoạt động khác cũng có ảnh hưởng tương tự. Ví dụ điển hình là những người mù loà và các nghệ sĩ dương cầm bao giờ cũng có bộ não, mà các mạng thu nhận tín hiệu từ các ngón tay phát triển khác thường.

**Định nghĩa lại trí thông minh**

Con người là thông minh thì đúng rồi. Tuy nhiên, trí thông minh là một khái niệm rất khó hiểu. Ngày nay, những kĩ thuật tiên tiến của hình ảnh y học cho phép từng bước xác định vị trí các miền của não hoạt động liên quan với lời nói, sự nghe nhìn và cả suy nghĩ trừu tượng. Nhưng những gì mà sự chụp tia X lớp bằng phát ra những pojiton (TEP) và hình ảnh bằng cộng hưởng từ nhiệt thạch (IRM) làm rõ ra, mặc dù, rất quyến rũ vẫn còn nhiều hạn chế. Đối chiếu với năng lực khó hiểu nhất của con người là trí thông minh, các nghiên cứu dường như lạc trong mớ bòng bong các nếp cuộn quần áo.

QI? Sai. Số lượng nơron dứt khoát không thay đổi? Sai. Trực giác, con đẻ lại của bản năng? Sai. Tương lai của não có từ trước 6 tuổi? Sai. Các máy điện toán không bao giờ có thể sáng tạo? Sai. Những khám phá mới đây của khoa học

làm đảo lộn hẳn sự hiểu biết của chúng ta về trí thông minh. Nó không dễ định nghĩa nữa. Tâm lí thực nghiệm và nhận thức càng tiến triển thì trí thông minh càng ít được định hướng và định tính hơn.

Năm 1921, 14 chuyên gia Anh, các nhà tâm lí học, sinh lí học dũng cảm đã đưa ra 14 định nghĩa khác nhau. Như "năng lực dẫn dắt một tư duy trừu tượng", "năng lực học thích nghi với môi trường", khả năng thu nhận những khả năng", "cơ chế sinh học cho phép nhiều tác nhân kích thích tập hợp lại và tạo ra một kết quả ít nhiều thống nhất trong sự ứng xử"... Dường như không thống nhất ý kiến. Đến nỗi, năm 1923, Edwin Boring, một nhà tâm lí học Mĩ, thốt lên: "Trí thông minh? Đó là cái mà các thử nghiệm đo!" Lời dí dỏm này gần đúng từng chữ với tuyên bố đầy tự phụ của nhà tâm lí học Pháp, Alfed Binet, cho rằng "trí thông minh là cái mà thử nghiệm của tôi đo". Năm 1892, theo yêu cầu của Chính phủ Pháp, Alfes Binet và Theodota Simon là những người đầu tiên lập ra và tiêu chuẩn hoá một thang trí thông minh. Lúc bấy giờ chủ nghĩa thực chứng đang thịnh hành và trí thông minh, hoàn toàn như thể lực hoặc thị lực, cần được đo và QI đã ra đời. Ban đầu, chỉ là việc xếp loại các trẻ em theo tuổi trí tuệ của chúng và xác định những em kém "thông minh" để có một cách giảng dạy thích hợp. Năm 1916, QI được người Anh sửa đổi, đổi tên là thử nghiệm Stadford – Binet, được áp dụng cả ở người lớn và cho phép xếp bậc các cá nhân thành từng loại, từ thông minh nhiều đến thông minh ít. Nhưng trong bối cảnh thực dân các cường quốc châu Âu hoặc phân biệt chủng tộc ở phía Nam nước Mĩ, QI phục vụ cho sự nghiệp tệ hại của người da trắng chống lại những người khác. Người da trắng, chủ yếu là tín đồ đạo Kitô, là "thông minh" nhất. Những người nhập cư ngay khi đến Ellis Island đều qua thử nghiệm này và các kết quả này gây sửng sốt 87% người Nga, 83% người Do Thái, 80% người Ý được coi như là "người dân"! Đáng tiếc là cách đây không xa, điều đó được lập lại, khi quyển sách "Đường cong hình chuông" của Richard Hernstein và Charl Murray xuất hiện. Các tác giả chứng minh, căn cứ vào những con số và đường cong hình chuông, rằng người da đen có QI trung bình kém người da trắng. Họ quên nói rõ rằng những người có QI thấp nhất cũng là những người có cương vị xã hội bấp bênh nhất, người da đen nghèo hơn người da trắng...

Rõ ràng QI không đo gì khác ngoài khả năng trả lời vài câu hỏi có tính lôgíc – toán và động cơ có thể có khi trả lời bằng những từ khéo léo. Trong những năm 70 – 80 của thế kỉ XX, những nhà tâm lí học lỗi lạc như Reubeu Feuerstein còn chứng minh rằng có thể bằng rèn luyện làm cho QI tốt hơn rõ ràng. Như vậy, thể lực và cái mà QI đo có cùng bản chất. Điều đó giải thích các kết quả đo QI ở

mười bốn nước phương Tây gần đây: chỉ ở một thế hệ, QI trung bình đã tăng lên nhiều, tới 25 điểm!

Sai lầm của những người đề xướng QI và khoa đo tâm thần nói chung là tưởng tượng rằng mình đo những năng lực trí tuệ phổ biến nhất ở một con người. Nhưng thực ra họ chú trọng nhiều đến lôgíc và số học, vốn là cách làm riêng của phương Tây. Tuy nhiên QI vẫn là điều được chú ý đến khi đánh giá trí thông minh. Một số chuyên gia lại cho rằng không phải có một mà có nhiều trí thông minh. Nhà tâm lí học Mĩ, Howard Gardenr đã xác định chín dạng trí thông minh. Người mê âm nhạc, có trí thông minh âm nhạc, các nhà thể thao và diễn viên múa có trí thông minh về cảm giác vận động, ai trả lời tốt cho thử nghiệm QI thì có trí thông minh lôgíc – toán học. Còn những người tỏ ra tự chủ và quan tâm đến những người xung quanh thì có trí thông minh cảm xúc, đo được bằng EQ, thương số cảm xúc. Đó là một cách khôn khéo công nhận tính phức tạp của khái niệm.

Ở thế kỉ trước, trường học khoa tướng sọ, do thầy thuốc người Vienne, Francois – Joseph Gall sáng lập, cho rằng việc nghiên cứu những chỗ gồ của sọ có thể phân biệt được những tài năng hoặc thói hư của mỗi người. Khoa này nhanh chóng bị bỏ xó, còn để lại thành ngữ "có bướu toán học", tức có năng khiếu toán học. Dù sao Gall và những người đồng sự là những người đầu tiên coi tinh thần con người và trí thông minh như là một tập hợp 27 "lực cơ bản, khuynh hướng và tình cảm", thực ra là những "mô đun" chuyên môn, ít nhiều độc lập, việc xử lí thông minh phụ thuộc một trong những mô đun đó. Một thế kỉ sau, Panl Broca, nhà phẫu thuật và nhân loại học Pháp, khám phá ra rằng, sự tổn thương não ở vùng (sau này mang tên ông), làm mất tiếng nói. Có những nhóm nơrôn nhỏ dùng để nhìn, nghe hoặc nói. Não như là một sự ghép những cơ quan có thể xác định được. Từ những năm 70 lại khám phá ra nhiều phân tử thần kinh phát báo, tức là những chất cho phép các nơrôn truyền thông với nhau. Nhưng những nghiên cứu này còn xa mới thấy được tính phức tạp của việc suy nghĩ chính trong lĩnh vực tâm lí thực nghiệm, các chuyên gia có được những bước tiến mới nhất và sáng tạo nhất. Bằng những phương pháp mới, họ làm rõ được những dấu hiệu bước đầu của trí thông minh: những em còn ít tuổi, cả những bé sơ sinh cũng có thể nhận thức, trước khi cảm thấy như vậy. Một thực tế, phức tạp hơn người ta nghĩ nhiều. Nhà tâm lí học Mĩ, David Premack thực hiện những thí nghiệm của nhà tâm lí học Bỉ, Albert Michotte, phát hiện rằng các em bé, cũng như người lớn, có thể nhận thức những quan hệ nhân quả một cách máy móc. Nhận thức này, gọi là "môđun Michotte" gợi lại những lực cơ bản của

khoa đoán sọ. Vậy là não có thể nhận thức một quan hệ nhân quả, trong khi chưa có lí luận hoặc việc xử lí thông tin ngấm ngầm. Mà việc đoán trước ý định là một yếu tố cơ bản của trí thông minh. Não đã có yếu tố này ngay từ khi mới sinh, nhưng mới là mầm mống. Mỗi người sinh ra đã có tiềm lực thông minh và trở nên thông minh thật sự bằng cách rèn luyện trí tuệ của mình. Lĩnh vực khoa học nhận thức, tin học và "trí thông minh nhân tạo" cũng rất thịnh hành, khai thác và sử dụng dưới dạng những mô hình lí thuyết hoặc những máy móc, phần lớn những quan niệm cổ điển của trí thông minh. Những máy điện toán mới nhất đều thông minh, có thể có một tư duy trừu tượng, tìm ra một giải pháp sáng tạo cho một vấn đề mới lạ, thắng cả một nhà vô địch cờ.

Có những mức độ kế tiếp nhau về năng lực trí tuệ, ở mỗi mức độ phức tạp có một năng lực mới, nói lên một tiến bộ mới của tiến hoá. Trí thông minh đối với trí não con người như là tổ kiến đối với tập đoàn kiến: tính chất của con người.

**Thực vật cũng có trí thông minh**

Ngay trong tầng thực vật đã thấy xuất hiện trí thông minh, mà các nhà khoa học chưa biết hết căn nguyên. Dây nho, dây bầu, dây mướp có vòi biết tìm cách cuốn, bám vào giàn, vào cột.

Men làm bánh, làm rượu, là một loại nấm, nhưng lại có khả năng thích nghi đa dạng hơn là sinh vật.

Men là những loại nấm đơn bào, được sử dụng từ hàng ngàn năm, để làm nổi bột bánh mì hay làm rượu. Đây là những sinh vật có những điều kì thú về nhiều mặt.

Men có khả năng thích nghi lạ lùng, khi có không khí, nó sống bằng cách thở. Khi không có không khí, nó sống bằng cách chuyển hoá các loại đường, tạo thành quá trình lên men. Nó có thể thích nghi với môi trường có, hoặc không có ôxy. Nó còn có khả năng thích nghi với các loại đường khác nhau. Khi thiếu chất đường glucose mà nó ưa thích, men biết cách sử dụng loại đường khác như đường của hoa quả, hay đường trong tinh bột.

Đối với các nhà nghiên cứu, men có những lợi ích thiết thực của vi sinh vật, mặc dù chúng là những đơn bào có nhiều ngăn (nhân, hạt...) trái với vi khuẩn là những đơn bào chỉ có một ngăn.

Tron số những sinh vật đơn bào, men là những sinh vật có bộ gen đơn bội nhỏ nhất. AND của men bia có gần 15.000 kilobase (đơn vị cơ bản của phân tử ADN) và chứa khoảng 10.000 gen, gấp bốn lần một vi khuẩn. Trong khi đó, AND của một tế bào của con người chứa 3,3 tỉ base và có khoảng 10.000 gen.

Sự hoạt động của tất cả các tế bào men tuân theo một nguyên tắc tiết kiệm, tế bào men tạo ra một chuỗi enzyme thích hợp, sử dụng loại đường hiện có. Nó không phung phí sản xuất các enzyme tương ứng với loại đường khác. Chúng biết tiết kiệm năng lượng. Khi đặt men vào chất đường glucose, chúng chỉ tạo ra những enzyme cần thiết để chuyển hoá loại đường này, và không tạo enzyme chuyển hoá đường trái cây... Nhờ vào khả năng của những gen lão hoá và nhờ những tín hiệu hoá học nội bào, men biết lựa chọn, tạo ra enzyme thích hợp với từng loại đường.

Phản ứng đó, đã khiến cho men có một trí thông minh.

Trong giới thực vật, các loài hoa là ngành tiến hoá nhất. Theo các nhà cổ sinh học, chúng đã xuất hiện cách đây trên hai trăm triệu năm. Từ ấy cho đến nay, trong cả một khoảng thời gian dài dằng dặc, vũ trụ không ngừng biến đổi và các loại hoa cùng biến đổi không ngừng.

Ngày nay, có những cây hoa có lá biết cử động, thậm chí có loài hoa biết bắt và ăn sâu bọ.

**Lá biết cử động theo chu kì thức ngủ**

Lá của phần lớn các cây trong họ Đậu, biết cử động theo chu kì thức ngủ.

Cơ chế này là do ở gốc cuống lá có một chỗ phồng, ban ngày các tế bào ở đó căng đầy nước làm cho lá giương lên, nhưng ban đêm, nước trong các tế bào này rút đi làm lá cụp xuống.

Lá cụp lại khi bị vật gì va chạm (gió thổi mạnh, người hay vật chạm đến).

Cùng nằm trong họ Đậu có một số cây mà điển hình là cây xấu hổ, còn gọi là cây mắc cỡ, cây trinh nữ, mọc hoang ở ven đường hay bãi cỏ trống. Khi ta vô tình chạm vào cây, lập tức các lá cây sẽ có phản ứng cụp lại như một cô gái thẹn thùng, e lệ, cơ chế cử động này cũng giống như cử động thức ngủ ở trên.

**Cây biết bắt và ăn sâu bọ**

Phần tận cùng của lá cây tạo thành dạng bình có nắp đậy. Dưới nắp đậy và trong thành bình có nhiều tuyến tiết mật để hấp dẫn côn trùng. Trong thành bình còn có nhiều lông cứng, hướng xuống dưới như cái hom giỏ để ngăn không cho côn trùng thoát ra ngoài, hỗ trợ với các lông là các tuyến tiết chất dính. Cuối cùng là các tuyến tiết dịch tiêu hoá. Hoa mọc thành chùm, màu xanh hay tím, nhiều khi có mùi thối.

Các loại cây này thường có ở rừng nhiệt đới. Tại Việt Nam, có cây nắp ấm, mọc hoang ở Quảng Trị, Đà Nẵng, Đà Lạt.

**Chỉ số thông minh của các nhân vật lịch sử**

*Nhà tâm lí học Mĩ, bà Catherine Morriocox chuyên tâm nghiên cứu về chỉ số thông minh và là người có uy tín trong lĩnh vực này. Bà đã sưu tập và thẩm định những tài liệu cổ để tính chỉ số thông minh (IQ) của các nhân vật nổi tiếng trong lịch sử (từ 1450 đến 1850)*

1. John Sutart Mill, triết gia và nhà kinh tế Anh (190)
2. Johann Wolfgang V. Goethe, nhà văn Đức (185)
3. Thomas Chatterton, nhà thơ Anh (170)
4. Voltaire, nhà văn và triết gia Pháp (170)
5. George Sand, Nữ văn sĩ Pháp (150)
6. Wolfgang Amadeus Mozart, nhạc sĩ Áo (150)
7. Goorge Gardon, Lord Byron, nhà thơ Anh (150)
8. Thomas Jefferson, Tổng thống thứ ba của Mĩ (145)
9. Benjamin Franklin, Tổng thống và nhà văn Mĩ (145)
10. Charles Dickens, nhà văn Anh (145)
11. Galileo Galilei, triết gia, nhà toán học và vật lí học Italia (145)
12. Napoleon, đệ nhất, hoàng đế Pháp (140)
13. Richard Wagner, nhạc sĩ Đức (135)
14. Charles Robert Dawin, nhà khoa học Anh (135)
15. Ludwig Van Beethoven, nhạc sĩ Đức (135)

**Về trí thông minh và nhân tố EQ**

Nghiên cứu mới về não cho thấy có lẽ cảm xúc (chứ không phải hệ số thông minh IQ), mới là thước đo đích thực trí thông minh của con người.

Quan sát một đứa trẻ lên bốn xử lí trái thục quy có thể thấy trước tương lai nó qua một tình huống thử thách với một nhóm trẻ: mời từng em vào căn phòng bày biện đơn giản và thử thách: em có thể ăn ngay nhưng nếu đợi khi ông xong việc quay lại sẽ được 2 trái. Kết quả một số ăn ngay, một số đầu hàng vài phút sau. Một số quyết tâm chờ bằng được, chúng che mặt, cúi đầu, hát một mình, chơi trò chơi hoặc ngủ.

Khi số trẻ vào trung học, cuộc điều tra tiếp tục cho thấy số trẻ kiên nhẫn chờ đợi đạt kết quả kì thi kiểm tra trình độ học vấn có điểm số cao hơn số trẻ đầu hàng, chúng là những thiếu niên thích ứng tốt, thích mạo hiểm, tự tin, được tin cậy. Còn các trẻ khác dễ bực tức, bướng bỉnh hay lo lắng căng thẳng khi gặp khó khăn, lảng tránh khi gặp thách thức...

Khi nói đến thông minh, ta nghĩ đến Einstein, nhưng hãy tự hỏi: tại sao năng khiếu bẩm sinh nở rộ ở một số người này và lụi tàn ở người khác? Nơi trái thục quy can thiệp vào, phải chăng kìm chế lòng ham muốn là một kĩ năng, là chiến thắng của lí trí trước cảm hứng? Đó là dấu hiệu của "khả năng hiểu biết cảm xúc" (viết tắt KNHBCX) khả năng này không thể hiện qua hệ số thông minh IQ.

Ta thường hỏi: Tại sao đứa trẻ thông minh nhất trong lớp lại không luôn luôn là kẻ giàu nhất sau này? Tại sao ta muốn người này và cảnh giác người kia rõ ràng vì bề ngoài? Tại sao người này giữ được bản lĩnh và người kia lại ngã quỵ khi đối mặt với khó khăn? Vậy phẩm chất nào của trí tuệ hay tinh thần quyết định sự thành công?

Khả năng hiểu biết cảm xúc: khả năng đồng cảm người khác, khả năng điều tiết cảm xúc cho có tác dụng tích cực gọi là EQ (theo gọi tắt của Daniel Golema – Nhà văn, tiến sĩ tâm lí Đại học Havard). Quan điểm của ông là: trong yếu tố đưa đến thành công của một người, thì trí tuệ (đo bằng IQ) không quan trọng bằng tính cách, bằng cảm xúc của người đó.

Tuy nhiên, cảm xúc không thể đo bằng hệ số, không thể tính trung bình. Một số người đối phó được cơn giận dữ nhưng chịu thua nỗi sợ hãi, người khác không thể vui vẻ được... vì các trạng thái cảm xúc phải được xem xét khác nhau trong những tình huống khác nhau.

EQ không đối lập với IQ. Có người được trời cho cả hai, một số được rất ít ỏi. EQ và IQ hỗ trợ nhau ra sao? Các nhà nghiên cứu đồng ý với nhau rằng trong các yếu tố dẫn tới thành công thì hệ số thông minh IQ chiếm tới 20% còn lại phụ thuộc vào nhiều chuyện như giai cấp trong xã hội, sự phát triển hệ thần kinh ở não sau hàng triệu năm tiến hoá. Các nhà khoa học ngày nay hiểu quá rõ về bộ não và biết rõ cảm xúc xuất phát từ đâu và tại sao ta cần có cảm xúc. Jojeph le Doux (Mĩ) (nhà thần kinh học) khám phá ra một đường dây thần kinh ngắn ở não cho phép cảm xúc điều khiển hành động trước khi trí tuệ kịp can thiệp. Một người chạy trên núi thấy vật dài, cong trên đường, anh ta vội nhảy ra xa trước khi nhận ra đó chỉ là cái que giống con rắn và bình tĩnh lại, điều đó nghĩa là vỏ não nhận thông tin vài phần ngàn giây sau hệ Limbic (não trung gian phát xuất cuộc sống tình cảm cảm xúc) và điều tiết phản ứng ban đầu. Nếu không có phản ứng mạnh mẽ ít khi ta ý thức được, con người khó mà hoạt động được.

Tự ý thức: là khả năng hết sức quan trọng. Khả năng này giúp ta tự kiềm chế, chứ không phải đè nén cảm xúc. Ai cũng có thể giận dữ nhưng giận đúng người, đúng mức độ, đúng lúc, không phải là dễ. Thông thường, người ta bảo "cứ để nổ tung ra" là cách xử lí cơn giận dữ, nhưng Goleman nghiên cứu và thấy

làm vậy chỉ giúp cơn giận tăng thêm, nếu cơ thể cần cơ hội để chuyển adrenaline thông qua tập thể dục, thư giãn, đếm từ 1 đến 10...

Trạng thái lo lắng: cũng phục vụ mục đích thành công nhưng chỉ tốt khi cảm xúc này trong vòng kiểm soát. Lo lắng quá dẫn tới đầu hàng thay vì kiên trì bền bỉ. Một nhân viên bán hàng quá lo lắng vì bán hàng được quá ít đến mức không dám nhắc điện thoại để quảng cáo thì số lượng bán hàng còn giảm nữa.

Đồng cảm: cũng có thể xem là khả năng sống còn. Các cuộn băng quay Nicolai lúc 20 tháng tuổi xử sự với người mẹ bị loạn thần kinh cho thấy mẹ em đáp lại biểu hiện giận dữ hoặc độc lập của em bằng những nụ hôn điên cuồng. Lúc đó, hai nhà nghiên cứu thấy em cong lưng lại, hoảng sợ "nụ hôn tử thần" của người mẹ, những năm sau đó, em trút cơn giận dữ lên các bạn trong lớp. Đồng cảm giảm bớt sự tàn nhẫn.

Từ những nghiên cứu này, ta dễ dàng rút ra: xã hội muốn yên ổn, cá nhân sẽ thành đạt nếu ta chú ý và ý thức tầm quan trọng của sự nhạy bén cảm xúc và khéo léo hơn trong giảng dạy vấn đề đó.

Ở các tập đoàn lớn trên thế giới, Giám đốc điều hành nhân sự nhận xét: IQ giúp bạn được tuyển vào Công ti, và EQ giúp bạn thăng tiến. Giám đốc tập đoàn AT và T cho biết: những người làm giỏi nhất của ông không phải là người có hệ số IQ cao mà là người có khả năng hợp tác, được mọi người yêu mến, hơn là những thiên tài cô độc, vụng về trong giao tiếp.

Việc giáo dục cảm xúc: đã đưa vào chương trình của trường công số 75 ở New York, giúp các em kiểm soát cơn giận dữ, bực tức, cô đơn... kể từ đó, số vụ đánh nhau giảm hẳn, số học sinh tập trung học tăng lên, học sinh gái giảm chứng rối loạn tiêu hoá do được học cách phân biệt cảm xúc... Ông Peter Relic, Chủ tịch hiệp hội trường tư quốc gia ở Mĩ nói: "có thể mất nhiều tiền để đánh giá EQ thay vì thông qua một vài trắc nghiệm do máy chấm để đo IQ, nhưng nếu không làm vậy, thì chúng ta sẽ sai lầm khi coi trọng điểm số trắc nghiệm hơn là chuyện đứa trẻ ra sao với tư cách là một con người, và ta sẽ phí phạm rất nhiều tài năng khi định nghĩa sự thành công với mức quá hẹp".

**Mơ và mộng khiến người ta trở nên thông minh**

*Cho dù là ác mộng hay giấc mộng đẹp, đều khiến người ta trở nên thông minh. Quan điểm này do Kreker – nhà vật lí sinh vật Anh nêu ra.*

Ông cho rằng, thông tin tồn trữ trong não càng nhiều, sự truyền thông tin sẽ sinh ra rối loạn, song mộng mơ có thể xoá đi những thông tin thừa vô dụng. Nếu không mộng mơ, thông tin sẽ không được sàng lọc và chỉnh lí, chỉ là một mớ bòng bong.

Đại não có chức năng tự động chọn lọc thông tin. Những thông tin cần thiết được đưa lên vỏ não, trong đầu sẽ xuất hiện các loại hình ảnh rất sinh động. Đó chính là mộng mơ. Theo nghiên cứu, nếu như một đứa trẻ hay mơ, khi lớn lên sẽ rất thông minh. Những người ít mơ lại lo rằng mình sẽ trở nên chậm chạp và đần độn. Thật ra, không có gì đáng lo cả, rất nhiều giấc mơ, bản thân mình cũng không được biết, chỉ có khi mơ, tỉnh lại mới ý thức được là mơ. Khi ta cho rằng cả đêm không mơ mộng gì, rất có thể đã qua mấy giấc mơ rồi.

Những giấc mơ của nữ thường xảy ra ở phòng ở quen thuộc, còn nam giới thì hay mơ ở những nơi xa lạ, giấc mơ thường li kì và lạ lẫm. Giấc mơ của nữ phần lớn là sự gặp gỡ một ai đó. Nam thường mơ tới những hành vi tập thể hay hoạt động đoàn thể. Nữ giới khi nhớ lại giấc mơ, có thể kể tỉ mỉ đặc trưng, hình dáng của các nhân vật trong mơ, và các tình tiết đã xảy ra. Còn nam giới thì, thường chỉ kể được những diễn biến có tính chất khái quát. Giấc mơ của nữ giới thường là rất hàm xúc, phần lớn thuộc về tình cảm, ngôn ngữ là chính. Còn giấc mơ của nam giới phần lớn lại thuộc các chủ đề như sự xâm phạm, sự tiến thủ, tấn công, tình dục và thành tựu. Riêng nữ giới thường có những cơn ác mộng nhiều hơn nam giới.

**Chỉ số thông minh cao không đồng nghĩa với sự thành đạt trong cuộc sống?**

*Những trắc nghiệm về sự thông minh không xác định được tất cả năng lực trí tuệ của con người. Chỉ số thông minh cao không quyết định được sự thành đạt trong cuộc sống.*

Trong thực tế không ít trường hợp người có chỉ số thông minh bình thường lại gặt hái được nhiều thành quả nhất trong cuộc sống. Bởi lẽ cái quan trọng nhất là lòng tự tin, ý chí và sự bền bỉ trong nỗ lực thực hiện mục tiêu, bất chấp rủi ro cũng như khả năng làm chủ và sự lạc quan. Những đặc tính này được gọi là sự thông minh cảm xúc. Trong chừng mực nhất định, có thể đào tạo được. Dễ nhất trong giai đoạn niên thiếu. Tiếc rằng, phương pháp nuôi dưỡng và giáo dục trẻ em thường không tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình này phát triển hợp lí.

Các nhà tâm lí học đều nhất trí rằng, thái độ quan tâm, lời khen hay lòng tự tin có tác dụng khơi dậy trí thông minh. Sự phát triển của trí thông minh có thể bị ngăn cản trong nhà trường hoặc ngay trong gia đình. Những lời xỉ vả và sự trừng phạt sử dụng bừa bãi bởi giáo viên hoặc cha mẹ sẽ gây cho con trẻ cảm giác thấp hèn, tự ti hoặc thậm chí trạng thái điên khùng. Điều đó sẽ ảnh hưởng tới sự phát triển năng lực trí tuệ cũng như kết quả các trắc nghiệm về trí thông minh của chúng. Vì lí do này, ngày càng có nhiều nhà tâm lí học cho rằng, những nghiên cứu dạng này không cho phép phát hiện năng lực trí tuệ thực sự của con người.

Ngoài ra, sự đo đạc trí thông minh được thực hiện trong điều kiện không mấy gắn bó với sự ứng phó của con người trong hoàn cảnh cuộc sống thực tế. Trên cơ sở trắc nghiệm trí thông minh, không thể đoán biết đối tượng sẽ xoay xở thế nào trong cuộc sống. Không ai kiểm tra, ví dụ, những yếu tố ảnh hưởng đến kết quả trắc nghiệm như động cơ hay sự sợ hãi. Thế nên thường xảy ra trường hợp người rất thông minh song lại làm sai bài tập. Kết quả nghiên cứu cho thấy rằng, sự luyện tập thường xuyên có thể nâng kết quả thậm chí tới 10%.

Chỉ số thông minh cao vượt xa mức trung bình có thể trở thành hội viên MENS (tổ chức quốc tế những người có chỉ số thông minh cao). Trong từng quốc gia, tùy thuộc vào hình thức trắc nghiệm, các ứng cử viên phải đạt được số điểm tối thiểu, ví dụ ở Ba Lan là 148 (IQ), ở Bungari – 154 và ở Mĩ – 140. Nhìn chung, các thành viên MENS có trình độ học vấn không đồng đều và thuộc mọi ngành nghề. Ngoài chỉ số thông minh cao, họ không có gì khác thường. Ngoài những trường hợp tài năng xuất chúng và thành đạt, cũng không thiếu những cá nhân lập dị, những người gặp khó khăn trong công việc và thất vọng với đời tư.

Để có thành đạt trong cuộc sống, ngoài trí thông minh, những yếu tố mang tính quyết định là: năng lực lãnh đạo, động cơ và sự cần cù, ý chí bền bỉ đối với stress và sự cân bằng tâm lí cũng như sự tự tin, khả năng thiết lập các mối quan hệ, yếu tố lạc quan và sự sáng tạo. Các chuyên gia khẳng định rằng, một khi có tất cả những cá tính như thế, thậm chí với chỉ số thông minh trung bình, bạn cũng có thể thành đạt dễ dàng. Con người có chỉ số thông minh cao có thể vẫn là một con người vụng về trong quan hệ xã hội – GS C. Nosal thuộc tổ chức MENS Hunggari khẳng định. Những cá nhân như thế thường chỉ là người làm thuê cho những kẻ có chỉ số thông minh trung bình, nhưng chỉ số thông minh cảm xúc cao (yếu tố giúp năng lực lãnh đạo người khác).

Cho đến nay giới khoa học vẫn chưa tìm ra phương pháp nghiên cứu trí thông minh cảm xúc. Nhưng các công trình thử nghiệm nhằm xác định năng lực nhận biết cảm xúc thì đã được tiến hành. Nghiên cứu này dựa trên sự dự đoán tâm trạng của đối tượng được giới thiệu trên ảnh hoặc băng video. Sự thiếu hụt trí thông minh cảm xúc, trong một số trường hợp, có thể làm giảm khả năng tư duy. Những nghiên cứu khoa học chứng minh rằng, trẻ em năng động thường không kiểm soát tình cảm của bản thân, không chú ý đúng mức đến sự phát triển của những năng lực ấy. Vì thế chúng không đạt kết quả cao trong các bài trắc nghiệm.

Đa số chúng ta không tận dụng hết tiềm năng trí tuệ mà tạo hoá ban phát. Để thay đổi tình trạng đó, cần thiết không chỉ thường xuyên luyện tập trí não, mà

còn phải học cách khơi dậy cảm xúc tích cực. Các nhà tâm lí học Mĩ phát hiện ra rằng, với những cá nhân, mà bán cầu não trái năng động hơn bán cầu não phải, thường có lối sống dễ chịu và vui vẻ, ít bị stress, ít buồn phiền và cảm thấy hứng khởi nhiều hơn trong cuộc sống. Trái lại, người có bán cầu não phải mạnh mẽ hơn thường dễ rơi vào tâm trạng đen tối và đau khổ. Dẫu vậy, cơ chế này không quyết định số phận con người. Bởi lẽ trình độ học vấn của cha mẹ, đặc điểm nghề nghiệp (nhất là của người bố), sự phong phú về sách báo, chất lượng vật dụng gia đình đóng vai trò lớn trong quá trình hình thành trí tuệ trẻ thơ. Nhiều nhà khoa học khẳng định rằng, cứ mỗi năm học thêm ở nhà trường, trình độ trí tuệ lại tăng thêm 1 – 2 điểm. Trong thời gian đó, chúng ta tự học cách giải quyết tất cả những vấn đề, mà môi trường đặt ra. Càng có nhiều yếu tố kích thích tác động lên con người, càng xảy ra nhiều tình huống phức tạp và chúng ta phải đối đầu, sự phát triển trí tuệ càng đầy đặn. Sự đồng tình, thông cảm và thái độ khuyến khích hoạt động đối với trẻ trong quá trình phát triển là yếu tố cần thiết. Trái lại, cuộc sống gia đình đơn điệu và mối quan hệ xã hội thưa thớt sẽ làm cho trẻ phát triển chậm chạp, trì trệ.

Đa số các nhà tâm lí học hiện đại khẳng định rằng, nhân tố di truyền và môi trường đóng vai trò như nhau đối với quá trình phát triển trí tuệ. Từ cha ông, chúng ta thừa hưởng cái gọi là "trí tuệ lông", tức tốc độ chuyển tải xung động thông tin trong hệ thần kinh. Nó quyết định về tốc độ nhận biết trong tình huống tiếp xúc với thông tin. Thành phần tiếp theo của trí tuệ là kiến thức và vốn sống, tức năng lực tư duy chiến lược. Thành phần này có thể phát triển như người không gặt hái được vốn sống mới. Với trường hợp như thế, phần năng lực trí tuệ không lớn thêm cùng năm tháng, mà còn giảm dần.

Trong hệ thần kinh, sóng điện từ vận hành với tốc độ 5 mét/giây. Tuy vậy, nhịp độ này phụ thuộc vào phong độ tâm sinh lí của thân chủ cũng như phương pháp dinh dưỡng. Thường chúng ta không tận dụng hết, thậm chí bộ phận trí tuệ, mà di truyền ban phát. Để phát triển tối đa năng lực ấy trong thời kì đầu cuộc đời, cần phải thực hiện nhiều bài học trí tuệ. Chúng cho phép duy trì nhịp độ lao động trí óc rất cao – GS Nosal khẳng định.

TS Daniel Goleman trong cuốn sách "Trí tuệ cảm xúc" mô tả thí nghiệm với thú vật. Một số con chuột được sống trong những lồng ấp đầy các linh kiện phục vụ như đồ chơi và yếu tố kích thích vận động. Số chuột còn lại nhốt trong chuồng trống rỗng. Sau vài ba tháng trên vỏ não đàn chuột ở lồng thứ nhất hình thành mạng kết nối giữa nhiều lũ chuột đối chứng. Những con chuột này tỏ ra hoạt bát thông minh hơn bình thường.

Nếu lấy tính hiệu quả làm cơ sở đo đạc trí thông minh thì kết quả cao nhất sẽ thuộc vào nhóm đối tượng tuổi 15 – 25. Sau đó, giá trị sẽ giảm dần, theo độ tuổi. Trí thông minh giảm không phải vì trí óc già đi, mà vì con người ít sử dụng nó. Đối với đa số, những năm cắp sách tới trường là thời gian phát triển trí tuệ mạnh mẽ nhất. Sau đó giảm dần động cơ khám phá thế giới và học hỏi những điều mới lạ. Con người xây dựng gia đình và để tâm vào sự ổn định cuộc sống. Những sự kết nối thần kinh thực tế có thể tạo dựng đến cuối cuộc đời. Mãi đến tuổi khoảng 95, quá trình này mới tắt dần – GS Nosal khẳng định.

Với người lớn tuổi, sự kết nối giữa các nơrôn có thể tạo lập rất nhanh, với trẻ em – trong vòng vài ba ngày hoặc vài ba giờ. Trí tuệ phát triển thông qua mối quan hệ với những nhân tố mới. Tất cả các dạng học tập đều khơi dậy trong não sự biến đổi trên cơ sở củng cố hoặc tạo dựng những mạng kết nối nơ – rôn mới. Vậy nên càng học hỏi nhiều, trí tuệ càng phát triển. Nhìn chung, có bốn yếu tố thuận lợi cho sự phát triển năng lực trí tuệ: thể trạng sức khoẻ tâm – sinh lí tốt, cách thức giáo dục hợp lí và đầy tình yêu của gia đình, phương thức giáo dục khoa học và có tính gợi mở của nhà trường.

**Những khả năng trí lực trời phú cho con người**

*Các nhà khoa học cho rằng loài người có bảy khả năng về trí lực. Từ đó nói lên rằng vì sao có những người lại có khả năng về âm nhạc, khả năng về ngôn ngữ và thể thao hơn hẳn những người khác.*

Nguyên nhân là do ở họ có những tài năng về mặt đó. Lại được sự cổ vũ, nhất là ở thời kì niên thiếu. Các nhà khoa học cho rằng, cho dù về trí lực được chia thành 7 loại, nhưng khi tham gia bất kì một hoạt động gì, chúng đều phát huy vai trò phối hợp nhịp nhàng.

***Bảy khả năng đó là:***

*1. Khả năng về âm nhạc:* Một số bộ phận ở bên phải của não đã phát huy được vai trò quan trọng trong hiểu biết và sáng tác âm nhạc. Về mặt lí luận mà nói, bất kì ai cũng có thể phát huy được khả năng này, cho dù người ta đều cho rằng có rất nhiều thiên tài âm nhạc, sinh ra đã sẵn có tài năng về mặt này.

*2. Khả năng trí lực vận động thân thể:* các vận động viên, các diễn viên múa, diễn viên hề... vốn sẵn có khả năng này. Loại trí lực này ở rất nhiều người sẽ được khai thác, cho dù thời niên thiếu họ không được sự khích lệ. Chẳng hạn như diễn viên múa nổi tiếng Braxin – Violta, tuy ông có tài năng về múa, nhưng từ nhỏ không được cổ vũ khích lệ và vun xới. Năm 20 tuổi, ông mới được vào trường múa, nay ông đã 47 tuổi, đã trở thành bậc thầy về múa được cả nước tôn

sùng. Ông nói: "thực ra tôi muốn trở thành ca sĩ, nhưng khi vào trường múa, thầy giáo động viên tôi tích cực học tập, nói rằng tôi là một nhà vũ đạo bẩm sinh"

*3. Khả năng về lôgíc toán học:* đó là năng lực về tính toán, cộng với khả năng về ngôn ngữ sẽ tạo thành cơ sở chủ yếu của sự cân đo kiến thức. Các nhà khoa học thế giới đã đi sâu nghiên cứu rộng rãi về loại khả năng trí lực này. Song họ vẫn chưa làm rõ được quá trình giải quyết vai trò của vấn đề toán học lôgíc.

*4. Khả năng về ngôn ngữ:* đây là một loại năng lực đọc viết và năng lực tổ chức ngôn ngữ có tính chất sáng tạo. Loại năng lực này là đo một bộ phận chuyên môn của đại não nắm giữ, chịu trách nhiệm đưa ra những phán đoán về ngữ pháp.

*5. Khả năng trí lực cảm thụ không gian:* đây là loại năng lực định vị không gian, bao gồm từ việc đơn giản là tìm con đường về nhà đến việc giải quyết các vấn đề hàng hải phức tạp. Đây cũng là loại tài năng vốn có của các nhà nghệ thuật thị giác như nhà nhiếp ảnh và hoạ sĩ. Song có điều kì lạ là đó cũng là tài năng vốn có của các kiện tướng chơi cờ.

*6. Khả năng trí lực về giao tế:* đây là loại năng lực phân biệt sự khác biệt giữa người và người. Đặc biệt là sự khác biệt về tình cảm, tính cách, động cơ và ý đồ...

*7. Khả năng trí lực nội tại của cá nhân:* đó là khả năng tự nhận thức, là khả năng phân biệt các loại tình cảm. Coi sự phán đoán và lợi dụng tình cảm làm phương pháp lí giải và chỉ đạo hành vi của mình.

**Máy tính có biết suy nghĩ không?**

Bài toán sáng tạo các máy tính có khả năng nhận thức nguyên nhân, khám phá ý nghĩ, biết chiêm nghiệm và thực hiện những nhiệm vụ liên quan tới trí tuệ con người đã đạt được nhiều kết quả đầy ấn tượng. Ngày nay, máy tính đã hiểu được ngôn ngữ của con người (nghe tiếng Anh chẳng hạn), nhận biết kích thước và hình dáng, thậm chí bước đầu biết phục vụ như một nhân viên y tế. Tuy nhiên, nhiều nhà khoa học và triết học vẫn đặt câu hỏi: Liệu chúng có khả năng suy nghĩ như con người – với trực giác, cảm xúc và ý thức – hay không? Đi xa hơn thế, nhiều câu hỏi được đặt ra về bản chất của trí tuệ và mục đích của loài người trong vụ trũ. Trái ngược với nỗi sợ hãi của mọi người, một số nhà khoa học tin rằng, việc hiểu biết cơ chế tư duy không nhất thiết đe doạ ưu thế của tâm linh con người, mà ngược lại, có thể cho chúng ta một cái nhìn mới về những câu hỏi ngàn đời, như "chúng ta là ai?" và "đâu là vị thế của chúng ta trong sự sáng tạo kì diệu của thiên nhiên?". Bài viết này sẽ cung cấp cho bạn đọc một số

khía cạnh của trí tuệ nhân tạo, thông qua cuộc tranh luận thú vị giữa những người ủng hộ và phản đối vấn đề này.

Trả lời cho câu hỏi: "Máy tính có thực sự biết suy nghĩ không?", có thể quay về thời các triết gia như Platr, Aristole và Descartes, sau gần 3.000 năm, câu trả lời vẫn là "Ai mà biết được?". Đó không phải là câu trả lời thích hợp. Vì thế, hãy cứ thử đưa ra một số câu trả lời khác nữa.

"Ai quan tâm?" là câu trả lời thứ hai. Nếu một cái máy có thể thực hiện được chức năng của nó, sẽ có nghĩa gì nếu nó thực sự biết suy nghĩ? Không ai chạy quanh một chiếc ô tô và hỏi, liệu nó có thực sự biết đi không?

"Bạn sẽ nói gì?" là câu trả lời thử nghiệm Turing nổi tiếng, do nhà toán học và logic học Alan Turing người Anh đề xuất từ năm 1952. Hãy tưởng tượng bạn ngồi một mình trong phòng kín, chỉ liên lạc với bên ngoài bằng một máy telex. Máy này nối với một người hoặc một máy tính. Nếu không có lời trao đổi kèm theo, bạn sẽ không biết mình đang liên lạc với người hay với máy. Khi đó bạn phải cho rằng máy tính có thể suy nghĩ.

Tuy nhiên, có thể phản đối điều này vì tư duy là điều hết sức phức tạp nên việc hiểu các quy luật và nguyên lí vận hành trí tuệ không đồng nghĩa với việc "chế tạo" được nó. Chúng ta có thể xây dựng được một thiên hà khi hiểu biết mọi bí mật của thiên văn học?

Những người ủng hộ trí tuệ nhân tạo (TTNT) lại đưa ra lập luận mới: về nguyên tắc, máy tính có thể phân biệt, suy nghĩ, nhưng không phân biệt giống con người. Nhà nghiên cứu TTNT Seymor Papert ở Viện Công nghệ Massachusetts khẳng định rằng: TTNT cũng giống các chuyến bay nhân tạo. Mặc dù toán học tính toán với chất lưu lí tưởng, còn không khí là chất lưu thực, cũng như khó có thể xem chim và máy bay bay theo cùng nguyên lí (chim không có cánh quạt, còn máy bay không có lông), nhưng chúng ta buộc phải thừa nhận rằng những nguyên lí chung được áp dụng cho cả chất lưu thực và lí tưởng, cho cả dòng chảy trên cánh nhôm hay trên bộ lông chim.

Lời phản đối thường gặp nhất sẽ là: "Không, tôi không phải là máy. Tôi là tôi, một đối tượng sống. Và bạn không bao giờ chế tạo được một cái máy biết nói. Hơn nữa, bản chất của tính nhân bản không phải là lôgic hay những gì máy tính có thể làm, đó là trực giác, sự nhạy cảm và cảm xúc. Làm sao máy tính có thể suy nghĩ nếu nó không biết cảm xúc, và làm sao nó biết cảm xúc nếu nó không biết về tình yêu, nỗi thống khổ, sự hồ hởi, cảm giác cô đơn và tất cả những gì thuộc về con người?".

Quả thật lí do phản đối TTNT xuất phát chủ yếu từ một bí mật mang nhiều tên gọi: ý thức, tinh thần, tâm linh. Thậm chí ta còn chưa hiểu nó là cái gì trong con người! Nhiều người cho rằng nó tách rời hiểu biết của chúng ta và chỉ là đối tượng của Thượng đế. Người khác lại hi vọng rằng bộ não có thể tự hiểu bản thân, dù chỉ trên nguyên tắc. Và trong bất cứ trường hợp nào, chúng ta có hi vọng mô phỏng được nó hay không, với những mảng silicon và phần mềm tinh tế? Câu hỏi này đã gây ra một cuộc tranh luận không dứt từ khi xuất hiện bài toán TTNT. Người ta tranh luận vì quan điểm triết học, vì niềm tin cá nhân vào bản chất của một lí thuyết chính xác về trí tuệ, nếu quả thật có một lí thuyết như vậy.

Triết học là lãnh địa đẹp đẽ nhưng đầy bất trắc. Tuy nhiên có thể cảm nhận được một vài ý hay từ hai thái cực. Một ý kiến từ những người ủng hộ TTNT, cụ thể là Allan Nevvell và Herbert Simon thuộc trường Đại học Carnegie – Mellon (Penn sylvania), cha đẻ của TTNT, khi hai ông đưa ra lập luận: (1) tư duy là quá trình xử lí thông tin; (2) xử lí thông tin là tính toán, nghĩa là thao tác các kí hiệu; và (3) kí hiệu, trong tương quan của chúng, mang một ý nghĩa liên quan đến thế giới bên ngoài. Nói cách khác, thuyết toán học của Alan Turing tỏ ra chính xác: một bản sao hoàn hảo của tư duy cũng chính là tư duy.

Triết gia Daniel Dennett thuộc Trường đại học Tuft gần Boston cũng đồng thời cho rằng, tư duy quả thực là "một cái gì diễn ra trong não, nhưng không phải chỉ là sự tính toán. Nó cũng là một điều thiêng liêng và nổi bật: hữu cơ và mờ ảo; ấm nóng, âu yếm và bí mật". Đó là thuyết sáng tạo nêu rõ nguồn gốc thiêng liêng của tư duy. Vì một số lí do tế nhị, những người ủng hộ thuyết sáng tạo tập trung ở vùng vịnh San Francisco với hai triết gia thủ lĩnh, John Searle và Hubert Dreyfus tại Trường đại học Califormia. Cuộc tranh luận giữa thuyết toán học và thuyết sáng tạo đã rộ lên khi Dreyfus cho ra mắt quyển sách "Những gì máy tính không thể làm" từ giữa những năm 1960. Nhưng cuộc tranh luận trở nên ác liệt năm 1980 trên tạp chí "Khoa học hành vi và bộ não" (Behavioral and Brain Sciences). Tạp chí này không in các bài báo, đầu tiên nó yêu cầu những ai đang phản đối một luận điểm nào đó đưa ra lời bình luận và để cho tác giả của luận điểm có cơ hội trả lời. Sau đó tạp chí đăng tải tất cả những câu hỏi và những câu trả lời theo chủ đề, như một cuộc tranh luận chính thức. Trung tâm cuộc tranh luận về TTNT năm 1980 là bài báo của Searle: "Trí tuệ, bộ não và các chương trình", một cuộc tấn công triệt để vào quan điểm máy tính có thể suy nghĩ. Tiếp theo là 27 bài viết, phần lớn phản đối Searle.

Thực chất quan điểm của Searle là: mô phỏng không phải là bản sao. Một chương trình dùng các quy tắc hình thức để thao tác các kí hiệu trừu tượng

không bao giờ biết suy nghĩ hoặc sợ hãi, vì các kí hiệu không mang một ý nghĩa gì đối với máy tính. Để minh hoạ, Searle giả định một thí nghiệm tưởng tượng như sau: "Giả sử tôi bị nhốt trong buồng với một tập bản thảo tiếng Trung Quốc, thứ tiếng mà tôi không biết. Đối với tôi, bản thảo chỉ là những điều vô nghĩa". Tiếp theo, Searle được đưa tập bản thảo thứ hai (một "câu chuyện"), cùng một số quy tắc bằng tiếng Anh giải thích cách liên hệ tập thứ nhất với tập thứ hai (một "chương trình"). Sau đó là một tập các kí hiệu tiếng Trung quốc thứ ba (các "câu hỏi") và một số quy tắc tiếng Anh nữa, nhằm giúp ông cách thao tác đến khi ba bản được liên hệ với nhau và ông tập hợp được các đặc trưng của tiếng Trung Quốc mới (các "câu trả lời"). Ông gửi chúng ra ngoài. Cuối cùng, Searle nói, "sau khi tôi thao tác thành thạo các chỉ dẫn về kí hiệu tiếng Trung Quốc và nhà lập trình thành thạo theo quan điểm bên ngoài... các câu trả lời của tôi sẽ hoàn toàn giống câu trả lời của người Trung Quốc". Nói cách khác, Searle tìm cách vượt qua thử nghiệm của Turing.

Theo Searle, trong buồng cách li, ông đã hành động như một máy tính. Ông dùng các quy tắc trừu tượng để thao tác các kí hiệu trừu tượng. Ông hiểu các câu chuyện và trả lời như một người Trung Quốc. Nhưng ông vẫn không biết một chữ Hán nào! Vậy thì tại sao lại cho rằng máy tính có thể hiểu được tiếng Trung Quốc, với vai trò của trí tuệ trong thí nghiệm tưởng tượng này? Thực ra nó không hiểu. Để so sánh hay giả định câu hỏi và trả lời được viết bằng tiếng Anh. Với người quan sát bên ngoài, mọi hoạt động đều trôi chảy, nhưng thật ra tình thế bên trong đã hoàn toàn khác, vì bây giờ Searle không thao tác với các kí hiệu trừu tượng. Ông hiểu rõ điều mình nói. Mỗi từ đều có một ý nghĩa và theo triết học, ông có khái niệm. Tại sao vậy? "Vì tôi là một cơ thể với cấu trúc sinh học (tức hoá học và vật lí) xác định", Searle nói, "và cấu trúc này, trong những điều kiện xác định, có khả năng tạo ra sự cảm nhận, hoạt động, hiểu biết, học tập và những hiện tượng có chủ định khác". Ông kết luận: quả thật máy có thể suy nghĩ, nhưng đó phải là một cái máy phức tạp và hùng mạnh như bộ não chúng ta. Một chương trình máy tính thuần tuý hình thức không có khả năng suy nghĩ. Buồng Trung Quốc của Searle thực sự là một cú sốc, kéo theo một loạt bài viết với tinh thần trái ngược nhau.

Cuộc tranh luận kéo dài một thời gian và Searle cũng như những người ủng hộ ông không tham gia tranh luận nữa dù không chấp nhận thuyết toán học. Đúng là họ chưa bao giờ giải thích tường tận tại sao chỉ bộ não mới biết bí mật của khái niệm. Và những người theo thuyết toán học tiếp tục khẳng định rằng họ đang thành công trong khi các triết gia đã thất bại từ 3000 năm nay, rằng họ

đang xây dựng được một lí thuyết khoa học thực sự về trí thông minh và ý thức. Nhưng có đúng như vậy không? Câu trả lời nằm ngay ở bản thân TTNT. Mặc dù đạt nhiều thành tựu, ý nghĩa hàng đầu của TTNT có lẽ vẫn chỉ là: nó giúp chúng ta thấy mục đích cuối cùng còn xa đến dường nào, bởi câu hỏi "ý thức là gì?" vẫn còn bỏ ngỏ.

Cách trả lời câu hỏi cuối cùng này là đặt ra một câu hỏi khác: chúng ta thực sự muốn biết? Nhiều người đứng về phía Searle, sợ những hệ luận mà thuyết toán học có thể rút ra: nếu có thể hiểu tư duy, cảm giác, trực quan và những điều đang diễn ra trong bộ não, dù chỉ về nguyên lí, nếu chúng ta là máy, thì không cần Thượng đế nữa. Và Mozart cũng chẳng là gì cả. Tâm hồn chỉ là sự hoạt hoá các kí hiệu nơron. Tâm linh chỉ là sự tập hợp các nội tiết tố và chất truyền đạt thần kinh. Ý nghĩa và mục đích chỉ là những ảo giác. Đối với nhiều người, TTNT là thông điệp của sự tuyệt vọng. Với họ, khoa học cũng chính là thông điệp của sự tuyệt vọng, là sự tước bỏ cảm giác hãnh diện về bản chất con người.

Năm 1543, với tác phẩm De Revolutionibus, nhà thiên văn học Ba Lan Nicolas Copernicus đã tước bỏ vị trí trung tâm vũ trụ của trái đất khi xem nó chỉ là một trong vô số các hành tinh. Ông làm thay đổi quan hệ giữa con người và Thượng đế. Trong vũ trụ luận với trái đất là trung tâm của thánh Thomas Aquynas và những nhà thần học Trung cổ, con người nằm giữa thượng giới phía các vì sao và địa ngục đang thiêu đốt dưới chân.

Anh ta hành động dưới đôi mắt chăm chú của Thượng đế, với trạng thái tâm trí được phản ánh trong chính cấu trúc vũ trụ. Nhưng sau Copernicus, trái đất và con người bị hạ thấp, chỉ còn là kẻ lang thang trong vũ trụ bao la mà thôi. Đối với nhiều người, cảm giác mất mát là điều không tránh khỏi.

Năm 1859 với việc ấn hành "The origin of Species" (Nguồn gốc của các loài), Charles Darwin giải thích được cách một nhóm vật sống xuất hiện từ những nhóm khác qua sự chọn lọc tự nhiên và do đó làm thay đổi cách cảm nhận bản thân của chúng ta. Đã có lúc con người là sản phẩm của Thượng đế và là nguồn gốc của những thế hệ sau, nhưng sau Darwin, anh ta cũng chỉ là một động vật, hậu duệ của những chú khỉ. Đến đầu thế kỉ XX, với tác phẩm "The Interpretation of Dreams" (Giải đoán giấc mơ – 1900), Sigmund Freud đã mường tượng sự vận hành nội tại của tâm trí và lại một lần nữa thay đổi cách cảm nhận của chúng ta. Đã có lúc con người chỉ thấp hơn các thiên thần, thế mà giờ đây họ phải sống chung với những con quỷ như cơn giận dữ, nỗi kinh hoàng, sự thèm khát và buộc phải thừa nhận rằng chúng đang tồn tại trong phần vô thức của bản thân.

Và như vậy thông điệp khoa học thật ảm đạm: con người chỉ là một tập hợp những hạt vật chất, hình thành một cách ngẫu nhiên và được vận hành bằng các quy luật bất biến của vật lí. Chúng ta chẳng là gì, chẳng có lí do gì để tồn tại. Tự nhiên cũng chẳng cần quan tâm tới sự tồn tại của con người. Đó là lí do khiến cho những người theo thuyết sáng tạo phản đối Darwin.

Nhưng bức thông điệp không hẳn là ảm đạm. Khoa học đã cho chúng ta một vũ trụ Aquynas chưa từng biết. Ông chưa bao giờ biết các hành tinh có thể là thế giới khác, các vì sao có thể là mặt trời khác. Tương tự như thế, một lí thuyết khoa học về trí tuệ có thể giúp ta hiểu những dạng thức tâm trí khác, cũng như cách dung hoà nền văn minh khác trong vũ trụ. Nó có thể giúp trả lời câu hỏi: chúng ta là ai và đâu là vị trí của chúng ta trong tự nhiên. Nói cách khác, khoa học không hạ thấp, mà đang biến con người thành đấng sáng tạo mới của vũ trụ. Trí tuệ nhân tạo là một cố gắng theo đường hướng đó.

# Chương VI. TƯỞNG TƯỢNG VÀ SÁNG TẠO

Toàn bộ lịch sử phát triển nền văn hoá vật chất và tinh thần của loài người là một chuỗi vô tận những sự cải tạo mà bản chất con người như là một thực thể có ý thức, không chỉ có khả năng nhận thức mà còn thay đổi thế giới phù hợp với những mục đích và nhiệm vụ thoả mãn các nhu cầu sống của mình đã tìm thấy sự biểu hiện của mình trong mỗi khâu của nó. Chính là ở trong sự thay đổi ấy của thế giới, trong hoạt động cải tạo, sáng tạo, con người còn tự xác nhận mình như một người hoạt động tích cực của sự phát triển xã hội.

Đặc điểm tiêu biểu của con người là năng lực dự đoán tương lai và hành động một cách có mục đích hướng về tương lai ấy.

Điều kiện quan trọng nhất của việc dự đoán tương lai và của hoạt động có mục đích là sự tưởng tượng cho phép hình dung ra cái còn chưa có. Để làm điều đó chỉ theo kinh nghiệm của cá nhân và xã hội, chỉ cộng nó lại một cách đơn giản thì sẽ không đủ, cần phải có một sự tổng hợp sáng tạo, sự nhào nặn một cách sáng tạo kinh nghiệm ấy. Chắc chắn rằng trong hoạt động của mình, con người dựa vào hệ thống những biểu tượng, khái niệm đang có nhưng trong một số rất ít trường hợp con người chỉ xuất phát từ những tài liệu đang có trong trí nhớ. Từ ngày này sang ngày khác, hoàn cảnh và điều kiện của hoạt động luôn thay đổi. Những vấn đề và nhiệm vụ mới do cuộc sống đề ra, đòi hỏi con người có những giải pháp mới, tiến bộ của khoa học, kĩ thuật, nghệ thuật và văn hoá cũng không thể có nếu không xây dựng những lí luận khoa học mới, nếu không có những sáng chế phát minh mới, những tác phẩm nghệ thuật mới và những giá trị văn hoá mới. Tất cả cái mới mà con người sáng tạo nên là kết quả của sự tưởng tượng sáng tạo, của hoạt động cải tạo tích cực của con người.

Tưởng tượng cũng như bất kì hiện tượng tâm lí nào, là một hình thức độc đáo của con người phản ánh thế giới khách quan. Đó là kết quả của hoạt động phân tích phức tạp của óc người có khả năng tách ra những mối liên hệ tạm thời trong đó và thống nhất chúng vào những hệ thống liên tưởng mới. Như vậy là chức năng cơ bản của sự tưởng tượng nằm ở sự cải tạo của biểu tượng và các khái niệm mà con người đang có thành những hình ảnh mới của ý thức.

Tưởng tượng góp phần vào tất cả các lĩnh vực hoạt động tâm lí của con người: nhận thức, tình cảm, ý chí. Mở rộng khả năng của tư duy, là cái thường dựa vào những hình ảnh của tưởng tượng tái tạo và sáng tạo trong khi giải quyết

các nhiệm vụ. Những hình ảnh rõ nét của tưởng tượng nảy sinh những tình cảm và cảm xúc khác nhau. Những hình ảnh về một tương lai mong muốn kích thích hoạt động có mục đích nảy sinh tính tích cực sáng tạo của cá nhân.

Tính sáng tạo không chỉ là tiêu chuẩn mà còn là một điều kiện phát triển của tính cách. Trong quá trình hoạt động sáng tạo, con người không chỉ tạo ra sản phẩm của sự sáng tạo, mà còn sáng tạo ra bản thân năng lực được phát triển, nội dung có tính phong phú thêm, bộ mặt tâm lí cá nhân được hình thành. Như vậy, trình độ phát triển của tưởng tượng và tính tích cực sáng tạo của cá nhân có liên quan mật thiết với nhau là tiêu chuẩn cao nhất của sức mạnh bản chất cá nhân, đặc biệt là của hoạt động trí tuệ và ý chí của nó. Tâm lí học về sự sáng tạo – một trong những vấn đề quan trọng, phức tạp và thú vị nhất của tâm lí học, đòi hỏi phải được nghiên cứu sâu hơn. Vấn đề sáng tạo trong thời kì xây dựng cơ sở vật chất – kĩ thuật của chủ nghĩa cộng sản, tính kế thừa hết sức đặc biệt. Vì việc giải quyết nhiệm vụ lịch sử ấy, một mặt có liên quan tới sự phát triển của hoa học và kĩ thuật mặt khác nó liên quan tới hoạt động sáng tạo của hàng triệu con người.

Vấn đề hình thành con người suy nghĩ và hành động một cách sáng tạo đã trở thành đặc biệt cấp thiết hiện nay. Quá trình sáng tạo dẫn tới việc sáng tạo những giá trị vật chất và văn hoá, cần phải coi như một sự lao động kiên nhẫn, tỉ mỉ và hào hứng mà con người hiến tất cả sức lực vào.

Tùy theo lĩnh vực hoạt động của con người, sự sáng tạo mang những nét đặc thù. Đồng thời vẫn mang những đặc điểm chung:

1. Sự tập trung bền vững của cá nhân vào đối tượng sáng tạo.

2. Sự say mê và đắm mình vào nó.

3. Hiệu quả cao và sự huy động hoàn toàn các sức mạnh thể chất và tinh thần của con người.

4. Sự khích động tình cảm đặc biệt thường xuyên thành trạng thái hưng phấn dễ dàng của ý nghĩ và của các hình ảnh, ở sự sáng tỏ và tính dồi dào của chúng, ở những cảm xúc đặc biệt sâu sắc, sự sáng tạo trong lĩnh vực hoạt động sư phạm đòi hỏi nhà sư phạm, có những tưởng tượng tái tạo phát triển cao nhờ đó có thể trình bày một tài liệu học tập dưới một hình thức sáng tỏ, thú vị và đầy hình ảnh.

Nghệ thuật sư phạm không những đòi hỏi phải có óc tưởng tượng sáng tạo mà cả tưởng tượng tái tạo nữa. Chẳng hạn nhà giáo dục – nhà sư phạm cần phải dự đoán xem nên áp dụng những biện pháp tác động nào đối với một học sinh nhất định sẽ đạt được kết quả mong muốn. Sự hình thành cá tính học sinh không thể thực hiện được nếu chỉ tuân theo những sự tính toán đơn sơ mà không dựa vào sự tưởng tượng, vào sự hình dung ra những thuộc tính cần rèn luyện ở học sinh.

## I. KHÁI NIỆM, ĐẶC ĐIỂM, VAI TRÒ CỦA TƯỞNG TƯỢNG

### 1. Khái niệm

Không phải bất kì hoàn cảnh có vấn đề nào, bất kì nhiệm vụ nào do thực tiễn đặt ra cũng giải quyết bằng tư duy, tức là có đầy đủ dữ kiện để tìm ra đáp số (giải pháp) một cách hợp lí, chặt chẽ (chứng minh được một cách tường minh). Trong những trường hợp này con người không chịu nhắm mắt, chờ đợi, mà thường tích cực huy động một quá trình nhận thức cao cấp (lí tính) khác để giải quyết, đó là tưởng tượng.

Vậy tưởng tượng là gì? Tưởng tượng là một quá trình tâm lí phản ánh những cái chưa từng có trong kinh nghiệm của cá nhân bằng cách xây dựng những hình ảnh mới trên cơ sở những biểu tượng đã có.

### 2. Đặc điểm

– Tưởng tượng chỉ nảy sinh trước hoàn cảnh có vấn đề, tức trước những đòi hỏi mới, thực tiễn chưa từng gặp, trước những nhu cầu khám phá, phát hiện làm sáng rõ cái mới chưa từng gặp, nhưng chỉ khi tính bất định (không xác định rõ ràng) của hoàn cảnh quá lớn (nếu rõ ràng rành mạch thì diễn ra quá trình tư duy). Giá trị của tưởng tượng chính là ở chỗ tìm được lối thoát trong hoàn cảnh có vấn đề ngay cả khi không đủ điều kiện để tư duy, nó cho phép "nhảy cóc" qua một giai đoạn nào đó của tư duy mà vẫn hình dung ra kết quả mới cuối cùng, song đây cũng chính là chỗ yếu trong giải quyết vấn đề của tưởng tượng (không có sự chuẩn xác, chặt chẽ).

– Tưởng tượng là một quá trình nhận thức được bắt đầu và thực hiện chủ yếu bằng hình ảnh, nhưng vẫn mang tính gián tiếp và khái quát cao so với trí nhớ. Biểu tượng của tưởng tượng là một hình ảnh mới được xây dựng từ những biểu tượng của trí nhớ, nó là biểu tượng của biểu tượng.

Tưởng tượng gắn chặt chẽ với nhận thức cảm tính, nó sử dụng những biểu tượng của trí nhớ do nhận thức cảm tính thu lượm cung cấp.

### 3. Vai trò của tưởng tượng

Tưởng tượng có vai trò rất to lớn trong hoạt động lao động và trong đời sống của con người. Cụ thể:

– Tưởng tượng cần thiết cho bất kì hoạt động nào của con người. Sự khác nhau cơ bản giữa lao động của con người và hoạt động bản năng của con vật chính là ở biểu tượng về kết quả mong đợi do tưởng tượng tạo nên. Ý nghĩa

quan trọng nhất của tưởng tượng là cho phép con người hình dung ra được kết quả trung gian và cuối cùng của lao động.

– Tưởng tượng tạo nên những hình mẫu tươi sáng, rực rỡ, chói lọi, hoàn hảo mà con người mong đợi và vươn tới (lí tưởng), nó nâng con người lên trên hiện thực, làm giảm nhẹ bớt những nặng nề, khó khăn của cuộc sống, hướng con người về phía tương lai, kích thích con người hành động để đạt được những kết quả lớn lao.

Tưởng tượng có ý nghĩa quan trọng đối với giáo dục: học tập của học sinh qua việc tiếp thu văn, sử, địa... đặc biệt là đến việc giáo dục đạo đức cũng như phát triển nhân cách nói chung cho học sinh.

## II. TƯỞNG TƯỢNG – QUÁ TRÌNH SÁNG TẠO CỦA CON NGƯỜI

### Tưởng tượng sáng tạo nghệ thuật

Những hình tượng nảy sinh ở nhà nghệ sĩ và nhà văn trong quá trình sáng tạo tác phẩm thường vô cùng sinh động và rõ ràng. Các nhà nghệ sĩ và nhà văn cho rằng: họ trực tiếp cảm thụ những cái mà họ mô tả. F. Lobe nói rằng, khi ông mô tả Bovatư tự sát, ông cảm thấy một cách sinh động rằng trong ông có mùi vị thạch tín.

Bithoven tưởng tượng những âm thanh, âm nhạc rõ đến mức sau khi điếc vẫn còn sáng tạo được bản giao hưởng thứ 9 bất hủ; Môda có thể viết "trong óc của mình bất cứ một tác phẩm âm nhạc nào và có thể lướt nhìn một bức tranh mĩ lệ hoặc một người đẹp, Atônxtôi phát triển "nâng ảo giác" đến mức có khi lẫn lộn cái trước kia với cái tưởng tượng".

Lêvitan vẽ phong cảnh mùa hạ vào đúng mùa đông, chỉ cần sử dụng chút ít điều ghi nhanh được vào những ngày hè.

### Sức tưởng tượng

– Óc tưởng tượng của nhà nghệ sĩ khi hoạt động hết sức lạ lùng. Danh họa Vangốc người Anh nhìn thấy những cây liễu, trắng già liên tưởng ngay tới đoàn người già đang ở Viện Dưỡng lão đi ra.

– Hoạ sĩ Nga Xuricốp nhìn thấy một con quạ đen trên nền tuyết trắng nghĩ ngay đến hình tượng của "phu nhân" Môrôđôva (nhân vật thối tha của chế độ Nga hoàng). Những hình tượng mới manh nha ấy nhiều khi lại xuất hiện rõ ràng và hoàn chỉnh.

– Raôda nhạc sĩ thiên tài Đức có những khoảnh khắc nghe thấy toàn bộ một bản giao hưởng hay một vở kịch hát mà ông chưa soạn ra.

***Mưa***

*Trần Đăng Khoa (8 tuổi)*

Sắp mưa
Sắp mưa
Những con mối
Bay ra
Mối trẻ
Bay cao
Mối già
Bay thấp
Gà con
Rối rít tìm nơi
Ẩn nấp
Ông trời
Mặc áo giáp đen
Ra trận
Muôn nghìn cây mía
Múa gươm
Kiến
Hành quân
Đầy đường
Lá khô
Gió cuốn
Bụi bay
Cuồn cuộn
Cỏ gà rung tai
Nghe
Bụi tre
Tần ngần
Gỡ tóc
Hàng bưởi
Đu đưa
Bế lũ con
Đầu tròn
Trọc lốc

Chớp
Rạch ngang trời
Khô khốc
Sấm
Ghé xuống sân
Khanh khách
Cười.

***Đám ma bác giun***

Bác giun đào đất suốt ngày
Trưa nay chết dưới bóng cây sau nhà
Họ hàng nhà kiến kéo ra
Kiến con đi trước, kiến già theo sau
Cầm hương kiến đất bạc đầu
Khóc than kiến cánh khoác màu áo tang
Kiến lửa đốt đuốc đỏ làng
Kiến kim chống gậy, kiến càng nặng vai
Đám ma đưa đến là dài
Qua những vườn chuối, vườn khoai, vườn cà
Kiến đen uống rượu la đà
Bao nhiêu kiến gió bay ra chia phần.

***Buổi sáng sân nhà em***

Cậu mèo đã dậy từ lâu
Cái tay rửa mặt cái đầu nghiêng nghiêng
Mụ gà cục tác như điên
Làm thằng gà trống huyên thuyên một hồi
Cái na đã tỉnh giấc rồi
Đàn chuối đứng vỗ tay cười vui sao
Chị tre chải tóc bên ao
Nàng mây áo trắng ghé vào soi gương
Bác nồi đồng hát bùng boong
Bà chổi loẹt quẹt lom khom trong nhà

***Trưa hè***

*Cẩm Thơ (9 tuổi)*

Trời ong ong
Tàu cau khô vặn mình kêu ọt ẹt
Trái bưởi toát mồ hôi bóng nhẫy, mình tròn
Ngoài bờ ao mấy chú gà co chân đứng nép
Trước sân nhà nóng nảy hạt ngô non

***Ngắm hoa***

*Trần Đăng Khoa (8 tuổi)*

Em ngắm bông hoa
Tím tươi bỡ ngỡ
Màu còn rung rinh
Màu đẹp hơn tranh
Càng nhìn càng thắm
Như màu của nắng
Như màu của mưa

Dịu dàng non tơ
Yêu hoa đẹp thế
Em đừng quên rễ
Sần sùi xoè ra
Như tay lắm đốt
Bám vào sỏi cát
Bám vào nắng rát
Bám vào mưa dầm
Làm lụng âm thầm
Cần cù dưới đất
Chẳng nhìn thấy đâu
Chính chùm rễ ấy
Làm nên sắc màu.

# Chương VII. NGÔN NGỮ

C. Mác và Ph. Ăngghen đã nhận xét: "Ngữ ngôn cũng xưa như ý thức – ngôn ngữ là ý thức hiện thực. Mặt thực tiễn căn bản đối với những người khác và chỉ do đó là căn bản cả đối với bản thân tôi và giống như ý thức, ngôn ngữ chỉ nảy sinh từ nhu cầu, từ sự cần thiết cấp bách của sự giao tiếp với những người khác".

Mối liên hệ của ngôn ngữ với toàn bộ ý thức được nhấn mạnh trong lời phát biểu ấy của các nhà sáng lập triết học mácxít.

Học thuyết của I.P. Páplốp về hệ thống tín hiệu thứ hai đã chứng minh ý nghĩa đặc biệt của từ nhờ một kích thích tâm lí thay thế cho bất cứ loại kích thích nào thuộc tín hiệu thứ nhất. Tổng kết vai trò tâm lí và sinh lí của từ được thực hiện trong cuộc nghiên cứu hiện đại A. Rluria viết: "Ngôn ngữ và những dấu vết của nó hợp thành cơ sở của hệ thống tín hiệu thứ hai cho phép trừu tượng hoá và khái quát hoá những tín hiệu của hiện thực, nêu lên những ý định, tạo ra cơ sở cho việc "dự đoán" tương lai. Ngôn ngữ nhận xét cho phép nhận biết những cấu trúc làm chỗ dựa cho sự hưng phấn kéo dài của vỏ não và tạo ra những chương trình của hành vi con người hướng tới một mục đích nhất định. Nó đem lại khả năng đối chiếu kết quả hành động với ý định xuất phát và do nhận biết được hoạt động của mình mà sửa chữa những sai lầm phạm phải. Một trong những đặc điểm cơ bản của hành vi có ý thức của con người cũng nằm trong ở chức năng điều tiết ấy của ngôn ngữ".

Trong cấu trúc của cá nhân, ngôn ngữ là một trong những biểu hiện căn bản nhất của nhu cầu giao tiếp. Trên cơ sở của nhu cầu giao tiếp một mặt, những sở thích cá nhân, mặt khác những nét khác của tính cách thể hiện. Những thuộc tính giao tiếp của cá nhân được xây dựng và phát triển, những thuộc tính tự nhiên của âm thanh ngôn ngữ cho phép người nghe xác định giới tính và lứa tuổi của người nói, những đặc điểm về khí chất của họ và cuối cùng, thông qua những đặc điểm của ngôn ngữ chúng ta nhận ra những người quen. Những đặc điểm cá nhân của ngôn ngữ cho phép xác định gốc gác người nói và môi trường xã hội mà nó thuộc vào. Như vậy, trong ngôn ngữ biểu hiện một sự kết hợp phong phú nhất những đặc điểm riêng của cá nhân. Ngôn ngữ cải thiện toàn bộ hoạt động nhận thức, và biểu tượng của con người làm cho chúng khác với động vật trước hết ở mối liên hệ của chúng với ngôn ngữ, lời lẽ làm thay đổi tính nhạy cảm, và

do đó làm thay đổi những thông số về tác động của một kích thích. Xác định sự khác biệt của những kích thích trong cảm giác và trong tri giác là cơ sở hình thành biểu tượng và là phương tiện để cố định và đối tượng hoá chúng.

Tư duy trừu tượng lôgíc, trình độ cao nhất của nhận thức tồn tại nhờ sự phát sinh phát triển và biểu hiện của nó dưới hình thức ngôn ngữ.

Ngôn ngữ là một loại hoạt động đặc biệt. Về cơ bản, ngôn ngữ là hoạt động tiến hành bằng giọng nói và đặt dưới sự kiểm soát của các hiện tượng và của con người nằm trong mối liên hệ trực tiếp với những người xung quanh và hoàn cảnh.

## I. KHÁI NIỆM, PHÂN LOẠI, CHỨC NĂNG CỦA NGÔN NGỮ

### 1. Khái niệm

Ngôn ngữ là một hệ thống kí hiệu đặc biệt, dùng làm phương tiện giao tiếp và làm công cụ tư duy.

### 2. Chức năng của ngôn ngữ

#### *2.1. Chức năng chỉ nghĩa*

Ngôn ngữ được dùng để chỉ chính sự vật, hiện tượng, tức làm vật thay thế cho chúng. Nói cách khác, ý nghĩa của sự vật hiện tượng có thể tồn tại khách quan hóa một lần nữa và có thể di chuyển đi nơi khác, làm cho con người có thể nhận thức được ngay cả khi chúng không có ở trước mặt, tức ở ngoài phạm vi nhận thức cảm tính, các kinh nghiệm lịch sử xã hội loài người cũng được cố định lại.

Chính vì vậy, chức năng chỉ nghĩa của ngôn ngữ còn được gọi là chức năng làm phương tiện tồn tại, truyền đạt và nắm vững kinh nghiệm xã hội – lịch sử loài người.

#### *2.2. Chức năng thông báo*

Ngôn ngữ được dùng để truyền đạt và tiếp nhận thông báo, để biểu cảm và nhờ đó thúc đẩy, điều chỉnh hành động của con người. Chức năng thông báo của ngôn ngữ còn gọi là chức năng giao tiếp. Giao tiếp bao giờ cũng dẫn đến thay đổi hành vi.

Chức năng thông báo bao gồm:

– Chức năng truyền đạt.

– Chức năng biểu cảm.

– Chức năng điều khiển, điều chỉnh hành vi.

### *2.3. Chức năng khái quát hoá*

Ngôn ngữ, từ ngữ không chỉ một sự vật riêng lẻ mà chỉ một lớp, một loại (một phạm trù), các sự vật hiện tượng có chung thuộc tính bản chất. Chính nhờ vậy nó là một phương tiện đắc lực của hoạt động trí tuệ (tri giác, trí nhớ, tư duy, tưởng tượng).

Hoạt động trí tuệ bao giờ cũng có tính khái quát và không thể tự diễn ra, mà phải dùng ngôn ngữ làm phương tiện. Ở đây, ngôn ngữ vừa là công cụ của hoạt động trí tuệ, vừa là công cụ để cố định lại các kết quả của hoạt động này. Do đó, hoạt động trí tuệ có chỗ dựa tin cậy để tiếp tục phát triển, không bị lặp lại, không bị đứt đoạn. Chức năng khái quát của ngôn ngữ còn gọi là chức năng nhận thức hay là chức năng làm công cụ hoạt động trí tuệ.

Tóm lại, trong ba chức năng của ngôn ngữ nêu trên, chức năng thông báo (giao tiếp) là chức năng cơ bản nhất. Chỉ trong quá trình giao tiếp của con người mới thu nhận được tri thức mới về hiện thực. Do đó, mới điều chỉnh được hành vi của mình cho thích hợp với hoàn cảnh sống. Về thực chất, chức năng khái quát hoá (nhận thức, cũng là một quá trình giao tiếp) ở đây, giao tiếp với chính bản thân mình. Còn chức năng chỉ nghĩa là để làm điều kiện cho hai chức năng trên.

## 3. Phân loại ngôn ngữ

### *3.1. Khái niệm lời nói bên ngoài*

Là lời nói tồn tại dưới dạng vật chất, thực chất của lời nói bên ngoài là những quá trình sản sinh lời nói để khái quát hoá hiện thực và để giao tiếp với người khác. Có các loại sau:

### *3.2. Phân loại*

– Lời nói đối thoại: là lời nói giữa hai hay một số người với nhau, trong đó khi thì người này nói và người kia nghe và ngược lại.

– Lời nói độc thoại: là lời nói của một người còn những người khác là người đọc hay người nghe.

– Lời nói viết: lời nói viết là lời nói hướng vào người khác, được biểu hiện bằng các kí hiệu, chữ viết và được tiếp nhận bằng cơ quan phân tích thị giác.

### *3.3. Ngôn ngữ bên trong (lời nói bên trong)*

Lời nói bên trong là một loại hoạt động lời nói đặc biệt diễn ra ở trong đầu, không còn tính vật chất (âm thanh), đúng hơn là có rất ít tính vật chất. Lời nói bên trong chỉ là hình ảnh âm thanh, là biểu tượng về âm thanh hay con chữ.

Lời nói bên trong thực hiện ở pha lập kế hoạch (chương trình) trong hoạt động lí luận và thực hành hoặc ở phía thực hiện kế hoạch trong hoạt động lí luận phức tạp. Lời nói bên trong thể hiện ở chỗ: chúng tự tranh luận với chính mình để tìm ra giải pháp tốt nhất. Vì vậy, lời nói bên trong được hình thành sau lời nói bên ngoài, từ lời nói bên ngoài được rút gọn lại.

## II. NGÔN NGỮ LÀM CHO TÂM LÍ NGƯỜI KHÁC XA VỀ CHẤT SO VỚI TÂM LÍ ĐỘNG VẬT

400.000 dân da đỏ hiện nay có hơn 100 ngôn ngữ và thổ dân

– Dân da đỏ faraga ở thung lũng Amazôn biết nói "tiếng bụng". Đàn bà, đàn ông nói tiếng khác nhau và rất khó hiểu nhau. Tiếng họ rất dài (và cụ thể).

Ví dụ: yallucemastannohose nghĩa là "đi bộ có cầm ô che đầu" trong tiếng Aliôckin.

– Tên của một tù trưởng chết năm 1866 có tới 179 chữ cái.

– Tên một hồ vùng bộ lạc Agôlkin tên là "Anh cầu bờ của anh, tôi câu bờ của tôi, không ai cầu ở giữa" (1 từ).

– Tên một làng ở Tân Tây Lan dài 83 chữ cái có nghĩa là "đỉnh đồi".

**Những bất ngờ trong ngôn ngữ**

*Sự giàu có thái quá của ngôn ngữ ở một số địa bàn trái đất từ nhiều năm là câu hỏi khiến không ít nhà ngôn ngữ học phải bối rối: "Ví dụ điển hình: trong tất cả các ngôn ngữ, mà nhân loại đang sử dụng, có tới một phần ba thuộc về châu Phi, có thể giải thích thực tế đó bằng cách nào?*

Mảnh đất miền Tây lục địa đen thực sự xứng đáng với danh hiệu "sự kì diệu của ngôn từ". Giữa Xênêgan và Camerun, trên địa bàn nhỏ hơn diện tích nước Mĩ, có thể đếm được trên 700 ngôn ngữ khác nhau.

Tại quốc gia chỉ có 12 triệu dân Camerun, số ngôn ngữ là 275. Ở nước Tôgô nhỏ xíu – 50. Điều kì lạ là đa số khác nhau ở mức độ như tiếng Anh và Trung văn.

***Thời tiết, giả thiết thứ nhất***

Cho tới nay, tất cả mọi giả thiết lí giải sự giàu có ngôn ngữ trên lục địa xem ra đều không đứng vững. Một số nhà nghiên cứu khẳng định rằng, trong cấu trúc những ngôn ngữ ấy đầy rẫy yếu tố phi lí. Riêng nhà nhân chủng học, GS Daniel Nettle thuộc Trường Đại học Oksfofd, sau 4 năm nghiên cứu lại đưa ra kết luận hoàn toàn trái ngược nhau.

GS Nettle bắt đầu bằng việc lập bản đồ chi tiết phạm vi sử dụng tất cả các ngôn ngữ trong cùng lãnh thổ giữa Xênêgan và Camerun. Tiếp theo, ông làm

phép đối chứng với những bản đồ phân bố dân cư, bản đồ xác định độ đậm đặc các tuyến giao thông, bản đồ về độ che phủ rừng...

Điều bất ngờ rút ra từ phép so sánh là: nguyên nhân nguyên thuỷ không chỉ phụ thuộc vào mức độ năng động của con người, mà cả điều kiện khí hậu. Tại vũng lãnh thổ này, nhiệt độ môi trường và lượng mưa là yếu tố quyết định độ "đậm đặc" của ngôn ngữ. Vùng đất càng mưa nhiều và to, nơi ấy càng nhiều tiếng nói!

Để có số liệu chính xác, GS Nettle chia vùng lãnh thổ nghiên cứu thành nhiều ô với diện tích mỗi ô xấp xỉ 15.000km$^2$. Kết quả cho thấy: tại những vùng phía Nam, nơi mưa kéo dài trung bình 11 tháng trong năm, số ngôn ngữ có thể lên tới con số 80. Dịch chuyển lên phía Bắc, chỉ số giảm dần: tại những vùng ít ẩm ướt hơn, số ngôn ngữ chỉ bằng một nửa con số tối đa, còn gần khu vực Sahara – chỉ số tối thiểu, tức trung bình 2 – 3 ngôn ngữ một ô. Niger và Nigeria là ví dụ điển hình về vai trò của khí hậu đối với sự phát triển của ngôn từ. Hai quốc gia có diện tích như nhau. Chúng chỉ khác về phương diện điều kiện khí hậu. Niger là đất nước sa mạc chiếm đa phần lãnh thổ trong khi Nigeria nằm ở bên vịnh Ghinêlai màu mỡ đất canh tác. Ở quốc gia thứ nhất dân chúng sử dụng 20 ngôn ngữ trong khi tại quốc gia đối chứng – 430. Một số ngôn ngữ ở Nigeria (ví dụ như horom) có phạm vi sử dụng rất hạn chế, chỉ gói gọn trong 2 – 3 làng. Không hiếm cư dân ngẫu nhiên trở thành "nhà thông thái" với khả năng thông thạo hàng chục ngoại ngữ qua quá trình làm ăn buôn bán...

***Tại sao mưa nhiều "đẻ ra" ngôn ngữ?***

Trong những vùng nhiều mưa thường không thiếu thốn lương thực. Về phương diện này, dân cư ở những địa bàn ấy thường có cuộc sống sung túc – mỗi năm có vài ba mùa thu hoạch và mọi thứ cần thiết cho cuộc sống. Còn ở những vùng đất ít mưa hơn, tình hình khác hẳn – chỉ canh tác được số ít cây, con. Để bù đắp sản phẩm thiếu hụt, cần phải vượt làng, đi đến những làng mạc trù phú hơn. Người ta phải du hành, mua bán và trao đổi hàng hoá. Hoạt động này tăng lên sẽ thúc đẩy quá trình biến mất của ngôn ngữ. Sử dụng một ngôn ngữ sẽ tiết kiệm thời gian cho nhau và tránh được những hiểu lầm không đáng có – GS Nettle giải thích.

***Ngôn ngữ mất dần...***

Những người nghi ngờ khó tìm thấy điểm yếu trong lập luận của GS Nettle. Cấu trúc canh nông những vùng lãnh thổ phía Tây châu Phi đã khẳng định sự đúng đắn. Tại những vùng giàu ngôn ngữ nhất, dường như quanh năm đều có thể

thu hoạch khoai tây hoặc sắn, tức những cây lương thực đòi hỏi độ ẩm cao. Ở miền Bắc Nigeria và Ghana, người ta chỉ trồng được cây chịu hạn, tức mùa thu hoạch ít hơn nhiều. Thiếu thốn lương thực buộc dân cư phải liên tục tìm đường kiếm ăn.

Thế nên kho ngôn ngữ của nhân loại sẽ vơi cạn dần. Theo dự báo, chừng 50% trong tổng số trên 6,5 ngàn ngôn ngữ bị nguy cơ biến mất. Hiện tại, chúng mất đi với tốc độ trung bình 1 tuần/1 ngôn ngữ

Đến tháng 9/1997, 6.528 ngôn ngữ của nhân loại được phân bố ở các khu vực lãnh thổ trái đất: châu Phi – 32% (2.034 ngôn ngữ) tiếp theo là châu Á – 30% (1.996), khu vực Thái Bình Dương – 21% (1.341), châu Mĩ – 14% (949) và châu Âu – 3% (209).

**Ngôn ngữ cơ thể: điều cần phải học**

*Cử chỉ và nét mặt thường để lộ nhiều hơn là ngôn từ. Mặc dù đã biết điều đó, song trong quan hệ công việc, phụ nữ thường ít khi giữ được phong thái tự tin. Có một số mẹo vặt sẽ giúp phụ nữ làm chủ được ngôn ngữ cơ thể.*

"Chúng tôi bắt tay nhau. Thực tiếc là tôi không thể nhớ rõ hơn thời điểm đó: động tác bắt tay là yếu tố mở màn, cử chỉ mở đầu của chính trị. Từ ngày đó, tôi đã nhìn thấy ông bắt tay hàng triệu lần, song tôi vẫn không thể nói một cách chính xác, ông đã sử dụng bàn tay phải của mình như thế nào. Thay vào đó, tôi có thể nói một vài điều về bàn tay trái. Với nó, ông ấy là một thiên tài. ông chạm nhẹ vào khuỷu tay bạn hoặc bờ vai trên – những động tác cơ bản này biểu lộ ông quan tâm tới bạn. Ông vui mừng khi gặp bạn".

Nhân vật được miêu tả chính xác trong quyển sách Với tất cả quyền lực không ai khác là thượng sĩ Jack Stanton, sau này là Tổng thống Bill Clinton. Ngôn ngữ cơ thể của Stanton/Clinton đã góp phần làm cho mọi người tin tưởng ông, cởi mở trước ông. Giống như tất cả những người có quyền lực, Bill Clinton thực thi một "đường lối chính trị cơ thể". Hoàn toàn theo bản năng, ông thực hành những gì mà các nhà tâm lí học đã chứng minh từ lâu qua những cuộc điều tra, nghiên cứu của họ: những ai muốn thuyết phục người khác về bản thân mình hoặc về một việc nào đó, không phải chỉ bằng những lí lẽ xác đáng. Một cử chỉ quan trọng y như vậy, nếu không muốn nói là còn quan trọng hơn. Nó thể hiện rõ ràng hơn cả ngôn từ: tôi có quyền lực, tôi là người tự tin, tôi lớn hơn anh một cái đầu. "Ai muốn có quyền lực, người đó phải chỉ ra độ cao của mình – kể cả trong tư thế", Baerbel Schwertfeger và Nobert Lewandowski đã viết như vậy trong cuốn *Ngôn ngữ cơ thể của những yếu nhân*. Một dáng đi kiêu hãnh,

đôi bàn tay chống nạnh hoặc một ánh mắt trực tiếp, cởi mở là những biểu hiện của sự thống trị. Ngược lại, người nào tự làm cho mình nhỏ bé đi, cũng sẽ thực sự trở thành người nhỏ bé. Anh ta biểu lộ nét yếu thế của mình với mái đầu cúi xuống và tư thế lom khom.

Các nhà tư vấn danh tiếng hoặc các lớp nghệ thuật giao tiếp muốn làm cho chúng ta tin rằng, có tồn tại một thứ như thể "ngôn ngữ cơ thể đúng đắn" cho từng tình huống cụ thể một. Khi họ chỉ ra rằng, người ta nên làm gì và không nên làm gì với ngôn ngữ cơ thể của mình, nghe cũng có vẻ thuyết phục lắm. Vậy mà, sau các khoá huấn luyện của họ, người ta vẫn cứ rơi vào tình trạng vô phương hướng. Otto Schoer, giáo sư về phương pháp sư phạm và thông tin tại Đại học Tổng hợp Erlangen – Nurnberg, miêu tả cái vốn hiểu biết nông cạn (và sai lầm) của coọn người về ngôn ngữ cơ thể như sau: "Chúng ta tưởng có thể biết ý nghĩa của từng hành động, như khi ai đó khoanh chéo tay trước ngực (thủ thế, tự vệ), khi đàn ông ngồi dạng chân hoặc người đàn bà đặt tay lên vai ai đó (thống trị), khi có ai đó co hai đùi ôm lấy một chân bàn (thiếu bình tĩnh)". Song, những bí mật của ngôn ngữ này chẳng thể thể hiện bằng kiểu thô thiển và đơn giản như vậy. Hơn thế nữa, chúng ta cũng không thể học được nó, chủ yếu vì hai lí do:

– Ngôn ngữ cơ thể là tổng hợp của nét mặt, cử chỉ, ánh mắt, tư thế, giọng nói. Người ta chỉ có thể đoán ra được thông điệp khi quan sát tất cả những tín hiệu về ngôn ngữ cơ thể trong mối liên hệ chung với nhau chứ không phải chỉ một yếu tố riêng lẻ.

– Ý nghĩa của các tín hiệu tuỳ thuộc vào từng tình huống cụ thể và những nhân vật đang giao thiệp với nhau. Khi hai người nào đó mến nhau, họ sẽ cư xử với nhau khác hẳn hai người thiếu thiện cảm với nhau. Họ sẽ bắt chước cử chỉ của nhau mà không hề có ý thức về chuyện đó. Nếu chị giơ tay rút thuốc, anh cũng sẽ làm điều ấy. Nếu chị ngước nhìn lên, anh cũng sẽ làm như vậy. Nếu người ta quan sát những tín hiệu như vậy mà không đếm xỉa đến tình huống cụ thể, chúng sẽ mang lại một ý nghĩa nào.

Theo kinh nghiệm của huấn luyện viên về giao tiếp Susane Motamedi, ngôn ngữ của cơ thể "chỉ có thể được lí giải trong một tình huống nhất định và trong dòng phát triển của sự kiện". Đối với ví dụ nổi tiếng về đôi cánh tay khoanh trước ngực, cô nhận xét: "Nhiều khi cử chỉ này cũng diễn tả một trạng thái tập trung cao độ và sẵn sàng lắng nghe người đối diện".

Nếu ngôn ngữ cơ thể phức tạp, khó khăn đến như vậy, liệu chúng ta có nên chú ý hay không? Những người nổi tiếng như B. Clinton có những tài năng bẩm sinh

hay người ta có khả năng thay đổi ngôn ngữ cơ thể của bản thân? Các chuyên gia về thông tin giao tiếp khẳng định rõ ràng: "Có". "Giống như tất cả các thể hiện ứng xử khác, tư thế, điệu bộ, nét mặt và giọng nói hoàn toàn có thể được điều chỉnh và thay đổi ở một mức độ nào đó" – Nhà tâm lí học Theo Gehm (người Đức) khẳng định. Tuy nhiên, ông cũng nhắc nhở rằng lối ứng xử này có thể sẽ nhanh chóng gây cảm giác giả tạo quá trớn. Có thể học được cách che giấu những tình cảm thực sự của mình, song chỉ có thể thuyết phục được người khác, nếu những cử chỉ xuất phát từ đáy lòng.

Đối với chị em phụ nữ, ai muốn tìm hiểu những tín hiệu vô ngôn từ của bản thân mà không muốn nhờ tới một huấn luyện viên, có thể thử nghiệm tại nhà với một bài tập đơn giản được hai nữ huấn luyện viên môn giao tiếp Eva Havenith và Ida Lamp trình bày trong cuốn sách *Một người đàn bà muốn xuất hiện trong vẻ tự tin*. Tất cả những gì mà bạn cần chỉ là một tấm gương khổ lớn và hãy thử một mình đóng những tiểu phẩm nho nhỏ sau đây:

– "Tôi là người kiêu hãnh. Tôi là người vĩ đại". Bạn hãy nói to những câu này và cố gắng thể hiện vẻ kiêu hãnh bằng cử chỉ, bằng cơ thể mình.

**Ngôn ngữ của động vật**

*Trong vương quốc phức tạp của muôn loại động vật, hiện diện khắp nơi, thành phố, thôn quê, trong rừng rậm, sa mạc, dưới biển hay trên không trung – Nhất là vào mùa xuân, chúng "cất tiếng" trò chuyện rất nhiều. Thể hiện không những bằng âm giọng, mà cả bằng màu sắc, mùi vị và điệu bộ nữa. Nhưng khía cạnh mà con người nhận biết được về "ngôn ngữ của động vật" rất hạn hữu, do vậy một thời gian dài chúng ta không ý thức được sự tồn tại của các kiểu "trò chuyện" đó. Những khám phá mới nhất của khoa học đã cho con người biết ít nhiều về "những người bạn đồng hành" trong tự nhiên của mình.*

Giống hệt con người, các loài động vật thường bày tỏ ngôn ngữ phong phú nhất trong thời kì "tìm hiểu – yêu đương". Những lời tỏ tình mà động vật tạo ra với cường độ mạnh có vốn từ điển rất sung túc, được coi như là những lời tán tỉnh thực sự. Ví như những chàng cá voi "hay nói" nhất có thể hát vô tận những bản tình ca với âm điệu du dương khác thường nhằm mục đích chinh phục cả những nàng cá voi đang bơi xa chúng hàng chục cây số mặt biển. Còn nếu về "âm điệu" tỏ tình thì loài ve luôn đứng đầu. Với những đôi tai không rành, thì bản giao hưởng của loài ve giống như một thứ âm thanh mono. Nhưng thật ra mỗi chú ve là một dàn Stereo thực sự (có tới ba ngàn loại ve trên thế giới). Chí ít chúng có ba âm cơ bản: tiếng gọi tình yêu, tỏ tình ve vãn và tuyên chiến. Các kết quả

nghiên cứu liên tục về "tiếng nói của ve" còn cho thấy chúng có thứ ngôn ngữ khác thường cả về khả năng nghi binh và trinh thám nữa. Khi hát, chúng không những lôi cuốn các cô ve cái mà cả những "tên tình địch", hung bạo nữa – Những kẻ ranh ma và quỷ quyệt. Vì thế cho nên nhiều chú ve (giới khoa học gọi chúng là các "vệ tinh tình") chuyển qua thế nghi binh: chúng giả câm, ẩn nấp trong vùng có chàng ve khác đang cao giọng hát, khi có nàng ve nào mò đến thì tên ve "câm" phục sẵn, đội lốt kẻ tình địch và chiếm lấy nàng. Cùng với sự câm lặng của mình, các con ve "đểu" này còn bảo toàn được tính mạng của chúng nữa, bởi kẻ thù không thể phát hiện ra chúng như với các chàng ve ca sĩ kia.

Các nhà khoa học đã tìm ra lối áp dụng hữu hiệu nhất của động vật biết hoà đồng trong môi trường nửa cạn nửa nước. Khi loài ếch có cuộc "hội ngộ", thường số con đực nhiều hơn con cái. Trong trường hợp này các nàng ếch chỉ chọn những chú ếch khoẻ nhất thôi. (Giống như các loại động vật lưỡng thê khác: con đực nhỏ hơn con cái). Vậy làm sao chúng tìm được trong màn đêm những chú ếch lớn nhất? Theo bài ca ộp oạp, kẻ nào có giọng trầm nhất (bởi âm tiết cao làm tăng nhiệt độ và cũng làm giảm sức hát dài) và "khúc hát" dài nhất là kẻ to nhất. Các nhà nghiên cứu còn phát hiện ra rằng: độ dài với âm tiết cao của bài hát cơ thể nóng lên và làm giảm sức hát, giống như dạng càng dốc sức lại càng tốn sức vậy. Điều thú vị là các chàng ếch lại biết trước các nhà bác học về vấn đề này từ rất lâu rồi! Để tăng sức hấp dẫn, các chú ếch áp dụng thủ thuật lừa giọng: với giọng trầm hùng. Sao chúng phải làm vậy? Để đánh lừa giống cái về sức vóc của mình, chúng thường chọn những vùng hồ lạnh hơn, với nhiệt độ thấp hơn để dụ dỗ các nàng ếch. Chính ở đó giọng gợi tình của một chú nhái nhỏ có thể sánh ngang với giọng trầm hùng của một chàng ếch lực lưỡng.

Đến giờ với khả năng của khoa học cũng không thể ghi nhận hết mọi âm tiết hót của chim. Chúng ta chỉ mới tiếp xúc được ít "từ" và "câu" rời rạc của chú chim đực, hoặc phản ứng "khẩu chiến" của kẻ tình địch, hay cao hơn nữa là sự "cãi lộn" giữa con chim chủ nhân của vườn và "vị khách không mời" từ nơi khác đến. Với chim muông, sự hót ca là một tấm danh thiếp. Chúng thể hiện tuổi tác, tình trạng thể chất, thậm chí cả về sự "sở hữu" nữa. Những con đực khoẻ dĩ nhiên là có giọng hát mạnh hơn, bay hơn. Nếu như có một chàng chim nào đó hát "thô", không biết luyến láy thì đó là chú chim mới thành niên, ít kinh nghiệm trong đường đời. Chẳng có nàng chim nào để ý đến loại choai choai mới lớn này cả. Ngược lại, những chàng chim trưởng thành "gân guốc" luôn có chỗ xứng đáng trong xã hội chim. Vậy chim chóc có đến trường học để "luyện giọng" không? Với một vài loài, nhất là những giống chim sống trong các khu

rừng nhiệt đới rậm rạp, chỉ có hót là khả năng duy nhất thể hiện cách hoà đồng cùng chung sống. Với thảm thực vật dày đặc, nhiều chỗ ánh sáng không lọt xuống được phía dưới khiến chim chóc không dễ dàng nhìn thấy được nhau. Chính thiên nhiên đã tìm ra cách giải quyết: chim đực và chim cái cùng "đối thoại", với mục đích tạo được cầu nối trò chuyện giữa chúng. Sức hót mạnh mẽ của chú chim đực là lời thỉnh cầu cho việc làm tổ và ấp trứng, chú nào càng hót khoẻ và hay bao nhiêu, càng có khả năng làm tổ và ấp chim con nhiều bấy nhiêu. Nhưng các giống chim làm sao có được những khả năng này? Hay là chúng theo bẩm sinh có sẵn, hoặc là chúng tập hót theo kinh nghiệm riêng (từ cha mẹ chim chẳng hạn)? Cho tới bây giờ câu trả lời có sức thuyết phục nhất là của nhà khoa học người Anh E.H. Torp. Ông đã thử nhốt một con chim sẻ nhỏ riêng ra. Khi lớn lên âm hót của nó thô và nghèo nàn hơn các chú sẻ được tự do bay nhảy rất nhiều. Với một vài giống chim khác cũng vậy. E.H. Torp đi đến kết luận rằng âm tiết phong phú của một con chim, trước hết là hệ quả của việc nó học hỏi lấy, còn khả năng âm nhạc bẩm sinh rất ít. Khoa học hiện đại cũng chưa hiểu hết mọi thứ tiếng của loài chim.

Khả năng của tai người không thể nghe hết được mọi âm thanh trong thế giới động vật, mãi tới gần đây người ta mới biết được một vài loài động vật có vú "trò chuyện", bằng... sóng nghe được, như chuột nhắt, chuột cống... khi lạnh, chúng tạo ra những tín hiệu siêu tần. Khi sợ hãi, loài chuột cống lớn cũng có những bước sóng tương tự phát ra. Với các loài gặm nhấm khác cũng vậy (có tới 6.400 loài), chúng có thể hiểu được các sóng âm. Với cá heo hay cá voi cũng thế.

*Ngôn ngữ bằng màu sắc:* nhiều loài thuỷ vật trong các vùng biển phương nam có khả năng tự đổi màu theo độ sâu của nước. Trong vùng biển nhiệt đới Nam Mĩ có loài cá, trong thời gian tỏ tình xuất hiện màu vàng sậm quanh cổ. Có cả một giống chim cổ đỏ rực cũng vậy. Màu sắc không chỉ dùng để lôi cuốn giới khác, mà còn hăm doạ kẻ thù khác nữa.

*Những ngọn đèn nhỏ của tình yêu:* không phải mọi động vật đều biết phân biệt màu sắc, cũng như đôi khi lại là điều không cần thiết đối với chúng. Như loài đom đóm chẳng hạn. Trong những đêm hè đàn đom đóm lập loè giữa đồng. Đó chính là tín hiệu gọi tình của các nàng đom đóm đáp lại những lời tỏ tình của giống đực. Mỗi một trong 200 loài đom đóm đều có "ngôn ngữ" riêng của mình, với cường độ khác nhau. Những kẻ hấp tấp hoặc chần chừ với những tiếng gọi của tình yêu thường bị loại ra khỏi "vòng chiến".

# Chương VIII. TRÍ NHỚ VÀ BIỂU TƯỢNG

## I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ TRÍ NHỚ VÀ BIỂU TƯỢNG

Trí nhớ thuộc vào số những quá trình tâm lí nhận thức, do đó nó là một trong những hình thức phản ánh ấy là ở chỗ, nó giữ lại cho con người kinh nghiệm đã trải qua, cho phép tích luỹ kinh nghiệm ấy.

Trên cơ sở của trí nhớ, những hình ảnh thứ hai của hiện thực – những biểu tượng được hình thành.

Trí nhớ giữ lại những vận động đã học được, những ảnh được tri giác, những tình cảm, tư duy đã trải qua thể hiện bằng lời lẽ. Các loại trí nhớ khác nhau phụ thuộc vào nội dung trí nhớ và cái được ghi lại.

Những nhà bác học thuộc các ngành chuyên môn khác nhau, các nhà triết học, các nhà tâm lí học, các nhà sinh hoá học đều nghiên cứu trí nhớ. Sự quan tâm đối với đề tài này đã đặc biệt tăng lên do vệc xây dựng các máy móc điều khiển học với những bộ nhớ. Tuy nhiên, thua trí nhớ của con người về tính linh hoạt và dung lượng. Việc hiểu biết cơ chế của trí nhớ con người có thể giúp vào việc xây dựng các máy móc ấy.

Các cuộc nghiên cứu đã chứng minh rằng, những thuộc tính của trí nhớ không phải là bẩm sinh và bất biến mà có thể được hoàn thiện. Việc nghiên cứu những thuộc tính trí nhớ của con người, các loại trí nhớ, các quá trình, các cơ chế ghi nhớ có thể giúp cho việc tổ chức hợp lí các quá trình ghi nhớ và nhớ lại cũng như cho việc mô hình hoá trí nhớ con người bằng các máy tính.

Trí nhớ bao gồm ba quá trình:

– Ghi nhận thông tin hay ghi nhớ.

– Giữ lại.

– Nhớ lại.

Tính bền vững của việc giữ lại một tài liệu trong trí nhớ do nhiều nguyên nhân quyết định, trong đó cách tổ chức quá trình học có một ý nghĩa hết sức quan trọng.

– Liên tưởng là cơ chế cơ bản của trí nhớ – đó là một dãy tuần tự của những phản xạ – trong đó điểm mối của mỗi phản xạ được hoà vào điểm bắt đầu của phản xạ sau về thời gian... Một dãy liên tiếp gồm những sự tiếp diễn của điểm mối, của một phản xạ đi trước với điểm bắt đầu của một phản xạ đến sau (theo I. Xêtrênốp)

Cần phải coi quá trình ghi nhớ như một quá trình hình thành các dạng liên tưởng khác nhau. Đặc biệt là những liên tưởng về ý nghĩa. Theo quan điểm này có thể giải thích được ưu thế mà sự ghi nhớ có ý nghĩa, đối với sự ghi nhớ máy móc và hiệu quả to lớn của nó. Nhưng không thể loại bỏ hoàn toàn sự ghi nhớ máy móc. Bởi vì, có những tài liệu chỉ nắm được nếu lặp đi lặp lại nhiều lần những mối liên hệ và lập ra những hiện tượng về sự tiếp cận. Sự tổ chức hợp lí việc ghi nhớ tài liệu đóng vai trò quan trọng trong sự hình thành các liên tưởng: sử dụng các chỗ dựa trực quan, đối chiếu và so sánh tài liệu, làm dàn bài, nêu bật các điểm tựa, nhớ lại khi học và những biện pháp riêng biệt khác. Cần phải coi thuật nhớ như là một trong những biện pháp có một ý nghĩa hạn chế.

Ngoài sự ghi nhớ chủ định, sự ghi nhớ không chủ định có liên hệ trực tiếp với mục đích hoạt động. Tức là cải tạo nội dung trọng tâm của hoạt động cũng đóng một vai trò trong quá trình nắm vững tài liệu học tập đã được chứng minh như trong các nghiên cứu A. Axmiếcnốp và P. Iđintsencô. Hiệu quả của trí nhớ tuỳ thuộc vào những động cơ hoạt động và vào nhiệm vụ đặt ra trước con người trong hoạt động của nó, vào xu hướng hoạt động của nó.

Tính bền vững của việc giữ lại cũng được quyết định bởi tính chất của quá trình: mỗi quá trình có những quy luật riêng, cần được chú ý để ngăn ngừa sự lãng quên, rèn luyện tư duy, thay đổi cấu trúc của tài liệu, hệ thống hoá tài liệu. Việc ôn lại tài liệu có một ý nghĩa trọng yếu nhưng không phải là sự lặp lại nguyên sơ mà là sự áp dụng những tri thức trong quá trình hoạt động trí tuệ. Trí nhớ có liên quan đến những đặc điểm của cá nhân, việc ghi nhớ và giữ lại một tài liệu trong trí nhớ phụ thuộc vào mối liên hệ của nó với những nhu cầu và sở thích của con người, vào những hiểu biết của anh ta, vào hoạt động nghề nghiệp của anh ta.

Mặt khác, những đặc điểm cá nhân của trí nhớ quy định tính độc đáo về những năng lực của nó. Việc tính đến những đặc điểm cá nhân của trí nhớ và tổ chức của quá trình học cho phù hợp với những đặc điểm ấy, có thể giúp không những cho việc nâng cao tính hiệu quả của sự ghi nhớ mà còn cho việc hoàn thiện các năng lực của cá nhân.

## 1. Khái niệm

Trong tâm lí học, trí nhớ được hiểu là sự ghi lại, giữ lại và làm xuất hiện lại (tái hiện) những gì cá nhân thu được trong hoạt động sống của mình.

Như vậy, nét đặc trưng nhất của trí nhớ là trung thành với tất cả những gì cá nhân đã trải qua, tức nó hoạt động máy móc và thật thà. Trí nhớ không làm

thay đổi chút gì trong các yếu tố đã được cá nhân trải qua. Điều này làm phân biệt trí nhớ với các quá trình tâm lí khác, đặc biệt là các quá trình nhận thức và rõ nhất là biểu tưởng của trí nhớ (hình ảnh, dấu vết những cái đã trải qua) ít tính khái quát và trừu tượng hơn biểu tượng của tưởng tượng.

## 2. Vai trò của trí nhớ

– Trí nhớ là quá trình tâm lí có liên quan chặt chẽ với toàn bộ đời sống tâm lí con người. Giả sử, con người không có trí nhớ thì chắc chắn sẽ không có quá khứ, không có tương lai, mà chỉ có hiện tại tức thời, người đó chỉ có thể sống với những ấn tượng đang diễn ra (tức khi đang tri giác). Một người như vậy sẽ không thể làm được việc gì, nhưng quan trọng hơn nữa là không thể trở thành con người bình thường được, không có trí nhớ sẽ không có ý thức bản ngã (ý thức về bản thân mình hay tự ý thức) và do đó sẽ không có nhân cách.

– Trí nhớ là điều kiện không thể thiếu được để con người có đời sống tâm lí ổn định, lành mạnh. Trí nhớ cũng là điều kiện để con người có và phát triển được các chức năng tâm lí bậc cao, để con người tích luỹ vốn kinh nghiệm đó ngày càng tốt hơn trong đời sống và trong hoạt động, đáp ứng ngày càng cao những yêu cầu của cuộc sống cá nhân và của xã hội.

– Đối với nhận thức, trí nhớ có vai trò đặc biệt to lớn. Nó là công cụ để lưu giữ lại các kết quả của các quá trình cảm giác và tri giác. Nhờ đó nhận thức phân biệt được cái mới tác động lần đầu và cái cũ đã tác động trước đây để có thể ứng xử thích hợp tức thì với hoàn cảnh sống.

Trí nhớ là một điều kiện quan trọng để diễn ra quá trình nhận thức lí tính đạt được kết quả hợp lí, ở đây trí nhớ đã cung cấp các tài liệu do nhận thức cảm tính thu nhận cho nhận thức lí tính một cách trung thành đầy đủ.

Tại sao trí nhớ lại quan trọng như vậy trong đời sống tâm lí con người và trong nhận thức? Bởi vì nhờ có trí nhớ mà những hình ảnh tri giác, những khái niệm tư duy, những biểu tượng của tưởng tượng, những dấu vết xúc cảm tình cảm, các kết quả khác trong đời sống tâm lí vẫn không bị mất đi sau khi các quá trình đó đã kết thúc và sau này chúng sẽ được làm xuất hiện lại mỗi khi con người cần đến.

## 3. Hoá sinh học của trí nhớ

Điều bất ngờ là những tác động từ bên ngoài làm khởi động trên bình diện phân tử những quá trình hoá sinh học phức tạp, điều khiển sự học tập và ghi nhớ. Chúng kích thích các tế bào sản xuất enzym, nhân tố kích thích các gen

tổng hợp protein tạo ra sự liên kết giữa các tế bào thần kinh. Các nhà nghiên cứu đã chỉ ra điều đó qua đàn chuột thí nghiệm với việc tạo ra trạng thái bất động những gen đóng vai trò chủ chốt đối với những quá trình trên. Khi tác giả giải thưởng Nôben, Giáo sư Susumu Tonegawa thuộc Viện Nghiên cứu Masachusetts "ngắt mạch" một trong các hệ thống đó, lũ chuột thậm chí không tìm ra lối đi quen thuộc trong cái chuồng của chúng.

Thí nghiệm này cũng khẳng định mối nghi ngờ đặt ra từ lâu, khi giới chuyên gia cho rằng, cho dù trong sự phát triển của não, cơ thể đã huy động tới 4% tổng số gen song vẫn không thể lập trình tất cả mạng kết nối giữa các nơron. Điều quan trọng nhất là được phát triển tài năng và năng lực không biết đến khái niệm thời gian, tuổi tác, cho dù trong cuộc đời trưởng thành không thể làm bù tất cả những gì thiếu hụt thời niên thiếu, chủ yếu trong việc học tiếng nước ngoài, sự phát triển năng lực và toán học và âm nhạc. Những năm đầu phát triển của đứa trẻ, sự giáo dục của gia đình đóng vai trò đặc biệt quan trọng. Chìa khóa để thành đạt hoàn toàn không phải là chỉ số thông minh cao và sự toàn diện, mà chính là sự đam mê, động cơ hành động mạnh mẽ, ý chí tập trung cao độ đến lĩnh vực – mục tiêu phấn đấu cả cuộc đời. Chính các thần đồng và những nhân vật kiệt xuất đã sinh ra từ nền tảng như thế.

## II. TRÍ NHỚ VÀ NHỮNG ĐIỀU KÌ DIỆU CỦA NÓ

### 1. Sự kiện lớn của năm 1999 – Giải mã trí nhớ

*Những nghiên cứu về hoạt động của não bộ, cho đến nay vẫn còn rời rạc, sẽ được tổng hợp lại vào năm 1999. Như thế con người sẽ hiểu được trí nhớ thành hình ra sao. Và giai đoạn sắp tới của các nhà bác học là nghiên cứu về... ý thức.*

Năm cuối cùng của thế kỉ XX là một mốc quan trọng trong sự hiểu biết về não bộ con người. Đây là năm mà nhiều nghiên cứu rời rạc hội tụ lại nơi mà người ta gọi là một cấu trúc phức tạp nhất của vũ trụ. Kết quả cuối cùng sẽ là tiết lộ bản tính sâu kín nhất của tâm linh.

Năm 1999, trí nhớ, một trong những chức năng ít được biết đến nhất của bộ óc, là trọng tâm của các nghiên cứu. Bằng cách nào người ta có thể nhớ được cả một quãng đời thơ ấu của mình, trong lúc chẳng thể nào nhớ được sâu chìa khoá xe vứt ở đâu? Làm cách nào có thể nhớ được những biến cố đã xảy ra từ nhiều năm trước, trong lúc dây thần kinh chuyển tải đã thay đổi rất nhiều lần trong khoảng thời gian đó? Sự suy giảm trí nhớ qua thời gian phải chăng là chuyện không thể nào tránh khỏi? Mất trí nhớ, có nghĩa là mất bản thân mình.

Thế mà càng ngày càng có nhiều người già bị mất trí nhớ vì chứng bệnh Alzheimer do não bộ bị suy thoái.

Các nhà khoa học nghiên cứu trí nhớ bằng nhiều cách khác nhau bắt đầu tổng hợp lại vào năm 1999. Một trong số đó đã sử dụng loại máy quét thế hệ sau cùng để nhìn vào bộ não xem nó đang làm việc ra sao! Phương pháp này sẽ cho phép phát hiện ra các vùng lưu trữ kí ức dài hạn và ngắn hạn. Năm 1998, một nhóm khoa học gia Mĩ đã nhìn thấy được một vùng của não bộ ra quyết định trong một phần tích tắc, kinh nghiệm được mã hoá ở dạng kí ức. Tiến sĩ RandyBucknr, thuộc Trường Đại học Washington tại Saint Louis cho biết: "Lần đầu tiên trong lịch sử, chúng tôi nhìn thấy bên trong não bộ của một người và dự đoán được: y có thể nhớ hay không điều mình đang sống".

Tại Anh quốc, các khoa học gia chú tâm đến cách mà kí ức thành hình ở dạng... phân tử! Họ dự kiến trong những năm sắp đến có thể cải tiến quy trình tự nhiên của trí nhớ bằng loại thuốc thông minh để chữa trị cho những người bị mất trí nhớ.

Trong năm 1999, những nhà nghiên cứu như BS Bucker và GS Rose, vốn đang nghiên cứu riêng rẽ với nhau, hợp sức lại. Năm cuối cùng của thế kỉ sẽ có kết quả đầu tiên của sự tổng hợp này, với hình ảnh của não bộ ngày càng phức tạp hơn để cho thấy kí ức được thành hình như thế nào. Bởi thế các chuyên gia về phân tử sẽ đúc kết kinh nghiệm của mình với những hình ảnh có được khi dùng máy quét quan sát bộ não của một người sống... đang chế tạo ra kí ức!

Những công trình này cho thấy kí ức không còn là một thể vô định hình của trí thông minh như người ta vẫn nghĩ trước đây. Nó trở nên cụ thể, có thể hiểu được và có thể vận dụng theo ý muốn của con người! Đề tài kế tiếp sẽ là... ý thức! Dĩ nhiên, không ai dám ảo tưởng rằng sự việc sẽ dễ dàng. Dù sao, những nhà khoa học lỗi lạc nhất của loài người bắt đầu nghiêm chỉnh nghĩ rằng một ngày nào đó họ có thể nghiên cứu về ý thức giống như đối với kí ức vậy. Ngày nào đó sẽ là một thời điểm lịch sử trên con đường dài nghiên cứu bản chất con người.

## 2. Trí nhớ – cuộc hành trình vào dĩ vãng

***Não bộ "xây dựng trở lại quá khứ"***

Ở Pháp, bất cứ học sinh trung học nào cũng biết đoạn văn của Marcel Proust trong tập 1 của bộ tiểu thuyết "*Đi tìm thời gian đã mất*": "Tôi đưa lên miệng muỗng trà trong đó tôi để tan một miếng bánh madelein. Nhưng khi cái muỗng chạm vào lưỡi vẫn còn dư vị của bánh ngọt, tôi giật mình, chờ đợi một cảm giác

phi thường diễn ra trong tôi. Một khoái cảm dịu dàng lan toả khắp có thể. Tôi thấy cô đơn trong nỗi sung sướng tột cùng mà vẫn không để ý đến nguyên nhân...".

Bất kì ai đọc đến đây cũng thấy sống lại một quá khứ đã bị chôn vùi và đó là sức mạnh của bộ tiểu thuyết lừng danh "*Đi tìm thời gian đã mất*" của Marcet Proust. Đó là một đoạn văn trác tuyệt tả lại hoạt động của trí nhớ. Marcet Proust đã xây dựng tác phẩm của mình với những hồi ức, những hình ảnh của quá khứ được trí nhớ phục hồi; thế nhưng ông chỉ ghi lại những gì xuất hiện trong tâm trí của ông mà không giải thích cho người đọc hiểu bản chất của trí nhớ. Người ta không thể trách ông, ngay cả các nhà bác học lỗi lạc nhất của thế kỉ XX vẫn chỉ biết hơn ông có... chút đỉnh. Trí nhớ vẫn là một hiện tượng lạ lùng và bí mật.

Một vấn đề vẫn thường được đặt ra là con người có một trí nhớ hay nhiều trí nhớ? Sự khảo sát các dạng mất trí nhớ khác nhau cho thấy có hai loại trí nhớ căn bản. Đầu tiên là các"nghề của trí óc" như nói, viết, vẽ, chơi đàn... được mô tả như một loạt các phản xạ và trí não đã được "phối trí" để trả lại ngay tiếng nói điều kiện hoá do thói quen. Một nhạc sĩ dương cầm phải cố gắng ý thức bằng trí nhớ mới chơi lại được các bản nhạc đã bao lần tập dượt. Người ta thường để ý tới trường hợp nhạc sĩ bị bệnh mất trí nhớ, không sao học thêm được bất cứ tác phẩm nào, lại có thể đánh được các bản nhạc trước đó họ đã "thuộc lòng".

Khoa học đã khám phá các hạch điều tiết loại trí nhớ tiềm ẩn này nằm ở phần gốc phía sau của bộ não. Còn hệ điều khiển trí nhớ "bề mặt" thuộc các tuyến hippocampe, amygdale, cortex rhinal và thalamus. Khi các tuyến này bị thương tổn, con người sẽ bị rối loạn trí nhớ.

Như vậy khu vực tương ứng với trí nhớ đã được xác định nhưng cách thức hoạt động của nó vẫn chưa được soi sáng. Làm sao sự phối hợp của hơn 10 tỉ tế bào thần kinh lại là khu vực của trí nhớ, có khả năng nhận ra đến 10.000 tấm ảnh thấy trước đó một tuần lễ, trong đống hỗn độn gồm 20.000 ảnh khác nhau. Khả năng kì diệu này cho thấy trí nhớ không giữ lại quá khứ giống như một thư viện khổng lồ lưu trữ hàng triệu cuốn sách. Ngay cả trí óc của một con voi, được xem là có trí nhớ "đáng sợ", cũng không lưu trữ được ngần ấy thông tin.

Nếu dùng các loại máy móc tinh xảo nhất để ghi lại hoạt động của não bộ trong vòng 2 giờ, người ta sẽ thấy các "chùm" dữ kiện đã khuấy động nhiều vùng, nhiều triệu tế bào, đa số tập trung ở phần ngoài não bộ gọi là "néocortex". Đó là vùng mà sự tiếp xúc giữa các tế bào thần kinh diễn ra mãnh liệt nhất. Nhưng không có một khu vực "lưu trữ" nào ghi lại các dữ kiện. Vì vậy các nhà

nghiên cứu kết luận là kỉ niệm đã không được lưu trữ, nhưng được "xây dựng trở lại "theo đơn đặt hàng do các tế bào thần kinh hoạt động trở lại. Không nhất thiết là các tế bào thần kinh trước đây đã truyền trở lại trí nhớ. Các kỉ niệm có thể đã được nhiều vùng não bộ khác nhau kích thích để xuất hiện trở lại. Một điều chắc chắn là những kỉ niệm được "tái phối trí" chưa hẳn là những kỉ niệm... có thật. Michael Billig, giáo sư xã hội học Viện đại học Loughborough (Anh quốc), cho hay: "Điều độc đáo nhất là bạn không cần phải sống qua một khoảnh khắc hay một cảm giác nào đó mới "nhớ" lại được. Con người có thể chia sẻ trí nhớ với đồng loại và đây là điểm khác biệt lớn lao giữa con người và loài vật".

*Xúc động là chất liệu của trí nhớ*

Đây là cảnh cổ điển của một sự nhớ lại. Người bố chiếu phim video hoặc lật album gia đình và chỉ vào một bức ảnh, cảm động nói với con trai: "Con nhớ không, lúc đó gia đình ta ở Venise vào lễ Giáng sinh 1988, lúc ấy con được 3 tuổi". Ông bố đã quên mất là vào lúc đó chú nhóc đang ở Pari với bà dì. Vậy mà chỉ vài năm sau, chỉ cần nhắc lại hay nhìn lại tấm ảnh Venise, cậu bé sẽ "nhớ lại như thật" mình đã từng sang đó và sự xúc động cũng thật không kém. Qua dòng thời gian, kỉ niệm càng lúc càng thật. Chuyện khó tin mà có thật này khiến giới khoa học băn khoăn vì các hệ thống tế bào thần kinh đã thay đổi. Vùng tái hiện trí nhớ (système bimbique) đã mờ nhạt và "giao công việc" cho các hệ thống tế bào thần kinh đơn giản. Các hệ thống kỉ niệm tan dần vào các vùng khác nhau của não bộ.

Tính cơ động kì lạ này đã lôi cuốn sự chú ý của Steven Rose, một nhà hoá sinh ở Viện Đại học Milton Keyne (Anh). Ông nhận thấy đôi lúc ta không sao nhớ lại được tên của một người đã gặp. "Trả lời tên của cô gái đó ẩn hiện mơ hồ trong óc tôi, sắp nhớ rồi lại quên". Không phải việc gợi lại chữ đầu tiên của tên cô gái sẽ giúp bạn nhớ lại tên mà chính là sự hồi tưởng một xúc động nào đó liên quan đến cô ta. Việc này trở nên hiển nhiên đối với các nhà khoa học: trí nhớ không tách rời khỏi sự xúc cảm. Miếng bánh Madeleine của Marcel Proust là hình ảnh rõ nét của cơ chế "giải mã trí nhớ": một chi tiết như một mùi hương, một vị giác, một tiếng động nào đó sẽ tái hiện khung cảnh của quá khứ và khi đó não bộ sẽ hoạt động hết công suất để đưa hình ảnh ngày xưa trở về. Hiện tượng này có lẽ đã cắt nghĩa được tại sao có lúc chúng ta thấy có những kỉ niệm tưởng như đã vĩnh viễn chôn vùi trong tiềm thức, đột nhiên trở lại, với tất cả mọi chi tiết, chỉ vì một nét nào đó đột nhiên xuất hiện trước mắt chúng ta. Có người đã không cầm được nước mắt vì loại kỉ niệm... không mời mà đến này.

*Có bao nhiêu loại trí nhớ?*

Các nhà khoa học đã xếp các giác quan cho phép chúng ta nhớ lại quá khứ từ dễ đến khó. Đầu tiên là "trí nhớ thị giác" với kết quả đến 100% giúp ta nhận diện trở lại dễ dàng một vật gì ta đã chú ý (hoặc ham thích) nhìn kĩ ngày hôm qua. Nhưng loại trí nhớ này rất dễ phai nhoà với thời gian. Kỉ niệm do khứu giác mang đến, mờ nhạt hơn. Trong 2/3 trường hợp, người ta không nhớ được mùi đã ngửi qua, dù qua đó chỉ có 1 giờ. Nhưng so với thị giác, khứu giác tồn đọng lâu hơn khi đã ngửi đi ngửi lại (với tất cả sự chú ý) và nhiều năm sau cảm giác vẫn còn lưu trữ ở não bộ. Vị giác và xúc giác tồn đọng còn lâu hơn, nhưng thính giác là nhà vô địch. Một người vợ có thể nhận ra tiếng nói của chồng sau bao năm xa cách, thậm chí chỉ tiếng bước chân của chồng lên cầu thang cũng được ghi nhận khác với mọi người: bằng trái tim.

Vai trò của cảm xúc rất quan trọng trong sự hồi tưởng. Nếu người ta cố tình ngăn chặn vai trò của cảm xúc bằng cách tiêm vào máu một chất như bêtabloquant thì bệnh nhân sẽ nhớ lại kém rõ ràng hơn một tai nạn đã xảy ra trước đây. Các kỉ niệm đều có liên quan đến tình trạng cảm xúc lớn hay nhỏ. Bộ não không hoạt động như một máy điện toán; đúng hơn, nó hoạt động như một máy gây cảm giác. Cảm xúc và trí nhớ ràng buộc với nhau chặt chẽ nên các nhà khoa học phải tự hỏi: phải chăng trí nhớ đã hoạt động khác nhau tùy theo tính chất của xúc động ban đầu (dễ chịu hay buồn bực). Câu trả lời đến từ các chú gà con của giáo sư Steven Rose. Thoạt đầu, người ta cho các chú mổ các hạt không ăn được, nhưng bề ngoài giống hệt các hạt thóc. Với các máy móc tối tân, người ta ghi nhận nhiều thay đổi hoá học lớn lao đã diễn ra trong bộ não con gà. Các bộ phận gọi là "neuro transmetteur" (truyền thông thần kinh) tiết ra chất hoá học thúc đẩy các kì tiếp hợp (synapse) của dây thần kinh liên lạc mạnh hơn với dây thần kinh kế tiếp đã thay đổi liều lượng tuỳ theo hạt thóc mổ ăn được hay không?

Dường như trí não thích ghi lại các kỉ niệm "tốt" dù sự xúc động do mổ nhầm hạt không ăn được vẫn còn tồn đọng lâu đâu đó trong não bộ, nhưng nó ít có cơ may tái xuất hiện hơn một kỉ niệm dễ chịu. Chỉ khi nào bị "lôi kéo, thôi thúc" nó mới chường mặt trở lại. Có vẻ như não bộ "khuyến khích" chúng ta nhớ lại những gì tốt đẹp bằng cách tạo ra cảm giác dễ chịu. Nó đã "tô hồng" quá khứ để mời gọi chúng ta quay về. Vậy thì tại sao chúng ta lại hồi tưởng quá khứ? Đó là một cách để trốn chạy và tố cáo hiện tại. Derek Edwards ở Viện Đại học Lough borough đã vạch ra một bức tranh lạ lùng như sau: "Sự hồi tưởng là phương tiện "dàn xếp" với quá khứ và lo toan cho hiện tại. Khi nhớ lại quá khứ, người ta cũng đang lo toan cho hiện tại. Một trong những nhiệm vụ của sự hồi tưởng

là ta thán hiện tại. Một người Cuba cứ mơ đến chân trời xa lạ mà anh ta cho là cực kì diễm lệ. Nhưng khi đã ra đi thật sự, anh ta mới "nhớ lại" và thật sự cảm nhận khoảng thời gian ở quê nhà mới tuyệt vời làm sao..."

Trí nhớ là một bí ẩn của não bộ, cũng giống như các giấc mơ. Càng về già, hoạt động của các tế bào thần kinh giảm dần và con người "làm đâu quên đó" là việc bình thường. Bệnh Alzheimer là một căn bệnh quái ác chuyên tấn công tế bào thần kinh và đến năm 2000, ước tính có tới 23 triệu bệnh nhân loại này trên khắp thế giới. Hiện nay đã có bán loại thuốc Tacrine (THA) do "Parke–Davis" bào chế tỏ ra khá hữu hiệu.

### 3. Quá trình hình thành và giảm trí nhớ trong bộ óc con người

*Tại sao bộ óc con người có thể nhớ được những sự kiện diễn ra hàng ngày, trong khi đó có những việc rất dễ nhớ, ngược lại có những vấn đề rất chóng quên. Việc cải tiến năng lực nhớ cho bộ não của con người đến nay vẫn là điều bí ẩn và đang được khoa học nghiên cứu, khám phá triệt để.*

Như chúng ta đã biết, ngay từ thời trung cổ, các học giả đã tạo ra được những "cung điện nhớ" để gúp cho việc thu thập các sự kiện và con số. Các cung điện này không phải được xây dựng bằng gạch, ngói vôi, vữa... mà bằng trí tưởng tượng, mặc dù các nhân viên xây dựng đó là các tế bào thần kinh lại không nhận thức được điều này. Khi mọi việc tiến triển thuận lợi và khi con người ta cần nhớ một điều gì đó, đặc biệt là cần lưu giữ vĩnh viễn thì người ta lại đem đặt chúng vào các phòng riêng trong cung điện nhớ này; ngoài ra, còn cập nhật các số liệu có trong đó, loại bỏ những thứ vô ích thay vào những thông tin mới, thời sự hơn để khi cần có thể lấy ra được, giống như người ta lấy một cái áo ra khỏi tủ. Những thủ thuật này có tác dụng làm tăng cường, cải tiến trí nhớ cho con người, tuy nhiên việc hiểu được thực chất các viên gạch phân tử và các chất vữa kết dính của bộ nhớ vẫn là một ẩn số và hi vọng tương lai khoa học sẽ xây dựng được cung điện hoàn hảo bằng cách tạo ra các loại dược phẩm có thể cải tiến, tăng cường chức năng của bộ nhớ.

Trong thực tế dù cố gắng đến đâu người ta cũng không thể tạo ra được những bộ nhớ hoàn hảo, bởi lẽ chính bộ nhớ của con người cũng có những nhược điểm cố hữu. Hơn nữa việc xây dựng và bảo dưỡng một cung điện nhớ có năng lực là một việc làm rất tốn kém cả về nguyên liệu, năng lượng lẫn chi phí. Do đó khi con người muốn phát triển làm tăng trí nhớ cho bộ óc thì trước tiên người ta phải biết cách sàng lọc, phân loại thông tin để đưa chúng vào bộ óc lưu giữ. Những người sống trong môi trường kinh tế phát triển thường biết được

những thông tin quan trọng mà bộ óc cần lưu giữ, ví dụ như các kì thi sát hạch chẳng hạn. Đây cũng chính là cội nguồn cơ sở của nền văn minh nhân loại.

Thông thường, khả năng nhớ của con người được chia thành ba dạng: dạng nhớ ngắn hạn, dạng nhớ trung bình và nhớ dài hạn, trong đó hàm lượng phân tử (molecutar) được nhận biết bằng các hoạt động hoá sinh trong tế bào thần kinh.

Trong kiểu dạng nhớ ngắn hạn, các tế bào thần kinh có nhiệm vụ tăng cường các prôtein hiện có, những thay đổi này chỉ xảy ra trong giai đoạn rất ngắn. Khi những yêu cầu cần thiết cho một quá trình nhớ đặc trưng trôi đi thì bộ óc lại quay trở lại trạng thái nguyên thuỷ và con người lại quên ngay những gì đã có trước đây.

Đối với kiểu nhớ trung hạn, các tế bào thần kinh tạo ra nhiều prôtein đa dạng mà nó đã có từ trước, nhưng không có một loại gen mới được sử dụng để sản sinh ra các prôtein mới. Ngược lại, ở giai đoạn bộ nhớ dài hạn, các gen mới này được chuyển đổi, nó sẽ sản sinh ra đầy đủ các nhóm prôtein mới.

Cho đến nay, người ta vẫn chưa hiểu hết cơ chế hoạt động của ba kiểu nhớ này mà chỉ biết rằng chúng ta tạo ra một sự thay đổi liên tục đối với cấu trúc vật chất của não bằng cách kích thích quá trình hình thành mối quan hệ mới giữa các tế bào thần kinh.

Đối với động vật có vú, những thay đổi trong kiểu nhớ dài hạn dường như được dàn xếp nhờ cấu trúc mà người ta gọi là cấu trúc Hải mã (hippocampus) được tìm thấy ở gần trung tâm đại não. Những người bị phá huỷ vùng hải mã buộc phải qua giải phẫu, những người này không có khả năng tái tạo ra những bộ nhớ dài hạn mới nhưng nó lại không ảnh hưởng đến các vùng nhớ khác. Điều này chứng tỏ có những vùng hải mã đóng vai trò quan trọng trong cơ thể nhớ dài hạn trong bộ não của con người.

Hai nhà khoa học là Matthew Wilson – thuộc Viện Nghiên cứu Công nghệ Massachusetts (MIT) và Bruce McNaughtn ở Đại học Tổng hợp Arizora, mới đây Mĩ đã nghiên cứu và phát hiện thấy khi một con chuột được nuôi dưỡng trong môi trường mới, nhóm các tế bào thần kinh trong vùng hải mã của nó bắt đầu tấn công các tín hiệu điện từ theo một kiểu cách đặc biệt, tuỳ thuộc vào môi trường nơi con chuột đang sống. Qua đây người ta nghi ngờ cho rằng bộ não của động vật đang tạo ra một bản đồ về các vùng xung quanh với các nhóm tế bào khác nhau đại diện cho những đồ vật bất biến mà bộ óc của chúng ta cần phải lưu giữ.

Theo Dr. Thomas Caraw, chuyên gia thần kinh ở Đại học Yale Universiti thì việc tìm hiểu quá trình hoá sinh trong cơ chế nhớ dài hạn hiện nay đang được

quan tâm, theo đó phương pháp hữu hiệu nhất để tạo ra một bộ nhớ dài hạn là nên để cho nó tiếp xúc nhiều với những sự kiện cần nhớ để làm tăng hàm lượng molecular. Dr. Caraw cùng các đồng nghiệp đã phát hiện ra điều này sau khi họ nghiên cứu về các hiệu ứng của việc cho phép các tế bào thần kinh phơi ra ngoài môi trường molecular, quá trình này được gọi là serotonin. Serotonin là một hoá chất gọi là chất biến đưa thần kinh (newrotransmitter), có nhiệm vụ biến đưa các tín hiệu từ một tế bào thần kinh tới các chức năng đặc trưng ở đầu dây bên kia gọi là các Synapser (nơi tiếp giáp giữa hai tế bào thần kinh). Các nhà khoa học đã phát hiện ra rằng nếu một tế bào thần kinh được phơi ra ngoài môi trường xung động serotonin thì những thay đổi trong hệ thần kinh của nó và trong các Synapser chỉ xảy ra rất ngắn. Đặc biệt họ còn phát hiện thấy trong quá trình xung động như vậy thì hàm lượng của một phân tử gọi là Prôtêin Kinase A (viết tắt PKA) trong vòng hai phút sẽ tăng lên đột biến, sau đó lại giảm đột ngột. Ngoài ra, các nhà khoa học còn phát hiện thêm, nếu một tế bào thần kinh phơi ra ngoài môi trường có Serotonin đồng nhất, nhưng không được phân đều trong một xung động dài, mà chỉ phân đều trong một chuỗi dài gồm 5 xung động nhỏ với khoảng thời gian giữa xung động này với xung động kia là 5 phút, thì hàm lượng PKA sẽ được duy trì ở mức cao trong ba giờ liền trước khi giảm đi và đến cuối ngày lại tiếp tục tăng lên, ngay cả khi thiếu những chất kích thích. Điều đó chứng tỏ các xung động có một dãy các phản ứng hoá học trong một tế bào có độ phức tạp và đủ để tạo ra bộ nhớ hoạt động suốt 24 giờ mỗi ngày, đây là một trong những phương pháp mà bộ óc con người đã dùng để sàng lọc thông tin và đưa vào trong bộ nhớ.

Mới đây các nhà khoa học của Mĩ đã tìm ra một phân tử gọi là nguyên tố phản ứng APM tuần hoàn theo chu kì liên kết Prôtêin hay còn gọi tắt là CREB. Phân tử này có nhiệm vụ cân bằng giữa hai khái niệm nhớ và quên của con người. CREB là một "nhân tố sao chép", có nghĩa là nó làm nhiệm vụ chuyển đổi các gen, cho phép sản sinh ra Prôtêin phụ thuộc vào các gen này. Nó khám phá, kích hoạt mọi hoạt động trong bộ não con người và sắp xếp các bộ nhớ dài hạn và giúp cho người ta nhận biết mùi vị đặc trưng và mùi thơm của thực phẩm.

Trong chu kì đời người, những năm từ 20 đến 30 tuổi được coi là giai đoạn có trí nhớ tốt nhất, đặc biệt vào năm 25 tuổi, sau đó trí nhớ của con người bắt đầu bị giảm dần, theo đó tuổi càng cao thì trí nhớ lại càng bị sa sút. Các chuyên gia sinh học Trường Đại học Havard và Columbia mới đây đã hợp tác thực hiện dự án mang tên Memory Pharmaceuticals để sản xuất các loại dược phẩm tăng cường trí nhớ. Năm 1995, Trung tâm Nghiên cứu Phòng thí nghiệm Cold Spring

Houbor Laboratorg ở Long Island New York đã hợp tác với hãng dược phẩm Hoffmann – La Roche sản xuất được một loại thuốc có thể tăng cường trí nhớ cho con người.

Khoa học đã từ lâu rất quan tâm đến căn bệnh này và muốn tìm ra nguyên nhân gây bệnh. Năm 1997, người ta đã khảo sát và nghiên cứu 178 bác sĩ tại Trung tâm nghiên cứu Bruskin/Goldring Rescach, bang New Jersey và phát hiện thấy 80% trong số những người được hỏi phàn nàn, từ năm 30 tuổi trở đi trí nhớ của họ bắt đầu bị suy giảm. Một số nghiên cứu lâm sàng còn phát hiện ra khả năng nhớ tên tuổi và các thông tin văn bản của những người này giảm tới 20% ở độ tuổi từ 25 đến 50 và lên đến tuổi 80 thì tỉ lệ này vượt lên trên 70%, sau đó bốn đại não, kể cả thuỷ đỉnh não thất có nhiệm vụ truyền cảm giác tới trung ương thần kinh và hệ thống thần kinh vận động với nhiệm vụ lưu giữ các thông tin dài hạn của con người đã bắt đầu có dấu hiệu co ngót. Sự tổn thất bộ nhớ hay còn gọi là giảm trí nhớ thường đi kèm chứng giảm thị lực ở người cao tuổi.

Theo các chuyên gia về thần kinh, muốn duy trì cho đầu óc minh mẫn, chúng ta cần phải thực hiện tốt một số bước tập trung sự chú ý, làm việc có khoa học và nghỉ ngơi giải trí. Ngoài ra, những người mắc chứng hay quên cần phải ăn uống hợp lí và luyện tập thường xuyên, nên chơi một số trò giải trí hay những trò vui mang tính trí tuệ vừa tăng sức khoẻ lại giúp cho con người ta trở nên minh mẫn.

## 4. Khám phá sự huyền diệu của trí nhớ

Guliogaidi – sinh viên người Ý năm 22 tuổi biểu diễn năm 1561: nghe 36.000 từ rời rạc đã đọc lại đủ. Giáo sư Nareansoikecmanét (1526 – 1583) có dự buổi biểu diễn đó.

Trí nhớ thần đồng

– Bản nhạc thánh thị ở nhà thờ được người giữ rất bí mật. Nhưng chỉ nghe một lần, chú bé nhạc sĩ Môda (Áo) có thể đánh lại không sai một nốt.

– Nhà triết học Xinôca cũng chỉ nghe một lần mà nhớ vanh vách 2000 từ riêng biệt.

– Nhà toán học Ơle (Thuỵ Sĩ) một đêm mất ngủ đã tính nhẩm trong óc luỹ thừa 6 của 100 số đầu và rất lâu về sau ông vẫn nhớ các kết quả tìm được.

– Nhà toán học Gaoxơ (Đức) được coi là một cuốn sách im lặng không mang tiên đề vì làm tính không bao giờ nhầm cho dù phép tính phức tạp dài dòng số 2351.

Người phụ nữ có trí nhớ tuyệt vời bà Gabrienna Tonma một nhạc sĩ dương cầm nổi tiếng người Hunggari vừa có tài nghệ và trí nhớ tuyệt vời của bà. Bà đến âm nhạc từ lúc 5 – 6 tuổi, nhớ như in nhiều bản nhạc và phát hiện ra nhiều nốt nhạc sai của người thầy mình. 7 tuổi chơi lại bản nhạc chỉ chơi một lần đã lâu. Đến năm 12 tuổi Tôma đã tham gia biểu diễn trước công chúng không cần bản nhạc. 53 tuổi đã tích luỹ trong bộ nhớ của mình 5.000 bản nhạc của nghệ sĩ dương cầm nổi tiếng. Trí nhớ của bà được ghi vào kỉ lục Guinness 2 lần. Lần 1: năm 1992 do Ban giám khảo lựa chọn 30 bản nhạc bất chợt. Lần 2: năm 1999 biểu diễn 50 bản nhạc cũng lựa chọn bất chợt.

Ngay từ những năm 50, nhà khoa học nổi tiếng của Mĩ là tiến sĩ Freud đã đưa ra một giả thuyết rằng: trí nhớ của con người có liên quan hết sức chặt chẽ với sự biến đổi về thành phần hoá học diễn ra trong đại não. Lời dự đoán đó của Freud đã được nhiều nhà bác học hậu thế chứng minh hoàn toàn chính xác.

Nhà tâm lí học Mĩ, giáo sư James Mecor đã từng làm một thí nghiệm rất lí thú: ông dùng con "bọ cuốn" có tên khoa học là Turbellarian làm vật thí nghiệm, đồng thời với việc rọi đèn ánh sáng mạnh vào nó, ông còn kích điện vào cơ thể nó tạo nên hiện tượng điện giật. Cứ lặp đi lặp lại nhiều lần như vậy, khiến con vật phát hoảng, và từ đó trở đi tuy không bị châm điện nữa nhưng cứ thấy rọi đèn sáng là nó lập tức co rúm lại. Sau đó người ta đem nghiền nát những con Turbellarian đã được làm thí nghiệm này ra làm thức ăn cho những con Turbellarian chưa qua một lần thí nghiệm nào. Sau khi ăn thịt những đồng loại ấy chúng có sự thay đổi tập tục rất rõ rệt. Khi gặp tia đèn chiếu sáng nó liền co rúm lại, mặc dù không hề bị kích điện.

Có nhà khoa học đã chọn ra một nhóm thỏ, huấn luyện công phu tới mức những chú thỏ này rất hiếu động, luôn nhảy choi choi, sau đó người ta lấy từ trong óc loại thỏ hiếu động một loại chất sinh hoá rồi đem tiêm vào não bộ của nhóm thỏ "lười" chưa qua huấn luyện, kết quả là sau đó nhóm thỏ lười này cũng bị "lây" và trở nên cũng hiếu động, chạy nhảy rất nhộn nhịp. Và đem tiêm vào não bộ bất kì loại động vật "lười" nào khác cũng đều cho kết quả tương tự. Từ đó mà các nhà khoa học rút ra kết luận rằng, trí nhớ có liên quan tới một loại chất sinh hoá nào đó, hơn nữa, trong cơ thể sinh vật trí nhớ còn có khả năng di truyền.

Ý nghĩa to lớn của phát hiện khoa học này là ở chỗ, nhân loại nếu như nắm được trong tay loại vật chất có thể làm tăng được sức nhớ của con người thì nhân loại sẽ ngày càng khôn ngoan và phát minh sáng tạo càng nhiều các thành tựu khoa học.

Cái gọi là chất sinh hoá có khả năng làm tăng trí nhớ của con người rốt cuộc là cái gì? Qua nghiên cứu, chuyên gia nội tiết học Mĩ – tiến sĩ Udemann cho rằng, có một chất sinh hoá thần kinh có tên "Acetil chotine" có liên quan tới trí nhớ.

David, nhà khoa học Hà Lan còn phát hiện, trí nhớ có quan hệ với chất tăng áp (peressure). Ngay cả người bình thường, nếu định kì sử dụng chất tăng áp này, cũng góp phần tăng được công năng của đại não, từ đó mà tăng được khả năng ghi nhớ.

Trí nhớ dài hạn thì có quan hệ với khả năng tổng hợp prôtêin trong đại não. Sự tổng hợp prôtêin do ribonucleic acid (RNA) trong tế bào khống chế, còn RNA và prôtêin có tác dụng thế nào trong trí nhớ thì cho tới nay các nhà khoa học vẫn còn tiếp tục đi sâu nghiên cứu thêm.

**Những nẻo đường trí nhớ**

Tháng 2/1997, Bác sĩ Uwe Frey thuộc Viện sinh học thần kinh Đức ở Madeburg, và Giáo sư Richard Morris thuộc Trung tâm khoa học thần kinh của Trường đại học Edinburgh đưa ra một tường trình mới. Nó giúp giải thích cách kí ức bị bẫy trong mạng thần kinh kết dính này. Nhờ nghiên cứu kích thích điện trên các nơron thần kinh ở vùng hippocampus của chute – một vùng nằm sâu bên trong não và có quan hệ mật thiết với kí ức – họ đã mô tả lưới synapse bắt các thông tín viên (messenger) protein tại các giao lộ chủ chốt của mạng thần kinh, tạo khả năng nhận và chuyển các xung động của synapse. Bác sĩ Frey nói: "tiến trình ấy có thể tạo ra cấu trúc các điểm ghi dấu cho các mẫu thần kinh đặc biệt". Vì vậy, khi sự kiện trải qua xen vào các liên kết dọc theo nhóm đặc biệt của lưới synapse, những điểm ghi dấu mới sẽ ghi nhận hình thể ấy như một bộ dây làm dấu về mặt sinh hoá. Mỗi khi sự kiện được nhắc lại, não có thể dùng các điểm ấy như điểm tham khảo, hay còn gọi kinh nghiệm đã trải qua.

Theo nhà thần kinh Bồ Đào Nha Antonio Datnasio, trưởng Khoa thần kinh tại Trường Y – Đại học Iowa, ghi nhớ không diễn ra trầm lặng hoặc thụ động mà đòi hỏi sự tập hợp, tức gom tất cả những thông tin có ở nhiều phần não bộ. Con người có khuynh hướng nhận thức và chỉ nhớ cái gọi là quan trọng hoặc chủ chốt, còn lại sẽ bị lãng quên tất cả (nhớ có tuyển chọn, Selective recollection). Damaso cho rằng trí chúng ta được phát huy nhiều theo hướng dự đoán tương lai hơn là nhớ về quá khứ. Sự tiến hoá của não giúp con người sống dễ dàng và an toàn, nhận thức và ghi nhớ nguy hiểm sao cho chúng ta có thể tránh nó trong tương lai. Chính vì vậy, một ít nhận thức chủ đạo là đủ. Damasio nói: "Nếu bộ não nhận thức đầy đủ chi tiết, ắt khó tránh bùng nổ sự quá tải"

Cái mà chúng ta ghi nhớ, theo Damasio, được tái tạo trong não thông qua các khu đồng quy (convergence zones), các giao lộ sinh học thần kinh – nơi một số trong nhiều dải kí ức gặp gỡ nhanh gọn để gợi lên những hình ảnh của quá khứ. Hàng loạt dữ kiện lớn không bao giờ được gộp vào một chỗ để xử lí và diễn giải, mà thật ra, chúng được phân phối trên một vùng rộng khắp não bộ. Đây là nơi cho khu đồng quy hoạt động như cẩm nang chỉ dẫn sinh học thần kinh, điều khiển các nơron thần kinh thích hợp trong vùng não thích hợp để chúng tự lắp ghép lại thành kiểu kích thích (firing pattern) gần giống với điều đã biết trong quá khứ. Các khu đồng quy cung cấp thông tin cốt lõi của vật thể hay kinh nghiệm đã qua, một phiên bản mới được tái hiện từ gốc. Nói ngắn gọn, công trình của Rose và Damasio chứng minh rằng, ít ra ở mức độ sinh học thần kinh, trí nhớ là một công trình "vận động tiến triển" không đổi và liên tục, mà chủ nhân của nó không bao giờ biết quá khứ được tái tạo để trở thành điều bạn vừa nhớ ra.

**Những chiến lược mới trong điều trị bệnh Alzheimer**

Tại Ấn Độ, từ cây brabmi có ở những vùng đầm lầy, một loại "thần dược" mới ra đời hồi tháng 1/1997, gọi là Memory Plus. Nó là một trong hàng trăm cái gọi là thuốc thông minh – có khi hiệu quả, có lúc độc hại – nhằm cải thiện trí nhớ qua việc kích thích hoạt động thần kinh.

Nghiên cứu sinh học thần kinh gần đây hi vọng tạo ra đủ các hợp chất mới và chuyên trị suy thái trí nhớ như bệnh Alzheimer. Các thuốc mới, giúp cả người lành mạnh dễ tiếp thu và nhớ thông tin, sẽ ở dạng tự nó thúc đẩy năng lực não bộ. Ngay lúc này, một số cơ chế ghi nhớ đã được nhận dạng, các nhà khoa học có thể hướng tốt hơn vào các mục tiêu các vùng tiềm năng cho thuốc can thiệp và ngừa giảm trí nhớ. Chiến lược trị liệu phổ biến sắp tới là vực dậy sự giảm sút chất dẫn truyền thần kinh trong não. Hiện tại, lấy ví dụ tacrime giúp khôi phục tạm chứng mất trí nhớ trong các giai đoạn đầu bệnh Alzheimer, bằng cách phong toả một enzyme liên quan tới sự sụt giảm trí nhớ gọi là acetilcholine. Aricept, một loại thuốc tương tự, vừa được cho phép sử dụng tại Mĩ và Anh. Tuy có triển vọng lớn, nhưng không phải chúng không gây tranh cãi và hài hước. Một bệnh nhân Alzheimer ở Anh, sau khi được trị liệu bằng thuốc dạng này trong thử nghiệm lâm sàng, đã nhớ ra rằng bà đã kết hôn. Điều bà không nhớ, kì lạ thay, là chồng bà đã chết trước đó nhiều năm. Thành thử, nỗi đau của bà và gia đình bà vẫn còn đó, khi bà đợi chồng đi làm về mỗi ngày.

Ampakines, có trong hàng loạt hợp chất đang thử nghiệm, giúp khuếch trương mức nhạy cảm của các thụ thể glutamate. Được nhà dược học thần kinh

Gary Linch tại Trường Đại học Califocnia (Irvine, Mĩ) chế tạo, ampakines có thể hiệu quả trong việc cải thiện nhớ ngắn hạn ở bệnh nhân Alzheimer và cả người khoẻ mạnh...

**Những bí mật của trí nhớ**

Những thói quen tâm lí và cả những kì vọng khác nhau khiến cho đàn ông và đàn bà có thể rất cách biệt trong việc "Tự ghi vào bộ nhớ của mình những sự kiện xảy ra trong cuộc sống thường nhật. Ví dụ, trong bộ nhớ phái đẹp, ngày sinh hay ngày cưới có chỗ đứng đặc biệt vững chắc trong khi chẳng mấy ai trong đám đàn ông ghi nhớ sự kiện này".

Theo tiến sĩ Roland Arbinger (Trường Đại học Tổng hợp Koblencja – London), bẩm sinh, phụ nữ đặc biệt quan tâm đến những vụ việc ít nhiều liên quan đến "cơm áo – gạo tiền", kết quả nghiên cứu thực hiện đối với nhóm trên 600 người cả hai giới, thuộc nhiều ngành nghề và lứa tuổi đã khẳng định điều đó. Kết quả cũng chỉ ra rằng, đàn ông thường quan tâm nhiều hơn đến những công việc liên quan đến nghề nghiệp của họ.

Bản thân trí nhớ cũng có những quy luật rất đặc thù. Dễ lưu giữ vào bộ nhớ nhất, ví dụ – một thông tin, mà qua nó chúng ta liên tưởng đến những sự việc khác nhau đã để lại dấu ấn sâu sắc. Thế vào đó, sẽ khó khăn hơn nhiều, nếu chúng ta muốn nhớ lại những sự kiện đã xảy ra, thời niên thiếu, thường đã trưởng thành, cả đàn ông và đàn bà chẳng ai nhớ nổi những gì đã xảy ra trong cuộc đời, đến năm 3 tuổi. Có thể thông tin về giai đoạn đó được cất giữ vào "Kho lưu trữ", mà chúng ta chưa tìm ra chìa khoá giải mã. Bởi, như nhiều chuyên gia khẳng định – trung tâm trí nhớ trong bộ não người bắt đầu làm việc từ năm chúng ta mới lên hai.

Đã xuất hiện lí thuyết mới về đề tài trên. Tác giả của nó là nữ giáo sư Katherlne Nelson, nhà tâm lí học thuộc Trường Đại học Tổng hợp Niu Ooc. Theo bà Nelson, trong bộ nhớ một người trưởng thành có ghi đầy đủ các sự kiện xảy ra từ thủa niên thiếu, nhưng chỉ trong điều kiện tiếp nhận những thông tin đó thông qua hình thức kể chuyện của ai đó trong gia đình, hoặc người thân.

Thế mới biết vai trò quan trọng của những câu chuyện kể, mỗi tối trước khi ru đứa trẻ ngủ. Nó không chỉ giúp con trẻ luyện trí nhớ, mà điều quan trọng hơn – những mẩu chuyện về sự kiện xảy ra trong ngày sẽ có tác dụng tích cực đối với sự phát triển trí tuệ đứa trẻ cũng như năng lực ghi nhớ của bộ não.

## 5. Hãy làm cho trí nhớ sinh lợi

Phần lớn chính nhờ não mà đứa trẻ học nói, học đi, về sau học viết. Cũng chính nhờ não mà người bệnh khi nằm liệt giường có thể đưa bàn chân này lên phía trước, bàn chân kia theo bản năng để bước đi. Con người không bao giờ muốn não hỏng bởi nó là một bộ máy tinh vi, song giống như các máy móc khác nó vẫn bị hư hỏng. Phần nhiều sự hư hỏng của não có thể chẩn đoán và chữa trị được. Nhưng có lẽ hơn những công việc chữa trị khác, việc chữa trị não vẫn làm cho bệnh nhân và mọi người lo lắng, mặc dù có lúc điều lo lắng này không có một cơ sở nào cả.

*Con người không giống nhau về mặt trí nhớ:* nhà tâm thần học, giáo sư Derouesné thuộc bệnh viện Pité – Salpêtrère, Pari, cho biết "Chúng ta không bình đẳng về mặt trí nhớ là điều hiển nhiên. Giống như mọi địa hạt khác, lúc đầu, mỗi người có ít hoặc nhiều năng khiếu, song môi trường tình cảm đứa trẻ sống cũng quan trọng không kém năng khiếu bẩm sinh để tạo cho trẻ một trí nhớ tốt". Do vậy, dù cho có trí nhớ mà không có sự kích thích và tiếp xúc với thế giới xung quanh, đứa trẻ sẽ không khi nào biết nói và biết viết. Ngược lại, theo Monique LeRoucin, nhà sinh học thần kinh cho biết "Chọn bất kì đứa trẻ từ 0 đến 36 tháng, một chuyên gia có thể biến nó thành thiên tài". Nhà thần kinh học thuộc bệnh viện Beajon, Pari, giáo sư Boulu kể lại "Với sự nhất trí của cha mẹ chúng, người ta tách một số trẻ em ra khỏi gia đình để chúng lớn lên trong một môi trường có đủ tất cả các điều kiện nhằm làm những khả năng trí tuệ của chúng phát triển tới mức tối đa. Kết quả là vào lúc 6 tuổi, đa phần các trẻ này nói được hai ngoại ngữ trôi chảy ngoài tiếng mẹ đẻ của trẻ. Vậy các trẻ này trở nên như thế nào, khi không có tình cảm ruột thịt trong thời gian lâu như thế? Kết luận của thử nghiệm đã không nêu điều này. Tạo nên một thiên tài là điều nên làm, song để làm cho thiên tài này thành một người có tình cảm, trái tim thì lại là một chuyện khác.

Monique LeRoucin nói rõ: "Bộ não của con người phát triển đầy đủ các tế bào thần kinh trong thời gian từ 14 – 17 tuổi, sau đó, con số tế bào thần kinh giảm xuống và người ta mất đi 100.000 tế bào loại này mỗi ngày". Song không đáng ngại so với hơn 14 tỉ tế bào thần kinh tạo nên vốn quý ban đầu của con người.

*Kích thích những tế bào thần kinh hoạt động.* Vấn đề các tế bào thần kinh giảm bớt không thể được coi là nguyên nhân của sự lười biếng hoặc của não suy. Những phân nhánh và chất lượng của các tế bào thần kinh mà chúng ta sử dụng

quan trọng hơn là số lượng của chúng. Theo các nhà khoa học cho hay, chỉ có 20 đến 30% các tế bào thần kinh của con người làm việc hết công suất mà thôi.

Theo giáo sư Boulu "thay đổi tuỳ theo mỗi người, tỉ lệ này tương ứng với những hoạt động hàng ngày về nghề nghiệp hoặc xã hội của mỗi người. Trong khi một số tế bào thần kinh làm việc, các tế bào thần kinh không được sử dụng đến nằm bất động". Chỉ cần kích thích chúng nắm bắt các thông tin khác nhau là có thể đánh thức chúng và như thế là có thể phát triển khả năng của trí nhớ. Trí nhớ cần phải có sự rèn luyện đều đặn, phải làm việc để cải tiến hiệu năng và tránh bị thái hoá. Vì rằng, để học, nhớ, không có gì là tài ba cả, phải học gạo và đọc lải nhải. Đây là một bí mật để có một trí nhớ tốt. Điều bí mật thứ hai, là động cơ của cá nhân, sự ham học, sự đồng hoá. Thế là chúng ta giữ lại trước tiên điều gì làm chúng ta thích thú và cái gì chúng ta thích thú cũng chuyển hoá theo cách sống và tuổi tác của chúng ta.

Khi chúng ta giữ lại những gì mình nghe, thấy, nếm hoặc cảm thấy, não sẽ bị ngập bởi lượng thông tin lớn và không có khả năng xử lí chúng được nữa. Song não luôn luôn thông minh, lựa chọn các dữ kiện đến với nó. Các dữ kiện mà não không dùng đến sẽ nhanh chóng bị quên. Sau đó, não xoá bỏ những dữ kiện nó không thích.

Việc này giải thích con người quên một số đau khổ vật chất hoặc tinh thần, vượt qua một số sự cố bất hạnh.

*Phân loại kí ức*. Kí ức về giác quan, cái nhìn, cái tức thì là kí ức dễ quên nhất. Con người tiếp nhận một sự việc, ít chú ý đến nó nên dễ quên ngay, thời gian ghi nhận và giữ lại sự kiện đó không quá nửa phút. Kí ức ngắn hạn (kí ức tức thì) ít quên hơn. Loại này cần hơn nửa phút để ghi nhận. Đây là thời gian cần thiết để có một kí ức lâu dài, song khi ghi nhận mà không được chú ý sẽ dẫn đến lãng quên.

Sau cùng là kí ức lâu dài, tạo nên trí nhớ thực sự của con người. Năng lực của mỗi người được hun đúc từ đấy. Đây cũng là kí ức của các kỉ niệm thực sự. Để kí ức được sống lâu dài cần có các việc nối tiếp nhau: phân tích, chọn lựa, sắp xếp các thông tin. Trong toàn bộ những dữ kiện này, các dữ kiện về cảm xúc, tình cảm được giữ lại lâu hơn, tốt hơn. Khi đã khắc ghi, những dữ kiện này trở thành kỉ niệm và sẵn sàng tái hiện bất kì lúc nào một cách dễ dàng.

Song kí ức lâu dài có lúc cũng bị trục trặc. Theo Momique LePoncin "75% trường hợp trục trặc có nguyên nhân khá đơn giản, bởi việc ghi nhận thông tin quá sơ sài ban đầu cần thiết cho việc ghi nhớ". Việc ghi nhận thông tin vận dụng

ngũ quan, nhất là thị giác và thính giác. Sẽ không bị ghi vào tiềm thức nếu một cái tên không nghe rõ, một bức ảnh, một khuôn mặt được xem một cách vội vàng.

*Các nguyên nhân tạo thành chỗ trống của trí nhớ.* Lao lực, trí nhớ mệt mỏi, mất ngủ, đã ngăn cản trí nhớ của con người hoạt động một cách bình thường, đó là các yếu tố tạo thành các chỗ trống trong trí nhớ. Lí do khác, rượu cũng là kẻ thù của trí nhớ, một số thuốc an thần cũng làm cho tế bào thần kinh trơ đi. Già cả cũng là một trong những yếu tố của tình trạng này. Chỉ có bệnh Alzheime, hiện nay nguyên nhân của nó chưa tìm ra được.

## 6. Từ trí nhớ con người đến bộ nhớ nhân tạo

Nửa cuối thế kỉ XX, tin học, điện tử đã tiến một bước khổng lồ. Thời kì đầu, tin học được sử dụng trong các ngành có tính cách chuyên môn, khoa học. Ngày nay, trên màn ảnh nhỏ của các máy điện toán, người ta bắt gặp đủ loại, từ những trò chơi điện tử cho trẻ em, đến các chương trình mang tính cách giáo khoa. Hiện thời, các nước tiên tiến đã đưa tin học vào nhà trường ngay từ cấp một.

Con người ở trong tình trạng phải "đối thoại" với máy điện toán. Muốn thế chúng ta phải có cách mở cánh cửa ngôi nhà tin học là bộ nhớ của chúng. Bộ nhớ trong máy điện toán là nơi chứa đựng những dữ kiện được sắp đặt có cơ sở, hệ thống. Một trong những mục đích của cuộc đối thoại máy – con người chính là để tìm ta thật nhanh chóng những thông tin, giải đáp cho vấn đề mà con người quan tâm.

Trí nhớ con người vốn vận hành rất phức tạp. Thoạt nhìn, trí nhớ giống như một thư viện; chúng là những cửa hàng dự trữ sự hiểu biết và các thông tin. Nhưng điểm giống nhau chỉ có thế. Chúng khác nhau vô cùng trong tính chất của các thông tin, ở cách sắp đặt những tin tức này, và ở cả phương pháp lục tìm khi cần đến.

Trong một thư viện, người quản thư xếp đặt sách vở theo thứ tự, danh mục, theo một hệ thống định sẵn. Một thư viện hay một tủ sách không thể tự nó tạo ra một sự thay đổi nào cả. Đó là một nơi chứa đựng sự hiểu biết, mang tính chất "tĩnh". Ngược lại, trí nhớ trong chúng ta là một bộ phận rất "năng động". Đây là một hệ thống không kép kín và vô cùng uyển chuyển. Cách sắp đặt trong bộ nhớ con người rất dễ thay đổi, uốn nắn. Sự chuyển biến có thể xảy ra một cách vô thức, hoặc tuỳ theo trọng tâm của lợi ích đang có trong não của chúng ta vào thời điểm ấy, hoặc khi có sự tiến hoá trong quá trình nhận thức của con người. Trí nhớ sẽ thích ứng ngay để thay đổi cấu trúc, tự xếp đặt lại những dữ kiện của nó theo hệ thống mới thích hợp hơn. Rồi sau đó, khi cần thiết, nó có thể lôi ra từ

các địa chỉ ấy những thông tin đã có sẵn để làm chuẩn và so sánh với sự việc mới, cung cấp cho chúng ta những thông tin, giải thích. Vì một khi muốn hiểu được sự kiện đang xảy ra, con người luôn cần đến những kinh nghiệm đã có từ trước. Các kinh nghiệm này vốn đã được tích trữ nhờ trí nhớ, nhưng phải được lôi ra đúng lúc. Vì thế nó cần được giúp đỡ để có một tổ chức nghiêm chỉnh. Trong trí nhớ, mọi sự kiện được phân loại theo mục đích, nơi chốn, kết quả, ý định, ước muốn... Nói cách khác, ta có thể so sánh những khoảng trí nhớ của ta như từng màn trong một vở kịch. Trước một sự kiện mới, trí nhớ sẽ tìm kiếm xem có cảnh nào tương tự đã xảy ra để rút kinh nghiệm, để có cách ứng xử kịp thời.

Nhưng làm sao trí nhớ có thể phân biệt được những màn kịch nhỏ ấy? Thật ra đó chỉ là vấn đề ghi nhận, rồi lặp lại nhiều lần, hết sức tự nhiên. Ví dụ, nếu ta vào nhà hàng hai ba lần, tự nhiên ta sẽ biết nơi ấy bán những món gì, cách bày bán ra sao. Một bữa khác, tạt qua một quán nhỏ bên đường lần đầu, dù không chú ý, ta cũng thấy ngay sự khác biệt giữa quán ăn này với nhà hàng nọ. Hình ảnh nhà hàng đương nhiên đã ăn vào "ngồi" ở một khoang trong tâm thức.

Máy điện toán cũng học và ghi lại những sự kiện vào bộ nhớ của nó, từ đó tương tác và phục vụ con người. Chẳng hạn, một con người đua đang khoẻ mạnh bỗng lăn đùng ra chết không rõ lí do gì thì ta có thể nhờ chương trình tin học SWALE, do Viện Khoa học Giáo dục của Đại học Northwestern ở tiểu bang Hlinois (Mĩ) giải đáp giúp. Chương trình này đã gom góp thành hệ thống những nguyên nhân về cái chết của mọi loài. Nó sẽ tìm trong bộ nhớ những trường hợp đã đưa đến những trường hợp tương tự. Chẳng hạn khi một anh chàng ca sĩ rock tắt thở ngay trên sân khấu vì dùng lượng quá liều ma tuý, hay một cô vợ trẻ đầu độc ông chồng để lấy gia tài... Máy tính sẽ kết hợp những dữ kiện, rồi so sánh, loại trừ những điều phi lí, rồi lại đối chiếu, cho đến khi có thể đưa ra một lời giải thích thoả đáng: ông chủ ngựa nợ như chúa chổm đã hạ độc để lãnh tiền bảo hiểm con ngựa đua đáng thương!

Trong cuộc sống, ai cũng có nhu cầu kể chuyện với người khác, về nỗi đau, sự mơ ước, chờ đợi về những thành công, thất bại và cả những kinh nghiệm sống của mình. Chính sự trò chuyện là một phương cách hữu hiệu để rèn luyện trí nhớ. Ngôn ngữ càng rõ ràng, trí nhớ càng chính xác. Thử tưởng tượng, sau một chuyến du lịch, có người hỏi thăm, ta sẽ thuật lại những kỉ niệm về chuyến đi, hoặc bằng hai ba câu ngắn gọn, hoặc kể lể chi tiết hơn. Nhưng nếu có người thứ hai hỏi đến, liệu ta có thể kể y hệt như lần đầu? Điều này dĩ nhiên trước nhất tuỳ thuộc vào thời gian rảnh rỗi, vào độ thân thiện với người nghe. Rồi thì, có những sự việc ta đã quên đi, hoặc thứ ta nhớ ra thêm vào. Tuy nhiên có điều

chắc chắn là, nếu ta vô tình không bao giờ nói đến một cây cầu gãy bắc ngang một nhánh sông, thì vĩnh viễn hình ảnh cây cầu sẽ biến mất trong trí nhớ chúng ta. Ngoài ra, các nhà tâm lí học nhận xét rằng, con người thường hay kể nhiều hơn về những điều không vui, những thứ làm mình thất vọng. Trí óc cũng ghi nhận sâu hơn những điều bất bình thường cùng hậu quả của chúng. Chính nhờ nó mà khi gặp sự khó khăn, ta nhớ ra được cánh đối phó trước đây. Dĩ nhiên, sau khi lặp lại nhiều lần, trí nhớ sẽ loại bỏ bớt, chỉ giữ lại những chuyện chính mà vô thức của chúng ta đã chọn lựa.

Nhà nghiên cứu Roger C. Schank, Giám đốc Viện khoa học giáo dục (Institute for Learning Sciences, Hlnois, Mĩ) – đã phát biểu rằng, không thể xem "kể chuyện" như là một hành động nói đi nói lại đơn giản, mà đó là một ý thức sáng tạo, là một phương cách ghi nhận vào kí ức. Nói chính là nhớ lại, là thu thập kiến thức, là học hỏi.

Máy tính cũng biết kể chuyện như con người. R.C. Schank đã cho một ví dụ về hệ thống ASK. Hệ thống này đã thu thập tất cả những tài liệu, các cuộc phỏng vấn, các bài báo đủ loại, thuộc nhiều tình huống, và lập thành một cơ cấu dữ kiện trong bộ nhớ của nó. Với mục đích là cung cấp cho người sử dụng những giải thích chính xác về một vấn đề được đặt ra, nó tương tác với máy tính để đưa ra những giải đáp thiết thực nhất như thể được tính toán bởi một người có kinh nghiệm lão luyện.

Những nhà nghiên cứu khoa học giáo dục đang khai thác bộ nhớ điện tử để phục vụ ngành giáo dục. Với chương trình tin học Creanimate, học sinh cấp một đã có thể làm quen với môn sinh vật bằng cách đối thoại với máy tính về súc vật và đặc tính của chúng. Để cho cuộc nói chuyện được hấp dẫn, Creanimate còn cho phép các em tự tạo cho riêng mình một con thú, và sau đó có thể biến đổi nó tuỳ ý. Chẳng hạn, một cậu bé muốn có một con bươm bướm biết đánh nhau. Em chỉ cần đánh chữ "chiến đấu" là bộ nhớ của máy sẽ đưa ra mọi kiểu đánh nhau giữa các giống vật: bằng sừng, răng, vòi, bằng đầu húc, bằng móng vuốt... Cậu bé có thể chọn lựa cho chú bướm một cách đánh nhau với địch thủ, nếu bằng móng vuốt thì máy sẽ vẽ thêm cho bướm ta một cặp móng nhọn hẳn hoi. Tuy nhiên, Creanimate không chỉ để giải trí mà còn đem lại những kiến thức bổ ích. Sau khi chiều ý cậu nhỏ, máy sẽ hỏi lại cậu ta nhiều câu hỏi về con bướm, và sẽ dẫn dắt cậu bé đến gần thực tế, đem lại một hiểu biết có cơ sở về loại động vật này.

Trong cuộc sống hiện đại, mối tương quan giữa máy và con người là điều không thể phủ nhận được. Để đạt hiệu quả, tin học phải hướng dẫn cho người sử dụng biết cơ chế lí luận trong bộ nhớ của nó. Ngược lại, con người nên "đối thoại"

với máy tính, khuyến khích chúng "nói" chuyện. Biết cách dùng thích đáng bộ nhớ của chúng, ta sẽ học được biết bao điều bổ ích.

## 7. Làm thế nào học dễ nhớ lại lâu quên?

*"Học, học nữa, học mãi" là phương châm của tuổi trẻ để vươn lên tầm cao trí tuệ trong một xã hội phát triển. Nhưng dùi mài kinh sử theo kiểu học thuộc lòng chỉ làm hao mòn thể xác; cần có phương pháp học để dễ nhớ, lâu quên và đạt kết quả khả quan khi thi cử.*

Ở trình độ PTTH, trước ngưỡng cửa trường thi, sĩ tử sẽ không còn "tụng ê a" nữa mà luyện mắt là chủ yếu.

*+ Chín phương pháp tập đọc nhanh*

1) Đọc bằng mắt, không cần phát âm.

2) Tập mở rộng tầm nhìn để khi mắt lướt qua, số lượng chữ đọc được nhiều hơn.

3) Tăng dần tốc độ đọc.

4) Đọc và tập nhớ lại tựa bài, những vấn đề chính yếu, căn bản của bài.

5) Không học thuộc lòng từng chữ, từng câu.

6) Cố gắng hiểu những gì đã học, kể cả hỏi bạn bè hoặc thầy cô.

7) Ghi nhớ các chi tiết gần nhau, bổ sung cho nhau. Khắc ghi những gì quan trọng nhất (kể cả gạch dưới hoặc tô màu cho dễ gây ấn tượng gợi nhớ).

8) Sau khi đọc xong, dùng trí nhớ hệ thống hoá lại toàn bộ bài học, những điểm căn bản, các chi tiết bổ sung cho những điều căn bản đó.

9) Trước khi ngủ, ôn lại một lần nữa vì trong giấc ngủ, tài liệu ôn tập dễ ghi vào bộ nhớ.

*+ Không nên học thuộc lòng*

Việc học thuộc lòng làm não trở nên thụ động, lười suy nghĩ, và khi đã quên một câu là tắc tị nguyên bài. Vì vậy vào phòng thi, nhiều thí sinh đọc xong đề tài, bừng con mắt dậy thấy óc mình... trống trơn. Học, hiểu, nắm bắt những ý cơ bản của vấn đề là cách tốt nhất để dễ nhớ bài học.

*+ Chống bão hoà não bằng thư giãn, nghỉ ngơi*

Máy chạy nhiều sẽ nóng; não làm việc nhiều sẽ khó tiếp thu. Do đó chương trình ôn tập phải khoa học, cần có thời gian nghỉ ngơi giải trí (hoạt động thể thao, nghe nhạc vẫn tốt hơn là xem tivi – video, vì mắt sẽ mỏi thêm) để trí óc thư giãn dễ tiếp thu bài mới. Khi cơ thể đã mệt mỏi, bão hoà thì dù cố nhồi nhét, bài vở cũng không vào được.

*+ Tìm niềm vui trong học tập*

Nếu biết cách tạo niềm vui trong khi học tập thì việc học sẽ đỡ mệt mỏi, lại dễ nhớ lâu quên. Học thuộc lòng công thức lượng giác thì dễ nhầm lẫn, còn nếu ngâm nga: Tìm sin lấy đối chia huyền. Cosin hai cạnh kề – huyền chia nhau. Còn tang ta sẽ tính sau. Đối – kề hai cạnh chia nhau ra tiền thì sẽ khó mà quên được. Còn nhớ, để nhớ công thức thuốc pha chế, tôi đã tìm cách đặt tên ngộ ngộ như Anh sợ em im lặng, không phải để nhờ anh Bồ Câu giải đáp tơ lòng... thông mà để nhớ công thức xiro bổ máu: Anh (Acid tartric), sợ (sirop simple), em (eau distillée), im (lode officinale), lặng (Limaille de fer). Mục đích vẫn là vui mà học, học mà vui, chứ học mà khổ thì chán bỏ xừ!

***Làm thế nào để tăng cường trí nhớ?***

Các yếu tố tâm lí ảnh hưởng đến trí nhớ rất nhiều: lo âu tiền bạc, sức khoẻ hoặc tình cảm làm não bộ khó tiếp nhận những điều mới và ghi nhớ lại. Do đó để tăng cường trí nhớ cần chú ý:

– Tập trung phân tích, tổng hợp bài vở, sắp xếp ý tưởng mạch lạc kèm theo hình ảnh cụ thể để trí nhớ dễ "tìm kiếm" khi cần thiết.

– Các nơron thần kinh phải luôn hoạt động, nghĩa là phải học ngay từ đầu năm chứ không để đến cuối năm mới "chạy nước rút". Khoa học đã chứng minh rằng các nhánh tế bào thần kinh sẽ phát triển khi có nỗ lực suy nghĩ; ngược lại nếu lười học, chúng sẽ thoái hoá hoặc biến mất dẫn đến lão hoá bộ não, tạo nên nhiều lỗ hổng của trí nhớ.

Ngoài ra, muốn học dễ nhớ lâu quên, phải có sức khoẻ tốt và chế độ ăn uống bổ não thích hợp.

## 8. Phương pháp hồi phục trí nhớ

Thật là bực mình khi thấy mình ngày càng chóng quên, bỏ đâu quên đấy, không thể tự khống chế được hệ thống thần kinh của chính bản thân mình. Điều này rất bất lợi cho bạn ngay cả trong công việc và cuộc sống. Vì vậy bạn có muốn nghe một vài lời khuyên không?

*Đối với những người bị tật bẩm sinh về trí não:*

Trí óc phát triển kém, nơron thần kinh yếu, khó tiếp thu được nhiều thông tin, thậm chí có tiếp thu rồi cũng dễ nhanh quên. Những người này nên tuân thủ nghiêm ngặt theo phương pháp điều trị của bác sĩ, hồi phục trí nhớ dần dần, không được nóng vội và mất bình tĩnh. Điều quan trọng là trong quá trình điều trị phải luôn tạo cho bệnh nhân tâm lí thoải mái, không gò bó. Quá trình chữa trị

phải diễn ra từ từ, chậm rãi, đầu tiên giúp bệnh nhân nhớ lại một vài chi tiết nhỏ, một vài đồ vật nhỏ, sau một thời gian mới tăng dần khả năng hồi phục trí nhớ của bệnh nhân bằng cách tăng số lượng chi tiết và đồ vật. Quá trình chữa trị phải kèm với những trò giải trí có tác dụng luyện trí nhớ.

*Đối với những người quá bận rộn và thường xuyên bị sức ép về công việc:*

Phương pháp tốt nhất là nên viết sẵn lịch làm việc mỗi ngày, chia thời gian biểu hợp lí, cố gắng làm hết lần lượt từng thứ việc. Không nên ôm quá nhiều việc cùng một lúc, gây tâm lí căng thẳng và bối rối, việc nọ xọ việc kia, rất dễ lầm lẫn và dễ gây chuyện. Mỗi buổi tối trước khi đi ngủ nên tập một bài thể dục và đi tắm, như vậy bạn sẽ có một giấc ngủ sâu hơn và một trạng thái thoải mái vào sáng mai. Như vậy bạn sẽ dễ dàng tiếp nhận công việc hơn và nhớ được những điều cần phải làm. Không nên làm việc quá sức và uống nhiều chất kích thích trước khi đi ngủ như cà phê, chè, thuốc lá.

*Đối với những người nghiện ngập.*

Đối với những người nghiện nặng rượu, cà phê hay ma tuý... đều ảnh hưởng rất lớn đến hệ thần kinh. Việc tác động quá mạnh mẽ của các chất kích thích đó không những làm suy yếu hệ thần kinh mà còn làm tê liệt dần khả năng ghi nhận và lưu trữ thông tin của bộ não. Cách tốt nhất là bỏ những thú vui có hại đó.

# PHẦN III

# CÁC THUỘC TÍNH TÂM LÍ CÁ NHÂN

## Chương IX. XÚC CẢM VÀ TÌNH CẢM

*Không có xúc cảm, tình cảm thì trước đây, hiện nay, sau này không có sự tìm tòi của con người về chân lí.*

*V.I. Lênin.*

### I. TÌNH CẢM LÀ GÌ?

### 1. Thế nào là tình cảm?

Trong khi phản ánh thế giới khách quan, con người không chỉ nhận thức thế giới đó, mà còn tỏ thái độ của mình đối với nó nữa. Xem những bức tranh đẹp, nghe những bản nhạc hay chúng ta không chỉ tri giác (nhìn, nghe) chúng mà còn có những "rung động", những "xao xuyến"... kèm theo nữa, trong tâm lí học gọi là xúc cảm, tình cảm.

Vậy tình cảm là gì?

Tình cảm là sự rung động của con người trước những sự vật hiện tượng khách quan có liên quan tới nhu cầu, động cơ của con người.

### 2. Đặc điểm của tình cảm

– *Tính nhận thức*: khi có một tình cảm nào đó con người phải nhận thức được đối tượng và nguyên nhân gây nên tình cảm, những biểu hiện tình cảm của mình. Ba yếu tố nhận thức, rung động và thể hiện cảm xúc tạo nên tình cảm.

– *Tính xã hội:* tình cảm thực hiện chức năng xã hội, chứ không phải là những phản ứng tâm lí xã hội đơn thuần "một con ngựa đau, cả tàu bỏ cỏ".

– *Tính khái quát*: tình cảm có được là do tổng hợp hoá, động hình hoá, khái quát hoá những xúc cảm đồng loại.

Ví dụ: tình mẹ con, tình yêu Tổ quốc.

– *Tính ổn định:* tình cảm là thuộc tính tâm lí, là kết cấu tâm lí ổn định, sâu kín nhất của con người, nó là sự thể hiện tiềm tàng của nhân cách mang đậm màu sắc cá nhân nên khó hình thành, khó mất đi.

– *Tính chân thật:* tình cảm phản ánh chân thật nội tâm và thái độ của con người ngay cả khi con người cố che dấu nó bằng những "động tác giả", nguỵ trang. K.D. Usinxki – nhà giáo dục tài ba của Nga đã nhận xét sâu sắc: không có một cái gì, một cử chỉ, một thái độ, hành vi nào lại biểu thị bản thân chúng ta bằng chính tình cảm của chúng ta. Trong đó ta nghe thấy không phải từng cử chỉ riêng lẻ, từng thái độ riêng lẻ mà là toàn bộ thế giới tâm hồn của chúng ta. Vì vậy, không có gì thật bằng tình cảm. Tình cảm vì một lí do nào đó có thể giả tạo nhưng không thể lừa dối.

– *Tính hai mặt* (đối cực): gắn liền với sự thoả mãn hay không thoả mãn nhu cầu, tình cảm mang tính đối cực: dương tính, âm tính (yêu – ghét; vui – buồn...).

### 3. Vai trò của tình cảm

– Tình cảm có vai trò rất to lớn trong đời sống tinh thần của mỗi người, trong quan hệ giữa con người với nhau. Tình cảm có vai trò rất lớn gắn kết con người thành nhân loại: con người – tình yêu – nhân loại (tình yêu là mức độ cao của tình cảm). Nó như là một công thức toán học gắn kết con người với nhau bởi các yếu tố bền vững không thể tách rời bất cứ yếu tố nào và cũng không thể thiếu bất cứ yếu tố nào. Vì sao như vậy?

– Trong hệ thống thái độ của cá nhân đối với hiện thực thì thái độ cảm xúc, tình cảm của con người chiếm vị trí lớn lao và bao trùm lên toàn bộ nền đạo đức xã hội, nó ảnh hưởng trực tiếp đến xu hướng, năng lực, tính cách, lối sống... của cá nhân. Tất cả những vấn đề đó được xây dựng trên cơ sở tình cảm gắn bó con người với con người.

– Tình cảm chiếm vị trí quan trọng trong số những động lực và nhân tố điều chỉnh hành vi và hoạt động của con người. Thực chất không có một khoa học về tình yêu riêng biệt nào đó, chỉ có khoa học về lòng nhân đạo. Người nào nắm vững được những quyển "vỡ lòng" của khoa học này, người đó đã sẵn sàng để có những quan hệ cao thượng về tâm lí, tinh thần và về đạo đức, thẩm mĩ.

– Phẩm chất và nội dung của tình cảm cũng chính là phẩm chất nội dung của nhân cách. Nó quy định tư thế, tác phong, lối sống của một con người. Tại sao như vậy? Khi xét nhân cách của một con người, người ta xét trên các mặt:đức, trí, thể, mĩ, lao động... còn đánh giá con người người ta chú ý đến các loại tình cảm cao cấp – đó là yếu tố đặc trưng nhất của con người: tình cảm – tình yêu. Vì vậy, tình cảm, tình yêu là cốt lõi của nhân cách con người. Nó quy định lối sống, phong cách sống, quan niệm sống... của con người.

Trong bức thư C. Mác gửi cho con gái ông đã nói lên toàn bộ quan điểm về tình yêu của mình để khuyên con. Đó cũng chính là lời khuyên của C. Mác – vị lãnh tụ thiên tài của giai cấp vô sản toàn thế giới đối với mọi thế hệ. Bức thư được chuyển từ thế hệ này sang thế hệ khác bởi nó là bức thư tự sự. Qua bức thư C. Mác cũng đòi hỏi người con gái phải thể hiện tính nhân đạo và phẩm hạnh cần có ở họ đối với tình yêu của mình:

"*... dù con có sợ tình yêu, tình yêu vẫn cứ đến. Nếu là nguồn vui thì con cứ mang niềm vui đó như người mẹ âu yếm đứa con thơ. Nếu là vết thương lòng thì con có thể bị tâm hồn vương vấn, nhưng tình yêu sẽ băng bó lại vết thương cho con. Con đừng bao giờ tự hỏi rằng: người yêu của con có xứng đáng với con không?*

*Cái thứ tình yêu phải mặc cả như món hàng ngoài chợ thì không gọi là tình yêu nữa. Khi con đã yêu thì đừng tính toán. Nếu người yêu con là người nghèo khổ thì con hãy cùng người đó chung sức lao động để tô thắm thêm tình yêu. Nếu người yêu con già thì con hãy làm cho người yêu con trẻ lại với con. Nếu người yêu con bị cụt chân thì con sẽ là cái nạng vững chắc cho đời họ.*

*Tình yêu đẹp đẽ nhất sẽ đến với con nếu con làm đúng lời cha dặn*".

Nếu những người con gái, những người phụ nữ làm đúng như lời khuyên của Mác bạn sẽ có một tình yêu, tình cảm đẹp, một phong cách sống, một nhân cách cao thượng mà mọi người ngưỡng mộ.

– Khi xúc cảm, tình cảm của con người bị mất đi, đó là dấu hiệu suy thoái của một nhân cách, vì mất đi chất keo gắn con người thành nhân loại và sẽ có những hành động không thua gì con vật.

## II. SỰ BIỂU HIỆN XÚC CẢM – TÌNH CẢM CON NGƯỜI TRONG HOẠT ĐỘNG THỰC TIỄN

### 1. Sự biểu hiện tình cảm của con người

Như chúng ta đều biết, đã là con người ai cũng có những xúc cảm, tình cảm. Nhưng do những đặc điểm về giới tính, tâm lí, hoàn cảnh mà sự biểu hiện xúc cảm, tình cảm ở người phụ nữ khác với nam giới.

Nhà văn Bandắc, nổi tiếng của Pháp đã khái quát sâu sắc: trang đời của người phụ nữ là cảm xúc, yêu thương, đau buồn và chịu đựng. Chúng tôi không có tham vọng sưu tầm, tập hợp, hệ thống những biểu hiện tình cảm của người phụ nữ Việt Nam – một nửa của dân tộc – của thế giới. Chúng tôi chỉ dẫn chứng ra trong tập sách này một số ví dụ cụ thể, sinh động của hàng trăm, hàng ngàn biểu hiện tình cảm của người phụ nữ Việt Nam trong các mối quan hệ con người.

Phụ nữ Việt Nam có những đặc điểm tâm lí riêng, trong đó tình cảm cũng khác với phụ nữ trên thế giới, do hoàn cảnh xã hội, lịch sử với những đặc trưng của nền văn hoá dân tộc "nền văn minh lúa nước" 80% là nông dân, liên tiếp có chiến tranh tạo nên.

Thời phong kiến chống giặc phương Bắc, thời chống thực dân Pháp rồi đến chống đế quốc Mĩ... chính những đặc điểm xã hội – lịch sử này đã hun đúc cho cả dân tộc Việt Nam nói chung và người phụ nữ Việt Nam nói riêng có lòng yêu nước nồng nàn, căm thù giặc sâu sắc. Trong lịch sử dân tộc Việt Nam biết bao bà mẹ – những người phụ nữ Việt Nam đã xả thân vì nước. Hơn 2000 năm trước, Triệu Thị Trinh ở tuổi 19 đã hăng hái cùng người anh mình tập hợp nghĩa quân để chống lại bọn xâm lược Đông Ngô; lúc đầu có người can ngăn vì lo phận gái khó đảm đang trọng trách. Triệu Thị Trinh đã trả lời đầy lòng tự tin: "Tôi muốn với cơn gió mạnh, đạp bằng sóng dữ, chém cá kình ở biển Đông giành lại giang sơn, cởi ách nô lệ, chứ không thèm cúi đầu, còng lưng để làm tỳ thiếp người ta". Rồi đến có bà Trưng, bà Triệu đánh quân Đông Hán thế kỉ I sau Công nguyên.

Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mĩ, nhiều tấm gương tiêu biểu như Hoàng Ngân, Nguyễn Thị Minh Khai, mẹ Suốt, chị Út Tịch, Nguyễn Thị Chiên, Tạ Thị Kiều, Ngô Thị Tuyến, Võ Thị Sáu, Võ Thị Thắng... là những người phụ nữ – người mẹ anh hùng vì sự nghiệp giải phóng dân tộc.

Khi chiến tranh kết thúc, đất nước được thống nhất, phụ nữ Việt Nam lại bắt tay vào công cuộc xây dựng và phát triển đất nước, bình đẳng với nam giới trong mọi lĩnh vực hoạt động.

## 2. Mối quan hệ giữa cảm xúc với trí thông minh

Cảm xúc làm tràn dâng nước mắt, co thắt dạ dày, khiến người ta tái mặt hay ửng hồng đôi má. Đôi khi nó khiến người ta tròn xoe mắt hay mỉm một nụ cười. Đôi khi nó gây ra những phản ứng dữ dội hay giận dữ. Nó phát sinh từ sâu xa trong não bộ, song giờ đây người ta chỉ mới bắt đầu nhận thức được vai trò cơ bản của nó đối với trí thông minh.

Vâng, các cảm xúc chỉ đạo cho trí thông minh, có lẽ còn hơn cả những khả năng lôgic toán học mà chúng ta thường ca ngợi từ nhiều thập niên nay. Vâng, thật khó mà kiểm soát được chúng, bởi vì chúng là các di chứng mạnh mẽ của sự tiến hoá loài người. Đó là cách giải thích của Daniel Goleman, 50 tuổi, Tiến sĩ tâm thần học ở Đại học Harvard. Trong quyển "Trí thông minh cảm xúc" dày 420 trang, Goleman đưa chúng ta tham quan thế giới của cảm xúc và tổng hợp

các nghiên cứu liên kết những tính chất nội tại đó của con người với trí thông minh và khả năng quản lí tốt cuộc đời.

Tất nhiên từ thủa bình minh của lịch sử, nhiều triết gia và nhà tư tưởng đã từng quan tâm đến cảm xúc, mà người ta ngỡ là xuất phát từ con tim, và hơn nữa dường như là độc quyền của các thi sĩ. "Nhưng chỉ trong vài năm gần đây, các nhà nghiên cứu đã định vị được những trung tâm cảm xúc trong não bộ, và đã hiểu vì sao người ta khó kiềm chế được chúng – Daniel Goleman giải thích. Những nhà nghiên cứu về sự tổ chức trí thông minh cũng bắt đầu thừa nhận vai trò của cảm xúc".

Vào năm 1992, nhà thần kinh học Joseph Ledoux chứng minh rằng cảm xúc phát sinh từ các hạch amygdale. Chính chúng khởi phát những phản ứng tức thời gần như phản xạ, ngay trước khi phần não bộ về suy nghĩ (néocortex) được thông báo.

Gần như cùng giai đoạn ấy, giáo sư Antonio Damasio chỉ ra vai trò cơ bản của phần néocortex. Những bệnh nhân bị tổn thương vùng não bộ này đều không thể cảm nhận và chế ngự các cảm xúc. Kết quả là dù có vẻ hoàn toàn bình thường, nhưng họ lí luận ngượng ngạo và có những quyết định trái với quyền lợi của họ. Kết luận của ông: lí trí không có ở dạng thuần tuý, mà được nuôi dưỡng bởi cảm xúc, và chính phần néocortex là nhạc trưởng, nó chỉ đạo, phối hợp, kiểm soát các cảm xúc đột ngột nhất và gán cho chúng một ý nghĩa.

"Trong đa số trường hợp, vị thế của một người trong xã hội được xác định bằng các yếu tố khác hơn là chỉ số QI"– giáo sư Howard Gardner cho biết. Để chứng minh cho điều ấy, nhiều cuộc nghiên cứu đã cho thấy rằng những người có chỉ số QI cao và đỗ cao trong các kì thi vẫn không thành đạt hơn những người có chỉ số QI kém hơn. Nhiều nhà khoa học khẳng định rằng chỉ số QI chỉ tham gia 20% vào sự thành đạt cá nhân. Số còn lại là do môi trường xã hội, do may mắn, nhất là do phần thông minh mà các trắc nghiệm tiêu chuẩn không chú ý đến. Năm 1990, lần đầu tiên nhà tâm thần học Peter Salovey đưa ra thuật ngữ "trí thông minh cảm xúc" vốn rất cần thiết cho sự phát triển và thành đạt của chúng ta. Ông định nghĩa nó bằng 5 điểm:

- Hoàn toàn thấu hiểu những cảm xúc của chính mình, khả năng chủ yếu cho sự tự hiểu và cho trực giác tâm thần.
- Khả năng điều hướng các cảm xúc để tập trung.
- Khả năng chế ngự cảm xúc để thích với từng hoàn cảnh
- Sự nhận thức tình cảm của người khác, trái ngược với ác cảm.
- Làm chủ các mối liên hệ con người, dễ dàng tiếp xúc.

## 3. Chỉ số cảm xúc EQ và việc giáo dục trẻ em

### Chỉ số EQ là gì?

Nhà xã hội học Sausnee Chatkupt cho rằng EQ là "khả năng tự thể hiện tình cảm" của con người. Đây là khả năng tự đánh giá, khả năng kiểm soát và chế ngự những khát vọng, đam mê, khả năng kỉ luật tự giác và khả năng tư duy tích cực... Tóm lại là khả năng con người tự làm chủ mình.

### Vai trò của chỉ số cảm xúc EQ trong sự thành đạt của con người

Danial Goleman, nhà tâm lí học Trường Đại học Harvard (Mĩ) đã bỏ ra 10 năm để nghiên cứu khoảng 1000 người. Ông đã tiến hành phỏng vấn các nhà điều hành nhiều công ti lớn trên toàn thế giới, nhiều nhân viên làm việc ở nhiều vị trí khác nhau. Kết quả cho thấy, trong số 500 nhà điều hành có tên trong bảng xếp hạng của tạp chí Fortune, chỉ số IQ chỉ chiếm 25% trong sự thành đạt của họ, trong khi đó 75% sự thành đạt lại phụ thuộc vào EQ. Ông đã nêu ra một số trường hợp đáng chú ý: Có người tốt nghiệp loại ưu tại một trường đại học danh tiếng có chỉ số IQ cao, nhưng chỉ số EQ lại thấp. Vào đời, anh ta bị đuổi khỏi cơ quan sau 3 tháng làm việc. Một người khác, tốt nghiệp đại học hạng trung bình, có chỉ số IQ bình thường nhưng EQ lại rất cao, đã đạt hết thành công này đến thành công khác. Từ đó, Danial Goleman đi đến kết luận: chỉ số thông minh IQ không phải là yếu tố chính dẫn đến sự thành đạt của một người mà là chỉ số EQ. Kết quả công trình nghiên cứu của Danial Goleman khi công bố đã làm nhiều người giật mình vì từ trước đến nay chỉ chú ý đến IQ mà chưa chú ý đúng mức đến EQ. Điều đáng tiếc là hiện nay, mỗi năm nước Mĩ đã dùng đến một tỉ USD để nghiên cứu và tìm hiểu về chỉ số IQ, còn việc nghiên cứu về EQ chưa được đầu tư nhiều. Cho đến nay đã có những phương pháp chuẩn để kiểm tra chỉ số IQ nhưng chưa có cách nào để đo chỉ số EQ.

### Chỉ số EQ và vấn đề giáo dục

Các công trình nghiên cứu về EQ cho biết: EQ có tính lan truyền từ bố mẹ sang con cái: Những ông bố bà mẹ có tính đồng bóng, hay cau có, gắt gỏng thì con cái họ thường cũng có tính khí như vậy... Do đó, bố mẹ cần thay đổi cách sống và ứng xử với mọi người xung quanh, đặc biệt trong gia đình, để tạo ảnh hưởng tích cực đến chỉ số cảm xúc của con cái.

Các công trình nghiên cứu về EQ còn cho biết, các chỉ số này không nhất thành bất biến mà có thể thay đổi được nhưng cần nhiều thời gian.

Do đó, nhiều nước hiện nay rất quan tâm đến chỉ số EQ và các phương pháp rèn luyện nhằm hoàn thiện EQ của học sinh cũng như của mọi người. Nhiều bậc

phụ huynh ở Thái Lan mong muốn con cái họ tham gia các hoạt động xã hội; qua đó giúp chúng có được sự chuẩn bị tích cực về nhiều mặt, trong đó có việc hoàn thiện chỉ số EQ... Có người đã đề ra một thời gian biểu cho trẻ em như sau: Thứ hai đi học, tối học lớp vi tính. Thứ ba đi học, tối đến chơi đố chữ tại câu lạc bộ giải trí. Thứ tư đi học, sau đó tham gia múa, hát hoặc theo học các lớp võ thuật, các hoạt động thể dục. Thứ năm đi học, về nhà sớm để trao đổi với bố qua mạng Internet. Thứ sáu đi học và sau đó thi đấu bóng đá hoặc thi thể thao. Thứ bảy đi cắm trại. Chủ nhật nghỉ ngơi và chuyện trò với bạn trên mạng Internet.

**Các phương pháp rèn luyện để hoàn thiện chỉ số EQ của mỗi người**

– "*Tự đánh giá bản thân*": Biết mình là ai và mình cần cái gì. Không quá tự tin cũng như không được thiếu tự tin.

– "*Chế ngự bản thân*": Biết kiềm chế tình cảm. Không nên cáu giận hay bực tức. Theo các công trình nghiên cứu, phần lớn những người thành đạt nhất là những người rất điềm đạm, bình tĩnh và dễ chịu.

– "*Học sự đồng cảm*": Học cách đặt mình vào tình huống của người khác. Nếu được mọi người cảm thông, họ sẽ hợp tác, hoà thuận với mình. Hãy học cách cho và nhận, nếu bạn muốn được mọi người yêu mến.

– "*Kỉ luật tự giác*": Làm việc khoa học, có tổ chức, tránh bừa bãi, lộn xộn, học cách đặt ra mốc hạn cuối cùng cho các công việc.

– "*Tránh stress bằng cách suy nghĩ tích cực*": Thực tế cho thấy stress ảnh hưởng đến khả năng thể hiện của mỗi người. Một thái độ tích cực cũng dễ được chấp nhận và tha thứ.

– "*Biết cách khen ngợi*": Ai cũng thích được khen ngợi, nhưng không phải những lời tâng bốc rỗng tuếch.

**Lời khuyên với các bậc cha mẹ trong việc rèn luyện chỉ số EQ cho con cái**

– *"Sự kiềm chế tình cảm của cha mẹ"* đóng vai trò đặc biệt quan trọng. Nếu trẻ em lớn lên trong bầu không khí gia đình vui tươi, tích cực, các tế bào thần kinh trong não bộ của chúng sẽ phát triển tốt.

– *"Không nên đánh đập trẻ em"*, ngay cả khi trẻ bướng bỉnh và hiếu chiến. Cách tốt nhất là trò chuyện với chúng, tán thưởng những đức tính tốt trong trẻ... đó là một cách dạy hay, sau đó nói cho trẻ biết những gì mà chúng có thể cho là đúng và giải thích vì sao.

## 4. Ba học thuyết cắt nghĩa mới tình yêu

Tình yêu là gì? Nên lí giải thế nào hiện tượng hai người gắn bó với nhau trong khi có hàng triệu người khác ở xung quanh? Hàng triệu người, nhưng chỉ với duy nhất một, khi nhìn gương mặt, bạn cảm thấy trái tim như muốn ngừng đập bởi hơi thở gấp gáp và trong miệng khô khốc.

Bỏ qua tất cả, tình yêu cứ tồn tại, thêm nữa, nó là hiện tượng phổ biến một cách phi thường. Trung bình cứ 50 người, chỉ có một khẳng định rằng "chưa từng giáp mặt tiếng sét ái tình".

**Adrenalina – học thuyết I**

Nhiều người si tình khẳng định rằng, lúc yêu say đắm họ bị một số rối loạn thị lực và cảm giác mộng du, run tay chân, mạch nhanh hơn bình thường. Theo các nhà khoa học, những biểu hiện đó có thể giải thích bằng ngôn ngữ sinh hoá học hiện đại. Tất cả là hậu quả của Adrenalina, loại hoócmôn, mà cơ thể chúng ta tiết ra, khi rơi vào trạng thái xúc cảm cao đã phản ứng lại sự lo sợ thái quá, vui sướng tột độ, bực bội – căng thẳng bất thường. Đồng thời cùng tuyến yên sản sinh ra Adrenalina, sẽ tiết ra loại hoócmôn khác (Kortizon) dẫn đến trạng thái viên mãn và tăng cường ham muốn sinh lí.

Adrenalina làm giãn võng mạc mắt. Một mặt, nó mang lại cho chủ thể nhiều cảm xúc mô phỏng, mặt khác nó đóng vai trò là tín hiệu cho người khác. Người ta đã thực hiện nhiều công trình nghiên cứu, kết quả cho thấy rằng, hiện tượng giãn võng mạc có tác dụng tăng đáng kể cơ may "phát hiện trúng đối tượng đáng yêu". Nhà khoa học – chủ nhiệm chương trình đã cho nhóm 20 đấng mày râu xem tấm ảnh một thiếu nữ với đôi mắt "bình thường". Cũng người đẹp này, để đám trai tráng trên chiêm ngưỡng (ở trạng thái giãn võng mạc) với lời giới thiệu là "chị em sinh đôi của thiếu nữ nọ". Kết quả: đa số (17/20) đấng mày râu đã chọn "cô gái thứ hai" làm bạn đời, nếu có điều kiện!).

Tác động của Adrenalina đối với tình yêu còn được chứng minh bằng thí nghiệm khác. Như đã nói ở trên, hoócmôn này cũng được tiết ra lúc cơ thể ở trạng thái stress, sợ hãi. Nữ cán bộ trẻ, đẹp thực hiện trắc nghiệm đối với những chàng trai tình cờ gặp gỡ trên đường. Chị chọn hai địa điểm để làm cuộc phỏng vấn. Tại một cây cầu treo cũ nát có thể sập bất cứ lúc nào và cây cầu thứ hai vững chắc, không gây bất cứ cảm xúc gì. Kết quả: dường như tất cả đấng mày râu muốn cặp bồ với chị đều là những đối tượng, mà chị thực hiện cuộc phỏng vấn tại cây cầu treo "kề miệng tử thần".

**Feniloetiloamina – Học thuyết II**

Nhóm các nhà khoa học khác lại "mổ xẻ" tình yêu dưới góc độ Feniloetiloamina – một hợp chất có đặc tính hoá học gần như Amtetamina (một loại thuốc an thần, ma tuý). Người ta vẫn chưa xác định được bộ phận nào trong cơ thể sản sinh ra Feniloetiloamina, nhưng đã phát hiện ra nó trong máu những đối tượng đang yêu. Nó gây cho chúng ta cảm giác hạnh phúc và sung sướng.

Nguồn Feniloetiloamina tự nhiên có tiềm chứa trong ca cao và tinh dầu hoa hồng. Phải chăng, một cách ngẫu nhiên và dưới góc độ giá trị thẩm mĩ, hoa hồng được thiên hạ coi như biểu tượng của tình yêu? Phải chăng, ở nhiều quốc gia, đấng mày râu thích tặng bạn gái yêu quý thanh sôcôla, mỗi dịp vui cũng là vô cớ?

**Di truyền – Học thuyết III**

Những học giả khác lại lưu ý tới yếu tố di truyền và khẳng định rằng, tình yêu là hiện tượng được hình thành trong quá trình tiến hoá tự nhiên. Đơn giản là, có khả năng yêu đương là tất cả những đối tượng tiềm ẩn trong mình tham vọng duy trì và làm gia tăng giống nòi. Theo thuyết này, những ai không biết đến tình yêu, sẽ tự nhiên biến mất, không để lại dấu vết nào.

Dựa vào nền tảng thuyết di truyền, một số nhà khoa học thậm chí đã đi sâu vào mọi ngõ ngách cuộc sống sinh lí của hai giới. Theo họ, tự nhiên phái mày râu dễ bị cám dỗ hơn phái đẹp bởi thiên đường "xé rào" – ngoại tình, bởi "ăn nằm" với càng nhiều đối tượng, khả năng "chuyển giao" giống nòi càng lớn, và độ đảm bảo càng cao.

Người phụ nữ, trong trường hợp như thế, vì mục đích tự nhiên là nuôi dạy con cái đến tuổi tự lập cũng buộc phải chấp nhận số phận do hoàn cảnh đẩy vào. Chị sẽ tìm đối tượng khả dĩ đảm bảo cuộc sống ổn định và an toàn hơn. Đổi lại, chị sẽ làm ngơ, coi như không biết gì chuyện "xé rào" của chồng.

## 5. Tình yêu là gì?

Đông, Tây, Kim, Cổ. Các nhà khoa học đủ các màu da đã, đang và sẽ sử dụng mọi biện pháp để cắt nghĩa hiện tượng tình cảm đặc biệt đó. Kết quả đã cung cấp cho chúng ta vô vàn câu trả lời. Mỗi đáp án, theo tỉ lệ riêng, điều đó có thể coi là nghiêm túc. Nhưng, tất cả dù góp lại chưa chắc đã đủ sức thuyết phục đối với mọi giới quan tâm. Song hiển nhiên vẫn tồn tại một thực thể: Tình yêu có mặt ở mọi nơi!

# Chương X. HÀNH ĐỘNG Ý CHÍ

*"Đời phải trải qua giông tố*
*Nhưng chớ cúi đầu trước giông tố"*

Khuyết danh.

## I. KHÁI NIỆM Ý CHÍ

### 1. Định nghĩa

Ý chí là mặt năng động của ý thức, biểu hiện ở nặng lực thực hiện những hành động có mục đích, đòi hỏi phải có sự nỗ lực khắc phục khó khăn.

Năng lực này không phải tự nhiên mà có và không phải ai cũng có như nhau – nói cách khác, ý chí là một phẩm chất tâm lí của một cá nhân, một thuộc tính tâm lí của nhân cách.

Người ta thường nhận xét: Anh A có ý chí, chị C không có ý chí...

–Ý chí là mặt năng động của ý thức, ý chí là hình thức tâm lí điều chỉnh hành vi tích cực nhất ở con người. Sở dĩ như vậy là vì ý chí kết hợp trong mình cả mặt năng động của trí tuệ lẫn mặt năng động của tình cảm đạo đức.

Năng lực kiểm soát điều chỉnh hành vi một cách có ý thức nảy sinh trong hoạt động lao động. Động vật không có ý chí. Ý chí là một mặt đặc trưng cho tâm lí người. Bởi vì con vật chỉ thích nghi thụ động với thiên nhiên. Còn con người – bằng lao động – một loại hoạt động có ý thức – đã chinh phục và cải tạo thiên nhiên. Ý chí của con người dược hình thành trong quá trình lao động. Ngay cả hoạt động lao động đơn giản nhất (ví dụ săn bắt thời nguyên thuỷ...) cũng đòi hỏi con người phải có những phẩm chất ý chí nhất định. Ph. Ăngghen đã nói: "Loài người càng cách xa loài vật thì tác động của con người vào giới tự nhiên càng mang tính chất của một hoạt động có tính toán trước, tiến hành một cách có phương pháp hướng vào những mục đích nhất định đã đề ra từ trước"

– Ý chí của con người được hình thành và biến đổi tuỳ theo những điều kiện xã hội lịch sử, tuỳ theo những điều kiện vật chất của đời sống xã hội. Tính chất của những mục đích và của những thúc đẩy đối với hành động ở con người được quyết định bởi chỗ: họ đại diện cho quyền lợi của giai cấp nào. Xu hướng ý chí khác nhau trong những thời đại khác nhau và ở những đại diện của giai cấp khác nhau.

Giá trị chân chính của ý chí không phải ở chỗ ý chí đó như thế nào tức là cao hay thấp, mạnh hay yếu mà còn ở chỗ nó được hướng vào cái gì. Cho nên cần phải phân biệt mức độ ý chí (hay cường độ ý chí) với nội dung đạo đức của ý chí.

Chỉ có ý chí được giáo dục về đạo đức mới có thể giúp con người thực hiện được những chuyển biến to lớn về những sự kiện lớn lao.

## 2. Vai trò của ý chí đối với các hiện tượng tâm lí khác

– Ý chí không phải là một thuộc tính tách rời của con người, nó có liên hệ chặt chẽ với các mặt, các chức năng khác của tâm lí con người:

+ Trước hết là nhận thức, nhận thức của con người được hướng vào sự phân tích tổng hợp, trừu tượng hoá, khái quát hoá các ấn tượng, các tri thức đã nhận được từ môi trường xung quanh. Được củng cố trong trí nhớ và được chế biến trong tư duy, những tri thức này không báo những cái có xung quanh ta. Như vậy làm cho ý chí có nội dung nhất định của nó. Nội dung của các ý chí nằm trong các khái niệm, các biểu tượng do tư duy và tưởng tượng đem lại. Đồng thời ý chí là một cơ chế khởi động và ức chế đặc sắc: Sự điều chỉnh của ý chí đối với hành vi – đó là hướng một cách có ý thức các nỗ lực trí tuệ và thể chất vào việc đạt tới mục đích hoặc vào việc kiềm chế hoạt động khi cần thiết.

+ Ý chí của con người có quan hệ mật thiết với tình cảm. Ý chí cũng là mặt hoạt động của tình cảm. Trong đời sống hàng ngày, hoạt động của chúng ta được chi phối không phải chỉ bởi những cái mà mình tri giác được, hiểu biết mà còn bởi những rung động, thể nghiệm nảy sinh do sự tri giác và hiểu biết đó. Tình cảm kích thích hành động. Đồng thời, những rung động lại có thể là một phương tiện kìm hãm hành động. Nhưng cũng phải nhớ rằng, bản thân tình cảm cũng chịu sự kiểm soát của ý chí. Nhiều khi con người phải hành động trái với tình cảm. Con người đấu tranh với những đau thương mất mát, với sự tức giận, với niềm vui mãnh liệt, đè bẹp sự ghen tức hay nổi xung, nếu chúng cản trở công việc. Tất cả những điều đó là nhờ có ý chí. Chính ở mặt này, ý chí đã thể hiện một trong những chức năng chính của mình – chức năng ức chế.

+ Ý chí là một phẩm chất quan trọng của nhân cách – là giường cột của tính cách, xu hướng, năng lực, niềm tin... Ý chí được thể hiện ở tất cả các thuộc tính nhân cách của con người.

Nhờ có ý chí mà con người tổ chức được hoạt động của mình, biến đổi được tự nhiên và xã hội, tạo ra được những giá trị vật chất và tinh thần, thực hiện được những chuyển biến và có được những phát hiện trong khoa học.

Ý chí đã làm cho con người có sức mạnh phi thường vượt qua muôn vàn khó khăn, trở ngại tưởng như không vượt nổi, như: Nguyễn Ngọc Kí bị cụt hai tay dùng chân viết và học tới bậc đại học; chính nhờ có ý chí mà Nguyễn Đức Thuận đã chịu đựng những đòn thù hiểm ác; nhờ có ý chí mà Phạm Hồng Sơn bị liệt toàn thân vẫn dịch tài liệu có ích cho đời, chị Ngô Thị Tuyển vác trên vai thùng đạn 90 – 120kg trong lúc trọng lượng của chị hơn 40kg..., và hàng chục, hàng trăm gương thực tế khác làm chúng ta kinh ngạc, khâm phục, kính nể.

### 3. Hành động tự động hoá

Đó là những hành động vốn lúc đầu là hành động có ý thức nhưng về sau do luyện tập hay lặp đi lặp lại nhiều lần mà thành tự động hoá, nghĩa là không cần có sự kiểm soát của ý thức, ý chí tham gia mà vẫn thực hiện được tốt. Ví dụ như kĩ xảo, thói quen trong cuộc sống hàng ngày: tập viết, đi xe máy, đánh vi tính...

## II. SỰ BIỂU HIỆN KÌ DIỆU Ý CHÍ, NGHỊ LỰC CỦA CON NGƯỜI TRONG CUỘC SỐNG

**Chuyện lạ có thật thời kháng chiến chống Mĩ**

✯ Hạ cánh ban đêm có đủ đèn chiếu sáng đã khó khăn. Đêm 18/12/1972, Phạm Tuân trong tình huống đặc biệt đã lợi dụng ánh lửa chiếc B52 bị cháy thiêu ngay trên vùng trời sân bay để hạ cánh an toàn.

✯ Sát đường băng có một quả bom nổ chậm. Đáp ứng yêu cầu chiến đấu khẩn cấp, với tính toán khoa học, Đinh T đã xuất kích lướt trên bom giặc hoàn thành nhiệm vụ xuất sắc.

✯ Trong chiến đấu, máy bay của Đỗ Văn Lanh bị vỡ một mảnh ở đuôi trái. Mặc dù máy bay đã bị giảm tốc độ và điều khiển rất khó, Lanh vẫn dũng mãnh xông lên, mưu trí đón bắn rơi F4, trở về hạ cánh an toàn.

✯ Lê Xuân vừa bắn rơi một giặc trời thì bị một tên F4 khác bám đuôi Xuân lượn một vòng qua ven biển. Thêm một tên lửa từ tàu chiến địch phóng đuổi theo, "phải dùng địch để đánh địch", bằng một động tác điêu luyện hết sức bất ngờ, Xuân thoát khỏi vòng nguy hiểm, để tên lửa địch nhằm đúng F4, nên nó ngã lộn nhào.

✯ Bám thấp lưng địch mà đánh, Lê Hải bắn tan xác một chiếc F4 mảnh xác nó bay tung toé. Ngay từ trên không Lê Hải đã "thu chiến lợi phẩm", hạ cánh anh mang về sân bay một chiếc càng của tên lửa giặc trời.

✯ Không quân của ta lôi từ trong kho phế phẩm ra một máy bay cổ lỗ thu được của địch từ bao giờ. Thợ máy gia công chắp vá sửa chữa. Người lái học

điều khiển nó. Với chính chiếc máy bay chiến lợi phẩm này Nguyễn Văn B đã lợi dụng diệt một máy bay của Mĩ.

**Những cô gái mở đường, tải đạn trên chiến trường khu VI**

Chiến trường này còn có tên gọi khu VI (mật danh là Bác Kế) bao gồm các tỉnh: Ninh Thuận, Bình Thuận, Bình Tuy, Lâm Đồng và Tuyên Đức. Nhiều vùng căn cứ cách mạng tồn tại từ thời kì chống Pháp như: Bác Ái (Ninh Thuận), khu Lê Hồng Phong (Bình Thuận)... có sân bay Thành Sơn, thuộc loại sân bay chiến lược của Mĩ nguỵ.

Đây là một chiến trường khó khăn gian khổ được biểu hiện bằng những cái tên gọi như khu VI, đọc trệch đi là "Khu Sắn" – vì lương thực chủ yếu là củ sắn (củ mì).

Nhưng cái khó khăn hơn cả chính là thiếu vũ khí, thiếu đạn dược để trang bị cho dân quân du kích, cho bộ đội địa phương, cho các tiểu đoàn, trung đoàn tập trung và cho cả bộ đội chủ lực khi mở các trận đánh lớn.

Không thể chấp nhận sự quá khập khiễng về trang bị vũ khí, một bên là những loại vũ khí khí tài hiện đại, còn một bên lại quá nghèo nàn lạc hậu, chỉ một số khẩu súng tự tạo, một số cácbin, bá đỏ, CKC và mìn tự tạo... Chính vì vậy mà vào tháng 4/1967, Bộ chỉ huy quân sự Quân giải phóng miền Nam đã quyết định cho ra đời Đoàn vận tải H50, Quân khu VI.

Khi thành lập Đoàn chỉ có hơn một trung đội, bộ khung chỉ huy là quân đội, chiến sĩ hầu hết là thanh niên xung phong, có cả nam và nữ. Nhiệm vụ đầu tiên họ được giao là mở thông đường từ Bình Thuận – căn cứ địa cuả Bộ chỉ huy Quân khu lên tới biên giới Campuchia (căn cứ địa của Bộ chỉ huy Miền) để tiếp nhận hàng chiến lược được chi viện từ miền Bắc vào. Con đường chiến lược này dài khoảng 300 km, phải băng qua nhiều núi cao, vực sâu và những con sông lớn như sông Đồng Nai, Đạ Huai, Đạ Lấp, Đạ Quýt... và nguy hiểm hơn là phải vượt qua hai con đường chiến lược là quốc lộ 20 và 14.

Sau khi đã mở thông đường, lực lượng của Đoàn được tăng lên thành 3 đại đội, 5 đại đội, rồi 8 đại đội, có lúc quân số lên tới gần 800 người, trong đó 2/3 là nữ và hầu hết tuổi đời chỉ trên dưới 20, như Lê Thị Nguyên, Mai Thị Chinh, Nguyễn Thị Tâm, Võ Thị Hải, Nguyễn Thị Hoa... Các cô đến từ Tam Giác, Khu Lê, Hoà Đa (Bình Thuận); từ Lagi, Đức Linh, Tánh Linh (Bình Tuy); Từ Bác Ái (Ninh Thuận); từ Di Linh (Lâm Đồng) và từ Đà Lạt (Tuyên Đức). Công việc của Đoàn bây giờ là tiếp nhận, bảo quản, vận tải hàng chiến lược, vũ khí, súng ống, đạn dược, thuốc nổ, lương thực, thuốc men... cho chiến trường Cực Nam Trung Bộ

và Nam Tây Nguyên, đồng thời bảo vệ hành lang vận tải, đưa đón các đoàn cán bộ, thương bệnh binh từ R về Quân khu và ngược lại.

Hằng ngày họ lên đường từ lúc mờ sáng, và trên đôi vai họ là những bó súng AK, những khẩu B40, B41; là những quả cối 60 – 81, thùng thuốc TNT, những thùng đạn AK, những nòng pháo và những viên đạn ĐKB, những vũ khí mà quân địch nghe thấy đã hoảng sợ. Những ngày đầu, các cô chỉ mang được vài khẩu súng, ít viên đạn cối với trọng lượng từ 25 – 29 kg; dần dần là một bó súng, hàng chục viên đạn cối... trọng lượng lên tới 40 – 50 và 60kg. Đối với họ, "Mỗi chuyến hàng là một trận chiến đấu". Họ đã kiên trì cần mẫn như vậy trong 8 năm liên tục (1967 – 1975).

Đoàn H50 với phần lớn là nữ, có nhiều chị em người dân tộc, với đôi chân và đôi vai họ đã gùi hàng ngàn tấn vũ khí đạn dược từ trục đường Trường Sơn đến các địa bàn trong Khu. Các chị âm thầm lặng lẽ làm công việc của mình, không chỉ vất vả gian khổ mà còn phải hi sinh vì chiến đấu với địch trên hành lang để bảo vệ hàng, bảo vệ và đưa đón các đoàn cán bộ an toàn và góp sức bảo vệ các buôn làng của đồng bào dân tộc.

Các cô gái ấy còn có óc sáng tạo, họ cải tiến cách buộc hàng sao cho khi hàng đặt lên vai khom lưng bước đi mà trọng tâm rơi vào điểm thích hợp nhất, cho nên dù mang trên lưng 50 – 60kg hay hơn nữa, họ vẫn thanh thản với những bước đi nhẹ nhàng, kể cả khi lên dốc, xuống đèo hay lội qua sông, qua suối.

Chiến trường khu VI ngày ấy còn lưu truyền câu: "Con gái H50 mang nặng nên đứt hết dây chằng sau này khó mà có con".

Việt Nam cách Mĩ nửa vòng Trái Đất, tức là hơn 20.000 km. Các cô gái Đoàn vận tải H50 Quân khu VI trung bình mỗi ngày đi 20 km (10 km mang hàng đi và 10 km mang hàng về). Một tháng với 26 ngày các cô vượt một chặng đường dài 520 km và một năm là 6.240km, liên tục trong 8 năm các cô gái mảnh mai đó chinh phục gần 50.000km. Trên con đường vạn dặm ấy, các cô đã hi sinh bao xương máu và hiến trọn tuổi thanh xuân.

Trong khoảng thời gian đó, họ đã vận chuyển một triệu tấn/km hàng chiến lược chủ yếu bằng đôi vai, tham gia chiến đấu 70 trận, diệt 354 tên địch trong đó có 140 tên Mĩ, bắn rơi 2 máy bay trực thăng và 2 xe bọc thép; đóng 10 thuyền và hơn 400 bè, làm 250 cầu qua suối, mở trên 100 con đường xuyên rừng dài hàng ngàn cây số; làm hơn 1.000 kho chứa hàng, sản xuất 12 loại thuốc chữa bệnh thông thường.

Trên quãng đường đó đã có 135 liệt sĩ yên nghỉ bên dòng suối, trên đỉnh núi cao hay ven ngọn đồi nào đó. Phải kể đến liệt sĩ Nguyễn Thị Xuân khi đơn vị bị

trực thăng phát hiện, cô đã chạy ngược lại để nhử địch tập trung về phía mình nhằm đảm bảo an toàn cho cả đơn vị. Đại Hội chiến sĩ thi đua Quân Khu năm 1972 – 1973 đã tuyên dương hành động anh hùng của chị. Trong những liệt sĩ của Đoàn cũng không thể không nhắc đến liệt sĩ trẻ tuổi Lê Thị Nguyên, khi biết mình bị thương quá nặng đã nói với bác sĩ rằng: "Em biết là mình không sống nổi đâu. Hãy để dành thuốc cứu chữa cho các bạn...". Không thể kể hết những tấm gương kiên cường anh dũng của các chiến sĩ Đoàn H50 đã ngã xuống. Nhưng một điều làm cho những người của Đoàn còn sống vẫn day dứt khôn nguôi là số hài cốt các liệt sĩ của Đoàn được đưa về các nghĩa trang mới chỉ đếm được hơn số ngón tay trên hai bàn tay. Tất cả vẫn còn nằm đâu đó mà thời gian thì cứ trôi qua, chắc gì đã còn mà đưa họ về với quê hương.

Với những thành tích đặc biệt xuất sắc của Đoàn, ngày 19/12/1999, Nhà nước đã phong tặng Đoàn H50 danh hiệu Đơn vị Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

**Ý chí – nghị lực phi thường đó đây**

***Cụ già 77 tuổi và 25 ngày chống chọi với biển cả***

Cụ Ikari, 77 tuổi, là một dân chài người Nhật Bản rất giàu kinh nghiệm trên sóng nước. Ngày 21/5, khi cụ đang ra khơi thì một cơn bão bất chợt ập đến, chiếc xuồng của cụ bị sóng đánh lên cao tới 6 mét, xuồng bị hỏng, cụ không thể điều khiển nổi và đành chấp nhận lênh đênh trên biển cả.

Mãi 15 ngày sau, lực lượng bảo vệ bờ biển Nhật Bản mới được một tàu đánh cá ở biển Đông thông báo về việc cứu một chiếc xuồng nhỏ giữa biển khơi. Cụ Ikari khi đó đã kiệt sức vì mất nước, da cháy sém vì cháy nắng nóng. Sau này cụ Ikari kể lại, suốt thời gian đó cụ hầu như không hề nhắm mắt vì biển động, sóng dồi liên tục.

Chiếc xuồng của cụ xuất phát từ đảo Armami – Oshima, cách Thủ đô Tokyo về phía tây nam khoảng 1.000km và trôi dạt khoảng 300km so với địa điểm xuất phát.

***Nghị lực của một sinh viên khiếm thị***

"Cô ấy có thể chào đúng tên thầy giáo của mình chỉ qua tiếng bước chân"– Câu nói quả quyết của Thạc sĩ Tống Văn Chung – giảng viên Khoa học xã hội đã thôi thúc tôi đến giảng đường 4, nhà H, Trường Đại học KHXH & NV để gặp chị: sinh viên khiếm thị Đinh Việt Anh đang học lớp tại chức K44 bộ môn Khoa học quản lí.

Tôi đã học cùng chị hai tiếng đồng hồ cho đến khi lớp tan học. Suốt hai giờ ngồi trên lớp, tiếng máy chữ nổi Brai vẫn đều đều gõ nhịp... Việt Anh có khuôn mặt sáng, vẻ thông minh lộ rõ qua vầng trán. Đôi tay chị khéo léo lạ thường, đan thoăn thoắt trên 7 phím của chiếc máy chữ nổi cũ kĩ. Trời cho chị một cảm quan tinh tế lạ thường...

Bài học hôm ấy thầy giảng về vấn đề tệ nạn xã hội. Cuối buổi học tôi mạn phép xin hỏi chị một số vấn đề về giải quyết tệ nạn xã hội và thật đáng kính nể khi chị trả lời rõ ràng, chính xác và có những lí giải sâu sắc mà không phải suy nghĩ quá lâu. Câu trả lời ấy làm tôi nghĩ đến những bài kiểm tra của chị, những bài kiểm tra làm cùng đề, cùng thời gian với mọi sinh viên trong lớp, chỉ khác là nó được viết bằng cách đánh máy chữ thường. Tôi hiểu vì sao ở đó có những điểm 10.

Con đường về đến Trung tâm phục hồi chức năng Hội Người mù Hà Nội (phố Trung Kính, Trung Hoà, Cầu Giấy) dài chưa đầy 5km, và cũng vì khoảng cách khá xa ấy mà chị không thể đi học đủ năm ngày trong tuần. Chị nói: "Mắt mình đã không nhìn thấy gì, mọi kiến thức đều nghe từ lời thầy giảng, mình rất muốn được lên lớp đủ buổi để nghe bài được hoàn chỉnh, nhưng một buổi đi học mất 9.000 đồng tiền xe ôm, số tiền gần hai trăm ngàn đồng một tháng tiền xe ôm lớn quá nên mình chỉ có thể đi học 2 – 3 buổi trong một tuần thôi".

Chị phân trần: "Mình nhờ bạn bè đọc hộ sách để ghi vào băng, nhưng vì băng mình mua không đủ nên đành phải xoá băng cũ, ghi đi ghi lại nhiều lần nên nó cũng hơi khó nghe. Nhưng nghe mãi cũng quen, giờ thì mình chả thấy tiếng ồn đâu nữa mà chỉ thấy như từng trang sách hiện ra trong đầu".

***Vật lộn với bóng tối tìm mặt trời tri thức***

Việt Anh sinh năm 1978, trong một gia đình viên chức nghèo của vùng quê Kì Anh, Hà Tĩnh. Khi cất tiếng khóc chào đời, Việt Anh cũng như bao đứa trẻ khác với đôi mắt to đen tròn. Nhưng rồi ở tuổi lên 3, căn bệnh viêm giác mạc quái ác đã làm cho đôi mắt trong sáng của Việt Anh ngày càng mờ đi. Lên 6 tuổi, Đinh Việt Anh nằng nặc đòi bố mẹ cho đi học như bao bạn bè cùng lứa, chỉ khác là cuốn vở của cô bé hằn lên những dòng kẻ thật đậm để nhìn cho rõ. Đến lớp 9 thì Việt Anh không còn nhìn thấy gì nữa, bố mẹ chị đã dùng số tiền dành dụm được để mổ ghép giác mạc cho đứa con ham học. Sau khi mổ, trước mắt chị là khoảng sáng mờ mờ. Chị lại tiếp tục đến trường với những dòng kẻ đậm hơn. Nhưng thần bóng đêm không buông tha, mọi hi vọng đều bị dập tắt khi chị học đến lớp 10, xung quanh chị chỉ là màu đen dày đặc... "Xung quanh mình là bóng tối, khi học mình như thấy lại được ánh sáng. Học là niềm vui là là lẽ sống

của mình". Với động lực ấy, chị đã học và học không biết mệt mỏi. Không đọc được sách, chị nhờ bố mẹ, bạn bè đọc cho nghe. Lên lớp ngồi bàn đầu, chị tập trung hết sức lực vào đôi tai để nghe và ghi nhớ. Học phổ thông chị say mê khoa học tự nhiên và rất yêu văn học, chị đã từng thi học sinh giỏi toán, lí rồi văn cấp trường, cấp huyện.

Hết cấp 3, chị đăng kí thi vào một trường đại học nhưng không đâu nhận. Đúng lúc đó Viện Đại học mở cùng với Đài Tiếng nói Việt Nam khai giảng một lớp đào tạo từ xa chuyên ngành Quản trị kinh doanh, và chị đã đăng kí theo học. Đây cũng là thời gian chị làm quen với chiếc máy chữ nổi Brai, chị thường xuyên ghi chép những điều nghe được, ngoài ra chị còn làm thơ, viết chuyện ngắn, tạp văn. Sau một thời gian dài theo học lớp đào tạo từ xa, vì một số lí do, lớp đào tạo của Viện phải tạm dừng. Việt Anh được giới thiệu ra Trung tâm phục hồi chức năng Hội Người mù Hà Nội. Tại đây, sau một thời gian học, chị đã trở thành giáo viên giảng dạy cho những người cùng cảnh ngộ. Bằng tinh thần vượt khó, cô giáo Đinh Việt Anh đã trở thành tấm gương sáng cho các học sinh noi theo.

Vừa làm việc tại trung tâm, chị còn thi vào lớp tại chức Quản lí xã hội. Gần như bốn năm học chị đều đứng đầu lớp. Đầu năm 2003, Việt Anh lại tiếp tục học để lấy thêm một bằng tiếng Anh hệ đào tạo từ xa của Viện Đại học mở. Kết thúc kì thi đầu tiên, chị đứng thứ hai lớp với số điểm 9,0; 8,0; 8,0; 8,0 cho bốn kĩ năng nghe, nói, đọc, viết.

Cuối câu chuyện tôi nhắc lại câu nói của thầy Chung về khả năng "nghe được tiếng chân thầy" của chị, chị cười: "Khi lên lớp mình cố gắng tập trung để nghe thầy cô giảng bài ngay từ lúc thầy cô bước vào lớp, lâu mãi rồi quen cả tiếng bước chân, có một số thầy cô để lại cho mình ấn tượng đặc biệt và mình nhận ra các thầy, các cô. Khi các thầy, các cô đến gần, lúc ấy mình không nhìn thấy gì nhưng như có một cái gì quen lắm và trong tim mình mách bảo đó là thầy cô của mình.

***Ước mơ của một sinh viên mù***

Với một mong ước hoà nhập vào cuộc sống, chị đã học tập không ngừng. Khi tôi hỏi về ước mơ của chị? Cũng như bao sinh viên năm cuối khác, chị mong ước ra trường có thể tìm được việc làm trong cơ quan Hội Người mù Việt Nam, mang những kiến thức mình học được ra phục vụ những người cùng cảnh ngộ với mình. Rồi giọng chị trầm xuống, nghẹn ngào: "Mình cũng là một phụ nữ, mình cũng ước mong có một gia đình nhỏ, dù biết sẽ còn rất nhiều khó khăn ở phía trước".

Tôi đã đem đến cho chị một quyển sách về tinh hoa quản lí và đọc cho chị nghe vài chương trong đó. Chị vui mừng đi từng phòng gọi tên các anh, các chị cùng học sang nghe tôi đọc. Họ chăm chú nghe, không một tiếng động, tiếng chiếc đài ghi âm vẫn chạy rè rè. Sau đó, tôi được biết một tin vui, chị đã có người yêu, anh cũng là một người bị mờ mắt và cùng làm ở Trung tâm, anh chị yêu nhau được hơn một năm, họ sắp làm đám cưới. Vậy là ước mơ của chị đã sắp thành hiện thực.

*Nghị lực sống*

"Giàu hai con mắt, khó hai bàn tay", các cụ bảo thế! Khó thì phải gắng, đó là lời bộc bạch của anh Lê Đình Phê ở khu 4 thị trấn Phú Túc – KrôngPa. Tôi đồng ý với anh, bởi mặc dù anh không còn hai chân lành lặn như người bình thường nhưng hằng ngày anh vẫn lết người sửa xe đạp kiếm sống bằng những đồng tiền chính đáng.

Lê Đình Phê sinh năm 1966 tại Ayun Pa, là con trai cả trong một gia đình có tới sáu anh em. học hết THPT, anh làm công nhân Xí nghiệp ô tô vận tải số 1 Gia Lai từ năm 1986 đến 1989. Đến năm 1990, anh lấy chị Nguyễn Thị Lan người cùng quê làm vợ. Cuộc sống hai vợ chồng đầm ấm bên nhau trong những chuỗi ngày hạnh phúc. Năm 1992, con gái đầu của anh chị ra đời, anh chị đặt tên cho cháu là Lê Thị Thanh Hương. Hai năm sau, cậu con trai Lê Đình Phương có tên trong sổ hộ khẩu của gia đình. Mọi người ai cũng mừng cho anh chị. Thế nhưng, mọi chuyện ở đời nhiều khi bất ngờ. Năm 1995, tai hoạ giáng xuống đầu tổ ấm hạnh phúc của gia đình anh Phê. Tại bệnh viện Quy Nhơn, bác sĩ chẩn đoán anh bị viêm tắc động mạch, và thế là cái chân bên trái của anh buộc phải rời khỏi thân thể. Thế rồi vết thương ở đùi trái vừa lành sẹo thì đến năm 1998, cũng tại Bệnh viện Quy Nhơn, chân phải của anh tiếp tục phải cắt bỏ. Anh nghĩ rằng mình sẽ là gánh nặng cho vợ con và gia đình suốt đời. Kinh tế gia đình lại càng kiệt quệ sau lần chữa bệnh này. Thế rồi khi vết sẹo vừa ăn da non, anh đã nằng nặc đòi gia đình phải mở tiệm sửa xe đạp để phụ giúp vợ con, loay hoay vay trong họ được hai triệu đồng, anh đã sắm đủ dụng cụ để sửa chữa xe đạp. Và thế là một cuộc sống mới lại bắt đầu. Những ngày đầu làm nghề thật là vất vả, anh cứ phải lết người, vặn lưng để vá xe, bơm hơi, tăng vành, có lúc các vết sẹo cũ lại trầy ra chảy máu, mọi người trong gia đình can ngăn nhưng anh quyết tâm phải làm và lâu dần thành quen. Đến nay, anh đã thành thợ lành nghề. Mỗi ngày anh cũng kiếm được 15 đến 20 nghìn đồng để phụ giúp vợ con.

Anh tâm sự: "Làm vậy thôi chứ có khi chẳng đủ tiền thuốc thang, có ngày nhiều, mình phải dùng hết 90 nghìn đồng". "Thế lấy tiền đâu ra bù vào chỗ đó?"

Tôi hỏi, "Thì bà xã cũng đảm, ngoài việc chăm lo cho con cái, bả còn buôn bán lặt vặt... tất cả đều phải cố chứ biết làm sao bây giờ" anh phân trần. Căn nhà gỗ lợp tôn nơi gia đình anh Phê đang ở chỉ rộng 36 mét vuông. Một nửa mặt trước được ngăn ra làm tiệm sửa xe, nửa phía sau dùng làm nơi sinh hoạt của gia đình. Cuộc sống của anh chị và các con khá vất vả nhưng gia đình vẫn giữ được ấm êm, hạnh phúc.

"Nếu cân số thuốc ảnh dùng trong vòng một năm thì nặng gấp mấy lần ảnh đấy, bây giờ ảnh còn khoảng hơn 30 kí lô". Chị Lân nói với vào khi tôi hỏi anh về số thuốc anh đang phải dùng trong ngày. Tôi chuyển hướng sang thăm dò ý chị: Khi anh bị bệnh tật thế này, mọi việc nặng nhọc trong gia đình đặt hết lên vai người vợ, chị nghĩ gì? "Tôi chẳng nghĩ gì, trước đây mình yêu ảnh, lấy ảnh, ảnh cũng như mọi người bình thường và còn khá đẹp trai nữa, bây giờ không may ảnh bị vậy có ai muốn đâu. Cho nên tôi càng thương ảnh hơn và cố gắng làm tròn bổn phận của người vợ, người mẹ trong gia đình để ảnh bớt buồn..." Mọi người trong gia đình anh Phê đều đang rất cố gắng, cháu gái lớn năm nay lên lớp tám trường Nguyễn Bỉnh Khiêm – Krông Pa, cháu trai năm nay lên lớp năm trường Phú Túc I. Cả hai cháu đều chăm ngoan. Khi tôi cùng anh đang nói chuyện thì bác Lê Đình Mười, cha đẻ của anh vừa đi làm về ghé qua tiệm sửa xe của anh. Bác bảo: "Khi Phê không may mắc bệnh hiểm nghèo, tôi nghĩ có lẽ sẽ phải nuôi nó suốt đời, thế nhưng không ngờ nó đã tự lập kiếm sống mà còn giữ được sợi dây hạnh phúc trong gia đình". Tôi hỏi: "Hiện nay, anh Phê mong điều gì nhất?" Anh bảo: "Muốn cho mọi người trong gia đình mạnh khoẻ, con cái học hành tiến bộ và cả hai vợ chồng cố gắng gom góp để mua một chiếc xe ba bánh đi lại đỡ vất vả". Anh lại nói: mong thì như thế, nhưng để mua được chiếc xe ba bánh mà cứ với mức thu nhập như hiện nay của hai vợ chồng thì chẳng biết đến khi nào mới gom đủ tiền.

Hiện nay, mỗi tháng anh được Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội huyện Krông Pa hỗ trợ 45 nghìn đồng, lần đầu tiên anh được nhận số tiền này vào đầu tháng 7/2003. Chia tay anh, một người giàu nghị lực, tôi có một mong ước nhỏ, tiệm sửa xe của anh luôn có khách để một ngày nào đó giấc mơ của anh trở thành hiện thực. Nghị lực sống và làm việc nơi anh thật đáng quý, đáng trân trọng biết bao?!...

***Liệt toàn thân vẫn sáng tạo phần mềm tin học***

Từ cái ngày định mệnh ấy cho đến nay, mỗi ngày sống đối với Hồng Cường là một ngày đấu tranh để vượt lên giành giật sự sống của chính mình. Sinh năm 1977, trong một gia đình có truyền thống hiếu học ở Nghệ An. Vốn đã thông minh

lại được gia đình dạy dỗ chu đáo cho nên từ nhỏ Cường học rất giỏi. Thời phổ thông, anh luôn là học sinh đứng đầu của lớp chuyên Toán của Trường Đại học Sư phạm Vinh. Năm lớp 12, Cường đoạt giải khuyến khích trong cuộc thi học sinh giỏi Toán toàn quốc. Đi thi đại học, Cường đậu cả ba trường đại học: Khoa học tự nhiên, Luật, Kinh tế. Nhưng với niềm say mê tin học từ bé, Cường đã quyết định chọn khoa Toán – Tin trường Đại học Khoa học tự nhiên (Đại học Quốc gia Hà Nội). Do có điểm thi vào cao nên Cường được chọn vào lớp bồi dưỡng để thi lấy học bổng du học ở Pháp. Tương lai đang rộng mở phía trước thì tai nạn bất ngờ ập xuống làm Cường bị liệt toàn thân. Đã không ít lần Cường chán nản, thậm chí có ý định tự tử. Bố mẹ, bạn bè phải thay phiên nhau động viên săn sóc mới làm Cường bình tâm trở lại và rồi cuối cùng người thanh niên đầy nghị lực ấy đã quyết định ngồi dậy để sống có ích. Anh tâm sự: "Lúc đầu mình rất tuyệt vọng, nhưng nghĩ lại dù sao vẫn còn sống và phải làm được điều gì đó có ích cho mình, cho mọi người".

Mặc dù đã trở thành người tàn tật không đi lại được, chân tay hầu như mất cảm giác chỉ có thể cử động được ở cổ tay và khuỷu tay bên trái, nhưng niềm khát khao học tập và cống hiến trong Cường vẫn còn mãnh liệt. Anh đã được một bác sĩ người Hà Lan tạo cho một chiếc kẹp bằng sắt gắn vào ngón tay trỏ. Chiếc kẹp này có thể giúp "mổ cò" trên bàn phím. Thời còn học đại dù Cường học khoa Toán – Tin nhưng chưa một lần sờ đến máy tính. Bây giờ học lập trình Cường không khỏi bỡ ngỡ. Nhưng đã quyết tâm thì phải làm cho đến cùng. Cường nhờ bố mẹ, bạn bè mua cho những quyển sách về tin học và lập trình tin học. Cứ thế, ngày đêm Cường miệt mài nghiên cứu. Học thì vẫn đi đôi với hành, Cường lại xin bố mẹ mua cho một cái máy vi tính. Trong căn phòng của riêng mình, Cường ngồi trên xe lăn trước mặt là máy tính, hai tay được treo lên nhờ ba sợi dây cứ thế đu đưa, thi thoảng cái kẹp sắt ở tay trái lại bổ xuống bàn phím. Mới đầu thì ngượng lắm nhưng lâu dần thành quen. Bây giờ Cường có thể đánh máy nhanh không kém người bình thường. Từ đó, hằng ngày anh luôn mày mò, truy cập vào các trang thông tin để tìm kiếm những tài liệu về tin học.

Sau mấy năm miệt mài học tập, Cường đã cho ra đời những sản phẩm phần mềm đầu tiên. Tuy nhiên sản phẩm đó chỉ là một công đoạn rất nhỏ trong các chương trình mà bạn bè anh ở Hà Nội gửi nhờ làm nốt. Trong đó có một số phần mềm về buôn bán bất động sản và các phần mềm khác của một số công ti Thuỵ Điển. Có phần mềm khách hàng trả công hàng trăm USD để hoàn thiện trong thời gian một tháng, nhưng Cường chỉ làm trong một tuần là xong, trước sự khâm phục của khách hàng.

Làm gia công phần mềm thuê mãi rồi cũng thấy nhàm chán. Cường nghĩ cần phải có một sản phẩm cho riêng mình. Nhưng sản phẩm gì mới được cơ chứ? Đang vất vả suy nghĩ thì cuộc viếng thăm bất kì của một người bà con đã mở ra cho anh một ý tưởng. Số là hồi đó Sở Giáo dục và Đào tạo Nghệ An có mua một phần mềm xếp thời khoá biểu về định áp dụng cho các trường phổ thông toàn tỉnh. Ông dượng của Cường vốn là một phó hiệu trưởng một trường huyện vùng cao được triệu tập về Vinh để tập huấn. Tuy nhiên phần mềm xếp thời khoá biểu này lại rất khó sử dụng. Ông bèn đem chuyện đó kể cho Cường. Ngay lập tức Cường nảy ra ý định làm một phần mềm xếp thời khoá biểu của riêng mình. Sau hơn một năm miệt mài vừa học vừa làm, mùa hè năm 2000, phiên bản Smatr Scheduler 1.0 ra đời. Trước đó bản demo của phần mềm này đã được trao giải khuyến khích tại cuộc thi *"Trí tuệ Việt Nam 2001"*.

Phần mềm xếp thời khoá biểu thông minh đã ra đời. Việc phải làm bây giờ là đưa nó vào ứng dụng tại các trường THCS, THPT. Cường nghĩ ngay đến mái trường trước kia mình từng học, đó là trường THCS Quang Trung. Tại đây Cường đã được thầy Cẩn, một giáo viên cũ nhiệt tình giúp đỡ để phần mềm Smatr Scheduler được áp dụng. Lần chạy thử đầu tiên thành công ngoài sức tưởng tượng, tuy nhiên nó vẫn còn những khuyết điểm. Cường lại miệt mài sáng tạo, cuối năm 2002, phiên bản Smatr Scheduler 2.0 rồi 2.1 ra đời với sự vượt trội về các tính năng so với nhiều phần mềm xếp thời khoá biểu khác. Nếu như ở các phần mềm xếp thời khoá biểu khác chỉ có thể tự động sắp xếp 80 đến 90% thời khoá biểu thì phần mềm của Cường có thể tự động sắp xếp 100% thời khoá biểu. Hơn nữa, đây là một phần mềm mà giao diện của nó đã được Việt hoá hoàn toàn rất dễ sử dụng. Hiện nay hầu hết các trường THCS, THPT tại Thành phố Vinh đều đã nhận được phiên bản Smatr Scheduler 2.1 để chạy thử. Riêng trường chuyên THPT Phan Bội Châu đã bỏ tiền mua phần mềm này để áp dụng xếp thời khoá biểu cho chương trình. Tiếng lành đồn xa, một số trường học tại Đắk Lắk, Đồng Nai cũng liên hệ với Cường để hỏi mua sản phẩm này. Hiện tại Công ti CTSoft (TP. Hồ Chí Minh) đã đứng ra nhận làm đại diện phân phối phần mềm này.

***"Người Chim" lập kì tích mới***

Suốt khoảng thời gian 10 phút "bay lượn tốc độ cao" từ Anh qua Pháp, Felix Baumgartner (43 tuổi) cho biết anh có cảm giác như một con chim thật vậy. Ngày 31/7 vừa qua, tay chơi mạo hiểm gốc Áo ấy trở thành người đầu tiên bay ngang kênh nước Anh, chỉ mặc một bộ đồ thiết kế đặc biệt và một bộ phận "cánh bay" dài 1,8m.

Sau chuyến bay lượn diễn ra vào sáng sớm (để tránh gặp phải các máy bay thương mại, anh Baumgartner phấn chấn nói: "Tôi đã bay suốt vùng trời rộng như vậy mà chỉ cần cái máy bay nhỏ xíu, thật tuyệt không thể tưởng!"). Từ máy bay ở độ cao 9.000m bên trên cảng Dover (Anh), Baumgartner nhảy ra, hướng về nước pháp. Đến toạ độ cảng Calais (Pháp), anh bắt đầu bung dù. Đạt tốc độ tối đa 200 km/giờ trên đường bay khoảng 35km ấy, Baumgartner mặc bộ đồ khí động lực học để bảo vệ cơ thể khỏi cái lạnh tột độ.

"Người chim" Felix Baumgartner gọi đây là sứ mệnh Icarus 2. Icarus là tên nhà mạo hiểm huyền thoại đầu tiên bỏ mạng vì bay quá gần mặt trời khiến sáp hàn cứng 2 cánh bay lại với nhau bị tan chảy. Thành công hơn người tiền bối, Felix Baumgartner cho biết, anh bắt đầu chơi nhảy dù từ thuở thiếu niên, trước khi dấn thân vào môn thể thao cực khó mang tên "Nhảy Base". Người nhảy Base phải sành cả bốn môn nhảy dù từ toà nhà cao tầng, tháp Apphen, cầu và dốc đá hiểm trở nếu muốn gia nhập Câu lạc bộ Nhảy Base ấy.

Hẳn bạn chưa quên Felix Baumgartner, vì mới năm 1999, anh lập kỉ lục thế giới về các cú nhảy tử thần cao nhất và thấp nhất, nhảy xuống từ tháp đôi Petronas ở Kuala Lumpur (Malaysia) và tượng chúa Christ ở Rio de Janeiro (Braxin).

***Đoàn Nữ Trúc Vân – Cô gái nhỏ với nghị lực lớn***

Gặp cô gái nhỏ bé, trắng trẻo quê ở vùng bán sơn địa Ninh Sim, Dục Mĩ, huyện Ninh Hoà, Khánh Hoà này, không ai có thể nghĩ chị có thể là nhà vô địch Seagames ở một cự li chạy đòi hỏi sức bền và sự chịu đựng khủng khiếp trong luyện tập và thi đấu này. Dù đã 22 tuổi, nhưng Đoàn Nữ Trúc Vân trông như một cô học trò phổ thông cơ sở. Nhưng đã ba năm nay, Vân gần như không có đối thủ ở cự li chạy đường trường 5.00m và 1.000m tại các giải vô địch quốc gia. Tại Seagames 21, Vân cũng đã đoạt 2 huy chương đồng ở cả hai cự li này. Tuy vậy, thành tích của Vân kém xa các huy chương vàng, huy chương bạc Seagames nên vào Seagame 22, mọi người chỉ hi vọng cô sẽ giữ được thành tích hay cố gắng lắm thì có thể vươn lên huy chương bạc, không ai nghĩ Vân có thể đoạt được ngôi cao nhất bởi ở các cự li của chị, nhà Vô địch châu Á Supriati Sutono vẫn đang ngự trị đường chạy với phong độ rất cao. Nhưng trong buổi chiều lịch sử của điền kinh Việt Nam, 8/12/2003, trong mưa lạnh và giá rét, sau những chiến thắng làm ngất ngây hạnh phúc hơn hai vạn khán giả nhà của Nguyễn Thị Tĩnh, Lan Anh... tất cả mọi người, kể cả các HLV và đồng đội của Đoàn Nữ Trúc Vân như không tin vào mắt mình khi thấy Vân bắt tốc độ ở những trăm mét cuối, vượt qua nhà vô địch châu Á, băng băng về đích một mình với thành tích kì diệu 34 phút 48 giây 28, vượt xa thành tích trong tập luyện

hằng ngày của chị. Hai ngày sau, trong hoàn cảnh thân cô thế cô trong thế bao vây, ngăn chặn của các vận động viên Inđônêxia và Myanmar, Vân vẫn giữ được chiếc huy chương đồng Seagames ở cự li 5.000m truyền thống. Sau chiến thắng gây chấn động của Đoàn Nữ Trúc Vân, các HLV Trần Vĩnh Lộc và Bùi Lương vừa bất ngờ vừa không bất ngờ với những người thầy trực tiếp của chị, như hai ông. Bởi trong những năm chỉ bảo hướng dẫn cô vận động viên ít nói hay cười này, họ cảm nhận được những khả năng tiềm ẩn của cô gái nhỏ bé nhưng có sức bền kì lạ và nghị lực phi thường này. Đoàn Nữ Trúc Vân đã lặng lẽ chuẩn bị cho chiến thắng lừng lẫy của mình bằng sự kiên nhẫn, nghiêm túc hiếm thấy trong tập luyện. Trong hai năm ròng rã từ sau Seagames 21, hàng ngày chị tiếp nhận rất nhẹ nhàng một khối lượng vận động đến 18 – 20km. Đặc biệt trong những ngày tháng ém quân tập luyện tại vùng núi Vân Nam, Trung Quốc, trước Seagames 22, Vân đã tranh thủ từng ngày từng giờ để tập luyện hăng say đến mức làm các HLV của chị cũng phải kinh ngạc. Chính mồ hôi và sự khổ luyện đã tạo nên những giây phút thăng hoa tuyệt vời trên đường chạy của Đoàn Nữ Trúc Vân tại Seagames 22.

Hiện nay, Đoàn Nữ Trúc Vân đã về lại thành phố biển Nha Trang quê hương với những đồng đội Khánh Đoan, Phan Thu Lan, Nguyễn Đăng Đức Bảo. Hàng ngày, từ tờ mờ sáng, người dân Nha Trang lại gặp những bước chạy kiên nhẫn của chị trên đường Trần Phú hay trên đoạn đèo Rù Rì. Nhà vô địch Seagames 22, đã bắt đầu chiến dịch bảo vệ tấm huy chương vàng tại Seagames 23, một Seagames hứa hẹn nhiều khó khăn cho điền kinh Việt Nam.

**Những thói quen kì lạ của một số danh nhân thế giới**

Người ta kể lại rằng, nhà bác học Pasteur người Pháp (1822 – 1895), từ khi mắc bệnh liệt nửa người thì càng thông minh và phát minh ra nhiều điều hay. Ông đã tìm ra thuốc chữa bệnh dại để cứu nhân loại, và thuốc chữa nhiều bệnh truyền nhiễm khác.

Cũng phải kể đến nhiều nhân tài, không mắc bệnh gì nhưng lại có những thói quen kì lạ.

***Về tư thế khi nghiên cứu hoặc sáng tác***

*Schiller,* nhà viết kịch người Đức (1759 – 1805), khi sáng tác phải đặt cả hai chân vào một chậu nước lạnh. Hình như chân lạnh làm cho đầu óc ông tỉnh táo hơn.

*Châteaubriand,* nhà văn Pháp (1768 – 1848), cũng có thói quen tương tự. Ông phải đặt hai chân lên nền gạch mát lạnh thì sáng tác mới khoẻ.

*Milton,* nhà thơ Anh (1608 – 1674), khi ngồi đầu phải tựa vào thành ghế, mặt ngửa lên trần thì mới có tứ thơ.

*Jules Favre,* luật sư nổi tiếng của Pháp (1809 – 1880), chuyên cãi những vụ án lớn, trước khi bào chữa cho thân chủ, ông phải quỳ xuống mới tìm ra đủ lí lẽ hay. Hình như quỳ xuống để tưởng tượng mình là bị cáo thì sức phản kháng mới trỗi dậy mãnh liệt.

*Rousseau* (1712 – 1778), nhà thơ và nhà tư tưởng lớn của Pháp, thường để đầu trần, đi dạo trong vườn đầy nắng. Ông không tìm được hứng thú sáng tác vào ban đêm hoặc những ngày mưa.

*Goethe* (1749 – 1832), nhà văn lớn của Đức, ông thường đi ở trong phòng hoặc ở trong sân, tay cầm cuốn sổ. Khi nảy ra một ý hay, ông ghi vào sổ rồi lại tiếp tục đi.

*Corneille* (1606 – 1684), nhà sử học nổi tiếng của Pháp, lại có thói quen khác mọi người. Ông ngồi trong phòng, đóng kín cửa và thắp nến lên mới viết được.

***Về y phục khi sáng tác***

*Bossuet* (1627 – 1704) nhà văn và nhà tư tưởng Pháp, trước khi ngồi vào ghế để viết thường phải quấn xung quanh đầu tấm khăn dài. Có như vậy thì đầu óc mới chịu làm việc.

*Buffon* (1707 – 1788), nhà văn và nhà tự nhiên học của Pháp, trước khi viết phải mặc một bộ quần áo thật đẹp như khi tiếp một khách quý và không quên đeo một thanh kiếm bên cạnh sườn như một hiệp sĩ.

***Về mùi vị và âm thanh***

*Beaudelaire* (1821 – 1867), nhà thơ Pháp, phải luôn luôn ngửi mùi nước hoa để kích thích hứng thú khi viết.

*Gauthier* (1811 – 1872), nhà lí luận văn học của Pháp, lại có thói quen đốt trầm cho toả khắp phòng thì mới viết được.

*Byron* (1788 – 1824), nhà thơ Anh, lại thích ngửi mùi nấm.

*Turgot* (1727 – 1781), nhà kinh tế học nổi tiếng của Pháp, chỉ viết được sau bữa ăn thật no.

*Fénimore Cooper* (1789 – 1851), nhà văn Mĩ, lại thích nhai cam thảo trong miệng.

*Lalande* (1732 – 1807), nhà thiên văn học Pháp, khi ngồi nghiên cứu không bao giờ rời các hộp bên trong những con nhện đã rang chín. Ông nhai liên tục khi làm việc.

*Darwin* (1809 – 1882), nhà sinh vật học nổi tiếng người Anh và Bourdaloue (1632 – 1704), nhà xã hội học người Pháp, lại thích nghe những tiếng đàn trầm bổng du dương mới tạo được hứng khi viết.

**Thói quen, tật lạ của những tài năng**

Nhiều người sinh ra với những thói quen, tật lạ không sao hiểu và sửa nổi. Điều đó cũng không ngoại lệ với những người xuất chúng, với các vĩ nhân. Hình như với họ, nết "xấu" đó càng làm họ đáng yêu thêm và nổi tiếng. Trước hết, xin kể một số trường hợp của các nhà văn lớn cùng đôi nét về đời tư của họ.

*Alếchxăng Duyma* văn hào lớn của nước Pháp thế kỉ XIX có thói quen ngày nào cũng tự bắt buộc mình phải viết một số trang dù nhiều, dù ít. Bất kể trong hoàn cảnh nào và đặc biệt đã viết là phải viết hết trang, tuyệt đối không bỏ thừa giấy... Với thói quen ấy đồng thời cũng là kỉ luật lao động sáng tạo tự giác khi ông viết xong dòng cuối cùng của tiểu thuyết nổi tiếng "*Ba chàng ngự lâm pháo thủ*" thì tờ bản thảo chưa kín chữ còn thừa tới một nửa. Lập tức Duyma viết tiếp luôn vào nửa trang giấy những dòng đầu của cuốn tiểu thuyết sau này cũng nổi tiếng "*Bá tước Mông Crit Xtôi*".

Văn nghệ Quân đội
2/1984, trang 41

– *Văn hào nga Lev Tolstoi* thường viết lúc về sáng. Ông cho rằng trong mỗi nhà văn có một nhà phê bình riêng của mình. Nhà phê bình đó bao giờ cũng nghiêm khắc về buổi sáng. Ban đêm, anh ta ngủ nên nhà văn tha hồ viết lung tung, viết những cái thừa. Ông viết không kịp với ý tưởng nên viết thảo chữ rất khó đọc đến nỗi nhiều lúc ông không đọc nổi bản thảo của ông. Chỉ có cô con gái Tania là quen đọc chữ ông. Sáng, khi bố đã đi ngủ, cô thu dọn bản thảo đưa đi đánh máy. Sau khi văn hào mất, một Uỷ ban văn học Tolstoi được thành lập để thu thập tất thảy tác phẩm và di cảo của ông soạn ra toàn tập trong đó có những chuyên gia được chọn để đọc và "giải mã" chữ viết của ông.

– *Gustave Flaubert,* tác giả "*Bà bovary*", "*Salambo*" là một nhà văn đau khổ vì viết chậm đến nỗi có lúc "muốn vả vào mặt mình vì lối làm việc" chậm rì rì. Nhưng ông còn khổ hơn vì thuộc tính "nhân vật hoá" của mình mạnh đến mức, khi mô tả cái chết vì thuốc độc của Emma Bovary, ông cảm thấy như mình cũng bị ngộ độc và phải đi tìm thầy thuốc. Đó là nhà văn suốt đời dằn vặt, dượt đuổi mình để đạt tới sự hoàn mĩ, trong sáng nhất trong văn xuôi.

Flaubert sống ở Rouen, trên bờ sông Seine. Suốt đêm, ông làm việc dưới một ngọn đèn chao xanh, bên cửa sổ nhìn ra sông. Ngọn đèn chỉ tắt khi trời sắp sáng. Những đêm tối trời, cửa sổ nhà ông trở thành ngọn hải đăng cho dân chài và cho cả thuyền trưởng những con tàu biển ngược dòng từ Le Havre vào Rouen qua khúc sông này "trước nhà ông Flaubert".

– *Arkadi Gaidar* (Nga) chuyên viết truyện thiếu nhi có thói quen đi đi lại lại trong nhà, trong vườn vừa lẩm nhẩm câu văn một mình rồi ghi lại. Hễ cảm thấy câu văn hay là cố đi gặp một bạn văn khác đọc cho nghe, không thế không chịu được. Một lần, ông cùng nhà văn Pauxtovski ở gần nhau, cùng sáng tác. Sau khi viết xong cuốn "*Số phận chú bé đánh trống*" chỉ trong hai tuần lễ (!), Gaidar đến tìm bạn – trong khi ông này cũng đang mải mê viết – đề nghị bạn nghe ông đọc cuốn truyện vừa xong. "Thế bản thảo đâu? – Tớ cần gì bản thảo! nó đang nằm nghỉ trên bàn." Rồi Gaidar đọc thuộc lòng một mạch tập truyện từ câu đầu đến câu cuối. Về sau, so lại bản thảo, Pouxtovski càng kinh ngạc vì Gaidar có nhầm một vài chỗ nhưng là những chỗ không có gì quan trọng.

– *Nhà văn Konstantin Fêđin* (Nga) lúc viết "*Một mùa hè kì lạ*" ở trọ trong một ngôi nhà tồi tàn cạnh bờ biển Gagrui. Nhà trống hoác, cửa không khoá, những con chó hoang đến ngủ ngay dưới bậu cửa ngôi nhà và lợi dụng lúc ông đi vắng, chui vào nhà, có con leo lên ngủ giường trên. Lúc về nhà, ông phải bước dò dẫm, sợ dẫm phải chó, rồi tìm mọi cách đuổi chúng đi để... viết. Ông viết vào bất cứ giờ nào, viết trong tiếng rền rĩ của lũ chó đòi được vào gian nhà ấm áp, trong tiếng sóng gầm gào suốt đêm ngày vào mùa biển động. Chính cái tiếng động quen thuộc ấy giúp ông viết tốt tác phẩm ưu tú của mình. Ông nói: "Chính sự yên lặng mới cản trở công việc của tôi!".

– Còn *H. de Balzac* thì viết hùng hục, hối hả, nhất là sau những bữa ăn ngon. Ông viết không nghỉ tay bởi đã tính trước cho đời mình phải có trên năm mươi cuốn tiểu thuyết. Balzac lúc viết tin chắc lạ lùng ở sự sống thật của các nhân vật của ông, ở sự thật không thể chối cãi là ông đang viết về chính cuộc đời của họ. Sau đây là một câu chuyện chứng minh.

Một hôm, một nữ tu sĩ đến xin gặp ông trong lúc ông đang viết. Cô gái ngoan đạo khóc xin ông cải chính cho vì trong một truyện ngắn, ông đã viết về cô. Truyện kể rằng cô có việc được phái đến Pari rồi bị thành phố hoa lệ quyến rũ, cô bỏ nhà tu kín ở lại, trở thành một tiểu thư kiều diễm, ăn chơi. Tiêu hết tiền của nhà thờ, cô bị ném ra hè đường chỉ sau vài tháng. Ở tu viện, người ta hành hạ cô sau khi đọc truyện ngắn này và buộc cô phải đến Pari tìm ông Balzac để yêu cầu ông xoá giúp vết nhơ đó cho cô. "Xoá vết nhơ nào? – Balzac sốt ruột nói – tôi có biết cô là ai đâu? Thôi, cô đi đi và hãy sống như tôi đã viết. Nhưng đừng có mà ra hè phố nhé. Cô rất đáng yêu nhưng vì cô mà tôi đã mất đứt ba trang tác phẩm rồi đấy!". Viết với Balzac là như vậy. Vội vã, sôi nổi, thở phì phò trên trang viết của mình.

– *Christian Andersen*, nhà văn Đan Mạch kể chuyện cổ tích hay nhất thế giới, người gầy, cao lêu nghêu, nhưng lịch sự và có mũi thanh tú. Ông thích đi du lịch, nay đây mai đó, hoặc dạo chơi vẩn vơ với một trí tưởng tượng phong phú không ai sánh nổi. Nhìn thấy một chiếc lá rơi, một con kiến tha mồi, một cây nấm, một con chim gõ kiến... là lập tức những cái đó sẽ bước vào chuyện kể của ông, sinh động, có hồn, nói năng, đi lại say đắm, không phải chỉ riêng con trẻ. Andersen cao ngồng, nhút nhát và có phần xấu trai đó có lẽ vì cái duyên cớ nói chuyện hấp dẫn nên được các cô gái yêu. Một lần, từ Venise đến Verone nước Ý, ông được một thiếu phụ quý phái yêu tha thiết nhưng ông bỏ trốn vì như ông nói: trái tim ông không chứa nổi tình yêu đó. Có thể vì mối tình kia mà những truyện cổ tích của ông sẽ nhạt phai, sẽ bỏ ông mà bay đi như một đàn ong không về nữa! "Hình như tôi là người tưởng tượng ra tình yêu giỏi hơn là thực sự được hưởng tình yêu ấy!".

Một lần ở Venise, trong một khách sạn tồi chỉ có một lọ mực đã cạn. Ông dùng mực đó để viết một truyện cổ tích nhưng vì cớ phải pha thêm nước lã vào mực nên câu chuyện về cuối càng nhợt nhạt. Và cái đoạn kết hay ho của nó thì nằm lại trong lọ vì... hết mực. Truyện cổ tích đó về sau mang tên: "*Câu chuyện còn nằm dưới đáy bình mực cạn*".

– *Anton Tchékhov,* nhà văn Nga, lúc trẻ thường có thể viết bất cứ ở đâu, ngay cả trên bậc lên xuống cầu thang. Ông ghi chép nhiều cuốn sổ tay nhưng không hề dùng trong việc viết văn. Với ông, chúng tồn tại độc lập như một thể văn đặc biệt. Tchékhov cho rằng những gì cứ phải ghi chép mới khỏi quên là không quý bằng những gì còn lại trong trí nhớ. Trí nhớ giúp ta lọc hết cát bụi và giữ lại những vụn vàng. Ông nói một câu đại ý: vì quá ít thời gian và ít tiền nên phải viết dài hay quá dài một truyện có thể ngắn hơn và hay hơn. Nếu tôi có một triệu rúp, tôi sẽ viết những truyện ngắn bé bằng một bàn tay! Nghĩa là phải có thì giờ và sung túc để sàng lọc cho hết những gì là thừa thãi, vô ích, rửa thật sạch sẽ câu văn.

– *Guy De Maupassant,* nhà văn Pháp viết truyện ngắn xuất sắc, vào lúc tuổi 40 bị chứng bệnh tâm thần, có cảm giác như mình bị một thứ muối độc đục ruỗng. Dẫu thế, ông vẫn viết không ngừng và buồn bã nghĩ rằng mình đã phung phí bao nhiêu điều chân thành với cuộc đời mà chưa được viết ra. Một cô thợ thơ ngây và xinh đẹp đọc rất nhiều truyện ngắn của ông và đem lòng yêu ông. Nàng biết ông sống cô độc, không có vợ, muốn hiến dâng để an ủi cuộc đời ông. Nàng làm lụng, để dành tiền trong một năm để may một bộ áo váy lộng lẫy đến gặp ông. Không may, nhà văn đi vắng. Một người bạn ông – một thằng cha

bạt tử – đã nói dối nàng là Maupassant đang đi chơi với nhân tình, rồi hắn gạ nàng đi với hắn. Để trả thù, nàng hiến dâng cho thằng cha nọ và về sau trở thành một kĩ nữ nổi tiếng ăn chơi. Một năm sau đó, nhà văn biết chuyện cô gái yêu ông mà lỡ làng, đày đọa. Ông không sao viết nổi câu chuyện này vì lòng ông quằn quại và đau đớn. Không bao giờ ông gặp nàng, biết được tên nàng nên ông gọi nàng bằng đủ mọi cái tên âu yếm để cầu xin nàng tha thứ, dầu không phải lỗi tại ông!

– *Mac Twain,* nhà văn trào phúng Mĩ, viết những thiên truyện phiêu lưu cực kì lí thú như "*Cuộc phiêu lưu của Tom Sawye*". Ông có biệt tài dựa trên cơ sở những sự thật tạo ra những chuyện kể miệng rất sinh động, phong phú. Cứ mỗi lần kể, câu chuyện lại có thêm những tình tiết mới, mỗi lần một khác, mỗi lần một lí thú hơn. Có nhà phê bình máy móc buộc Mac Twain vào tội nói dối. Ông đáp: "Anh có quyền gì buộc tội nói dối hay không khi chính anh chẳng hiểu người ta nói dối thế nào và cũng cóc biết đến cách nói dối tồi nhất. Trong lĩnh vực này, anh là kẻ dốt nát và ngu ngốc nhất!".

– *Victor Hugo* thường đứng mà viết, viết xong tờ nào thì vứt xuống sàn nhà. Lúc viết xong bộ "*Những người khốn khổ*". Nhìn chồng bản thảo, chính ông đã nói: "Thật đúng là một quả núi!". Vẫn còn bao nhiêu vở kịch, tiểu thuyết, tập thơ đồ sộ. Thế nhưng, để sửa chữa một câu thơ, có lúc Hugo đã phải trăn trở suốt ba tháng. Sau cuộc đảo chính mồng hai tháng chạp 1851, ông bị lưu đầy ra đảo Jersey trên biển Manche trong 19 năm. Ở đó, ông hoàn thành ba tập thơ lớn và hai bộ truyện đồ sộ. Khi ông mất, người ta dựng tượng ông trên bờ lở, trên một bãi hoang nhìn ra đại dương, từ đó trông rõ mỏm đá nơi yên nghỉ cuối cùng của chàng thuỷ thủ Giliat, nhân vật chính trong truyện "*Những người lao động biển cả*" của ông. Đọc tác phẩm ông, ta tưởng như ông đứng trên mọi ngả đường của thế giới mà kêu lên tinh thần nổi loạn, chống tàn ác, chống cường quyền: "Hỡi các công dân, hãy nắm lấy vũ khí!".

– Và có bao nhiêu nhà văn là có bấy nhiêu thói quen kì quặc, những tật buồn cười. Nhà văn Schateauvriant, tác giả "Atala", "Kí ức sau mồ"... có thói quen lúc viết không thể ngồi yên được. Ông cứ đi đi lại lại rồi lúc lúc lại ngồi vào bàn ghi chép. Cứ vất vả thế cho hết quyển sách. Nhà văn Nga Gogol không ngồi mà chỉ đứng chôn chân viết bên một chiếc bàn mặt nghiêng. Dostolevsky buộc lòng phải viết rất nhiều và lúc nào cũng viết vội vàng vì túng thiếu và công nợ. Vì thế, ông thường nói: "Mơ ước về cuốn tiểu thuyết còn hay hơn nhiều so với việc viết ra nó". Nhà văn Nga Erenbourg, nhà thơ Pháp Béranger thường thích viết trong những quán cà phê, bất chấp sự ồn ào và người qua lại. Nhà văn Crébilon

phải đứng ở cầu thang mới viết được, thi sĩ Lordbyron khi làm thơ thì tay mân mê khuy áo như một đứa trẻ con, nữ sĩ Maintenon vừa viết vừa vuốt ve con mèo mới ra văn, còn bà Georges Sand sẽ không có cảm hứng nếu không thấy tách cà phê trước mặt...

Đó là chưa nói đến những thói quen, tật "xấu" khác của các nhạc sĩ, họa sĩ, bác học, triết gia, các chính khách, tướng lĩnh và vua chúa. Có dịp ta sẽ nhắc đến các vị vua này.

**Ý chí, nghị lực, sức khoẻ và những huyền thoại**

***Cậu bé 12 tuổi với sức khoẻ kì lạ***

Một cậu bé 12 tuổi có sức khỏe phi thường và làm được những việc mà ngay cả người lớn cũng phải bó tay như dùng tóc để kéo máy bay, nâng vật nặng, thổi vỡ bong bóng cao su... Cậu bé đó là Bruce Khlebnikov, thành phố Moscow, Nga, người được mệnh danh là cậu bé khoẻ nhất nước Nga. Bruce có thể dùng tóc kéo một chiếc máy bay chiến đấu nặng 13 tấn trên đoạn đường dài 68cm, nâng tạ nặng 230kg khi đứng thăng bằng trên thang gỗ và xé 120 xấp lịch dày liên tục trong 365 giây. Nelli Khlebnikov, mẹ của Bruce cho biết bà rất hâm mộ diễn viên võ thuật Hồng Kông Bruce Lee, do vậy khi cậu bé ra đời, bà đặt tên con là Bruce Khlebnikov. Không ngờ khi lớn lên, tuy không phải là người học võ như Bruce Lee, nhưng bù lại cậu bé lại có một sức khoẻ phi thường đến kinh ngạc, 4 tuổi, mẹ của Bruce đã đưa cậu bé đến đăng kí học một lớp Karatedo. Mỗi ngày cậu bé bỏ ra một tiếng rưỡi để học võ. 5 tuổi, Bruce đã có thể bước bằng chân trần trên các mảnh thuỷ tinh vỡ và đinh sắc nhọn, điều mà chỉ các nhà Yoga chuyên nghiệp mới làm được. Cậu đã được ghi tên vào cuốn sách các Kỉ lục Guinness với danh hiệu Cậu bé khoẻ nhất hành tinh.

***Người phụ nữ dũng cảm nhất hành tinh***

Chị Laurence, 39 tuổi người Pháp sau chiến công một mình chinh phục Nam Cực đã được tôn vinh là người phụ nữ dũng cảm nhất hành tinh. Đã từ lâu Laurence de La Ferrière là một vận động viên leo núi. Nung nấu ý chí mãnh liệt phải chinh phục được vùng băng giá Nam Cực, chị đã khăn gói lên đường. Ai cũng cho rằng đây là một hành động hết sức điên rồ, vì từ xưa đến nay không ai lại đi bộ một mình vượt hàng nghìn cây số để đến mỏm Nam của quả địa cầu, kể cả những đấng nam nhi. Khởi hành ngày 26/11/1996, chị Laurence đã "thân gái dặm trường", một mình kéo theo một chiếc xe trượt đựng 140kg hành lí, đi suốt một quãng đường dài 1.000km. Trên suốt dọc đường đi, chị đã luôn phải đối chọi với những điều kiện sống hết sức khắc nghiệt, như tốc độ gió thường xuyên trên 100 km/h, nhiệt độ xung quanh là $-25^0C$, $-35^0C$ hoặc thấp hơn.

Cuối cùng, ý chí quyết tâm cộng với sự dẻo dai, phi thường đã giúp chị lập được chiến công vang dội. Sau gần 3 tháng trời liên tục, đến ngày 19/1/1997 chị đã đến đích và trở thành một "nữ nhi" duy nhất trên thế giới một mình chinh phục Nam Cực.

★ *Gian nan khổ luyện*

Rời Seagames 21, điền kinh Việt Nam giành được 3 huy chương vàng, trong đó có 2 của Khánh Đoan ở cự li 800m và 1.500m. Ba chiếc huy chương vàng của một đại hội được xem là sự thành công lớn của điền kinh nước nhà. Hai năm sau, chúng ta giành được gần gấp 3 trong tư thế chủ nhà. So sánh vậy để thấy rằng đó là một bước tiến vượt bậc khi nhảy lên đứng ở vị trí thứ ba trong bảng xếp hạng môn này (sau Thái Lan – 13 huy chương vàng, Malaixia – 10 huy chương vàng). Và nếu như Nguyễn Duy Bằng cùng Bùi Thị Nhung chiến thắng ở môn nhảy cao, chúng ta đã vươn lên vị trí thứ nhì toàn đoàn!

Nhưng để có được thành công vượt bậc ấy, Nguyễn Thị Tĩnh – ba huy chương vàng, từng nếm không ít gian lao trên đường tập luyện nơi xứ người. Mùa hè 2000, Tĩnh nổi lên ở Hội khoẻ Phù Đổng toàn quốc tại Đồng Tháp khi "nhặt" một lúc 3 chiếc huy chương vàng cho Hà Nội. Sau mùa hè đáng nhớ ấy, Tĩnh rời căn nhà nhỏ ở Gia Lâm sang Trung Quốc tập huấn dài hạn ở Trung Quốc với mục tiêu kiếm vàng cho Seagames 22. Ba năm miệt mài tập luyện nơi xứ người, Tĩnh chỉ trở về nước để thi đấu giải vô địch Quốc gia chừng 10 ngày rồi lại quay sang xứ người.

Những lạ lẫm của khẩu vị, của tiếng địa phương dần dần đi qua, nhường chỗ cho sự chuyên cần trên bãi tập. Một tuần trước Seagames Tĩnh và đồng đội về nước với niềm tin chiến thắng dâng tràn. Sinh nhật lần thứ 21 (ngày 08/12/2003), Tĩnh có món quà đáng giá – vô địch cự li 400m, đồng thời thiết lập kỉ lục Seagames với 51 giây 83. Đúng 48 giờ sau đó, Tĩnh làm cả sân Mĩ Đình bùng nổ khi không có đối thủ ngang tầm nơi đường chạy 200m với thành thích 23 giây 19. Một kỉ lục mới lại ra đời, tiếc là không được công nhận vì sức gió tới 4,2m/s trong khi quy định chỉ được 2m/s. Cũng lại cô gái lớn lên từ huyện Gia Lâm (ngoại thành Hà Nội) làm rền vang tiếng hò reo ở ngày thi đấu cuối khi sải những bước chân dài như linh dương, cơ bắp cuồn cuộn, băng nhanh về đích trong đợt chạy cuối của cự li tiếp sức 4 × 400m nữ. Hơn chục giây sau đó, người về nhì (Mianma) mới băng qua đích! Chính Tĩnh chứ không ai khác đã góp công thật lớn cho đội chạy tiếp sức này. Đó cũng là tấm huy chương vàng thứ 3 của cô. Một kì tích đối với một tay chạy điền kinh Việt Nam trong một kì Seagames.

★ ***Nhà thơ: Nguyễn Ngọc Hưng***

– Sinh năm 1960 tại Hành Thịnh, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi.

– Tốt nghiệp Đại học sư phạm Quy Nhơn Khoá II (1979 – 1983)

– Tốt nghiệp Đại học, nhiều nơi nhận về công tác vì anh Hưng có năng khiếu văn và là sinh viên khoá Văn xuất sắc của Trường Đại học Sư phạm Quy Nhơn tỉnh Bình Định. Nhưng không may bị một chứng bệnh nan y co rút chân tay, không đi lại được, không có nơi nương tựa, sống với hai vợ chồng người bạn từ thời phổ thông suốt trên 10 năm. Không chịu khuất phục trước bệnh tật Anh Hưng đã viết 3.000 trang thơ, đã xuất bản 7 tập thơ, trong đó các tập dành cho trẻ em như "Cầm sợi gió trên tay", "Lửa trời nhóm bếp" "Lời ru trăng"... Nhà văn Tạ Duy Anh đã nhận xét: "Thơ Nguyễn Ngọc Hưng mỏng manh như sợi gió, trong suốt như nước mắt ai đó không thuộc bài, nhí nhảnh như bước chân ai đó khi mẹ cho đi hội..." (Thiếu niên tiền phong, số 36 năm 1994). Những tập thơ, của anh thể hiện sự trong sáng, ẩn chứa tấm lòng nhân hậu vô bờ bến đối với các em nhỏ. Qua những tập thơ người đọc cảm nhận, cảm phục, kính trọng noi gương anh Nguyễn Ngọc Hưng, tuy bị bệnh hiểm nghèo lâu năm (20 năm) sống bên ranh giới mỏng manh giữa cái sống và cái chết, đã luôn vươn dậy với niềm yêu đời thiết tha, mãnh liệt.

★ ***Vượt lên số phận***

Nhà thơ Thanh Hải dù đã lâm bệnh nặng vẫn nồng nhiệt với "một mùa xuân nho nhỏ" để làm con chim hót, để làm một nhành hoa, một nốt trầm xao xuyến..." Nhạc sĩ Văn Vượng đã âm thầm viết lên những giai điệu tha thiết bằng chính khát vọng sống mãnh liệt ngay cả khi ông không thể nhìn thấy cuộc đời bởi đôi mắt đã mù loà. Thầy giáo, nhà thơ Nguyễn Ngọc Kí đã học cách tồn tại khi đôi bàn tay không thể cử động được. Nhà thơ Đỗ Trọng Khơi miệt mài viết trong không gian sống chỉ bó hẹp trên một manh chiếu, một nếp nhà ẩn dật xứ quê nghèo...

Họ đã không đầu hàng số phận, họ đã sống, đã viết và đã yêu thương cuộc đời. Ngày hôm nay, thế hệ đàn em cũng đã viết tiếp những câu chuyện cảm động. Trong những điều kì diệu ấy văn chương là nơi để họ gặp gỡ và tri ân...

★ ***Khát vọng bứt phá***

21 tuổi, Trần Thị Ngọc Lan có một hành trang văn học rất đáng nể với 6 đầu sách, trong đó có 3 tập tiểu thuyết: *Ánh sao rơi* (NXB Thanh Hoá 1996), *Sao nỡ chia đôi* (NXB Thanh Hoá 1997), *Có vơi niềm đau* (NXB Lao Động 2000); 2 tập thơ: *Trăng rằm* (NXB Thanh Hoá 1996), *Nỗi buồn cho em* (NXB Thanh Hoá 1999)

và một tập truyện ngắn: *Bến đợi* (NXB Kim Đồng 2000). Nếu chỉ nhìn số lượng sách với cường độ làm việc trung bình 2 năm một cuốn, không ít người lầm tưởng Trần Thị Ngọc Lan là một cây bút chuyên nghiệp và đã có tuổi. Dường như mọi thời gian đều được Lan tận dụng cho việc sáng tác, bất chấp những điều kiện hết sức khó khăn: một nửa người bị liệt, tay phải không phát triển được, các khớp co quắp, cơ thể thường bị nhức buốt vào những ngày trái gió trở trời.

Em bị sốt cao vào năm 4 tuổi, sau đó thì nửa người không cử động được. Em phải học cách sử dụng tay trái và tập lê từng bước ngắn. Em sợ nếu mình cứ nằm mãi một chỗ thì sẽ không bao giờ đứng lên được nữa. Nhưng em không dám đi ra ngoài bởi người ta sẽ nhìn em như một sinh vật lạ. Đám trẻ thì chạy theo chế nhạo. Em tủi thân vô cùng. Cảm giác lẻ loi, cô độc cứ lớn dần lên trong em từ lúc bé cho đến tận bây giờ...".

Câu chuyện của chúng tôi bắt đầu bằng những lời kể bình dị, chân thành như vậy. Không hiểu vì một lẽ gì đó tôi trở thành người được tin cậy trong câu chuyện tâm tình của cô gái xứ Thanh có tên của một loài hoa đẹp: Ngọc Lan. Nhà Lan có ba anh chị em. Anh cả hiện bị suy nhược thần kinh, chỉ nằm bẹp một chỗ, sống nhờ cha mẹ. Cha mẹ Lan là công nhân nông trường trồng mía, đều đã về mất sức. Tuổi cao (người cha năm nay 70 tuổi), sức khoẻ giảm sút, cha mẹ Lan sống nhờ cậy vào đồng lương hưu trí, chăn nuôi dăm con gà và mảnh vườn còm, mơ ước của họ chỉ còn biết gửi gắm vào cô con gái út bị liệt nửa người!

Hơn ai hết, Trần Thị Ngọc Lan ý thức được cuộc sống của mình, nếu không nỗ lực bứt phá, em chỉ là một người tàn tật, mòn mỏi nương náu trong một xứ quê nghèo cho qua ngày đoạn tháng. Khát vọng sống được Lan dồn vào việc sáng tác, những trang viết thoạt đầu còn khá thật thà, thiên về cảm tính của một tâm hồn đa cảm. Lan viết thư để giao tiếp với xã hội, để giãi bày lòng mình, để khẳng định mình. Cô gái giàu nghị lực ấy đã kiên trì vượt qua 12 năm học phổ thông, thi đỗ vào Trường viết văn Nguyễn Du bằng bàn tay trái viết chật vật, tốc độ viết chỉ bằng một trẻ học tiểu học và quan trọng hơn là một ý chí kiên cường.

Nhiều bạn đọc cuốn sách mới đây nhất của Lan, tiểu thuyết *Có vơi niềm đau*. Bằng cuốn sách này, Lan đã cố bứt ra khỏi lứa tuổi của mình, cuộc sống chật hẹp của mình, đề cập đến một mảng đời sống phong phú của những con người trưởng thành trong thời điểm khốc liệt nhất của cuộc chiến tranh chống Mĩ cứu nước. Bước thử sức này dù chưa thật như ý song đã chứng minh nội lực mạnh mẽ của cô gái xứ Thanh: điều quan trọng là Trần Thị Ngọc Lan đã không đầu hàng số phận và vẫn tiếp tục bứt phá...

☆ ***Chiếc chìa khoá vàng***

Lần đầu đọc thơ Thuỷ Tiên, chúng ta có cảm giác về một điều gì đó rất đỗi mong manh phảng phất trong từng câu chữ. Những rung động nho nhỏ được em nắm bắt một cách tinh tế và say sưa mô tả lại thành thơ. Không chút ồn ào, không dằn vặt chuyện thế sự, cõi thơ của Thuỷ Tiên trong trẻo như nước suối của buổi sáng tinh mơ. Sau này, khi được gặp em cũng là lúc chúng tôi được biết em bị liệt từ khi mới 4 tháng tuổi... Điều tôi nhớ nhất ở lần gặp đầu tiên ấy là một đôi mắt trong vắt. Đôi mắt mở to như cuốn thu cả thế giới lại gần quanh mình. Nỗi buồn thân phận chỉ tận sâu đôi mắt ấy mới bắt gặp...

Những vần thơ "rất con gái" như thế này của Thuỷ Tiên:

*Mùa gọi ước mơ xanh lên*

*Ban mai khe khẽ chạm bậc thềm*

*Mát lịm không gian từng cơn gió*

*Khoảng trời trong vắt những tiếng chim*

*(Lối mùa thu)*

Không cam chịu tầm nhìn hạn hẹp, Thuỷ Tiên cần mẫn giương "ăngten cảm xúc" để ghi nhận từng bước đi của thời gian, không gian và cho trí tưởng tượng mặc kệ sức phiêu lãng, để rồi viết như thủ thỉ với mình: gió chở nỗi buồn rong ruổi suốt mùa đông, hay: những hàng cây bừng giấc / Uống sóng trăng bạc giữa trời.

Thuỷ Tiên chịu khó hoà nhập với cuộc sống bên ngoài. Đôi ba lần gọi điện đến nhà Tiên, em đều đã đi chơi với bạn. Hoặc bạn chở, hoặc em tự đi bằng chiếc xe dành riêng cho người bị liệt. Sau những lần ra ngoài "hít thở cuộc sống", Thuỷ Tiên thường hào hứng kể chuyện mình đã nhìn đã nghe cho cả nhà. Và những bài thơ đã ra đời để cùng em thủ thỉ, sẻ chia...

Thuỷ Tiên rất khéo tay. Đã có dạo bố mẹ mở cho em một cửa hàng lưu niệm trên phố Đặng Dung (Hà Nội) để "trổ tài". Nhiều món quà lưu niệm do Tiên tự làm được bán rất chạy. Sau đó sức khoẻ không tốt nên em ở tại nhà, nhận làm hoa lụa. Trong công việc đòi hỏi sự tỉ mỉ, máy móc này được cô bé giàu tình cảm thổi sức sống mới vào từng bông hoa, biến nó thành một công việc thú vị.

Nhưng niềm đam mê văn học vẫn là nguồn vui lớn nhất của Thuỷ Tiên: "Tôi đến với thơ để hiểu mình hơn. Với tôi, thơ là tri kỉ".

Đã có người e sợ rằng, khi Thuỷ Tiên trưởng thành, cuộc sống có nhiều điều phải bận tâm, thơ ca sẽ không còn là nơi neo đậu của tâm hồn đa cảm ấy nữa. Song dường như Tiên chưa bao giờ thiếu được thơ ca trong những năm tháng

khó khăn khi em phải làm quen với cuộc sống của một người trưởng thành. Chính sức mạnh của thơ đã giúp em gột rửa mọi phiền muộn để rồi can đảm sống. Có thể sau những bài thơ bâng khuâng của thời thiếu nữ, viết chỉ để cho mình, Thuỷ Tiên đã trở thành một nhà thơ tên tuổi, vượt lên những bất hạnh của bản thân, như đã từng có một Nguyễn Ngọc Kí, một Đỗ Trọng Khơi...

Cuộc sống luôn chứa đựng những điều bất ngờ và phi thường. Khi con người có niềm tin và nghị lực cũng coi như đã có được chiếc *Chìa khoá vàng* để bước qua cánh cửa số phận, có điều kiện khẳng định mình. Thuỷ Tiên cũng đã có được chiếc chìa khoá quý giá đó.

**Những huyền thoại thế gian**

– Một ví dụ nổi bật và lòng can đảm bền bỉ là gương của Alếch Xanmarítxép bị mất cả hai bàn chân trong chiến tranh, nhờ luyện tập, chẳng những anh có thể đi đứng thoải mái, thậm chí khiêu vũ bằng chân giả mà còn có thể lái máy bay chiến đấu, công việc đòi hỏi phải điều khiển bàn chân với độ nhạy cảm rất cao.

– Thành tựu của Ongaxnô Khôđôva càng có ý nghĩa lớn: do lúc bé bà bị bệnh và bị điếc, mù tức là mất cả hai giác quan chủ yếu để nhận thức thế giới. Nhưng nhờ lòng kiên trì bà đã đọc được tiếng nói có âm tiết, bà biết dựa vào mũi để phân biệt người này với người khác. Bà đã học các môn khoa học tự nhiên và cuối cùng đã trở thành nhà khoa học, trở thành một Tiến sĩ khoa học.

– L.Tônxtôi hồi nhỏ là một người được giáo dục ít học thức nhưng nhờ tự tu dưỡng, nhờ rèn luyện ý chí mà trở thành một bậc vĩ nhân và nhân cách phát triển tới mức cao nhất, đồng thời đã làm nên sự nghiệp lớn lao, có những chiến công vĩ đại. Người ta coi ông chẳng những là một nghệ sĩ thiên tài mà còn là một con người vĩ đại, có một tính cách mãnh liệt, độc đáo và điều đó hoàn toàn đúng.

***Người bất khuất***

Thời chống Mĩ khi Miền Nam chưa giải phóng có anh Nguyễn Đức Thuận, đã viết quyển tự thuật lại cuộc đấu tranh của mình chống lại kẻ thù. Anh hoạt động cách mạng và bị địch bắt. Chúng dùng mọi hình thức tra tấn anh để khai báo cơ sở cách mạng. Anh đã dũng cảm vượt qua tất cả những đòn tra tấn ấy. Anh bị bọn địch bắt đứng dưới ngọn đèn 2.000W (Máu trong đầu có thể sôi song anh cắn răng chịu đựng, kẻ thù phải khuất phục).

***Chuyện một người thoát nghiện***

Trong căn nhà mới xây khang trang, anh Phạm Văn Hoằng hóm hỉnh nói với chúng tôi rằng thủa ấu thơ anh cũng từng mơ ước mình sẽ trở thành người nổi

tiếng được nhiều người biết đến, anh muốn trở thành một ông chủ của những trang trại chăn nuôi. Anh chẳng ngờ rằng có ngày mình nổi tiếng bởi anh là một trong những "con nghiện" đầu tiên ở cái làng quê vốn yên ả của huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây này. Và hành trình đưa anh thoát khỏi những cơn nghiện, trở về với tổ ấm của mình rồi trở thành một trong những chủ trang trại chăn nuôi nổi tiếng trong vùng khiến anh trở thành nhân vật mà ở đó từ trẻ con đến người già đều biết.

Năm 18 tuổi, anh Hoằng theo một số người lên vùng Tây Bắc làm nghề đổi quần áo, lương thực cho những bản làng người dân tộc Mông, cũng bắt đầu từ đây anh rơi vào cạm bẫy của ma tuý. Ngay lúc này, anh chẳng biết gì về tác hại của ma tuý, anh ngập chìm trong những khói thuốc và có ý định ở lại hẳn bản Mông để dễ dàng có thuốc hút. Một lần trở về quê, anh gặp lại cô bạn thôn bên từng học cùng trường phổ thông, tình yêu lứa đôi nảy nở đã khiến anh từ bỏ ý định lên sinh sống ở Tây Bắc. Anh muốn xây dựng một tổ ấm gia đình. Nhưng sau đám cưới, anh liên tục bị những cơn đói thuốc hành hạ, anh đạp phá la lét và sục sạo đi tìm thuốc. Lúc này cô vợ trẻ và cả làng mới biết anh đã mắc nghiện. Giận con, bố mẹ anh đã cho vợ chồng anh ra ở riêng với túp lều cạnh cái ao tù trong xóm. Vợ anh tất tả ngược xuôi lo chạy chợ và chẳng biết làm gì để cứu chồng thoát khỏi những cơn nghiện. Nhất là khi trong làng lúc đó có bọn buôn ma tuý liên tục tìm đến nhà anh lôi kéo càng khiến anh ngập chìm trong những cơn nghiện. Thi thoảng những lúc tỉnh táo nghe lời vợ khuyên từ bỏ ma tuý, anh định làm theo nhưng vì thấy cảnh vợ chồng bần hàn quá, anh lại không có việc làm, cơm thì bữa no bữa đói, anh đâm chán nản và muốn quên đi tất cả bằng khói thuốc...

Cuộc đời của anh Phạm Văn Hoằng tưởng như đã bỏ đi, bố mẹ vợ thương con gái đã có ý định buộc anh Hoằng li hôn, họ sẽ đón con gái về nhà. Nhưng cho đến một buổi, anh đang ngồi ở nhà thì có người đến tận ngõ nhà anh chửi bới vu cho anh ăn trộm cái máy bơm nước. Anh cố phân trần nhưng không ai tin, người ta bảo chỉ có bọn nghiện mới đi ăn cắp. Tiếp theo đó bà con hàng xóm hễ cứ mất cái gì là lại thi nhau sang nhà anh chửi bới mặc cho anh kêu oan. Lúc này anh mới nhận ra cái nhục của một người mắc nghiện là nói chẳng có ai tin. Anh định tìm đến cái chết nhưng người vợ hiền hậu đã khuyên giải động viên anh cai nghiện, chị không chịu nghe lời ép buộc của bố mẹ là bỏ chồng. Nghĩ đến nỗi nhục với bà con hàng xóm, nghĩ đến tình cảm của vợ và đặc biệt là được tin vợ đã mang thai, anh Hoằng đã tự nguyện đến trung tâm cai nghiện của huyện xin được cai nghiện tại đây. Hơn một năm chống chọi với những cơn vật

thuốc ở trung tâm, anh được trở về với một kết quả đáng mừng là đã cắt được cơn, nhưng tái nghiện hay không thì còn phụ thuộc vào ý chí và bản lĩnh của anh. Hạnh phúc vì được làm cha phần nào đã thôi thúc anh bắt đầu lại cuộc sống nhưng tài sản duy nhất đáng giá của vợ chồng anh lúc đó là chiếc giường cưới, vẫn chưa có ai tin mà giúp đỡ vốn liếng, đã thế đám buôn bán, nghiện ngập ma tuý thường xuyên tìm đến nhà anh dụ dỗ, mua chuộc. Vợ anh đã luôn động viên giúp anh thoát khỏi dụ dỗ của đám con nghiện. Mỗi lần đám con nghiện đến tìm, anh lại trốn sau góc tường bịt chặt tai lại vì anh bảo lúc đó chỉ cần nghe đến từ "thuốc" thôi là đã bủn rủn chân tay muốn hút lại rồi.

Thấy con rể quyết tâm làm lại cuộc đời, gia đình vợ thương tình đã cho vay một đàn vịt đẻ để hàng ngày anh có việc làm. Đàn vịt đầu tiên này đã cho anh một món tiền đủ để nhân rộng thêm nhiều đàn vịt khác. Từ đó, nhắc đến anh Hoằng là người ta nhắc ngay đến một người đàn ông suốt ngày với cây gậy dài chạy sau đàn vịt ở cánh đồng dù bất kể ngày mưa hay nắng. Liên tục thắng lợi sau những vụ vịt đẻ trứng, vợ chồng anh nghĩ ngay đến việc xây dựng một trang trại chăn nuôi. Số tiền kiếm được, mua đất để dựng trại. Khi công việc xây dựng đã hoàn tất, anh Hoằng tiếp tục thực hiện ước mơ làm giàu của mình bằng việc chăn nuôi. Trang trại vịt của anh có lúc lên đến hàng vài nghìn con, cho thu nhập mỗi năm từ 30 – 40 triệu đồng. Vợ chồng anh đã làm được nhà cửa khang trang, đứa con trai thứ hai của anh chị ra đời và hiện giờ hai cháu đều là những học sinh chăm ngoan. Trong việc dạy dỗ các con, điều làm anh Hoằng bận tâm đầu tiên là quan tâm chăm sóc con, theo dõi từng bước phát triển của con để chúng không sa đà vào các tệ nạn xã hội. Anh bảo nếu ngay từ nhỏ bọn trẻ nhận thức được tác hại của các tệ nạn thì chúng sẽ xa lánh và chẳng ai có thể dụ dỗ được.

Nhìn lại cuộc hành trình đã qua, đặc biệt là cuộc vật lộn để chiến thắng những cơn nghiện ma tuý, anh Hoằng thầm biết ơn người vợ tần tảo, thuỷ chung. Anh hi vọng cộng đồng và mọi người hãy giang rộng vòng tay để giúp đỡ những người cai nghiện ma tuý vì với những người mắc nghiện thì chỉ có lòng nhân ái mới giúp họ trở về được với cuộc sống mà thôi. Khi chúng tôi thực hiện bài viết này thì nhiều tỉnh trong cả nước đang phải đối mặt với dịch cúm gà. Anh Hoằng cho biết nếu đàn vịt của anh có dịch, anh sẽ chuyển sang chăn nuôi bò thịt và bò sữa, anh bảo chưa bao giờ mình thấy tự tin và yêu cuộc sống như lúc này...

# Chương XI. NĂNG LỰC

*Thiên tài là một phần trăm cảm hứng*
*Chín mươi chín phần trăm mồ hôi.*

*Edixơn*

## I. KHÁI NIỆM CHUNG VỀ NĂNG LỰC

### 1. Năng lực là gì?

Năng lực là tổ hợp các thuộc tính độc đáo của cá nhân phù hợp với những yêu cầu của một hoạt động nhất định, đảm bảo cho hoạt động ấy có kết quả.

### 2. Các yếu tố hình thành năng lực

Năng lực là một vấn đề phức tạp, được lí giải bằng nhiều cách khác nhau. Các nhà tâm lí học duy tâm cho rằng, năng lực là cái bẩm sinh, trời phú cho con người. Các nhà Tâm lí học duy vật biện chứng cho rằng, năng lực không phải là cái bẩm sinh, mà là cái được hình thành, bộc lộ và phát triển trong quá trình con người hoạt động và giao lưu, giao tiếp. Năng lực của con người được hình thành phát triển dưới ảnh hưởng của nhiều yếu tố:

– *Yếu tố tự nhiên – sinh học*: não bộ, hệ thần kinh, giác quan... là tiền đề vật chất của sự phát triển năng lực. Nó nói lên tốc độ, nhịp độ, chiều hướng của sự phát triển năng lực.

– *Hoàn cảnh xã hội* đóng vai trò quyết định trong đó giáo dục đóng vai trò chủ đạo (Vì giáo dục có nội dung, chương trình, mục đích, phương hướng, biện pháp, con đường để đi đến mục đích đó).

Bởi lẽ, một cá nhân muốn tồn tại, phát triển như một người, hơn nữa muốn hình thành và phát triển một năng lực nào đó phải sống trong xã hội loài người với những điều kiện xã hội lịch sử nhất định. Xã hội bằng lao động của các thế hệ tạo ra những cơ sở vật chất, giá trị tinh thần để lại cho các thế hệ sau. Mỗi cá nhân phải lĩnh hội, tiếp thu nền văn hoá xã hội để biến thành kinh nghiệm riêng của mình. Nghĩa là, con người để trở thành con người thực sự, để có năng lực người thật sự phải sống trong các mối quan hệ kinh tế, chính trị, pháp luật, đạo đức, quan hệ gia đình làng xóm, cộng đồng dân tộc... mới có tâm lí người bình thường, mới hình thành phát triển năng lực người. Tố Hữu – Nhà thơ lớn của dân tộc đã khái quát sâu sắc rằng: Thiên tài là gì? nếu không phải là hương của

hoa, mùi của đất, là sự kết tụ trí tuệ của muôn triệu con người làm nên lịch sử. Thiên tài là gì? Nếu không ở trong "ổ" của cuộc sống vĩ đại – cuộc sống đấu tranh gian khổ của nhân loại.

– Hoạt động cá nhân đóng vai trò quyết định trực tiếp đến sự hình thành và phát triển năng lực. Điều này muốn khẳng định: Để hình thành và phát triển năng lực trong một lĩnh vực hoạt động nào đó, từng cá nhân phải tham gia vào hoạt động, giao tiếp, học hỏi kinh nghiệm của loài người, lĩnh hội tiếp thu nền văn hóa xã hội một cách tích cực, say mê với một ý chí nghị lực phi thường khắc phục mọi khó khăn, kiên trì đi tới đích mới đạt được kết quả tốt. Êđinxin nhà Vật lí người Mĩ đã khẳng định: Thiên tài chỉ là 1% và 99% là mồ hôi và nước mắt. Nói như vậy có nghĩa, bằng hoạt động, cá nhân sẽ lĩnh hội tiếp thu nền văn hoá xã hội để biến thành kinh nghiệm riêng của chính mình, tức là cũng biến quá trình đào tạo của xã hội, của gia đình, của nhà trường thành quá trình tự đào tạo của mỗi cá nhân. Bằng hoạt động của mình con người sẽ tiếp thu hai hệ thống kinh nghiệm xã hội:

+ Hệ thống kinh nghiệm sự kiện được khái quát hoá thành khoa học: Toán, Văn, Lí...

Hệ thống kinh nghiệm quan hệ được khái quát hoá thành nghệ thuật: hoạ sĩ, nhạc sĩ, nhà tạo mốt, người cán bộ quản lí, chị bán hàng, bác sĩ, thầy giáo...

Vì vậy, nếu cá nhân không trực tiếp hoạt động: học tập, lao động, hoạt động xã hội, hoạt động nghề nghiệp, không thể hình thành, phát triển năng lực. Hoạt động cũng chính là giao tiếp trực tiếp, gián tiếp với các mối quan hệ người – người qua đó cá nhân sẽ nhận ra mình, thể hiện mình bằng sự nhìn nhận, đánh giá của người khác về năng lực, tài năng của mình, để từ đó cá nhân tự ý thức, tự đánh giá, tự giáo dục, tự điều chỉnh hoạt động của bản thân để làm ra nhiều giá trị vật chất, tinh thần cho xã hội, cho bản thân ngày một tốt đẹp hơn. Nói như thế có nghĩa là, năng lực, tài năng của mỗi người chỉ có thể được hình thành, phát triển trong hoạt động, thông qua hoạt động và bằng hoạt động của cá nhân. Vì vậy giá trị cao nhất của nhân cách con người là sản phẩm hoạt động. Theo yêu cầu của con người mới hiện nay, năng suất lao động phải là hành động vì năng suất lao động là thước đo của đạo đức. Nếu tính cách trong tâm lí học được coi là mục đích cuộc sống thì năng lực là phương tiện để đạt đến mục đích đó. Chính vì hai yếu tố sau mới lí giải được tại sao những người bị tàn tật, nhưng vẫn đạt được những thành tựu đáng khâm phục thể hiện được tài năng của họ. Theo dự báo của 1000 nhà khoa học đầu ngành trên thế giới thì thế kỉ XXI là thế kỉ của tài năng đối với con người nói chung và phụ nữ nói riêng.

### 3. Năng lực với các hiện tượng tâm lí khác

**Năng lực với quá trình nhận thức**

Các quá trình nhận thức gồm: cảm giác, trí nhớ, tư duy, ngôn ngữ, tưởng tượng. Các quá trình này có đầy đủ, phong phú, đa dạng, chính xác...mới có tư liệu để hình thành, phát triển một năng lực nào đó. Các sản phẩm của tư duy như khái niệm, phán đoán, suy lí; hình tượng của tưởng tượng làm cho các năng lực như: toán học, văn học nghệ thuật, tạo hình, hội hoạ, hoá học, sử học, địa lí,... phát triển nhanh chóng, đúng hướng, phản ánh được đúng bản chất, quy luật, những mối quan hệ và liên hệ giữa các sự vật và hiện tượng trong một lĩnh vực hoạt động nào đó.

**Năng lực với năng khiếu, hứng thú**

K. Henvêxuyt nhà xã hội người Anh đã viết: Có việc gì ta không làm được dưới ảnh hưởng của hứng thú. Hứng thú là thái độ tích cực của con người đối với sự vật, hiện tượng gây cho con người sự khoái cảm; ông còn viết: Các năng khiếu khác nhau của con người giống như các phím đàn, hứng thú là các ngón tay của nhạc công, hứng thú tạo nên giai điệu của cuộc sống. Hứng thú là chiếc dù nhỏ mở ra trước tiên, tạo điều kiện bật tung vòm dù chính bao bọc các năng khiếu. Tuy nhiên, không phải bất cứ hoàn cảnh nào cũng tạo ra năng khiếu. Năng khiếu nảy sinh trước tiên, từ hoạt động gây ra hứng thú cao độ và bao trùm lên toàn bộ cá tính của con người. Hứng thú càng sâu sắc bao nhiêu, càng hoạt động tới nhiều phạm vi cá tính bấy nhiêu. Hoạt động của chúng ta càng có hiệu quả bao nhiêu thì năng khiếu càng được phát huy mạnh mẽ bấy nhiêu. Hứng thú và yêu thích là các hiện tượng giống nhau về bản chất. Đôi khi người ta có thể thay thế lẫn nhau hai từ đó. Bởi vì, cái gì không làm cho ta xúc động, không động chạm đến tình cảm của chúng ta thì không gây được hứng thú. Vì vậy, khi phát triển hứng thú đồng thời chúng ta phải phát triển cả tình cảm nữa.

Như vậy, nhờ hứng thú chúng ta sẽ phát huy được một trong những năng lực quý giá nhất, cao quý nhất của con người đó là năng lực thích ứng với việc tập trung cao độ vào hoạt động. Hứng thú là một nhân tố quan trọng, là nhân tố kích thích sự hoạt động cho tài năng nào đó. Hứng thú là tình cảm, niềm vui, là sự cảm thụ giá trị của cuộc sống và phát hiện ra những giá trị đó. Một trong những bí quyết quan trọng nhất liên quan đến tài năng chính là ở chỗ này. Hứng thú sở dĩ phát huy tài năng vì tự nó chỉ thể hiện ở nơi nào đó đã có ít nhiều năng lực, ngay cả khi ta hoàn toàn không ngờ có các năng lực đó.

**Năng lực với tình cảm**

Ngoài năng khiếu, khuynh hướng, hứng thú, còn phải có tình cảm (là tình cảm đạo đức, tình cảm trí tuệ, tình cảm thẩm mĩ) khi nói đến năng lực chúng ta nhấn mạnh đến vai trò của tình cảm trí tuệ. Tình cảm trí tuệ là thái độ rung cảm của con người đối với việc nhận thức các hiện tượng của tự nhiên và đời sống xã hội. Tình cảm trí tuệ được thể hiện qua hàng loạt các rung cảm từ thấp đến cao:

– *Rung cảm* về ý nghĩ rõ ràng hay mơ hồ khi mà các khái niệm, phán đoán tương ứng được suy nghĩ một cách rõ ràng hay ngược lại – không xác định.

– *Ngạc nhiên*: khi gặp một vấn đề mới, một cái mới bất thường chưa biết, đi kèm với quá trình nhận thức, thì con người vui sướng thể hiện thoả mãn nhu cầu nhận thức.

– *Tình cảm dự đoán*: khi chúng ta chưa vạch ra được mối liên hệ cần nghiên cứu giữa các hiện tượng dưới hình thức đầy đủ, nhưng đã có cơ sở để dự đoán sơ bộ tính chất của nó. Tình cảm luôn luôn gắn với việc xây dựng giả thiết.

– *Tình cảm vững tin*: khi cá nhân xác lập một cách đúng đắn các mối liên hệ và quan hệ giữa các sự vật đó một cách đầy thuyết phục bởi các dẫn chứng trong hiện thực.

– *Tình cảm nghi ngờ*: diễn ra khi các luận điểm hay giả thiết do chúng ta đưa ra lại bị mâu thuẫn với các sự kiện hoặc các lí thuyết đã hình thành. Tình cảm đó rất quan trọng, bởi vì nó kích thích việc kiểm tra một cách toàn diện các sự kiện đã thu được và các luận điểm của ta đã đưa ra. I.P. Páplốp (nhà Sinh lí học vĩ đại người Nga) đã nói: "Để cho tư tưởng khoa học đạt hiệu quả thì cần phải luôn luôn nghi ngờ và kiểm tra lại mình". Thực tế cho thấy, vai trò của nghi ngờ đối với tài năng nào đó thể hiện qua hàng loạt rung động nhận thức. Nhưng tài năng muốn được phát triển không chỉ có tình cảm trí tuệ, hơn nữa để có tình cảm trí tuệ đúng đắng sâu sắc thấm đượm năng lực con người cần phải dựa trên cơ sở tình cảm đạo đức. Nó là mặt đạo đức cho tài năng trong một lĩnh vực hoạt động nào đó. Bởi vì tình cảm đạo đức phát triển dưới ảnh hưởng của tình cảm trí tuệ. Ngược lại, lòng yêu cái mới, yêu chân lí khoa học góp phần làm nảy nở, phát triển thêm tình cảm đạo đức. Mặc khác, tri thức chỉ biến thành niềm tin khi nó trở thành đối tượng của xúc động về tính đúng đắn không cần bàn cãi của tri thức đó. Do đó, ý thức về một tư tưởng đạo đức nào đó cũng đồng thời là một tình cảm đạo đức. Bởi vì, khoa học mà không có lương tâm chỉ là sự phá hoại tâm hồn. A.X. Makarencô nhà giáo dục tài ba của Nga đã nói: "Tôi không thích

những người thông minh mà không biết xúc cảm – những người đó thường độc ác và độc ác một cách hèn hạ".

**Năng lực với ý chí**

Ý chí là mặt năng động của ý thức – ý chí là phẩm chất quan trọng của năng lực, là giường cột của một tính cách đã hình thành. Nhờ có ý chí, nghị lực phi thường mà con người có khả năng, có sức mạnh để vượt qua tất cả: bệnh tật, nghèo đói, thiếu thốn về vật chất, phương tiện làm việc, vượt qua cả số phận nghiệt ngã của cuộc đời để vươn lên tự tìm ra chính mình bằng chính sức lực và tài năng của mình trong cuộc sống.

Ví dụ: Vận động viên xuất sắc nhất ASEAN Para Games 2.

Năm lên bốn tuổi Nhữ Thị Khoa bị một tai nạn nghiêm trọng trở thành người tàn tật. Bảy năm trước, 25 tuổi, Khoa chuyển từ Ứng Hoà, Hà Tây ra Hà Nội bán bánh mì ở ngay đầu phố Trần Xuân Soạn, Hà Nội. Mãi tháng 11 năm ngoái chị mới bắt đầu làm quen với môn xe lăn tại Câu lạc bộ Khúc Hạo. Nhỏ bé nhưng đầy nghị lực, Nhữ Thị Khoa đã quyết tâm để vượt lên ý chính mình. 5 giờ sáng hàng ngày, tự nhà ở số 9 ngõ 100 phố Thanh Nhàn, quận Hai Bà Trưng, chị lóc cóc lăn xe lên sân vận động Hà Nội tập và buổi chiều lại tiếp tục bán bánh mì. Lòng kiên trì, nghị lực vượt khó phi thường đã giúp chị vươn lên giành những đỉnh cao chiến thắng tại ASEAN Para Games 2. Nhữ Thị Khoa một mình giành năm huy chương vàng ở các cự li 100 – 200 – 400m, và 4 x 100 và 4 x 400 m tiếp sức. Tại buổi lễ bế mạc, chị đã vinh dự nhận danh hiệu vận động viên xuất sắc nhất ASEAN Para Games 2 và phần thưởng 20 triệu đồng.

**Năng lực với tính cách**

Mối quan hệ giữa tính cách và năng lực là mối quan hệ giữa đức và tài, giữa hồng thắm và chuyên sâu. Bởi vì, tự giáo dục về nhân cách, tự tìm ra mục đích, động cơ, lí tưởng cuộc sống là yếu tố quyết định để hình thành và phát triển năng lực. Vấn đề con người hoạt động như thế nào, theo phương thức nào, phục vụ ai, tuỳ thuộc vào đạo đức của họ. Tính cách là gốc, là cốt lõi của nhân cách. Bởi vì, một người có tính cách tốt sẽ là người có tình cảm, có ý trí, có nghị lực và lòng say mê cao độ đối với công việc. C. Mác đã cho rằng: "Trong khoa học không có con đường bằng phẳng thênh thang, chỉ có những người không sợ chùn chân mỏi gối mới trèo lên đỉnh cao, nhỏ bé, gập ghềnh của khoa học mà thôi".

Trong khoa học không có con đường cho các đế vương, cho sự nhàn hạ, sung sướng, may mắn. Vì vậy, một nghị lực vĩ đại thường được sinh ra từ một mục đích vĩ đại. Nói như vậy có nghĩa, muốn có tài năng phải có tính cách mạnh

mẽ, một bản lĩnh kiên cường, một nghị lực phi thường... Do đó năng lực được coi là phương tiện để thực hiện mục đích cuộc sống mà con người muốn vươn tới. Mục đích cuộc sống của con người đặt ra dù có cao đẹp đến đâu nhưng nếu không có năng lực, tài năng thì mục đích đó cũng không có giá trị gì. Con người có tài năng sẽ làm khúc xạ tất cả nhưng mối liên hệ tương hỗ với thế giới qua những năng lực đặc biệt của mình và thể hiện thật sự họ có tài.

Môđa nhạc sĩ thiên tài người Áo đã nói: "Người nào có tâm hồn của một nhà soạn nhạc, thì họ viết. Bởi vì họ không thể không viết". Ngoài ra năng lực cũng ảnh hưởng đến sự phát triển của các thuộc tính khác: xu hướng, niềm tin, lí tưởng, hứng thú, ý chí, tính cách... Nếu tính cách được coi là mục đích cuộc sống của con người, để có một tính cách tốt (đạo đức tốt) thì năng lực được coi phương tiện để đạt mục đích đó. Vì vậy, sự phát triển năng lực tốt cũng thường giúp cho sự phát triển tính cách được thuận lợi. Ngược lai, nhiều khi do thiếu năng lực mà tính cách bị trì trệ không thể phát triển được. Tính đồng nhất của năng lực và tính cách được thể hiện ở chỗ: tài năng trong một chừng mực nào đó là năng lực biểu hiện ra bên ngoài và trở thành tính cách. Ví dụ: Sự khéo léo trong quan hệ giao tiếp với mọi người, năng lực tổ chức, năng lực lãnh đạo...

**Năng lực với khí chất**

Để hình thành và phát triển năng lực, ngoài các hiện tượng tâm lí trên chúng ta không thể bỏ qua một thuộc tính tâm lí nữa đó là khí chất – một hiện tượng tâm lí phức tạp, hấp dẫn, là sự biểu hiện ra bên ngoài của các hiện tượng tâm lí khác như: nhận thức, tình cảm, ý chí, tính cách, năng lực... nói lên cường độ, tốc độ, nhịp độ của các hoạt động tâm lí. Đặc biệt, ngay cả tài năng của con người, khí chất cũng có tầm quan trọng. Các nhà đã kết luận: khí chất là kim chỉ nam giúp con người thành tài. Các nhà sinh lí học và tâm lí học cũng đã chỉ ra rằng: những người có kiểu hình thần kinh mạnh – cân bằng – linh hoạt phù hợp với hoạt động nhanh nhẹn, tháo vát như: lái xe, vận động viên thể dục thể thao...; loại người có kiểu hình thần kinh mạnh – không cân bằng phù hợp với hoạt động quảng giao như làm công tác tổ chức, công tác quản lí, đi bộ đội...; loại người có kiểu hình thần kinh mạnh – cân bằng – không linh hoạt phù hợp với công việc như: người lãnh đạo, nhà quản lí...; loại người có kiểu hình thần kinh yếu (tính nhạy cảm cao) dễ thích ứng với hoạt động nghệ thuật: nhà văn, nhà thơ, hoạ sĩ, nhạc sĩ...

## II. NĂNG LỰC THỂ HIỆN TRONG HOẠT ĐỘNG VÀ BẰNG HOẠT ĐỘNG KÌ DIỆU CỦA CON NGƯỜI

**Bí ẩn về thiên tài (theo báo ANTG, 10 – 2003)**

***Tài năng cũng có gen và tuổi...***

Nhiều nhà nghiên cứu cho rằng, không phải ở lứa tuổi nào người ta cũng có thể hoàn thành những phát minh vĩ đại. Mới đây nhất, một nhóm các nhà bác học thuộc Trường Đại học Kelteleri ở New Zealand, trên cơ sở nghiên cứu tiểu sử của 280 nhà khoa học vĩ đại đã đưa ra một kết luận chắc nịch là không phải càng có tuổi thì càng có tài. Theo họ gen tài năng có thể suy thoái theo dòng thời gian. Đặc biệt các nhà toán học thường tìm ra những định lí lừng danh nhất khi còn rất trẻ. Chẳng hạn, Evanrste Galois, sống trong thời cách mạng tư sản Pháp đã cho in công trình đầu tiên của mình khi chưa đầy 18 tuổi và chỉ hai năm sau đã bị chết trong một trận đấu súng, để lại những câu ghi trên lề sách làm đau đầu bao trí tuệ đời sau; Isaak Newton cho rằng, giai đoạn phát minh có hiệu quả nhất của đời ông là khi ông ở tuổi 22 – 23. Năm 26 tuổi ông đã trở thành giáo sư toán của Trường Đại học Cambridge, một vinh dự mà nhiều nhà toán học bạc đầu vẫn chưa có được.

James Watson cùng với Frensis Kris phát minh ra chuỗi xoắn kép AND và ghi tên mình vào lịch sử nhân loại năm ông 25 tuổi. Sau đó, ông hầu như không làm một việc gì phi thường cả. Sadi Kamo (người đã phát minh ra chu kì "Kamo") cho xuất bản cuốn sách nổi tiếng của mình suy nghĩ về *Sức mạnh chuyển động của lửa*, năm 28 tuổi. Anbe Anhxtanh từng nói, người ta chỉ có thể đóng góp nhiều cho khoa học khi chưa bước vào tuổi 30. Bản thân Anbe Anhxtanh lập nên thuyết tương đối vào năm 28 tuổi.

Tuy nhiên, các nhà nghiên cứu cũng không cho rằng cứ về già thì không làm được việc gì. Nhà toán học Léonera Ailer chẳng hạn, vị viện sĩ hàn lâm Nga thời Pie đệ nhất này vẫn tiếp tục sáng tạo khi đã trở thành một cụ già mù. Nhà khoa học Louis Pastenr năm 42 tuổi bị đột quỵ nhưng một phát minh chính yếu của đời mình đã được hoàn thành sau đó, khi ông đã gần như bị liệt toàn thân. Alexander Fleming tìm ra chất péniciline năm 47 tuổi.

***Những bí ẩn về thiên tài***

Có một số thuyết dựa trên có sở khoa học cho rằng các nhân vật lỗi lạc nổi tiếng mang trong mình loại bệnh gọi là thống phong (gontte). Thuyết này xuất hiện đầu thế kỉ XX trong số các nhà nghiên cứu, có nhà di truyền học Xô viết. Ông V.I. Phrôisơn. Theo nghiên cứu của ông có nhiều nhân tài bị bệnh thống

phong ví dụ: Niutơn, Đangu Côlông, Gililê, Bacông, Liépních, Bixmác. Tổng cộng có 50/400 nhân vật trên thế giới đã được công nhận qua sử sách có bệnh thống phong, trong đó có cả Béttôven, Taikelanggio, Rămcorăng.

– Đặc biệt về hình thể, họ có khổ người khác thường: khổ người cao hơn, khúc thân thường ngắn. Ngón tay, ngón chân đều dài quá mức bình thường; hẹp và dài, hóp hai bên má.

– Alrâhmhincô (1809 – 1865) vốn là một thợ đốn củi sau trở thành luật sư và cuối cùng là tổng thống Hợp chủng quốc Hoa Kì.

– H. Crixehian (1805 – 1875) con một thợ giày và sớm mồ côi. Truyện cổ tích của ông được tất cả các trẻ em và người lớn trên trái đất ưa thích.

– Sáclơ Đờgôn (1890 – 1970) nguyên tổng thống Pháp. Từ thời trẻ, Đờ gôn đã có tính dũng cảm, thông minh xử lí và quyết đoán những tình huống phức tạp. Ông ta có thân hình mảnh khảnh, nhưng cao hơn người chung quanh một cái đầu, vai rất hẹp.

Cả 3 người kể trên đều cao 2m hoặc hơn kém một chút.

Ngoài hình dáng đã nói họ có một thể lực tốt, sức chịu đựng bền bỉ, mặt khác họ thường có tính hài hước sắc sảo đến mỉa mai.

**Phải chăng thiên tài chỉ do trời phú**

Người ta nghĩ rằng: "Thiên tài đã được định sẵn từ trước lúc con người lọt lòng mẹ, chứ không phải do giáo dục sau đó."

Điều này e rằng không hợp với ba chị em nhà polgar – các đối thủ chơi cờ có một không hai trên thế giới.

Là một nhà tâm lí học, Lasio mơ ước chứng minh được rằng "thiên tài không được sinh ra mà là do giáo dục và dạy dỗ nên, nếu đứa bé sinh ra là khoẻ mạnh nó đã là một thiên tài tiềm ẩn"

Tư tưởng này rất hấp dẫn và cô giáo trẻ Clara từ năm 1968 người sau đó trở thành vợ ông. Lúc ấy cô Clara không ở cùng thành phố Budapest với Lasio. Trong những bức thư qua lại giữa đôi bạn trẻ họ không trao đổi gì tình yêu mà lại nói toàn chuyện kinh nghiệm giáo dục. Khi cô bé Jugia đứa con đầu lòng của họ ra đời họ nhất quyết rằng, sẽ chuyên môn hoá tài năng của cô bé mặc dù vẫn chưa xác định được sẽ chọn cho cô con gái mình một lĩnh vực nào. Trong lúc tản mạn bỗng dưng được ngã ngũ. Cô bé vừa biết đi chập chững bước đến bàn làm việc và lôi ra từ ngăn kéo cái bàn cờ.

Thời gian sau, Sophi và Judith là hai chị em gái của Juja cũng đâm ra tò mò khi bố dạy đánh cờ cho chị mình ở phòng bên cạnh và mới 5 tuổi Judith đã đánh thắng cha.

Mỗi ngày ông Lasio ấn định dạy các con trong 8 giờ chơi cờ, 5 giờ học sử và ngoại ngữ. Lasio ấn định 3 cô chơi bóng bàn với 20 phút thư giãn mà theo ông giúp cho các con nâng cao óc khôi hài trong khi những người xung quanh cho ông là "cha độc tài". Kẻ trói buộc con mình vào gông cùm của đam mê chời cờ mà khó có ai đưa ra giả định một trong ba cô trở thành cờ vua.

Một trong ba cô đã chiến thắng – Judith đã trở thành đại kiện tướng trẻ nhất thế giới vượt qua kỉ lục của Bobby Fisher. Các chuyên gia tặng cô danh hiệu cao cấp nhất với một cách ví von Mozart của làng cờ. Chủ tịch Hiệp hội cờ Mĩ Mácxim Dlonghi đã nói về Judith "Cô là một vận động viên cờ trẻ tuổi mang đến nhiều hi vọng nhất và có cơ hội để trở thành kiện tướng thế giới".

Còn Juja ở tuổi 22 đang là ngôi sao rực rỡ trên bầu trời cờ vua thế giới. Cô ham mê du lịch khắp thế giới. Juja nói được chục thứ tiếng và có rất nhiều bạn bè. Nữ đối thủ duy nhất hiện nay của Juja chính là Judith.

Còn Sophie đang chiếm một vị trí trong số 10 vận động viên hàng đầu của cờ vua thế giới. Bây giờ người ta lại thấy cả ba chị em quyết đột phá vào thế giới cờ mà lâu nay chúng là "thánh địa" của phái mày râu. Có thể nói kết quả của cuộc thí nghiệm mà Lasio thực hiện là các cô con gái đã lớn lên rất tài năng, vui tươi, khoẻ mạnh và có học thức. Những ai biết gia đình Lasio đều nhất trí cho đó là "những người tuyệt vời không thể so sánh".

Lasio đã ghi lại toàn bộ những phương thức và kinh nghiệm giáo dục của mình trong cuốn sách "*Hãy giáo dục thiên tài*" làm cho ba cô con gái chắp cánh bay xa trên bầu trời của những kiện tướng cờ vua trên thế giới.

(theo *Tiếng vọng hành tinh*)

**Tài năng không phụ thuộc vào thành phần xuất thân**

***Người học trò của Muyrilô***

Muyrilô là hoạ sĩ Tây Ban Nha ở thế kỉ XVII (1617 – 1682) ngạc nhiên thấy ít lâu nay ở trong xưởng vẽ của mình có một ổ tranh đặc sắc. Ông không biết ai đã vẽ bức tranh đó... chắc người đó phải vẽ vào lúc ban đêm.

Một buổi sáng hoạ sĩ vào xưởng vẽ và thấy những học sinh của mình đang ngắm nghía một bức tranh vẽ cái đầu của một người phụ nữ.

– Ông hỏi học sinh:

– Ai vẽ bức tranh này?

Học sinh đồng thanh trả lời:

– Thưa thầy chúng con không biết ạ!

Nhà hoạ sĩ nói:

– Tác giả của bức tranh này ngày mai sẽ là thầy học của chúng ta.

Nói rồi, ông gọi cậu bé nô lệ trẻ tuổi đang ở trong nhà ông. Cậu này chạy lại, mặt tái xanh.

– Này chú Sêbáttiăng! Ai đã ở lại xưởng vẽ vào lúc ban đêm?

Chú bé trả lời:

– Thưa ông, chẳng có ai cả.

– Được, chú hãy ở lại xưởng vẽ đêm nay và sáng mai chú hãy cho tôi biết ai đã ở lại đây lúc ban đêm.

Ngày hôm sau, họa sĩ và các học sinh đến xưởng vẽ rất sớm. Họ kinh ngạc biết bao khi chú bé nô lệ đang hoàn thành bức vẽ của mình.

– Nhà hoạ sĩ hỏi:

– Này chú Sêbáttiăng: ai là thầy dạy vẽ của chú?

– Chú bé trả lời:

– Thưa ông, chính là ông ạ.

Nhà hoạ sĩ ngạc nhiên:

– Nhưng tôi có dạy vẽ bao giờ đâu.

Chú rụt rè nói:

– Thưa ông, trong lúc ông giảng cho các cậu đây, con chú ý lắng nghe.

Nhà hoạ sĩ quay về phía học sinh của mình:

– Các học sinh thân yêu, chú bé này đáng được thưởng gì?

Học sinh đồng thanh kêu lên:

– Thưa thầy, hãy trả lại tự do cho chú ấy. Hãy trả lại tự do cho chú ấy.

Nhưng chú bé nô lệ nhảy bổ lại ôm chầm lấy chân nhà hoạ sĩ:

– Thưa ông, xin ông trả lại tự do không phải cho con mà cho cha con.

Nhà hoạ sĩ xúc động nói:

– Con Sêbáttiăng: ngòi bút của con đã cho thấy tài năng của con. Điều con yêu cầu lại cho ta biết tấm lòng của con. Cha con được tự do mà con cũng được tự do. Con không còn là người nô lệ của ta nữa. Con! con! sẽ là đứa con

thân yêu của ta, hạnh phúc biết bao khi ta có một người con là một nhà nghệ sĩ đại tài.

***Lịch sử của một nhà khoa học tâm lí***

Giáo sư Kônxtantinnôvic sinh ngày 6 tháng 7 năm 1906 con của nhà tâm thần học nổi tiếng ở nước Nga. Kônxtantinnôvic là một bác sĩ y khoa phục vụ trong quân đội. Bằng lao động khoa học phục vụ quân sự, ông đã đạt được học vị tiến sĩ y học, rồi tiến sĩ tâm lí học, được phong chức giáo sư và quân hàm đại tá các lực lượng vũ trang Xô viết. Những công trình nghiên cứu trong quân đội đã làm cho giáo sư trở thành chuyên gia bậc nhất của tâm lí học Xô viết (cũ) về tâm lí học lao động lái máy bay. Trên cơ sở đó, giáo sư cũng trở thành một chuyên gia lí luận trong lĩnh vực tâm lí học lao động và tâm lí học quân sự nói chung (năm 1972, Platônốp là một trong ba tác giả của cuốn "*Tâm lí học về nhân cách của người phi công*" và một trong người chủ biên sách giáo khoa "*Tâm lí học quân sự*". Lôgíc học của nghề nghiệp đã đưa giáo sư đến lĩnh vực lí luận của viện Triết học thuộc viện hàn lâm khoa học Liên Xô. Hiện nay cùng với tổ của mình, giáo sư đang đứng đầu một trường phái của tâm lí học Xô viết trong vấn đề về nhân cách của tâm lí học Xô viết. Một lần nữa, lôgíc của khoa học lại thúc đẩy giáo sư phải đi sâu vào lí luận tâm lí học xã hội. Và trong quá trình xây dựng ngành tâm ý học xã hội mácxít ở Liên Xô, những ý kiến của giáo sư Platônốp cùng với tập thể của mình (chủ yếu cùng với Sôrôva và Menxacốp) về tâm lí học xã hội cũng là một trường phái căn bản, được nhiều nhà khoa học Xô viết tán đồng. Nhờ có tầm mắt bao quát được nhiều ngành của khoa học tâm lí về cả lí luận lẫn thực tiễn – nhờ vốn tài liệu thực nghiệm phong phú của mình kết hợp nhuần nhuyễn với vốn học thức rất sâu rộng, thể hiện rõ trong các tác phẩm của giáo sư đặc biệt trong cuốn "*Tâm lí học*" do lòng đam mê vận dụng và phổ biến khoa học tâm lí trong cuộc sống giáo sư Platônốp đã được coi là một người có tài năng và có công bậc nhất trong việc phổ biến tri thức tâm lí học ở Liên Xô (cũ) do đó giáo sư được tặng danh hiệu cao quý "nhà hoạt động khoa học".

**Điều kì lạ của các thiên tài**

Lịch sử có rất nhiều trường hợp các thiên tài chỉ được mọi người biết đến khi họ đã lớn tuổi, thậm chí đã chết.

Nguyên soái Manneghem của Phần Lan cho đến 7 tuổi còn chưa biết nói. Nhưng sau đó trí tuệ của ông lại phát triển khá nhanh. Sau này ông biết rất nhiều ngoại ngữ. Còn nhà văn Pháp Emin Zola khi học phổ thông phải chật vật lắm mới đạt được điểm trung bình trong môn văn. Còn nhà văn cổ tích Đan Mạch,

nhà văn nổi tiếng người Nga Léptônxtôi, Trêkhốp ki còn nhỏ không có gì khác biệt với những trẻ em cùng lứa.

Nhà bác học nổi tiếng về vi sinh Luis Paxtơ đã bị thầy giáo môn hoá học đánh giá là học sinh dưới trung bình; còn thầy giáo của nhà bác học vĩ đại Anhxtanh nhận xét về ông như sau: "cậu học trò này sau sẽ chẳng làm nên trò trống gì cả". Sau này, nhiều người cho rằng Anhxtanh là một người chậm hiểu.

Song, trong thế giới của các thiên tài lại có một số những người tỏ vẻ tài năng của mình rất sớm. Nhà bác học nữ người Anh Laurens khi 14 tuổi đã thi xong chương trình toán và lí ở Đại học Otsphốt. Để hoàn thành chương trình đó cô chỉ mất đúng một năm học.

Nhà toán học thiên tài Friđích Gan-sơ lên 3 tuổi đã giúp bố cách tính nhẩm nhanh.

Nhạc sĩ thiên tài Na Uy, Vonfgang Play lúc 3 tuổi đã ứng tấu rất tuyệt vời các tác phẩm của Bramsơ và Genđen.

Còn ở Nam Triều Tiên có Kim Ung Eng bắt đầu làm cho bố mẹ và họ hàng kinh ngạc vào lúc 10 tháng tuổi. Lúc đó, cậu đã phân biệt được chữ tượng hình. Khi được 1 tuổi cậu đã phát biểu trên vô tuyến truyền hình không chỉ bằng tiếng mẹ đẻ mà bằng cả tiếng Anh. Cậu có vốn từ tiếng Anh tới con số 500.

Cậu bé người Anh 3 tuổi Tim Jôn đã làm mẹ cậu sửng sốt bởi bức thư tình say đắm cậu viết cho nữ ca sĩ Sinle Blây. Còn cậu bé 11 tuổi người Grudia đã nói thầm với thầy giáo về thuyết phân rã hạt nhân mà cậu tự nghĩ ra.

Vào đầu thế kỉ XX nhóm các nhà bác học đã lập ra một hệ thống xác định sự phát triển của trẻ em có tên là "IQ" (intelligence Quote). Sau đó hệ thống này được áp dụng cho cả người lớn.

Các chuyên gia Trường Đại học Stanfốt (Mĩ) đã liệt kê danh sách những thiên tài nổi tiếng nhất trong 400 năm qua và mỗi người được tính điểm theo hệ thống IQ về sự phát triển trí tuệ trước 17 tuổi. Kết quả thật bất ngờ.

Trí tuệ của một con người bình thường là từ 85 cho đến 115 điểm. Vậy các thiên tài có số điểm là bao nhiêu? Người có số điểm cao nhất là nhà triết học, kinh tế học người Anh ở thế kỉ XIX Giôns. Min được 190 điểm. Sau đó là văn hào nổi tiếng Đức Gớt 185 điểm; nhà triết học Pháp Vônte 170 điểm; nhạc sĩ thiên tài Áo Môda 150 điểm; nhà thơ Anh Byron 150 điểm, tổng thống Mĩ Tomas JefPheSon 145 điểm; nhà bác học Ý Galilê 145 điểm; Vua nước Pháp Napôlêôn 140 điểm; hoạ sĩ thiên tài người Ý Leonna đờ Vanhxi 135 điểm.

**Giải phóng tiềm năng sáng tạo**

Trong bản chất của mỗi người đều có một khả năng sáng tạo. Đừng để nó ngủ yên mà phải biết cách khơi dậy và phát triển nó.

Bạn có tính sáng tạo không? Như đa số mọi người, chắc chắn bạn sẽ muốn trả lời không. Và cũng dễ hiểu thôi: người ta luôn khiến bạn nghĩ rằng sáng tạo là một khả năng hiếm hoi, chỉ có ở các nghệ sĩ, một chức năng của bán cầu não phải.

Hai mươi lăm năm nghiên cứu đã cho phép tôi khẳng định rằng tính sáng tạo nằm trong tầm tay của mọi người. Đây là một nhận định mà tôi đã áp dụng thành công trong cuộc sống với trẻ em, các nhà giáo dục, những bậc cha mẹ và giới lãnh đạo.

Để giải phóng quyền năng sáng tạo của mình, bạn hãy nắm vững một chiến lược cơ bản sau đây:

1. Nắm bắt các ý tưởng: Những ý tưởng mới mẻ thường là những ý tưởng thoáng qua. Chúng đi qua ý thức của bạn trong nháy mắt. Nếu bạn không nắm bắt chúng ngay, chúng sẽ rơi vào quên lãng. Những người phát triển được tính sáng tạo đều biết rõ phương cách cho phép họ nhận diện và duy trì các ý tưởng mới.

Salavador Dali tìm ra những ý tưởng vẽ tranh trong trạng thái mà người ta gọi là như mơ ngủ (hipnagogique), ngay trước khi giấc ngủ đến. Nhà hoạ sĩ siêu thực ngồi trong chiếc ghế bành, cầm chìa khoá trong tay, giơ tay trên một cái đĩa đặt dưới đất. Nếu ông ngủ quên, chìa khoá rơi xuống đĩa sẽ làm cho ông thức giấc, lúc ấy ông vội vàng phác thảo lên giấy những hình ảnh kì lạ vừa hiện ra trong tâm trí. Giống như Dali, mỗi người trong chúng ta đều cảm nhận được những hình ảnh lạ lùng trước khi thiếp ngủ. Hoạ sĩ chỉ cần tạo ra một phương cách giúp ông tóm bắt chúng.

Các nghệ sĩ không bao giờ xa rời cây bút và quyển sổ tay. Các nhà văn hay nhà phát minh thường mang theo một quyển sổ tay hay một máy vi tính xách tay. Nếu không, họ sẽ ghi chép lên hoá đơn tính tiền ở nhà hàng, khăn ăn hay vé xe buýt.

Đây là một bài tập đơn giản mà tôi gọi là "nắm bắt giấc mơ tỉnh thức". Nó giúp cho bạn ý thức được tiềm năng sáng tạo của mình:

Nhắm bắt lại. Hãy để cho tâm trí ngao du trong vài phút. Thư giãn và để tư tưởng được tự do. Bạn đã rời khỏi căn phòng chưa? Trái đất? Ra đến vũ trụ? Với một chút thời gian và sự yên tĩnh, tất cả chúng ta đều có thể thấy, nghe và sống với những điều kì lạ không có trong thực tế. Tôi đã phổ biến bài tập này trên khắp thế giới, ngay cả tại Nhật, nơi mà ít người cho rằng mình có tính sáng tạo,

có lẽ vì những lí do văn hoá. Tuy nhiên, chỉ cần vài phút để họ thả hồn vào giấc mơ tỉnh thức cũng mạnh mẽ như những giấc mơ của Dali.

Một vài địa điểm, một vài tình huống có thể thích hợp hơn với thí nghiệm này. Đối với vài người thì đó là cái giường ngủ, phòng tắm hay trên xe buýt. Nhất là nếu có sổ ghi chép trên tay. Người khác lại cần phải ngồi bên bờ nước hay ở một mình giữa một căn chòi trong rừng sâu.

2. Hãy đưa ra những thách thức

Một phương cách tốt để khởi động các ý tưởng mới là tự đặt mình vào những tình huống tế nhị mà ta có nguy cơ thất bại. Thế nhưng đôi khi thất bại lại là nguồn sáng tạo. Với điều kiện chúng ta biết cách quản lí nó.

Khi bị thất bại trong một điều gì đó, chúng ta thường cảm thấy hụt hẫng và – điều chủ yếu trong sáng tạo – cố gắng chọn những hành vi mới. Vô số ý tưởng, sẽ tranh đua với nhau, kích thích quá trình sáng tạo.

Thử tưởng tượng bạn định mở một cánh cửa nhưng không được. Bạn cố gắng hết sức, rồi thử nâng nó lên hay đè vào nó. Nếu cần, bạn sẽ lay nó hích vai vào hay đạp nó, thậm chí gọi người đến giúp sức. Tất cả những cố gắng đó có thể sẽ giúp bạn tìm ra giải pháp mới. Tóm lại, tính sáng tạo chẳng có gì phi thường cả: nó chỉ là sự nối dài những gì chúng ta đã biết. Các vấn đề lớn, những câu hỏi muôn đời không có giải đáp có thể giúp bạn kích thích tính sáng tạo. Chính trong những tình huống khó khăn nhất mà chúng ta gần gũi với các thi sĩ, nhà soạn nhạc và nhà phát minh.

Trong gia đình hay với bạn bè, mỗi tuần bạn thử dành ra 15 phút để giải đáp các câu hỏi, chẳng hạn như: "làm sao trở thành triệu phú trong một tuần lễ? Làm sao bỏ được công việc nội trợ? Làm cách nào thay đổi khí hậu khó chịu trong vùng? Làm thế nào chống được sự lão hoá?". Tất nhiên là bạn không có câu giải đáp, nhưng những câu hỏi đó sẽ kích thích trí tưởng tượng của bạn.

3. Mở rộng kiến thức: khi mở rộng và phong phú hoá kiến thức, bạn sẽ củng cố đáng kể tiềm năng sáng tạo của mình.

Trong thập niên 40, kĩ sư Thuỵ Sĩ Geogres de Mestral đi dạo trong rừng trở về nhận thấy rằng quần ông bám đầy bông cỏ. Qua kính hiển vi, ông thấy chúng có nhiều móc nhỏ để bám vào các sợi vải. Thế là ông chế tạo ra một hệ thống móc và lọn nhân tạo: dãy khoá kéo Velero đã ra đời, kết quả của kinh nghiệm và trí tò mò về thực vật học.

Nhiều tiến bộ đã được thực hiện nhờ sự đan xéo các lĩnh vực khác nhau. Nếu bạn muốn phát triển óc sáng tạo, hãy đào sâu những vấn đề mà bạn không

biết. Bạn chỉ thường đọc sách trinh thám ư? Nên đọc thêm sách lịch sử. Nếu bạn chỉ xem các chương trình truyền hình về thể thao, hãy thử theo dõi các chương trình văn hoá.

4. Thay đổi môi trường: Bạn có thể gia tăng tính sáng tạo bằng cách hoạt động trong một môi trường có nhiều nhân tố kích thích, với điều kiện phải thường xuyên đổi mới chúng. Cách thức giao tiếp với người khác cũng là một dạng môi trường sáng tạo. Các buổi họp mặt luyện tập trí tuệ cũng rất hữu ích. Nhưng những ai xen kẽ các buổi tập nhóm với tập riêng rẽ lại có nhiều ý tưởng mới. Tại sao thế? Bởi vì tính sáng tạo trước tiên có tính chất cá nhân.

**Để kích thích sự sáng tạo**

Chỉ cần có một chút tài năng là có thể phát minh sáng tạo. Tính sáng tạo là động lực thúc đẩy phát minh khoa học kĩ thuật. Nguồn khả năng vô tận là bí quyết của một thành công. Tất cả sự thành bại của xã hội, công ti, xí nghiệp hoặc cá nhân đều quyết định bởi phép ứng biến. Do vậy, tự rèn luyện mình có khả năng kịp thời sáng tạo phát minh là biện pháp tốt nhất. Sau đây xin giới thiệu những cách kích thích sức sáng tạo, khả năng ứng biến và năng lực quan sát.

***Tin tưởng mình có sức sáng tạo***

Trở lực đối với việc kích thích sức sáng tạo là tự cho mình không có sức sáng tạo. Sở dĩ nhiều người có quan niệm này là do cha mẹ, thầy giáo... sai lầm đổ cho. Họ cho rằng sức sáng tạo là cái gì không thể với tới được, đối với các nhà phát minh thì họ kính nhi viễn chi. Kì thật thì khả năng sáng tạo không có gì thần bí cả. Chẳng hạn như người phát minh ra trò chơi điện tử, linh cảm của ông chỉ xuất phát từ trò chơi và ti vi mà thôi. Hai vật được người thời nay yêu thích, qua sự kết hợp của tác giả, biến thành một trò chơi đầy tính sáng tạo. Thật ra đó cũng chỉ là liên tưởng bình thường mà thôi.

***Nắm lấy linh cảm ngay lập tức***

Khi ý thức đã ở vào trạng thái ngủ hoặc chìm đắm ở những công việc khác thì tiềm thức vẫn tiếp tục hoạt động. Nhà thơ Shelley từng nói: "Nhà văn, nhà thơ, nhà nghệ thuật vĩ đại đều chứng thực linh cảm của tác phẩm mình bắt nguồn từ tiềm thức".

Bạn hãy thử xem: khi linh cảm đến, hãy ngừng mọi việc, đi nắm bắt lấy nó. Những người có sức sáng tạo lớn từng tuyên bố, linh cảm thường đến lúc trước khi ngủ hoặc vừa ngủ. Sự thực thì, lời nói của họ là có căn cứ khoa học. Sức sáng tạo có liên quan đến *van* của sóng não, còn *van* của sóng não khống chế ý thức, tri giác trong thời gian trước khi ngủ say.

Nếu tiện thì cạnh giường nên có giấy bút và máy ghi âm để khi nào linh cảm chợt đến thì ghi ngay lại. Cho dù đang buồn ngủ ríu cả mắt cũng không nên lười dậy, chỉnh lí lại câu từ vừa đến. Làm như vậy, kết quả đạt được hơn hẳn là sự cố gắng kéo dài suy nghĩ, gây nên sự mệt nhọc, thiếu ngủ.

***Không thoả mãn với hiện trạng***

Bằng lòng với hiện trạng thì không thể nào bật ra sức sáng tạo được, cần phải thoát khỏi nếp nghĩ cũ kĩ, thay đổi nhịp đi bình thường.

Hay làm như cách vẽ tranh, "ghi" vấn đề lên trang giấy. Vẽ tranh có liên quan đến hoạt động bán cầu não phải, nó có thể tạo nên hình ảnh, quan niệm và trực giác. Viết chữ có liên quan mật thiết đến bán cầu não trái phụ trách tri thức, chữ số, lôgic. Theo dòng tư tưởng, cứ để cho ngọn bút vẽ vung lên, vẽ ra vấn đề anh đang nghĩ, từ nhiều nhiều góc độ miêu tả nó, sau đó não sẽ điều khiển biến thành một bức tranh sinh động. Dần dần sau khi tạo thành thói quen dùng thị giác và tri giác xử lí vấn đề, bạn sẽ ngạc nhiên phát hiện ra rằng linh cảm sáng tạo cũng dễ thôi.

***Thay đổi hoàn cảnh mới***

Việc thay đổi hoàn cảnh mới có quan hệ mật thiết với sức sáng tạo. Theo nghiên cứu thấy rằng: Khi người ta ngồi trên máy bay thì dễ dàng nghĩ ra nhiều điều mới mẻ; khi máy bay rời khỏi mặt đất lên cao độ 8 dặm Anh (khoảng chưa đầy km) trí tuệ con người ở vào trạng thái có đầy ý tưởng sáng tạo. Ngoài ra, đi bách bộ trong công viên hoặc đi bộ trên bãi biển đều có tác dụng kích thích sức sáng tạo. Cuối tuần lễ về sống một vài ngày ở nông thôn cũng làm nảy sinh những ý tưởng mới mẻ.

***Suy nghĩ nhiều phương án***

Bình thường chúng ta có thói quen "chỉ nghĩ một đáp án". Rất nhiều nhà kinh doanh chỉ cần phát hiện ra một phương pháp có thể giải quyết vấn đề là thở phào nhẹ nhõm và nói: "Phương pháp này tốt đấy, chúng ta cứ theo thế mà làm". Nhưng, những người quản lí giàu sức sáng tạo sẽ nói: "Phương pháp này khá đấy, nhưng thử nghĩ xem còn có phương pháp nào tốt hơn nữa không".

Muốn tìm được nhiều cách giải quyết thì phải dựa vào sự suy nghĩ.

**Buổi bình thơ đặc biệt của nhà thơ Xuân Diệu**

Nhân vào công tác Sài Gòn, Xuân Diệu được mời nói chuyện thơ trong khuôn khổ gia đình, tại nhà chị Mai Huỳnh Hoa, với cử toạ là một nhóm thơ Đường. Trong căn phòng nhỏ này, người nghe ngồi cạnh đũa bát, bình hoa để một cách tự nhiên trên bàn. Nhà thơ hai bàn tay nắm chéo luôn để trước bụng,

trước ngực – một cử chỉ rất tự nhiên, thỉnh thoảng mắt hướng về phía góc căn phòng, chỗ có chùm hoa dây làm người nghe cũng hướng về phía góc ấy.

Tôi chờ một lời giới thiệu của ai đó về diễn giả. Nhưng không. Im lặng một chút. Nhà thơ Xuân Diệu vẫn tư thế ngồi, hai bàn tay vắt chéo, lưng thẳng, mắt hướng về trước, buông từng tiếng giọng miền Trung ấm áp:

Chị Mai Huỳnh Hoa, chị Châu Anh Phụng làm thơ Đường, nhóm thơ Đường của các chị có một hồn thơ, hương thơ của mùa cổ điển. Tôi xin tặng các chị và nhóm thơ Đường ba bài thơ tứ tuyệt *Tương tư*.

Bài thơ đầu tôi làm trong thời kì kháng chiến chín năm. Một buổi chiều nào đó, trời tim tím, tôi nhớ người thương, tôi nghĩ ra câu thơ: *Trời vọng chân mây nhớ tím trời*. Một câu thơ tôi thấy đứng được, vững chắc được. Không chỉ đúng mà còn hàm súc, ôm trùm bởi có âm, có sắc. Thế là câu thơ đóng vào tâm trí tôi. Về sau, tôi muốn làm một bài thơ tứ tuyệt, không thể thay câu gì khác. Đã có câu bốn, có *nhớ tím trời* thì câu ba của tứ tuyệt phải màu gì chớ. Lúc ấy tôi tìm chưa ra câu ba để sao cho tương ứng, đồng đều với nhớ tím trời. Phải chờ đến sau 1945, kháng chiến thành công, tôi đứng trước cửa đền Quan Thánh vào một sớm mùa thu, trong lá. Nhìn xa xa phía bên kia Hồ Tây là núi Tam Đảo, tôi nảy ra tứ: *Sớm trông mặt đất thương xanh núi* để đối lại *Chiều vọng chân mây nhớ tím trời*. Tôi coi như là đã chỉnh, chỉnh lắm. Chỉnh về cả chữ nghĩa, cả ý cả tình, khít rịt như hai răng cưa. Đã có câu ba, câu bốn, tôi làm thêm câu một, câu hai nữa là xong bài tứ tuyệt!

Giọng nhà thơ đọc chậm rãi, thắt lại da diết của một tâm hồn dồn vào hai câu cuối:

*Lâu lắm em ơi. Tháng rưỡi rồi*
*Bao nhiêu xa cách thế em ơi*
*Sớm trong mặt đất thương xanh núi*

Bài thơ tứ tuyệt *Tương tư* thứ hai: cách đây tám, chín năm, tôi lại tương tư một người tôi yêu mến. Con người, cứ tưởng nó là trung tâm vũ trụ. Nên khi nó tương tư, thì nó nghĩ ông trời nhớ bà đất. Và có lẽ vũ trụ cũng nhớ người yêu cho nên: *Bỗng nhiên trời đất nhớ người yêu/Cây vắng vẻ bởi chim bay, nắng vắng chiều*. Cây vắng vẻ bởi chim bay, còn nắng tạo một cảm giác vắng vẻ trong buổi chiều. Đây là buổi chiều tương tư!

Nhà thơ dừng lại, hình như cũng tạo cảm giác im lặng tương tư chăng? Lúc ấy tôi kịp nghĩ, câu một câu hai đã có kích thước tương tư là "ông trời, bà đất" và đối tượng cảm giác cho bài thơ cây vắng chim, nắng vắng chiều rồi đó.

Và câu thứ ba... Tôi đứng bên này sông Hồng, mùa đông nước chảy rất chậm. Tôi nhìn bên kia là tỉnh Hưng Yên cũ, nước cũng chảy chậm, tôi lại nhớ câu quan họ Bắc Ninh: Sông Cầu nước chảy lơ thơ, Đôi ta thương nhớ bao giờ cho nguôi. Thế là tôi thả nước chảy lơ thơ, tức là không khí tương tư. Tôi nhìn bờ Hưng Yên thấy cây sậy dài ngã xuống dòng sông, bị nước đẩy đi. Tôi lại thả tiếp bờ líu ríu. Như vậy là câu thơ đã có nghĩa bóng: nước chảy lơ thơ em vẫn còn hờ hững. Bờ líu ríu anh thì mê mệt vì em. Cả câu

Nước chảy lơ thơ và bờ líu ríu giữa có vần bản lề thơ và bờ níu chặt lại giữa trời và đất, giữa nước và bờ... Câu thứ tư tôi muốn nói sự vô biên của thương nhớ, của tình yêu: Mây chừng ấy đó, gió bao nhiêu. Tôi muốn đếm mây, tôi muốn đo gió. Vẫn nghĩa bóng: mây chừng ấy đó là anh thương em như vậy đó, gió bao nhiêu – em thương anh lại được ngần nào? Vẫn bản lề đó và gió lần này làm nhiệm vụ kết chặt vào thể thống nhất cả ba câu thơ trên:

*Bỗng nhiên trời đất nhớ người yêu*
*Cây vắng chim bay, nắng vắng chiều*
*Nước chảy lơ thơ, bờ líu ríu*
*Mây chừng ấy đó, gió bao nhiêu.*

Bài thơ tứ tuyệt thứ ba. Bài này xây dựng xung quanh cái trung tâm, tức là sự nhảy vọt của tình cảm. Ví dụ, hai anh chị cán bộ Đoàn đi công tác với nhau khoảng 5 năm. Có những khi đi công tác về khuya, bà con nông thôn ngỡ là họ yêu nhau. nhưng kì tình, người con trai chết điếng trong bụng, bởi anh có được xơ mú gì đâu. Một buổi chiều, dậy muộn như Giấc ngủ chiều thơ của Huy Cận, anh bỗng thấy xung quanh buồn qua, nhớ ai quá. Thôi chết rồi, nhớ cô Cúc chứ nhớ ai: Hoa tím tương tư đã nở đấy. Em Cúc ơi, em là nguyên do của nỗi tương tư. Cho nên em phải được:

*Hoa tím tương tư đã nở đầy*
*Mời em dạo bước tới vườn đay*
*Em xem yêu mến em gieo hạt*
*Hoa tím tương tư đã nở đầy.*

Bài thơ này không có đối, bộc trực, nhảy vọt tình cảm, cho nên tuy bốn câu, nhưng kì thực có ba câu!

Rồi nhà thơ dừng lại. Người nghe thì vẫn nối tiếp dòng cảm xúc của nhà thơ. Khi thấy nhà thơ sao dừng lâu, đều nhận ra bài thơ đã hết thì tiếng vỗ tay mới nổ, chính tiếng vỗ tay cũng bất ngờ, cũng nhảy vọt do bài thơ đã cuốn theo.

Bài thơ cùng tương tư, nhưng khác nhau về lối cấu tứ, lối xây dựng cách lập ý và giọng điệu của một tài năng thơ Xuân Diệu.

**Kỉ niệm 250 năm ngày sinh thi hào J.M. Goethe (Gơt)**

Thi hào Gớt một thiên tài huyền bí

Đại thi hào Đức J.M. Goethe (Gớt) sinh ngày 28/8/1749. Ngay từ nhỏ, thiên tài này đã nhạy cảm đặc biệt với những hiện tượng lạ lùng.

Là cậu con trai duy nhất của một gia đình khá giả và có học thức, từ nhỏ, Gớt đã bộc lộ những năng khiếu kì lạ. Chẳng hạn chỉ trong vòng mấy tuần, chú đã nắm được tiếng Do Thái và có thể đọc Thánh kinh bằng nguyên bản.

Từ rất sớm, Gớt đã làm quen với những trạng thái thần bí, cảm giác mãnh liệt về sự thống nhất giữa quá khứ và hiện tại.

Là một thanh niên điển trai với đôi mắt to có sức hút người đối diện, Gớt được phái đẹp say mê như điếu đổ. Cuốn đoản thiên tiểu thuyết mang tính chất tự truyện "Nỗi đau khổ của tràng Vécte", mà trong đó Gớt miêu tả nỗi đam mê của mình đối với cô người yêu của một anh bạn thân, không chỉ giúp chàng thoát khỏi sự ham muốn bất hạnh đó mà đem lại cho chàng tiếng tăm lừng lẫy trên văn đàn.

Trong cuộc sống, Gớt không chỉ tin vào những điềm báo mà còn làm theo chúng. Chẳng hạn "triệu chứng của quỷ thần" đã sui ông phải rời Roma. Nếu như con số chỉ ngày nào trên lịch bị dây bẩn thì ngày hôm đó ông thường quyết định không làm một công việc gì hệ trọng và nói chung, cố trì hoãn khởi sự những việc lớn. Muốn cho công việc trót lọt, Gớt thường khuyên các bạn "không nhắc đến nó".

Nhà thơ còn có khả năng tiên tri kì diệu. Hiện tượng nổi tiếng nhất trong lĩnh vực này là lời tiên đoán về cái chết của nhà thơ Đức, Sile, được miêu tả trong chương XI của tập hồi kí "Thơ ca và sự thật từ cuộc đời tôi". Lời tiên đoán được đưa ra trên cơ sở của một "chữ viết nhầm" trong bức chúc thư chúc mừng năm mới. Một hiện tượng không kém phần ngạc nhiên là lời tiên đoán của nhà thơ về trận động đất ở Mêxin, trước khi có những thông báo chính thức về sự cố này mấy tuần.

Quá trình sáng tác của Gớt cũng là một hoạt động không mấy bình thường. Theo sự khẳng định của chính nhà thơ, phần lớn các tác phẩm của ông được viết ra trong trạng thái mộng du. Thậm chí Gớt còn cho biết rằng, ông thích viết bút chì hơn là bút mực vì tiếng sột soạt của ngòi bút mực đã nhiều lần đánh thức ông dậy trong lúc ông đang làm thơ ở trạng thái mê ngủ!

Trong một bức thư gửi Plexing (1782) nhà thơ đã nói toạc ra rằng: "Tôi cảm thấy rằng tất cả những cái đó (tức công việc sáng tạo) đã diễn ra không phải theo ý muốn của tôi mà theo nguyện vọng của sức mạnh cao siêu, những ý nghĩ của sức mạnh đó không phải là những suy nghĩ của tôi".

Đánh giá về "Faoxtơ", tác phẩm chính của đại thi hào Đức, Frăngxơ Lingard đã có lần nhận xét rằng "Faoxtơ – đó là phép huyền bí mà ta cần cảm nhận về mặt tinh thần, chỉ thích giải nó bằng lí luận là chưa đủ...".

Sự thật bí của "Faoxtơ" là đề tài của một công trình hết sức lớn. Trong nhiều nghiên cứu bằng tiếng Đức, chẳng hạn cuốn "Gớt – nhà thần bí" của Luvera, tác giả đã chứng minh một cách thuyết phục rằng "Faoxtơ" là một cuốn sách thực thụ của những điều bí ẩn. Theo Enda Fructơ, nhà thơ thậm chí đã viết riêng một cuốn giải mã nọ đã được giấu kĩ và cho đến nay các học giả vẫn chưa tìm ra.

Nhà thơ rất tin vào ảnh hưởng của các vì sao đối với cuộc sống trên Trái đất. Ông đánh giá cao ngành chiêm tinh học và tỏ rõ sự am hiểu của mình về môn khoa học có uy tín này. Gớt khẳng định rằng con người tàng trữ ở trong mình nguồn điện năng và từ năng đặc biệt, bởi vậy họ có thể tác động đến nhau như những thỏi nam châm: khi thì có sức hút vào, khi thì có sức đẩy ra. Theo ông, ở những người đang yêu, sức hút rất mạnh và có tác động ở một khoảng cách khá lớn. Để minh hoạ cho điều đó, Gớt đã kể một mối tình của mình ở thời niên thiếu: hồi đó ông rất yêu một cô gái và đã tập trung nghĩ về nàng cho đến khi tự mình đến chỗ nhà thơ. "Ngồi trong phòng của mình, em tự cảm thấy rất sốt ruột – cô gái thật thà kể lại – đến nỗi em không thể làm gì được và phải đi ngay tới đây".

Suốt đời nhà thơ tin vào sự tồn tại của linh hồn sau khi chết. Cuộc sống ở dương thế được ông xem chỉ như là một tình tiết trong sự tồn tại vĩnh cửu của linh hồn. Có thể tìm thấy sự chứng minh đáng chú ý về việc sự sống vẫn tiếp tục sau khi chết trong phần thứ 1 của "Những bức thư từ Thuỵ Sĩ", trong đó, Gớt viết rằng: "Ở con người có rất nhiều tiềm năng tinh thần, chúng không thể phát triển hết trong cuộc sống này, và điều đó không thể không chỉ ra một tương lai hạnh phúc hơn, một tồn tại hài hoà hơn đang chờ đợi họ sau cuộc sống. Về điều này, anh bạn tôi ạ, chúng ta đều nhất trí với nhau".

Trong tập hồi kí "Những giờ với Gớt", V.Bôđê đã kể lại những hiện tượng bí ẩn quan sát thấy trước khi nhà thơ từ trần. Chẳng hạn, trước khi Gớt qua đời 8 ngày, lúc ông mới lâm bệnh, người nhà đã nghe thấy tiếng bổ củi, dường như có ai đang đốn cây, nghe thấy rõ cả tiếng cưa, thậm chí đôi khi người ta cảm thấy rằng dường như cả một núi củi đổ ập xuống các bậc thang. Một dấu hiệu khác

của cái chết đang đến gần là những ngọn nến đang cháy bỗng dưng tắt hết mặc dầu không có một tí gió nào trong nhà. Một hiện tượng lạ lùng nữa là, những giai điệu du dương của một bản nhạc phát ra từ những bức tường trong căn phòng nơi nhà thơ vẫn ngồi. Nghe được những âm thanh này không chỉ có bà Fôn Pôgơvít và những người khác sống trong nhà của Gớt mà còn có cả những vị khách đến thăm nhà thơ.

**Nhà toán học thần bí Lêôna Ơle**

Lêôna Ơle sinh ngày 4/4/1707 tại Bazen, Thuỵ Sĩ, trong một gia đình viên chức nghèo. Thời niên thiếu, ông được cha truyền thụ kiến thức. Cha ông một thời là học trò nhà toán học nổi tiếng Becnuli. Năm 13 tuổi, ông thi đỗ vào Trường Đại học Tổng hợp Bazen và học toán ở đây trong 4 năm... Năm 1726, ông được mời sang làm việc tại Viện hàn lâm khoa học Pêtécbua (Nga). Tại đây thực sự bắt đầu sự nghiệp nghiên cứu toán học và khoa học cơ học của ông. Ơle tham gia nghiên cứu trong nhiều lĩnh vực khoa học khác nhau và giảng bài cho sinh viên và nghiên cứu sinh ở Pêtecbua. Năm 1741, ông được vua Phổ Phờređorich mời sang Beclin. thành lập Viện hàn lâm khoa học Đức. Ông là Viện sĩ của nhiều Viện hàn lâm khoa học Nga, Pháp, Anh và nhiều nước khác.

Lêôna Ơle là một trong những nhà khoa học kì diệu nhất trong lịch sử khoa học nhân loại. Đã có hàng vạn cuốn sánh viết về ông nhưng vẫn chỉ mới "kí họa" được đôi nét về chân dung của con người thần thoại này. Không có một lĩnh vực toán học nào mà ông không có những phát minh có tính chất nền tảng. Số lượng công trình khoa học của ông không thể đếm xuể. Trước khi qua đời, ông đã có lời trăng trối vui vẻ rằng, Viện hàn lâm khoa học Pêtecbua (Nga) nơi ông đươc kết nạp làm Viện sĩ chính thức ông sẽ phải mất 40 năm mới có thể hiểu hết được các bản thảo của ông. Lêôna Ơle nói không ngoa chút nào. Hậu thế của ông đã phải mất 80 năm mới có thể hiểu được trên đại thể các công trình khoa học mà ông để lại cho nhân loại.

Các nhà khoa học thường nêu ra một ví dụ điển hình để nói về trí tuệ siêu việt của Ơle. Đó là một công thức toán học mà ngày nay mang tên ông. Nó có hình thức bên ngoài vô cùng đơn giản nhưng chứa đựng một sức mạnh khám phá vô cùng mạnh mẽ và bí ẩn. Ngày nay công thức đó đã được ứng dụng trong hàng loạt phát minh khoa học, kĩ thuật, công nghệ. Công thức đó được viết như sau: $e^{1x} = \cos x + i\sin x$

Trong công thức này số 1 gọi là số ảo, vì khi bình phương nó lên cho ta một số âm (–1). Đây là một trong các con số kì diệu nhất và màu nhiệm nhất của toán học.

Ơle đã phát minh ra công thức này như sau. Từ 3 công thức sau đây:

$$1 + x + x^2/2! + x^3/3! + ... = e^x$$

$$x - x^3/3! + x^5/5! - x^7/7! + ... = \sin x$$

$$1 - x^2/2! + x^4/4! - x^6/6! + ... = \cos x$$

Thay x bằng ix vào dãy số thứ nhất, Ơle đã nhận được công thức nổi tiếng trên đây.

Chưa hết, khi Ơle thay x bằng số π, ông nhận được công thức rất đơn giản nhưng hàm chứa những ý nghĩa khoa học thần bí và màu nhiệm sau đây:

$$e^{i\pi} = -1$$

Một công thức vô cùng đơn giản và đẹp đẽ liên kết ba chữ số thần bí của khoa học là **e, i** và **π.**

Xét về mặt lôgic hình thức thì phép tính của Ơle dường như không theo một quy luật nào cả. Cũng không thể chứng minh được bởi vì vào thời đại Ơle, chưa có một ai nghĩ đến việc đưa một chữ số mũ ảo, bởi vì trước Ơle các nhà toán học chỉ mới nghĩ đến các số thực. Nhưng kết quả mà Ơle thu được lại đẹp đẽ và có sức mạnh huyền bí, có tác dụng làm đơn giản hàng loạt các biến đổi toán học vô cùng phức tạp. Các nhà toán học Mĩ đời sau đã có nhận xét rằng công thức nổi tiếng của Ơle là một trong những công thức toán học chặt chẽ nhất, đẹp nhất, có sức mạnh thần bí nhất và có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong khoa học.

40 năm sau khi Ơle phát minh công thức nổi tiếng đó, các nhà toán học đã có nhận xét rằng, hậu thế chưa thể hiểu biết hết được ý nghĩa của công thức Ơle, nhưng đã chứng minh được nó và vì vậy đó là một công thức đúng. Nhân đây cần bàn thêm về thuật ngữ chứng minh. Ơle đã đưa ra một quy trình công nghệ trong toán học mà ngày nay phương pháp đó đã trở thành thông dụng. Đó là, trước hết cần phải xây dựng nguyên lí mới để mở rộng các khái niệm đã có, rồi đưa ra những khái niệm mới sao cho vừa phù hợp với những khái niệm đã biết, vừa không phá vỡ cấu trúc lôgíc của toàn bộ ngành toán học nhưng có thể áp dụng để mô tả các đối tượng mới.

Lịch sử phát minh ra công thức của Ơle cũng gần giống với lịch sử phát minh ra phương trình Srôđingơ rất nổi tiếng trong khoa học mô tả quá trình sóng của các hạt cơ bản. Cũng bằng trực cảm phi thường và gần như thần bí, Srôđingơ đã phát minh một công thức toán học vô cùng đơn giản và đẹp đẽ mô tả quá trình chuyển động của các hạt vật chất kì ảo, có tên là hạt cơ bản mà chưa một ai "sờ mó" được chúng. Phương trình của Srôđingơ cũng không cần chứng

minh nhưng lại đúng và về sau được sử dụng để mô tả và giải thích các quá trình thí nghiệm.

Vào cuối thế kỉ XVII, nhà toán học và vật lí vĩ đại Iacốp Becnuli đưa ra một bài toán tính tổng dãy số các đại lượng nghịch đảo của bình phương các số nguyên: $S = \Sigma(1/n^2) = 1/n^1 + 1/n^2 + 1/n^3 + 1/n^4 + ..$

Mặc dù là nhà toán học vĩ đại, Iacốp Becnuli không giải được bài toán đó. Thời ấy, Ơle đang là học trò của người em trai Becnuli. Ông ta cũng là một nhà toán học nổi tiếng. Vì thế, Ơle biết được bài toán này và ông đã tìm ra kết quả đơn giản đến mức kinh ngạc:

$$\Sigma(1/n^2) = \pi^2/6$$

Do đâu mà chữ số $\pi$ vô tỉ huyền bí lại lọt được vào lời giải tổng của các phân số hữu tỉ thông thường? Cách đây 300 năm, vào thời điểm Ơle, vì quá kinh ngạc trước thiên tài toán học, ngay cả các nhà toán học cũng đã nghĩ đến chuyện dường như có sức mạnh siêu nhiên mách bảo Ơle. Thực ra, số $\pi$ không phải là số vô tỉ thuần tuý. Nó thuộc tập hợp các **số siêu việt**. Được biết, số $\pi$ là một trong những số đo được sử dụng để xây dựng Kim Tự Tháp huyền bí ở Ai Cập và các nhà khoa học ngày nay đã phải giả thiết có lẽ con số này do nền văn minh từ ngoài hành tinh của chúng ta mang đến.

Trường hợp của Ơle là một trong những trường hợp đặc biệt trong khoa học chứng tỏ con người có một khả năng siêu phàm gọi là trực cảm. Một số nhà khoa học đã phát minh ra các quy luật tự nhiên vĩ đại chỉ bằng trực cảm, không cần chứng minh dài dòng chặt chẽ, nhưng lại hoàn toàn đúng và phù hợp với thực tế. Ngoài Ơle, còn có nhà hoá học người Nga Menđêlêép nằm mơ phát minh ra định luật mô tả tính chất tuần hoàn của các nguyên tố hoá học. Trong cái gọi là bảng tuần hoàn Menđêlêép, ông sắp xếp tất cả các nguyên tố đã biết theo một hệ thống chặt chẽ và để trống các chỗ mà theo ông các nguyên tố mới được xếp vào đó. Thậm chí ông còn miêu tả chính xác tính chất hoá học của chúng.

**"Không gian siêu Phi – Oclit" một tư tưởng kì lạ và táo bạo**

Trong hình học, có một khái niệm hết sức quan trọng đó là: cái tuyệt đối.

Một học sinh trung bình ngày nay có thể hiểu được rằng hai đường thẳng song song cắt nhau ở xa vô tận và quỹ tích những điểm xa vô tận ấy trong mặt phẳng (không gian Euclide hai chiều) là một đường thẳng, còn trong không gian (Euclide 3 chiều) là một mặt phẳng (bậc nhất, tuyến tính – Linear). Trong không gian Lobachevsky, đó là mặt bậc hai (Quadric). Điều này cũng dễ hiểu nếu ta tính đến số đường thẳng song song với một đường đã cho và đi qua một điểm

cho trước. Thế giới xa vô tận ấy được coi là cái tuyệt đối, bởi lẽ xa vô tận thì không cần phải tính kể từ đâu mà đi. Nói cách khác, cái tuyệt đối được coi là tĩnh, là chung cho mọi điểm trong không gian.

Tư tưởng "cái tuyệt đối" hình thành vào năm 1872 bởi Felix Klein.

Trong không gian Riemann (có độ cong dương) đường thẳng là khép kín, không có điểm ở xa vô tận. Tuy nhiên, vì thế giới số thực đã được mở rộng ra thế giới số phức, người ta cũng có cơ sở khoa học để chấp nhận sự tồn tại của "cái tuyệt đối" trong không gian Riemann, có điều nó gồm toàn điểm ảo.

Nhưng cho dù Oclit hay Phi – Oclít, dù thực hay ảo, tất cả các thế giới xa vô tận nói trên đều là "Tuyệt đối", là "tĩnh" là chung cho mọi điểm trong không gian. Người ta đã quá quen với sự tĩnh tại này, giống như đã quá quen với hình học Euclide, để không ai dám nghĩ tới những không gian trong đó thế giới xa vô tận là tương đối, cái tuyệt đối là đông, mỗi điểm của không gian là cái tuyệt đối – tức là có cái thế giới xa vô tận của riêng nó. Nói cách khác, không ai dám hình dung cái tuyệt đối thành tương đối.

Phải đợi đến năm 1963 mới có một người Việt Nam đó là Nguyễn Cảnh Toàn, lần đầu tiên có tư tưởng kì lạ và táo bạo. Thế giới xa vô tận có thể di động, thay đổi theo từng điểm, mỗi điểm có cái thế giới xa vô tận của riêng nó. Có lần để minh hoạ ý tưởng này, ông đã nói vui: "Cái xa vô tận của anh nó khác với cái xa vô tận của tôi!"

Tư tưởng mới lạ không "tự nhiên trên trời rơi xuống", mà mang tính tính kế thừa, rồi phát triển. Giáo sư Toàn thú nhận: trước 1963, bản thân ông cũng không thể nào quan niệm nổi một thế giới xa vô tận động như thế, vì nó rất trái với trực giác thông thường. Ông tâm sự về hoàn cảnh ra đời những ý tưởng mới như sau:

Khi làm luận án Tiến sĩ, đề tài của ông là: Lí thuyết đối hợp bộ n (tổng quát), nghiên cứu các quan hệ đại số đối xứng giữa n biến số. Về vấn đề này thế giới đã nghiên cứu nhiều, đến mức nhiều người coi là đã "bão hoà". Giống như một mảnh đất đã cày sâu, bừa kĩ, nếu cứ với phương pháp canh tác cũ thì dù cho có chăm chỉ, cần cù đến mấy cũng sẽ chẳng cho năng suất gì mới.

Nguyễn Cảnh Toàn nghĩ rằng nếu tìm ra được công cụ nghiên cứu mới thì sẽ tìm ra cái mới. Và thay vì chọn con đường đại số mà người ta đã "cày sâu bừa kĩ" thì ông chọn con đường Hình học (Hình học hoá).

Vấn đề cốt lõi là phải tìm ra một cái gì đó có thể coi là Khoảng cách giữa hai bộ giá trị khác nhau của n biến số. "Cái gì đó" ấy đã được toán học tìm ra

với n = 2. Nhưng với n > 2 thì không hề thấy có tài liệu nào nói đến. Thế là Nguyễn Cảnh Toàn tự nghiên cứu, tự khám phá. Qua một thời gian, theo ông kể lại, ông thấy quả là húc đầu vào đá. Ông thầm nghĩ: "Chả trách mà thiên hạ phải dừng lại với n = 2".

Đặt được một dấu hỏi có lí trong khoa học đã là khó rồi, trả lời được câu hỏi đó có lẽ còn khó hơn. Điều này thường chỉ xảy ra với một tâm hồn đa cảm mãnh liệt với khoa học. Theo một góc độ khác, nhà khoa học dường như cảm thấy mình chỉ tồn tại thực sự khi mình tư duy.

Với kinh nghiệm từng vận dụng có hiệu quả mối quan hệ biện chứng giữa cái chung và cái riêng, nhà khoa học Nguyễn Cảnh Toàn tư duy: "Phải tìm cho ra một cách nhìn mới, độc đáo về trường hợp n = 2 thì mới có thể khái quát lên cho trường hợp n > 2". Chính loài người đang thiếu cách nhìn đó nên mới phải chịu dừng lại ở n = 2, khi cho một phương trình bậc nhất đối với x, và cả với x':f (x,x') = 0 thì hễ cứ cho một giá trị của x sẽ tính được giá trị tương ứng của x' và ngược lại. Như vậy, cho một giá trị thì sẽ có hai giá trị, nên quan hệ giữa x và x' thường được kí hiệu là $[^1_2$ (I là Involution – phép đối hợp, 1 và y ý nói cho 1 biết 2). Như vậy n tối thiểu phải bằng 2. Nguyễn Cảnh Toàn đã dám quan niệm cả $I^0_1$, tức là không cho gì cả mà được I, để gần cho trường hợp người ta cho một giá trị bằng số nào đó (rõ ràng là chẳng có gì cả mà cũng được) Chính cách nhìn độc đáo này đã làm cho các chuỗi ****** nối tiếp nhau một cách tự nhiên, và khó khăn tích tụ từ non một thế kỉ (1872 – 1963) đã được tháo gỡ: Nguyễn Cảnh Toàn đã tìm ra cái gọi là "Khoảng cách" giữa hai bộ giá trị khác nhau của n biến số. Với "khoảng cách" như vậy thì không gian sẽ trở thành không gian gì?

Lúc đầu ông hi vọng đó là không gian Phi – Oclit, vì nếu thế, ông sẽ sử dụng được kiến thức phong phú của mình về hình học này để nghiên cứu lí thuyết đối hợp. Nhưng kết quả hiện ra dưới ngòi bút của ông lại không phải như vậy: Với n > 2, không gian không phải là Phi – Oclit: mỗi điểm của không gian có cái tuyệt đối riêng của nó.

Thật là bất ngờ! ông cẩn thận kiểm tra lại nhiều lần từng lập luận, từng phép tính. Tất cả đều vẫn đúng, chặt chẽ. ông đem vận dụng không gian mới mẻ này vào Lí thuyết đối hợp bộ n và đẩy ngược lí thuyết này lên. Đó là luấn án Tiến sĩ của ông hoàn thành vào năm 1963. Việc ông phát minh ra không gian độc đáo đó đã khiến cho phản biện tập thể của luận án ghi nhận rằng ông là một nhà hình học xạ ảnh thiên tài.

Ông tâm sự: "Nếu tôi sinh ra ở các thế kỉ trước thì có lẽ tôi đã hoang mang trước sự kiện quá trái với trực giác này: may thay tôi lại sinh ra ở thế kỉ XX, khi

loài người đã trưởng thành đến mức tin rằng: Một lí thuyết toán học dù kì quặc đến đâu, nhưng về mặt lôgíc mà đứng vững được thì nó phải chứa tiềm ẩn bên trong nó một sự phù hợp với một thực tiễn nào đó mà loài người chưa biết, bởi lẽ nó phù hợp với lôgíc không tự trên trời rơi xuống – lôgíc chính là sự phản ánh thực tiễn, được đúc kết từ thực tiễn".

Ông cảm thấy mừng rỡ, phấn chấn vì ý thức được rằng mình đang đứng trước một phát minh lớn. Nhưng ông không "ngủ say" trên thắng lợi. ông mải mê, cuốn hút vào cái không gian do ông sáng tạo ra đến mức đẩy tư tưởng tiến xa hơn nữa: "Lẽ nào cái không gian đó lại đơn độc? Hẳn là nó phải có bà con, họ hàng! Không gian vừa tìm ra có lẽ mới là một ví dụ đầu tiên của một lớp không gian rộng lớn với một lí thuyết tổng quát nào đó mà toán học chưa hề biết!".

Nghiên cứu, khám phá lí thuyết tổng quát đó trở thành đề tài mới của ông. Thật chẳng khác gì nhặt được viên đá đẹp và bây giờ ông muốn tìm cho hết loại đá đó trên khắp hành tinh. Cái khát vọng khoa học nghệ thuật mới quý giá biết bao!

Thế là nhà khoa học của chúng ta đã dành 6 năm (1963 – 1969) cho công việc đồ sộ này, không phải tại Matxcơva, hay Pari... mà phần lớn thì giờ tại nơi sơ tán, bên cạnh bao công việc bề bộn của một Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm.

Năm 1970, ông đã gửi Báo các công trình của mình cho Hội nghị toán học thế giới họp tại Nice (Pháp). Năm 1971, tập kỉ yếu của Hội nghị đã công bố công trình này của ông.

Năm 1971, ông nhận ba nghiên cứu sinh lấy đề tài trong hình học mới này. Một trong ba người là Nguyễn Đăng Phất, đã hoàn thành luận án năm 1975, góp phần cùng ông hoàn chỉnh lí thuyết mới. Tiếc thay, luận án này không bảo vệ trong nước được vì không có phản biện. Phải chờ đến 12 năm sau (1987), khi anh Phất sang thực tập ở Liên Xô (cũ) mới bảo vệ được (hai người kia thấy anh Phất làm xong (1975) không bảo vệ được nên đã rút khỏi đề tài). Khi anh Phất mới sang Liên Xô, thường gửi thư về cho ông biết tình hình: Sang đây cũng chưa tìm được phản biện, vì hình như các giáo sư ở Liên Xô (lúc đó) cũng chưa có điều kiện tìm hiểu công trình của Nguyễn Cảnh Toàn, nên họ rất thận trọng. Nhưng cuối cùng "cái gì tới vẫn tới": trường Đại học Sư phạm Lênin (Matxcơva) thử ra một Hội đồng Hình học, xem xét kĩ đề tài, và sau hơn một năm rưỡi mới kết luận: Lí thuyết Nguyễn Cảnh Toàn, có sự cộng tác của Nguyễn Đăng Phất hoàn toàn đứng vững!

Giáo sư tiến sĩ Rozenfeld B.A, người hướng dẫn bên cạnh Nguyễn Cảnh Toàn tuyên bố: "Mặc dầu lí thuyết về các không gian có tuyệt đối động chỉ mới

được nghiên cứu ở một mức là nước CHXHCN Việt Nam, nhưng đề tài luận án hoàn toàn mang tính thời sự. Vì nó mở rộng các nghiên cứu về các không gian Phi – Oclit cổ điển; không nghi ngờ gì nữa, nó sẽ tìm thấy ứng dụng trong hình học, toán học, khoa học tự nhiên". Còn tiến sĩ phản biện Kiricchenko thì khẳng định "Lí thuyết này mở ra một triển vọng lớn, một chân trời mới!".

Sau này, vì thấy rằng Tĩnh là một trường hợp đặc biệt của Động khi tốc độ bằng 0, nên Hình học Phi – Oclit là trường hợp rất đặc biệt của Hình học các không gian có tuyệt đối động, nên giáo sư Nguyễn Cảnh Toàn mới đổi tên gọi hình học của mình là Hình học siêu Phi – Oclit (Géométrie Ultra – Non – Euclidienne).

Tôi, người viết bài này, phỏng vấn ông: "Thưa giáo sư, vừa rồi Trung tâm tiểu sử Quốc tế IBC (International Biographical Centre) đã chọn giáo sư là một thành viên của OIF (Order of the International Fellowship) gồm 500 người được coi là tinh hoa (elite) trong số 25.000 danh nhân quốc tế. Việc này có phải do công trình toán học đặc sắc của giáo sư không?". Giáo sư Toàn khiêm tốn trả lời: "Tôi cũng chẳng rõ, chỉ biết vừa rồi, nhân dịp sắp kết thúc thế kỉ XX, IBC có tặng tôi Tấm bằng danh dự". Rồi ông đưa cho tôi xem, kèm theo một số tài liệu, sách vở khác của quốc tế viết về ông. Tôi chỉ xin trích hai thông tin tiêu biểu:

– Trung tâm IBC tặng giáo sư Nguyễn Cảnh Toàn "Bằng danh dự rạng rỡ" (Illuminated Diploma of Honour) để khẳng định những thành tựu nổi bật (Outstanding achievements) trong lĩnh vực toán học và giáo dục trong suốt hơn nửa thế kỉ XX.

– Từ điển Tiểu sử quốc tế (Dictionary of International Biographi) thì ghi trong phần tiểu sử Nguyễn Cảnh Toàn là "đã phát minh ra hình học siêu – phi oclit" (Innovated the ultra Non – Euclidean Geomtry).

Truyện tò mò thứ hai mà tôi lại định phỏng vấn ông là: "Liệu cái lí thuyết cao siêu của giáo sư có thể chứng minh được bằng các phương tiện của khoa học thực nghiệm hay không, như vật lí chẳng hạn?". Tôi nghĩ vậy vì nhớ lại lịch sử toán học có kể rằng Riemann sau khi công bố các tư tưởng hình học trứ danh của ông thì cũng bị hỏi vặn kiểu như vậy. Và Riemann đã vững tin trả lời: "Tiếc rằng vật lí hiện nay chưa đủ sức làm điều đó, nhưng tôi tin chắc rằng trong tương lai loài người sẽ làm được". Đó là quãng giữa thế kỉ XIX. Và như ta đã biết hơn nửa thế kỉ sau, Einstein đã làm cái điều Riemann tiên đoán, giáo sư Toàn gần như đoán được ý nghĩ của tôi, ông tự bạch:

– Tôi cảm thấy cái không gian toán học có gì đó liên quan đến những sự kiện vật lí mới nhất: bên cạnh việc vũ trụ đang giãn nở, người ta đã phát hiện ra

có cả hiện tượng vũ trụ co lại. Như vậy "giãn nở" hay "co lại" chỉ là tương đối. Tuy nhiên liên hệ về vật lí của tôi còn mơ hồ lắm. Nhưng liên hệ về tâm lí thì rõ hơn vì tâm lí thì mang tính chủ quan (riêng cho mỗi người), gắn với cái tương đối, mà trong hình học của tôi, cái "tuyệt đối" lại là "tương đối".

Tôi không thể không thú nhận rằng tôi bị bất ngờ nhưng hoàn toàn rơi vào niềm cảm hứng miên man cùng với sự khâm phục một bộ óc đã 70 tuổi, nhưng vẫn đầy ắp những tưởng tượng lãng mạn khoa học – cái chất liệu làm cho mỗi con người và toàn nhân loại này trở nên siêu việt hơn bất kì vật thụ tạo nào mà "đấng hoá công" đã dày công sáng tạo ra! Giáo sư Toàn cười vui và nói:" phải chăng hai người dễ thông cảm nhau ấy vì cái "khoảng cách" tâm lí giữa họ là hữu hạn, là nhỏ. Còn hai người nào đó không thể nhìn mặt nhau được, ấy là vì cái "khoảng cách" ấy là vô tận ? Cái khó của khoa học là làm sao định lượng được, toán học hoá được khái niệm "khoảng cách" này. Giáo sư tự tin nói tiếp: "Vấn đề ranh giới giữa vật lí và tâm lí vẫn là một khu vực "tranh tối tranh sáng". Tuy nhiên đã có rất nhiều bằng chứng cho thấy là lực tâm lí có thể tác động như một lực vật lí. Có lẽ hạt cơ bản phải là những thực thể nhỏ nhất, mà là các siêu-vi-hạt! Nếu khám phá ra khác "siêu-vi-hạt" thì có thể giải thích được một cách khoa học các cơ chế tâm lí và lúc đó thì các khái niệm tương đối động trong lí thuyết siêu phi – oclit sẽ trở thành dễ hiểu...".

Ý niệm về các "siêu-vi-hạt" làm tôi liên tưởng đến các ý niệm về "thể sách", "thể khí" của các đạo đông phương.

Tôi đọc thấy trong cái "trường tâm lí siêu-vi-hạt" của nhà khoa học 70 tuổi cái khát vọng được mọi người hiểu mình, đúng hơn là hiểu cái tư tưởng khoa học của mình. Hình như một trong các hạnh phúc lớn nhất trong đời người là được người khác hiểu mình.

Mong sao bài viết này góp phần nhỏ bé để giới thiệu với đông đảo bạn đọc, đặc biệt là thế hệ trẻ, về một tư tưởng khoa học Việt Nam kì lạ và táo bạo, cũng để tự hào mà nói rằng người Việt Nam cũng có thể đạt tới những thành tựu không thua kém gì những bộ phận phát triển nhất của nhân loại".

**"Rồng đen" hay câu chuyện về một nhà khoa học**

Người có 15 bằng sáng chế

Từ nhỏ Nguyễn Dần rất chăm học và thông minh. Tính tò mò và ý thức về sự khám phá, sáng tạo luôn luôn rạo rực trong suy nghĩ non nớt của tuổi thơ. Thích phá phách nghịch ngợm và tìm tòi. Lên lớp 7, Nguyễn Dần tỏ ra là một "cây toán học" của lớp, luôn đạt điểm tuyệt đối. Các môn học tự nhiên luôn là

niềm đam mê rất lạ đối với cậu bé Nguyễn Dần hơn là những áng thơ văn. Những năm học cấp III trường Phan Đình Phùng – Hà Tĩnh Dần luôn đạt điểm cao nhất.

Năm tháng trôi qua, từ không mấy yêu thích đến yêu thích say mê môn Hoá học đã giúp anh trở thành một sinh viên xuất sắc của trường Đại học Lomonosov, được quyền ưu tiên có thể không cần lên giảng đường học. Vừa học thạo tiếng Nga để giao tiếp và học tập, Nguyễn Dần phải học thạo cả tiếng Pháp, Anh, để tham khảo các tài liệu nghiên cứu. Tại Viện Hoá Lí Karpov nổi tiếng của Liên Xô và Thế giới, Nguyễn Dần đã bảo vệ thành công xuất sắc luận án khoa học. Anh đã chứng minh rằng 14 chương trình hoá học trắc nghiệm của Tiến sĩ hoá học Anatoli losiv Gelbshtein – thầy hướng dẫn anh làm luận án tốt nghiệp – có những sai số quá lớn (30 – 40%) trong khi sai số cho phép chỉ là 4 – 5%. Giáo sư tiến sĩ A.I.Gelbshtein đã quá xúc động ôm lấy học trò cưng của mình mà khóc vì vui sướng, tự hào. Chín năm liên tục vừa học, vừa làm công tác nghiên cứu, sau đó là ba năm trở lại Nga gián đoạn đã gói trọn 12 năm gắn bó với Liên Xô đối với Nguyễn Dần là cả một khối lượng khổng lồ về thành tựu khoa học tiên tiến mà ông lĩnh hội được. Kết quả của tất cả năm tháng vật vã dùi mài nghiên cứu sáng tạo của ông là 15 bằng sáng chế (Pantents) trong đó có 11 bằng của nước ngoài cấp và cả thảy khoảng 60 công trình khoa học ông đã đóng góp cho khoa học công nghệ nước nhà. Điểm mặt những "thành tựu khoa học" của ông trở thành nổi tiếng đến nay như: Meukeo chống thấm Rồng Đen, công nghệ sản xuất soda và bột nhẹ, công nghệ bảo quản thực phẩm tươi sống trong môi trường vô trùng, công nghệ sản xuất Parafin và nhựa đường (hắc ín) từ rác dầu mỏ. Và nay mai sẽ là công nghệ mới: tái chế chỉ từ bình ắc quy phế thải, túi chứa nước cho các vùng café...

PGS.PTS. Nguyễn Dần có nhiều bằng sáng chế như vậy liệu ông có là một nhà khoa học "giàu có" hay không? Chỉ cần nhìn xem những "thành quả" sáng tạo của ông, tôi cũng đủ rơi từ ngạc nhiên này sang ngạc nhiên khác, còn ông thì thản nhiên như không: "Bằng sáng chế, công nghệ mới mà không có ích cho đời thì có chả để làm chi. Tôi nghĩ thế đấy!". Có một lần nọ, một nhà sáng chế đã hỏi ông bằng sự ngạc nhiên thán phục: "Sao ông giàu như thế". Vì ở Mĩ, để có bằng sáng chế khoa học công nghệ phải tốn kém không dưới 50.000 USD mới có cơ may thành công. Còn nhà khoa học Nguyễn Dần đành phải xếp "đống bằng" sáng chế của mình vào tủ để... kỉ niệm.

**Những sản phẩm chất xám của Nguyễn Dần**

Sáng tạo ra công nghệ mới không là con đường bằng phẳng êm xuôi, mà luôn luôn là những nghịch lí trớ trêu. Công nghệ sản xuất soda và bột nhẹ của Nguyễn Dần là một sản phẩm rất cần cho nhiều ngành công nghiệp trong nước, trong khi hàng năm phải nhập từ nước ngoài khoảng 100.000 tấn. Nguyễn Dần đã cải tiến triệt để công nghệ solvat của thế giới tạo nhiều ưu thế hơn: rút ngắn chiều dài thiết bị còn 10m (thiết bị phản ứng Solvat dài).

**Sáng tạo ở tuổi xế chiều**

Trong lịch sử loài người có không ít những trường hợp các nhà khoa học vào cuối đời mình đưa ra những phát minh kì diệu, những đóng góp hết sức lớn cho nền văn minh nhân loại. Điều đó chứng tỏ rằng con người ở tuổi "xế chiều" không những có thể tiếp tục sáng tạo mà còn thể hiện khả năng sáng tạo ở mức độ cao. Xin nêu một vài ví dụ để bạn đọc tham khảo:

Nhà toán học Ácximét đã nghĩ ra gương lõm đúng vào ngày sinh lần thứ 75 của mình.

Nhà bác học Êđisơn đã có 40 phát minh khác nhau khi ông đã ngoài 80 tuổi.

Danh hoạ nổi tiếng người Italia Títsian vào năm 95 tuổi đã vẽ bức tranh đẹp nhất của đời mình "Khóc than Khrista".

Nhà triết học cổ Hi Lạp Đêmôcrit; nhà điêu khắc, danh hoạ và nhà thơ Itali Milelangielô; nhà bác học người Anh Niutơn; đại văn hào Đức Gớt đều đã thể hiện tài năng xuất chúng của mình ở tuổi ngoài 80.

Thi sĩ Beranghe làm việc và sáng tạo cho đến năm 77 tuổi, nhà văn Vichto Hugô làm việc cho đến 83 tuổi, nhà vi sinh vật học Hamalea làm việc đến 90 tuổi, nhà văn B. Sou sáng tạo đến năm 94 tuổi.

Còn nhà biên kịch nổi tiếng Vécdi vào năm 80 tuổi đã viết tác phẩm nhạc kịch nổi tiếng: "Falstaf".

Nhà siêu vi trùng học Nga Vinôgrátxki chết ở tuổi 97, ngay sau khi hoàn thành hiệu đính một cuốn sách mới của mình.

Ở tuổi 106 nhà thơ A.Đ. Brianxki người Matxcơva đã sáng tác một tập thơ với bút danh "Sasađơ".

Nữ văn sĩ cao tuổi nhất thế giới là bà Elisơ Polốc. Cuốn sách nổi tiếng: "Chân dung tuổi trẻ của tôi" được ấn hành vào tháng 3/1971 khi bà đã sống trên trái đất được 102 năm 8 tháng.

**Những con người bình dị nhưng đầy tài năng**

Nguyễn Kiều Liên: Người Việt Nam duy nhất được nhận học bổng do Gates Cambridge (Báo Lao động 18/12/2003).

Mỗi năm Bill Gates, ông chủ của hãng máy tính lớn nhất thế giới Microsoft, đồng thời cũng là người giàu nhất thế giới hiện nay chỉ dành cho rất ít sinh viên trên thế giới những học bổng đặc biệt có giá trị với những tiêu chí hết sức khắt khe. Người được tuyển chọn sẽ được nhận học bổng và học tại Trường Đại học lừng danh và lâu đời nhất thế giới là Cambridge (Anh).

Đại học Cambridge (nằm phía bắc Luân Đôn vương quốc Anh) là một trong 5 trường Đại học danh tiếng và lâu đời nhất thế giới (thành lập năm 1209). Trong lịch sử của mình Cambridge có hơn 60 giải thưởng Nobel do các giáo sư của trường nhận được. Rất nhiều nhà khoa học nổi tiếng thế giới như Isắc Niutơn, Đácuyn... đều học ở đây. Nhiều nhà lãnh đạo của nhiều quốc gia cũng từng là sinh viên của trường. Hàng năm tại trường có hơn 15000 sinh viên theo học. Được học tại Cambridge là niềm tự hào đối với bất cứ một sinh viên nào trên thế giới. Chính vì vậy mà việc tuyển chọn vào đây cũng vô cùng khắt khe.

Trong suốt những năm tháng học phổ thông Kiều Liên luôn đạt tổng số điểm gần như tuyệt đối. Bảng điểm tốt nghiệp phổ thông của Kiều Liên được tuyển thẳng vào Đại học Y Hà Nội và trở thành một sinh viên xuất sắc. Năm 2000, khi đang học năm thứ hai Đại học Y Hà Nội, Kiều Liên đã được Đại học Adelaide (Ôxtrâylia) chọn để trao học bổng toàn phần (trị giá 10.000 USA/năm) và Kiều Liên đã lên đường sang Ôxtrâylia khi mới 19 tuổi. Trong 4 năm học tại Adelaide, Kiều Liên cũng luôn là sinh viên xuất sắc toàn trường, vượt qua cả kết quả của các sinh viên nước ngoài cũng như chính sinh viên Ôxtrâylia của trường, gây nên một sự ngạc nhiên lớn trong Ban giám hiệu trường Đại học này. Ngay trong khi học ở Adelaide Kiều Liên đã nhận được học bổng xuất sắc của tập đoàn ESSO/MOBIE rồi huy chương của JCEC (Uỷ ban công nghệ hoá học Ôxtrâylia) tặng vì những nghiên cứu có giá trị đem lại hiệu quả xã hội cao. Kết quả học tập của Kiều Liên tai đây cũng thật đáng nể, tổng số điểm luôn là 89,3/100 điểm. Ngày 18/12/2004 là ngày mà Kiều Liên là sinh viên Việt Nam nhận bằng danh dự hạng nhất của đại học Adelaide trao tặng sau khi tốt nghiệp.

Học bổng Gates Cambridge do Bill Gates lập năm 2001, và mỗi năm chỉ chọn 50 sinh viên giỏi ở tất cả các nước trên thế giới để đưa sang đào tạo tại trường Cambridge. Trường đại học Adelaide đã trực tiếp giới thiệu Kiều Liên. Không ngờ chỉ một thời gian sau nhận được hồi âm của Hội đồng tuyển chọn và

sau đó chính Bill Gates đã gửi thư mời đến tất cả các sinh viên được chọn trong đó có cô. Tiêu chí để chọn dựa trên 4 tiêu chuẩn mà bắt buộc một sinh viên phải đạt được, đó là: trí tuệ phải đặc biệt ưu tú, có thành tích đặc biệt xuất sắc trong suốt các năm học phổ thông cũng như đại học, có tư chất của một nhà lãnh đạo tương lai có thể góp phần làm thay đổi bộ mặt thế giới, làm thế giới tốt đẹp hơn. Có mong muốn cống hiến cho thế giới bằng những công trình nghiên cứu hay thành tích cụ thể. Học bổng của Gates Cambrideg với những tiêu chuẩn lựa chọn khắt khe, năm 2004 quỹ học bổng Gates Cambridge chọn 50 sinh viên thì Nguyễn Kiều Liên là sinh viên Việt Nam duy nhất. Sau 3 năm học tập, Nguyễn Kiều Liên sẽ đạt học vị Tiến sĩ, khi tốt nghiệp tại Cambridge Kiều Liên mới ở độ tuổi 25 và có lẽ cô sẽ là nữ Tiến sĩ chuyên ngành hoá học trẻ nhất ở Việt Nam.

**Ông "Tiến sĩ chân đất" và rau sinh học giá trị cao**

Có một "Tiến sĩ chân đất" bỏ tiền thuê đất của nông dân để trồng rau. Nhưng vườn và rau của ông chẳng giống ai. Vườn mà lại không hề sử dụng đất, vườn nằm trên cao, cao hơn đầu người, vườn tầng! Sau 3 năm khảo nghiệm "rau sinh học" cao cấp sản xuất trên vườn tầng của ông đã có mặt ở hầu hết các khách sạn, nhà hàng quốc tế ở Đà Lạt, Thành phố Hồ Chí Minh, Tây Ninh, Đà Nẵng, Huế, Hà Nội... và có đơn đặt hàng từ châu Âu.

Khi chúng tôi hỏi ý tưởng sản xuất rau sinh học xuất phát từ đâu, Tiến sĩ Nguyễn Bá Hùng nói ngay: "từ nhu cầu khách hàng, tôi làm cái mà người ta đang cần".

Để sản xuất được cái người ta cần ấy, Tiến sĩ Hùng mất gần 5 năm nghiên cứu mô hình và gần 2 năm vật lộn với vườn treo, trải quả nhiều phen thất bại và chấp nhận thua lỗ cả trăm triệu đồng. Theo Tiến sĩ Hùng, muốn có rau sinh học đúng nghĩa phải gieo trồng trong nhà lưới, nhà kính và trong môi trường hữu cơ, chứ không thể sản xuất bằng đất thông thường. Tuyệt đối không thể sử dụng phân hoá học, thuốc trừ sâu bệnh và phải cách li mặt đất để ngăn ngừa sự xâm nhập và hạn chế sâu bệnh. Nhưng đâu chỉ có thế, muốn sản phẩm đạt yêu cầu chất lượng, màu sắc, mùi vị còn phải khảo nghiệm tỉ mỉ môi trường hữu cơ thích hợp với từng chủng loại, lượng khí cácboníc cần thiết, rồi độ ẩm, nhiệt độ, ánh sáng, có thời điểm ban đêm phải thắp sáng bằng đèn điện... Có nghĩa là muốn sản xuất rau sinh học giá trị cao phải áp dụng một quy trình kĩ thuật canh tác đặc biệt, kết hợp với các biện pháp sinh học tổng hợp.

Ông "tiến sĩ chân đất" nói bây giờ người ta không chỉ cần ăn ngon bằng miệng mà còn ăn đẹp bằng mắt nữa. Thức ăn ngoài yếu tố đủ chất bổ dưỡng, còn

phải có hình thức đa dạng, có màu sắc đẹp, hấp dẫn. Rồi ông giải thích: ban đầu con người coi rau tươi là một nhu cầu không thể thiếu đối với cuộc sống, vì thế 40 – 50 năm trước người ta tiến một bước là nghiên cứu tạo ra những giống lai cho năng suất cao để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng. Khi có đủ lượng rau rồi người ta lại nghĩ đến việc làm sao phải có rau sạch, rau an toàn đảm bảo sức khoẻ cho con người (Việt Nam ta đang ở giai đoạn này). Bây giờ trên thế giới người ta đang chuyển sang xu hướng sử dụng rau sinh học hữu cơ có giá trị dinh dưỡng cao và an toàn tuyệt đối, chỉ cần dùng số lượng rất ít nhưng vẫn đảm bảo chất lượng và đầy đủ các vitamin... có nghĩa là cần loại rau lượng ít mà chất nhiều, có giá trị kinh tế cao hơn.

Dẫn chúng tôi tham quan vườn treo, Tiến sĩ Hùng cho hay: công ti của ông đang sản xuất 78 chủng loại rau, riêng rau thơm có 18 loại với mùi vị, hình thức màu sắc khác nhau; 12 loại xà lách đa màu, đa dạng; củ cải ngọt thì dài có, tròn có, bầu có; màu sắc phong phú nào là vàng, trắng, đỏ, vân hồng, củ dền cũng thế lại có cả những đường vân đủ màu như đã được các hoạ sĩ tô thêm sắc màu...

Với những tấm rau, củ mới ấy lần đầu sản xuất được ở Việt Nam đã đáp ứng nhu cầu thẩm mĩ, ẩm thực của các đầu bếp khó tính đến từ nước ngoài và thực khác trong nước. Cuối năm 2002 khách sạn Sofitef DaLat Place kỉ niệm 80 năm thành lập, vị "bếp trưởng" tài ba đến từ nước Pháp không ngại tốn kém đã chiêu đãi thực khách tham dự bữa tiệc thịnh soạn chỉ toàn bằng rau sinh học độc đáo này, khiến nhiều người ngạc nhiên thích thú.

Có lẽ cũng cần nói thêm, cách đây 5 năm Nguyễn Bá Hùng là người đầu tiên nghiên cứu thành công quy trình sản xuất rau sạch, rau an toàn Đà Lạt và cũng là dự án sản xuất rau sạch – rau an toàn đầu tiên cả nước được Hội đồng khoa học công nghệ cấp Nhà nước nghiệm thu. Trước đó ông đã có 4 năm du học và lấy bằng Tiến sĩ sinh học ở Viện Nông nghiệp quốc gia Pháp (năm 1994). Khi trở về Việt Nam, có thời gian ông làm việc cho các Công ti nước ngoài nhưng sau đó ông thành lập Công ti riêng – Golden Garden để sản xuất và kinh doanh rau an toàn. Suốt 7 năm qua, sản phẩm rau sạch của Golden Garden đã đăng kí nhãn hiệu độc quyền, được các siêu thị, khách sạn, nhà hàng, các hãng máy bay... tin dùng. Khi có sản phẩm mới rau sinh học giá trị cao, ông Hùng đã đăng kí thêm nhãn hiệu mới "Baby Vegetables – Chefs Garden" và ngay lập tức được khách hàng đón nhận.

Chào hàng ở châu Âu, qua thẩm định rau sinh học Đà Lạt được đánh giá có chất lượng cao hơn rau sinh học sản xuất bằng phương pháp thuỷ canh tại châu Âu nên có đối tác từ Đan Mạch bay qua tham quan mô hình sản xuất và đề nghị

kí kết hợp đồng mua hàng lớn và dài hạn, nhưng với quy mô hiện tại (5 sào) công ti chưa thể đáp ứng, đành khất lại.

Điều đó cho thấy tiềm năng của Đà Lạt, của Tây Nguyên rất lớn, đang đòi hỏi được đầu tư, khai thác.

**Gặp người dẫn chương trình "Khám phá thế giới Computer"**

Rất nhiều khán giả cả nước đã biết đến gương mặt trẻ Hồng Minh trong vai trò người dẫn chương trình "Khám phá thế giới computer" suốt một năm qua. Các bạn sinh viên cũng đã gặp Hồng Minh trong nhiều phần thi hùng biện ở "SV 2000", "Olimpic Mác – Lênin..." Khác với hình ảnh một cô gái có khoa nói giỏi giang, quyết tâm giành phần thắng trong mỗi cuộc thi, thì Hồng Minh ở đời thường lại thật rụt rè, khiêm tốn khi nói về mình.

Nguyễn Thị Hồng Minh đang ở tuổi 22, là sinh viên năm cuối khoa Ngữ văn (Đại học Sư phạm I Hà Nội), sinh ra và lớn lên ở huyện miền núi Thanh Sơn xa xôi nhất của tỉnh Phú Thọ. Bố là kĩ sư mỏ, mẹ là giáo viên toán, anh và em Hồng Minh đều theo ngành tự nhiên, vậy mà cái duyên văn học lại gắn bó với bạn. Năm lớp 9, 11, 12 bạn đều đạt giải Nhì, Ba quốc gia môn Văn học. Không những thế, Minh còn rất "nổi" trong vai trò người dẫn chương trình của mái trường chuyên Hùng Vương – Phú Thọ.

Được tuyển thẳng vào đại học, Hồng Minh chọn khoa Ngữ văn (ĐHSP) để theo đuổi con đường dẫn chương trình của mình, bạn đỗ vào lớp chất lượng cao. Lớp cử nhân tụ hội nhiều tài năng này đã đòi hỏi Hồng Minh sự không ngừng cố gắng. Suốt mấy năm đèn sách, Minh luôn đạt điểm giỏi từ 8,5 trở lên. Ngoài phần thưởng, học bổng của trường, Hồng Minh được nhận học một suất học bổng Nguyễn Tuân – giải thưởng được trao tặng 2 năm một lần cho sinh viên có điểm cao nhất ở khoa Ngữ văn. Chưa hết, Minh còn là người đội trưởng đem về nhiều thành tích trong các cuộc thi, là người dẫn chương trình duyên dáng. Nhỏ nhắn, xinh xắn, khéo léo, Hồng Minh đã luyện tập cho mình khả năng nói trước nhiều người, trước ống kính ngày càng tốt hơn. Năm 2000, Hồng Minh được giải Nhất sinh viên thanh lịch do Đoàn trường tổ chức, phần thi hùng biện sinh viên 2000 được đánh giá cao. Năm 2001, đạt giải Nhất cấp Bộ khi tham gia nghiên cứu khoa học với đề tài: Một số vấn đề trong tập thơ chữ Hán *Ức Trai thi tập*. Năm 2002 đem về một giải Nhất tập thể Olimpic Mác – Lênin trong toàn khối đại học, cao đẳng. Ở phần thi hùng biện "Thanh niên với công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước" của ĐHSP I đã thu hút được sự chú ý, cảm phục và yêu mến của mỗi khán giả dành cho Hồng Minh. Năm 2003 có lẽ là năm bận rộn

nhất của Hồng Minh, bởi ngoài việc học ở trường, Minh còn được Đài Truyền hình Việt Nam mời cộng tác dẫn chương trình: "Khám phá thế giới Computer". Thế là suốt cả năm Hồng Minh đều có mặt cùng các bạn thi trong hành trình khám phá đó. Hồng Minh kể, mệt nhưng rất vui và có nhiều kỉ niệm đẹp với trường quay, với các bạn học sinh giỏi say mê khám phá trong cuộc thi mới mẻ và hấp dẫn đó. Với một cô sinh viên văn khoa lại là speaker của chương trình có vẻ "hơi cứng" như máy tính, nhưng bằng khả năng của mình Hồng Minh đã đem lại cho người xem một cảm giác thật nhẹ nhàng, thoải mái và duyên dáng, dí dỏm nữa. Suốt 4 năm học, Hồng Minh còn tham gia dẫn chương trình nhiều buổi ngoại khoá của trường, để lại ấn tượng tốt đẹp như "Đêm văn nhớ Văn Cao", "Văn chương với phái đẹp", "Giao lưu với các nhà văn quân đội"... Cô Bí thư Liên chi Nguyễn Thị Hồng Minh còn tích cực tham gia nhiều hoạt động của Đoàn trường, tham gia "Mùa hè xanh" ở Hà Nội, ở trại thương binh Thuận Thành (Bắc Ninh), tham gia tình nguyện phục vụ Sea Games 22... Thời gian này, Hồng Minh dồn hết tâm sức cho kì thực tập, bảo vệ luận văn của sinh viên năm cuối. Bận rộn với nhưng khoảng thời gian, học giỏi và ham làm việc, thử sức và đã có những thành công bước đầu, Hồng Minh tâm sự: "Mình vẫn mong muốn sau khi ra trường sẽ trở thành cô giáo dạy văn nhưng nếu được cộng tác thêm với truyền hình thì thật thú vị".

**Cô gái có khả năng nhìn xuyên thấu cơ thể**

Cô Natalia Demkina, năm nay16 tuổi ở làng Saransk (Nga) có một khả năng kì lạ – nhìn rõ toàn bộ cấu tạo bên trong của cơ thể người mà không cần đến thiết bị chiếu tia X–quang và sóng siêu âm. Natalia Demkina có khả năng chẩn đoán bệnh tật giỏi hơn cả các bác sĩ chuyên khoa có trong tay các phương tiện hiện đại nhất. Hàng loạt thí nghiệm nghiên cứu của Bệnh viện Nhi khoa số 1 của Nga đã chứng minh điều đó.

***Khả năng kì lạ***

Theo lời kể của bà Tachiân Vladimirovna, Natalia Demkina có một vài khả năng hơi khác thường từ nhỏ. Cô biết nói từ khi lên 6 tháng tuổi. Lên 1 tuổi, cô đã đọc thuộc lòng thơ của Puskin và Nhecraxov. Lên 3 tuổi, cô biết viết và thuộc lòng tất cả các chữ cái. Từ bé cô đã được tôi luyện, mùa đông có thể cởi trần và đi chân đất trên tuyết. Nhưng điều kì lạ nhất là cô có khả năng nhìn xuyên thấu cơ quan nội tại trong cơ thể.

Tất cả các thành viên trong gia đình của Natalia Demkina đều không giải thích được do đâu Natasa (tên thường gọi của cô) có được khả năng kì diệu đó. Rất có thể, khả năng đó hình thành sau một ca mổ không thành công. Cô bị mổ ruột thừa, nhưng đến thời điểm ra viện cô vẫn cảm thấy đau bụng. Khi soi siêu âm,

các bác sĩ phát hiện thấy một mẩu gạc còn bỏ quên trong bụng. Natasa lại được đưa lên bàn mổ lần nữa. Một tháng sau, cô khỏi bệnh, ra viện và khả năng kì là cũng xuất hiện từ đó. Khi vừa nhìn thấy mẹ, Natasa nói ngay trong bụng mẹ có "ống dẫn nước" giống như ống lắp ở máy hút bụi của nhà, có hai quả trứng và một quả cà chua màu đỏ. Lúc đó cô bé vẫn chưa am hiểu gì về y học nên không biết được tên gọi của các cơ quan nội tạng như ruột, thận, tim nên chỉ so sánh những gì nhìn thấy với các vật đã biết. Mẹ Natasa bắt đầu sợ hãi trước khả năng kì lạ của con gái lại có được khả năng đó và đề nghị bác sĩ tâm lí. Bác sĩ khẳng định: Natasa là một cô bé hoàn toàn bình thường về mặt tâm thần.

Các chuyên gia thuộc Bệnh viện Nhi khoa số 1 quyết định tiến hành một số thí nghiệm để khẳng định khả năng của cô bé. Cô được giao khám thử một bệnh nhân có khá nhiều bệnh, Natasa dễ dàng phát hiện ra tất cả các biểu hiện của bệnh đó trong cơ thể người ấy. Về sau, kết quả phân tích X–quang và siêu âm đã khẳng đinh chẩn đoán của Natasa. Theo khẳng định của bà Irina Kachan, bác sĩ số 1, Natasa thực sự có khả năng kì lạ. Cho dù độ chính xác khi chẩn đoán của cô không đạt đến 1001% nhưng xác suất đúng khá cao. Sai số chỉ là do Natasa không phải là chuyên gia và có cách giải thích riêng về bệnh. Ví dụ cô nói: các mạch máu trên đầu của bệnh nhân bị kết dính vào nhau bởi các quả cầu phát sáng, khi lấy các quả cầu đó đi người bệnh sẽ khỏi đau.

Ở cấp độ tế bào, Natasa có thể phát hiện ra bất kì biểu hiện bệnh lí nào ẩn giấu trong cơ thể mà cả thiết bị X–quang và siêu âm đều không thể phát hiện các cuộc thí nghiệm ở bệnh viện, lần đầu tiên Natasa được tiếp xúc với nguyên tắc hoạt động của máy siêu âm. Cô nhìn thấy phản ứng của các cơ quan nội tạng khi bị thiết bị, kĩ thuật chiếu rọi vào. Theo nhận xét của Natasa, khi chiếu thiết bị lên cơ thể bệnh nhân, các cơ quan nội tạng co lại giống như khi bàn tay lạnh tiếp xúc với cơ thể. Natasa nói, cô có hai khả năng nhìn thấy (nhìn bình thường và nhìn xuyên cấu tạo bên trong cơ thể) và cô có thể chuyển từ khả năng này sang khả năng khác vào bất kì lúc nào. Chỉ cần cô muốn khám sức khoẻ cho một người nào đó, hoặc nghĩ về điều đó thì ngay tức khắc cô nhìn thấy rõ toàn bộ các cơ quan nội tạng. Cô không những nhìn thấy vị trí mà cả hoạt động của các cơ quan đó.

***Đem khả năng Trời cho giúp ích cho đời***

Để có thể hiểu được các đặc điểm của cơ thể con người. Natasa bắt đầu nhập học tại một viện y học đa khoa thuộc Đại học Tổng hợp Mordov mang tên Ogarev. Tại đó, cô được học cách chữa bệnh. Cô cần phải biết và hiểu những gì

cô nhìn thấy. Khi đã làm quen với các thuật ngữ y học, cô bắt đầu chẩn đoán một cách chính xác các căn bệnh khác nhau.

Ngày càng có nhiều người đến khám bệnh ở nhà Natasa. Hàng ngày cô phải tiếp đến hàng chục cú điện thoại đề nghị giúp đỡ. Nhiều người bệnh đến xếp hàng ở nhà cô. Cô giúp họ phát hiện bệnh mà không lấy tiền. Căn hộ cô ở chỉ có hai buồng nên không thể tiếp nhận được hết bệnh nhân và nhiều người đã phải xếp hàng chờ ở ngoài sân và ở cầu thang. Nhiều khi ngay cả các bác sĩ chuyên khoa cũng đến nhờ Natasa khám bệnh. Một lần, có một nữ bệnh nhân đến đề nghị cô chữa bệnh vì theo chẩn đoán của các bác sĩ bà bị bệnh ung thư. Nhưng khi Natasa xem thì không phát hiện ra bất kì dấu hiệu nào của bệnh ung thư. Sau đó, các cuộc xét nghiệm được lặp đi lặp lại đã khẳng định chẩn đoán của Natasa là đúng. Có một người thanh niên có ba quả thận, trong đó hai quả dính liền nhau, đến gặp Natasa. Các bác sĩ đề nghị anh ta phải mổ, nhưng khi xem xét thì Natasa khuyên anh ta không nên đụng dao kéo vào các quả thận vì chúng hoạt động bình thường và không ảnh hưởng đến cơ thể. Còn một người phụ nữ khác được chẩn đoán là phải phẫu thuật để cắt bỏ ung thư. Natasa đã giúp đỡ họ xác định chính xác vị trí của khối u.

Do phải làm việc nhiều, Natasa chỉ ngủ mỗi ngày 4 – 5 giờ. Cô còn phải học và làm bài tập ở nhà. Khi có thời gian rỗi, cô đọc sách, trồng hoa, chăm sóc chó cảnh và cá cảnh. Cô cho biết, cô muốn được vào học tại Học viện Y học Maxcơva mang tên Sechenov. Natasa đã hành động đúng. Khả năng kì diệu của cô cần phải được bổ sung bằng các kiến thức y học. Cô cũng cho biết sẵn sàng làm một "con thỏ thí nghiệm" để giúp y học xác định được một khả năng kì diệu của con người.

**Vượt lên số phận nghiệt ngã**

Cuộc đời của Giáo sư tiến sĩ tâm lí học Alếchxanđrơ Vaxilievích Xuvôrốp có thể viết thành một cuốn sách về tấm gương vượt lên số phận nghiệt ngã, tìm được chỗ đứng xứng đáng trong xã hội. Nghị lực phi thường và đỉnh cao khoa học mà ông đạt được thật đáng khâm phục.

Sinh năm 1953, tại Thủ đô Phrunde CH Kiếc-ghi-di, A.V. Xuvôrốp bị mù, câm điếc bẩm sinh, song cậu vẫn xin bố mẹ cho đi học chữ nổi. Vượt qua bao gian khổ, cậu học nói, đọc, viết. Tốt nghiệp phổ thông trung học ở tuổi 19, Xuvôrốp rời thành phố quê hương đến Mátxcơva vào học khoa tâm lí dành cho sinh viên khuyết tật, Trường MGU (Đại học Tổng hợp Quốc gia mang tên Lômônôxốp). Bộ giáo dục của Liên Xô (trước đây) đã dành cho chàng trai giàu nghị lực ấy cùng ba sinh viên tật nguyền khác những điều kiện học tập đặc biệt.

Học rất giỏi, Xuvôrốp được giữ lại trường vừa tham gia giảng dạy môn tâm lí học cho sinh viên khuyết tật, vừa nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực này. Năm 1994, ở tuổi 41, A. Xuvôrốp đã bảo vệ thành công luận án Phó tiến sĩ tâm lí học và hai năm sau ông lại bảo vệ xuất sắc luận án Tiến sĩ, được phong hàm giáo sư. Hiện ông công tác tại khoa Sư phạm Nhân văn thuộc Viện hàn lâm Giáo dục LB Nga. Ông cũng là tác giả của 20 cuốn sách trong lĩnh vực tâm lí học đã được dịch ra hầu hết các thứ tiếng ở châu Âu, làm kinh ngạc trong và ngoài nước Nga.

– Trung tuần tháng 10/1999 vừa qua, Anđâyu Vaganốp, phóng viên tờ Độc lập, đã thực hiện cuộc phỏng vấn GS.TS. Xuvôrốp:

Thưa GS, nước Nga chúng ta đã tích luỹ được nhiều kinh nghiệm trong việc chăm sóc, giáo dục các trẻ em khuyết tật?

– Đúng như vậy. Song, vấn đề không phải là chúng ta có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực này, mà là làm sao chúng ta không lãng quên, áp dụng kinh nghiệm ấy vào việc dạy dỗ, giáo dục các trẻ em tật nguyền, làm giảm đi nỗi đau và thiệt thòi của các em.

**Tài năng không phụ thuộc vào cơ thể**

***Mù vẫn trở thành nhà khoa học***

Trên thế giới không mấy ai không biết đến tên tuổi của viện sĩ Pôntriagiu bị mù từ khi còn đang học lớp 6. Tuy đã kiên trì vượt qua được màn đêm dày đặc bao quanh mình để vươn lên đỉnh cao của toán học, học hết phổ thông, ông vào đại học và trở thành giáo sư toán học. Ông nghiên cứu thành công "nguyên lí cực đại" một nguyên lí mở đường cho việc nghiên cứu các quá trình tối ưu trong khái niệm và kĩ thuật. Ông đã có nhiều đóng góp trong kĩ thuật điều khiển tự động và toán ứng dụng. Với cống hiến đó, ông được bầu làm Viện sĩ Viện Hàn lâm Khoa học Liên Xô (cũ) và năm 1962 được tặng giải thưởng Lênin.

***Mù điếc vẫn trở thành nhà bác học***

Ongaxtôkhôva – một cô gái Ucoraina 18 tuổi bị mù, câm, điếc từ nhỏ. Năm 1925 Onga được nhận vào một trường đặc biệt giúp cho người mù, câm.

Năm 1947, tác phẩm đầu tiên của Onga nhan đề: "Tôi nhận thức thế giới xung quanh như thế nào?" được xuất bản. Năm 1954 và 1956 lại xuất bản hai cuốn sách nữa cùng tên. Những cuốn sách này được người đọc rất chú ý và đã được dịch sang nhiều thứ tiếng nước ngoài.

Năm 1961, Ongaxvôrôkhôva trình bày luận án, bà đã được tặng học vị cử nhân khoa sư phạm tâm lí học.

***Kì nhân xứ Đoài***

Sinh ngày 26/6/1982, Hùng là con trai đầu lòng của anh Nguyễn Công Lịch và chị Nguyễn Thị Hứa, ở Xứ Đạo, xã Đoài (Nghi Duyên, Nghi Lộc, Nghệ An).

Lúc mới sinh Hùng cũng khoẻ mạnh, bụ bẫm như bao đứa trẻ khác. Nhưng đến tuổi tập đi trận sốt bại liệt đầy ác nghiệt đã cướp đi của Hùng khả năng vận động của đôi chân, càng ngày Hùng càng còm cỏi và yếu ớt. Mọi sinh hoạt cá nhân đều phụ thuộc vào bố mẹ. Năm lên 7 tuổi, nhìn bạn bè vui vẻ đến trường, Hùng nằng nặc xin bố mẹ cho đi học ở lớp dành riêng cho trẻ khuyết tật vừa mở thí điểm tại xã nhà. Cậu luôn là người đứng đầu lớp. Nhưng sức khoẻ ngày càng yếu, những trận ốm triền miên khiến Hùng phải vào bệnh viện cấp cứu và nhiều lần gia đình đã tưởng cậu không qua khỏi...

Hùng phải nghỉ học giữa chừng, không được đi học tiếp, Hùng buồn lắm, suốt ngày em chỉ biết vẽ tranh và đọc sách, nhưng rồi cũng chán vì muốn làm một việc gì đó có ích hơn. Xem ti vi em thấy các bạn sử dụng máy tính, em "mơ ước một ngày nào đó mình sẽ được học vi tính như các bạn".

Ngày Quốc khánh 2/9/2001 ước mơ của Hùng đã trở thành hiện thực. Khi được bố tặng một máy vi tính, lúc đó em phải nhờ linh mục Trần Xuân Nhân (thư kí Đại chủng viện Vĩnh thanh) và những người biết về máy tính hướng dẫn từ cách khởi động máy, vào các chương trình. Sau đó, linh mục Nhân thường mua đĩa CD và sách hướng dẫn vi tính về cho em.

Chưa tới hai năm sau cậu đã khai thác mạng, sử dụng các chương trình đồ họa và cài đặt máy một cách thành thạo. Hiện nay, các máy tính trong vùng gặp sự cố về phần mềm đều phải nhờ đến Hùng sửa chữa. Thú vui lớn nhất của Hùng là vào mạng tìm các phần mềm hay có khả năng ứng dụng cao nhằm phổ biến cho mọi người. Cậu không sao chép nguyên bản các chương trình này mà sắp xếp lại làm cho đơn giản hoá với phương châm làm sao cho những người sử dụng máy tính ở trình độ thấp đều có thể dùng được. Sau đó, Hùng tuyển chọn, sắp xếp hợp lí rồi ghi vào đĩa CD cung cấp cho mọi người với giá bằng tiền mua đĩa. Hơn một năm nay Hùng đã làm trên 1000 đĩa như vậy phục vụ cho học sinh phổ thông và những người đang sử dụng máy tính trong vùng. Hiện tại, Hùng đang bắt đầu xây dựng một Website cho những người khuyết tật để họ có thể dễ dàng trao đổi, giúp đỡ nhau trong cuộc sống.

Hiện nay, Hùng vừa đang dạy cho 9 bạn trẻ tại nhà. Trong đó 3 trẻ khuyết tật được gia đình Hùng nuôi ăn ở miễn phí, 3 em này bị dị tật bẩm sinh và có hoàn cảnh gia đình rất khó khăn. Hùng còn dạy em gái bị dị tật bẩm sinh

Nguyễn Thị Vân sinh 1987, nay Vân đang học lớp 10, hàng ngày được bạn bè đưa đến trường bằng xe lăn. Nhưng năm 2002 em đã đạt học sinh giỏi cấp tỉnh và kiêm luôn giải nhất cờ tướng của Hội khoẻ phù Đổng tỉnh Nghệ An.

Một trong những nguyên nhân làm cho Hùng trở thành kì nhân xứ Đoài đó là tình thương yêu, sự đùm bọc của cha mẹ và nghị lực phấn đấu vươn lên số phận với tư chất thông minh của em.

## III. THIÊN TÀI XUẤT HIỆN RẤT SỚM

### 1. Cậu bé 10 tuổi với tác phẩm tranh bán được hơn một triệu đô la

Có lẽ Alexandre là nhân vật đã rung động họa đàng và tiếp nối bước đường của Picasso. Ấy vậy mà em mới có 10 tuổi. Cô nữ sinh nhỏ tuổi này đã nhờ vào những bức vẽ kì lạ của mình mà có được trong tay khoản tiền kếch xù: 1,6 triệu USD.

Tác phẩm của em đã trở thành đối tượng tranh giành của nhiều người mê tranh với giá bán từ 1.200 USD tới 14.000 USD mỗi bức. Kích thước những kiệt tác thuộc trường phái nghệ thuật lập thể của em to lớn hơn nhiều so với tầm vóc nhỏ bé của em, khiến cho nhiều người cứ tưởng đây là tác phẩm của người lớn.

Nhà kinh doanh tác phẩm nghệ thuật nổi tiếng Varenti cho hay: "Thiên tài hội họa siêu nhiên của Alexandre sẽ ngày càng trưởng thành và phát triển, đồng thời sẽ là cây đại thụ trong hoạ đàng thế kỉ XXI".

Tuy nhiên, thiên tài của Alexandre lúc đầu cũng gặp phải nhiều trắc trở. Từ năm 4 tuổi, em đã bắt đầu thích vẽ và mất nhiều thời giờ cho các bức vẽ. Còn bà Victoria, mẹ em lại thường xuyên ngăn cản em. Các thầy cô giáo ở trường thường mách mẹ em về tội chỉ thích vẽ, còn bài vở thì bỏ bê, và yêu cầu tìm bác sĩ tâm lí về khám cho em.

Hầu như không có gì ngăn cản em trong bước đường tìm tòi cái mới trong nghệ thuật vẽ. Đến năm 80 (của thế kỉ XIX), sau khi đã cùng cha mẹ di cư từ Rumanie sang Mĩ, chỉ trong vòng 2 năm, em đã vẽ được tới 300 bức tranh. Giáo viên dạy nghệ thuật cho em, ông Adam thấy vậy liền kiến nghị tách em khỏi lớp nghệ thuật chung để em có thể phát triển theo sở trường.

Từ khi em được phát hiện như một họa sĩ thiên tài tý hon, em đã tổ chức nhiều cuộc triển lãm tranh thành công. Một lần, chỉ trong vòng 17 phút em đã bán được tới 23 bức tranh. Giờ đây, một số bức vẽ của em đã được in vào một tập tranh riêng và được nhiều người trân trọng sưu tầm. Em nói: "Em hi vọng các tác phẩm nghệ thuật của em sẽ giống như em, tạo được niềm vui lớn cho mọi người".

## 2. Cô bé 10 tuổi uốn nắn huấn luyện viên trưởng đội bóng số một thế giới

Nghề bình luận bóng đá trên đài phát thanh, truyền hình ngày một trở nên phát đạt tại quê hương của các nghệ sĩ sân cỏ Brazil, đến mức phái đẹp cũng đua nhau thử sức ở lĩnh vực này. Sắp tới đây, khán thính giả còn được nghe thêm một giọng nữ nữa chuyên bình luận bóng đá, cô gái này tên là Gabriela Ferreiro, và đặc biệt – mới chỉ vừa 10 tuổi.

Cha của Gabriela nguyên là một huấn luyện viên bóng đá nên ông chính là người đầu tiên phát hiện năng khiếu của con. Gabriela cùng cha xem một trận bóng và đưa ra những điều phân tích, bình luận hết sức chuyên nghiệp về 6 phút cuối hiệp 2. Thấy vậy, ông giới thiệu con gái với bạn là nhà bình luận thể thao nổi tiếng Vanderley Ribeiro. Ông này cũng nhận xét là "Gabriela có cá tính sáng tạo, biết quan sát và phân tích diễn biến trên sân một cách tinh tường, ăn đứt nhiều nhà bình luận chuyên nghiệp".

Nữ bình luận viên nhỏ tuổi tỏ ra am hiểu và tự tin, cô đã sẵn lòng đưa ra những lời khuyên cho ông huấn luyện viên trưởng đội tuyển quốc gia Brazil: "Theo tôi, ông phải thay đổi chiến thuật một cách mạnh mẽ. Nếu tôi được đặt vào cương vị của ông, hẳn tôi sẽ phải thay Lucio ra sân và đưa Alex vào vị trí đó".

Gabriela đã được phân công làm bình luận viên bóng đá chính thức của đài phát thanh San – Paolu Itu (lớn nhất Brazil!). Cha mẹ của Gabriela đã cam kết là công việc mới này đem lại cho cô danh tiếng, song sẽ không thể cản trở cô đảm bảo học tập bình thường.

## 3. Tài năng cờ vua nhỏ tuổi

Tại giải cờ vua thiếu niên nhi đồng toàn quốc năm 2002 diễn ra ở Thành phố Vũng Tàu, cô bé 9 tuổi – học sinh lớp 3 Trường Tiểu học Quỳnh Hải, Quỳnh Phụ (Thái Bình) Nguyễn Quỳnh Linh đã gây ấn tượng trong làng cờ vua Việt Nam bằng tấm huy chương bạc ở lứa tuổi nhi đồng. Tại giải này, năm 2003 tổ chức ở Thành phố Huế, Quỳnh Linh đạt luôn một huy chương vàng, một huy chương bạc giải cá nhân, hai huy chương vàng đồng đội (cờ nhanh và cờ chậm). Sau chuỗi thành tích vượt trội này, Sở Thể dục – Thể thao Thái Bình đã có kế hoạch đưa cô học sinh lớp 4 này lên thành phố vừa học văn hoá, vừa có điều kiện tập luyện cờ vua.

Sinh năm 1993 và là con thứ 2 trong gia đình nhà giáo có hai con, từ khi cắp sách đến trường, cô bé có đôi mắt sáng như sao này đã học giỏi các môn và suốt từ lớp 1 đến lớp 4 đều đạt danh hiệu học sinh xuất sắc. Quỳnh Linh luôn tỏ rõ là

đứa con hiếu thảo trong gia đình, nêu cao ý thức trong học tập, rất gương mẫu ở lớp và trường. Em luôn nhận trách nhiệm kèm cặp và giúp đỡ các bạn chậm tiến bộ trong lớp của mình. Bố Quỳnh Linh là thầy giáo Nguyễn Văn Tăng rất yêu mến thể thao. Cả 2 anh em Quỳnh Linh đều được bố kèm cặp môn cờ vua ngay từ nhỏ nhưng cô con gái tỏ ra xuất sắc hơn. Khi phát hiện tài năng trẻ này, cả gia đình, trường học, đặc biệt là các giáo viên thể dục đã tạo điều kiện cho Quỳnh Linh phát triển tài năng. Ngoài việc thường xuyên giao lưu với các năng khiếu cờ vua trong huyện, trong tỉnh, bố Quỳnh Linh còn mời về nhà hoặc đưa con đi đến các gia đình huấn luyện viên để học hỏi nâng cao trình độ. Trường Quỳnh Hải tuy cơ sở vật chất còn kém nhiều trường trong khu vực nhưng lại có đội ngũ đông đảo giáo viên dạy giỏi của huyện và là lá cờ đầu trong phong trào thể dục – thể thao của ngành giáo dục Quỳnh Phụ. Hiệu trưởng trường tiểu học Quỳnh Hải Nguyễn Thị Nguyệt cho biết: "Quỳnh Linh là một học sinh đặc biệt. Có thầy giáo làm phép tính vui: cứ hai năm tuổi một huy chương vàng, lên mười "vốn liếng" của em đã có năm chức vô địch, chưa kể các huy chương bạc, đồng. Đây là kết quả ít thấy ở một học sinh tiểu học xa đô thị, ít điều kiện tiếp xúc với trình độ cao của làng cờ vua nước ta, vì vậy chúng tôi đã lên kế hoạch cụ thể cùng gia đình, các giáo viên thể dục bố chí lịch tập luyện cho em, hi vọng Quỳnh Linh vừa học giỏi vừa phát triển tốt tài năng". Khi hỏi về nguyện vọng và mơ ước của mình, Quỳnh Linh cho biết: "em rất thích chơi cờ vua và sẽ cố gắng rèn luyện, phấn đấu để đạt thành tích cao hơn nữa, khỏi phụ lòng thầy cô và cha mẹ".

### 4. Hai anh em đạt 8 giải quốc gia, quốc tế

Vợ chồng tôi quen gia đình anh Phạm Đức Hành và chị Trần Kim Dung đã mấy năm nay. Giống như rất nhiều gia đình bình dân khác anh chị sống dung dị bằng chính sức lao động của mình và hết sức chăm lo cho hai con ăn học. Anh Hành là bác sĩ quân y đã về hưu. Hàng ngày anh vẫn cần mẫn đi làm thêm bằng nghề của mình: đo thị lực cho khách ở một cửa hàng bán kính thuốc. Chị Dung là giáo viên khoa Tài chính của Học viện Ngân hàng. Cận thị nặng, không đi được xe máy, đạp xe đi dạy, chị sợ nhất những ngày mưa to đường ngập, xe ô tô chạy nhanh gây ra sóng nước cứ như muốn xô đổ cả người lẫn xe. Từ giữa năm 2001, khi chưa đến ở căn nhà mới xây trên đất đơn vị quân đội phân cho anh Hành, anh chị sống trong khu tập thể Học viện Ngân hàng. Vợ chồng tôi đã từng đến thăm và hết sức ngạc nhiên về sự đối lập giữa không gian nhỏ hẹp này với kích cỡ thành tích học tập của hai chàng thanh thiếu niên con của anh chị. Căn nhà cấp 4 rộng 18m$^2$ thêm một buồng bếp hẹp và một gác xép nhỏ mà khi đứng,

trần chỉ cách đầu khoảng một gang tay. Song chính từ góc học tập cỏn con này, hai người con Phạm Trần Quân (sinh năm 1981) và Phạm Trần Đức (sinh năm 1985) đã làm nên chuyện. Nói một cách khác, như khi ra về vợ tôi đã thốt lên: Căn nhà xuềnh xoàng này chứa cả một kho báu.

Tính đến tháng 8/2003, trong thời học phổ thông, hai anh em Quân, Đức đã đoạt tất cả sáu giải quốc gia và hai giải quốc tế. Trong đó Phạm Trần Quân đạt bốn giải: Giải Ba toàn quốc năm 1998 và 1999, Huy chương Bạc Ôlympic toán quốc tế 1999. Đợt thi toán quốc tế năm 1999 mà Quân tham gia ở Thủ đô Bucarét (Rumani), đoàn Việt Nam được xếp thứ hạng cao, sáu học sinh thi đã giành ba Huy chương Vàng và ba Huy chương Bạc, đứng thứ 3/82 nước tham gia. Tiếp đó, khi đang học ở Đại học Quốc gia Hà Nội, Quân thi đỗ học bổng phát triển Ôxtrâylia, hiện nay là sinh viên năm thứ ba khoa Công nghệ thông tin Trường Đại học Niu Saouên. Theo bạn bè cho biết, học kì vừa qua, các môn học của Quân đều đạt trên 90 điểm, thuộc hạng xuất sắc. Còn Phạm Trần Đức, như chị Dung đánh giá, học lực chỉ ở bậc "em" so với Quân, cho nên ở chốn học đường, Đức cố giấu không cho nhiều người biết mình là em Quân, kẻo người ta lại nghĩ: "Anh giỏi thế, em chỉ thế này thôi". Tuy nhiên, Đức cũng đạt bốn giải: giải Ba toán quốc gia (lớp 11), giải Nhì tin học quốc gia (lớp 12) và Huy chương Đồng Ôlympic tin học quốc tế lần thứ 15 diễn ra ở bang Vicôsin (Mĩ) từ 16 đến 23/8 vừa qua. Tại đây cả bốn học sinh đều được giải, đoàn Việt Nam đứng thứ 9/75 nước tham gia.

Hai anh em cứ thi nhau giành giải và có năm cả hai anh em cùng lúc đều đạt giải: Quân giải Ba quốc gia (lớp 9), Đức giải Ba quốc gia (lớp 5) đều môn Toán.

Trong câu chuyện, anh chị thường nhắc đến công lao quyết tâm của các thầy giáo, cô giáo, song là chỗ quen biết chúng tôi hiểu được sự đóng góp thầm lặng của gia đình. Với nhiều người sẽ là điều lạ khi biết cả hai anh em đều nổi danh trong môn Tin học, nhưng chiếc máy vi tính lại được anh Hành, chị Dung sắm rất muộn. Năm học lớp 8 ở trường Bế Văn Đàn, Thành phố Hà Nội tổ chức thi tài năng tin học trẻ, Quân đạt giải Ba. Trước đó, cô giáo động viên Quân đến trường để luyện và trách bố mẹ cháu: "Con giỏi thế mà không chịu sắm cho máy vi tính ở nhà". Anh chị lại nghĩ khác, nhỡ con ham máy vi tính quá, sao nhãng những môn khác thì gay. Mãi đến năm 1999, khi Quân giành Huy chương Bạc toán quốc tế, nhà mới mua máy vi tính, coi như một phần thưởng ngầm.

Sao lại thưởng ngầm?

Như đã quy ước từ lâu của cả nhà, không có khái niệm học giỏi là được thưởng, con cái và bố mẹ đều chung một suy nghĩ như thế.

Tôi thấy anh chị luôn tạo cho con sự thoải mái trong điều kiện có thể và không bao giờ gây sức ép tâm lí trong chuyện thi cử. Mặt khác lại tính toán chi li điều kiện học tập thường xuyên của các cháu. Khi làm nhà mới, nhiều người bảo phải xây năm 2000 hoặc sang năm 2002 mới được tuổi, nhưng anh chị quyết định làm gọn trong năm 2001: khi Quân đã đi du học Ôxtrâylia và Đức đang học lớp 10 (đầu cấp 3), chương trình chưa nặng lắm.

Vừa rồi, đọc trên báo, biết tin Phạm Trần Đức đoạt huy chương đồng Ôlimpic tin học quốc tế, vợ chồng tôi sang thăm và chúc mừng anh Hành, chị Dung. Anh chị cho biết, ngày mai Đức mới về nước và kể: Hôm mới sang Mĩ, cu cậu gọi điện về nói đã mua một chiếc các điện thoại giá 17 đôla. "Sao mà sang thế?" "Để con gọi điện về cho bố mẹ cho đỡ nhớ". Mấy hôm đầu, ngày nào cũng điện về. Từ hôm có kết quả thi đến nay, chưa thấy gì. Chắc là cu cậu buồn, vì chỉ đạt được huy chương đồng... Theo tôi được biết, trước khi đi Mĩ, trong cuộc thi lần cuối, Đức đứng đầu đội dự tuyển quốc gia. Giờ đây, chỉ đạt huy chương đồng buồn quá còn gì. Song tôi hiểu rằng biết bao bậc làm cha làm mẹ khao khát niềm hạnh phúc, con cái của mình cũng có nỗi buồn đam mê như thế.

### 5. Một học sinh Việt Nam lọt vào giải Nobel trẻ

Tập đoàn Intel tối (28/1/2004) công bố danh sách 40 thí sinh lọt vào vòng chung kết của cuộc thi Tìm kiếm Tài năng Khoa học của Intel – một cuộc thi khoa học danh giá và lâu đời nhất nước Mĩ dành cho các thí sinh ở lứa tuổi trung học, thường được coi là Giải Nobel khoa học trẻ. Trong danh sách này có Hà Minh Duy/18 tuổi, sống tại Thành phố Portland, bang Oregan, Hoa Kì. (báo Tiền phong số 18, ra ngày 26/1/2004 đã có bài viết về Duy). Các thí sinh lọt vào vòng chung kết sẽ có mặt ở Thủ đô Washington từ ngày 11 – 16/3 để cùng tranh tài và chọn ra những người thắng cuộc giành các suất học bổng có tổng giá trị lên tới 530.000 USD.

Những thí sinh lọt vào vòng chung kết cuộc thi Tìm kiếm Tài năng Khoa học của Intel đến từ 14 bang và Thủ đô Washington. Ngoài niềm đam mê khoa học, 80% trong số những thí sinh này biết chơi một loại nhạc cụ nhất định, 70% thành thạo một ngoại ngữ khác ngoài tiếng Anh và 47% là các tình nguyện viên trong các hoạt động cộng đồng. Sự đa dạng trong danh sách các thí sinh lọt vào vòng trung kết năm 2004 còn được thể hiện với một vũ công cổ điển Ấn Độ, một nhà thơ từng có thơ được xuất bản, một nhà vô địch về kể chuyện và một vận động viên leo núi.

Lĩnh vực mà các thí sinh tham dự vòng chung kết năm 2004 nhiều nhất là các môn khoa học hành vi, hoá sinh, khoa học và y học. Các chủ đề nghiên cứu của các thí sinh lọt vào vòng chung kết bao gồm nghiên cứu về bệnh ung thư vú, các tác động của liệu pháp thay thế estrogen trên vùng não trắng và não xám, một phương thức bảo mật mới cho nhiều người tham gia liên lạc nặc danh trên mạng Internet và một dự án quản lí nguyên liệu giúp tăng hiệu quả trong ngành khai thác đá lên 20%.

Cuộc thi Tìm kiếm Tài năng Khoa học của Intel đòi hỏi những nhà khoa học trẻ tuổi phải đào sâu nghiên cứu ngoài các chương trình giảng dạy trên lớp và bắt đầu khai thác niềm đam mê khoa học thực sự của mình, điều vốn thường dẫn tới những nghiên cứu mang tính đột phá ở cấp độ sau đại học. Các thí sinh lọt vào vòng chung kết của những cuộc thi trước đó nắm giữ hơn 100 danh hiệu cáo quý nhất thế giới về toán học và khoa học, trong đó có 5 giải Nobel.

## 6. Tài năng đặc biệt của trẻ em?

Nhiều ông bố bà mẹ bỏ rất nhiều công sức vì con cái nhưng thành tích của trẻ vẫn không được như ý muốn, thế là đau khổ và thất vọng. Thật ra không nên buồn vì con học kém mà nên cố gắng phát hiện và bồi dưỡng tài năng đặc biệt của trẻ. Có đứa trẻ rất bướng bỉnh nhưng lại chơi thể thao giỏi; có đứa trẻ học rất vất vả nhưng lại hát hay, múa đẹp; có đứa trẻ hễ làm văn là đau đầu, nhưng tháo lắp đài rất giỏi... Bởi vì không phải ai cũng giỏi, cũng nổi bật ở mọi lĩnh vực, ngay đến thiên tài cũng chỉ giỏi một mặt nào đó mà thôi. Nếu bố mẹ không khéo phát hiện tài năng của trẻ mà cứ dựa vào ý muốn chủ quan, bắt trẻ theo yêu cầu của mình mà học tập, mà phát triển, thì trẻ không những không thành tài mà trái lại tài năng thiên phú sẽ bị mai một đáng tiếc.

Làm thế nào phát hiện và bồi dưỡng tài năng đặc biệt của trẻ em là một vấn đề lớn. Ở bài này, xin giới thiệu một phương pháp đơn giản gợi ý cho các bậc cha mẹ coi trọng và phát hiện tài năng của trẻ. Xin đưa ra 20 vấn đề để các vị căn cứ vào tình hình thực tế của con người mà trả lời khẳng định hay phủ định.

1. Nhớ và thuộc bài thơ hoặc một đoạn văn.

2. Chú ý đến thay đổi tính tình của bạn, quan sát bạn lúc nào thì đau buồn hoặc vui sướng.

3. Thường có những câu hỏi đại loại như "Tại sao?" và "lúc nào sẽ bắt đầu?"...

4. Ít khi thấy trống vắng, không biết làm gì.

5. Cử chỉ khéo léo nhịp nhàng.

6. Có thể múa và hát theo nhạc.

7. Thường hỏi những câu như "Sấm chớp là cái gì? Sao lại có mây?"

8. Nếu như bạn thay đổi một vài từ trong câu chuyện mà nó quen thuộc, nó lập tức sửa lại ngay.

9. Tập đi xe đạp, trượt băng... một cách dễ dàng.

10. Rất thích đóng kịch, thích bịa ra câu chuyện, và đóng vai chính trong chuyện.

11. Đi qua phố, ngõ, nhận được ra nơi nào nó đã đi qua.

12. Thích vẽ và vẽ được tranh bản đồ.

13. Thích nghe âm nhạc, dựa vào âm thanh đoán được nhạc cụ gì.

14. Giỏi bắt chước các động tác và cách diễn cảm của người khác.

15. Thích phân loại đồ chơi theo kích thước to nhỏ và màu sắc; đồ chơi có dạng hình dáng gì cũng hấp dẫn trẻ.

16. Hay gắn liền hành động với tình cảm, ví dụ nói: "Em bực lên mới làm thế".

17. Thích kể chuyện và kể rất sinh động.

18. Có thể phân biệt được tiếng động khác nhau.

19. Mới gặp người nào đó lần đầu thường nói: "Anh (chị) ấy khiến mình nhớ đến... ai đó".

20. Có thể phán đoán chính xác rằng mình có thể làm được gì hoặc không làm được gì.

Vấn đề 1, 8, 17 là thuộc về tài năng ngôn ngữ.

Vấn đề 2, 10, 19 là thuộc năng lực nhận thức về người khác.

Vấn đề 3, 7, 15 thuộc về khả năng lôgic, toán học, vật lí.

Vấn đề 4, 11, 13 thuộc về khả năng tri giác về không gian.

Vấn đề 5, 9, 14 thuộc về khả năng vận động.

Vấn đề 5,12, 18 thuộc về tài năng âm nhạc.

Vấn đề 10, 16, 20 thuộc về khả năng tự nhận thức mình.

Nếu đã trả lời khẳng định được 3 vấn đề trong số 20 vấn đề nêu trên, thì con bạn rất có khả năng về mặt ấy.

Khi đã phát hiện tài năng của trẻ rồi, thì lên bồi dưỡng chu đáo về mặt đó, còn các mặt khác không lên cưỡng bức, yêu cầu ở mức trung bình là đượcc rồi.

## 7. Một cô gái Nga sau khi hôn mê nói được 120 thứ tiếng!

Cô Natasa Bêkêtôva vừa tròn 23 tuổi, hiện đang làm việc tại một cửa hàng nhỏ, chắc hẳn chẳng khách mua hàng nào tin được nếu cần, cô có thể nói được nói được 120 thứ tiếng!

Chỉ mới cách đây vài năm thôi cô phải vất vả lắm mới "đối phó" nổi môn tiếng Đức ở trường phổ thông. Nhưng một hôm, khi cô học lớp 9 trường phổ thông số 5 ở thành phố Anan và đang làm bài kiểm tra môn Toán thì cô bị bà giáo quát mắng vì liếc nhìn bài của người bạn ngồi bên cạnh. Và cô lập tức ngất đi. Cô hôn mê không lâu lắm và khi tỉnh lại, người ta nghe thấy cô lẩm bẩm một điều gì đó bằng một thứ tiếng lạ, các thầy cô giáo chạy đến và cô giáo tiếng Anh nhận ra đó là thứ tiếng Anh cổ. Khi mọi người hỏi (dĩ nhiên bằng tiếng Nga): "Natasa, em cảm thấy khá hơn rồi chứ?" thì cô ngơ ngác không hiểu. Cô trả lời bằng thứ tiếng Anh cổ: "Em tên là Bonni En Mắc đô nan" rồi cô cầm lấy bút và viết (cũng bằng tiếng Anh cổ): "Đừng quát em!". Các bác sĩ và thầy cô giáo hỏi em nhiều câu bằng tiếng Nga nhưng em không hiểu gì hết. Phải gọi xe cấp cứu trở em đến bệnh viện. Sau khi khám cho em và thấy em sức khoẻ vẫn bình thường, bệnh viện cho em về nhà.

– Em quả thực quên hẳn tiếng Nga, – Natasa kể với các phóng viên – Em phải mất ba ngày học lại sách tập đọc mới nhớ lại được. Nhưng bù lại, không hiểu sao, em lại nhớ lại 120 thứ tiếng. Tiếng Hán cổ, tiếng Anh thời kì Spêchxpia, tiếng Mông Cổ, tiếng Nhật Cổ, tiếng Arập, tiếng Pháp, tiếng La Tinh, tiếng Italia thời Phục Hưng, tiếng Tungút, tiếng Xlavơ cổ, tiếng Việt Nam, tiếng Phacxi, tiếng Triều Tiên, tiếng Ba Tư cổ, tiếng Tây Ban Nha... Các chuyên gia cho em biết như vậy. Các chuyên gia còn xác định được rằng em biết nói những thổ ngữ của các bộ lạc giờ đây không còn nữa như Xuamu, Hốccô hoặc thứ tiếng của bộ lạc Engôba đã từng sống ở Pôlinêdia vào thế kỉ thứ sáu trước Công nguyên.

Nhiều nhà ngôn ngữ học nổi tiếng ở Mátxcơva, như chủ nhiệm khoa xây dựng trường Đại học Hữu nghị Alêchxây Maxlốp, các nhà ngữ văn học, ngôn ngữ học Mikhain Reskin, Iuri Iankhain, nhiều nhà phiên dịch chuyên nghiệp và Đông phương học đã gặp và trò chuyện với Natasa. Họ đều vô cùng ngạc nhiên bởi không thể hiểu nổi một hiện tượng kì lạ như vậy. Họ đề nghị cô dịch các văn bản thuộc những thời đại khác nhau và sau đó đều thừa nhận: cô thông thạo những thứ tiếng cực hiếm.

Theo ý kiến của bà Tachiana Grigôrivea, Tiến sĩ ngữ văn, giáo sư viện Phương Đông học thuộc Viện hàn lâm khoa học Nga thì vụ hôn mê đã làm

thức tỉnh những kí ức sơ khai của cô. Còn riêng Natasa thì có cách lí giải riêng của cô. Theo cô, 120 thứ tiếng mà cô bỗng dưng tái hiện lại được trong trí nhớ đó là 120 cuộc đời mà cô đã trải qua. Mỗi cuộc đời đó cô nhớ lại từng đoạn một, nhưng để nhớ lại thì cô phải tốn rất nhiều năng lượng. Hơn nữa, cuộc đời nào càng xa thì cô càng khó nhớ lại. Cô nhớ thấy mình trong một bộ lạc nguyên thuỷ, nhớ thấy mình là một cô gái mặc bộ kimônô màu hồng đang đứng ở một chiếc hồ ở Nhật dõi nhìn ra xa, nhớ hồi còn sống tại một lãnh địa ở Anh thế kỉ XVII và bộ quân phục thời Napôlêông: khi ấy cô tên là Giăng Đêve và bị lưỡi lê đâm chết ở tuổi 21... Cuộc đời gần nhất của cô là ở Đức, nơi mà vào năm 1920, cô bị chết vì bệnh thương hàn khi mới 13 tuổi...

Hiện tượng Natasa kể trên tuy kì lạ nhưng không phải là duy nhất ở trên thế giới. Giáo sư Iên Xtêvenxơn ở Trường Đại học Bang Viếcginia (Mĩ) đã thu thập được hơn 2000 trường hợp tương tự. Chẳng hạn, một em bé 3 tuổi nói với bố mẹ rằng trong cuộc đời trước đây, em đã bị một xe tải cán chết và em nhận mặt được tất cả những người thân và họ hàng của em trong cuộc đời trước khi em hoá thân trong cơ thể mới. Còn một em gái tên là Viếcginia Tai ở bang Côlôradô thì đã miêu tả xứ Airơlen hồi thế kỉ XIX với những chi tiết độc đáo của xứ này vào thời đó.

## 8. Khả năng đặc biệt của bé trai 2 tuổi

Chưa từng được ai dạy cho biết mặt chữ vẫn có thể đọc và viết được. Điều lạ lùng ấy đã xảy ra đối với một cháu bé mới hơn 2 tuổi. Đó là cháu Lê Hoàng Lâm, con trai anh Lê Xuân Hậu và chị Nguyễn Thị Thu Hà ở ngõ 30 phố Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân (Hà Nội).

Tôi gặp cháu Lê Hoàng Lâm tại lớp mẫu giáo bé II, trường mầm non Công ti 20 (Hà Nội). Ấn tượng đầu tiên của tôi khi gặp cháu là một khuôn mặt thông minh, nhanh nhẹn. Tôi vừa lôi cuốn Tạp chí Gia đình và Trẻ em, cháu vội cầm lấy ngay, đọc vanh vách từ trang bìa đến trang trong. Ngay cả những từ viết tắt: DS, GĐ và TE cháu đều đọc được. Tôi đưa tờ giấy trắng và cây bút bảo cháu viết tên của những người thân trong gia đình cháu viết ngay, nhưng có điều cháu thường viết tắt, chỉ viết những chữ cái đầu. Ví dụ như ông nội là Lê Xuân Hạo thì cháu viết: LXH. Bà nội Nguyễn Thị Phiến thì cháu viết – NTP. Bố Lê Xuân Hậu – LXH... Thấy vậy cô giáo yêu cầu cháu viết cụ thể rành rọt từng chữ, Lâm cũng viết được một cách dễ dàng. Ngoài biết đọc, viết cháu Lâm còn đọc, viết được cả chữ số nhưng chỉ đọc dời từng số một chứ chưa biết cách đọc hàng chục, hàng trăm hay hàng nghìn...

Lâm còn có khả năng đọc được một số chữ nước ngoài. Khi cháu đọc các chữ như Irap, Bush tôi nghĩ có thể là do tivi nói nhiều. nên cháu xem và nhớ, nhưng thật ngạc nhiên những cái tên Jordan, Carol Benlami, Kenmeth, Athony Booberg... cháu đọc được một cách chuẩn xác. Khi đọc từ "trẻ em" cháu còn quay sang tôi "Đố cô, trẻ em tiếng Anh đọc là gì?". Tôi giả vờ lắc đầu, cháu cười hóm hỉnh và nói: "Children", cháu hỏi tiếp: "Thế còn công ti chứng khoán? Tôi lại lắc đầu, cháu lại trả lời luôn: "Stock Company". Sau đó Lâm đọc liền một mạch: potato là khoai tây, school là trường học, pupil là học sinh... khi cầm cuốn từ điển Anh – Việt, cháu đọc được nhiều từ trong đó.

Tiếp xúc với anh Lê Xuân Hậu và chị Nguyễn Thị Thu Hà – bố, mẹ Lâm được biết cháu sinh ngày 3/10/1999. Ngay từ lúc cháu mới 15 tháng tuổi, ông bà nội đưa ra một số tờ báo và đọc tên của từng tờ. Lần sau, chỉ cần lấy tờ báo nào là cháu cầm chính xác tờ đó. Ngay cả hai tờ báo An ninh thế giới và An ninh thủ đô có tên gần giống nhau cháu đều phân biệt được mà không hề nhầm lẫn. Từ nhỏ, cháu rất thích xem chương trình của VTV3 – Đài Truyền hình Việt Nam. Bởi vậy, khi đang xem mà ai chuyển sang kênh khác, là cháu dỗi cho đến khi mở lại VTV3. Nghe vậy, tôi hỏi chị Hà rằng sao cháu có thể phân biệt được đâu là VTV3 hay VTV1. Chị giải thích: có lẽ do cháu nhìn chữ trên góc trái của màn hình?

Có khả năng đặc biệt, nhưng Lâm lại là đứa trẻ chậm biết nói. Lên 2 tuổi mà cháu vẫn không biết nói khiến gia đình vô cùng lo lắng. Đột nhiên một hôm cả nhà đang xem tivi chương trình tết Tân tỵ (2001) nhìn vào màn hình cháu đọc được chữ "Chúc mừng năm mới", khiến cả nhà mừng rơi nước mắt. Khi ấy Lâm mới 28 tháng tuổi. Và chỉ ít tuần sau đó, cháu nói rất sõi. Tôi hỏi chị Hà rằng cháu biết đọc, viết từ khi nào, chị cho biết: "Có thể cháu biết đọc ngay từ khi biết nói".

Lâm là đứa trẻ học rất nhanh. Sở dĩ giờ cháu biết đọc và hiểu nghĩa một số từ tiếng Anh là do anh Lê Xuân Hoàng – chú ruột cháu dạy. Tất cả những vật dụng trong nhà, tiếng Anh đọc như thế nào chỉ cần nói một lần là cháu nhớ. Khi đọc được một số từ tiếng Anh, thì Lâm cũng biết cách phát âm nhiều từ khác mà chưa được dạy. Khi đánh máy vi tính, Lâm không biết đánh như thế nào để có được các con dấu, chị Hà chỉ nói duy nhất một lần là lần sau cháu biết đánh chữ J để ra dấu nặng, chữ F là dấu huyền... Ngay cả số điện thoại di động của bố mẹ, mỗi khi trong nhà có việc gì phải gọi, đều giở sổ ra. Vậy mà Lâm đã thuộc gần hết các số điện thoại quen thuộc của gia đình. Lâm cũng có trí tưởng tượng thật tuyệt vời. Mỗi khi ăn bim bim, cháu đều cầm từng miếng lên, liên tưởng miếng

này là chữ O, miếng kia là hình vuông, hình tam giác và hình chữ nhật... Đến nhà ai chơi, nhìn vào lan can hay khung cửa sổ cháu đều tưởng tượng ra chỗ nào là chữ H, chỗ nào là chữ L...

Lê Hoàng Lâm sinh ra và lớn lên ở một gia đình cán bộ như bao gia đình khác. Ngay cả khi phát hiện được cháu có khả năng đặc biệt, bố mẹ cháu cũng không có thời gian để dạy thêm cho con mình. Duy chỉ có điều đặc biệt là từ lúc 5 tháng tuổi cho đến khi biết nói cháu chỉ ăn duy nhất loại sữa bột Vinamilk. Đối với cháu, xem chương trình "chiếc nón kì diệu", quảng cáo, đọc sách báo là sở thích số một. Hàng ngày, cháu vẫn thường xuyên viết và đọc chữ.

Đối với một đứa trẻ hơn 2 tuổi biết đọc, biết viết khi chưa được ai dạy quả là một điều lạ. Nhưng đây không phải là trường hợp đầu tiên ở nước ta. Ở một trên thế giới, họ có trường học đặc biệt dành riêng để đào tạo những đứa trẻ có năng khiếu bẩm sinh đặc biệt. Còn ở ta, những đứa trẻ này thường phát triển một cách tự nhiên nên khả năng đó lớn lên có thể bị mất đi. Chúng ta có những trường học dành riêng cho trẻ bị thiểu năng, vậy tại sao lại không có trường dành cho trẻ có năng khiếu đặc biệt. Thiết nghĩ, các cơ quan chức năng cần quan tâm đặc biệt đến những đứa trẻ này, vừa đảm bảo cho các cháu một môi trường giáo dục thích hợp, có điều kiện phát triển tốt, vừa là cơ sở để các nhà khoa học tích cực nghiên cứu, có lời giải cho những hiện tượng đặc biệt này.

### 9. Những bạn trẻ có khả năng kì diệu

◆ Cậu bé Akxăngđorô (Nga) 15 tuổi, có khả năng điều khiển cơ thể làm theo ý mình. Cậu bé đã nằm nhắm, mắt gối đầu và gác chân lên hai chiếc ghế đặt cách xa nhau (một chiếc ở đầu, một chiếc ở chân). Cậu ta đã làm chủ hoàn toàn cơ thể mình, bắt cơ thể mình cứng lại như một khúc gỗ và 5 nam nữ thanh niên đã trèo lên tấm thân hoá gỗ của cậu ta. Thật kì diệu tấm thân cậu không hề võng xuống mặc dù một khối lượng nặng tới 250kg đang đè nặng lên thân mình cậu ta.

◆ Cô bé Maxehia Tseata có thể dùng chiếc kim to đâm thủng lớp da ở cổ tay nhưng không chảy máu mà cũng không cảm thấy đau. Cô bé này còn có khả năng kì lạ nữa là có thể buộc 10 chiếc bút chì vào 10 ngón tay và cùng một lúc viết được 10 chữ cái ghép thành tên mình.

◆ Cô bé Marina Sannatôva ở vùng ngoại ô Matscơva có khả năng đi lại trên than nung đỏ chẳng khác gì các thầy phù thuỷ. Marina Sannatôva còn có thể một tay cầm ngọn đuốc đang cháy và dùng bàn tay không còn lại để dập tắt ngọn lửa. Ngọn lửa liếm lên các ngón tay, cổ tay, khuỷu tay, trong thời gian khá lâu, nhưng cô bé vẫn cười. Tuy vậy tay em không hề có một vết bỏng nào, thậm chí cũng không hề có một vết đỏ, chỉ có lòng bàn tay bị cháy sém mà thôi.

### 10. Bé gái Việt Nam 5 tuổi đạt giải cao tại cuộc thi Viôlông ở Minxcơ

Từ ngày 25 đến 27/3/2003, tại nhà hát Thành phố Minxcơ, Thủ đô nước Cộng hoà Bêlarút đã diễn ra cuộc thi âm nhạc mang tên "Dây đàn mùa xuân" dành cho các em dưới 15 tuổi học đàn Viôlông và Viôlôngxen (hệ sơ cấp âm nhạc). Cuộc thi được chia làm hai nhóm theo năm học để chấm điểm và trao giải. Nhóm I, từ sơ cấp 1 đến sơ cấp 3; nhóm II, từ sơ cấp 4 đến sơ cấp 6. Tham dự cuộc thi có 62 thí sinh Viôlông và 20 thí sinh Viôlôngxen. Một tin vui bất ngờ làm sửng sốt giới âm nhạc ở Minxcơ: Thí sinh đoạt giải nhất nhóm I với phong cách tự tin, chuẩn xác ba bài trình diễn báo cáo chính thức là một bé gái Việt Nam mới 5 tuổi tên là Hoàng Hồ Vân – tên đầy đủ là Hoàng Hồ Khánh Vân, trong khi thí sinh nhỏ tuổi tiếp theo trong cuộc thi đã là 8 tuổi!

Hoàng Hồ Vân sinh ở Minxcơ. Bố là Hoàng Quốc Khánh, đang làm nghiên cứu sinh tại Minxcơ. Mẹ là Hồ Thu Hoài, cán bộ Nhạc viện Hà Nội, được cử sang Minxcơ học tiếp cao học về âm nhạc. Vân có tên cúng cơm là "Hé". Sớm có năng khiếu âm nhạc, lại đam mê luyện tập Viôlông, Vân đã vượt qua vòng 1 (thi ở trường) và lọt qua vòng 2 thi toàn thành phố. Thông minh, Vân còn đứng đầu lớp về môn nhạc, vẽ, toán và tiếng Anh... Ngoài học văn hóa Vân còn tham gia học múa.

### 11. Mười ba tuổi lấy bằng cử nhân và tích cực hoạt động xã hội

Mới 14 tháng, bé Gregory Robert Smith (bé Greg) đã giải được các bài toán, đọc và sửa bài tập ngữ pháp của người lớn, 2 tuổi Greg nhất định đòi ăn chay. Lên 5 tuổi, bé đã biết giải thích hiện tượng quang hợp cho các bạn cùng lứa tại trường mẫu giáo.

Đạt điểm cao cho các môn học là quá dễ dàng đối với Greg. 9 tuổi, Greg nhận được bằng danh dự trung học, rồi sáng lập Tổ chức Bảo trợ thanh thiếu niên quốc tế. Cậu đã từng được tiếp kiến nhiều vị lãnh đạo, nguyên thủ quốc gia, hai lần được nhận đề cử nhận giải Nôbel hoà bình. Hiện Gregory Robert Smithb 13 tuổi, vừa tốt nghiệp đại học và nhận bằng cử nhân toán học tại Trường Randolph – Macon College.

Greg chưa cho biết sẽ theo học trường nào để lấy tiếp bằng Tiến sĩ toán học, vũ trụ học, khoa học chính trị và kĩ sư y – sinh học. Ngoài việc học, cậu còn theo đuổi nhiều ngành khác như xã hội học để đoạt giải vô định hùng biện về quyền trẻ em và thế giới phi bạo lực. Chưa hết, cậu còn mang hoài bão trở thành tổng thống Mĩ để có cơ hội giúp nhiều người hơn nữa.

Vào tháng 9/1999, Greg đến trường Randolph – Macon làm giới truyền thông và công chúng chú ý tại hai cuộc họp báo. Theo giáo sư tâm lí và người thầy hướng dẫn Wessells, chính tại trường này cậu trở lên nổi bật, "bởi ngoài óc tò mò tột độ, sự nhận thức về hoà bình và công bằng xã hội, trong cậu còn có động lực tuyệt vời để chắp cánh những ước mơ có ý nghĩa cho cuộc đời". Theo ông, bài học trong trường đời tại hội nghị trẻ em do Liên Hợp Quốc tổ chức vào cuối tháng 5 gần đây mà cậu được dự sẽ giúp cậu trưởng thành. Tại đây, cậu sẽ bước lên diễn đàn nói lên suy nghĩ của trẻ em và một thế giới phi chiến tranh. Điều này sẽ giúp cậu giữ vững lập trường và đưa lí tưởng vào thực tiễn.

Dù non trẻ, thiếu kinh nghiệp sống và hiểu biết còn hạn chế về văn hoá các nước, lại không được theo học ở các trường nổi tiếng, thế nhưng, thần đồng Greg vui vẻ với mái tóc hoe vàng vẫn vượt trội các bạn cùng lứa trên về thế giới toán học lẫn hoạt động xã hội.

Ngoài học bổng toàn phần ở Randolph – Macon, cậu còn được may mắn đến thăm nhiều nước có nhiều vấn nạn về trẻ em và đòi hỏi hoà bình. Tại Kenya, Greg – với tư cách là vị khách kí hiệp ước hoà bình giữa các bộ tộc và ở những khu ổ chuột Sao Paulo, Brazil, cậu tận mắt chứng kiến nạn trẻ em cùng lứa nghiện ngập và đang chết dần vì ma tuý.

Hồi 7 tuổi, Greg đã có lần phát biểu trong băng video khiến nhiều người phải cười. Trước cảnh trẻ bệnh tật hoặc suy dinh dưỡng, bị gia đình bỏ mặc hoặc bị ngược đãi, cậu tuyên bố: "Tôi sẽ phải hành động để tạo ra sự khác lạ cho những người cơ nhỡ". Theo Greg, bước đầu để kiến tạo hoà bình là giáo dục. Chính vì lẽ đó mà cậu phải học tập và làm việc cật lực cho mơ ước của mình thành hiện thực.

### 12. Thần đồng toán học

Theo tin Batđa Thủ đô Irac, tổng thống kiêm thủ tướng Izac Hamát Hatxencuba Cơ đã tặng cậu bé Áp Đét Xamát Anu một ngôi nhà vì thiên tài toán học của cậu – mới 5 tuổi chưa đến trường đi học, trước các nhà toán học và thầy giáo đã tìm ra căn số bậc 2 của một số có 10 chữ số (Báo Quân đội, 16/7/1973).

Em bé gái người Bỉ tên là Miset Lơmác – San 7 tuổi. Em có năng khiếu toán kì lạ. Miset đã giải được tất cả các bài toán số học, đại số, lượng giác phức tạp. Trong cuộc thử tài năng, Miset đã trả lời đúng căn số bậc 2 của 8 con số 23184225 trong 18 giây. (Báo Quân đội, 7/2/1974)

## 13. Trí nhớ hiếm có

Bé Amirtha Varshini (Ấn Độ), sinh năm 1997, con gái anh Snatha Kuma, có thể coi là có trí nhớ hiếm có. Bố em cho biết, ngay từ lúc mới 15 tháng tuổi, bé đã phân biệt được 70 loại rau quả và 112 loài vật. Hơn 2 tuổi, bé đã nhớ tên của 192 lá cờ các nước trên thế giới, kể cả cờ chỉ khác nhau về gam màu đậm nhạt hay một vài chi tiết nhỏ như quốc kì Hà Lan và Luxembourg; Australia và New Zealand; Malaysia, Liberia và Mĩ... Bé còn phân biệt được lá cờ của Liên hợp quốc, Hội Chữ thập đỏ, Tổ chức Trăng lưỡi liềm Đỏ, đảo Guam và Greenland.

Varshini nhớ tên 60 thủ đô các nước. Nếu bạn nói tên nước nào, bé sẽ chỉ vào cờ của nước đó. Còn nếu bạn chỉ cờ, bé sẽ nói ngay cho bạn biết đó là cờ của nước nào và tên thủ đô nước đó là gì.

Riêng về động vật, Varshini không chỉ nhận biết rất nhiều loài vật mà còn chỉ được trong mỗi loài có bao nhiêu giống như 30 giống cá, 7 giống khỉ, 5 giống báo và nhiều loài chim, côn trùng, vật nuôi... Bé cũng có thể biết được chúng sinh sống ở đâu, vùng nhiệt đới hay Amazon, thậm chí cả ở Bắc Cực.

Khả năng tư duy toán học của Varshini cũng xuất hiện từ rất sớm. Cho đến nay, tuy chưa biết đọc, nhưng bé đã có thể làm toán cộng trừ và phân biệt các dạng hình học, kể cả các hình chỉ có các nhà kĩ thuật mới lưu tâm tới.

Bé vừa có thể nói tiếng Tamil (Ấn Độ) với bố mẹ; vừa có thể trò chuyện lưu loát với phóng viên bằng tiếng Anh. Chơi trò xếp hình logo không cần mẫu và sử dụng máy tính để vẽ, tô màu và tìm lá cờ các nước đều là thú vui hàng ngày của bé.

Hiện nay, Varshini đang ở cùng với bố mẹ và em gái Nitu tại khu tập thể Thương mại, 70 Võ Thị Sáu, Hà Nội. Căn nhà thật yên tĩnh nhưng tên tuổi của cô bé cùng ngày sinh với "cô bé siêu nhân" – Rajikanth đã được rất nhiều khách quốc tế, cũng như các cô chú cán bộ Công ti liên doanh Sofitel Metropole biết đến.

## 14. Một lúc đọc được hai cuốn sách

Đó là bé Olga (Nam Phi) 10 tuổi. Bố mẹ em đều là những người bình thường, không có gì nổi trội so với mọi người. Từ lúc sinh ra cho đến khi đi học, em phát triển không có gì khác biệt so với bạn bè cùng trang lứa, chỉ có điều em rất thích đọc sách và mỗi lần đều giở vài cuốn. Tưởng rằng em chỉ lật chơi, nhưng khi mẹ hỏi nội dung những cuốn sách ấy, em đều nói vanh vách. Mẹ em phát hiện khả năng kì lạ này nhân một buổi hai mẹ con cùng đọc sách. Khi Olga hỏi ý nghĩa của một từ đơn, mẹ trao cho em cuốn từ điển để tra cứu. Bất ngờ,

bà thấy em mắt phải thì nhìn chăm chú tìm ý nghĩa từ đơn trong từ điển, còn mắt trái vẫn nhìn vào cuốn sách đang đọc. Vô cùng kinh ngạc, mẹ đã hỏi Olga. Em cho biết cùng một lúc em đã đọc cả hai cuốn sách và diễn lại cách đọc. Bán tín bán nghi, bà mẹ em thử nhiều lần, đều thấy năng lực kì lạ này. Cô giáo cũng làm thử nghiệm và xác nhận Olga có khả năng: Đọc một lúc được hai cuốn sách.

Một nhóm các nhà tâm lí học, thần kinh học... Nam Phi đã làm trắc nghiệm nghiêm túc với Olga. Tiến sĩ Mate đặt hai cuốn truyện nhi đồng, có nội dung khác nhau trước mặt Olga. Em liền đặt chúng sang hai bên trái và phải. Theo dõi Olga, mọi người thấy, con ngươi trái của em liếc nhìn cuốn sách bên trái; đồng thời con ngươi phải đọc cuốn sách bên phải. Đôi mắt của em cùng một lúc hướng theo hai hướng khác nhau, đôi con ngươi đồng thời di động. Một lát sau, Olga đã trả lời trôi chảy nội dung hai cuốn sách. Tiến sĩ Mate vô cùng ngạc nhiên: "Đây là người đầu tiên cùng một lúc đọc được hai cuốn sách. Trường hợp của Olga cho thấy não trái và não phải của em hoạt động gần như độc lập. Vì thế, hai mắt của Olga cũng hoàn toàn độc lập, không cần phối hợp với nhau. Em có hai não hiếm thấy trên đời".

Mọi người trầm trồ khen ngợi, còn Olga hồn nhiên phát biểu: "Em nghĩ người ta có hai tai, có thể vừa nghe nhạc vừa nghe người khác nói chuyện, thì tại sao hai mắt lại không có thể làm hai việc khác nhau. Do vậy, điều em làm được chẳng có gì đáng kinh ngạc cả".

### 15. Tiếng vĩ cầm thiên phú

Năm 1995 tại New York (Mĩ) các nhạc công lão luyện nhất cũng "vị nể" tiếng vĩ cầm điêu luyện của cô bé 12 tuổi Sarah Chang (Hàn Quốc).

Cha mẹ Sarah Chang (di cư sang New Jersey, năm 1979) cho biết, Sarah Chang tỏ ra thích thú với âm nhạc từ khi còn nhỏ xíu. Lúc em bắt đầu cầm được cây đàn, cha mẹ em đã tạo điều kiện cho em học đàn. Sarah Chang tiếp thu rất nhanh và tiếng đàn của em thật tuyệt diệu – tiếng đàn "thiên phú". Em vừa học văn hóa ở trường Germamantown Friends (gần Philadenlphia), vừa học âm nhạc trường nhạc Juliard danh tiếng (New York), được giáo viên già dặn kinh nghiệm Dorothi De Lay dìu đắt.

Cô giáo Dorothi De Lay kể rằng: "Sarah Chang đến gặp tôi khi em tròn 5 tuổi, em chơi bản ConCerto Mendelssohn (một bản nhạc khó đối với tuổi của cô bé) với tất cả tình cảm say mê mà tôi chưa hề nghe bất cứ một tiếng đàn nào như thế. Tôi so sánh tiếng đàn của em với bản ghi âm của các thần đồng như Midori, Shlomo Mintz, Itzhak Perlman...thì thấy em là độc nhất vô nhị".

Ngoài âm nhạc, cũng như các bạn cùng trang lứa, Sarah Chang vẫn thích chơi đùa, đi mua sắm cùng cha mẹ tại shopping và là một học trò ngoan. Em được coi như một nghệ sĩ tài năng, được mời biểu diễn một hoặc hai lần trong một tháng với dàn nhạc giao hưởng của thành phố New York. Tờ New York Times đã ca ngợi Sarah Chang biểu diễn bản Concerto của Tchaikovsky: "Khi dàn nhạc chơi dạo đầu, cô bé lắc lư mình hệt như một đấu thủ quần vợt chuẩn bị giao bóng. Lúc cô bé kéo nốt nhạc đầu tiên, âm thanh mượt như nhung, làm ngây ngất lòng người".

James R.Oestreich, một cây bút lão luyện cũng viết về em: "Rõ ràng Sarah Chang là một hiện tượng kì lạ. Cũng như hầu hết các thần đồng, kĩ thuật của em điêu luyện đến mức đáng ngạc nhiên. Nhưng không giống như nhiều người khác, em không chịu dừng chân ở thành công mĩ mãn này. Và có lẽ là bí quyết để trở thành thần đồng".

### 16. "Cậu bé vàng" toán học

Như được thừa hưởng gien học toán của bố mẹ nên Vũ Ngọc Minh đã có niềm say mê toán học từ nhỏ. Bố mẹ Minh đều là giảng viên Trường đại học Hàng hải Hải Phòng. Thấy Minh quyết tâm học giỏi toán, bố mẹ đã gửi em lên Hà Nội từ ngày học chuyên toán trường cấp II Chu Văn An. Có lẽ tính tự lập sớm khiến câu học trò nhỏ trông "già" trước tuổi.

Ngọc Minh hiện đang là học sinh lớp 12 khối chuyên Toán – Tin Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. Thời khoá biểu của Ngọc Minh luôn kín những giờ học trên lớp, học thêm, học ôn luyện thi toán quốc gia. Thật đáng tự hào vì tấm huy chương vàng duy nhất của đoàn Việt Nam tham dự kì thi Ôlimpic toán quốc tế ở Mĩ năm qua mà Vũ Ngọc Minh đạt được khi em học lớp 11. Nhớ lại những ngày ở Mĩ, Minh kể: "Sáu học sinh của đội tuyển Việt Nam chúng em chỉ thi hai ngày, còn lại thời gian mười ngày nghỉ ngơi và đi chơi. Ở Việt Nam, em lại không có thời gian đi tham quan nhiều nơi như thế. Đi cùng các bạn các nước thật vui, các bạn rất hoà đồng. Vui nhất là thăm công viên Oasinhtơn". Ở lớp học toán, luyện toán, về nhà Minh tự giải các bài toán. Gặp bài toán khó, chưa giải được, Minh ghi vào cuốn sổ riêng để khi có phương pháp mới, áp dụng vào để tìm ra kết quả cuối cùng. Minh không mua nhiều sách toán mà thường tranh thủ thời gian rảnh rỗi mượn sách, mượn tài liệu để đọc. Những lúc học căng thẳng, Minh thư giãn bằng cách nghe nhạc, đặc biệt Minh đánh đàn rất hay. Sau kì thi quốc gia 3/2003, Minh tập trung học tiếng Anh để đọc, hiểu và giải những bài toán bằng tiếng Anh của các nước mà bây giờ Minh chưa thực hiện được.

Ngọc Minh sử dụng thành thạo tin học, giải những bài toán khó trên máy vi tính. Minh luôn tự nhủ rằng học trong "môi trường" toàn các bạn giỏi, nếu bản thân không cố gắng học thì sẽ bị "tụt hậu" ngay lập tức. Minh nói vui: "Các doanh nghiệp cạnh tranh ngoài thương trường, còn học sinh bọn em "cạnh tranh" trong học đường". Các thầy cô luôn kì vọng ở "cậu bé vàng" trong những kì thi sắp tới.

Nhỏ nhẹ, ít nói, Ngọc Minh thường bị các bạn cho là "lập dị". Song, Minh sống rất tình cảm, luôn khiêm tốn học hỏi, và được thầy cô không chỉ trong khoa Toán – Tin mà còn ở Viện Toán học cũng rất quý mến. Tuy ở xa, nhưng bố mẹ Minh luôn "theo sát" từng bước tiến bộ của con, là "hậu phương" vững chắc để Minh yên tâm học tập. Minh sẽ có đủ nghị lực thực hiện được ước mơ thành nhà toán học trong tương lai nếu "không chịu lùi bước" trong học tập.

## IV. NHỮNG ĐIỀU BÍ ẨN VỀ THẦN ĐỒNG

### 1. Thêm những bí ẩn về thần đồng

Đến nay trên thế giới đã xuất hiện rất nhiều "Thần Đồng", mỗi người mỗi vẻ, như Gót và Mule khi 3 tuổi đã đọc được chữ Hi Lạp. Nhà soạn nhạc nổi tiếng Môda khi 3 tuổi đã biết chơi dương cầm, khi 5 tuổi đã sáng tác nhạc, khi 7 tuổi đã xuất bản tập nhạc đầu tiên của mình, khi 12 tuổi đã viết ca kịch đầu tiên. A. Anmaro khi hai tuổi rưỡi đã biết chơi cờ và biết giải một số bài toán hình, khi 4 tuổi thạo chữ Hi Lạp, Vật lí và Triết học, lên 6 tuổi học địa chất, vật lí địa cầu, lên 8 tuổi đã biết soạn những chương trình máy tính phức tạp, năm 11 tuổi đã đỗ bằng thạc sĩ toán học Trường Đại học California.

Nicolas người Anh khi chưa đầy một tuổi đã biết đọc, mà chữ đầu tiên là "Moda". Khi người mẹ nuôi cho cậu một chiếc đàn violon, chú say mê hết chỗ nói và điều kì lạ là không có người dạy mà chú vẫn chơi được những bản nhạc. Khi một tuổi rưỡi, chú biết sử dụng điện thoại và khi 2 tuổi chú nói thạo tiếng Pháp, khi 4 tuổi chú đã đọc thuộc lòng được một quyển bách khoa toàn thư và vào học máy tính của Trường Đại học Bruxen, hơn nữa thành tích của chú rất xuất sắc trong trường.

Tại Trung Quốc có không ít những "Thần Đồng", như Vương Bội, lúc 6 tuổi đã đọc thạo những bài từ, khi 9 tuổi đọc được "Hán Thư" và làm ra những bài thơ rất hay, nổi tiếng lúc đó như "Đằng Vương Cát Tự". Bạch Cư Dị 5 tuổi biết làm thơ và 9 tuổi thông luật vần thơ. Ngày nay có Lưu Hiểu Bân khi 2 tuổi đã đọc được 3.600 chữ Hán, 6 tuổi thi vào Đại học. Ninh Bá khi 2 tuổi rưỡi đọc thuộc lòng nhiều bài thơ, khi 5 tuổi đi học, 7 tuổi đọc thạo các sách về y học và

đã bắt mạch khám bệnh cho mọi người, 8 tuổi nghiên cứu thiên văn xem được các vì tinh tú và 13 tuổi vào Đại học Khoa học Trung Quốc. Điền Hiếu Phi mới 3 tuổi đã đọc được nhiều chuyện ngụ ngôn Trung Quốc, chưa đầy 6 tuổi đã đọc các tác phẩm văn học cổ điển như: "Tây Du Kí", "Thuỷ Hử", "Hồng Lâu Mộng", "Tam Quốc Diễn Nghĩa". 6 tuổi làm thơ, 8 tuổi đoạt giải thơ của Liên Hợp Quốc tổ chức cho thiếu niên nhi đồng, 9 tuổi xuất bản tập thơ đầu tiên và khi chưa tốt nghiệp sơ trung (trung học cơ sở) đã được đặc cách vào Đại Học Bắc Kinh...

Mặc dù ở các nước khác nhau nhưng qua nghiên cứu các nhà khoa học đều rút ra những đặc điểm chung của các "Thần Đồng" này như sau:

1) Rất ham hiểu biết, tìm hiểu những cái mới. Ngọn lửa trí tuệ, tri thức, thông minh bùng cháy mãnh liệt.

2) Có trí nhớ siêu phàm, thậm chí có người chỉ liếc mắt qua trang sách là hiểu hết nội dung.

3) Có đầu óc quan sát sự vật rất sâu sắc, phát hiện những hiện tượng, những góc cạnh, những bí ẩn của sự vật mà người bình thường không thể phát hiện được.

4) So với trẻ bình thường, những "Thần Đồng" này tập trung toàn bộ tinh lực của mình vào học tập, nghiên cứu, nên hấp thụ những tinh hoa của con người, sớm hình thành một trí nhớ, trí tưởng tượng, tầm khái quát rất cao.

Nghiên cứu các nhà khoa học cho thấy nhân tố rất quan trọng tạo nên "Thần Đồng" là gen di truyền. Năm 1980, nhà bác học Mĩ Robert Greyam đã lập một "Ngân hàng tinh trùng các nhà khoa học giải thưởng Nôben". Sau đó có một bà 41 tuổi xin thụ thai bằng tinh trùng trong Ngân hàng này. Tinh trùng mang số hiệu số 28 của một chuyên gia máy tính giỏi và cũng là người yêu thích âm nhạc. Sau này khi đứa con do bà sinh ra có chỉ số thông minh là 200, trong khi đứa trẻ khác chỉ có 100. Các nhà sinh vật học cũng phát hiện ra cái gọi là "chu kì tiết tấu sinh vật". "Tiết tấu sinh vật" bao gồm ba nhân tố trí lực, thể lực, tâm lí hợp thành. Chu kì này phát triển theo thời gian, có lúc lên đỉnh cao. Nếu như hai vợ chồng giao hợp đúng lúc chu kì này ở cao trào thì con sinh ra rất dễ trở thành "Thần Đồng". Tại Trung Quốc, các nhà y học cũng đã tiến hành cuộc điều tra thăm dò đối với hơn 1000 trẻ em, kết quả cho thấy 90% trẻ em thông minh, kém trí tuệ liên quan rất lớn đến thời kì thụ thai của cha mẹ chúng ở vào lúc cao trào hay thoái trào tiết tấu sinh học.

Các nhà khoa học Trung Quốc cũng phát hiện thấy rằng việc ăn uống của người mẹ khi mang thai cũng có ảnh hưởng rất lớn đến phát triển thai nhi và trí tuệ của các "Thần Đồng" sau này.

Hiện nay các nhà khoa học trên thế giới trực tiếp nghiên cứu thêm những nguyên nhân hình thành "Thần Đồng" trên thế giới để từ đó có những biện pháp thích đáng tạo ra những giống người thông thái, hạn chế những người kém trí tuệ, những bệnh bẩm sinh, góp phần làm cho xã hội loài người có nhiều các nhà bác học thông thái, nhanh chóng cải tạo xã hội và chinh phục thiên nhiên. (Theo tạp chí "Beati").

## 2. Cách nhìn mới về hiện tượng thần đồng

Một hiện tượng thường hay được báo chí nói đến và thường khiến chúng ta băn khoăn, đó là: không ít các "thần đồng" – lúc nhỏ tuổi tỏ ra rất "thần kì" – có tri thức siêu phàm – vượt xa những em bé cùng tuổi rất nhiều, ấy thế nhưng khi lớn lên thì chỉ là một người bình thường! Ví dụ như, có một thời chú bé thần đồng Kim Xung Cao – người Hàn Quốc đã từng nổi danh khắp thế giới, được báo chí khắp nơi ca ngợi: Mới lên 2 tuổi đã đọc và viết được 2.500 chữ Hán, lúc 10 tuổi chỉ số thông minh (IQ) đạt tới 210. Thế nhưng, khi lớn lên, tài năng của Kim dường như cứ giảm đi dần dần: trong đợt thi tuyển vào đại học 1979 Kim chỉ được xếp thứ 2.420 trong số 2.763 thí sinh. Tới năm 1990, khi đó Kim đã 27 tuổi, báo chí đã đánh giá như một người hết mức bình thường. Những ví dụ đại loại như trên không thể kể hết!

Để hiểu rõ những bí ẩn của hiện tượng thần đồng, vấn đề mấu chốt là cần phải hiểu rõ nội dung của khái niệm được gọi là "trí lực". Để đánh giá trí lực, lâu nay người ta thường sử dụng chỉ số thông minh – IQ. Thế nhưng IQ chủ yếu chỉ thể hiện "khả năng học tập" trong quá trình tiếp nhận kiến thức. Trên thực tế, trong phần lớn các trường hợp: IQ đã bị không ít nhà giáo dục xem như là "hệ số học tập". Khi một người còn đang học tập tại nhà trường, có thể dùng IQ để đánh giá năng lực và trình độ học tập. Thế nhưng, một khi đã kết thúc học nghiệp, đã bước vào lĩnh vực nghiên cứu, "thì hệ số học tập" không còn thích hợp để có thể đánh giá toàn diện và năng lực thực tế của một người. Khi đó cần có một loại thước đo mới, đó là "sức sáng tạo".

Thông thường người ta vẫn cho rằng "sức sáng tạo" cao hơn "sức học tập" về phương diện trí tuệ – Phải có trí thông minh tuyệt đỉnh và khả năng học tập cực cao mới có thể hình thành được năng lực sáng tạo. Thế nhưng, các nghiên cứu về tâm lí học gần đây lại đưa ra kết luận bất ngờ: giữa trí lực và sức sáng tạo không có mối liên quan mật thiết như người ta vẫn tưởng. Một công trình nghiên cứu ở nước ngoài cho thấy: nhóm "có sức sáng tạo cao" có chỉ số IQ bình quân không những thấp hơn nhóm "có trí lực cao", thậm trí còn thấp hơn so với các

học sinh cao học. Điều đó cho thấy rõ: để trở thành một người có khả năng sáng tạo chỉ cần có hệ số trí lực trung bình – một người có hệ số trí lực trung bình cũng có thể bồi dưỡng thành một nhà sáng tạo; mặt khác, người có hệ số trí lực cao cũng chưa chắc đã bộc lộ rõ năng lực sáng tạo. Nói chung, năng lực học tập gắn liền với quá trình tích lũy kiến thức. Không phải là trí thức càng nhiều thì khả năng sáng tạo càng cao. Có khi, sự đầy đủ về tri thức lại dẫn đến tình trạng lệ thuộc vào nếp nghĩ của người đi trước, khiến cho khả năng sáng tạo bị kiềm chế. Điều đó còn có một ý nghĩa nữa là: một người có thể thành công trong học tập, nhưng chưa chắc đã thành công trong sự nghiệp tương lai.

Năng lực học tập, đặc biệt là học tập các môn khoa học tự nhiên, đòi hỏi chủ yếu là phương thức tư duy tập trung, duy lí. Để thực hiện công việc sáng tạo lại cần có phương thức tư duy phân tán, đặc dị. Trong hoạt động học tập, mục tiêu được xác định rõ ràng, cách thức tư duy có quy tắc, phạm vi trí thức cần đến giới hạn rõ ràng, cá tính không có một vai trò quan trọng. Ngược lại, trong hoạt động sáng tạo thì mục tiêu lại chưa rõ ràng, phải đột phá ở đâu và thực thi thế nào chưa thể biết trước được, cách thức tư duy lại không thể luận theo những quy tắc đã định, phạm vi trí thức cần đến lại không có ranh giới rõ ràng, và cá tính ở đây có vai trò mang tính quyết định. Nói tổng quát, năng lực học tập thể hiện ở cách thức nhanh chóng đạt tới một trình độ có trước, đạt tới một kỉ lục. Còn năng lực sáng tạo thể hiện ở sự đột phá đến một thành tựu hoàn toàn mới.

### 3. Bí quyết đẻ con "thần đồng"

Sinh một đứa con thông minh, một trong những nguyên nhân tiên thiên là thụ thai vào lúc đồng hồ sinh học của cha mẹ vận hành ở giai đoạn cao trào.

Chẳng hạn, một anh công nhân lúc đi học, thành tích học tập rất kém, cấp tiểu học lật đật mãi mới qua được, năm thứ nhất bậc trung học đã lưu ban, phải bỏ học đi làm. Vợ anh là một phụ nữ nông thôn bình thường, không có văn hóa, cũng chẳng có năng khiếu gì, chỉ biết làm những việc chân tay nặng nhọc. Vậy mà họ lại sinh được một cậu con trai rất thông minh. Sau khi tốt nghiệp trung học, cậu đã thi đỗ đại học Bắc Kinh với điểm cực cao. Học xong đại học cậu lại được một vị giáo sư nước ngoài chọn đi làm nghiên cứu sinh ở Mĩ, sau trở thành tiến sĩ.

Xem xét ngày thụ tinh và đường nhịp của cha mẹ cậu thì thấy, ngày hôm đó, trong 6 đường đồng hồ sinh học của hai người thì có tới 5 đường ở vào giai đoạn cao trào, trong đó hai đường trí lực đều nằm ở chỗ giá trị cao, đều đúng 100.

Lại như có một đôi vợ chồng hình thể thuộc loại bình thường, thậm trí không khoẻ mạnh lắm, nhưng cô con gái của họ lại rất cân đối khỏe mạnh, có tố chất một vận động viên, sau này đã trở thành một kiện tướng thể thao, nhiều lần đoạt huy chương vàng trong các kì thi quốc tế.

Xem xét ngày thụ tinh và đường nhịp của cha mẹ cô thì thấy, hai đường thể lực của cha mẹ cô đều vận hành đến chỗ cao nhất.

Trái lại, một trong những nguyên nhân tiên thiên dẫn đến sinh ra đứa trẻ kém thông minh là thụ thai vào giai đoạn đồng hồ trí lực của cha mẹ vận hành vào lúc thấp triều.

Chẳng hạn, có một đôi vợ chồng được coi là lí tưởng về mọi phương diện, đều là học sinh xuất sắc của một trường danh tiếng, đều khoẻ mạnh, có tài nhạc họa, ca múa, tính tình thoải mái. Sau này họ đều là công trình sư chủ nhiệm một đơn vị nghiên cứu trọng điểm, kinh doanh họ cũng rất giỏi, đáng lí ra con cái họ phải thông minh và khoẻ mạnh. Thế nhưng đứa con trai độc nhất của họ lại kém thông minh, học tiểu học cũng không xong, phải nghỉ học ở nhà.

Qua tính toán thì thấy, ngày thụ tinh trong 6 đường đồng hồ sinh học của cha mẹ cậu thì có tới 5 đường ở vào giai đoạn thấp hoặc gần đó, đặc biệt là hai đường trí lực của cha mẹ cậu đều ở mức dưới – 90, đó chính là nguyên nhân sinh ra đứa con kém thông minh.

Nếu chúng ta nắm được đường đồng hồ sinh học của hai vợ chồng, tiến hành có kế hoạch việc ưu sinh theo đồng hồ sinh học, thì tình trạng có khá hơn nhiều.

Qua tiến hành điều tra tình trạng ưu sinh của 1.300 thanh thiếu niên, tìm hiểu đường đồng hồ sinh học của cha mẹ chúng lúc thụ thai và tình trạng cha mẹ lựa chọn phối ngẫu thì thấy, trong trên 1.000 cặp vợ chồng này có 300 cặp phối hợp với lựa chọn phối ngẫu, chỉ có hai cặp phù hợp với ưu sinh theo đồng hồ sinh học, còn những trường hợp thụ thai lúc đồng hồ sinh học của cha mẹ ở chỗ thấp có đến trên 100 cặp. Điều này nhắc nhở chúng ta phải coi trọng ưu sinh theo đồng hồ sinh học.

Cùng với sự phổ cập của việc "ưu sinh theo đồng hồ sinh học", gần đây nhiều địa phương ở Trung Quốc đã tiến hành nghiên cứu chế tạo loại máy đo 3 nhịp (nhịp trí tuệ, nhịp thể lực, nhịp tình cảm) giúp ích cho mọi người có thể mọi lúc mọi nơi kiểm tra nhịp của mình, để tiến hành điều tiết bản thân, sắp xếp cuộc sống một cách khoa học.

Trung tâm giáo dục tuyên truyền sinh đẻ có kế hoạch tỉnh Giang Tô (Trung Quốc) đã nhập một hệ thống dự đoán thời kì mang thai hay nhất. Nó có thể dự đoán được lúc cao trào và lúc thấp trào của nhịp trí tuệ, thể lực, tình cảm của hai vợ chồng, hướng dẫn họ mang thai lúc nào là hay nhất.

Muốn sinh một đứa con khoẻ mạnh, thông minh, ít bệnh, trường thọ, tức chất lượng cao, còn liên quan đến tuổi tác của cha mẹ và mùa mang thai. Một số nhà khoa học đã tiến hành điều tra đối với các nhi đồng ở tuổi bắt đầu đi học (từ 6 – 7 tuổi), chọn ra những cô cậu có trí lực và thể chất khá tốt, thì thấy cha mẹ chúng phần lớn đều ở tuổi từ 25 – 30 (cha thường nhiều hơn mẹ từ 1 – 2 tuổi). Điều này chứng tỏ, tuổi thích hợp nhất để cha mẹ sinh con lại không phải tuổi kết hôn theo quy định (nam 22, nữ 20 – theo quy định của Trung Quốc) mà là vào thời kì đồng hồ sinh học của cha mẹ chuyển động đến giai đoạn thành thục, bởi vì thanh niên trên dưới 20 tuổi, sự phát dục của thân thể mới vừa bước vào thành thục, mà đại não và các bộ phận khác trong cơ thể lại chưa hoàn toàn phát triển thành thục, quá trình canxi hóa của xương, độ cao thấp của thân thể phải đến 24, 25 tuổi mới định hình, mới về cơ bản hội đủ các điều kiện làm cha mẹ. Một thanh niên cơ thể còn chưa hoàn toàn thành thục, mang thai sinh con quá sớm, chẳng những ảnh hưởng đến sự phát dục và sức khoẻ của bản thân anh ta, mà còn khiến đứa trẻ tiên thiên bất túc. Nhưng vượt quá tuổi 35 mới sinh con thì tỉ lệ khó đẻ và sinh con tiên thiên bất túc cũng khá cao. Cho nên, tuổi sinh con không nên quá sớm, cũng không nên quá muộn, 25 – 30 là lí tưởng nhất.

Còn có một hiện tượng thú vị khác, tức mùa hoặc tháng mang thai cũng liên quan mật thiết đến trí lực và sức khoẻ của con cháu. Những đứa trẻ sớm mắc bệnh đần độn, phần lớn đều sinh vào mùa xuân. Các nhà khoa học nước ngoài đã tiến hành điều tra 45.000 sinh viên năm thứ nhất bậc đại học, thì thấy những cô cậu sinh ra do mang thai mùa đông so với các cô cậu sinh ra do mang thai lúc giữa hè, tỉ lệ ưu tú cao hơn 60%. Đó là vì, trong 3 tháng của thời kì đầu mang thai là giai đoạn hình thành vỏ đại não của thai nhi, là thời kì não phát triển nhanh nhất, lúc này chất dinh dưỡng có tác dụng rất lớn đối với sự sinh trưởng và phát dục của tế bào não. Còn mang thai mùa hè, lúc này khí ôn quá cao, người mẹ kém ăn, ảnh hưởng mạnh đến tế bào thai, lượng tiếp nhận lượng prôtêin ít, mà lượng bài tiết của cơ quan lại quá lớn, nhân tố môi trường bất lợi và dinh dưỡng kém đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự phát triển và trí năng giai đoạn đầu của thai nhi, cho nên, tốt nhất nên tránh mang thai vào mùa hè.

## V. ĐỂ CÓ THẦN ĐỒNG PHẢI NUÔI DẠY NHƯ THẾ NÀO?

### 1. Bí quyết để nuôi dạy "thần đồng"

Khi những bức tranh của Alexandra Nechita – cô bé Tây Ban Nha 11 tuổi được trưng bày trước mắt giới phê bình địa phương, dường như không ai tin rằng kiệt tác ấy là của một đứa trẻ.

Mang đậm ảnh hưởng sáng tác của danh họa Picasso, tất cả đều được đánh giá là "đã chín, được suy nghĩ sâu sắc và rất sống động", còn trong đông đảo

giới sành hội họa châu Âu thì thịnh hành coi cô gái như một "thần đồng". Nhìn chung các thiên tài nhỏ tuổi không tuân thủ bất cứ hình mẫu nào; họ chỉ có điểm duy nhất giống nhau là chỉ số thông minh rất cao và "niềm vui sáng tạo". Theo các nhà khoa học, thực ra bẩm sinh, số trẻ em đặc biệt tài năng chiếm tỉ lệ khoảng 3% tổng số; chỉ có điều rất ít được phát hiện và nuôi dưỡng trong điều kiện thích hợp.

"Thần đồng" toán học Kuba người Ba Lan là một ví dụ, năm 6 tuổi, sau hai tháng học lớp 1, các giáo viên trong trường đề nghị gia đình đồng ý để em lên thẳng lớp 3. Khi 11 tuổi, Kuba mê toán đến mức cậu bắt đầu ghi tên tham gia câu lạc bộ toán học, nơi các thành viên được nghiên cứu toán học cao cấp do các giáo sư trường đại học Bách khoa Thành phố Vrôxoáp hướng dẫn. Một năm sau, Kuba đoạt giải nhất Olimpic toán toàn quốc dành cho học sinh lớp 12, trong lúc cậu vẫn là một học sinh tiểu học, vẫn giữ nếp sinh hoạt bình thường. Hàng ngày chơi đùa với bạn bè, thích đi xe đạp và xem kịch. Mẹ Kuba, bà Maria nói.

Kamin cậu bé vùng ngoại ô thành phố Cracốp, đồng hương của Kuba, vô địch cờ vua thế giới lứa tuổi đến 12 cũng thuộc nhóm "trẻ em bình thường". Trò chơi, mà thoạt đầu Kamin coi như thú vui, sau khi đăng quang danh hiệu trên, cậu chuyển nó thành một thứ nghề; thay vì theo học trường phổ thông đại chúng, Kamin dành nhiều thời gian hơn cho việc luyện tập theo chế độ nhà nghề và những chuyến đi thi đấu. "Không hiếm trường hợp tôi ngồi hàng chục giờ liền bên bàn cờ, thậm chí cả trong bồn tắm. Khi không có hứng, tôi nghỉ hoàn toàn. Tuy vậy, mỗi ngày tôi dành tối thiểu 30 phút để phân tích các thế cờ vua, trái hẳn bộ dạng bề ngoài, đấu thủ phải có thể lực thật dồi dào, vì vậy tôi cũng thường xuyên phải chơi bóng đá và bóng rổ – Kamin, chàng trai bắt đầu đánh cờ với ông nội và bố đẻ (một luật gia và họa sĩ tâm sự)".

Chàng trai Xtefan Oatalbốpxki năm nay 17 tuổi, nghệ sĩ đàn dương cầm tài hoa, nhà vật lí xuất sắc lại bộc lộ tài năng sớm hơn. Năm chưa tròn 1 tuổi, khi chưa nói sõi, cậu đã "ê – a" không sai nhạc điệu bất cứ bài hát nào lọt đến tai, còn hai năm sau – thể hiện chúng trên đàn piano, dẫu chưa hề biết nốt nhạc nào! Mới 9 tuổi, Xtefan đã đoạt giải ba cuộc thi piano quốc gia mang tên J.S.Bach; còn năm 11 tuổi – giải nhì cuộc thi quốc tế mang tên I.Xtavinxki, ở Mĩ. Theo mẹ Xtefan, bí quyết thành tài quan trọng nhất của con trai là: sự hết lòng vì niềm hứng thú và ý chí kiên nhẫn – nếu quan tâm đến vấn đề nào đó, Xtefan có thể ngồi hết tuần này sang tuần khác, nếu chưa giải quyết được. Cậu tốt nghiệp trường trung cấp âm nhạc sớm hơn bạn bè hai năm. Tốt nghiệp trung học phổ thông sớm hơn một năm.

"Ở châu Âu trẻ em thông minh đặc biệt thường là khái niệm xui khiến người ta liên tưởng đến đối tượng đeo kính cận, không có bạn bè, và thời gian chủ yếu dành cho việc đọc sách, trong cô đơn. ở Mĩ, siêu trẻ em là nhà thể thao nổi tiếng, thủ lĩnh bẩm sinh và học trò đặc biệt xuất sắc. Cả hai hình mẫu đều lệch lạc – TS Joanna Freeman, chủ tịch Hội đồng trẻ em đặc biệt tài năng châu Âu khẳng định".

Về bí quyết nuôi dưỡng "thần đồng", theo TS J. Freeman, điều quan trọng nhất là sự cần thiết phải duy trì trạng thái hài hoà giữa đời sống trí óc và tình cảm. Cụ thể, bí quyết này bao gồm 6 "vị thuốc".

1. Hãy đảm bảo cho trẻ cảm giác an toàn. Tiềm năng trí tuệ của trẻ sẽ phát triển nhanh hơn, một khi nó được "chấp nhận" ở nhà và trong nhà trường; trong những tình huống xung đột, hãy tỏ rõ vai trò chỗ dựa của gia đình.

2. Hãy lựa phương pháp giáo dục phù hợp với dạng trí tuệ và tính cách của đứa trẻ – với tâm hồn đa cảm nghệ sĩ, tránh nỗ lực đào tạo thành một nhà toán học nghiêm túc; với nhà thể thao hoạt bát – tránh nỗ lực biến thành một triết gia. "Trẻ em không thể trở nên thông minh hơn, tuy nhiên lại có thể học cách sử dụng tốt hơn khả năng của bản thân". TS Gilles Azzopardi, nhà tâm lí học Italia nổi tiếng, tác giả cuốn sách "*Hãy phát triển trí tuệ của bản thân*" khẳng định.

3. Hãy dạy trẻ em chấp nhận thất bại. Trong những trường học phát triển tư duy sáng tạo không bao giờ đặt trọng tâm vào việc giải quyết bản thân vấn đề cụ thể, mà độc nhất phương pháp. Trẻ em tin vào năng lực của bản thân không ngại thất bại, càng tập trung cao độ để hoàn thành nhiệm vụ trong tình huống bị đe dọa.

4. Đừng quan tâm thái quá đến con trẻ – nỗ lực như thế sẽ hạn chế khả năng tự lập và làm rối loạn cảm giác thực tế của trẻ.

5. Hãy tìm khả năng nhượng bộ giữa việc thích nghi của con trẻ với cuộc sống xã hội và sự phát triển cá tính của nó. Trẻ con cần phải tuân thủ những nguyên tắc chung mang tính xã hội và tự mình ý thức được rằng, tài năng không thể đồng nghĩa với sự tự do vô giới hạn.

6. Hãy cho phép con trẻ trải qua thời kì "tăng tốc nổi loạn". Trẻ con tài hoa xuất chúng sớm được công nhận vai trò hơn người; hãy chấp nhận thái độ phê phán, song hãy tìm cách thức khác thoả mãn nhu cầu khám phá thế giới của mình.

Tóm lại, theo đại đa số giới tâm lí học, việc phát triển độc nhất năng lực trí tuệ trẻ em có thể rất nguy hiểm và có thể dẫn đến sự xuất hiện "hội chứng Bill Gates"– con người thông minh xuất chúng song lại bất lực về tình cảm. Điều quan trọng là dạy trẻ con biết yêu, nuôi dưỡng thiết lập trong nó năng lực quan hệ với người khác, hoà bình vào xã hội, để "thần đồng" không trở thành một kẻ tâm thần, đe dọa người khác – J. Freeman kết luận.

## 2. Trường học cho những thiên tài

Trẻ em, đặc biệt thông minh thường lại hay thất bại trong những trường học bình thường, Cộng hoà Liên bang Đức giờ đây đang mở một chiến dịch đào tạo đặc biệt, nhằm khuyến khích tốt hơn những thiên tài của tương lai.

Nữ cảnh sát viên hình sự Liselotte Bungardt, người xứ Herne, thật sự không biết phải giải quyết "vụ án" đó ra sao nữa: "Cứ như thể tôi sống cùng với một võ sĩ Samurai" – chị nói.

Hàng ngày trời, cậu con trai Constantin mới lên có 6 tuổi của chị luôn chúi mũi vào những cuốn sách chuyên môn, rồi nó hoá trang, diễn lại tất những gì vừa đọc được và bắt đầu sưu tầm kiếm Samurai. "Tôi đã tưởng", Bungardt nói, "tôi phải đưa con tôi vào bệnh viện tâm thần" – Thêm vào đó, Constantin gặp rất nhiều "khó khăn" trong trường học. Những bài tập đơn giản nhất lại tỏ ra quá khó, chú bé cần tới hàng tiếng đồng hồ để giải chúng.

Một nhà tâm lí học không gửi Constantin đi chữa bệnh, mà gửi cậu bé tới một khoá giảng về Nhật Bản và từ lớp hai lên thẳng lớp bốn. Lời chẩn đoán bệnh của ông: đặc biệt thông minh. Với chỉ số thông minh (IQ) 139, trường học bình thường đã tỏ ra quá đơn giản, quá nhàm chán đối với cậu bé 7 tuổi.

Theo điều tra của các chuyên gia tâm lí trường phổ thông, cứ mỗi năm lại có khoảng 2% số học sinh nước Đức mới nhập trường chịu chung cảnh ngộ với Constantin. Chỉ số IQ của chúng nằm trên 130, nhu cầu trí tuệ của trường học bình thường rất nhiều, song hầu như chẳng có mấy nhà sư phạm phản ứng một cách tích cực trước hiện tượng đó. "Nếu chúng tôi có phân biệt, thì thường là để quan tâm đến những học sinh yếu kém. Sự cần thiết phải áp dụng điều này đối với cả những học sinh dẫn đầu, cho tới nay vẫn chưa được đánh giá đúng mức", đó là lời thú nhận của Karl Emst Wyrwa, 58 tuổi, Hiệu trưởng trường phổ thông Betherner Strasse tại Thành phố Hannover.

Wyrwa và các bạn đồng nghiệp của ông giờ đây hết sức vui mừng trước những cải thiện đang được thực hiện. Trong một cú thử nghiệm độc nhất vô nhị, họ sẽ nhận trong những năm học tới đây mỗi năm 16 em có năng khiếu đặc biệt, có chủ định rõ ràng. Kết quả của chương trình thử nghiệm 7 năm này phải vạch ra được hướng đi chính cho phương thức hành động của nền giáo dục Cộng hoà Liên bang Đức đối với những thiên tài tương lai.

Một trong những đối tượng của chương trình thử nghiệm năm nay là cậu bé William, 6 tuổi. Hiện giờ, cậu vẫn ngồi trong vườn trẻ cách trường học này khoảng vài con phố và đọc cho các bạn trong lớp nghe những truyện cổ tích về thần ru ngủ. "Em cũng biết làm phép cộng, trừ, và chia cho 2", cậu bé nói.

Trong nhà trẻ của Đoàn thanh niên Thiên Chúa giáo nước Đức (CJD) tại Hannover, đó chẳng phải là điều đặc biệt. Đây là nhà trẻ duy nhất của toàn Liên bang cho những đứa bé đặc biệt thông minh. Từ 2 năm nay, nó chăm lo 60 học sinh – một nửa trong số này có trí tuệ vượt hẳn mức bình thường.

Thường thì bọn trẻ con tự học đọc, chúng nói năng rất hùng hồn, khéo léo, có một trí nhớ tuyệt vời và một khả năng hấp thụ tri thức rất nhanh. Song điều đáng nói hơn cả, chúng có khả năng suy nghĩ logic và phân tích làm người khác phải ngạc nhiên. Đó là điểm phân biệt chúng với những đứa trẻ cùng lứa tuổi, cũng được cho là có năng khiếu, song chỉ thông minh hơn các bạn khác có một chút ít.

Các bậc phụ huynh đến với hiệu trưởng: Christa Hartmann, thường không với niềm hãnh diện về việc con cái họ mới 4 tuổi đầu đã biết chơi trò Monopoli, mà với nỗi lo lắng, e sợ vì lối cư xử bất thường của chúng.

"Bọn trẻ phát ra tín hiệu rằng chúng không cảm thấy ổn thỏa với bao cảnh xung quanh. Chúng cảm thấy chúng khác những đứa trẻ cùng lứa tuổi", nhà tâm lí học Hartmann giải thích hiện tượng kì lạ đó. Thường thì chúng bị những đứa trẻ cùng lứa cười chê là "ông cụ non".

Nhìn chung, vấn đề những đứa trẻ đặc biệt thông minh được các nhà sư phạm và các nhà tâm lí học bàn cãi rất nhiều. Không chỉ riêng những phương pháp đo đạc chỉ số IQ bị một số chuyên gia cho là đáng nghi ngờ, kể cả những khả năng đặc biệt trong lứa tuổi thanh thiếu niên. Theo Peter Struck, nhà sư phạm học của trường Đại học Tổng hợp Hamburg, "những lời tiên đoán đáng tin cậy chỉ có thể được đưa ra từ tuổi thứ 12". Nguyên nhân của sự thông minh đặc biệt không hiếm khi nằm ở sự đòi hỏi, khuyến khích đặc biệt của cha mẹ đứa bé. Trong trường hợp đó, bước vượt trí tuệ sẽ dần mất đi trong tuổi dậy thì.

Trong nhóm trẻ tổng hợp nhiều thành phần tại Hannover, các thầy cô giáo đang thử nghiệm các bước phân tích đầy khó khăn giữa quá trình học hỏi về mặt xã hội trên sân chơi và những thách thức trí tuệ cho những đứa trẻ 3 tuổi.

Việc những đứa trẻ này "có một nhu cầu trí tuệ mà chúng ta bắt buộc phải thoả mãn giống như thoả mãn cái đói", được giáo sư tâm lí học xứ Hamburg Wilhelm Wieczerkowsky khẳng định một cách kiên quyết. Đối lập với những thần đồng về mặt âm nhạc hoặc thể dục thể thao, đại đa số thường chỉ là sản phẩm của một " Quá trình rèn luyện đơn điệu và cực nhọc từ rất sớm", ở những đứa trẻ đặc biệt thông minh này trình độ phát triển của não đóng một vai trò quyết định trong năng khiếu". Từ năm 1983, giáo sư Wieczerkowsky đã lãnh đạo một văn phòng tư vấn cho những đứa trẻ đặc biệt thông minh.

Song những năng khiếu mang tính di truyền đó sẽ biến chuyển thành những gì, điều đó phụ thuộc rất nhiều vào hoàn cảnh sống. Thường thì chính những người sống xung quanh lại tìm cách hãm phanh nỗi khát khao tri thức của những đứa bé luôn miệng hỏi han và qua đó, là những đứa bé "đặc biệt khó chịu".

"Ông bà hãy giật sách ra khỏi tay nó và cho nó tham gia một câu lạc bộ thể thao nào đó". Cha mẹ Bianca đã nhận được lời khuyên như vậy một từ cơ sở tư vấn học sinh, khi họ mang đứa con gái 11 tuổi đang chán học đến đó. Biaca rất cảm ơn cha mẹ mình về việc họ đã không nghe theo lời khuyên này. Cô gái hôm nay 18 tuổi hiện đang trải qua kì thi tốt nghiệp tại trường phổ thông Christophorus xứ Braunschweing của CJD.

CJD cho tới nay là cơ sở duy nhất có những lớp học cho trẻ đặc biệt thông minh. Thay vì hai khoá học năng suất trong những trường cấp III bình thường, học sinh trường Christophorus phải học 5 khoá. Bianca đã tự chọn cho mình 7 khoá.

Thêm vào đó, các cậu học trò phải hoàn thành chương trình chỉ trong 2/3 thời gian bình thường. Trong học kì thứ ba, được gọi là "thời kì khắc sâu" của các trường đại học được chính phủ bang công nhận này, người ta đã dạy những gì hoàn toàn nằm ở ngoài chương trình phổ thông: sáng tác những vở kịch nói bằng tiếng Anh hoặc là nghiên cứu những đặc điểm của con virus HIV.

Những đứa bé 7 tuổi đặc biệt thông minh, đầu tiên đã được nhận vào trường nội trú tại xứ Braunschweing từ năm 1981. Bởi vì một cuộc điều tra đã chứng minh rằng, rất nhiều đứa trẻ thông minh đã bị nhét vào các bệnh viện tâm thần, nên chúng tôi muốn giúp đỡ học sinh đặc biệt này", bà hiệu trưởng Ursula Hellert, kể lại.

Ngày đó trong tư cách một cô giáo còn trẻ tuổi, bà đã phải trải qua thời kì khó khăn, nơi ý định của những nhà sư phạm Thiên Chúa giáo bị coi là tính kiêu ngạo. Người ta trách cứ rằng CJD muốn lập ra một trường học quý tộc theo những bản mẫu cũ.

Công đoàn Giáo dục và Khoa học (GEW) cho đến ngày hôm nay vẫn còn chống đối những chương trình giáo dục dành riêng cho những trẻ đặc biệt thông minh. Người phát ngôn Richard Lauenstin của GEW tại bang Niederschsen cho cái "sự giáo điều về những người đặc biệt" và việc phân loại học trò là một "trò vớ vẩn cao độ". Hellert phản kháng: "Chúng tôi đang trở thành một trường học kiểu mẫu".

Quả đúng như vậy, bang Baden – Wuerltemberg đang lập ra tại bốn trường phổ thông những khoá học được gọi là "Tàu nhanh", cho phép học sinh lấy bằng

tốt nghiệp trong 8 năm thay vì 12 năm như thường lệ. Ở 15 trường cấp III khác, người ta sẽ bắt đầu với chương trình cấp tốc này trong năm học tới. Ngoài ra, trong rất nhiều trường học của bang có tồn tại những nhóm hoạt động dành cho học sinh "có năng khiếu đặc biệt".

Bang Bayem trong mùa thu tới đây cũng sẽ lập ra một chương trình đặc biệt cho những học trò dẫn đầu, nếu có đủ đơn xin tham gia. Ở chương trình này, người ta sẽ xử lí những tri thức học bình thường ở một tốc độ nhanh, dành thời gian cho những môn phụ, ví dụ như tiếng Trung Quốc.

Song sự khác biệt giữa một chương trình quá tải và một sự đòi hỏi dưới mức thì bản thân các thầy cô giáo nhận ra. Bởi vì trong quá trình đào tạo của họ, những thầy cô giáo tương lai không hề được dạy bảo, không hề được luyện tập cách cư xử với những đứa bé đặc biệt thông minh. "Mới đây, một thầy giáo trong một lớp đặc biệt đã gọi điện cầu cứu tôi, ông ta nhận được một đứa trẻ với chỉ số IQ gần 150". Dorothea Kercher nhà tư vấn của Công đoàn nước Đức cho trẻ em đặc biệt thông minh, kể lại. Song mặt khác, Valentin Reitmajer của Viện nghiên cứu sư phạm và giáo dục trong trường phổ thông của bang Bayem lại lên tiếng cảnh cáo trước những lời kết luận vội vàng, thường được các bậc phụ huynh thích thú thực hiện: Nếu con trai tôi mang toàn điểm xấu về nhà, thì điều đó mới có nghĩa rằng nó là một đứa trẻ đạc biệt thông minh"! Tổng Công đoàn nước Đức đang hô hào tạo ra một chương trình giáo dục cởi mở, có phân biệt tại tất cả các trường học trong nước. "Mỗi một đứa trẻ phải có quyền theo đuổi những môn học khác nhau, trong những lớp khác nhau", nhà nghiên cứu năng khiếu Wieczerlowski yêu cầu. "Bởi vì những khó khăn mà đám trẻ đặc biệt thông minh nhận được chủ yếu xuất phát từ việc các chương trình giáo dục trong phổ thông không đủ tính năng động".

Bang Nordrhein – Westfalen từ một năm rưỡi nay đã mở ra những khoá đào tạo thích ứng riêng tư với từng đối tượng. Đã có 40 cô cậu học trò theo đuổi những khoá đào tạo đặc biệt này, những đứa bé học lớp 5 có thể học chung môn toán với các anh chị lớp 11 và học tiếng Pháp cùng với anh chị lớp 9.

Song đối với Anna, cô chị cũng đặc biệt thông minh của cậu bé Constantin, nhưng sự thay đổi này đã ra đời quá muộn. "Khi tôi muốn làm đơn xin một chương trình giáo dục riêng cho nó, ông hiệu trưởng đã nói, tốt hơn là con gái tôi phải liệu điều uốn mình cho phù hợp với môi trường", Liselotte Bungardt kể lại. Quá chán ngán, cô bé 15 tuổi đó hôm nay đã thẳng thắn từ chối việc đến trường.

Jutta Billhardt, người thành lập liên hiệp những cơ sở giáo dục trẻ đặc biệt thông minh, đang yêu cầu tất cả các bang CHLB Đức phải mở ra những lớp học

riêng cho trẻ đặc biệt thông minh, giống như trường học Christophorus ở Braunschweig. Ở đó, cứ mỗi năm người ta lại kiểm tra 80 đứa bé xem có đủ khả năng vào trường. Trong một tuần lễ giao tiếp, chúng tôi sẽ được quan sát trong các giờ lên lớp và được một nhà tâm lí học kiểm tra 7 tiếng đồng hồ liền về động cơ, khả năng chịu đựng và khả năng suy nghĩ. Chỉ riêng một chỉ số thông minh cao thôi, sẽ không đủ điều kiện để thành học sinh ở đây.

Cậu bé Harm đã vượt qua quá trình này một cách thành công. Trong trường cấp III bình thường của cậu cho tới nay, đứa bé 12 tuổi đó bị mọi người chê cười là "con mọt sách", bởi vì cậu ta đã nhảy qua hai lớp. "Rất nhiều đứa bé phải học cách định nghĩa mình là một kẻ bất bình thường", nhà tâm lí học Sabine Platz phân tích. Thường chỉ trong trường nội trú tại Braunschweig, các em mới nhận ra rằng vẫn còn những "con chim kì lạ" khác, và đây là điều rất quan trọng, tạo cơ hội cho đám trẻ tương đối hoá thân mình".

Nhưng mà đầu tiên, cậu Harm phải học những từ Nhật Bản khó khăn – đó là nghĩa vụ cho mỗi một học trò ở đây, nếu muốn được nhận vào chương trình giáo dục "tàu nhanh". Qua đó, những đứa bé đặc biệt thông minh phát hiện ra, thành công cũng có thể xuất phát tự sự nỗ lực".

Bởi vì bà giám đốc Hellert đã nhận ra rằng, để có thể dễ dàng nhập cuộc trong quãng đời sau này, cả các thiên tài của ngày mai cũng không phải cần đến sự thông minh. Ông giáo môn nghệ thuật Wihelm Reinke, 34 tuổi, bản thân trước đây cũng là một học trò năng khiếu (bình thường) của trường Christophhorus cho đến ngày hôm nay vẫn còn không ngừng chế diễu những bạn học đặc biệt thông minh ngày xưa của anh: "Họ không biết cách tìm ra một bến đỗ xe buys, lại càng không biết tán tỉnh sao cho các bạn nữ vừa lòng".

**Thần đồng kinh tế xuất hiện ở Thái Lan**

Ở Thái Lan mới xuất hiện một thần đồng kinh tế – chú bé Nong Toon 5 tuổi – say mê các vấn đề kinh tế, tài chính ngân hàng từ lúc mới còn 2 tuổi. Hiện nay Nong Toon đã có hơn 100 cuốn sách về các vấn đề này. Hằng ngày Nong Toon dùng hầu hết thời gian vào đọc sách kinh tế, xem các chương trình kinh tế trên tivi và thảo luận với người lớn về các thay đổi trong chính sách tài chính tiền tệ. Mẹ của Nong Toon – Bà Utra cho biết: Nong Toon không thích phim hoạt hình, trò chơi điện tử hay bánh kẹo như những đứa trẻ khác mà chỉ say mê mỗi kinh tế. Điều lạ lùng là Nong Toon tự đọc và tự hiểu mà không cần người hướng dẫn. Khi được chỉ về vai trò của Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) trong nền kinh tế hiện nay, Nong Toon nói: "IMF thiết kế các khoản cho vay với các điều kiện

khắc khổ để cứu Thái Lan thoát khỏi tình trạng kinh tế ngày càng tồi tệ". Nong Toon nhận xét về Thống đốc ngân hàng Nhà nước Thái Lan Charumagol: "Tôi tin tưởng ông Charumagol. Ông ta là người giỏi về các vấn đề tài chính tiền tệ và là người quyết đoán".

Để gia đình cậu bé không lo ngại chuyện cậu bé phát triển quá sớm, các chuyên gia đã khuyên gia đình không nên cản trở tài năng của Nong Toon, sách vở chính là "thức ăn" của trẻ em có tài thiên bẩm.

### 3. Bí quyết đào tạo thần đồng của một bà mẹ Nga

Ở Matxcơva có một thần đồng – Giênhia Điacônốp mới 13 tuổi đã thi đậu và khoa vật lí và trở thành sinh viên của Trường Đại học Tổng hợp Lômônôxốp danh tiếng. Tin này đã gây chấn động trong giới phụ huynh học sinh Mátxơva, nhiều ông bố bà mẹ gọi điện thoại đến toà soạn báo Đoàn viên cộng sản Matxơva (MK) nài nỉ phóng viên tìm hiểu bí quyết đào tạo thần đồng. Phóng viên báo MK đã phải mất công trao đổi với bà Inrina Điacônôva – mẹ của Giênhia, vốn là tiến sĩ khoa học, viện sĩ Viện Hàn lâm Khoa học Nga và Mĩ. Hoá ra mẹ của thần đồng vốn cũng là một người xuất sắc, ngoài những chức danh khoa học cao vời vợi kia, bà còn thông thạo 14 ngoại ngữ. Chồng mất từ khi Giênhia còn để chỏm, bà quyết định ở vậy nuôi con. Dưới đây là những bí quyết độc đáo của bà.

Theo bà kể thì bà bắt đầu dạy Giênhia từ khi cậu mới được 7 ngày tuổi. Cho dù tất cả mọi người đều ra sức can ngăn, rằng không đi đâu mà vội nhưng bà tin vào một câu tục ngữ Nga "Người dậy sớm là người đi được xa nhất". Ý tưởng của bà là phải đánh thức khát vọng học tập trong đứa trẻ từ khi mới lọt lòng. Bà bật băng cassette dạy những bài học tiếng Anh, Pháp và Đức cho Giênhia nghe khi cậu bé còn đỏ hỏn. Bà viết lên bảng gỗ những chữ cái tiếng Nga và Latinh đặt trước mặt cậu. Những lúc không "học bài" bà cho cậu bé nghe nhạc Môda (đến bây giờ Môda vẫn là nhạc sĩ mà Giênhia yêu thích nhất). 6 tháng tuổi đọc thông viết thạo. Khi Giênhia 1 tuổi Irina bắt đầu dạy con bảng cửu chương, đến năm 3 tuổi thì cậu bé thuộc làu làu. Giênhia còn có một cô giáo nữa là bà ngoại. Mỗi lần đưa bé đi dạo, hai bà cháu thường đố nhau bằng cách gọi to tên các biển số xe.

Trả lời câu hỏi, chắc bà đã dùng loại "bí kíp" đặc biệt nào đó để dạy con, Irina trả lời, bà chẳng có bất cứ "kì thư" nào hết. Các phương pháp bà áp dụng vốn chỉ là những điều bà còn nhớ khi đọc các nhà sư phạm khổng lồ của Nga như Macarencô Cômensky, Sôlôvâychich, từ khi còn là sinh viên đại học. Cho đến

năm lên 7, bà đã dạy Giênhia học xong chương trình lớp 5 mà cậu bé chưa hề cầm qua bất cứ quyển sách nào!

Bí quyết của Irina là ở chỗ, bà không đưa ra bất cứ yêu cầu hay đòi hỏi nào với đứa con bé bỏng trong chuyện học hành. Việc đe nẹt, gây áp lực để bắt trẻ học chăm hơn là không thể chấp nhận. Người mẹ phải biết đốt lên ngọn lửa bên trong đứa trẻ. Cổ vũ, khích lệ là phương pháp chính bà dùng để giáo dục Giênhia.

Khi Giênhia 5 tuổi, cậu đã bắt đầu học cùng một lúc 3 ngoại ngữ. Trong lúc Giênhia nghịch đồ chơi bà Irina kiên nhẫn đọc cho cậu bé nghe những bài học ngoại ngữ dành cho trẻ em, tiếp đó đến giáo trình ngoại ngữ của sinh viên đại học. Hai mẹ con dành 2 ngày để học tiếng các nước châu Âu, những ngày còn lại Giênhia học tiếng Latinh và tiến Nhật. Năm lên 10 Giênhia dự thi lấy bằng ngoại ngữ Anh, Pháp, Đức dành cho người lớn và tốt nghiệp với kết quả xuất sắc.

Khi được hỏi, có bao giờ bà bắt Giênhia làm "bài tập không" câu trả lời là "không bao giờ!" Bà để Giênhia là người quyết định lúc nào học và lúc nào chơi. Thường một ngày bà dành ra 3 đến 4 tiếng "học" cùng con. Vừa học bà vừa chăm chú theo dõi trạng thái của cậu bé xem cậu có học nữa hay không. Theo bà tính kỉ luật của đứa bé phải được xây dựng từ tính tự giác, khi đó việc học hành sẽ trở thành sự thưởng thức "công việc khổ sai ngọt ngào"... .

Thế nếu đứa trẻ cứ nhất quyết không chịu học bài thì sao? Irina trả lời, khi ấy không còn cách nào khác, bạn sẽ phải giành quyền lựa chọn cho mình. Không phải ai cũng có thể học để trở thành người bác học. Con bác có thể trở thành một vận động viên thể thao xuất sắc hoặc một hoạ sĩ tài ba nữa cơ mà. Hãy cho đứa bé có cơ hội trở thành người ưu tú trong lĩnh vực nghề nghiệp mà nó muốn và có thể làm được.

Để "thần đồng" không xa lạ với chính mình và xung quanh khi trở thành người lớn, bà Irina khuyên các bậc phụ huynh nhất thiết phải cách li "cục cưng" của mình với kẻ xấu, không dùng những lời thô bạo mắng mỏ con cái chuyện vặt vãnh. Hãy để cho đứa trẻ sống trong bầu không khí trong lành và đầy ắp tình yêu thương...

Không có một phương pháp nào gọi là duy nhất để chăm sóc và giáo dục con trẻ trở thành thiên tài. Ai mà biết, viết ra sách đem ra bán chắc chắn sẽ trở thành tỉ phú! Thế nhưng những kinh nghiệm của bà Irina thật là bổ ích để chúng ta tham khảo. Bởi vì mỗi đứa trẻ từ khi ra đời, tự chúng đã là một thế giới riêng mà những người làm cha mẹ cần phải khám phá hàng ngày, thậm chí hàng giờ.

## 4. Học trò ở đâu thông minh

Qua các cuộc khảo sát năng lực của học sinh – sinh viên về toán và khoa học thì châu Á dẫn đầu so với châu Mĩ và Tây Âu. Một điều ngạc nhiên là trong số các nước lãnh thổ châu Á có tỉ lệ học sinh dẫn đầu về toán và khoa học như Xingapo, Hàn Quốc, Nhật Bản, Hương Cảng... thì số học sinh trong lớp khoảng 40 và rất ít bài học ở nhà nhiều hơn). Các chương trình giáo dục trên ti vi rất có ích lợi cho học sinh, sinh viên. Các giáo viên dạy giỏi cũng là một yếu tố chính để học sinh học tốt. Các nghiên cứu cho thấy học sinh, sinh viên Mĩ bị nhồi nhét quá nhiều môn học, phải dành quá nhiều thời gian vào việc học.

## 5. Cuộc thi của các nhà khoa học trẻ tuổi châu Âu

Chúng ta đã biết các cuộc thi Toán, Lí, Hoá, Sinh, Tin học... quốc tế nhưng có lẽ ít người biết một cuộc thi quốc tế khác có tiếng tăm không kém và giải thưởng lớn hơn. Cuộc thi này có tên chính thức là *Cuộc thi châu Âu cho các nhà khoa học trẻ tuổi* (Concours Européen Pour les Jeunes Scientifiques).

Được Uỷ ban châu Âu quyết định tổ chức cách đây hơn 10 năm, cuộc thi diễn ra một năm một lần dành cho thanh niên từ 15 tới 21 tuổi. Nội dung cuộc thi là thực hiện hoặc trình bày các ý tưởng khoa học mới lạ. Các giải thưởng không nhỏ: giải nhất trị giá 32.500 frăng, giải nhì 19.500 frăng, giải ba 9.750 frăng. Ngoài giải thưởng, có thể có những mời chào tham gia các cuộc gặp gỡ quốc tế khác.

Cuộc thi lần thứ 10 được tổ chức ở Bồ Đào Nha nên ngoài địa điểm thi ở Thành phố Porlo, các em còn được tham gia Triển lãm Hoàn Vũ ở Lisbon. Khoảng 90 thí sinh đến từ 30 nước đã tranh luận sôi nổi bằng tiếng Anh hết chủ đề này tới chủ đề khác. Em nào cũng tìm cách để hiểu thấu đáo công trình của các bạn khác. Do đó khá mất thì giờ vì có tới 60 công trình nghiên cứu.

Dưới đây là kết quả cuộc thi lần thứ 10:

** Ba giải Nhất dành cho*

*Gabor Bernath,* 15 tuổi, người Hungary, vì đã tạo ra hệ thống tin học có thể tạo ra hình ảnh 3 chiều không cần tới máy quét (scanner) mà chỉ cần một camera số đơn giản.

*Paul Pak, 19 tuổi, và Peter Weilenmann,* 20 tuổi, cả hai người Áo, đã chế tạo ra chiếc gậy cho người mù. Gậy được trang bị một máy siêu âm có thể phát hiện ra các vật cản cách 5m.

*Robert Carney và Mathew Thomas,* cả hai 18 tuổi, đã tìm ra nguyên nhân vàng ố của sơn trắng trong bóng tối, đồng thời chỉ ra cách cải thiện chất lượng sơn trắng.

** Ba giải Nhì dành cho*

*Karsten Weiss,* 20 tuổi, người Đức, đã chế tạo ra một kiểu máy vắt sữa bò mới có các đầu ngậm vú siêu nhậy tránh làm tổn thương và gây nhiễm trùng đầu vú bò.

*Adrian de Groot, 15 tuổi, Arthur Baas, và Chris Weel,* 16 tuổi, đã nghĩ ra hệ thống sản xuất điện năng từ sóng biển.

*Dasa Suput, 19 tuổi,* người Slôvennia, nghiên cứu hải quỳ, một sinh vật biển còn ít được biết đến.

## 6. Giáo dục thần đồng như thế nào?

Từ thập niên 70 (thế kỉ XX), nhà tâm lí học Rober Fanz (Mĩ) đã quan tâm đến trí thông minh của trẻ em và làm những thực nghiệm lạ. Chẳng hạn, ông lấy bộ bài Tây để thử nghiệm với những đứa bé 6 tháng tuổi. Rober rút (không chọn lựa) độ 10 lá bài, đủ bốn loại, rô, cơ, chuồn, bích. Ông trải đều 10 lá bài trên mặt bàn và lũ trẻ sẽ bốc lá khác. Tình cờ chăng? Không đâu, vì số lần thử nghiệm đã lên tới hàng trăm. Tại sao lũ trẻ không bốc những con "bồi, đẫm, già" sặc sỡ? Bởi vì, lá bích trông tựa tựa khuôn mặt của mẹ. Hai chấm trên là hai mắt, chấm giữa là mũi và hai chấm dưới là cái mồm! Tại sao chúng không chọn 5 chuồn, 5 rô hay 5 cơ? Điều đó chưa được giải mã.

Các nhà khoa học Anh và Nga đều cho rằng, một đứa trẻ 4 tuổi, có thể phát âm 12.000 từ/ngày và có khi đặt đến 1.000 câu hỏi! Vào thập niên 1960 (thế kỉ XX), giáo sư Jerome Buner (Pháp) đã dùng những phương tiện kĩ thuật đặc biệt để nối liền cái bình sữa của trẻ với một màn ảnh chiếu phim. Khi đứa trẻ mút mạnh thì hình ảnh hiện lên, nếu nó mút nhẹ hoặc không thì hình ảnh rất mờ. Chỉ trong vòng 4 phút, đứa bé sẽ phát hiện ra trò chơi mới và nó mút mạnh mãi để "xem phim"! Thử nghiệm này được lặp lại với em bé 5 tháng tuổi.

Các thử nghiệm nêu trên chứng tỏ trí thông minh của trẻ đã phát triển rất sớm. Nhưng có biết bao trường hợp ngược lại, có một số danh nhân thuở thiếu thời có "cái gì đó khác thường". Chẳng hạn Marconi (Italia) – nhà Vật lí học, đoạt giải Noben năm 1909, thuở nhỏ sợ đến trường như sợ vào hang cọp – Và song thân của Marconi đành kiêm nhiệm làm gia sư dạy con suốt thời niên thiếu. Khổng Tử lúc thiếu thời cũng lang bạt kì hồ, luôn miệng cả ngày. Văn hào Zola vừa bé vừa nói ngọng; Proust thì suyễn quanh năm suốt tháng. Thủ tướng Anh Churchill thuở bé cũng ngọng líu. Nhà vật lí Fermi thì từng bị đuổi học về tội " gây rối học đường" và dám chê " thầy cô giáo dạy dở quá "! Danh họa Salvador Dali cũng từng bị tống cổ vì tội "trứng khôn hơn rận". Nhà soạn nhạc Edward

Grieg (Na Uy) thì sợ trường lớp đến độ luôn đứng dưới máng xối lúc trời mưa, để được "mời em về nhà thay quần áo"! Danh họa Pablo Picasso thì tuy ngồi rất ngay ngắn nhưng " chữ vào tai này, ra tai kia", và luôn trốn học. Einstein thuở bé cũng chán học đến mức luôn cáo bệnh để hái hoa bắt bướm và... hí hoáy mài mực vẽ. Các văn hào Proust, Zola và Balzac đều từng xơi điểm 0 về môn Văn. Danh họa Ceane thì từng bị Trường Mĩ thuật cho là "không có chút năng khiếu gì về hội họa". Lịch sử không thể quên trường hợp thần đồng Srini Ramanujan (Ấn Độ) 14 tuổi, cậu bé vẫn mù chữ, đừng nói gì đến chuyện làm toán. Một hôm, trên vỉa hè thành phố Calcutta, Srini vớ được một quyển sách cao cấp mang tên Mathematics Fomulary for Engineers. 4 năm sau cậu bé tự học xong tiếng Anh và "ngốn" hết các công thức toán học.

Ngoài các thần đồng "chín chậm" nói trên, có không ít các thần đồng "chín trước thời hạn". Chẳng hạn, nhà toán học Pascal (Pháp), mới 11 tuổi đã là tác giả cuốn "Traité dessons", sách khảo cứu hẳn hoi. Một năm sau, Pascal mày mò, tự giải các bài toán của Euclide. Văn hào Victor Hugo (Pháp) mới 8 tuổi đã làm thơ thao thao bất tuyệt, thậm chí giải toán bằng thơ.

Ngày nay rất nhiều trẻ em đọc sách rất sớm, có óc suy luận đáng nể, gõ máy tính như... máy. Nhà tâm lí học trẻ em J. Sotbon (Mĩ) cho rằng: chỉ số thông minh (IQ) của trẻ em ngày nay là cao hơn IQ của trẻ em cùng lứa ngày trước và rằng trẻ em ngày xưa không thể "khôn" bằng trẻ em ngày nay. Quyển Le journal d'un bébé (Nhật kí của một em bé) của tác giả H. Stern làm các vị phụ huynh xôn xao, trong đó có các đoạn đáng chú ý. Ví dụ: "... Trẻ em nào cũng ham học và tò mò cả. Nếu ta cứ gắt lên hay giải thích qua loa, mà nó bỏ đi chơi thì không có gì đáng phải bàn. Nếu nó lẳng lặng tìm sách báo, tự thoả mãn thì coi chừng, đừng... "lãng phí của giời" Đó là dấu hiệu của thần đồng đấy... Khi lên 8, thay vì đọc truyện tranh, nó vớ ngay tờ nhật báo đọc... xã luận, thì càng phải chú ý hơn!".

Đến tận đầu thế kỉ XX, châu Âu vẫn còn quan niệm rất lệch lạc về trẻ em: "Trẻ em chẳng qua là một con người tí hon, có đầu thưa tóc và hai lá phổi"! Theo một số nhà cơ thể học, thì chính cái đồng tử trong mắt trẻ cũng là dấu hiệu đáng quan tâm. Chẳng hạn, "khi vui thì nó nở, khi buồn thì co".

Xin lưu ý: Không nên nhầm lẫn thần đồng và thiên tài, vì như đã nói, có em rất xuất chúng, nhưng lớn lên lại "chẳng nên cơm cháo gì". Ngược lại, có nhưng em xem học đường là địa ngục, nhưng sau này lại... đi vào lịch sử. Thế kỉ XIX, ở Pháp, cậu bé Zerath Colburl có khả năng tính nhẩm nhanh như gió. Một nhóm giáo sư đã bảo cậu cho biết kết quả 8 luỹ thừa 16. Sau 3 giây, cậu đọc kết quả 281.474.976.710.656 (!). Tất cả cử tọa rơi nước mắt vì cảm động. Thuỵ Sĩ cũng

có một trường hợp tương tự, trò Jean Freury đã bị tống vào nhà thương điên chỉ vì la hét ầm ĩ khi bị đẩy đến cổng trường. Lớn ngộc, Fleyry vẫn không biết đọc biết viết, nhưng chỉ trong vòng 5 giây, đã cho ra căn bậc 2 của một con số ngàn, 6 giây cho kết quả căn bậc 3 của một số hàng trăm ngàn. Năm 1912, một nhóm các nhà khoa học đã kiểm tra Fleury bằng mấy câu hỏi cực kì hoc búa: "Anh tính hộ, ngày 22/5/1908 rơi vào ngày thứ mấy trong tuần?" Trong vòng 4 giây bóp trán nhíu mày, Fleury đã cho ra lời giải chính xác.

Những trường hợp trên chưa phải là thần đồng, vì họ chỉ hơn người cái khả năng tính toán mà không có thành tựu khoa học nào, suốt đời vẫn chỉ là các "siêu máy tính"! Chỉ khi nào sự hiếu học có vẻ "đi trước tuổi", mới mong có được thần đồng. John Stuart Mill mới lên 6 đã "nhai" một số tác phẩm kinh điển cổ Hi Lạp về sau trở thành một triết gia nỗi lạc. Năm 1848 cả nước Anh đã kinh ngạc khi Mill xuất bản bộ sách "Các nguyên tắc về kinh tế – chính trị học".

Thần đồng không phải là giai đoạn khởi đầu bắt buộc của thiên tài, bằng chứng là Đarwin ("Cha đẻ" của học thuyết tiến hoá) luôn bị trí nhớ hành hạ, nếu không muốn nói là cả đời! Người Mĩ cho rằng chỉ số IQ lên đến 140 là tốt rồi, nó đã có dấu hiệu của thần đồng. Nhưng thực tế khác hẳn. Có những đứa trẻ IQ mới ở mức 120 đã là thần đồng. Lịch sử cũng cho thấy nhiều trường hợp chỉ số IQ lên trên 190, mà chỉ là thiên tài chứ chưa phải là thần đồng (Leibhi, Goethe và Grotins). Văn hào Cervantès chỉ ở mức 110, nhà bác học Côpérnic là 130, danh hoạ Rembrandt là 135, nhạc sĩ nổi tiếng Bach và Đarwin là 140. Riêng "con người trác tuyệt" Léonar de Vinci cũng chỉ đến 150.

Ngày xưa có người đã hỏi nhà bác học Newton: "Vì sao ông phát minh ra định luật hấp dẫn?", ông đáp: "Vì tôi nghĩ mãi về nó"! Đó có phải là ý tưởng lạ trong vũ trụ thần đồng và thiên tài, khi mà "cứ nghĩ mãi về nó", ắt là lên nghiệp lớn? Các nhà nghiên cứu bây giờ đang cho rằng thần đồng thường vẫn bị thầy cô bạn bè cho là "bán quạt mùa đông, mua bông mùa hè"! Đấy là chưa kể đến một trí nhớ cực tốt, một khả năng tập trung tư tưởng cao độ (có khi hơn cả người lớn). Do vậy, các thần đồng thường tranh luận với thầy cô, hoặc hỏi những câu mà thầy cô cũng... khó trả lời.

Hiện nay một số nước phương Tây và phương Đông đang phát hiện và đào tạo thần đồng theo khuôn mẫu giáo dục của Montessori. Montessori (Italia) là bác sĩ kiêm nhà sư phạm xuất sắc, chủ trương giáo dục trẻ em bằng đồ chơi, khơi dậy tư duy hơn là kiểu "tròn vành rõ chữ". Theo học những lớp đặc biệt này, trẻ em sẽ tuỳ thích lựa những gì mà mình thích và được "bỏ qua" những gì mà mình "ghét cay ghét đắng". Em nào thích vẽ cứ vẽ, thích hát cứ hát, thích nhảy

cứ nhảy. Như thế năng khiếu sẽ được phát hiện và bồi dưỡng chu đáo. Trong khi đó, Mĩ, Đức và Thuỵ Điển lại chú trọng vấn đề "thai giáo", cụ thể là cho bào thai học 3 thứ: thể dục, ngội ngữ và âm nhạc. Khi gõ nhẹ vào bụng các bà mẹ sẽ tập cho có phản xạ đạp chân, máy tay, đó là thể dục. Khi áp loa của băng cassette tiếng Anh vào bụng, các bà mẹ đã tập cho con phát triển ngôn ngữ mẹ đẻ và ngoại ngữ sau này. Cuối cùng, âm nhạc – tất nhiên là nhạc êm dịu, không phải hard rock – sẽ giúp trẻ có óc tưởng tượng siêu phàm, sau nhiều ngày. Kết quả còn chưa được khẳng định, nhưng có lẽ là đáng tin cậy.

Vấn đề quan trọng nữa là việc giáo dục các thần đồng chính là thái độ của các em. Kinh nghiệm cho thấy các thần đồng hay tự kiêu, vì mình đã biết hết những gì mà bạn bè mình chưa biết, từ đó chán nản, hết hứng thú "dùi mài kinh sử!" Hoặc giả các em sẽ sợ hãi vì bị người lớn vây quanh, tò mò và tán dương. Có được thái độ đúng mức với thần đồng, xem như các nhà sư phạm đã thành công một nửa...

# Chương XII. TÍNH CÁCH

*"Trí tuệ hình thành trong tĩnh lặng*
*Tính cách hình thành trong bão táp"*

*Gớt*

## I. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ TÍNH CÁCH

### 1. Định nghĩa

Tính cách là một thuộc tính tâm lí phức hợp của cá nhân bao gồm một hệ thống thái độ của nó đối với hiện thực, thể hiện trong hệ thống hành vi, cử chỉ, cách nói năng tương ứng.

### 2. Cái điển hình và cái cá biệt trong tính cách

Như chúng ta đã biết, tính cách không phải được di truyền, không phải là bẩm sinh, cũng không phải là một thuộc tính bất biến của nhân cách. Tính cách của cá nhân được hình thành và phát triển dưới ảnh hưởng của môi trường giáo dục và tự giáo dục, các ảnh hưởng này gồm hai loại:

– *Thứ nhất:* Đó là những ảnh hưởng xã hội – lịch sử. Bởi vì, mỗi người đều sống trong những điều kiện của một chế độ xã hội nhất định, trong một thời đại nhất định, một môi trường nhất định, nên họ sẽ hình thành như là một nhân cách dưới ảnh hưởng của những điều kiện đó.

– *Thứ hai:* Đó là những ảnh hưởng của những cá thể, độc đáo, vì rằng những điều kiện sống của mỗi người riêng lẻ, con đường sống của họ rất độc đáo và không hề lặp lại. Bởi vậy, tính cách của mỗi người vừa được quy định bởi hoàn cảnh xã hội của họ, vừa được quy định bởi cả đời sống cá nhân của họ. Nói cách khác, tính cách của mỗi người đều là sự thống nhất của cái điển hình và cái cá biệt.

Như vậy, trong tính cách của một con người cụ thể có những nét chung của cả loài người, của dân tộc, của giai cấp và những nét cá biệt – đặc trưng, chúng thấm quyện vào nhau, tạo thành một sắc thái tâm lí thống nhất của nhân cách, một cung cách hành vi nhất quán của con người.

Tính cách là mặt đức – là gốc, cùng với năng lực là hai thành phần cốt lõi của nhân cách con người. Trong giáo dục người ta hay nói: phải đào tạo con người vừa có đức và vừa có tài nghĩa là có năng lực và tính cách.

## II. MỘT SỐ TÍNH CÁCH CỦA CON NGƯỜI ĐƯỢC BIỂU HIỆN TRONG THỰC TIỄN

Tính cách của con người biểu hiện ra bên ngoài khá đa dạng, phong phú và rất phức tạp. Khổng Minh Gia Cát Lượng khi còn ẩn dật ở núi Ngoạ Long đã đưa ra thuật "tư nhân" (biết người, trong tập *Tương uyên* như sau: tính người thật khó hiểu. Dung mạo bất nhất, hành động trăm ngàn lối. Kẻ trông hiền lành nhu thuận mà vô hại. Kẻ bề ngoài cung kính mà trong lòng trí trá vô lễ. Kẻ trông hùng dũng mà lại nhác sợ. Kẻ trông có vẻ tận lực mà lại bất trung).

**Chủ tịch nước Trần Đức Lương khen anh Nguyễn Văn Mỵ vượt qua tật nguyền hoà nhập, giúp ích cho cộng đồng.**

Ngày 5/4, Chủ tịch nước Trần Đức Lương gửi thư khen ngợi anh Nguyễn Văn Mỵ vượt qua tật nguyền hoà nhập và giúp ích cho cộng đồng, nội dung thư khen như sau:

Qua báo Lao động, tôi rất vui được biết anh, một người không may bị mù từ nhỏ, gia đình rất nghèo khổ, nhưng đã có sáng kiến dùng máy bộ đàm để thông tin về thời tiết, tình hình đánh cá và sức khoẻ của ngư dân giữa các thuyền ngoài khơi và gia đình trong đất liền. Suốt sáu năm qua, bằng thông tin miễn phí của mình, anh đã giúp cho hàng chục trường hợp thuyền của bà con gặp nạn ngoài khơi được cấp báo và cứu chữa kịp thời, bà con ở trong thôn biết được thuyền về lúc nào, cá nhiều hay ít, loại gì, để chủ động đón thuyền đưa cá đi tiêu thụ. Việc làm của anh đã trở thành nhịp cầu nối giữa người đi biển với nhau và với người trong đất liền, góp phần hạn chế rủi ro, tai hoạ, giúp cho đời sống và thu nhập của người dân làng chài được thay đổi từng bước.

Tôi nhiệt liệt biểu dương, khen ngợi anh tinh thần bền bỉ, nhẫn nại vượt mọi khó khăn, không cam chịu tật nguyền, tìm mọi cách để hoà nhập và giúp ích cho cộng đồng. Việc làm của anh đã góp phần thiết thực xây dựng quê hương Xuân Hoà ngày càng giàu đẹp.

Nhân dịp này, tôi biểu dương các cơ quan báo, đài ở Trung ương và địa phương đã tích cực tuyên truyền những gương người tốt, việc tốt, đặc biệt là gương những người tàn tật biết vượt lên số phận để trở thành người có ích cho cộng đồng, cho xã hội. Tôi mong rằng trong thời gian tới, các cấp uỷ đảng, chính quyền, đoàn thể, tổ chức chính trị – xã hội và các cá nhân bằng những việc làm cụ thể, thiết thực góp phần tích cực trong việc trợ giúp, ủng hộ những người tàn tật thực hiện được ước vọng có việc làm, thu nhập để đảm bảo đời sống của mình và gia đình, thực hiện thắng lợi chương trình xoá đói giảm nghèo trên toàn quốc mà Đảng, Nhà nước đã đề ra.

Chúc anh và gia đình mạnh khoẻ, hạnh phúc.

**Tổng thống Nga V. Putin và những con số**

*302 ngày làm việc trong một năm và 1,4 cuộc gặp trong một ngày*

Trong lịch công tác của V. Putin từ ngày 27/3/2000 đến ngày 9/3/2004 có tới 1.209 ngày làm việc. Trong thời gian này, ông giải quyết 5.948 công việc Nhà nước khác nhau. Tổng thống V. Putin thường làm việc nhiều nhất vào tháng 10 với 27 ngày. Tháng ông làm việc ít nhất là tháng 5 với 24 ngày. Việc Tổng thống Nga hay làm nhất là gặp gỡ với mọi người: chiếm 33,4% số thời gian làm việc của ông. Điều lí thú là ông V. Putin thích dự các cuộc hội ý hơn là các cuộc họp và hội nghị. Trong 4 năm nhiệm kì đầu, ông V. Putin phát biểu 1.082 lần tại các diễn đàn khác nhau, nói chuyện điện thoại 469 lần, tham dự 431 cuộc họp, hội ý 201 cuộc họp, 168 cuộc hội đàm và 111 hội nghị.

Thời gian này, ông V. Putin tiến hành ít nhất 1.986 cuộc gặp gỡ, trung bình 1,4 cuộc một ngày. Ông tiến hành các cuộc gặp tay đôi nhiều nhất với cựu Thủ tướng Mikhail Kasyanov – khoảng 9 ngày 1 lần. Chắc chắn từ nay trở đi tân thủ tướng Mkhail Fradcov sẽ là vị khách thường xuyên tới phòng tổng thống V.Putin. Trong số những vị khách nước ngoài, V. Putin gặp nhiều nhất là Tổng thống Ucraina Leonid Kuchma: 32 lần, Tổng thống Belarus: 28 lần, Tổng thống Kazakhstan: 19 lần. Với Tổng thống Mĩ: 12 lần. V. Putin gặp gỡ các nhà báo 134 lần và trả lời phỏng vấn 40 lần.

*Đi 20km một giờ và 2,5 cuộc dạo chơi một năm*

Từ tháng 3/2000 đến 2/2004, Tổng thống V. Putin đã thực hiện 148 chuyến thăm viếng khác nhau với thời gian 335 ngày, trong đó có 69 chuyến thăm nước ngoài. Trong 4 năm ông thăm 39 nước, 164 thành phố, làng mạc (trong đó có 76 thành phố nước ngoài). Như vậy, ông V. Putn đã đi qua 680 nghìn km và trung bình ông di chuyển khoảng 20km một giờ. Thành phố ông V. Putin đến nhiều nhất là St. Peterbur với 3 tháng 1 lần. Và tiếp theo là thành phố trên bờ biển Đen: 5 tháng 1 lần. Chuyến đi xa nhất của Tổng thống Nga là chuyến thăm Kuala Lumpur – Malaysia, Băng Cốc – Thái Lan và Biskech từ 16 đến 23 tháng 10/2003 với tổng chiều dài quãng đường 16.470km.

Trong 4 năm làm chủ điện Kremli, ông V.Putin chính thức đi dạo chơi có 10 lần, tức 2,5 lần/năm.

*Ba ngày một cuộc điện đàm*

Với cương vị người đứng đầu Nhà nước Nga, ông V. Putin đã có tất cả 469 cuộc điện đàm chính thức (khoảng 3 ngày một lần) về công việc Nhà nước. Nhiều nhất là ông nói chuyện với các vị nguyên thủ quốc gia: 293 lần, với các vị

thủ tướng: 93 lần. Số lượng các cuộc điện đàm của V. Putin tăng dần theo từng năm: năm đầu: 103 cuộc, năm thứ hai: 129 cuộc, năm thứ ba: 144 cuộc, năm thứ tư: 93 cuộc. Người mà ông V. Putin nói chuyện điện thoại nhiều nhất là Tổng thống Pháp Jaccques Chirac với 37 lần, Tổng thống Mĩ G. Bush: 35 lần, Tổng thống Ucraina: 35 lần và Thủ tướng Anh Tony Blair: 31 lần.

Do làm việc tận tuỵ vì đất nước như vậy, mà 4 năm cầm quyền của ông V. Putin được 89% dân chúng Nga đánh giá là có lợi cho đất nước. Tháng 2/2004, 50% dân chúng Nga đánh giá hoạt động của ông V. Putin là tốt và rất tốt, 39% hài lòng. Đa số dân chúng Nga yêu mến V. Putin vì ông là một người nghiêm túc, trẻ, khoẻ mạnh, quan tâm tới dân chúng, rất cởi mở và không có những thói quen xấu.

**Khi các vĩ nhân nhập thế**

Mỗi thời đại lịch sử đều có những vĩ nhân xuất hiện. Sự xuất hiện của họ không theo một quy luật nào cả. Họ đến với nhân loại và thực hiện những kì công tinh thần mà nhiều thế hệ sau này vẫn không hiểu hết. Sự tác động của họ vào tiến trình phát triển của loài người nhiều khi chúng ta không định lượng được. Nhưng chúng ta có thể kiểm chứng được điều gì sẽ xảy ra khi những vĩ nhân ấy không xuất hiện trong lịch sử của nhân loại. Cái cách mà họ tác động vào cuộc sống xã hội, cuộc sống của những người xung quanh đã được lưu truyền trong lịch sử cùng với những tác phẩm của họ. Những câu chuyện "nhập thế" của các vĩ nhân đã trở thành hệ thống tiêu chuẩn đạo đức của các thế hệ sau này.

Socrates (469 – 399 trước Công nguyên) là một vĩ nhân đặc biệt của nhân loại. Ông chính là người đặt nền móng cho nền triết học, mĩ học của phương Tây, khởi đầu rực rỡ từ người học trò thiên tài của ông là Platon. Socrates dạy dỗ đám thanh niên bằng cách dẫn dắt những câu hỏi mâu thuẫn nhau trong các cuộc đàm luận ở những nơi công cộng. Ông ăn mặc tuềnh toàng và rách rưới đến mức trở thành biểu tượng của "nơi trú ngự của thần linh". Các triết gia sau này nhận xét rằng chính trong dáng vẻ đó làm chân lí được hiển lộ rõ nhất. Các học trò trẻ tuổi sẽ không bị phân tán bởi hình dáng bên ngoài của ông và cái tốt nhất trong sự tồn tại của Socrates đi ra từ... miệng. Danh tiếng của ông được lan truyền đến mức nhà tiên tri giữ đền Apollon ở Delphes khi được hỏi rằng: "Trên thế giới này có ai thông thái hơn Socrates không?". Trả lời: "không". Socrates không màng đế danh lợi và không hề khiếp hãi trước bất kì một sự đe dọa nào từ con người hay từ thần thánh. Tương truyền rằng khi vị vua hùng mạnh Alexandros Đại đế, một trong những vị vua anh minh và yêu chuộng nghệ thuật

đến tìm và gặp Socrates đang sưởi nắng trong một cái thùng gỗ, vị vua nghiêng mình nói rằng sẽ thực hiện tất cả những ước muốn của nhà hiền triết vĩ đại. Socrates trả lời rằng ước muốn của ông là nhà vua hãy đứng lui ra đừng che mất ánh mặt trời đang chiếu xuống. Bản thân ông là hiện thân của tri thức, tất cả giới trẻ trong vương quốc đều biết điều đó. Socrates đã giữ vẻ tôn nghiêm và tinh khiết tột cùng của tri thức trước những quyền lực của trần gian.

Các hiền nhân phương Đông nhập thế khó khăn hơn vì các quan niệm xã hội bấy giờ còn đè nặng. Lí Bạch cùng với Khuất Nguyên, được coi là hai cội nguồn tinh thần lớn nhất của dân tộc Trung Hoa. Lí Bạch từ nhỏ ham thích múa kiếm, khao khát trở thành một hiệp khách để trừ gian độ thế. Ông có một trí tưởng tượng vô cùng xung mãn cùng tinh thần tự do rất kì lạ. Điều này khác hẳn với các nhà thơ cùng thời. Dường như tinh thần tự do ấy chỉ có rất ít ở các thiên tài. Tài làm thơ của ông được ví là vung bút thì gió mưa khóc, tuôn hứng thì quỷ thần sầu. Tiếng tăm của ông vang động đến kinh thành và vua Đường Huyền Tôn đã triệu ông vào cung. Lí Bạch vốn có khao khát dùng tài năng của mình để cứu nhân độ thế, nên ông đã vào cung với hi vọng nhà vua nghe theo những sách lược của ông. Nhưng dần dần, các bài thơ ca ngợi Dương Quý Phi tuyệt tác của Lí Bạch đã vô tình hại chính ông. Đường Huyền Tôn đã biến một trong những khối óc vĩ đại nhất của lịch sử tinh thần Trung Hoa thành một thứ đồ trang sức cho cung đình mà mua vui cho người ngọc. Nhận ra điều ấy, dù đang sống trong nhung lụa, được nhà vua nể vì nhưng thi sĩ họ Lí vẫn dứt áo ra đi. Ngoài những vần thơ tuyệt tác ra, có thể hồi đó Lí Bạch không giúp được gì cho đời sống xã hội, nhưng hành động dứt áo thoát khỏi cuộc sống vương giả chốn cung đình là một hành động đặc biệt. Hành động có thể nói đã làm biến chuyển rất nhiều ý thức tự do trong xã hội phong kiến Trung Hoa. Các thế hệ về sau thấy rằng, học hỏi tri thức không chỉ để làm quan, cầu mong danh vọng và tiền bạc, mà tri thức dẫn con người đến những miền tinh thần hoàn toàn mới mẻ khác. Sau sự từ quan của Lí Bạch, ý thức của người Trung Quốc mới hiểu dần dần rằng, "nhu cầu học hỏi tri thức là nhu cầu tự nhân" của mỗi con người chứ không chỉ là phương tiện để tìm kiếm một chức quan nào đó. Đối với tâm lí xã hội phương Đông bấy giờ, ý nghĩa này giống như những tiếng sấm rền vang xoá tan những đám mây danh lợi u ám để hé lộ ra bầu trời trong xanh của tri thức.

Michelangelo sinh vào thế kỉ XV, thời kì mà quyền lực của các giáo hoàng đang ngự trị gần như tuyệt đối ở châu Âu. Học vẽ từ nhỏ, Michelangelo nhanh chóng trở thành một nhà điêu khắc thiên tài của nhân loại ngay khi ông mới 20 tuổi. Những bức tượng bất hủ như thượng David, tượng Đức Mẹ sầu bi đã đưa

tên tuổi của ông vào ngôi đền thiêng của các vĩ nhân bất tử. Michelangelo là người cuồng nhiệt và thẳng thắn. Ngọn lửa sáng tạo dường như luôn trào dâng trong đôi tay, cặp mắt của ông. Thiên tài của ông bay đến La Mã và Đức giáo hoàng muốn có người học sĩ kì diệu đó làm của riêng mình. Các giáo hoàng cũng muốn hình của mình bất tử qua cảm hứng thiêng liêng của các hoạ sĩ. Michelangelo chối từ không đến Rôma, mặc dù đối với người khác đó là một cơ hội vô cùng quý giá, vì được giáo hoàng yêu tức là có tất cả. Nhưng khi đó đã có mấy ai dám khước từ mệnh lệnh của giáo hoàng. Thành phố tự trị Florence bị giáo hoàng đe doạ vì không cử người hoạ sĩ tài năng đến. Cuối cùng, trước yêu cầu của Hội đồng thành phố, Michelangelo mới chịu rời bỏ những công việc ở thành phố quê hương, lên đường đến Rôma. Giáo hoàng giao cho nhà điêu khắc một núi công việc khổng lồ, cướp đi hết thời gian của ông. Nhưng ông vẫn phải làm việc theo yêu cầu đó và những bức tranh tường trang trí nhà thờ, những bức tượng bất hủ đã ra đời. Trong một cuộc yết kiến Giáo hoàng, Michelangelo cãi lại một ý kiến của giáo hoàng, nên liền bị giáo hoàng dùng gậy quật vào đầu. Nhà điêu khắc tái mặt. Sự kiêu hãnh của nghệ thuật bị xúc phạm (mặc dù đối với một số người, được Giáo hoàng "ban gậy" là một đặc ân). Michelangelo lập tức bỏ về Florence mặc dù bị đe doạ rất nhiều. Từ Rôma, Giáo hoàng liên tục gửi những lời đe doạ trực tiếp đến nhà điêu khắc và Hội đồng Thành phố Florence. Nhưng hoài công, Michelangelo kiên quyết không trở lại Roma mặc dù ông biết điều đó có thể khiến ông mất mạng vì đã thách thức quyền lợi ghê gớm của Rôma. Cuối cùng thì Giáo hoàng cũng phải khuất phục trước tài năng của nhà điêu khắc vĩ đại. Trong một chuyến đi Florence, trước đông đủ mọi người, Giáo hoàng đã tìm cách xin lỗi Michelangelo và mời ông trở lại Rôma. Câu chuyện của Michelangelo cùng với các tác phẩm bất hủ của ông đã góp phần làm nên một cuộc phục hưng nghệ thuật vĩ đại của châu Âu. Trong đó, tinh thần tự do của người nghệ sĩ đã dần dần thoát khỏi ảnh hưởng của giáo hội La Mã, tạo ra những vẻ đẹp tinh thần mới cho nhân loại.

Mỗi vĩ nhân đều có một cách "nhập thế" khác nhau tuỳ theo số phận của mình. Nhưng dù khác nhau như thế nào đi nữa, sinh ra ở phương Đông hay phương Tây, thì ý nghĩa của những hành động nhập thế ấy hoàn toàn giống nhau. Tất cả đều tôn vinh và gìn giữ những giá trị tinh khiết nhất của con người. Đó chính là lí tưởng lớn nhất trong suốt lịch sử phát triển của loài người.

**Viện sĩ Lép Lau Đao (1908 – 1968)**

Là nhà vật lí lí thuyết xuất sắc và một trong những nhà khoa học lớn nhất trong hành trình của thế kỉ XX. Ông là một thiên tài bẩm sinh, tốt nghiệp Đại học

lúc 19 tuổi, 26 tuổi bảo vệ xuất sắc luận án Phó tiến sĩ, được đặc cách Tiến sĩ khoa học lúc 34 tuổi. Lúc 40 tuổi ông được bầu làm viện hàn lâm khoa học Liên Xô, đã khám phá ra nhiều bí mật của tự nhiên. Những phát minh của ông thường đến khi ông đang cô đơn, một mình nằm trên đi văng. Ông có bộ óc tuyệt vời, giàu trí tưởng tượng, tốc độ tư duy nhanh. Lau Đao ngồi đó suy tư sâu lắng, những ý tưởng khoa học dồn dập đến như những âm thanh từng gõ của nhạc sĩ thiên tài Môda.

Lau Đao là con người tuyệt vời, vui vẻ, tốt bụng, độ lượng. Ông ghét cay ghét đắng thói giả dối, thiếu trung thực, đặc biệt trong lĩnh vực khoa học, vì thế có kẻ hãm hại vu khống ông và ông bị đi tù (1937 – 1938). Sau chính nhà vật lí nguyên tử đầy uy tín Capisa đã trực tiếp đề nghị Stalin trả tự do cho ông.Ông bị tai nạn ôtô trên đường đến làm việc ở Viện nghiên cứu hạt nhân quốc tế Đúp Na. Ông bị chấn thương sọ não rất nặng, nhà nước Liên Xô (trước đây) giúp đỡ cứu sống. Tiếc thay sự sống của Lau Đao không được kéo dài, cuối năm 1968 ở tuổi 60 ông đã trút hơi thở cuối cùng do sai lầm rất sơ đẳng của nhóm thầy thuốc trực hôm đó từ việc xử lí sai cơn viêm phổi cấp, nhà bác học xuất chúng toàn năng cuối cùng của lĩnh vực vật lí của loài người thế kỉ XX đã vĩnh viễn ra đi.

# Chương XIII. KHÍ CHẤT

## I. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ KHÍ CHẤT

### 1. Khí chất là gì?

Khí chất là thuộc tính tâm lí phức hợp của cá nhân, biểu hiện cường độ, tốc độ, nhịp độ của các hoạt động tâm lí, thể hiện ở sắc thái của hành vi, cử chỉ, cách nói năng của cá nhân.

### 2. Các kiểu khí chất

I.P. Páplốp nhà sinh lí học nổi tiếng Nga đã khám phá ra hai quá trình thần kinh cơ bản là hưng phấn và ức chế với ba thuộc tính cơ bản: cường độ, tính cân bằng, tính linh hoạt. Sự kết hợp theo các cách khác nhau giữa 3 thuộc tính này tạo ra 4 kiểu thần kinh chung cho người và động vật, là cơ sở cho 4 loại khí chất.

4 kiểu thần kinh cơ bản, có 4 kiểu khí chất tương ứng

– Kiểu mạnh mẽ – cân bằng linh hoạt là cơ sở sinh lí cho khí chất "hăng hái".

– Kiểu mạnh mạnh mẽ – cân bằng không linh hoạt – cơ sở sinh lí cho khí chất "bình thản".

– Kiểu mạnh – không cân bằng, cơ sở sinh lí cho khí chất "nóng nảy".

– Kiểu thần kinh yếu – cơ sở sinh lí cho khí chất "ưu tư".

Khí chất của con người không tiền định giá trị – xã hội của họ như là một nhân cách. Những người có khí chất hoàn toàn khác nhau, có thể có cùng một giá trị đạo đức – xã hội như nhau và ngược lại những người có cùng một khí chất như nhau có thể rất khác nhau về giá trị đạo đức – xã hội. Khí chất cũng không tiềm định những nét tính cách của con người, nhưng giữa khí chất và tính cách có mối liên hệ qua lại chặt chẽ với nhau. Khí chất cũng không tiềm định trình độ của những năng lực chung và năng lực riêng, cùng một kiểu khí chất có thể có những năng lực khác nhau. Những thuộc tính nào đó của khí chất có thể trong những hoàn cảnh này của hoạt động nghề nghiệp thì thúc đẩy sự thành công trong hoạt động đó, trong hoàn cảnh khác lại cản trở hoạt động ấy.

Tóm lại mỗi loại khí chất đều có những ưu và nhược của nó. Loại khí chất nào cũng cần cho một lĩnh vực hoạt động nào đó. Không có một mặt nào của nhân cách: xu hướng, tính cách, năng lực – lại do khí chất tiền định cả, nhưng các đặc điểm về động thái trong sự thể hiện của tất cả mọi thuộc tính nhân cách đều phụ thuộc vào khí chất trong một mức độ nhất định.

## II. SỰ BIỂU HIỆN KHÍ CHẤT RA BÊN NGOÀI CỦA MỘT SỐ NGƯỜI

### 1. Khí chất "nóng nảy"

Trong phép biện chứng tự nhiên, Ăngghen đã viết: "Thời Phục hưng cần đến các vĩ nhân và chính trong thời kì đó đã đẻ ra các vĩ nhân. Đó là những con người phát triển toàn diện, biết nhiều ngoại ngữ, nhiều khoa học, nhưng đó không phải là các nhà bác học lồng trong lồng kính. Họ sống một đời sống xã hội, chính trị căng thẳng và đấu tranh cho lẽ phải không phải bằng ngòi bút mà bằng cả gươm giáo nữa".

Thế kỉ XVI – XVII ở Nga, vĩ nhân Pie Đệ nhất – Một ông vua biết dùng búa rìu, biết đóng tàu thuỷ, biết khâu ủng, am hiểu nhiều lĩnh vực khoa học, biết mổ xẻ. Ông phục vụ trong quân đội thoạt đầu là một pháo thủ và trở thành đại tá, chỉ huy quân đội giỏi, nhảy múa giỏi, uống rượu tài và sẵn sàng tán gái vào các buổi tối rỗi rãi. Nhưng vì quá trình hưng phấn mạnh hơn ức chế nên Pie là con người nóng tính. Người bạn tốt nhất của Pie là bá tước Mensikốp lấy trộm trong ngân khố một số vàng đáng lẽ phải khuyên bảo bạn thì Pie đệ nhất cầm gậy nện cho Mensikhôp một trận..

### 2. Khí chất "hăng hái"

Có bộ óc mềm mỏng giao thiệp rộng rãi, yêu đời, thích trào phúng, hài hước, dễ thích nghi với hoàn cảnh khác nhau, Gagarin nhà du hành vũ trụ đầu tiên của thế giới có loại khí chất này. Anh thích những công việc sáng tạo, thích những việc gây hứng thú, nếu những công việc nào không gây hứng thú thì anh ta dễ rơi vào trạng thái buồn ngủ.

Chẳng hạn, sau chuyến bay đầu tiên vào vũ trụ, Gagarin vẫn tiếp tục học ở Viện hàng không và anh trở thành một học viên hấp dẫn tiêu biểu cho các thầy và các bạn bè cùng khoá. Nếu bài giảng hấp dẫn thì anh ta nghe và ghi rất chăm chú, còn nếu bài giảng buồn thì anh ta ngủ ngay trên bàn không chút ngượng ngùng. Khi được đánh thức, anh ta choàng dậy nở một nụ cười rất tươi và nói: "Thưa thầy em có ngủ đâu ạ, em đang rất chăm chú".

### 3. Khí chất "điềm tĩnh, bình thản"

Có hệ thần kinh mạnh mẽ, bệ vệ, nghiêm nghị, khó làm quen với mọi người, nhưng khi đã trở thành bạn thì trung thành suốt đời, rất khó làm cho anh ta mất bình tĩnh và bức xúc.

Chẳng hạn, Nicôlaép nhà du hành vũ trụ của Nga, khi con tàu vũ trụ rơi vào khí quyển và bắt đầu bốc cháy, nhưng anh ta vẫn bình tĩnh. Cutucốp nhà lãnh đạo quân sự trong chiến tranh với Napôlêông (1812) tạm rút ra ngoại ô Mạc Tư Khoa ba tháng sau lấy lại.

### 4. Khí chất "ưu tư" (Mêlangcôlê)

Gôgôn nhà văn Nga, Traicôpxki nhạc sĩ Nga. họ là những người rất nhạy cảm.

Trong số các nhà văn nổi tiếng của Liên Xô (cũ) có:

– Puskin có nét rõ rệt của khí chất kiểu linh hoạt.

– Gôgôn có khí chất ưu tư.

– Côrulốp có khí chất điềm tĩnh.

– I. Páplốp nhà sinh lí học tài ba của Nga tự nhận mình là khí chất điềm tĩnh.

– Hai vị tướng tài quân sự xếp trong 12 tướng tài của nhân loại, ở Nga có Xuvôrốp là người thuộc kiểu khí chất nóng. Phong cách tổ chức của ông là rất linh hoạt, kiên quyết, quyết liệt, nóng nảy, thô bạo, thẳng thắn trong khi phán đoán và đối xử. Trong lúc đó Kutuzốp lại có tính đằm (điềm tĩnh). Đặc điểm của vị tướng này là sự cân bằng không vội vã, tự kiềm chế trong những tình huống khó khăn. Tuy hai vị tướng với hai loại khí chất khác nhau nhưng cả hai người đều đạt đến đỉnh cao kiệt xuất trong sự nghiệp quân sự.

## III. NHỮNG ĐIỀU KÌ DIỆU VỀ KHÍ CHẤT CON NGƯỜI

### Bí mật của bàn tay

*Sắc thái của bàn tay nóng nảy*

– Bàn tay thường nhỏ, khô khan, dài, đôi khi cũng có hình tam giác với chu vi thật hiếm có, nếu không nói là nghịch thường nhiều nếp nhăn mềm mại, thường nhọn, với ngón út ngắn. Đường tâm đạo có nhiều chỉ nhỏ hoặc ngoằn ngoèo. Người nóng nảy là người thay đổi vô chừng. Điều chúng ta có thể xác nhận, người nóng nảy trong cuộc đời có nhiều thay đổi quan trọng. Người nóng nảy cũng là người bất nhất, thiếu chủ định. Lúc nào cũng muốn đổi nghề nghiệp, dời chỗ ở, thay các món trong nhà và cũng là người rất dễ li dị. Có thể nói trong 60% người li dị đều thuộc mẫu người nóng nảy. Tính tình tráo trở nhưng nhờ sự tráo trở này mà nhiều người gặt hái được nhiều kết quả đáng kể, cũng như nhiều hậu quả đáng ngại.

Người nóng nảy là người có một sức tưởng tượng mãnh liệt. Do đó rất dễ bị người lừa bịp hoặc tự mình lừa bịp mình bằng sự dối lòng. Thiếu thực tế về ái

tình cũng như thù oán, cá tính nóng nảy sẽ gây nhiều tai hại, lắm kẻ thù, nhưng lại lắm người yêu thầm nhớ trộm.

Chúng ta có thể tóm lược về cuộc đời của người nóng nảy là luôn luôn sôi động, trầm bổng bất thường.

**Sắc thái của bàn tay hay hờn giận**

Người này được thể hiện qua bàn tay hình chữ nhật hay vuông, trông có vẻ gầy nhưng thực ra rất nhiều thịt, thông thường là màu bánh ít, lòng bàn tay luôn luôn trũng. Chỉ tay thật rõ ràng đậm màu. Ngón dài, đầu bè, ngón cái thật dài với đường trí đạo dài và thẳng. Người hay hờn giận, trước hết là người nhiều tham vọng, ham đàn áp. Chúng ta có thể ước đoán người hay hờn giận sẽ vì cá tính này mà lắm lúc phải rời khỏi địa vị cũng như chỗ ở của mình, nhiều sức khoẻ, và để đi đến thành công.

Tuy nhiên, không phải lúc nào người hay hờn giận cũng gặt hái được hạnh phúc. Ngược lại, lắm lúc đi quá sâu vào cá tính người hay giận hờn thường gặp nhiều trở ngại bi đát. Nhất là những trí lực này xuất phát ngay trong hàng ngũ kẻ dưới tay.

Người hay hờn giận thích những cuộc hôn nhân bằng tiền, do đó có nhiều hậu quả xảy ra. Vì người này rất dễ để lại đau khổ cho người yêu mình hay người mình yêu.

Tóm lại, người hay hờn giận luôn luôn hoang phí sức lực bằng nhiều hình thức, tinh thần cũng như vật chất. Tuy nhiên, chúng ta ước đoán mẫu người này nhiều thành công to tát sáng chói, do thành quả của cá tính ham muốn mãnh liệt và sự xét đoán phi thường của họ.

***Sắc thái của bàn tay ngang ngạnh***

– Bàn tay rộng và ngắn. Dầy, nóng, ướt át, màu hồng và lưng bàn tay có nhiều lông.

– Gò kim tinh rắn rỏi.

– Ngón cái ngắn, chỉ tay hồng hào nhưng hơi ướt.

Người ngang ngạnh có thể liên tưởng đến những hậu quả tới tấp từ nhiều nơi đổ trút vào. Mẫu người này thường thiếu suy nghĩ bất cứ trên phương diện nào hay hoàn cảnh nào.

Đây là mẫu người ham hoạt động, hành động, sống động và xoay sở nhưng hầu như hành động ít thực tế và nhiều nông cạn. Do đó, cuộc đời của người

ngang ngạnh, thua kém so với cuộc đời của người nóng nảy và người hay hờn giận, một điều dễ hiểu là kém thực tài và thiếu độ lượng.

Bản tính người ngang ngạnh lúc nào cũng lạc quan, vui vẻ, nhân ái, vì lúc nào cũng nhìn cuộc đời bằng khía cạnh tốt đẹp. Mặc dù người ngang ngạnh không ưa thuận chiều mát mái mà thích tìm chuyện đâu đâu.

Người ngang ngạnh luôn luôn dễ nổi giận hay gây gổ với bạn bè, vợ con. Nhưng không hề giận lâu hay giận dai mà hay tìm cách an ủi và chấp nhận tất cả mọi sự an bài. Người ngang ngạnh hay kiêu hãnh nên dễ bị phỉnh nịnh, lừa gạt. Người ngang ngạnh hay chú trọng đến sự nể nang của mọi người và lúc nào cũng thích được ca ngợi tán tụng. Nhất là sung sướng đến tuyệt vời khi được cất nhắc. Không sợ sai lầm, không cần đến ngày mai, nên dễ tiêu xài phung phí, chơi bời vô kể, bất chấp hậu quả – vui thích là đáng kể hơn hết.

***Sắc thái của bàn tay lãnh đạm***

Người lãnh đạm được nhận định bằng lòng bàn tay thật dài, mềm mại, dầy, ướt át, sắc da trắng.

– Ngón ngắn, thiếu đều đặn, bóng nhớt, có thể bẻ ngược về phía sau dễ dàng. Chỉ tay tương đối ít, rộng và nhạt màu.

– Móng tay rộng, bụng bàn tay có nhiều đốm lấm tấm như tàn nhang.

– Người trầm mặc, lạnh lùng và kiên nhẫn.

– Người lãnh đạm là người có hậu, nghĩa là rất chung thuỷ.

Những sự thay đổi trong cuộc đời của người lãnh đạm nếu có cũng không quá đột ngột. Đúng ra đó là chiều hướng được chọn kĩ càng dễ đi lên. Người lãnh đạm có thể là người rất thông minh. Trong sự chèo lái cuộc đời, người lãnh đạm tỏ ra có ngăn nắp, có quy củ và tu chí.

Sống theo pháp luật, luật tục, biết phục thiện và chịu tranh đấu vất vả, chịu giúp ích, hay thi hành nghĩa cử nhưng rất sợ bị quấy rầy, nhất là về "chính trị" thì đây là một người "dốt" chính trị hay nói một cách khác "ngán chính trị".

Mặc dù vậy, người lãnh đạm là người chuộng tôn giáo, có thể là một tín đồ kiểu mẫu của tôn giáo.

Ít khi nghĩ đến việc li dị, thà chịu thiệt chứ không đủ can đảm để tiến tới việc chia li.

**Theo bác sĩ Sigana**

***Người nóng nảy (Sängglit)***

Luôn có vóc dáng gầy, khuôn mặt tam giác.

– Chịu ảnh hưởng hoàn toàn về bộ não, do đó vầng trán rộng và cao.

– Cằm nhọn, mũi két, môi mỏng, tai nhỏ.

– Mắt sâu, tròng đậm, có vẻ thật lạnh – da bánh mật, hơi tái nhạt.

Nhìn sâu vào gương mặt chúng ta bắt gặp vài điểm lệch lạc mất thăng bằng. Tuy nhiên vẻ hoạt động không ngừng tiềm ẩn trong sắc điệu của họ cho thấy sự buồn vui lẫn lộn, rất khó phân biệt. Nhất là dáng điệu nhanh nhẹn và tráo trở tự nhiên giúp chúng ta khám phá được toàn vẹn tính nóng của người. Về phương diện tâm lí, người nóng nảy rất nhạy cảm, dễ kích thích. Do đó, có những hành động phản ứng táo bạo đối với mọi trường hợp và mọi hoàn cảnh, bất chấp lẽ phải trái, nhất là đối với hành vi của chính mình. Mẫu người này còn tỏ ra mất lí trí nữa.

Người nóng nảy có trí thông minh khác thường cũng như có những ý tưởng kì lạ, và trong một hoàn cảnh nào đó họ nghiễm nhiên trở thành văn nhân hay hoạ sĩ, hoặc ít ra cũng là một sáng tạo trữ tình.

– Dễ bất mãn gia đình, dễ thoát li, theo đuổi một nếp sống sôi động ở bên ngoài.

– Tất cả đều đổi mới, phải theo đúng trào lưu bồng bột và gần như rất ích kỉ, vì luôn luôn lo ngại có kẻ chiếm đoạt địa vị hay chí hướng của mình. Luôn luôn khoa trương sự can đảm của mình để đàn áp người, nhưng nếu gặp phản ứng họ dễ bị lộ chân tướng là kẻ hèn nhát, hay thay đổi từ tính tình, cho đến hành động nếu khó ước đoán sự thành công hay thất bại. Chỉ có một con đường độc nhất hoàn cải được cá tính của mẫu người này là công việc: Phải say mê công việc, người nóng nảy mới quên mất bản tính của mình.

***Người hay hờn giận (Vôlê)***

– Có vóc dáng to, gân guốc, có vẻ chậm chạp.

– Mặt xương gẫy và vuông, hoặc hình chữ nhật. Trán rộng nhưng không bằng trán của người nóng nảy.

– Mắt sâu, đen, mày thưa, có những cái bị cắt, mũi quặp, môi mỏng, miệng to, cằm vuông và dài, hàm răng dưới to hơn hàm răng trên.

– Da màu vàng hơi sẫm, giọng nói rõ ràng, rộn ràng, có vẻ tự phụ. Đây là mẫu người quyết liệt hoạt động và cũng hiếu chiến.

– Thích đàn áp, chỉ huy và sai khiến.

Ngoài ra còn một đặc tính khác là tham vọng, nhưng không ngần ngừ chấp nhận hậu quả và cũng không bao giờ trốn tránh nhiệm vụ và rất hãnh diện khi nhận lãnh trách nhiệm. Dễ giận, gần như sẵn sàng hờn giận bất cứ hoàn cảnh nào.

Tuy nhiên như đã nói, đây là người hoạt động sốt sắng, nên rất thực tế và ngăn nắp, cũng như suy nghĩ chín chắn. Do cá tính vượt bậc, mẫu người này luôn luôn được tìm thấy ở những địa vị chỉ huy thuộc thượng cấp, quân sự hành chính, cũng như kĩ nghệ, khiêm nhường hơn trong thành phần xã hội. Chúng ta thường bắt gặp loại người này trong hàng ngũ nhân viên thuộc loại "cứng cổ".

***Người ngang ngạnh (Mêlăngvôte)***

– Có khuôn mặt to đậm, no đủ, quen gọi là mặt thịt.

– Trán trung bình, không cao không thấp.

– Mày vểnh ngược lên về phía đuôi. Mắt xanh lúc nào cũng tươi tắn.

– Mũi thẳng, có trường hợp gãy – nhưng chóp mũi nhọn.

– Miệng rộng, cằm tròn, tiếng nói rộn ràng và hay làm dáng.

– Tốt phước, sống hồn nhiên, sung túc, khoẻ mạnh.

– Tuy ngang ngạnh nhưng lúc nào cũng tỏ ra hiểu biết, nhân từ dễ mến, sống hoà mình với tất cả nhưng lúc nào cũng mềm mỏng.

– Dễ kích thích nhưng không kiên nhẫn nên khó chịu đựng trước nghịch cảnh.

– Rất tốt số, lúc nào tên tuổi cũng lẫy lừng, rất dễ gặt hái được thành công, nhất là nghề trung gian là người nông nổi.

***Người lãnh đạm (Điềm tĩnh Phơlếch)***

– Có vóc dáng nặng nề, phì nộn, các bắp thịt như phồng lên nhưng bệu.

– Khuôn mặt rộng, nhiều thịt, cằm đôi.

– Hàm răng dưới thật nảy nở như muốn đưa ra khỏi miệng.

– Mũi nhỏ, gẫy, mắt xanh, lồi ra, lúc nào cũng có màu sắc lạnh nhạt. Không biểu lộ một hình thức gì bằng đôi mắt, dù trước những trường hợp cấp bách.

– Môi thật dày, da màu trắng nhưng nhạt và có nhiều đốm nhỏ như tàn nhang.

– Cử chỉ rất mềm mỏng và chậm chạp.

– Người thờ ơ, thụ động, thiếu ý chí, lúc nào cũng có tính triền miên trong mộng, có tính háu ăn.

– Gần như hiền hậu và kiên nhẫn, rất ít có ngăn nắp và cụ thể.

# KẾT LUẬN

Khoa học tâm lí là lĩnh vực phức tạp về thế giới nội tâm của cá nhân con người. Đối tượng nghiên cứu của tâm lí là những quy luật về sự phát sinh, phát triển và biểu hiện hoạt động tâm lí của con người và về sự hình thành những đặc điểm tâm lí của nhân cách.

Trong điều kiện hoạt động tâm lí bình thường, hành vi của con người bao giờ cũng được quy định bởi những tác động của hiện thực khách quan. Trong khi phản ánh thế giới bên ngoài, con người không chỉ nhận thức các quy luật phát triển của tự nhiên và xã hội mà còn tạo ra những tác động vào các quy luật đó để lợi dụng thế giới xung quanh nhằm thoả mãn tới mức cao nhất những nhu cầu vật chất và tinh thần của mình.

Tất cả những biểu hiện kì diệu của tâm lí con người đều được quy định từ cuộc sống và hoạt động của con người. Con người với tư cách là một thực thể xã hội, là một cá nhân. Cái biểu hiện kì diệu tâm lí của con người chính là chức năng của bộ óc con người làm việc bình thường. Bộc óc là cơ sở vật chất của mọi hoạt động tâm lí của con người. Tâm lí luôn luôn có nội dung nhất định. Đó là hình ảnh chủ quan về thế giới khách quan. Vì thế cần xem xét tâm lí con người không phải chỉ trong quá trình mà còn phải xem xét trong ý nghĩa nội dung của nó.

Chủ nghĩa Mác chỉ ra rằng, bản chất con người là "tổng hoà của các mối quan hệ xã hội". Trong khi tiếp thu nội dung của nền văn hoá vật chất và tinh thần của xã hội đã được hình thành trong lịch sử và các quan hệ xã hội tồn tại khách quan. Điều này biểu hiện trong những hình thức hoạt động khác nhau, và sự kì diệu của các hiện tượng tâm lí con người cũng khác nhau trong từng lĩnh vực hoạt động.

Học thuyết duy vật về tâm lí ý thức – hình thức cao của phản ánh thế giới khách quan, được làm sáng tỏ trong các tác phẩm của V.I. Lênin. V.I. Lênin cho rằng, tính toàn diện của sự phản ánh và mức độ chính xác của nó được quy định bởi hoạt động thực tiễn của con người. Hoạt động này được phát triển và hoàn thiện trong quá trình phát triển của lịch sử xã hội loài người và chính hoạt động thực tiễn là tiêu chuẩn của chân lí. Những tác động bên ngoài luôn luôn bị khúc xạ thông qua những đặc điểm bên trong của con người: tri thức, kinh nghiệm cá nhân, nhu cầu, niềm tin, lí tưởng, ý chí, tình cảm..., đó là quan điểm quan trọng có tính nguyên tắc của học thuyết phản ánh của Lênin. Vì vậy, hoạt

động tâm lí của cá nhân xét về nội dung của nó luôn luôn là sự phản ánh chủ quan về thế giới khách quan.

Sự khác biệt cơ bản giữa tâm lí con người với tâm lí động vật chính là ở tính mục đích một cách có ý thức của những biểu hiện tâm lí xuất hiện cho hoạt động lao động, sự rèn luyện, ý chí... của con người. Hoạt động lao động dù được tiến hành dưới hình thức nào đều giữ vai trò chủ đạo nhất định trong cuộc sống con người. Vì lẽ rằng, sự tồn tại của con người, xã hội loài người trước hết phụ thuộc vào nó. Trong quá trình học tập, giao tiếp và lao động, con người nhận thức thế giới xung quanh: các quy luật phát triển của tự nhiên và xã hội, tiếp thu kinh nghiệm sống. Thể lực và trí lực của con người được tôi luyện, năng lực và năng khiếu được phát triển, những phẩm chất tâm lí vững chắc của cá nhân với tư cách người hoạt động và những nét tâm lí xã hội trong mỗi cá nhân được hình thành và phát triển. Đó cũng chính là cơ sở, điều kiện vững chắc làm cho tâm lí của con người trở nên kì diệu.

**NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM**

**Địa chỉ:** 136 Xuân Thuỷ, Cầu Giấy, Hà Nội
**Điện thoại:** 04.37547735 | **Fax:** 04.37547911
**Email:** hanhchinh@nxbdhsp.edu.vn | **Website:** www.nxbdhsp.edu.vn

***Chịu trách nhiệm xuất bản:***
Giám đốc: TS. NGUYỄN BÁ CƯỜNG

***Chịu trách nhiệm nội dung:***
Tổng biên tập: GS.TS. ĐỖ VIỆT HÙNG

***Biên tập nội dung:***
HÀ PHƯƠNG ANH

***Kĩ thuật vi tính:***
ĐÀO PHƯƠNG DUYẾN

***Trình bày bìa:***
PHẠM VIỆT QUANG

**NHỮNG ĐIỀU KÌ DIỆU VỀ TÂM LÍ CON NGƯỜI**

ISBN 978-604-54-2287-8

In 500 cuốn, khổ 17 x 24cm, tại Trung tâm NC&SX Học liệu – Trường ĐHSP Hà Nội.
Số xác nhận đăng kí xuất bản: 40-2016/CXBIPH/131-01/ĐHSP
Quyết định xuất bản số: 84/QĐ–NXBĐHSP ngày 12/1/2016
In xong và nộp lưu chiểu tháng Quý I năm 2016.

# • MỜI BẠN TÌM ĐỌC •

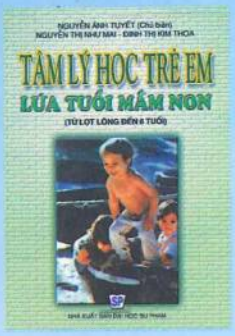


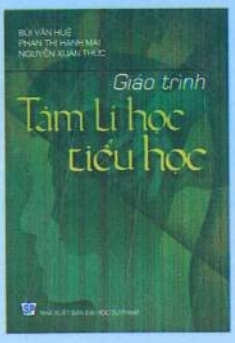


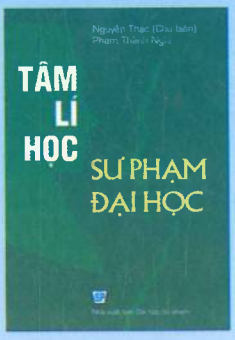

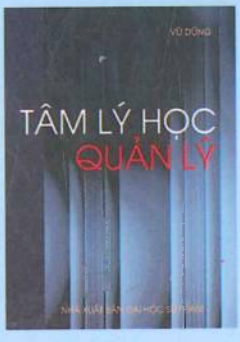


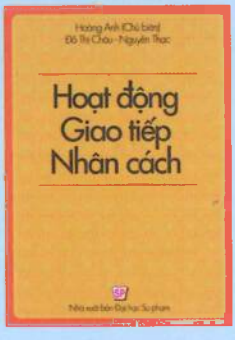

**NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM**

Địa chỉ: 136 Đường Xuân Thuỷ - Quận Cầu Giấy - Hà Nội
Điện thoại: 043.7547.735 | Fax: 043.7547.911
Email: hanhchinh@nxbdhsp.edu.vn | Website: http://nxbdhsp.edu.vn
PHÒNG KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG:
Điện thoại: 043.7549.202 | E-mail: kinhdoanh@nxbdhsp.edu.vn
TRUNG TÂM PHÁT HÀNH SÁCH VÀ GIỚI THIỆU SẢN PHẨM:
Điện thoại: 043.7547.708 | E-mail: sachsp@nxbdhsp.edu.vn

Những điều kì diệu v...
KM16.01061